BỘ TÀI CHÍNH

GIẢI ĐÁP NHỮNG VƯỚNG MẮC DÀNH CHO KẾ TOÁN GIAO DỊCH QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

LỜI NÓI ĐẦU

Để quản lý thống nhất nền kinh tế quốc gia, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước, củng cố kỷ luật tài chính, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn ngân sách Nhà nước và tài sản Nhà nước, tăng tích lũy nhằm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh. Chính vì vậy toàn bộ các khoản thu, chi ngân sách Nhà nước đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Trên cơ sở đó, Chính phủ và các Bộ, ban, ngành vừa qua đã ban hành nhiều các văn bản pháp luật đặc biệt các văn bản về lĩnh vực thu, chi ngân sách Nhà nước bao gồm: chi phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo đảm hoạt động của bộ máy Nhà nước... được quản lý thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp quản lý, gắn quyền hạn với trách nhiệm.

Để giúp các cơ quan, đơn vị nắm bắt và hiểu chi tiết các quy định của Nhà nước ban hành về lĩnh vực quản lý tài chính, kiểm soát các khoản chỉ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, Nhà xuất bản Tài chính giới thiệu, xuất bản cuốn sách: ***"Giải đáp những vướng mắc dành cho kế toán giao dịch qua Kho bạc Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện".***

Thời gian qua, sau khi cuốn sách phát hành lần một, trên cơ sở tiếp thu những ý kiến đóng góp của độc giả về nội dung cuốn sách cần chinh sửa, bổ sung thêm những nội dung cần thiết mang tính sát thực hơn đối với các đơn vị. Cuốn sách

"Giải đáp những vướng mắc dành cho kế toán giao dịch qua Kho bạc Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện". Được tái bản lại với hy vọng sẽ hoàn thiện hơn đáp ứng nhu cầu sử dụng của các quý cơ quan, đơn vị.

Đây là cuốn sách rất cần thiết đối với các cơ quan, đơn vị cho việc tra cứu và giải quyết được những vướng mắc quan trọng trong công việc hàng ngày. Nhà xuất bản Tài chính trân trọng giới thiệu cuốn sách tới bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu 3

PHẦN I
HỎI ĐÁP VỀ LĨNH VỰC KHO BẠC NHÀ NƯỚC 7

PHẦN II
HỎI ĐÁP VỀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP 135

PHẦN III
HỎI ĐÁP VỀ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP 206

PHẦN VI
HỎI ĐÁP VỀ TÀI CHÍNH HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP: 321

PHẦN V
HỎI ĐÁP VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 419

PHẦN I
HỎI ĐÁP VỀ LĨNH VỰC KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Câu hỏi 1:

Kính gửi quý bộ! Hiện nay đơn vị tôi đã quyết toán với Phòng Tài chính và nhận được công văn của Kho Bạc về việc nộp Báo cáo Tài chính NN. Tôi đã dùng công cụ tool phiên bản 1.0.14 để nhập Báo cáo sau đó kết xuất gửi Kho bạc. Nhưng Kho bạc báo về hệ thống tổng kế toán nhà nước thông báo là "Phiên bản mẫu biểu không hợp lệ". Vậy xin hỏi đơn vị tôi phải làm như thế nào để gửi được Báo cáo Tài chính NN mà không gặp phải lỗi trên ạ!

Trả lời:

Tại thời điểm đơn vị gửi Báo cáo cung cấp thông tin tài chính, Kho bạc Nhà nước (KBNN) đang cập nhật công thức báo cáo đầu vào năm 2020 trên Hệ thống Tổng Kế toán nhà nước. Do đó, đơn vị nhận được thông báo phản hồi "Phiên bản mẫu biểu không hợp lệ". Việc cập nhật này sẽ hoàn thành trước ngày 15/3/2021. Theo đó, từ ngày 15/3/2021, đơn vị thực hiện gửi lại Báo cáo cung cấp thông tin tài chính (báo cáo được kết xuất từ công cụ hỗ trợ chuyển đổi định dạng báo cáo Tool offline phiên bản 1.0.14) qua Cổng thông tin điện tử Hệ thống Kho bạc Nhà nước cho KBNN đồng cấp

Câu hỏi 2:

Tôi đang công tác tại 1 đơn vị sử dụng ngân sách cấp xã. Tôi có 1 vấn đề liên quan tới Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/1/2020, có hiệu lực từ ngày 16/3/2020. Hiện nay, đơn vị tôi chưa thực hiện trả lương qua tài khoản do đơn vị đóng trên địa bàn vùng đặc biệt khó khăn, xa trung tâm huyện, xa cây rút tiền ATM. Vì vậy khi thực hiện thanh toán tiền lương qua Kho bạc Nhà nước tôi xin hỏi 3 vấn đề còn thắc mắc như sau:

1. Đơn vị rút tiền mặt để thanh toán lương cho cán bộ, công chức của xã thực hiện lưu danh sách hay gửi bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng Mẫu 09 của Nghị định số 11/2020/NĐ-CP?

2. Cán bộ bán chuyên trách tại xã và tại thôn, bản có lưu danh sách hay gửi bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng Mẫu 09 của Nghị định số 11/2020/NĐ-CP?

3. Nếu việc thực hiện trả lương bằng tiền mặt ở 2 trường hợp trên bằng bảng thanh toán đối tượng thụ hưởng Mẫu 09 của Nghị định số 11/2020/NĐ-CP thì Kho bạc Nhà nước có phải ký xác nhận hay không?

Trả lời:

Căn cứ quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 7 Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực KBNN (Nghị định 11/2020/NĐ-CP); Mẫu Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng (mẫu số 09 ban hành kèm theo phụ lục II Nghị định 11/2020/NĐ-CP; Điểm a Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước (Thông tư số 62/2020/TT-BTC) thì:

- Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng áp dụng đối với các khoản chi sau: Chi lương và phụ cấp theo lương; tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng; tiền thu nhập tăng thêm; tiền thưởng; tiền phụ cấp và trợ cấp khác; tiền khoán, tiền học bổng (bao gồm cả chuyển khoản và tiền mặt); Đối tượng kê khai trên Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng là công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP, lao động thường xuyên theo hợp đồng thuộc đơn vị sử dụng ngân sách. KBNN kiểm soát và ký đóng dấu kế toán trên Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng (đối với trường hợp chuyển khoản).

- Các khoản chi thanh toán cá nhân khác không thuộc các khoản chi phải kê khai và đối tượng kê khai trên Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng nêu trên, đơn vị sử dụng ngân sách kê trên bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng ban hành kèm theo mẫu số 07 phụ lục II kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP (Trường hợp những khoản chi không có hợp đồng hoặc những khoản chi có hợp đồng với giá trị không quá 50 triệu đồng, song chứng từ chuyển tiền của đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước không thể hiện được hết nội dung chi).

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên:

- Trường hợp rút tiền mặt để thanh toán lương cho cán bộ, công chức xã đơn vị gửi: Chứng từ chuyển tiền; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (đối với trường hợp thanh toán tạm ứng); Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng theo mẫu số 09 ban hành kèm theo phụ lục II Nghị định 11/2020/NĐ-CP.

- Trường hợp thanh toán cho cán bộ bán chuyên trách tại xã và tại thôn, bản gửi đơn vị gửi: Chứng từ chuyển tiền; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (đối với trường hợp thanh toán tạm ứng); Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng ban hành kèm theo mẫu số 07 phụ lục II kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP.

- Trường hợp khoản chi bằng tiền mặt thực hiện kê khai trên Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng ban hành kèm theo mẫu số 09 phụ lục II Nghị định 11/2020/NĐ-CP, KBNN không ký xác nhận.

Câu hỏi 3:

Kính gửi Bộ Tài chính. Hiện tại tôi đang làm kế toan tôi có một câu hỏi xin được giải đáp giúp. Theo Nghị định 11/2020/NĐ-CP và Thông tư 62/2020/TT-BTC quy định khoản chi từ 50 triệu trở lên thì mới phải gửi hồ sơ chứng từ đến Kho bạc để kiểm soát. Vậy khi tôi thanh toán tiền tập huấn (gồm tiền công tác phí, đi đường, VPP, tài liệu ...), thanh toán tiền đi công tác (công tác phí,tiền ngủ, tàu xe ...) dưới 50 trđ thì có phải mang hồ sơ chứng từ đến KBNN để kiểm soát, thanh toán không? Thanh toán tạm ứng (ứng tiền mặt) những khoản chi dưới 50 trđ có phải mang hồ sơ, chứng từ đến KBNN để kiểm soát, thanh toán không? Xin hướng dẫn cách ghi Bảng kê chứng từ thanh toán cột định mức, đơn giá đối với những khoản chi nào?

Trả lời:

- Theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 7 Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực KBNN (Nghị định 11/2020/NĐ-CP) thì:

"c) Hồ sơ thanh toán (gửi theo từng lần đề nghị thanh toán), bao gồm: chứng từ chuyển tiền; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (đối với trường hợp thanh toán tạm ứng). Trường hợp những khoản chi không có hợp đồng hoặc những khoản chi có hợp đồng với giá trị không quá 50 triệu đồng, song chứng từ chuyển tiền của đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước không thể hiện được hết nội dung chi, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước gửi bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng.

Ngoài chứng từ chuyển tiền, đối với một số khoản chi cụ thể, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước gửi bổ sung:

Trường hợp chi thanh toán lương và phụ cấp theo lương, tiền công lao động thường xuyên theo Hợp đồng, thu nhập tăng thêm, tiền thưởng, tiền phụ cấp và trợ cấp khác, tiền khoán, tiền học bổng: Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng; văn bản xác định kết quả tiết kiệm chi theo năm (đối với chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức; đơn vị gửi chậm nhất trước ngày 31 tháng 01 năm sau).

..."

Như vậy, trường hợp độc giả đề nghị thanh toán tiền công tác phí dưới 50 triệu đồng và thanh toán tạm ứng (ứng tiền mặt) những khoản chi dưới 50 triệu đồng thì

đơn vị phải gửi đến KBNN các hồ sơ, chứng từ theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 7 Nghị định 11/2020/NĐ-CP nêu trên. Đơn vị không phải gửi các hóa đơn (xăng xe, phòng nghỉ...liên quan đến đi công tác) đến KBNN.

- Nghị định 11/2020/NĐ-CP và Thông tư 62/2020/TT-BTC không quy định khoản chi có giá trị bao nhiêu thì phải kê cột số lượng, định mức. Vì vậy, trường hợp có quy định định mức (mức chi) cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật, quy chế chi tiêu nội bộ, đơn vị sử dụng ngân sách kê khai số lượng, định mức (mức chi) theo đúng quy định đối với tất cả các khoản chi áp dụng bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng.

Câu hỏi 4:

1. Tại Tiết 2.8, Khoản 2, mục I Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27/11/2008 của Bộ tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước quy định: "Đối với chi đầu tư, chi chương trình mục tiêu và chi sự nghiệp kinh tế có tính chất đầu tư (sau đây gọi chung là chi đầu tư)..." Tuy nhiên, trong thông tư 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ tài chính Hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước lại không còn khái niệm "chi sự nghiệp kinh tế có tính chất đầu tư" nữa. Vậy, đối với các khoản chi từ nguồn kinh phí thường xuyên cho công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất có giá trị hợp đồng ở mức bao nhiêu thì mới thực hiện cam kết chi?

2. Tại điểm c, khoản 4, Điều 7 của Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước có nêu "...Trường hợp chi thanh toán lương và phụ cấp theo lương, tiền công lao động thường xuyên theo Hợp đồng, thu nhập tăng thêm, tiền thưởng, tiền phụ cấp và trợ cấp khác, tiền khoán, tiền học bổng....". Vậy các cụm từ "phụ cấp theo lương" và "tiền phụ cấp và trợ cấp khác" ở đây được hiểu theo quy định nào? tiền làm thêm giờ có phải là phụ cấp theo lương hay không?

Trả lời:

- Tại điểm a Khoản 7 Điều 6 Chương II Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước (Thông tư số 62/2020/TT-BTC) quy định:

"7. Đối với các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC:

a) Đối với công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên: Việc quản lý, kiểm soát tạm ứng, thanh toán vốn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTCngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn NSNN; Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2016/TT-BTC; Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTCvà Thông tư số 108/2016/TT-BTC; Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất (Thông tư số 92/2017/TT-BTC).

b) Đối với công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng: KBNN thực hiện kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC và Khoản 1 Điều này.

....."

Tại Khoản 4 và Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS) quy định:

"1.5.1. Hồ sơ cam kết chi thường xuyên:

Khi có nhu cầu cam kết chi, ngoài dự toán chi ngân sách nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước 1 lần vào đầu năm, đơn vị dự toán gửi Kho bạc Nhà nước các hồ sơ, tài liệu có liên quan như sau:

- Hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên (gửi lần đầu hoặc khi có điều chỉnh hợp đồng)...;

"1.6.1. Hồ sơ cam kết chi đầu tư:

Khi có nhu cầu cam kết chi, ngoài các hồ sơ, tài liệu gửi 1 lần và gửi hàng năm theo chế độ quy định, chủ đầu tư gửi Kho bạc Nhà nước các hồ sơ, tài liệu có liên quan như sau:

- Hợp đồng có giá trị từ 1.000 triệu đồng trở lên (gửi lần đầu khi đề nghị cam kết chi hoặc gửi khi có điều chỉnh hợp đồng)...;

Căn cứ theo quy định nêu trên:

Đối với các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên được thực hiện kiểm soát chi, kiểm soát cam kết chi như chi đầu tư, theo đó: Hợp đồng có giá trị từ từ 1.000 triệu đồng trở lên phải gửi cam kết chi.

Đối với các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên được thực hiện kiểm soát chi, kiểm soát cam kết chi như chi thường xuyên, theo đó: Hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên phải cam kết chi.

- Căn cứ quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 7 Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực KBNN; Mẫu Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng (mẫu số 09 ban hành kèm theo phụ lục II Nghị định 11/2020/NĐ-CP; Điểm a Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 62/2020/TT-BTC thì:

Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng áp dụng đối với các khoản chi sau: Chi lương và phụ cấp theo lương; tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng; tiền thu nhập tăng thêm; tiền thưởng; tiền phụ cấp và trợ cấp khác; tiền khoán, tiền học bổng.

Trong đó: Phụ cấp theo lương (cột 5) là các khoản phụ cấp lương theo mục 6100- mục lục ngân sách hiện hành, có bao gồm mục 6105 (tiền làm đêm; làm thêm giờ). Tiền phụ cấp và trợ cấp khác (cột 9) là các khoản theo định mức cụ thể được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật hoặc quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị (không bao gồm phụ cấp theo lương như đã nêu ở trên).

Câu hỏi 5:

Quy định về thời gian gởi cam kết chi đầu tư của các dự án sử dụng vốn NSNN qua Kho bạc Nhà nước. Hiện tại KBNN đang thực hiện kiểm soát chi theo Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về viêc Quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực KBNN. Tại Điều 6 của NĐ 11/2020 về Thủ tục kiểm soát cam kết chi qua KBNN thì không quy định thời gian gửi cam kết chi đầu tư qua KBNN (TT số 62/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính thì chỉ hướng dẫn kiểm soát chi thường xuyên). Như vậy đơn vị sử dụng ngân sách

gửi cam kết chi đầu tư theo thời gian nào cho đúng quy định. KBNN có được phạt vi phạm hành chánh về thời gian gửi cam kết chi đầu tư không?

Trả lời:

1. Về thời gian đơn vị sử dụng ngân sách gửi cam kết chi đầu tư xây dựng cơ bản đến KBNN:

- Tại khoản 2, Điều 1 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước quy định: "*1.1. Thời hạn gửi và chấp thuận cam kết chi:*

+ Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ khi hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa đơn vị dự toán, chủ đầu tư với nhà cung, cấp hàng hóa, dịch vụ, nhà thầu có hiệu lực, đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư phải gửi hợp đồng kèm theo đề nghị cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. Trường hợp, hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ không quy định ngày có hiệu lực thì thời hạn nêu trên được tính từ ngày ký hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ.

+ Đối với hợp đồng nhiều năm, kể từ năm thứ 2 trở đi, trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc (kể từ ngày đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư nhận được văn bản giao dự toán của cơ quan có thẩm quyền), đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư phải gửi đề nghị cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

Trường hợp cấp có thẩm quyền phân bổ và giao dự toán ngân sách (hoặc kế hoạch vốn) trong tháng 12 năm trước, thì thời hạn gửi đề nghị cam kết chi đối với cả hai trường hợp nói trên được tính từ ngày 01 tháng 01 năm sau.

+ Đối với các hợp đồng được bổ sung hoặc Điều chỉnh dự toán trong năm của cấp có thẩm quyền, trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc (kể từ ngày đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư nhận được văn bản bổ sung hoặc Điều chỉnh dự toán của cơ quan có thẩm quyền), đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư phải gửi đề nghị cam kết chi (bổ sung hoặc Điều chỉnh) đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

+ Trường hợp đơn vị bổ sung hoặc Điều chỉnh giá trị hợp đồng đã ký thì trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng Điều chỉnh có hiệu lực hoặc kể từ ngày ký hợp đồng Điều chỉnh (trường hợp, hợp đồng Điều chỉnh không quy định ngày có hiệu lực), đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư phải gửi đề nghị cam kết chi (bổ sung hoặc Điều chỉnh) đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch."

- Tại khoản 3, Điều 1 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 113/2008/TT-BTC quy định:"*Tiết 1.4.3 Điểm 1.4 Khoản 1 Mục IIđược sửa đổi như sau:*

"1.4.3. Đề nghị cam kết chi năm ngân sách hiện hành của đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư phải gửi đến Kho bạc Nhà nước chậm nhất đến trước ngày 25/01 năm sau (trừ cam kết chi dự toán ứng trước của các Khoản kinh phí thường xuyên)".

Về đối tượng thực hiện và thời gian thực hiện cam kết chi được thực hiện theo Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 113/2008/TT-BTC nêu trên. Tại Điều 6 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định thủ tục hành chính cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước mà không quy định về thời gian gửi cam kết chi đầu tư đến Kho bạc Nhà nước.

Đề nghị đơn vị sử dụng ngân sách nghiên cứu thực hiện quy định về thời gian gửi đề nghị cam kết chi đầu tư đến KBNN nơi giao dịch theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

2. Về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với thời gian gửi cam kết chi:

Căn cứ tại Điều 62, Điều 63, Điều 64 Mục 3, Chương V Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm; chống lãng phí; Dự trữ quốc gia; Kho bạc Nhà nước. Theo đó, KBNN có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chậm quá thời hạn quy định đối với các khoản chi thuộc phạm vi phải thực hiện cam kết chi.

Câu hỏi 6:

Hiện tôi đang công tác tại Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình giải ngân vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại kho bạc đang vướng như sau: - Trong hợp đồng chi phí tư vấn thiết kế bản vẽ thi công. có thỏa thuận trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu tạm giữ lại 10% chi phí giám sát tác giả và giữ lại trong tài khoản mở tại ngân hàng Nông nghiệp. - Trong hợp đồng xây lắp giữa chủ đầu tư và nhà thầu. có thỏa thuận mỗi lần thanh toán giữ lại 10%. và giữ lại trong tài khoản mở tại ngân hàng Nông nghiệp. Sau khi công trình bàn giao

đưa vào sử dụng 5% thanh toán cho nhà thầu và 5% bảo hành công trình. Hiện tại kho bạc nhà nước Lâm Đồng yêu cầu chủ đầu tư mở tài khoản tiền gửi 3751 và chuyển vào tài khoản 3751 để quản lý theo dõi số tiền tạm giữ lại của chủ đầu tư (theo văn bản số 4025/KBNN-KSCngày 17/8/2018 của kho bạc nhà nước về việc hướng dẫn thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ tài chính) không cho chuyển vào tài khoản giữ lại tại ngân hàng như đã thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Như vậy yêu cầu kho bạc nhà nước Lâm Đồng đúng hay sai? Kính mong Bộ Tài chính giải đáp để đơn vị thực hiện các bước tiếp theo.

Trả lời:

- Tại Điều 8, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định thành phần hồ sơ pháp lý của dự án (gửi lần đầu khi giao dịch với Kho bạc Nhà nước hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung) bao gồm*Hợp đồng, hồ sơ tạm ứng và hồ sơ thanh toán*

- Tại gạch đầu dòng thứ 2, Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính, quy định:

"Để phục vụ công tác quyết toán công trình, trường hợp giữa chủ đầu tư và nhà thầu có thỏa thuận trong hợp đồng về việc tạm giữ chưa thanh toán cho nhà thầu một khoản tiền nhất định hoặc một tỷ lệ nhất định so với khối lượng hoàn thành và thỏa thuận về việc chuyển khoản tiền nêu trên vào tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư mở tại Kho bạc Nhà nước thì việc thanh toán được thực hiện theo quy định của hợp đồng. Chủ đầu tư và nhà thầu chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý hợp đồng xây dựng"

- Tại Tiết a, Khoản 3, Điều 9, Mục 2, Chương II, Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, theo đó quy định:

*" Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, **các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng**, văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ (đối với trường hợp tự thực hiện dự án), số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán và giá trị từng lần*

thanh toán để thanh toán cho chủ đầu tư. Trong quá trình thanh toán, trường hợp phát hiện sai sót trong hồ sơ đề nghị thanh toán, cơ quan thanh toán vốn đầu tư thông báo bằng văn bản để chủ đầu tư bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ".

- Theo quy định tại Tiết đ, Khoản 2, Điều 10 Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng thì chi phí giám sát tác giả đối với tư vấn thiết kế xây dựng công trình là một nội dung của giá hợp đồng tu vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tư vấn thiết kế xây dựng công trình và tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.

Từ các quy định nêu trên, thì chi phí giữ lại (10% chi phí giám sát tác giả thuộc hợp đồng tư vấn thiết kế bản vẽ thi công) không thuộc đối tượng tạm giữ trong tài khoản của Chủ đầu tư mở tại Kho bạc Nhà nước để phục vụ công tác quyết toán công trình như quy định tại gạch đầu dòng thứ 2, Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ Tài chính. Các chi phí này được giữ lại trong tài khoản mở tại Ngân hàng Nông nghiệp là thỏa thuận được quy định trong hợp đồng giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, không bắt buộc phải mở tài khoản tại KBNN

Câu hỏi 7:

Tôi hiện công tác tại KBNN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tại Khoản 3, Điều 7, Thông tư 62/2020/TT-BTC có nội dung quy định như sau: "Điều 7. Tạm ứng và thanh toán tạm ứng 3. Thanh toán tạm ứng: Đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện thanh toán tạm ứng với KBNN nơi giao dịch ngay sau khi khoản chi tạm ứng đã hoàn thành có đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán; cụ thể như sau: a) Đối với các khoản chi không có hợp đồng hoặc khoản chi không phải gửi Hợp đồng đến KBNN, đơn vị sử dụng ngân sách phải thanh toán tạm ứng chậm nhất với KBNN vào ngày cuối cùng tháng kế tiếp tháng tạm ứng (trừ khoản chi trợ cấp, phụ cấp theo quy định tại Thông tư 101/2018/TT-BTC và Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH)". Tôi xin Bộ Tài chính giải thích dùm: Vấn đề thứ nhất là về nội dung: "Đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện thanh toán tạm ứng với KBNN nơi giao dịch ngay sau khi khoản chi tạm ứng đã hoàn thành có đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán" được hiểu là đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán của toàn bộ khoản chi tạm ứng hay là đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán của một phần của khoản chi tạm ứng thì mới thực hiện thanh toán tạm ứng với KBNN? Ví dụ: Tôi tạm ứng số tiền 60 triệu vào tháng 7/2020, nhưng đến tháng 9/2020 tôi đã tiếp khách 10 triệu (hóa đơn xuất vào ngày 15/9/2020). Vậy tôi sẽ

phải lập thủ tục thanh toán tạm ứng 10 triệu ngay hay chờ cho đến khi có đầy đủ hóa đơn chứng từ của 60 triệu tiền tạm ứng mới lập thủ tục thanh toán tạm ứng với KBNN? Vấn đề thứ 2 là về nội dung: a) Đối với các khoản chi không có hợp đồng hoặc khoản chi không phải gửi Hợp đồng đến KBNN, đơn vị sử dụng ngân sách phải thanh toán tạm ứng chậm nhất với KBNN vào ngày cuối cùng tháng kế tiếp tháng tạm ứng (trừ khoản chi trợ cấp, phụ cấp theo quy định tại Thông tư 101/2018/TT-BTC và Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH)". Phần tô đậm được hiểu là kể từ ngày tạm ứng từ Kho bạc thì đơn vị phải thanh toán tạm ứng ngay cho Kho bạc vào ngày cuối cùng của tháng kế tiếp. Hiểu như vậy có đúng không? Xin Bộ Tài chính giải đáp dùm tôi.

Trả lời:

Theo quy định tại Tiết a và gạch đầu dòng thứ nhất của Tiết c Khoản 3 Điều 7 Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước:

"3. Thanh toán tạm ứng: Đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện thanh toán tạm ứng với KBNN nơi giao dịch ngay sau khi khoản chi tạm ứng đã hoàn thành có đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán; cụ thể như sau:

a) Đối với các khoản chi không có hợp đồng hoặc khoản chi không phải gửi hợp đồng đến KBNN, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước phải thanh toán tạm ứng chậm nhất với KBNN vào ngày cuối cùng tháng kế tiếp tháng tạm ứng (trừ khoản chi trợ cấp, phụ cấp theo quy định tại Thông tư 101/2018/TT-BTC và Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH).

c)....

- Trường hợp đủ điều kiện quy định, KBNN thực hiện thanh toán tạm ứng cho đơn vị sử dụng ngân sách, cụ thể:

+ Nếu số tiền đề nghị thanh toán lớn hơn số đã tạm ứng: Căn cứ vào Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng của đơn vị (đã được KBNN kiểm soát và chấp nhận thanh toán), KBNN làm thủ tục chuyển từ tạm ứng sang thanh toán (số tiền đã tạm ứng); đồng thời, đơn vị lập thêm giấy rút dự toán NSNN/Ủy nhiệm chi gửi KBNN để thanh toán cho đơn vị số chênh lệch giữa số tiền KBNN chấp nhận thanh toán và số tiền đã tạm ứng.

+ Nếu số tiền đề nghị thanh toán nhỏ hơn số tiền đã tạm ứng: căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán tạm ứng của đơn vị (đã được KBNN kiểm soát và chấp nhận thanh toán), KBNN làm thủ tục chuyển từ tạm ứng sang thanh toán (bằng số tiền KBNN

chấp nhận thanh toán tạm ứng), số tiền chênh lệch sẽ được theo dõi để thu hồi hoặc thanh toán vào lần thanh toán sau.

+ Nếu số tiền đề nghị thanh toán bằng số tiền đã tạm ứng: căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán tạm ứng của đơn vị (đã được KBNN kiểm soát và chấp nhận thanh toán), KBNN làm thủ tục chuyển từ tạm ứng sang thanh toán (bằng số tiền KBNN chấp nhận thanh toán tạm ứng)."

Theo quy định trên, chậm nhất vào ngày cuối cùng tháng kế tiếp tháng tạm ứng, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước phải thực hiện thanh toán tạm ứng với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch toàn bộ khoản chi đã tạm ứng tháng trước đó. Nếu số tiền đề nghị thanh toán nhỏ hơn số tiền đã tạm ứng, số tiền chưa thanh toán tạm ứng sẽ được theo dõi để thu hồi tạm ứng nộp vào ngân sách nhà nước.

Ví dụ: Tháng 7/2020, đơn vị sử dụng ngân sách đã đề nghị KBNN tạm ứng số tiền 60 triệu đồng thì chậm nhất đến ngày 31/8/2020 đơn vị phải lập hồ sơ đề nghị KBNN thanh toán tạm ứng toàn bộ số tiền đó. Trong trường hợp, đến ngày 31/8/2020, đơn vị mới chi 10 triệu đồng và khoản chi này có hồ sơ chứng từ đủ điều kiện thanh toán thì đơn vị sử dụng ngân sách lập chứng từ đề nghị KBNN đồng thời thanh toán tạm ứng khoản chi 10 triệu đồng và thu hồi số dư tạm ứng 50 triệu đồng chưa chi.

Như vậy, đơn vị sử dụng ngân sách không được chờ đến khi đủ hóa đơn chứng từ của khoản tiền đã tạm ứng mới mang ra KBNN đề nghị thanh toán tạm ứng. Đơn vị phải lập hồ sơ thanh toán tạm ứng (đối với các khoản chi đã đủ điều kiện thanh toán) và hồ sơ thu hồi (đối với số dư tạm ứng chưa chi) gửi ra KBNN chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng kế tiếp tháng đã tạm ứng như quy định của Thông tư 62/2020/TT-BTC ngày 22/06/2020 của Bộ Tài chính.

Câu hỏi 8:

Tôi hiện đang công tác tại một đơn vị hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Tôi có một thắc mắc kính mong Bộ Tài chính giải đáp. Tại khoản 6, Điều 6 Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/2/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu chi qua hệ thống Kho bạc Nhà nước Quy định nội dung chi tiền mặt "Các khoản chi của đơn vị giao dịch có giá trị nhỏ không vượt quá 5 triệu đồng đối với một khoản chi; các khoản chi cho các đoàn công tác, chi hỗ trợ thôn bản ở các xã và các khoản chi khác cho các đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ không có tài khoản tại ngân hàng, trừ những khoản chi cho những công việc cần phải thực hiện đấu thầu theo chế độ quy định" . Tuy nhiên khi tôi thực

hiện rút tiền qua hệ thống Kho bạc nhà nước đối với khoản chi có giá trị dưới 5 triệu đồng (có hóa đơn giá trị gia tăng thì Kho bạc Nhà nước từ chối giao dịch với lý do Hóa đơn dưới 5 triệu nhưng đơn vị bán hàng có tài khoản tại Ngân hàng thì bắt buộc chuyển khoản (mà theo tôi được biết thì khi đơn vị bán hàng có hóa đơn giá trị giá tăng đều có tài khoản tại Ngân hàng). Vậy kính mong Bộ Tài chính giải đáp nội dung" Các khoản chi dưới 5 triệu có hóa đơn giá trị gia tăng có thể thực hiện rút tiền mặt qua Hệ thống Kho bạc không ". Kính mong nhận được sự giải đáp của Bộ Tài chính. Tôi xin chân thành cảm ơn.

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 6, Điều 6 Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/2/2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý thu chi qua hệ thống Kho bạc Nhà nước quy định: "Các khoản chi của đơn vị giao dịch có giá trị nhỏ không vượt quá 5 triệu đồng đối với một khoản chi; các khoản chi cho các đoàn công tác, chi hỗ trợ thôn bản ở các xã và các khoản chi khác cho các đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ không có tài khoản tại ngân hàng, trừ những khoản chi cho những công việc cần phải thực hiện đấu thầu theo chế độ quy định"..

Như vậy, theo quy định nêu trên thì đối với các khoản chi của đơn vị giao dịch có giá trị nhỏ không vượt quá 5 triệu đồng đối với một khoản chi thì các đơn vị giao dịch được phép thực hiện thanh toán bằng hình thức dùng tiền mặt.

Câu hỏi 9:

Tôi là kế toán đơn vị HCSN. Hiện nay chúng tôi nhận được quyết định về cắt giảm 10% tiết kiệm KP chi thường xuyên. Phần dự toán này đã được giao từ đầu năm, và nay Kb làm thủ tục giữ lại tại Kb. KB yêu cầu khi lên đối chiếu thể hiện nguồn 28 - dự toán bị giữ lại, và số dự toán bị giữ lại này chỉ lên ở cột số 3, 4, 10, không lên cột số 5. Tuy nhiên theo hướng dẫn của TT 18/2020/TT-BTC, thì cột số 5 = cột số 1 + cột số 4. Vậy hướng dẫn trên của KB có đúng không ạ? Nếu hướng dẫn của KB là đúng thì theo tôi, cột số 5 = cột số 1 + cột số 4 - cột số 10! Kính mong Bộ Tài chính sớm giải đáp để tôi làm đối chiếu gửi KB!

Trả lời:

Hàng quý, năm các đơn vị Hành chính sự nghiệp lập bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước (theo mẫu số 01a-SDKP/ĐVDT quy định tại Điều 14 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực

KBNN).Năm 2020, các đơn vị thực hiện tiết kiệm thêm10% 6 tháng cuối năm theo công văn số 8281/BTC-HCSN ngày 08/7/2020 của Bộ Tài chính về việc xác định số cắt giảm, tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên 6 tháng cuối năm 2020, trong đó quy định KBNN nơi giao dịch hạch toán giảm dự toán chi NSNN năm 2020 của các đơn vị sử dụng ngân sách theo dõi tại mã nguồn 28 (Dự toán giữ lại), theo đó KBNN hướng dẫn việc lập đối chiếu của các đơn vị cụ thể như sau:

Trong kỳ đối chiếu (quý, năm), đối với các nguồn có thay đổi (tăng/giảm) trong kỳ (thể hiện số liệu trên cột 3 và cột 4), đơn vị HCSN thực hiện theo quy định hiện hành.

- Đối với số liệu tiết kiệm được KBNN nơi giao dịch giữ lại tại nguồn 28 (Dự toán giữ lại), đơn vị HCSN phản ánh số liệu chi tiết của mã nguồn tại cột số 3, 4 và cột 5 (hình ảnh minh họa), không thể hiện tại cột 10 (Cột Dự toán giữ lại), do đó, tổng Cột 5 (Dự toán được sử dụng trong năm) vẫn thể hiện được tổng số dự toán được giao của đơn vị, tuy nhiên không chi vượt được dự toán do đã được giữ lại tại nguồn 28.

Câu số 10:

Tôi đang công tác tại bộ phận Tài vụ của Trung tâm PTQĐ và Quản lý các dự án ĐTXD huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam. Qua một thời gian thực hiện theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ; tại dòng thứ nhất, Khoản 6, Điều 7 (Thủ tục kiểm soát thanh toán các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên…); Thành phần hồ sơ đối với các công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định này. Theo đó, tại Điểm a, Khoản 6, Điều 8, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ; có quy định cụ thể: "Đối với thanh toán khối lượng công việc hoàn thành (bao gồm cả các công việc thực hiện thông qua hợp đồng và không thông qua hợp đồng), hồ sơ bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; chứng từ chuyển tiền; ….." Câu hỏi: Qua đó, Tôi xin được hỏi Bộ Tài chính 02 câu hỏi như sau: 1. Chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên là chi phí của Tổng mức đầu tư một công trình hay là chi phí của một lần thanh toán/tạm ứng? 2. Đơn vị thực hiện công trình được bố trí vốn là chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên (sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây mới...; không mở mã số dự án); có tổng mức đầu tư trên 500 triệu đồng và phải thực hiện thủ tục thanh toán kiểm soát qua Kho bạc nhà nước theo Điểm a, Khoản 6, Điều 8, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ; Vậy chứng từ chuyển tiền ở trường hợp này được sử dụng là Giấy rút vốn đầu tư - Mẫu số 16b1 hay Giấy rút dự toán ngân sách Nhà nước -

mẫu số 16a1? Huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam là vùng KT-XH đặc biệt khó khăn - việc giao dịch với đơn vị KBNN tại địa phương luôn có sự chia sẽ, trao đổi. Tuy nhiên, để được tiếp cận, hiểu và thực hiện một cách chính xác, và đúng theo tinh thần Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ.

Trả lời:

1. Tại Khoản 6, Điều 7 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước quy định:

"*Thành phần hồ sơ đối với các khoản chi thực hiện các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất:*

Do vậy, căn cứ quy định nêu trên chi phí được thực hiện đối với công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên là chi phí của tổng mức đầu tư của công trình.

Đối với các công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên: Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định này."

2. Căn cứ tiết a Khoản 6, Điều 8Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ thì một trong những thành phần hồ sơ gửi KBNN làm căn cứ kiểm soát chi là chứng từ chuyển tiền và chứng từ chuyển tiền này được thực hiện theo Mẫu số 16a1- Giấy rút dự toán Ngân sách Nhà nước ban hành kèm theoNghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

Câu hỏi 11:

Tôi đang công tác tại đơn vị sử dụng Ngân sách Nhà nước, cần hỏi nội dung sau: đơn vị tôi gửi hồ sơ thanh toán khoản chi đóng, hộ trợ tiền đóng tiền bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 10 năm 2014, đơn vị tôi trực tiếp thanh toán cho đối tượng thụ hưởng cụ thể: Giấy rút dự toán chuyển khoản về tài khoản của đơn vị Bảo hiểm xã hội huyện, phương thức chi trả "thực chi", tuy nhiên Kho bạc huyện lại yêu cầu phải thực hiện Tạm ứng, sự việc này chúng tôi thấy chưa hợp lý. Vậy tôi xin hỏi, Thực chi đúng ? hay Tạm ứng đúng? với chế độ quy định ? Trân trọng cảm ơn!

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 10 Điều 6 Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước:

"10. Đối với chi trợ cấp, phụ cấp theo quy định tại Thông tư 101/2018/TT-BTC và Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 10 năm 2014:

a) Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách trực tiếp thanh toán cho đối tượng thụ hưởng

- Hàng tháng, đơn vị sử dụng ngân sách lập Giấy rút dự toán (tạm ứng) gửi KBNN, KBNN thực hiện tạm ứng trên cơ sở đề nghị của đơn vị.

Sau khi chi trả cho đối tượng thụ hưởng, đơn vị sử dụng ngân sách lập Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng để đề nghị thanh toán tạm ứng với KBNN. KBNN căn cứ Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng và Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng do đơn vị gửi, thực hiện kiểm soát, thanh toán theo quy định tại Khoản 1 Điều này và theo đúng định mức quy định tại Thông tư 101/2018/TT-BTC và Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động thương binh và xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH).

b) Trường hợp thông qua tổ chức dịch vụ thanh toán.

- Hàng tháng, đơn vị sử dụng ngân sách lập Giấy rút dự toán (tạm ứng); Bảng kê chứng từ thanh toán/tạm ứng; Hợp đồng giữa đơn vị sử dụng ngân sách và tổ chức dịch vụ thanh toán gửi KBNN.

- Căn cứ đề nghị của đơn vị, KBNN thực hiện kiểm soát theo quy định tại Khoản 1 Điều này và theo đúng định mức quy định tại Thông tư 101/2018/TT-BTC, Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH; thực hiện tạm ứng từ Tài khoản dự toán của đơn vị sử dụng ngân sách sang tài khoản của tổ chức dịch vụ chi trả theo đúng quy định tại hợp đồng dịch vụ giữa hai bên.

- Trường hợp Tổ chức dịch vụ chi trả mở TKTG tại KBNN, khi rút kinh phí từ TKTG mở tại KBNN để thanh toán cho đối tượng thụ hưởng: KBNN kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của Ủy nhiệm chi, trong phạm vi số dư TKTG.

- Hàng tháng, đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm quyết toán với Tổ chức dịch vụ chi trả về số tiền đã tạm ứng tại KBNN, đồng thời gửi KBNN Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng và Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng, Bảng kê kinh phí đã chi trả cho đối tượng theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định 11/2020/NĐ-CP để KBNN kiểm soát, thanh toán tạm ứng theo quy định.

c) Đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm quản lý nguồn kinh phí thực hiện và tổ chức thực hiện chi trả kịp thời, đúng chế độ, đúng đối tượng theo quy định."

Căn cứ vào quy định nêu trên, Kho bạc Nhà nước huyện yêu cầu phải thực hiện phương thức chi trả tạm ứng là đúng, sau khi chi trả cho đối tượng thụ hưởng, đơn vị sử dụng ngân sách lập Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng để đề nghị thanh toán tạm ứng với KBNN; Đề nghị độc giả thực hiện theo đúng quy định của Thông tư:

Câu hỏi 12:

Tôi có một vấn đề về cam kết chi, muốn BTC giải đáp như sau: Theo khoản 1, Điều 1, Thông tư 40/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 quy định: Tất cả các Khoản chi của ngân sách nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao dự toán đối với chi thường xuyên hoặc giao kế hoạch vốn đối với chi đầu tư (gồm cả dự toán ứng trước), có hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ theo chế độ quy định và có giá trị hợp đồng từ 200 triệu đồng, trở lên đối với các Khoản chi thường xuyên hoặc từ 1.000 triệu đồng trở lên trong chi đầu tư xây dựng cơ bản thì phải được quản lý, kiểm soát cam kết chi qua Kho bạc Nhà nước. Theo khoản 6, Điều 7, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 quy định đối với công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên thủ tục kiểm soát như thanh toán vốn đầu tư. Khi tôi thực hiện thanh toán tại Kho bạc, Kho bạc xác định i công trình chi từ nguồn sự nghiệp có tính chất đầu tư, có tổng chi phí thực hiện trên 500 triệu đồng, hợp đồng mua bán dưới 1 tỷ đồng không phải thực hiện cam kết chi. Kho bạc xác định như vậy có đúng không, nhờ BTC trả lời giúp.

Trả lời:

Tại điểm a Khoản 7 Điều 6 Chương II Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính quy định:

"7. Đối với các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC:

a. Đối với công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên: Việc quản lý, kiểm soát tạm ứng, thanh toán vốn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTCngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn

vốn NSNN; Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2016/TT-BTC; Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTCvà Thông tư số 108/2016/TT-BTC; Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất (Thông tư số 92/2017/TT-BTC).

.....”

Căn cứ theo quy định nêu trên, đối với các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên được thực hiện kiểm soát chi, kiểm soát cam kết chi như chi đầu tư.

Câu hỏi 13:

Tôi đang làm kế toán đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh. Tôi xin hỏi Bộ Tài chính nội dung sau: 1. Theo Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị tại Khoản 7 Điều 11 có quy định "Trong trường hợp phải tổ chức ăn tập trung, cơ quan, đơn vị tổ chức hội nghị được chi bù thêm phần chênh lệch giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp". Đối với trường hợp đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp không có chế độ phụ cấp lưu thì có được chi bù chênh lệch tiền ăn không? 2. Đơn vị tổ chức hội nghị có mua hoa để bàn và hoa để trên bục phát biểu với giá trị trên 500 nghìn có cần phải có Hóa đơn tài chính không?

Trả lời:

1. Tại Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 củ Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trong đó quy định mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau:

“*a) Cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương: 200.000 đồng/ngày/người;*

b) Cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành, nội thị của thành phố trực thuộc tỉnh; tại các huyện, thị xã thuộc tỉnh: 150.000 đồng/ngày/người;

c) Riêng cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức): 100.000 đồng/ngày/người”.

2. Tại khoản 5 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC cũng quy định: "*Chi bù thêm phần chênh lệch giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp:*

Trong trường hợp phải tổ chức ăn tập trung, mức khoán tại khoản 4 Điều này không đủ chi phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị căn cứ tính chất từng cuộc họp và trong phạm vi nguồn ngân sách được giao quyết định mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp cao hơn mức khoán bằng tiền tại khoản 4 Điều này, nhưng tối đa không vượt quá 130% mức khoán bằng tiền nêu trên; đồng thời thực hiện thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức tối đa bằng mức phụ cấp lưu trú quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị và được phép chi bù thêm phần chênh lệch (giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu này)".

2. Quy định về hóa đơn, chứng từ thanh toán: Tại Điều 13 Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định:

"*1. Văn bản, kế hoạch tổ chức hội nghị được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.*

2. Hóa đơn, chứng từ hợp pháp và bảng kê thanh toán đối với các khoản chi bằng tiền cho người tham dự hội nghị theo quy định tại Thông tư này (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành về hóa đơn, chứng từ thanh toán".

Theo quy định nêu trên, đơn vị tổ chức hội nghị chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp. Hóa đơn, chứng từ thanh toán chi hội nghị đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 13 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

Câu hỏi 14:

Ngày 01/3/2020 Công ty tôi (Bên B) có ký hợp đồng với Trung tâm thể dục thể thao (Bên A) làm công trình sửa chữa sân vận động sử dụng vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước có giá trị công trình 3,2 tỷ đồng, thời gian thực hiện hợp đồng là 90 ngày (đến hết ngày 30/5/2020). Hợp đồng quy định Bên B phải nộp cho Bên A Chứng thư bảo lãnh tạm ứng của Ngân hàng và Bên A tạm ứng cho

Bên B 50% giá trị hợp đồng (1,6 tỷ đồng), 50% giá trị hợp đồng còn lại Bên A sẽ thanh toán hết cho Bên B sau khi hai bên nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Công ty tôi đã gửi Bên A Chứng thư bảo lãnh tạm ứng của Ngân hàng có thời hạn đến hết ngày 30/5/2020 và đã được Bên A tạm ứng đúng theo hợp đồng. Đến ngày 29/5/2020, Công ty tôi đã hoàn thành công việc theo hợp đồng và hai bên đã ký Biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, (Biên bản nghiệm thu ký ngày 29/5/2020; Mẫu số 8b của Nghị định 11/2020/NĐ-CP hai bên ký ngày 30/5/2020 trong đó: Thanh toán để thu hồi tạm ứng: 1,6 tỷ đồng, Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này: 1,6 tỷ đồng). Tuy nhiên, đến ngày 20/6/2020 Bên A mới mang hồ sơ ra Kho bạc thanh toán 50% giá trị hợp đồng còn lại cho Công ty tôi, Kho bạc căn cứ quy định tạn Tiết c, Mục 5, Điều 7 Thông tư số 62/2020/TT-BTC: "Hết thời gian bảo lãnh tạm ứng đơn vị phải yêu cầu nhà thầu hoặc nhà cung cấp gia hạn bảo lãnh tạm ứng gửi KBNN, đảm bảo thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi đơn vị sử dụng ngân sách đã thu hồi hết số tiền tạm ứng" và yêu cầu Trung tâm thể dục thể thao phải nộp gia hạn Chứng thư bảo lãnh tạm ứng đến ngày 20/6/2020. Xin Qúy Bộ cho hỏi: - Thời điểm tính thu hồi hết số tiền tạm ứng theo quy định của Thông tư 62/2020/TT-BTC là thời điểm đơn vị sử dụng ngân sách thu hồi hết tạm ứng đối với nhà thầu (thời điểm ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và Mẫu số 8b của Nghị định 11/2020/NĐ-CP), hay là thời điểm đơn vị sử dụng ngân sách mang hồ sơ ra Kho bạc để thanh toán tạm ứng? - Kho bạc yêu cầu Trung tâm thể dục thể thao phải nộp gia hạn Chứng thư bảo lãnh tạm ứng đến ngày 20/6/2020 có đúng không?

Trả lời:

Theo Khoản 7, Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, quy định về Hồ sơ tạm ứng, thanh toán vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư đối với các dự án có tổng mức vốn từ 1 tỷ đồng trở lên: "*Đối với các dự án có tổng mức vốn từ 01 tỷ đồng trở lên, việc quản lý, kiểm soát tạm ứng, thanh toán vốn thực hiện theo quy định tại Thông tư hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn NSNN của Bộ Tài chính (Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính). Riêng đối với Quyết định đầu tư và Báo cáo Kinh tế kỹ thuật của các dự án thì không bắt buộc phê duyệt trước 31 tháng10 năm trước năm kế hoạch/"*

Theo tiết a, Khoản 4, Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước quy định về bảo lãnh tạm ứng vốn:

"a) Đối với các hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng lớn hơn 01 tỷ đồng yêu cầu có bảo lãnh tạm ứng:

- Trước khi Kho bạc Nhà nước thực hiện việc tạm ứng hợp đồng cho chủ đầu tư để tạm ứng vốn cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của nhà thầu hoặc nhà cung cấp với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng.

.....

- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi chủ đầu tư đã thu hồi hết số tiền tạm ứng."

Từ các quy định nêu trên, hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi đơn vị sử dụng ngân sách đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Đề nghị Trung tâm thể dục thể thao phối hợp với KBNN Đồng Nai thực hiện kiểm soát thanh toán theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

Câu hỏi 15:

Xin cho tôi hỏi, cơ quan tôi là Phòng Lao động - TBXH huyện, hàng tháng có chi trả trợ cấp cho đối tượng Bảo trợ xã hội, người cao tuổi theo Quyết định chi trả trợ cấp cho đối tượng và dự toán được duyệt đầu năm. Tôi xin được hỏi khi lập Giấy rút dự toán rút chi trợ cấp có phải lập Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng mẫu 07 theo Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ? Trong Bảng kê có phải ghi đầy đủ số người, định mức? Vì thực tế số lượng đối tượng rất nhiều và chia làm rất nhiều nhóm hưởng theo các mức khác nhau. Điều này sẽ tốn rất nhiều thời gian khi làm thủ tục chi trả cho đối tượng khi các nhóm đối tượng có thay đổi hàng tháng và có đối tượng hưởng từ 2 mức trở lên?

Trả lời:

Về Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng:

Tại Điểm c Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực KBNN quy định:

"c) Hồ sơ thanh toán (gửi theo từng lần đề nghị thanh toán), bao gồm: chứng từ chuyển tiền; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (đối với trường hợp thanh toán tạm

ứng). Trường hợp những khoản chi không có hợp đồng hoặc những khoản chi có hợp đồng với giá trị không quá 50 triệu đồng, song chứng từ chuyển tiền của đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước không thể hiện được hết nội dung chi, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước gửi bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng.

Ngoài chứng từ chuyển tiền, đối với một số khoản chi cụ thể, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước gửi bổ sung:

Trường hợp chi thanh toán lương và phụ cấp theo lương, tiền công lao động thường xuyên theo Hợp đồng, thu nhập tăng thêm, tiền thưởng, tiền phụ cấp và trợ cấp khác, tiền khoán, tiền học bổng: Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng;".

Tại Điểm a Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020của Bộ Tài chính hướng dẫn về kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ NSNN qua KBNN quy định: *"Đối với các khoản chi lương và phụ cấp theo lương; tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng; tiền thu nhập tăng thêm; tiền thưởng; tiền phụ cấp và trợ cấp khác; tiền khoán, tiền học bổng cho công chức, viên chức, lao động hợp đồng thuộc đơn vị sử dụng ngân sách, KBNN căn cứ Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi, văn bản phê duyệt chỉ tiêu biên chế do cấp có thẩm quyền phê duyệt và Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng theo mẫu số 09 ban hành kèm theo phụ lục II Nghị định số 11/2020/NĐ-CP để kiểm soát, thanh toán cho đơn vị sử dụng ngân sách.*

... Đối với khoản chi phụ cấp và trợ cấp khác (cột số 9): KBNN kiểm soát số tiền phụ cấp và trợ cấp mà đơn vị sử dụng ngân sách đề nghị thanh toán cho đối tượng thụ hưởng theo định mức quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, quy chế chi tiêu nội bộ, trường hợp có nhiều khoản phụ cấp, trợ cấp thì phải chi tiết từng loại phụ cấp, trợ cấp tại cột số 9. "

Căn cứ các quy định nêu trên thì:

- Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng áp dụng đối với các khoản chi sau: chi lương và phụ cấp theo lương; tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng; tiền thu nhập tăng thêm; tiền thưởng; tiền phụ cấp và trợ cấp khác; tiền khoán, tiền học bổng (bao gồm cả chuyển khoản và tiền mặt); Đối tượng kê khai trên Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng là công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP, lao động thường xuyên theo hợp đồng thuộc đơn vị sử dụng ngân sách. KBNN kiểm soát và ký đống dấu kế toán trên Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng (đối với trường hợp chuyển khoản).

- Các khoản thanh toán cá nhân khác không thuộc các khoản chi phải kê khai và đối tượng kê khai trên Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng nêu trên, đơn vị

sử dụng ngân sách kê trên bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng ban hành kèm theo mẫu số 07 phụ lục II kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP.

Câu số 16:

Tôi là kế toán của Phòng quản lý đô thị quận tại TPHCM. Trong năm đơn vị được UBND quận giao thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích trên địa bàn quận căn cứ theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ.

Trong đó nội dung: *"công tác duy tu, thoát nước giao cho phòng đặt hàng với Công ty TNHH MTV DV công ích"*. Các hợp đồng ký kết có giá trị từ 200 triệu đồng. Khi gửi ra kho bạc để thanh toán thì được yêu cầu phải làm cam kết chi và phạt vi phạm hành chính do chậm cam kết chi.

Tôi xin hỏi, các khoản chi theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP thực hiện nhiệm vụ, đặt hàng thì có phải làm cam kết chi hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 113/113/2008/TT-BTC ngày 27/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua KBNN và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho hệ thống thông tin quản lý ngân sách và KBNN (TABMIS):

"3.1. Tất cả các Khoản chi của ngân sách nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao dự toán đối với chi thường xuyên hoặc giao kế hoạch vốn đối với chi đầu tư (gồm cả dự toán ứng trước), có hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ theo chế độ quy định và có giá trị hợp đồng từ 200 triệu đồng, trở lên đối với các Khoản chi thường xuyên hoặc từ 1.000 triệu đồng trở lên trong chi đầu tư xây dựng cơ bản thì phải được quản lý, kiểm soát cam kết chi qua Kho bạc Nhà nước trừ các trường hợp cụ thể sau:

- Các Khoản chi của ngân sách xã; các dự án, công trình do xã, phường, thị trấn làm chủ đầu tư (bao gồm tất cả các nguồn vốn, thuộc các cấp ngân sách);

- Các Khoản chi cho lĩnh vực an ninh, quốc phòng (bao gồm cả các Khoản chi đầu tư);

- Các Khoản thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Nhà nước, của Chính phủ;

- Các Khoản chi từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài theo phương thức tài trợ chương trình, dự án; chi viện trợ trực tiếp; các Khoản chi vốn đối ứng của các dự án ODA.

- Các Khoản chi góp cổ phần, đóng góp nghĩa vụ tài chính, đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế;

- Các Khoản chi theo hình thức lệnh chi tiền của cơ quan tài chính các cấp;

- Các Khoản chi từ tài Khoản tiền gửi của các đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước;

- Các Khoản chi ngân sách nhà nước bằng hiện vật và ngày công lao động;

- Các Khoản chi dịch vụ công ích gồm: Hợp đồng cung cấp điện, nước, điện thoại, internet, thuê kết nối mạng (thuê đường truyền, băng thông), vệ sinh công cộng, quản lý chăm sóc cây xanh.

- Các Khoản chi để tổ chức hội nghị, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học (không bao gồm những Khoản mua sắm trang thiết bị phải thực hiện đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và thuộc phạm vi phải thực hiện cam kết chi), các Khoản chi mua vé máy bay, mua xăng dầu;

- Các Khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; trừ trường hợp chủ đầu tư ký hợp đồng trực tiếp với các nhà thầu để thực hiện xây dựng khu tái định cư, chi phí rà phá bom mìn, di chuyển đường điện, đường cáp;

- Các hợp đồng của công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp, cấp bách;

- Các Khoản chi hoàn thuế, các Khoản chi hoàn trả vốn ứng trước từ dự toán được giao;

- Các hợp đồng có nhiều nguồn vốn tham gia đầu tư thuộc nhiều cấp ngân sách và thanh toán tại từ 2 Kho bạc Nhà nước (nơi kiểm soát, thanh toán cho dự án) trở lên.

- Các hợp đồng của các Khoản chi thuộc Chương trình Quốc gia và Chương trình Mục tiêu Quốc gia do chủ đầu tư ký hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ với các cá nhân, hộ dân, tổ, đội thợ.

Mức giá trị hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ phải làm thủ tục kiểm soát cam kết chi với Kho bạc Nhà nước được xem xét Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ".”

Đề nghị độc giả căn cứ vào nguồn vốn để thực hiện hợp đồng (chi thường xuyên, chi đầu tư) và quy định nêu trên để thực hiện cam kết chi đối với các khoản chi của Quý đơn vị đảm bảo đúng quy định.

Câu hỏi 17:

Hiện nay ở địa phương cấp huyện chúng tôi có thực hiện việc sáp nhập như sau:

(1) Văn phòng HĐND và UBND huyện với Văn phòng Huyện ủy thành Văn phòng huyện, sáp nhập tháng 3/2019.

(2) Phòng Nội vụ huyện với Ban Tổ chức Huyện ủy thành Cơ quan Tổ chức Nội vụ huyện, sáp nhập tháng 3/2019.

(3) Thanh tra huyện với Ủy ban Kiểm tra huyện thành Cơ quan Kiểm tra - Thanh tra, sáp nhập tháng 3/2019.

(4) Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện với Đài truyền thanh huyện thành Trung tâm Truyền thông - Văn hóa Thể thao, sáp nhập tháng 5/2019.

Theo quy định tại Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách Nhà nước quy định như sau: "Về nguyên tắc sử dụng mã Chương khi thực hiện sáp nhập các cơ quan, tổ chức trực thuộc các cấp chính quyền: Trong quá trình thực hiện cải cách bộ máy hành chính Nhà nước, trường hợp cơ quan, tổ chức trực thuộc một cấp chính quyền sáp nhập, hợp nhất, trong khi chưa có mã Chương mới cho cơ quan hợp nhất, thì sử dụng mã Chương của đơn vị có tỷ trọng chi thường xuyên lớn nhất trong tổng số chi thường xuyên của các đơn vị được hợp nhất, sáp nhập hoặc sử dụng mã Chương của đơn vị có tên ở vị trí đầu tiên của tên đơn vị được hợp nhất, hoặc vẫn sử dụng mã Chương riêng (theo yêu cầu quản lý)".

Ví dụ:

- Đơn vị hợp nhất "Văn phòng Huyện ủy, HĐND và UBND" thì tạm thời sử dụng mã Chương 709 - Huyện ủy.

- Các đơn vị Trung tâm văn hóa huyện; Đội điện ảnh huyện; Đài phát thanh huyện khi hợp nhất lấy tên là "Trung tâm truyền thông văn hóa" thì tạm thời sử dụng mã Chương 640 "Đài phát thanh" (do số chi thường xuyên của Đài phát thanh huyện có tỷ trọng lớn nhất trong tổng số chi thường xuyên của 3 đơn vị)".

Xin hỏi như sau:

1. Việc xác định sử dụng mã Chương của đơn vị có tỷ trọng chi thường xuyên lớn nhất trong tổng số chi thường xuyên của các đơn vị được hợp nhất,

sáp nhập hoặc sử dụng mã chương của của đơn vị có tên ở vị trí đầu tiên của tên đơn vị được hợp nhất, hoặc vẫn sử dụng mã Chương riêng (theo yêu cầu quản lý) được tính ở thời điểm sáp nhập hay tính theo từng năm? Vì mỗi năm kinh phí giao cho mỗi đơn vị khác nhau, mỗi huyện chọn mỗi chương khác nhau nên chưa có sự thống nhất trên địa bàn tỉnh?

2. Đối với Văn phòng HĐND và UBND huyện trước khi sáp nhập dự toán ngân sách năm 2019 được giao gồm: Kinh phí tiền lương và kinh phí hoạt động của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện; kinh phí tiền lương và kinh phí hoạt động của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND huyện; ngoài ra HĐND và UBND có kinh phí hoạt động ngoài định mức theo phân cấp. Vậy đối với những đối tượng kinh phí này chọn chương cấp phát là Chương 605 hay Chương 709; hình thức cấp phát lệnh hay cấp dự toán? Nếu cấp bằng hình thức lệnh thì cấp Chương 709 hay 605, Khoản 351 hay 341, tiểu mục: Tương ứng? Nếu cấp bằng hình thức dự toán thì cấp chương 709 hay 605, Khoản 351 hay 341?

3. Sau khi sáp nhập, từ tháng 3/2019, Cơ quan Tài chính huyện cấp phát toàn bộ nội dung nêu tại Điểm (1) Mục I bằng hình thức lệnh chi tiền Chương 709-351-7799 (bao gồm tiền lương và kinh phí hoạt động của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện; kinh phí tiền lương và kinh phí hoạt động của Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND huyện; ngoài ra HĐND và UBND có kinh phí hoạt động ngoài định mức nữa). Như vậy có đúng không?

4. Phòng Nội vụ huyện với Ban Tổ chức Huyện ủy thành Cơ quan Tổ chức Nội vụ huyện thì cấp kinh phí chương, loại khoản gì? Hình thức gì?

5. Thanh tra huyện với Ủy ban Kiểm tra huyện thành Cơ quan Kiểm tra - Thanh tra huyện thì cấp kinh phí chương, loại khoản gì, hình thức gì?

6. Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện với Đài truyền thanh huyện thành Trung tâm Truyền thông - Văn hóa Thể thao cấp phát như sau:

- Các hoạt động văn hóa cấp dự toán Chương 625 – 161;

- Các hoạt động Truyền thanh cấp dự toán Chương 625 – 191;

- Các hoạt động Thể dục thể thao cấp dự toán Chương 625 – 221.

Vậy có phù hợp về chương và loại khoản không?

Sau khi sáp nhập, Văn phòng huyện là một trong các cơ quan giúp việc thuộc Huyện ủy chứ không phải Văn phòng huyện là đơn vị dự toán cấp I, mà đơn vị dự toán cấp I là Huyện ủy.

Trả lời:

1. Việc xác định sử dụng mã Chương của đơn vị được hợp nhất, sáp nhập

Khi thực hiện sáp nhập các cơ quan, việc sử dụng mã Chương thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách Nhà nước:

"Về nguyên tắc sử dụng mã Chương khi thực hiện sáp nhập các cơ quan, tổ chức trực thuộc các cấp chính quyền: Trong quá trình thực hiện cải cách bộ máy hành chính Nhà nước, trường hợp cơ quan, tổ chức trực thuộc một cấp chính quyền sáp nhập, hợp nhất, trong khi chưa có mã Chương mới cho cơ quan hợp nhất, thì sử dụng mã Chương của đơn vị có tỷ trọng chi thường xuyên lớn nhất trong tổng số chi thường xuyên của các đơn vị được hợp nhất, sáp nhập hoặc sử dụng mã Chương của đơn vị có tên ở vị trí đầu tiên của tên đơn vị được hợp nhất, hoặc vẫn sử dụng mã Chương riêng (theo yêu cầu quản lý)"

Về thời điểm xác định tỷ trọng chi thường xuyên lớn nhất trong tổng số chi thường xuyên của các đơn vị được hợp nhất: do việc xác định tỷ trọng chi thường xuyên tính trên số kinh phí được cấp từ đầu năm đến thời điểm sáp nhập, vì vậy, đơn vị căn cứ tỷ trọng chi thường xuyên tại thời điểm sáp nhập để cứ xác định mã Chương của đơn vị hợp nhất.

2. Về nội dung hỏi số 2 và số 3 (Đối với việc sáp nhập Văn phòng HĐND và UBND huyện sáp nhập với Văn phòng Huyện ủy thành Văn phòng huyện)

- Về xác định mã Chương: Trước khi sáp nhập, việc sử dụng mã Chương theo đúng quy định tại Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước. Sau khi sáp nhập thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính.

- Về xác định mã Khoản: Tại Tiết b Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mục lục ngân sách nhà nước khái niệm Khoản như sau:

"Khoản là phân loại chi tiết của Loại, dùng để phân loại các khoản chi ngân sách nhà nước theo ngành kinh tế quốc dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt."

Theo đó, đơn vị căn cứ theo dự toán được cấp có thẩm quyền giao cho hoạt động tương ứng với từng khoản nào thì hạch toán Khoản của hoạt động đó.

- Về hình thức cấp kinh phí:

Tại Điều 18 và Điều 19 Thông tư số 342/2016/TT-BTC 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN: Thực hiện chi theo hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên trong dự toán được giao của các cơ quan nhà nước và thực hiện chi theo hình thức lệnh chi tiền đối với các nhiệm vụ chi bảo đảm hoạt động đối với cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.

Vì vậy, khi sáp nhập cơ quan quản lý nhà nước với cơ quan Đảng, đề nghị đơn vị xác định nhiệm vụ chi là hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước hay cơ quan đảng để áp dụng hình thức chi ngân sách theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC nêu trên.

3. Về nội dung hỏi số 4 (Phòng Nội vụ huyện với Ban Tổ chức Huyện ủy thành Cơ quan Tổ chức Nội vụ huyện)

- Do Ban Tổ chức Huyện ủy không có Chương riêng, nên sau khi sáp nhập Cơ quan Tổ chức Nội vụ huyện sử dụng Chương 635- Phòng Nội vụ.

- Việc xác định Khoản và hình thức cấp kinh phí: như hướng dẫn tại điểm 2 (nêu trên)

4. Thanh tra huyện với Ủy ban Kiểm tra huyện thành Cơ quan Kiểm tra - Thanh tra huyện

- Do Ủy ban Kiểm tra huyện không có Chương riêng, nên sau khi sáp nhập Cơ quan Kiểm tra - Thanh tra huyện sử dụng Chương 637- Thanh tra huyện.

- Việc xác định Khoản và hình thức cấp kinh phí: như hướng dẫn tại điểm 2 (nêu trên).

5. Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện với Đài truyền thanh huyện thành Trung tâm Truyền thông - Văn hóa -Thể thao

- Việc xác định mã Chương: như hướng dẫn tại điểm 2 (nêu trên).

- Việc cấp dự toán cho từng hoạt động của đơn vị như:

Theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC:

+ Các hoạt động văn hóa phản ánh Khoản 161- Văn hóa;

+ Các hoạt động Truyền thanh phản ánh Khoản 191- Phát thanh;

+ Các hoạt động Thể dục thể thao phản ánh Khoản 221- Thể dục thể thao.

Do vậy, nội dung độc giả đang phản ánh về việc hạch toán mã Khoản tại đơn vị là phù hợp với quy định của Thông tư 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính.

Câu hỏi 18:

Tôi hiện là kế toán Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố và là đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên. Hiện tôi đang thực hiện chi khen thưởng cho viên chức đúng quy định của Luật thi đua, khen thưởng, theo quy chế chi tiêu nội bộ và theo điểm b khoản 3, Điều 12 Nghị Định 141/2016/NĐ-CP quy định như sau: Quỹ khen thưởng để thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị (ngoài chế độ khen thưởng theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng). Nhưng Kho bạc nhà nước không đồng ý chi từ tài khoản 3714 (tài khoản thu sự nghiệp) mà yêu cầu chi từ tài khoản 3713 (tài khoản tiền gửi khác). Bộ Tài chính cho tôi hỏi: Tôi chi khen thưởng cho viên chức theo Luật thi đua, khen thưởng tính vào chi phí có sai quy định nhà nước hay không?

Trả lời:

1. Về việc chi khen thưởng từ Quỹ khen thưởng

Tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác quy định:

"Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), đơn vị được sử dụng theo trình tự như sau:

- Trích tối thiểu 25% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

- Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập: Đơn vị được tự quyết định mức trích Quỹ bổ sung thu nhập (không khống chế mức trích);

- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công bình quân thực hiện trong năm của đơn vị;

- Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật;

- Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp".

Theo quy định nêu trên, Quỹ khen thưởng được hình thành từ phân phối kết quả tài chính trong năm, nên khoản chi khen thưởng chi từ quỹ khen thưởng không được tính vào chi phí.

Theo hướng dẫn tại Mục I Chương IV- Kế toán tiền gửi đơn vị tại Kho bạc Nhà nước Công văn số 3545/KBNN-KTNN ngày 01/7/2020 của Kho bạc Nhà nước hướng dẫn chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN, khi phân phối kết quả tài chính trong năm theo quy định, Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng từ các nguồn tài chính của đơn vị chuyển vào tài khoản 3713- Tiền gửi khác của đơn vị hành chính sự nghiệp để chi khen thưởng cho viên chức theo quy chế chi tiêu nội bộ.

2. Về việc chi khen thưởng cho viên chức theo Luật Thi đua, khen thưởng

- Tại Khoản 2 Điều 67 (Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng) Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng quy định:

"2. Thủ trưởng cơ quan các cấp chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc biên chế, quỹ lương do cấp mình quản lý và hạch toán chi theo quy định."

- Tại tiết b Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP quy định về các khoản:

"Chi thường xuyên: Đơn vị được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c (phần được để lại chi thường xuyên để trang trải chi phí hoạt động thu phí) và điểm d khoản 1 Điều này, để chi thường xuyên. Một số nội dung chi được quy định như sau:

- Chi tiền lương: Đơn vị chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công.

Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bổ sung.

- Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý

Đối với các nội dung chi đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ vào khả năng tài chính, đơn vị được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Đối với các nội dung chưa có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ tình hình thực tế, đơn vị xây dựng mức chi cho phù hợp theo quy chế chi tiêu nội bộ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình..."

- Tại Mục II. Giải thích nội dung, kết cấu và phương pháp gghi chép tài khoản kế toán Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp của Bộ Tài chính quy định việc sử dụng tài khoản 611- Chi phí hoạt động như sau:

"1.1. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi mang tính chất hoạt động thường xuyên và không thường xuyên (kể cả chi từ nguồn tài trợ, biếu tặng nhỏ lẻ) theo dự toán chi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc phân loại chi thường xuyên, chi không thường xuyên được thực hiện theo quy định của cơ chế tài chính hiện hành.

1.2. Đơn vị thực hiện chi theo đúng các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về định mức, tiêu chuẩn của các khoản chi. "

Theo các quy định nêu trên, khoản chi khen thưởng cho viên chức theo Luật Thi đua khen thưởng thuộc các khoản chi thường xuyên, hạch toán vào tài khoản 611- Chi phí hoạt động (tính vào chi phí của đơn vị).

Câu hỏi 19:

Tôi có vướng mắc phát sinh trong quá trình thanh toán thực chi bằng tiền mặt như sau: Căn cứ Khoản 2 Điều 3 Chương I Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước thì: "Chi NSNN thực hiện theo nguyên tắc thanh toán trực tiếp từ KBNN cho người hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp một số khoản chi chưa có đủ điều kiện thực hiện việc thanh toán trực tiếp từ KBNN, đơn vị sử dụng ngân sách được tạm ứng kinh phí để chủ động chi theo dự toán được giao, sau đó đơn vị thanh toán với KBNN theo đúng quy định tại Điều 7 Thông tư này". Vậy, việc chi trả phụ cấp cho cán bộ xã, thôn, buôn đương chức là các khoản chi thanh toán cho cá nhân. Khi đơn vị lập giấy rút dự toán để gửi đến Kho bạc Nhà nước để kiểm soát chi trả cho các đối tượng nêu trên bằng hình thức rút dự toán thực chi, tiền mặt. KBNN hướng dẫn phải lập giấy rút dự toán bằng hình thức tạm ứng có đúng với quy định không?

Trả lời:

Tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước quy định:

"2. Chi NSNN thực hiện theo nguyên tắc thanh toán trực tiếp từ KBNN cho người hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp một số khoản chi chưa có đủ điều kiện thực hiện việc thanh toán trực tiếp từ KBNN, đơn vị sử dụng ngân sách được tạm ứng kinh phí để chủ động chi theo dự toán được giao, sau đó đơn vị thanh toán với KBNN theo đúng quy định tại Điều 7 Thông tư này."

Theo quy định nêu trên, đối với nội dung độc giả Nguyễn Thị Như Hương hỏi về việc thanh toán chi trả phụ cấp cho cán bộ xã, thôn, buôn đương chức thì trong trường hợp không thanh toán trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước cho đối tượng thụ hưởng theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện lập giấy rút dự toán bằng hình thức tạm ứng để rút tiền mặt chi trả cho các đối tượng thụ hưởng. Sau khi chi trả cho các đối tượng thụ hưởng, đơn vị sử dụng ngân sách làm thủ tục thanh toán tạm ứng theo quy định.

Câu hỏi 20:

Tôi hiện đang công tác tại một đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Văn phòng Bộ (Đơn vị sự nghiệp công lập không có con dấu, tài khoản riêng, không có mã số ngân sách cấp. Hiên tại, đơn vị ngoài việc thụ hưởng tiền lương và điện, nước từ Văn phòng bộ thì tự đảm bảo các hoạt động chi thường xuyên bằng các nguồn thu hoạt động dịch vụ tại đơn vị và được hạch toán theo Quy chế Quản lý tài chính của đơn vị và báo sổ Văn phòng Bộ vào kỳ kế toán cuối năm). Tôi xin hỏi cụ thể một vấn đề như sau: Hiện nay, đơn vị kế toán cấp trên (Văn phòng Bộ) đang yêu cầu đơn vị tôi: Dừng toàn bộ việc chi bằng tiền mặt có giá trị trên 5 triệu đồng tại đơn vị (bằng nguồn thu từ hoạt động dịch vụ), chuyển hết các khoản chi này sang chi bằng tiền gửi tại kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng thương mại (nếu có), đơn vị kế toán cấp trên có nói là thực hiện theo thông tư 13/2017/TT-BTC. Nhưng thông tư 13 này chỉ quy định quản lý thu, chi và áp dụng đối với các đối tượng thụ hưởng ngân sách nhà nước chứ không áp dụng đối với các đơn vị không thụ hưởng ngân sách nhà nước như đơn vị của tôi. Vì vậy Bộ Tài chính cho tôi hỏi rằng: - Kết luận của đơn vị kế toán chuyên quản như vậy có chính xác hay không? - Có văn bản nào quy định về việc định mức chi tiền mặt tại đơn vị hay không Thay mặt đơn vị tôi xin chân thành cảm ơn

Trả lời:

1. Các nội dung được chi bằng tiền mặt của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); các cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế và các cá nhân khác có thu, chi

bằng tiền mặt hoặc thanh toán qua hệ thống KBNN được quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 6 Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống KBNN (sau đây gọi tắt là Thông tư số 13/2017/TT-BTC) và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC (sau đây gọi tắt là Thông tư số 136/2018/TT-BTC).

2. Đối tượng áp dụng Thông tư số 13/2017/TT-BTC và Thông tư số 136/2018/TT-BTC bao gồm:

- Các đơn vị thuộc hệ thống KBNN;

- Các đơn vị sử dụng NSNN: là đơn vị dự toán ngân sách được giao trực tiếp quản lý, sử dụng NSNN.

- Các đơn vị giao dịch: bao gồm các đơn vị sử dụng NSNN; các cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế và các cá nhân khác có thu, chi bằng tiền mặt hoặc thanh toán qua hệ thống KBNN.

Tại điểm a, b khoản 1 Điều 16 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập quy định:

"a) Đơn vị sự nghiệp công được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại hoặc KBNN để phản ánh các khoản thu, chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN. Lãi tiền gửi là nguồn thu của đơn vị và được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc bổ sung vào quỹ khác theo quy định của pháp luật, không được bổ sung vào Quỹ bổ sung thu nhập;

b) Các khoản kinh phí thuộc NSNN, các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, các khoản thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí, đơn vị mở tài khoản tại KBNN để phản ánh."

Như vậy, trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập mở tài khoản tại KBNN để phản ánh các khoản thu, chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN hoặc mở tài khoản tại KBNN để phản ánh các khoản kinh phí thuộc NSNN, các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, các khoản thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí thì đơn vị đó là đơn vị giao dịch thuộc đối tượng áp dụng Thông tư số 13/2017/TT-BTC và Thông tư số 136/2018/TT-BTC.

Câu hỏi 21

Nội dung hạch toán theo mục lục Ngân sách, cụ thể như sau: 1. Trường học mua Máy vi tính: 1 bộ: 14.500.000 đồng; Máy in: 1 cái: 5.500.000 đồng; Camera: 1 cái: 9.940.000 đồng. Về MLNS: Đơn vị hạch toán vào mục 6956

(Máy tính và máy in) và mục 6955 (Camera). Nhưng thanh tra yêu cầu: Máy vi tính: số tiền 14.500.000 đồng, đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định nên hạch toán theo mục 6956; còn máy in: số tiền 5.500.000 đồng, Camera: số tiền 9.940.000 đồng) không đủ tiêu chuẩn TSCĐ, theo dõi công cụ, hạch toán mục 6550. Theo thanh tra giải thích để phù hợp với chế độ quản lý tài sản theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017. Cho tôi hỏi việc Thanh tra yêu cầu hạch toán như trên có phù hợp không?

Trả lời:

- Theo quy định tại Tiết a Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước (NSNN) "Mục dùng để phân loại các khoản thu, chi ngân sách nhà nước căn cứ nội dung kinh tế theo các chính sách, chế độ thu, chi ngân sách nhà nước.".

- Tại Mục IV Công văn số 7078/KBNN-KTNN ngày 30/5/2017 về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Mục lục NSNN, hướng dẫn việc hạch toán mã Mục, Tiểu mục như sau:

+ Tại điểm 2.10 hướng dẫn hạch toán Mục 6550 "Vật tư văn phòng":

"Để phản ánh các khoản chi NSNN mua văn phòng phẩm, sổ sách, công cụ, dụng cụ và vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ cho hoạt động của văn phòng hoặc khoán chi văn phòng phẩm.

Đối với Tiểu mục 6552 - Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng: Dùng để phản ánh các khoản chi mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng không thuộc đối tượng quản lý theo quy định về tài sản."

+ Tại điểm 2.16 hướng dẫn hạch toán Mục 6950 "Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn":

"Dùng để hạch toán đối với tài sản từ nguồn kinh phí thường xuyên (theo quy định phải quản lý theo chế độ của tài sản nhà nước) dùng cho công tác chuyên môn.

Để phản ánh cả chi nộp Lệ phí trước bạ (nếu có) khi mua tài sản được tính vào giá mua tài sản. Việc quản lý theo quy định về tài sản thì được mở sổ theo dõi, quản lý theo quy định."

Theo đó, Mục 6950 phản ánh đối với tài sản, thiết bị mà không phân biệt đó là tài sản cố định hay tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, nhằm phục vụ quản lý tài sản tốt hơn (không bao gồm văn phòng phẩm, sổ sách, công cụ, dụng cụ và vật rẻ tiền mau hỏng đã phản ánh vào Mục 6550). Vì vậy, việc đơn vị

hạch toán nội dung chi mua máy vi tính vào Tiểu mục 6956- Các thiết bị Công nghệ thông tin, hạch toán nội dung chi mua máy in và camera vào Tiểu mục 6955- Tài sản và thiết bị văn phòng là phù hợp với quy định về phân loại các khoản chi theo Mục lục NSNN.

Câu hỏi 22:

UBND tỉnh có Quyết định bổ sung mục tiêu bằng hình thức Ghi thu, ghi chi cho huyện số tiền 2 tỷ đồng, Sở Tài chính đã lập thủ tục bổ sung mục tiêu bằng GTGC cho huyện đúng bằn số tiền nêu trên vào hệ thống Tabmis; tại huyện thực hiện Ghi thu BSMT và Ghi chi cho dự án với số tiền 1,9 tỷ đồng -> số dư dự toán chi chuyển giao tỉnh cho huyện trên hệ thống Tabmis là 0,1 tỷ đồng. Như vậy, Sở Tài chính thực hiện rút lại dự toán còn dư trên hệ thống Tabmis hay phải làm như thế nào? Kính mong quí Bộ quan tâm hướng dẫn, để STC thực hiện công tác quyết toán NSNN năm 2019 được kịp thời!

Trả lời:

Qua trao đổi với độc giả, dự án được bố trí từ dự toán chi chuyển giao từ nguồn vốn vay ngoài nước ghi thu ghi chi (GTGC) ngân sách trung ương vay bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương, tuy nhiên không có nhu cầu sử dụng hết số dự toán chi chuyển giao được giao, Sở Tài chính đề nghị hướng dẫn thực hiện rút lại dự toán còn dư trên hệ thống TABMIS.

Theo phản ánh của độc giả, dự án của huyện đã thực hiện GTGC số tiền 1,9 tỷ đồng. Do vậy, Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã hạch toán ghi chi cho dự án và GTGC chuyển giao ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, GTGC chuyển giao ngân sách trung ương cho ngân sách tỉnh số tiền 1,9 tỷ đồng. Do dự án hết nhiệm vụ chi, số dư dự toán còn lại không sử dụng hết là 100 triệu đồng.

Tại tiết đ khoản 2 Điều 9 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN quy định "Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định hàng năm. Việc sử dụng vốn, kinh phí bổ sung có mục tiêu phải theo đúng mục tiêu quy định. Trường hợp ngân sách cấp dưới sử dụng không đúng mục tiêu hoặc sử dụng không hết, phải hoàn trả ngân sách cấp trên."

Theo đó, đối với số dự toán chi chuyển giao 100 triệu đồng còn lại, cơ quan tài chính cấp tỉnh, cấp huyện phối hợp để KBNN đồng cấp thực hiện hủy dự toán còn lại ở từng cấp ngân sách tương ứng.

Câu hỏi 23:

Tôi là một kế toán đơn vị sự nghiệp công lập tại Hòa Bình. Xin được hỏi một vấn đề sau: Theo Nghị định 11/2020/NĐ-CP về quy định thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kho bạc nhà nước và Thông tư 62/2020/TT-BTC Hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước. Thì chứng từ chi các khoản thanh toán cho cá nhân được lập theo biểu mẫu số 09. Theo qui định thì biểu mẫu này có 12 cột, nội dung cần thanh toán được ghi rất rõ ràng trên từng cột, nếu các nội dung này phù hợp hoàn toàn với các khoản thanh toán tại đơn vị thì không có vấn đề gì. Nhưng tại đơn vị chúng tôi thì nội dung các khoản thanh toán cho cá nhân thụ hưởng thì ngoài lương và các khoản PC theo lương, các khoản thanh toán khoán ra, thì nội dung tại cột số 7, cột số 8, cột số 9, cột 11 rất ít khi phát sinh. Có nội dung 1 năm mới thanh toán một lần (thu nhập tăng thêm), có nội dung thì không bao giờ có (Học bổng), nhưng lại có nội dung chi diễn ra thường xuyên như công tác phí, theo thông thường thì chúng tôi sẽ sửa nội dung một số cột mẫu nào đó để điền nội dung của đơn vị mình cho phù hợp (không thay đổi kết cấu của biểu mẫu), hoặc có thể thêm cột (>12 cột mẫu) để đủ nội dung cần thanh toán trong tháng. Tuy nhiên khi đưa chứng từ thanh toán ra Kho bạc, thì Kho bạc NN yêu cầu, phải làm đúng như biểu mẫu, tức là không được phép sửa, nội dung, không được đảo lộn nội dung cần thanh toán như trong biểu mẫu (VD: Nội dung thanh toán tiền thưởng không được đẩy lên trước nội dung thanh toán thu nhập tăng thêm). Vì vậy rất khó để đơn vị chúng tôi thanh toán. Chế độ Kế toán còn cho phép ngoài một số chứng từ kế toán là bắt buộc không được phép thay đổi như Phiếu thu, Phiếu chi, giấy rút dự toán... vẫn còn những chứng từ được phép sửa mẫu nhưng phải đảm bảo đầy đủ thông tin. Vậy xin hỏi Bộ Tài chính: Biểu mẫu số 09, thanh toán cho các đối tượng thụ hưởng chúng tôi có được phép thay đổi một số nội dung không (đương nhiên là thay đổi này không làm ảnh hưởng đến kết cấu của biểu mẫu) ? nếu được thì Bộ Tài chính hãy có văn bản hướng dẫn gửi các Kho bạc nhà nước để chúng tôi còn đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ.

Trả lời:

Căn cứ quy định hiện hành, theo chức năng nhiệm vụ được giao, Kho bạc Nhà nước trả lời câu hỏi của độc giả qua cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính như sau:

Đối tượng các khoản chi phải kê khai tại Bảng kê thanh toán cho đối tượng thụ hưởng (Mẫu 09 tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) được quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 7 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP và Điểm a, Khoản 2, Điều 6 Thông tư số 62/2020/TT-BTC.

Quy định kê khai chỉ tiêu trên mẫu 09 và hướng dẫn ghi chép được quy định tại điểm b, Khoản 16, Điều 7 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP và phần ghi chú của mẫu 09 tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP.

Đề nghị độc giả, cùng đơn vị phối hợp với KBNN nơi mở tài khoản giao dịch phối hợp thực hiện.

Câu hỏi 24:

Tôi hiện đang công tác tại Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện tôi có một thắc mắc là đơn vị tôi là đơn vị hành chính, khi tôi chi tiền lễ tết cho cán bộ vào mục 6250 (Phúc lợi tập thể) và tiểu mục 6299 thì bị kho bạc từ chối và yêu cầu đơn vị tôi phải trích lập quỹ phúc lợi và hạch toán vào mục 7950(Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định) và tiểu mục 7952 (chi lập quỹ phúc lơi), đơn vị tôi là đơn vị hành chính không có thu và trong quy chế chi tiêu nội bộ cũng quy định rõ các khoản chi phúc lợi tập thể ,nhưng kho bạc hướng dẫn đơn vị tôi chi vào mục 7950 là đúng hay sai ? và có văn bản nào hướng dẫn về chi phúc lợi tập thể cho đơn vị hành chính không thu không ? và phúc lợi tập thể có được chi trực tiếp từ nguồn NSNN không ?.

Trả lời:

Theo quy định tại tiết c Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Theo quy định tại tiết c Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, thì Viện Kiểm sát nhân dân các cấp thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV, như vậy việc chi phúc lợi tập thể của Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện thực hiện theo các quy định chi tiết tại Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV, cụ thể:

- Tại tiết a Khoản 7 Điều 3 khái niệm kinh phí tiết kiệm như sau: *"Kết thúc năm ngân sách, sau khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cơ quan thực hiện chế*

độ tự chủ có số chi thực tế thấp hơn số dự toán được giao về kinh phí thực hiện chế độ tự chủ thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí tiết kiệm."

- Tiết b Khoản 7 Điều 3 quy định về kinh phí tiết kiệm được sử dụng cho các nội dung, trong đó cho chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể: *"Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể: Hỗ trợ các hoạt động đoàn thể; hỗ trợ các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm (kỷ niệm ngày phụ nữ Việt Nam, ngày thương binh liệt sỹ, ngày quân đội nhân dân...), trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất; trợ cấp ăn trưa, chi đồng phục cho cán bộ, công chức và người lao động của cơ quan; trợ cấp hiếu, hỷ, thăm hỏi ốm đau; trợ cấp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; hỗ trợ cho cán bộ, công chức và người lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế; chi khám sức khỏe định kỳ, thuốc y tế trong cơ quan; chi xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi;"*

- Khoản 4 Điều 5 quy định về hạch toán kế toán:

"a) Đối với các khoản chi thực hiện chế độ tự chủ được hạch toán vào các mục chi của mục lục ngân sách theo quy định hiện hành.

b) Đối với một số khoản chi từ nguồn kinh phí tiết kiệm được hạch toán như sau: Khoản chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, hạch toán vào mục 6400-các khoản thanh toán khác cho cá nhân, tiểu mục 6404-chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ; khoản chi khen thưởng, hạch toán vào mục 6200-tiền thưởng, tiểu mục 6249-khác; khoản chi phúc lợi và trợ cấp thêm ngoài những chính sách chung cho những người tự nguyện về nghỉ việc trong quá trình tổ chức sắp xếp lại lao động, hạch toán vào mục 6250-phúc lợi tập thể, tiểu mục 6299-khác của mục lục ngân sách nhà nước."

Như vậy, theo các quy định nêu trên các khoản chi phúc lợi tập thể được chi trực tiếp từ kinh phí ngân sách nhà nước và hạch toán vào tiểu mục 6299-khác của mục 6250-phúc lợi tập thể.

Câu hỏi 25:

Tôi có vướng mắc phát sinh trong quá trình đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo Thông tư số 18/2020/TT-BTC, cụ thể: Ngày 10/01/2020, đơn vị tôi (Tổ dịch vụ nông nghiệp) và UBND huyện và có ký hợp đồng đặt hàng về việc cung ứng và sử dụng dịch vụ cấp nước, tưới nước năm 2020. Để tiếp nhận khoản tiền này Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện yêu cầu chi trả bằng Lệnh chi tiền qua tài khoản tiền gửi tại Kho bạc. Nhưng tôi đến Kho bạc xin mở tài khoản tiền gửi theo yêu cầu của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện nhưng Kho bạc trả lời đơn vị tôi không thuộc đối tượng mở tài

khoản tại Kho bạc và có hướng dẫn đến Ngân hàng mở tài khoản để nhận khoản tiền trên. Vâng, đơn vị tôi (Tổ dịch vụ nông nghiệp) là tổ chức không có tư cách pháp nhân được, được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác, được mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán: - Tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ quy định về tổ hợp tác: "1. Tổ hợp tác là tổ chức không có tư cách pháp nhân, được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác, gồm từ 02 cá nhân, pháp nhân trở lên tự nguyện thành lập, cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm." - Tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ quy định về tổ hợp tác: "4. Thực hiện mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật có liên quan." - Tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ quy định về tổ hợp tác: "1. Đại diện của tổ hợp tác trong xác lập, thực hiện giao dịch dân sự là cá nhân hoặc pháp nhân được các thành viên tổ hợp tác đồng ý ủy quyền xác lập và thực hiện giao dịch dân sự." - Tại Khoản 9 Điều 2 Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước: "9. Các đơn vị, tổ chức khác đăng ký và sử dụng tài khoản tại KBNN theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền." - Tại Điểm a Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước: "a) Từ chối việc đăng ký sử dụng tài khoản của các đối tượng không thuộc phạm vi được phép mở tài khoản tại KBNN và …" Như vậy, đơn vị tôi (Tổ dịch vụ nông nghiệp) có thuộc đối tượng được phép mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc, nếu thuộc đối tượng được đăng ký tài khoản tại Kho bạc thì hồ sơ đăng ký gồm những gì, tài khoản nào? Kính mong Quý Bộ hướng dẫn chi tiết vướng mắc trên. Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý Bộ./.

Trả lời:

Độc giả hỏi về việc Tổ dịch vụ nông nghiệp (có ký hợp đồng với Ủy ban nhân dân huyện về việc cung ứng và sử dụng dịch vụ cấp nước, tưới nước năm 2020) có được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để tiếp nhận kinh phí do Phòng tài chính - Kế hoạch thanh toán bằng hình thức Lệnh chi tiền hay không và hồ sơ mở tài khoản như thế nào. Kho bạc Nhà nước xin trả lời như sau:

Tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 24/2016/NĐ- CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước quy định:

"1. Các đối tượng mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, bao gồm:

a) Quỹ ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ tài chính nhà nước.

b) Các đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, các chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thường xuyên phải mở tài Khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để giao dịch, thanh toán.

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền mở tài Khoản tạm thu, tạm giữ; các đơn vị dự toán mở tài Khoản tiền gửi.

d) Các quỹ tài chính nhà nước và các đơn vị, tổ chức kinh tế khác mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

đ) Các đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ có thể mở tài Khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để thực hiện các Khoản thu, chi dịch vụ, liên doanh, liên kết".

Hiện nay, chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định Tổ dịch vụ nông nghiệp được phép mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước. Như vậy được hiểu theo quy định hiện hành, Tổ dịch vụ nông nghiệp không được phép mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

Câu hỏi 26:

Điểm a, Khoản 3, Điều 12 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC quy định: *"Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và bảng kê khối lượng công việc đã thực hiện theo hợp đồng có xác nhận của kế toán trưởng và thủ trưởng đơn vị quản lý kinh phí. Đơn vị quản lý kinh phí chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ của các hồ sơ, chứng từ chi theo đúng quy định hiện hành".*

Như vậy, khi Kho bạc Nhà nước kiểm soát hồ sơ thanh toán sẽ thực hiện kiểm soát theo nội dung trên đối với tất cả các khoản chi (giao khoán và không giao khoán kể cả các phần công việc thuộc phạm vi phải đấu thầu) hay với những phần công việc phải đấu thầu thì Kho bạc Nhà nước phải kiểm soát quyết định, hợp đồng, nghiệm thu theo Thông tư số 39/2016/TT-BTC?

Trả lời:

- Về Thủ tục kiểm soát thanh toán các khoản chi thường xuyên: hiện nay được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020

quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực KBNN, theo đó hồ sơ đơn vị gửi KBNN để kiểm soát thanh toán không bao gồm quyết định lựa chọn nhà thầu. Đồng thời tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP quy định: Đơn vị giao dịch chịu trách nhiệm về quyết định chi; quy trình, hình thức và kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn Luật.

- Về việc kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ NSNN qua KBNN thực hiện theo quy định tại Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ NSNN qua KBNN (thay thế Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN và Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 161/2012/TT-BTC). Theo đó tại Khoản 13 Điều 6 quy định: Đối với khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước: KBNN thực hiện kiểm soát, thanh toán theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Liên Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Đồng thời tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 62/2020/TT-BTC quy định: KBNN chỉ thực hiện kiểm tra kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của các hồ sơ chứng từ theo quy định đơn vị gửi đến KBNN, KBNN không chịu trách nhiệm về những hồ sơ, chứng từ theo quy định không phải gửi đến KBNN.

Đề nghị độc giả căn cứ quy định nêu trên để thực hiện đối với các khoản chi của Quý đơn vị đảm bảo đúng quy định.

Câu hỏi 27:

Hiện tôi đang công tác tại Trung tâm Giao dục nghề nghiệp huyện,Trong năm 2018 đơn vị tôi có phát sinh nghiệp vụ: ký hợp đồng đào tạo nghế dưới 3 tháng với Sở LĐ-TB tỉnh (thực hiện theo thông tư 152/2015/TT-BTC). Sau khi hoàn thành xong hợp đồng, ký nghiệm thu với Sở. Sở LĐTB-XH (nguồn dự toán không tự chủ) đã thanh toán qua KBNN Tỉnh cho đơn vị tôi vào tài khoản tiền gửi tại kho bạc.Khi thực hiện rút tiền tại kho bạc, Kho bạc yêu cầu đơn vị tôi cung cấp hồ sơ chứng từ (Bảng kê, chỉ định thầu, hợp đồng, nghiệm thu) để kho bạc kiểm soát. Bộ tài chính cho tôi hỏi trường hợp này kho bạc có phải kiểm soát hồ sơ rút tiền của tôi không?và nếu có thì kiểm soát những gì (tính hợp pháp, hợp lệ hay kiểm soát tiêu chuẩn định mức).

Trả lời:

- Theo nội dung câu hỏi của độc giả thực hiện Thông tư số 52/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng; Theo đó, Sở Lao động – Thương bình và Xã hội ký hợp đồng đặt hàng đào tạo với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện để đào tạo nghề dưới 3 tháng.

- Theo quy định tại Tiết d Khoản 2 Điều 6 Chương II Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước (Thông tư số 62/2020/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 06/8/2020) thì:

"Kiểm soát đối với kinh phí hợp đồng đặt hàng, đấu thầu cho nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích:

KBNN kiểm soát căn cứ Dự toán được cấp có thẩm quyền giao; Danh mục Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu và danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện đặt hàng hoặc đấu thầu (Phụ lục số I và Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) hoặc Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thực hiện theo phương thức đặt hàng; hợp đồng đã được ký kết giữa cơ quan đặt hàng với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP); đơn giá, giá đặt hàng, mức trợ giá, giá tiêu thụ, Biên bản nghiệm thu sản phẩm theo quy định của cấp có thẩm quyền; biên bản nghiệm thu thanh toán từng lần và biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) để kiểm soát, thanh toán.

Trường hợp nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích mở tài khoản tiền gửi tại KBNN: Khi thanh toán từ tài khoản tiền gửi, KBNN nơi giao dịch kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của Ủy nhiệm chi để thanh toán cho đối tượng thụ hưởng, đảm bảo trong phạm vi số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị tại KBNN".

Như vậy, khi Sở Lao động – Thương bình và Xã hội đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán từ tài khoản dự toán vào tài khoản tiền gửi của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện, mở tại Kho bạc nhà nước, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc

Nhà nước, để Kho bạc Nhà nước kiểm soát thanh toán theo nội dung quy định tại Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính nêu trên.

Khi thực hiện thanh toán từ tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc Nhà nước của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm gửi Ủy nhiệm chi đến Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước kiểm tra kiểm soát tính hợp pháp hợp lệ để thanh toán cho đối tượng thụ hưởng, đảm bảo trong phạm vi số dư tài khoản tiền gửi của Trung tâm.

Câu hỏi 28:

Căn cứ khoản 3 Điều 5 Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/05/2014 Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước có quy định như sau: "3. Về tạm chi thu nhập tăng thêm, chi phúc lợi và chi khen thưởng: 3.1. Trong năm, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ được tạm ứng từ dự toán đã giao thực hiện chế độ tự chủ để chi thu nhập tăng thêm, chi cho các hoạt động phúc lợi. 3.2. Mức tạm chi: a) Để động viên cán bộ, công chức và người lao động phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; căn cứ tình hình thực hiện của quý trước, nếu xét thấy cơ quan có khả năng tiết kiệm được kinh phí; Thủ trưởng cơ quan căn cứ vào số kinh phí có thể tiết kiệm được để quyết định tạm chi trước thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan theo quý. Mức tạm chi hàng quý tối đa không quá 60% quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ do nhà nước quy định trong một quý của cơ quan" Vậy, hình thức tạm chi hằng quý khi lập giấy rút dự toán để gửi cho Kho bạc Nhà nước đơn vị chọn vào ô tạm ứng hay là thực chi?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Chương I Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước thì: “Chi NSNN thực hiện theo nguyên tắc thanh toán trực tiếp từ KBNN cho người hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp một số khoản chi chưa có đủ điều kiện thực hiện việc thanh toán trực tiếp từ KBNN, đơn vị sử dụng ngân sách được tạm ứng kinh phí để chủ động chi theo dự toán được giao, sau đó đơn vị thanh toán với KBNN theo đúng quy định tại Điều 7 Thông tư này”.

Như vậy, việc chi trả thu nhập tăng thêm cho các cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp là khoản chi đã hoàn thành và có đủ hồ sơ chứng từ để thanh toán theo hình thức thanh toán trực tiếp.

Vì vậy, khi lập giấy rút dự toán, đề nghị đơn vị tích vào ô thực chi để gửi đến Kho bạc Nhà nước để kiểm soát chi trả khi chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định./.

Câu hỏi 29:

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 hướng dẫn kê khai Bảng kê chứng từ thanh toán có quy định "Đối với những Khoản chi không có hợp đồng và có giá trị trên 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đơn vị kê khai chi tiết cột 8, cột 9 theo đúng tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành". Tuy nhiên Nghị định 11/2020/NĐ-CP hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 3 năm 2020 và bãi bỏ các quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thu và hoàn trả các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước; lĩnh vực kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước. Vậy theo Nghị định 11/2020, với số tiền bao nhiêu thì bảng kê chứng từ thanh toán phải ghi rõ đơn giá, định mức, thành tiền

Trả lời:

Theo quy định tại Tiết b, Tiết c, Khoản 4, Điều 7 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước quy định: "*Trường hợp những khoản chi không có hợp đồng hoặc những khoản chi có hợp đồng với giá trị không quá 50 triệu đồng, song chứng từ chuyển tiền của đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước không thể hiện được hết nội dung chi, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước gửi bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng.*".

Như vậy, theo quy định nêu trên thì đối với những khoản chi không có hợp đồng hoặc những khoản chi có hợp đồng với giá trị không quá 50 triệu đồng, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước phải lập và điền đầy đủ thông tin trên Mẫu số 07-Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ.

Câu hỏi 30:

Tôi là kế toán tại Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Ban QLDA ĐTXD huyện Ba Bể hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại NĐ141/2016/NĐ-CP. Chúng tôi mua bộ máy vi tính từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị. Theo điều 70, nghị định 151/2017/NĐ-CP thì nguồn kinh phí từ quỹ phát

triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư không thuộc phạm vi phải mua sắm tập trung. Tuy nhiên khi đơn vị tôi làm hồ sơ thủ tục thanh toán tại kho bạc thì bị từ chối thanh toán vì bộ máy vi tính thuộc danh mục mua sắm tập trung do UBND tỉnh ban hành. Vậy tôi xin hỏi Bộ Tài chính KBNN từ chối thanh toán như vậy có đúng không? Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể để chúng tôi thực hiện theo đúng quy định!

Trả lời:

Tại Điều 2 Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017 quy định về đối tượng áp dụng quản lý sử dụng tài sản công :

"Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước.

2. Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.

5. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

6. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công".

Tại Điều 70 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định:

"Điều 70. Nguồn kinh phí mua sắm tập trung:

1. Nguồn kinh phí mua sắm tập trung:

a) Kinh phí được cơ quan, người có thẩm quyền giao trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Nguồn công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương;

c) Nguồn vốn thuộc các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA; nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuộc nguồn ngân sách nhà nước mà nhà tài trợ không có yêu cầu mua sắm khác với quy định tại Nghị định này;

d) Nguồn kinh phí từ quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn về quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

đ) Nguồn kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên;

e) Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của cơ sở y tế công lập trong trường hợp mua thuốc tập trung.

2. Ngoài các nguồn kinh phí mua sắm tập trung quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng các nguồn kinh phí sau đây để bảo đảm hiệu quả mua sắm tài sản theo phương thức tập trung:

a) Nguồn kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên;

b) Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của cơ sở y tế công lập trong trường hợp mua sắm trang thiết bị y tế".

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ba Bể được xác định là đơn vị sự nghiệp công lập, hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, có nhu cầu mua sắm tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung của tỉnh nếu sử dụng nguồn chi phí quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thì bắt buộc phải thực hiện mua sắm tập trung, nếu sử dụng nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị thì không thuộc đối tượng bắt buộc phải mua sắm tập trung.

Câu hỏi 31:

Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2017; Căn cứ Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019; Tại điểm c, khoản 13, Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC quy định: "Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm trước kế hoạch, dự toán thu, chi quản lý dự án năm kế hoạch phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt". Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xin hỏi: Dự toán thu, chi quản

lý dự án của Ban quản lý dự án nhóm II được cấp có thẩm quyền phê duyệt sau ngày 31/12 năm trước năm kế hoạch thì có được chi thanh toán theo dự toán đã được duyệt không ?. - Cơ quan kiểm soát thanh toán (Kho bạc Nhà nước cùng cấp) tại địa phương không đồng ý cho thanh toán chi phí quản lý dự án, với lý do dự toán chi phí quản lý dự án của Ban quản lý dự án nhóm II được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán sau ngày 31/12 năm trước năm kế hoạch, việc kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước tại địa phương có đúng theo quy định của pháp luật không ?.

Trả lời:

Theo quy định tại Điểm 2, Điều 6, Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: *cơ quan thanh toán vốn đầu tư thực hiện tạm ứng, thanh toán chi phí quản lý dự án theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chế độ tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư; đề nghị của chủ đầu tư, BQLDA; chế độ quản lý tài chính hiện hành và các quy định cụ thể tại Thông tư này.*

Theo quy định tại Điểm c, Khoản 13, Điều 1, Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn NSNN: *Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch, dự toán thu, chi quản lý dự án năm kế hoạch phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán chi phí quản lý dự án theo đúng các quy định nêu trên.

Câu hỏi 32:

Cơ quan tôi ký hợp đồng kinh tế với một đơn vị tư vấn thực hiện việc khảo sát, lập báo cáo KTKT công trình đường giao thông. giá gói thầu là 193,559 triệu đồng (trong đó chi phía khảo sát là 23,559 triệu đồng và chi phí lập báo cáo KTKT là 170 triệu) thười gian thực hiện là 15 ngày, hợp đồng trọn gói. nội dung HĐ nêu rõ là đây là giá trị tạm tính, khi thanh quyết toán giá trị theo cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Sau khi trình thẩm định, phê duyệt giá trị gói thầu giảm còn 182 triệu. Lúc lập HS thanh toán kho bạc yêu cầu ký phụ lục HĐ giảm giá trị gói thầu xuống 182 triệu. Tuy nhiên thời điểm này đã qua hạn ghi trong HĐ 15 ngày. Kho bac lại yêu cầu cơ quan ra quyết

định điều chỉnh QĐ chỉ định thầu từ 15 ngày lên 30 ngày. Nhưng theo thời gian thực tế khảo sat chỉ mất có 15 ngày, vậy nên các HĐ khác sau này chúng tôi phải chỉ định thầu 40 -50 ngày để tránh trường hợp kho bạc yêu cầu gia hạn HĐ. Tôi xin hỏi Kho bạc huyên yêu câu như vậy có đúng quy định không.

Trả lời:

- Theo quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng:

+ Tại Điểm a, Khoản 3, Điều 6: "Hợp đồng xây dựng có hiệu lực là cơ sở pháp lý cao nhất mà bên giao thầu, bên nhận thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;"

+ Tại Điểm c, Khoản 3, Điều 6: "Các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan kiểm soát, cấp phát, cho vay vốn, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan khác phải căn cứ vào nội dung hợp đồng xây dựng có hiệu lực pháp lý để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định, không được xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia hợp đồng."

+ Tại Khoản 1, Điều 14: "Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng xây dựng đã ký."

+ Tại Khoản 1 Điều 15: "Giá hợp đồng xây dựng là khoản kinh phí bên giao thầu cam kết trả cho bên nhận thầu để thực hiện công việc theo yêu cầu về khối lượng, chất lượng, tiến độ, điều kiện thanh toán, tạm ứng hợp đồng và các yêu cầu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng."

- Theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

+ Tại Điểm a, Khoản 1, Điều 9: "Việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành của nhà nước."

+ Tại Điểm a, Khoản 3, Điều 9: "Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng, văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ (đối với trường hợp tự thực hiện dự án), số lần

thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho chủ đầu tư. Trong quá trình thanh toán, trường hợp phát hiện sai sót trong hồ sơ đề nghị thanh toán, cơ quan thanh toán vốn đầu tư thông báo bằng văn bản để chủ đầu tư bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ."

Như vậy, Kho bạc Nhà nước kiểm soát, thanh toán cho chủ đầu tư trên cơ sở hồ sơ chủ đầu tư gửi KBNN và các điều khoản thanh toán quy định trong hợp đồng. Trường hợp hợp đồng có sự thay đổi, Chủ đầu tư và nhà thầu phải thực hiện điều chỉnh lại hợp đồng theo đúng quy định của Luật Xây dựng.

Câu hỏi 33:

Theo TT39/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 Sửa đổi bổ sung một số điều của TT 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của BTC quy định chế độ kiểm soát thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN tại điều 9 " Lưu giữ chứng từ tại KBNN" thì các quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền giao cho các đơn vị SDNS thì đơn vị phải gửi cho KBNN bản chính hoặc bản sao y của đơn vị. Song thực tế ở huyện tôi hiện nay các quyết định bổ sung dự toán của cấp có thẩm quyền giao đều được gửi cho KBNN và đơn vị SDNS thông qua văn bản điện tử có chữ ký số, do đó khi yêu cầu bản chính thì đơn vị trả lời không có nên việc sao y cũng gặp khó khăn vậy Quý bộ cho hỏi đơn vị gửi quyết định có chữ số có chấp nhận được không.

Trả lời:

- Căn cứ các quy định tại Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005 thì:

+ Tại Điều 13 (Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc), Chương 2 quy định thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc khi đáp ứng được các điều kiện sau đây:

"1. Nội dung của thông điệp dữ liệu được bảo đảm toàn vẹn kể từ khi được khởi tạo lần đầu tiên dưới dạng một thông điệp dữ liệu hoàn chỉnh.

Nội dung của thông điệp dữ liệu được xem là toàn vẹn khi nội dung đó chưa bị thay đổi, trừ những thay đổi về hình thức phát sinh trong quá trình gửi, lưu trữ hoặc hiển thị thông điệp dữ liệu;

2. Nội dung của thông điệp dữ liệu có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết".

+ Tại Điều 24 (Giá trị pháp lý của chữ ký điện tử), Chương 3 quy định:

“1. Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đó đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu chữ ký điện tử được sử dụng để ký thông điệp dữ liệu đó đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Phương pháp tạo chữ ký điện tử cho phép xác minh được người ký và chứng tỏ được sự chấp thuận của người ký đối với nội dung thông điệp dữ liệu;

b) Phương pháp đó là đủ tin cậy và phù hợp với mục đích mà theo đó thông điệp dữ liệu được tạo ra và gửi đi.

2. Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần được đóng dấu của cơ quan, tổ chức thì yêu cầu đó đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bởi chữ ký điện tử của cơ quan, tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật này và chữ ký điện tử đó có chứng thực.

3. Chính phủ quy định cụ thể việc quản lý và sử dụng chữ ký điện tử của cơ quan, tổ chức”.

- Theo quy định tại Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính

+ Tại Khoản 2, Điều 5, Chương II quy định Chứng từ điện tử có giá trị là bản gốc khi được thực hiện một trong các biện pháp sau:

“a) Chứng từ điện tử được ký số bởi cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi tạo chứng từ điện tử và cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Hệ thống thông tin có biện pháp bảo đảm toàn vẹn chứng từ điện tử trong quá trình truyền gửi, nhận, lưu trữ trên hệ thống; ghi nhận cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã khởi tạo chứng từ điện tử và cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm liên quan đã tham gia xử lý chứng từ điện tử và áp dụng một trong các biện pháp sau để xác thực cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi tạo chứng từ điện tử và cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm liên quan tham gia xử lý chứng từ điện tử: xác thực bằng chứng thư số, xác thực bằng sinh trắc học, xác thực từ hai yếu tố trở lên trong đó có yếu tố là mã xác thực dùng một lần hoặc mã xác thực ngẫu nhiên.

c) Biện pháp khác mà các bên tham gia giao dịch thống nhất lựa chọn, bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu, tính xác thực, tính chống chối bỏ, phù hợp với quy định của Luật giao dịch điện tử”

+ Tại Khoản 4, Điều 7, Chương II quy định: "Chứng từ giấy được chuyển đổi từ chứng từ điện tử có giá trị như chứng từ điện tử trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác".

Từ các quy định nêu trên, thì các quyết định bổ sung dự toán của cấp có thẩm quyền giao được gửi cho KBNN và đơn vị sử dụng ngân sách thông qua văn bản điện tử, có chữ ký số là phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, do đó, việc đơn vị gửi quyết định có chữ ký số là đúng quy định đã nêu. Trong khi chờ Thông tư thay thế Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 và Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 của Bộ Tài chính, đề nghị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ.

Câu hỏi 35:

Đầu năm 2019, Hội đồng nhân dân tỉnh đã quyết định phân bổ kinh phí sự nghiệp kinh tế (cụ thể cho các nhiệm vụ quy hoạch) cho đơn vị dự toán cấp I Sở Xây dựng. Tuy nhiên do có vướng mắc liên quan đến khoản 1 Điều 9 Luật Quy hoạch ("Chi phí lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch được sử dụng từ vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công") nên UBND tỉnh chưa đủ cơ sở giao nhiệm vụ chi lập quy hoạch từ nguồn dự toán sự nghiệp quy hoạch cho Sở Xây dựng từ đầu năm 2019. Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh chưa giao dự toán cho Sở Xây dựng theo điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 119/2018/TT-BTC: "Cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp chưa giao cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân cho phép thực hiện. Khi phát sinh nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để ban hành quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I". Đến tháng 10/2019, Bộ Tài chính có công văn số 11753/BTC-HCSN ngày 02/10/2019 hướng dẫn xây dựng kế hoạch vốn sự nghiệp kinh tế để lập quy hoạch, thì Sở Tài chính mới có cơ sở tham mưu UBND tỉnh giao bổ sung dự toán kinh phí cho đơn vị dự toán cấp I (Sở Xây dựng) theo điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 119/2018/TT-BTC nêu trên. Sau khi ban hành quyết định bổ sung dự toán cho đơn vị dự toán cấp I sau ngày 30/9 năm hiện hành từ nguồn ngân sách được HĐND phân bổ từ đầu năm, kính đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn về việc khi nhập dự toán ngân sách cho đơn vị

sử dụng ngân sách trong TABMIS, khoản dự toán thực hiện nhiệm vụ quy hoạch nêu trên được nhập mã nguồn 12 hay mã nguồn 15?

Trả lời:

- Về các dự án quy hoạch được thực hiện theo Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 và Nghị quyết số 69/NQ-CP :

+ Theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 giải thích Điểm c Khoản 1 Điều 59 của Luật quy hoạch và Điểm b Mục 4 Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13/09/2019 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ tháng 8 năm 2019, đối với những quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01/01/2019, trong quá trình thực hiện điều chỉnh nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực thì chi phí lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch được sử dụng nguồn vốn kinh phí thường xuyên được cân đối để thực hiện.

+ Tại điểm e Khoản 2 Công văn số 11456/BTC-NSNN ngày 06/09/2019 về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách địa phương những tháng cuối năm 2019, Bộ Tài chính đề nghị UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương chủ động dành nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và điều chỉnh quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại khoản 4

Theo các quy định nêu trên, việc bố trí nguồn vốn kinh phí thường xuyên năm 2019 để thực hiện các quy hoạch chỉ áp dụng đối với dự án quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01/01/2019. Địa phương chủ động cân đối, bố trí kinh phí chi thường xuyên từ năm 2019 để thực hiện các dự án quy hoạch này.

- Về hạch toán mã nguồn kinh phí:

Theo quy định tại tiết d Điểm 4 Mục II Công văn số 15861/BTC-KBNN ngày 19/12/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2018 trên TABMIS: "Khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách được thể hiện trong văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đối với đơn vị thuộc ngân sách trung ương; văn bản của Ủy ban nhân dân, cơ quan tài chính đối với đơn vị thuộc ngân sách địa phương (không phải từ quyết định giao dự toán của Đơn vị dự toán cấp I)."

Như vậy, trường hợp các dự án quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01/01/2019 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ kinh

phí sự nghiệp kinh tế từ đầu năm 2019 nhưng sau ngày 30/9/2019 mới được Ủy ban nhân dân quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I, thì được ghi mã nguồn 15 – dự toán bổ sung sau ngày 30/09 theo quy định.

Câu hỏi 36:

Tôi đang công tác tại cơ quan hành chính, đơn vị đặt tại cửa khẩu. Nội dung tôi cần hỏi như sau: Ngày 16/12/2019 đơn vị có phát sinh chứng từ lệnh hoàn chi Ngân sách NN, vì đặc thù đơn vị là đóng tại cửa khẩu, cách xa Kho Bạc NN tỉnh không thường xuyên đi giao dịch trực tiếp được. Ngày 17/12/2019 đơn vị đã gửi chứng từ về đơn vị quản lý cấp trên, chứng từ cần gửi chuyển fax nhanh phải gửi về đơn vị cấp trên để tổng hợp gửi cho đơn vị chuyển fax nhanh và đơn vị cấp trên đã gửi chứng từ này đi KBNN trong ngày 18/12/2019. Đến ngày 23/12/2019 KBNN nhận được chứng từ từ đơn vị chuyển fax nhanh. Sau khi nhận được chứng từ KBNN đã thông báo chứng từ này hết thời hạn để xử lý quá 1 ngày (Theo quy định tại khoản 2, Điều 26 TT77/2017/TT-BTC) và yêu cầu đơn vị lập lại chứng từ. Nếu lập lại chứng từ lệnh hoàn trả sẽ phải lập lại QĐ, cập nhật lại chứng từ trên hệ thống của đơn vị...trường hợp có thể phải qua năm 2020. Sau khi nhận được thông báo của KBNN đơn vị đã làm văn bản về nội dung: đặc thù đơn vị đặt xa KBNN, mất 2 ngày đơn vị chuyển fax nhanh mới gửi đến KBNN... Và để nghị KBNN xử lý chứng từ cho đơn vị nhưng KBNN không đồng ý. Trong trường hợp đơn vị đã có văn bản gửi KBNN thì có được chấp nhận xử lý không?.Thời gian 2 ngày kể từ ngày bên chuyển fax nhanh nhận và gửi đến KBNN có tính vào thời gian 5 ngày trong quy định tại khoản 2, Điều 26 nêu trên không?. Rất mong sớm nhận được phản hồi.

Trả lời:

Tại Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 77/2017/TT-BTC quy định: "Đối với chứng từ kế toán quy định trong Thông tư này, đơn vị giao dịch phải chuyển đến Kho bạc Nhà nước không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày lập được ghi trên chứng từ kế toán. Trường hợp quá thời hạn 5 ngày làm việc, đơn vị KBNN đề nghị đơn vị lập lại chứng từ phù hợp với thời gian giao dịch với KBNN".

Như vậy, trường hợp chứng từ gửi đến Kho bạc Nhà nước chậm 1 ngày so với quy định tại Khoản 2 Điều 26 nêu trên thì bị từ chối tiếp nhận và đơn vị lập lại chứng từ phù hợp với thời gian quy định. Thời gian tính 5 ngày làm việc nêu trên tính từ ngày ghi trên chứng từ đến khi Kho bạc Nhà nước tiếp nhận chứng từ (tức là đã bao gồm cả thời gian chuyển chứng từ từ đơn vị đến Kho bạc Nhà nước).

Câu hỏi 37:

Hiện tôi đang làm việc tại Phòng Tài chính-KH huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Tôi có thắc mắc xin được hỏi BTC để được giải đáp về vấn đề sau đây: Hiện tôi đang lập thủ tục trích nộp khoản kinh phí khoán (khoán 40 % theo QĐ số 18 của tỉnh) để trích chuyển trả cho đơn vị thụ hưởng là Hạt kiểm lâm huyện Chư Pưh, phòng tài chính-KH cấp qua tài khoản 3711 (tiền gửi dự toán). Tuy nhiên, khi làm ủy nhiệm chi qua Kho bạc NN huyện thì lại được hướng dẫn là phải trích chuyển vào TK 3713 (Tiền gửi khác). Theo quý Bộ thì việc hướng dẫn của Kho bạc có cơ sở không? và xin hỏi Bộ tài chính là theo Văn bản nào? Tôi xin trình bày thêm là đầu năm huyện Chư Pưh không giao dự toán cho Hạt Kiểm lâm, tuy nhiên dù giao hay không thì theo cá nhân tôi số tiền thu được từ xử lý tang vật phương tiện là nguồn thu từ ngân sách nên phải trích vào TK 3711 mới hợp lý. Vậy nên kính mong quý Bộ Tài chính phúc đáp để tôi có thể làm việc lại với Kho bạc NN huyện Chư Pưh

Trả lời:

Tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, Thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua KBNN quy định: "Kiểm soát chi từ Tài Khoản tiền gửi (TKTG) của đơn vị sử dụng ngân sách: Cơ quan KBNN căn cứ vào văn bản pháp lý quy định nguồn hình thành và cơ chế sử dụng kinh phí của TKTG đó để thực hiện kiểm soát chi..."

Tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính quy định về mức chi: "Đối với các khoản chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo quy định đó. Đối với các khoản chi phí chưa có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì Thủ trưởng cơ quan của người ra quyết định tịch thu quyết định trên cơ sở thực tế phát sinh và khả năng kinh phí thực hiện xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và chịu trách nhiệm về quyết định của mình."

Tại Phụ lục 2 Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ KBNN quy định danh mục tài khoản.

Căn cứ các quy định nêu trên, khi Hạt kiểm lâm huyện Chư Pưh được Phòng tài chính- Kế hoạch huyện Chư Pưh trích chuyển kinh phí khoán chi phí quản lý, xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước sẽ được hạch toán vào tài khoản 3714- Tiền gửi thu sự nghiệp khác, KBNN thực hiện kiểm soát chi theo đúng tiêu chuẩn, định mức.

Câu hỏi 38:

Tôi công tác ở Ban QLDA huyện có thắc mắc như sau: Theo công văn số 15861/BTC-KBNN. V/v hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2018 trên TABIMS. Kho bạc Nhà nước hướng dẫn, đối với các số dư tài khoản tiền gửi 3711, 3731, 3741, 3761, 3771 sau khi được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định thì số dư trên các tài khoản nêu trên sẽ được điều chỉnh về mã dự phòng 501(năm trước) điều chỉnh thành 503(năm trước nữa), mã dự phòng 502(năm nay) điều chỉnh thành 501(năm trước). Vậy tôi xin hỏi đối với tài khoản 3731(Tiền gửi chi phí quản lý dự án) được trích từ các công trình do chủ đầu tư quản lý cụ thể là do Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện quản lý để duy trì các hoạt động của Ban quản lý như giả tiền lương, tiền công cho cán bộ trong Ban quản lý. 1. Tài khoản tiền gửi 3731 gắn mã 49.501 (Cứ có gắn mã 501) KBNN huyện hướng dẫn là phải thực hiện chi năm 2019 nếu không chi hết thì sẽ bị hủy không được chuyển nguồn sang năm sau chi tiếp vậy cho em hỏi thực hiện như thế có đúng không ?

Trả lời:

Căn cứ các văn bản:

- Tại Điểm d, Khoản 3, Điều 8, Thông tư số 08/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/01/2016 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: *"Đối với chi phí quản lý dự án, căn cứ dự toán chi phí quản lý dự án trong năm kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Kho bạc Nhà nước thực hiện tạm ứng vốn theo đề nghị của chủ đầu tư. Mức tạm ứng vốn không vượt quá dự toán chi phí quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt".*

- Tại Khoản 4, Điều 5 Thông tư số 85/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15/08/2017 của quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hằng năm: *"Đối với số tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi không đưa vào quyết toán niên độ ngân sách của năm quyết toán. Sau thời gian chỉnh lý quyết toán, số dư tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi còn lại được*

chuyển sang ngân sách năm sau để thu hồi tạm ứng, cơ quan tài chính không phải xét chuyển."

- Tại điểm a, Khoản 4, Mục II Công văn số 15861 /BTC-KBNN của Bộ Tài chính ngày 19/12/2018 về việc hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2018 trên TABMIS, theo đó đã hướng dẫn: *"Đối với số dư tạm ứng chi đầu tư theo chế độ chưa thu hồi, được chuyển sang ngân sách năm sau để thu hồi tạm ứng theo quy định tại Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hằng năm."*

- Ngày 22/02/2018, Bộ Tài chính có Công văn số 2086/BTC-KBNN về việc ghi đầy đủ các thông tin trên chứng từ chi NSNN và mẫu biểu đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi theo quy định, hướng dẫn:

"*Về ghi niên độ ngân sách:*

Đơn vị ghi rõ niên độ ngân sách của khoản kinh phí sử dụng để có căn cứ theo dõi ở đoạn mã dự phòng, đảm bảo theo dõi chi tiết từng khoản tăng, giảm tiền gửi theo từng niên độ năm trước, năm nay (ví dụ: trong tháng 1/2019: khoản chi đầu tư phát triển thuộc niên độ năm trước nữa, tức là phát sinh thuộc ngân sách năm 2017, ghi mã dự phòng 503; khoản chi thuộc niên độ ngân sách năm trước, tức là phát sinh thuộc ngân sách năm 2018, ghi mã dự phòng 501; khoản chi thuộc niên độ ngân sách năm nay, tức là phát sinh thuộc ngân sách năm 2019, ghi mã dự phòng 502).

b) Về ghi nguồn NSNN:

Sáu nội dung xử lý chuyển nguồn được gắn với mã nguồn theo quy định. Cụ thể: chi đầu tư phát triển chuyển sang năm sau theo quy định được theo dõi theo từng mã nguồn vốn đầu tư;..."

Căn cứ các văn bản nêu trên, số dư Tài khoản 3731- Tiền gửi chi phí quản lý dự án, gắn mã 49.501 là tạm ứng vốn đầu tư chưa thu hồi theo chế độ, nếu cần sử dụng, thanh toán tiếp cho nhiệm vụ được giao, thì được chuyển nguồn sang năm sau để thu hồi tạm ứng theo Khoản 4, Điều 5 Thông tư số 85/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15/08/2017.

Câu hỏi 39:

Em công tác ở Ban QLDA huyện có thắc mắc như sau: Theo công văn số 15861/BTC-KBNN. V/v hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2018 trên

TABIMS. Kho bạc Nhà nước hướng dẫn, đối với các số dư tài khoản tiền gửi 3711, 3731, 3741, 3761, 3771 sau khi được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định thì số dư trên các tài khoản nêu trên sẽ được điều chỉnh về mã dự phòng 501(năm trước) điều chỉnh thành 503(năm trước nữa), mã dự phòng 502(năm nay) điều chỉnh thành 501(năm trước). Vậy tôi xin hỏi đối với tài khoản 3731(Tiền gửi chi phí quản lý dự án) được trích từ các công trình do chủ đầu tư quản lý cụ thể là do Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện quản lý để duy trì các hoạt động của Ban quản lý như giả tiền lương, tiền công cho cán bộ trong Ban quản lý. 1. Tài khoản tiền gửi 3731 gắn mã 49.501 (Cứ có gắn mã 501) KBNN huyện hướng dẫn là phải thực hiện chi năm 2019 nếu không chi hết thì sẽ bị hủy không được chuyển nguồn sang năm sau chi tiếp vậy cho em hỏi thực hiện như thế có đúng không?

Trả lời:

Căn cứ các văn bản:

- Tại Điểm d, Khoản 3, Điều 8, Thông tư số 08/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/01/2016 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: *"Đối với chi phí quản lý dự án, căn cứ dự toán chi phí quản lý dự án trong năm kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Kho bạc Nhà nước thực hiện tạm ứng vốn theo đề nghị của chủ đầu tư. Mức tạm ứng vốn không vượt quá dự toán chi phí quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt".*

- Tại Khoản 4, Điều 5 Thông tư số 85/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15/08/2017 của quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hằng năm: *"Đối với số tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi không đưa vào quyết toán niên độ ngân sách của năm quyết toán. Sau thời gian chỉnh lý quyết toán, số dư tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi còn lại được chuyển sang ngân sách năm sau để thu hồi tạm ứng, cơ quan tài chính không phải xét chuyển."*

- Tại điểm a, Khoản 4, Mục II Công văn số 15861 /BTC-KBNN của Bộ Tài chính ngày 19/12/2018 về việc hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2018 trên TABMIS, theo đó đã hướng dẫn: *"Đối với số dư tạm ứng chi đầu tư theo chế độ chưa thu hồi, được chuyển sang ngân sách năm sau để thu hồi tạm ứng theo quy định tại Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hằng năm."*

- Ngày 22/02/2018, Bộ Tài chính có Công văn số 2086/BTC-KBNN về việc ghi đầy đủ các thông tin trên chứng từ chi NSNN và mẫu biểu đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi theo quy định, hướng dẫn:

"*Về ghi niên độ ngân sách:*

Đơn vị ghi rõ niên độ ngân sách của khoản kinh phí sử dụng để có căn cứ theo dõi ở đoạn mã dự phòng, đảm bảo theo dõi chi tiết từng khoản tăng, giảm tiền gửi theo từng niên độ năm trước, năm nay (ví dụ: trong tháng 1/2019: khoản chi đầu tư phát triển thuộc niên độ năm trước nữa, tức là phát sinh thuộc ngân sách năm 2017, ghi mã dự phòng 503; khoản chi thuộc niên độ ngân sách năm trước, tức là phát sinh thuộc ngân sách năm 2018, ghi mã dự phòng 501; khoản chi thuộc niên độ ngân sách năm nay, tức là phát sinh thuộc ngân sách năm 2019, ghi mã dự phòng 502).

b) Về ghi nguồn NSNN:

Sáu nội dung xử lý chuyển nguồn được gắn với mã nguồn theo quy định. Cụ thể: chi đầu tư phát triển chuyển sang năm sau theo quy định được theo dõi theo từng mã nguồn vốn đầu tư;..."

Căn cứ các văn bản nêu trên, số dư Tài khoản 3731- Tiền gửi chi phí quản lý dự án, gắn mã 49.501 là tạm ứng vốn đầu tư chưa thu hồi theo chế độ, nếu cần sử dụng, thanh toán tiếp cho nhiệm vụ được giao, thì được chuyển nguồn sang năm sau để thu hồi tạm ứng theo Khoản 4, Điều 5 Thông tư số 85/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15/08/2017.

Câu hỏi 40:

Xin cho tôi hỏi về nguồn kinh phí tự chủ đã giao cho các mã ngành kinh tế 341,351,361,362 đầu năm nhưng đến cuối năm số dự toán còn lại giữa các mã ngành này không đều nhau, có mã ngành không còn đủ để chi thu nhập tăng thêm theo quy chế chi tiêu nội bộ, có mã ngành lại còn dư quá nhiều. Vậy việc chênh lệch số dư dự toán còn lại nguồn kinh phí tự chủ giữa các mã ngành nêu trên có phải thực hiện điều chỉnh theo Khoản 5, Điều 11, Thông tư số 344/2016/TT-BTC hay không? và có phải bắt buộc thực hiện trước ngày 15/11 hàng năm hay không?

Trả lời:

- Tại Khoản 3 Điều 52 Luật Ngân sách nhà nước quy định:

"3. Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau:

a) Dự kiến số thu không đạt dự toán được Hội đồng nhân dân quyết định phải điều chỉnh giảm một số khoản chi;

b) Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách của một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Khi cần điều chỉnh dự toán ngân sách của một số đơn vị dự toán hoặc địa phương cấp dưới."

- Tại Khoản 5 Điều 11 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn quy định về việc điều chỉnh dự toán ngân sách như sau:

"5. Điều chỉnh dự toán ngân sách xã hằng năm (nếu có) trong các trường hợp có yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp trên để đảm bảo phù hợp với định hướng chung hoặc có biến động lớn về nguồn thu và nhiệm vụ chi.

Ủy ban nhân dân xã tiến hành lập dự toán điều chỉnh báo cáo Ban Kinh tế- Xã hội xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân xã quyết định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện."

Trường hợp độc giả hỏi thuộc ngân sách cấp xã. Khi cần điều chỉnh các khoản trong lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể, là điều chỉnh phương án phân bổ ngân sách cho từng bộ phận (theo Chương) của ngân sách xã đã được HDND xã quyết định (nhưng không làm thay đổi tổng dự toán được giao theo các lĩnh vực và tính chất nguồn kinh phí) thì trình thường trực HĐND xem xét quyết định theo điểm c Khoản 3 Điều 52 Luật NSNN.

Về thời hạn điều chỉnh dự toán: Luật NSNN chỉ quy định thời hạn điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách (không quy định thời hạn điều chỉnh dự toán NSNN).

Câu hỏi 41:

Hiện nay tôi đang vướng mắc một nội dung như sau: Theo công văn số 15861/BTC-KBNN. V/v hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2018 trên TABIMS. Ngày 19/12/2018 của Kho bạc Nhà nước, đối với các số dư tài khoản tiền gửi 3711, 3731, 3741, 3761, 3771 sau khi được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định thì số dư trên các tài khoản nêu trên sẽ được điều chỉnh về mã

dự phòng 501(năm trước) điều chỉnh thành 503(năm trước nữa), mã dự phòng 502(năm nay) điều chỉnh thành 501(năm trước). Vậy tôi xin hỏi đối với tài khoản 3731(Tiền gửi chi phí quản lý dự án) được trích từ các công trình do chủ đầu tư quản lý cụ thể là do Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện quản lý để duy trì các hoạt động của Ban quản lý như giả tiền lương, tiền công cho cán bộ trong Ban quản lý.. có phải điều chỉnh theo quy định nêu trên không?

Trả lời:

Tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN quy định: "Kiểm soát chi từ Tài khoản tiền gửi (TKTG) của đơn vị sử dụng ngân sách: Cơ quan KBNN căn cứ vào văn bản pháp lý quy định nguồn hình thành và cơ chế sử dụng kinh phí của TKTG đó để thực hiện kiểm soát chi.".

Để phục vụ quản lý theo Thông tư số 39/2016/TT-BTC, Bộ Tài chính có các công văn hướng dẫn:

- Theo hướng dẫn tại Công văn số 2086/BTC-KBNN ngày 22/2/2018 của Bộ Tài chính về việc ghi đầy đủ các thông tin trên chứng từ chi NSNN và mẫu biểu đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi theo quy định:

+ "Đối với khoản kinh phí cấp bằng lệnh chi tiền, giấy rút dự toán từ tài khoản dự toán vào tài khoản tiền gửi theo quy định, các đơn vị ghi đầy đủ, đúng các nội dung trên mẫu biểu C2-01a/NS, C2-02a/NS, C3-01/NS ban hành kèm theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC. Trong đó, lưu ý ghi rõ nội dung nguồn kinh phí ngân sách cấp vào cột "Nội dung chi" và mã nguồn vào cột "Mã nguồn NSNN" theo đúng 6 nội dung được xử lý chuyển nguồn nêu tại tiết b điểm 2 sau đây."

+ "Đối với khoản kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho đơn vị sử dụng ngân sách bằng ủy nhiệm chi từ tài khoản tiền gửi ngân sách cấp, các đơn vị ghi rõ niên độ ngân sách khoản chi và nguồn của khoản kinh phí trong phần "Nội dung thanh toán" trên mẫu C4-02a/KB ban hành kèm theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC."

- Theo hướng dẫn tại Công văn số 15861/BTC-KBNN ngày 19/12/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2018 trên TABMIS:"Ngày 01/01/2019, các đơn vị KBNN thực hiện điều chỉnh đối với mã dự phòng của các tài khoản tiền gửi 3711, 3731, 3741, 3761, 3771. Cụ thể như sau: mã dự phòng 501 (năm trước) điều chỉnh thành 503 (năm trước nữa), mã dự phòng 502 (năm nay) điều chỉnh thành 501 (năm trước)."

Như vậy, việc ghi mã dự phòng theo niên độ của khoản chi NSNN và mã nguồn làm căn cứ theo dõi tăng giảm số dư tài khoản tiền gửi các khoản kinh phí ngân sách cấp cho đơn vị sử dụng ngân sách theo từng niên độ, từng nguồn ngân sách cấp, từ đó có cơ sở để thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

Trường hợp độc giả nêu đối với tài khoản 3731 (Tiền gửi chi phí ban quản lý dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện phản ánh số kinh phí được trích từ các công trình do chủ đầu tư quản lý để duy trì các hoạt động của Ban quản lý như chi lương, tiền công cho cán bộ trong Ban quản lý... vẫn thực hiện theo dõi theo mã nguồn và mã niên độ của khoản chi NSNN theo quy định nêu trên do trong các khoản kinh phí được trích từ nguồn NSNN có khoản được chuyển nguồn, có khoản không được chuyển nguồn.

Câu hỏi 42:

Đối với sử dụng nguồn cải cách tiền lương tại các xã, phường, thị trấn cho tôi hỏi vấn đề sau: - Đối tượng nào được sử dụng nguồn 14 (cải cách tiền lương) để chi chênh lệch lương cơ sở khi tăng lương theo quy định (từ 1.210.000 đến 1.390.000 – chênh lệch 180.000 đồng). các đối tượng: Cán bộ công chức, cán bộ chuyên trách, cán bộ bán chuyên trách), cán bộ khu phố ấp (Bí thư, trưởng khu phố, Trưởng ban CT mặt trận KP, Phó trưởng KP), Phụ cấp Ban bảo vệ dân phố, Phụ cấp đội dân phòng, Phụ cấp Lực lương thường trực, Phụ cấp đại biểu HĐND, Phụ cấp cấp ủy, tổ bảo vệ nhân dân tự quản…, những thành phần trên, thành phần nào được sử dụng nguồn 14? - Nguồn 14 theo dõi chung hay phải tách ra 14 khoán và 14 không khoán? - Trong nguồn 14 khoán khi đối chiếu tại kho bạc lại tách ra theo từng khoản (từng sự nghiệp), tương tự 14 không khoán cũng vậy cũng tách và theo dõi từng khoản, nên đơn vị gặp nhiều khó khăn trong việc sử dụng nguồn này vì có những khoản tiết kiệm được nguồn 14 thì có để chi, nhưng có những khoản không tiết kiệm được nên khi chi nguồn này đơn vị phải điều chuyển nguồn CCTL từ khoản này sang khoản khác rất mất thời gian). Để thuận lợi cho công việc, cũng như theo dõi nguồn đúng quy định đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn việc chi, cũng như đối chiếu tại kho bạc có cần phải tách ra đến từng khoản hay không?

Trả lời:

- Theo các Nghị định của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với các các bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, từ năm 2016 đến nay, mức lương cơ sở của các các bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang như sau:

+ Năm 2016: 1.210.000 đồng/tháng (Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016).

+ Năm 2017: 1.300.000 đồng/tháng (Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017).

+ Năm 2018: 1.390.000 đồng/tháng (Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2019).

+ Năm 2019: 1.490.000 đồng/tháng (Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019).

- Đối tượng (cấp xã) áp dụng các Nghị định này bao gồm: Cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật cán bộ, công chức năm 2008 và Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và tổ dân phố.

- Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

"Cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại Điều 1 Nghị định này bao gồm:

1. Cán bộ chuyên trách giữ chức vụ bầu cử theo nhiệm kỳ ở cấp xã (sau đây gọi chung là cán bộ cấp xã);

2. Công chức cấp xã;

3. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã".

- Cũng theo quy định của các Nghị định nêu trên, nguồn kinh phí để thực hiện mức lương cơ sở bao gồm nguồn cải cách tiền lương của năm thực hiện và năm trước còn dư (nếu có).

- Theo quy định tại Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019 hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã nghỉ việc theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/5/2019 của Chính phủ):

+ Tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 1:

"Thông tư này quy định về việc xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện:

1. Điều chỉnh mức lương cơ sở đối với các đối tượng làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày

09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi tắt là Nghị định số 38/2019/NĐ-CP).

2. Điều chỉnh quỹ phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố theo mức khoán quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố".

+ Tại gạch đầu dòng thứ 2 tiết a Khoản 1 Điều 2: "*Riêng biên chế cán bộ, công chức cấp xã được xác định trong định biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố".*

- Theo quy định tại Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước:

+ Tại Phụ lục II. Danh mục tài khoản kế toán, các tài khoản dự toán kinh phí chia thường xuyên của đơn vị được theo dõi chi tiết theo Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán và Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ - giao khoán.

+ Tại Phụ lục III.11. Danh mục mã nguồn ngân sách nhà nước: Mã nguồn 14 - Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương.

Căn cứ các quy định nêu trên, Kho bạc Nhà nước xin trả lời các câu hỏi của độc giả như sau:

1. Các đối tượng (bao gồm các khoản lương, phụ cấp lương, các khoản tính theo lương theo quy định) được sử dụng nguồn 14 (cải cách tiền lương) để chi chênh lệch lương cơ sở khi tăng lương theo quy định (câu hỏi của độc giả là từ 1.210.000 đồng đến 1.390.000 đồng, tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại tiền lương cơ sở đã là 1.490.000 đồng/tháng) bao gồm:

- Cán bộ chuyên trách giữ chức vụ bầu cử theo nhiệm kỳ ở cấp xã.

- Công chức cấp xã.

- Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Lưu ý: Số cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố nằm trong định biên được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Nguồn 14 - Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương, khi hạch toán tại Kho bạc được theo dõi riêng từ nguồn khoán và không khoán.

3. Về theo dõi nguồn kinh phí thực hiện chính sách tiền lương chi tiết từng khoản:

Tại Mẫu biểu số 49 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC quy định: *"Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chỉ tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi"*.

Theo quy định trên, khi được giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương thì phải hạch toán chi tiết từng khoản theo quy định phân bổ giao dự toán ngân sách nhà nước được quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 324/2016/TT-BTC.

Câu hỏi 43:

Đơn vị tôi là Chủ đầu tư công trình trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Theo quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật thì các chi phí tư vấn không làm tròn số. Nhưng theo quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì các số được làm tròn theo nguyên tắc "Chữ số sau chữ số đơn vị tiền tệ rút gọn nếu bằng 5 trở lên thì được tăng thêm 1 đơn vị; nếu nhỏ hơn 5 thì không tính". Đơn vị chúng tôi căn cứ vào giá trị được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu để chỉ định thầu tư vấn, nhưng khi chuyển hồ sơ thanh toán qua kho bạc nhà nước thì kho bạc yêu cầu đơn vị chúng tôi phải làm theo giá trị theo phê duyệt báo cáo kinh tê kỹ thuật (không làm tròn số, hoặc làm tròn xuống). Ví dụ: Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu theo quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật là 4.261.824 đồng, theo quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu là 4.262.000 đồng. Kính mong Bộ Tài chính quan tâm và có ý kiến để đơn vị tôi có cơ sở thực hiện.

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 6, Điều 4, Nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán, đối với đơn vị tính sử dụng trong kế toán thì: *Khi sử dụng đơn vị tiền tệ rút gọn, đơn vị kế*

toán được làm tròn số bằng cách: Chữ số sau chữ số đơn vị tiền tệ rút gọn nếu bằng 5 trở lên thì được tăng thêm 1 đơn vị; nếu nhỏ hơn 5 thì không tính.

Như vậy, đối với giá trị được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu, giá trị phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật , việc làm tròn số phải tuân thủ theo quy định nêu trên.

Câu hỏi 44:

Tôi là kế toán của một đơn vị tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang trân trọng đề nghị quý Bộ hướng dẫn nội dung sau: Ngày 08/4/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật đấu thầu, trong đó: Khoản 19 Điều 3 quy định gói thầu có giá gói thầu không quá 50.000.000 đồng thuộc danh mục các gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt. Khoản 7 Điều 4 quy định quy trình lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu tại Khoản 19 Điều 3 như sau: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc mua sắm bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình; không bắt buộc phải ký hợp đồng với nhà cung cấp nhưng phải bảo đảm chế độ hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật (không phải lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu). Thực hiện Quyết định trên, cơ quan tôi đã tổ chức mua sắm một số hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan với giá trị mua sắm từ 20 triệu đến dưới 50 triệu đồng. Tuy nhiên, khi gửi hồ sơ đề nghị thanh toán đến Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Giang, thì cán bộ kiểm soát chi của Kho bạc vẫn yêu cầu phải gửi theo Quyết định phê duyệt chỉ định thầu đối với hàng hóa có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên. Qua trao đổi, cán bộ kiểm soát chi của Kho bạc giải thích là hiện Kho bạc vẫn đang thực hiện việc kiểm soát chi theo Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính. Vậy, việc thực hiện của cơ quan Kho bạc nêu trên còn phù hợp không và Bộ Tài chính có văn bản nào quy định rõ vấn đề này chưa? Rất mong Bộ Tài chính quan tâm xem xét. Trân trọng cảm ơn!

Trả lời:

*"*Đối với gói thầu mua sắm thực hiện theo Khoản 19 Điều 3 Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu không ký hợp đồng với nhà cung cấp: Hồ sơ gửi Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi thực hiện theo thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước bao gồm giấy rút dự toán, bảng kê chứng từ thanh toán theo mẫu (Mẫu số: 01 bảng kê chứng từ thanh toán/tạm ứng Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính)"./.

Câu hỏi 45:

Tôi công tác tại Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 (trường công lập), Hiện Trường đang đào tạo đối tượng học sinh- sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí theo nghị định 86/ NĐ- CP. Theo điều 6 khoản 1 thông tư 09/2016/TTLT- BGD ĐT- BTC- BLĐTBXH ngày 30/3/2016 có hướng dẫn phương thức cấp bù miễn giảm học phí cho các cơ sở giáo dục công lập: Khi rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập phải gửi cơ quan Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch bản tổng hợp đề nghị cấp bù tiền học phí miễn, giảm (gồm các nội dung: Họ tên người học thuộc diện được miễn, giảm học phí hiện đang theo học tại trường; mức thu học phí của nhà trường; mức học phí miễn, giảm và tổng nhu cầu kinh phí đề nghị cấp bù). Khi Trường chúng tôi thực hiện xét miễn giảm học phí cho các đối tượng được được miễn giảm học phí, những đối tượng đủ điều kiện theo nghị định 86/ NĐ- CP Trường có quyết định miễn giảm học phí cho các đối tượng này và gửi danh sách học sinh- sinh viên được miễn giảm và kinh phí miễn giảm tính theo học phí ra kho bạc để rút kinh phí miễn giảm từ tài khoản dự toán về tài khoản học phí ở Kho bạc thì Trường chúng tôi có được phép rút như vậy không ?

Trả lời:

- Tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư 09/2016/ TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số

86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015-2016 đến năm học 2020-2021 quy định:

"Phương thức cấp bù tiền miễn, giảm học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập:

Kinh phí thực hiện cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập được ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo hình thức giao dự toán. Việc phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập được thực hiện đồng thời với thời Điểm phân bổ dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Khi giao dự toán cho các cơ sở giáo dục, cơ quan chủ quản phải ghi rõ dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp bù học phí cho người học thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí đang theo học tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập.

Khi rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập phải gửi cơ quan Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch bản tổng hợp đề nghị cấp bù tiền học phí miễn, giảm (gồm các nội dung: Họ tên người học thuộc diện được miễn, giảm học phí hiện đang theo học tại trường; mức thu học phí của nhà trường; mức học phí miễn, giảm và tổng nhu cầu kinh phí đề nghị cấp bù)."

Như vậy, kinh phí thực hiện chính sách cấp bù học phí cho người học thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí được cơ quan chủ quan giao dự toán cho các cơ sở giáo dục. Khi rút kinh phí từ Tài khoản dự toán, cơ sở giáo dục gửi KBNN hồ sơ kiểm soát chi theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

- Đồng thời, tại Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 61/2014/TT-BTC ngày 12/5/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước trong điều kiện áp dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc quy định:

"Nghiêm cấm các đơn vị sử dụng ngân sách rút tiền từ tài khoản dự toán chuyển vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mình, <u>trừ các trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép."</u>

Câu hỏi 46:

Tôi công tác tại Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 (trường công lập), Hiện Trường đang đào tạo đối tượng học sinh- sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí theo nghị định 86/ NĐ- CP. Theo điều 6 khoản 1 thông tư 09/2016/TTLT- BGD ĐT- BTC- BLĐTBXH ngày 30/3/2016 có hướng dẫn phương thức cấp bù miễn giảm học phí cho các cơ sở giáo dục công lập: Khi rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập phải gửi cơ quan Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch bản tổng hợp đề nghị cấp bù tiền học phí miễn, giảm (gồm các nội dung: Họ tên người học thuộc diện được miễn, giảm học phí hiện đang theo học tại trường; mức thu học phí của nhà trường; mức học phí miễn, giảm và tổng nhu cầu kinh phí đề nghị cấp bù). Khi Trường chúng tôi thực hiện xét miễn giảm học phí cho các đối tượng được được miễn giảm học phí, những đối tượng đủ điều kiện theo nghị định 86/ NĐ- CP Trường có quyết định miễn giảm học phí cho các đối tượng này và gửi danh sách học sinh- sinh viên được miễn giảm và kinh phí miễn giảm tính theo học phí ra kho bạc để rút kinh phí miễn giảm từ tài khoản dự toán về tài khoản học phí ở Kho bạc thì Trường chúng tôi có được phép rút như vậy không ?

Trả lời:

- Tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư 09/2016/ TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015-2016 đến năm học 2020-2021 quy định:

"Phương thức cấp bù tiền miễn, giảm học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập:

Kinh phí thực hiện cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập được ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo hình thức giao dự toán. Việc phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập được thực hiện đồng thời với thời Điểm phân bổ dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Khi giao dự toán cho các cơ sở giáo dục, cơ quan chủ quản phải ghi rõ dự toán kinh phí thực hiện chính

sách cấp bù học phí cho người học thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí đang theo học tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập.

Khi rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập phải gửi cơ quan Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch bản tổng hợp đề nghị cấp bù tiền học phí miễn, giảm (gồm các nội dung: Họ tên người học thuộc diện được miễn, giảm học phí hiện đang theo học tại trường; mức thu học phí của nhà trường; mức học phí miễn, giảm và tổng nhu cầu kinh phí đề nghị cấp bù).”

Như vậy, kinh phí thực hiện chính sách cấp bù học phí cho người học thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí được cơ quan chủ quan giao dự toán cho các cơ sở giáo dục. Khi rút kinh phí từ Tài khoản dự toán, cơ sở giáo dục gửi KBNN hồ sơ kiểm soát chi theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

- Đồng thời, tại Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 61/2014/TT-BTC ngày 12/5/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước trong điều kiện áp dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc quy định:

“Nghiêm cấm các đơn vị sử dụng ngân sách rút tiền từ tài khoản dự toán chuyển vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mình, <u>trừ các trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.”</u>

Câu hỏi 47:

Xin cho hỏi về thủ tục thanh toán tại Kho Bạc: Khi thanh toán các khoản mục chi phí theo dự toán được duyệt có phải nộp các hóa đơn cho cán bộ chuyên quản của Kho Bạc để kiểm tra không?

Trả lời:

Căn cứ quy định hiện hành, theo chức năng nhiệm vụ được giao, Kho bạc Nhà nước trả lời câu hỏi của độc giả qua cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính như sau:

Hồ sơ kiểm soát chi NSNN đơn vị gửi KBNN thực hiện theo khoản 6, Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 quy định chế độ kiểm soát thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN.

Câu hỏi 48:

Xin cho hỏi về thủ tục thanh toán tại Kho Bạc: Khi thanh toán các khoản mục chi phí theo dự toán được duyệt có phải nộp các hóa đơn cho cán bộ chuyên quản của Kho Bạc để kiểm tra không?

Trả lời:

Căn cứ quy định hiện hành, theo chức năng nhiệm vụ được giao, Kho bạc Nhà nước trả lời câu hỏi của độc giả qua cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính như sau:

Hồ sơ kiểm soát chi NSNN đơn vị gửi KBNN thực hiện theo khoản 6, Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 quy định chế độ kiểm soát thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN.

Câu hỏi 49:

Tôi xin hỏi hồ sơ thanh toán gửi KBNN đối với những khoản mua sắm tập trung dưới 20 triệu gồm những gì? Theo TT 39/2016/TT-BTC thì đối với những khoản mua sắm dưới 20 triệu đơn vị chỉ phải gửi bảng kê chứng từ, nhưng theo công văn 3959/KBNN-KSC ngày 22/8/2017 hướng dẫn mua sắm tài sản theo phương thức tập trung không nêu rõ hồ sơ thanh toán các khoản mua sắm tài sản trên hoặc dưới 20 triệu.

Trả lời:

Công văn số 3959/KBNN-KSC ngày 22/8/2017 của Kho bạc Nhà nước về việc kiểm soát, thanh toán đối với các khoản mua sắm tài sản nhà nước, mua sắm thuốc theo phương thức tập trung căn cứ: Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung; Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung.

Tuy nhiên, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/1/2018 đã thay thế Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Vì vậy, hiện nay việc mua sắm tập trung được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, theo đó, tại Khoản 4 Điều 79 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định:

Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát chi theo quy định của pháp luật. Hồ sơ kiểm soát chi bao gồm:

a) Dự toán năm hoặc kế hoạch vốn đầu tư năm của chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền giao;

b) Hợp đồng mua sắm tài sản theo quy định tại Điều 78 Nghị định này;

c) Bảo lãnh tạm ứng (nếu có);

d) Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định tại Điều 80 Nghị định này;

đ) Giấy rút dự toán/Giấy rút vốn đầu tư; Giấy đề nghị thanh toán (nếu có); Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử hoặc giấy rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi (trong trường hợp chi từ tài khoản tiền gửi);

e) Văn bản của đơn vị mua sắm tập trung đề nghị cơ quan quản lý chương trình, dự án chuyển tiền cho nhà thầu cung cấp tài sản được lựa chọn theo hợp đồng đã ký (trong trường hợp đơn vị mua sắm tập trung đề nghị Cơ quan quản lý chương trình, dự án chuyển tiền thanh toán cho nhà thầu cung cấp tài sản);

g) Văn bản của đơn vị mua sắm tập trung đề nghị cơ quan quản lý chương trình, dự án chuyển tiền vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mua sắm tập trung; Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử (trong trường hợp đơn vị mua sắm tập trung đề nghị Cơ quan quản lý chương trình, dự án chuyển tiền cho đơn vị mua sắm tập trung để thanh toán cho nhà thầu cung cấp tài sản). Đối với văn bản đề nghị chuyển tiền này, ngoài các thông tin liên quan đến việc mua sắm tài sản, cần ghi rõ số tiền đề nghị chuyển, số tài khoản tiền gửi của đơn vị mua sắm tập trung và Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản tiền gửi."

Đề nghị độc giả nghiên cứu quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP nêu trên để thực hiện theo đúng quy định.

Câu hỏi 50:

Tôi là hiệu trưởng trường trung học cơ sở có sử dụng kinh phí từ Ngân sách Nhà nước . Năm 2014 trường tôi thiếu kế toán và đã được chủ tịch huyện ký hợp đồng có thời hạn 01 năm với kế toán để thực hiện giao dịch các khoản chi Ngân sách nhà nước qua Kho bạc, đến nay khi hết hạn Chủ tịch UBND huyện không tiếp tục ký hợp đồng nữa, và Kho bạc không chấp thuận chữ ký của kế toán đơn vị; yêu cầu đơn vị báo cáo huyện tiếp tục ký hợp đồng hoặc bổ sung kế toán để đăng ký chữ ký giao dịch với Kho bạc, vì theo qui đinh tại điểm

1 tiết a điều 8 thông tư 61/2014/TT-BTC ngày 12/5/2014 hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản qua Kho bạc Nhà nước, khi đăng ký mẫu dấu chữ ký phải có quyết định bổ nhiệm Chủ tài khoản và Kế toán trưởng (hoặc người phụ trách). Nhà trường đã đề nghị với Huyện và Huyện có văn bản thông báo trường hợp kế toán đó theo qui định của luật lao động (sau khi kết thúc 2 lần ký hợp đồng mà vẫn tiếp tục thực hiện công việc thì coi như được chấp thuận trở thành hợp đồng không thời hạn). Tôi xin hỏi quí bộ như vậy có đúng không và có làm cơ sở để kế toán đăng ký chữ ký giao dịch với kho bạc được không. Tôi đang rất cần được trả lời ngay.

Trả lời:

1. Câu hỏi của độc giả đề cập đến việc thuê kế toán nhưng liên quan đến việc đăng ký mẫu dấu chữ ký của kế toán trưởng (phụ trách kế toán) khi đăng ký sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nên Kho bạc Nhà nước hiểu rằng độc giả đang nêu vướng mắc về việc thuê kế toán trưởng (phụ trách kế toán) của đơn vị nơi độc giả đang công tác (vì kế toán không phải đăng ký chữ ký tại Kho bạc). Theo đó, Kho bạc Nhà nước trả lời độc giả như sau:

Theo quy định tại Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán:

- Tại Khoản 1 Điều 20: *"Đơn vị kế toán phải bố trí kế toán trưởng trừ các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp đơn vị chưa bổ nhiệm được ngay kế toán trưởng thì bố trí người phụ trách kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định. Thời gian bố trí người phụ trách kế toán tối đa là 12 tháng, sau thời gian này đơn vị kế toán phải bố trí người làm kế toán trưởng".*

- Tại Khoản 1 Điều 22: *"Tổ chức, đơn vị sự nghiệp không sử dụng ngân sách nhà nước và đơn vị kế toán khác quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này được thuê đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán để làm kế toán hoặc làm kế toán trưởng, phụ trách kế toán. Tổ chức đơn vị sự nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước có thể thuê đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán để làm kế toán hoặc làm kế toán trưởng, phụ trách kế toán do người đại diện theo pháp luật của đơn vị quyết định".*

Từ các quy định nêu trên, trường hợp đơn vị đi thuê người làm kế toán trưởng, phụ trách kế toán phải thuê tổ chức pháp nhân là đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán (không thuê cá nhân).

Theo quy định của Pháp luật kế toán, chỉ có các doanh nghiệp và hộ kinh doanh dịch vụ kế toán; doanh nghiệp kiểm toán thỏa mãn điều kiện của Luật Kế toán mới được cung cấp dịch vụ kế toán.

Theo phản ánh của độc giả, huyện ký hợp đồng lao động với cá nhân để thực hiện công việc kế toán trưởng/phụ trách kế toán của trường trung học cơ sở có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước là chưa đúng với quy định của pháp luật kế toán.

Tại tiết a Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 61/2014/TT-BTC quy định:

"Đối với tài khoản của các đơn vị, tổ chức sử dụng kinh phí NSNN (trừ trường hợp Ban quản lý được giao quản lý dự án đầu tư XDCB, dự án vốn chương trình mục tiêu có tính chất đầu tư đăng ký sử dụng tài khoản), hồ sơ đăng ký sử dụng tài khoản gồm:

+ Giấy đăng ký sử dụng tài khoản và mẫu dấu, mẫu chữ ký (Mẫu số: 01a/MTK);

+ Quyết định (hoặc giấy chứng thực) thành lập đơn vị của cấp có thẩm quyền, trừ một số trường hợp đặc biệt quy định tại điểm b, Khoản 5, Điều 9 Thông tư này;

+ Quyết định bổ nhiệm chức vụ của Chủ tài khoản, Kế toán trưởng (hoặc người Phụ trách kế toán);

+ Giấy chứng nhận đăng ký mã số ĐVQHNS (Mẫu số 06A-MSNS-BTC, 06B-MSNS-BTC ban hành kèm theo Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC)".

Tại tiết d Khoản 6 Điều 9Thông tư số 61/2014/TT-BTC quy định:

"Trường hợp có Quyết định bổ nhiệm lại chức vụ của người đang đăng ký Chủ tài khoản, của Kế toán trưởng hoặc có văn bản phân công lại cho người phụ trách kế toán, các đơn vị, tổ chức phải gửi KBNN nơi giao dịch các văn bản bổ nhiệm hoặc phân công lại. Đơn vị KBNN không chịu trách nhiệm theo dõi thời hạn bổ nhiệm các chức danh này".

Như vậy, trong hồ sơ đăng ký, sử dụng tài khoản tại KBNN, Kho bạc Nhà nước nhận Quyết định bổ nhiệm, phân công kế toán trưởng/Phụ trách kế toán hoặc văn bản bổ nhiệm lại, phân công lại kế toán trưởng/Phụ trách kế toán mà không nhận hợp đồng thuê kế toán trưởng của đơn vị. Đơn vị chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các văn bản này.

Câu hỏi 51:

Đơn vị tôi thực hiện thanh toán công tác phí qua kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Kạn, trong công tác phí đơn vị tôi có tiền vé xe, tiền vé cầu đường, tiền thuê phòng nghỉ và tiền công tác phí. Lâu nay, đơn vị vẫn thanh toán tiền vé cầu đường (khi qua các trạm thu (phí) giá) của xe ô tô cho người lái xe bằng chuyển khoản vào tài khoản của lái xe. tuy nhiên trong tháng 4/2019 kho bạc không chấp nhận thanh toán tiền vé cầu đường chuyển cho lái xe mà phải rút tiền mặt để chi trả, trong khi tiền công tác phí, tiền ngủ được phép chuyển khoản vào cho từng cá nhân đi công tác. Thiết nghĩ về mặt kế toán 1 bộ chứng từ đi công tác phải thanh toán cùng nhau bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản, nhưng khi đơn vị đề nghị rút tiền mặt cho cả bộ chứng từ đi công tác đó, thì kho bạc không chấp nhận với lý do: cá nhân có tài khoản nên tiền công tác phí, tiền ngủ phải chuyển khoản cho từng cá nhân. Như vậy, cùng 1 bộ chứng từ đơn vị phải phô tô công lệnh để làm 1 bộ rút tiền mặt, 1 bộ chuyển khoản như vậy có phù hợp với tiết kiệm, chống lãng phí, phù hợp với hạn chế thanh toán dùng tiền mặt? và tiền vé cầu đường đó đơn vị chỉ chuyển cho 1 người lái xe không phải chuyển hết cho các nhân đi công tác. Kính mong nhận được câu trả lời của Bộ tài chính về vấn đề này (đơn vị đã đề nghị kho bạc cung cấp văn bản nhưng kho bạc trả lời chung chung là thanh tra kho bạc không chấp nhận, không đưa văn bản cụ thể theo thông tư hay công văn nào).

Trả lời:

Theo Khoản 5, Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/12/2016 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước quy định: "Chi ngân sách nhà nước thực hiện theo nguyên tắc thanh toán trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước cho người hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp một số khoản chi chưa có đủ điều kiện thực hiện việc thanh toán trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước, đơn vị sử dụng ngân sách được tạm ứng kinh phí để chủ động chi theo dự toán được giao, sau đó đơn vị thanh toán với Kho bạc Nhà nước theo đúng quy định của Bộ Tài chính".

Bên cạnh đó, theo Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống kho bạc nhà nước về việc sửa đổi khoản 1, Điều 6 Nội dung chi tiền mặt như sau:

"1. Các khoản chi thanh toán cá nhân, bao gồm: tiền lương; tiền công; tiền công tác phí; phụ cấp lương; học bổng học sinh, sinh viên; tiền thưởng; phúc lợi tập

thể; chi cho cán bộ xã, thôn, bản đương chức; chi thực hiện chế độ chính sách người có công với cách mạng; chi công tác xã hội; chi lương hưu và trợ cấp xã hội; chi tiền ăn trưa cho trẻ em mầm non, học sinh; các khoản thanh toán khác cho cá nhân.

Trường hợp chi thanh toán cá nhân cho các đối tượng hưởng lương từ NSNN thuộc diện bắt buộc phải thanh toán bằng chuyển khoản…

…

b) Nội dung thực hiện chi trả qua tài khoản, bao gồm: Tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp lương; chi bổ sung thu nhập; tiền điện thoại đối với các chức danh có tiêu chuẩn; các khoản thanh toán cho cá nhân thực hiện chế độ giao khoán kinh phí theo quy định và các khoản chi thanh toán cho cá nhân khác…"

Như vậy, tại đơn vị của độc giả khi thanh toán tiền công tác phí, tiền phòng nghỉ cho các cá nhân có tài khoản thì kho bạc thực hiện chuyển khoản cho từng cá nhân, riêng tiền vé xe vé cầu đường phải thực hiện rút tiền mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 5, Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/12/2016.

Câu hỏi 52:

Tôi có câu hỏi muốn được giải đáp như sau: Hợp đồng thi công xây dựng công trình thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, giá trị hợp đồng là 5 tỷ, trong đó giá cung cấp thiết bị là 2 tỷ và giá xây lắp là 3 tỷ. Bộ cho tôi hỏi, khi kho bạc thanh toán cho nhà thầu thì thực hiện khấu trừ 2% thuế GTGT trên tổng giá trị hợp đồng là 5 tỷ hay chỉ khấu trừ 2% trên giá trị phần xây lắp là 3 tỷ?

Trả lời câu hỏi của độc giả Nguyễn Chí Cường, địa chỉ tại Buôn Ma Thuột (cuongvst@gmail.com). Về vấn đề này, Vụ Kiểm soát chi trả lời độc giả như sau:

- Tại Tiết b, Khoản 2, Điều 12 (Điều kiện thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước), Chương I, Luật Ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 quy định:

"2. Chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán ngân sách được giao, trừ trường hợp quy định tại Điều 51 của Luật này; đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định chi và đáp ứng các điều kiện trong từng trường hợp sau đây:

b) Đối với chi thường xuyên phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp các cơ

quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí thì thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ và phù hợp với dự toán được giao tự chủ".

- Tại Điều 23, Chương IV, Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ Luật Lao động quy định:

"1. Người lao động hưởng lương tháng được trả lương tháng một lần hoặc nửa tháng một lần.

2. Thời điểm trả lương do hai bên thỏa thuận và được ấn định vào một thời điểm cố định trong tháng".

Căn cứ các quy định nêu trên, đối với các khoản chi thường xuyên, trong đó có chi lương thì việc chi lương cho cán bộ, công chức vào thời điểm đầu tháng hay cuối tháng là do đơn vị tự quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện chi có trong dự toán giao được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đúng tiêu chuẩn định mức chi và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Câu hỏi 53:

Cơ quan tài chính chỗ Tôi có Lệnh chi tiền tạm ứng; thủ tục chúng tôi thực hiện theo TT161/2012/TT-BTc và TT 39/2016/TT-BTC (2. Đối với hình thức chi theo Lệnh chi tiền của cơ quan tài chính: hồ sơ thanh toán là Lệnh chi tiền của cơ quan tài chính. Đối với hồ sơ liên quan đến từng khoản chi bằng lệnh chi tiền, đơn vị gửi hồ sơ cho cơ quan tài chính, cơ quan tài chính chịu trách nhiệm kiểm soát và lưu giữ hồ sơ chứng từ chi bằng hình thức lệnh chi tiền.). Nhưng Về Thanh toán tạm ứng theo quy định tại TT 161, TT39 và hướng dẫn tại mẫu C2-03/NS, C3-02/NS Phụ lục 5 Công văn 4696/KBNN-KTNN ngày 29/9/2017 (về độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước) có quy định đơn vị được tạm ứng gửi hồ sơ thanh toán đến cơ quan kho bạc nhà nước để thanh toán tạm ứng. Như vậy cho tôi hỏi: Khi thực hiện thanh toán tạm ứng bằng lệnh chi tiền, cơ quan tài chính hay KBNN tiếp nhận hồ sơ, kiểm soát và làm thủ tục thanh toán tạm ứng? quy định này được thể hiện tại khoản, mục, văn bản nảo?

Trả lời:

1. Về việc kiểm soát, thanh toán Lệnh chi tiền:

- Tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày ngày

02/10/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước quy định:*"3. Đối với hình thức chi theo lệnh chi tiền của cơ quan tài chính: hồ sơ thanh toán là lệnh chi tiền của cơ quan tài chính. Đối với hồ sơ liên quan đến từng khoản chi bằng lệnh chi tiền, đơn vị gửi hồ sơ cho cơ quan tài chính, cơ quan tài chính chịu trách nhiệm kiểm soát các điều kiện chi theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và lưu giữ hồ sơ chứng từ chi bằng hình thức lệnh chi tiền."*

- Tại Khoản 2 Điều 19 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN quy định:

"2. Quy trình chi theo hình thức lệnh chi tiền:

a) Căn cứ dự toán ngân sách được giao, hồ sơ, chứng từ theo chế độ quy định và yêu cầu của đơn vị sử dụng ngân sách, cơ quan tài chính xem xét, kiểm tra, nếu đủ các điều kiện chi theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật ngân sách nhà nước thì trong phạm vi 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chi của đơn vị, cơ quan tài chính lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước;

b) Trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được lệnh chi tiền của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của lệnh chi tiền, căn cứ nội dung trên lệnh chi tiền, thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển tiền vào tài khoản hoặc chi bằng tiền mặt cho các đối tượng thụ hưởng ngân sách. Trường hợp lệnh chi tiền không hợp lệ, hợp pháp, thì chậm nhất trong 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được lệnh chi tiền, Kho bạc Nhà nước phải thông báo cho cơ quan tài chính biết để xử lý."

Căn cứ các quy định nêu trên, đối với hình thức chi theo lệnh chi tiền của cơ quan tài chính đơn vị gửi hồ sơ cho cơ quan tài chính, cơ quan tài chính chịu trách nhiệm kiểm soát các điều kiện chi theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và lưu giữ hồ sơ chứng từ chi bằng hình thức lệnh chi tiền.

2. Về việc chuyển số tạm ứng thành thực chi bằng Lệnh chi tiền được thực hiện theo quy định tại tiết 1.1.2.1 điểm 1, Mục II, Phụ lục VIII- Phương pháp kê toán các nghiệp vụ chủ yếu, Công văn số 4696/KBNN-KTNN ngày 29/9/2017 của KBNN về việc hướng dẫn thực hiện Chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước; theo đó, Cơ quan tài chính lập Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách (Mẫu C2-10/NS) ban hành kèm theo Thông tư 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ

Tài chính gửi đến KBNN; căn cứ Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách, KBNN hạch toán thu hồi tạm ứng.

Câu hỏi 54:

theo quy định Phòng nội vụ phụ trách và quản lý quỹ khen thưởng thi đua của thành phố, huyện. Dự toán chi khen thưởng thi đua dịa phương được phòng tài chính cấp cho phòng nội vụ quản lý và sử dụng . Vậy khi phòng nội vụ thanh toán chi khen thưởng cho các hoạt động phong trào cho các đơn vị đóng trên địa bàn thành phố, huyện theo quyết định của UBND , Hô sơ gửi đến kho bạc kiểm soát các khoản chi khen thưởng này bao gồm danh sách khen thưởng hay chỉ gửi bảng kê là đủ. Phòng nội vụ tự chịu trách nhiệm trên bàng kê . Tiểu mục hạch toán chi khen thưởng này là 7049 có đúng hay không? (vì theo quan điểm của tôi, chi khen thưởng này cho các cá nhân đơn vị trực thuộc thành phố , huyện, Chứ không phải công chức của phòng nội vụ) . Rất mong được sự trả lời của cơ quan chức năng.

Trả lời:

(1) Về hồ sơ kiểm soát chi thanh toán các khoản chi cá nhân gửi đến KBNN quy định tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 1/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước như sau:

"a) Giấy rút dự toán (thanh toán);

b) Đối với những khoản chi không có hợp đồng và đối với những khoản chi có giá trị hợp đồng dưới hai mươi triệu đồng: Bảng kê chứng từ thanh toán theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư này;

c) Ngoài các tài liệu tại điểm a, điểm b khoản 1.4 Điều này, tuỳ theo từng nội dung chi, đơn vị gửi kèm theo các tài liệu, chứng từ sau:

....

Đối với các khoản chi tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng, phụ cấp lương, học bổng học sinh, sinh viên, tiền thưởng, phúc lợi tập thể, các khoản đóng góp, chi cho cán bộ xã thôn, bản đương chức: Danh sách những người hưởng tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng, danh sách cán bộ xã, thôn bản đương chức; Danh sách những người được tiền thưởng, tiền phụ cấp, tiền trợ cấp; Danh sách học bổng (gửi lần đầu vào đầu năm và gửi khi có bổ sung, điều chỉnh)."

Theo đó, hồ sơ kiểm soát chi phải gồm có bảng kê chứng từ thanh toán và danh sách những người được khen thưởng.

(2) Về tiểu mục hạch toán khoản chi khen thưởng

Tại điểm 2.5 mục IV Công văn số 7078/BTC-KBNN ngày 30/5/2017 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Mục lục NSNN, hướng dẫn hạch toán Mục 6200 "Tiền thưởng" như sau:

"Để phản ánh các khoản chi thưởng theo chế độ của Nhà nước từ nguồn kinh phí NSNN. Trường hợp chi thưởng từ quĩ tiền thưởng của đơn vị thì không hạch toán vào đây."

Theo đó, đơn vị hạch toán khoản chi khen thưởng từ nguồn NSNN cấp cho Phòng Nội vụ được hạch toán vào tiểu mục tương ứng thuộc Mục 6200, mà không hạch toán vào Tiểu mục 7049- Chi khác thuộc Mục 7000- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành.

Câu hỏi 55:

Tôi có vướng mắc xin Bộ giải đáp: Theo các công văn 17304/BTC-KBNN và 15391/BTC-KBNN hướng dẫn xử lý chuyển nguồn năm 2017, 2018 thì: "Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách sau ngày 30/09/2017 (không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc); trong đó, nguồn kinh phí không giao tự chủ được theo dõi mã nguồn 15" vậy sau khi chuyển nguồn sang năm sau thì kho bạc nhà nước có hạch toán lại thành nguồn 12 hay không? nếu trường hợp sử dụng không hết nguồn kinh phí được chuyển nguồn trong năm tiếp theo mà vẫn mã nguồn 15 thì xử lý như thế nào?

Trả lời:

- Theo quy định tại Công văn15391/BTC-KBNN hướng dẫn xử lý chuyển nguồn 2017, 2018 và quy định tại Điểm đ, Khoản 4.1, Mục 4, Phần II của Công văn 15861/BTC-KBNN ngày 19/12/2018 Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2018 trên TABMIS: "Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách sau ngày 30/09/2018, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc:Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/09/2018, nguồn không tự chủ được theo dõi mã nguồn 15 - Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9.

Lưu ý:

Dự toán ngân sách giao cho đơn vị được theo dõi mã nguồn 15 - Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9, đến hết ngày 31/01/2019 chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết được chuyển sang năm 2019 và điều chỉnh sang mã nguồn 12- Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán."

Theo quy định tại Điểm a, Khoản 4.4.2, Mục 4, Phần II của Công văn 15861 /BTC-KBNN ngày 19/12/2018 Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2018 trên TABMIS:

" Dự toán ngân sách giao cho đơn vị (bao gồm các khoản bổ sung trong năm) đến hết ngày 31/01/2019 chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết (gọi là số dư dự toán) còn dư tại mã nguồn 15- Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9, được chuyển sang năm 2019 và điều chỉnh sang mã nguồn 12- Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán."

Căn cứ các quy định nêu trên, đối với các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách sau ngày 30/09/2017 (không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc) thì được theo dõi mã nguồn 15, cuối năm số dư còn lại được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại Tiết đ, Khoản 3 Điều 64 Luật ngân sách năm 2015, sau khi chuyển nguồn sang năm sau, thực hiện điều chỉnh sang mã nguồn 12- Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán.

Việc chuyển nguồn ngân sách từ năm 2019 sang năm 2020 đối với khoản kinh phí không tự chủ (mã nguồn kinh phí 12) nêu trên, thực hiện theo quy định Khoản 3 Điều 64 Luật ngân sách năm 2015.

Câu hỏi 56:

Theo quy định Phòng nội vụ phụ trách và quản lý quỹ khen thưởng thi đua của thành phố, huyện. Dự toán chi khen thưởng thi đua dịa phương được phòng tài chính cấp cho phòng nội vụ quản lý và sử dụng . Vậy khi phòng nội vụ thanh toán chi khen thưởng cho các hoạt động phong trào cho các đơn vị đóng trên địa bàn thành phố, huyện theo quyết định của UBND , Hô sơ gửi đến kho bạc kiểm soát các khoản chi khen thưởng này bao gồm danh sách khen thưởng hay chỉ gửi bảng kê là đủ. Phòng nội vụ tự chịu trách nhiệm trên bàng kê . Tiểu mục hạch toán chi khen thưởng này là 7049 có đúng hay không? (vì theo quan điểm của tôi, chi khen thưởng này cho các cá nhân đơn vị trực thuộc

thành phố , huyện, Chứ không phải công chức của phòng nội vụ) . Rất mong được sự trả lời của cơ quan chức năng?

Trả lời:

(1) Về hồ sơ kiểm soát chi thanh toán các khoản chi cá nhân gửi đến KBNN quy định tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 1/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước như sau:

"a) Giấy rút dự toán (thanh toán);

b) Đối với những khoản chi không có hợp đồng và đối với những khoản chi có giá trị hợp đồng dưới hai mươi triệu đồng: Bảng kê chứng từ thanh toán theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư này;

c) Ngoài các tài liệu tại điểm a, điểm b khoản 1.4 Điều này, tuỳ theo từng nội dung chi, đơn vị gửi kèm theo các tài liệu, chứng từ sau:

....

Đối với các khoản chi tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng, phụ cấp lương, học bổng học sinh, sinh viên, tiền thưởng, phúc lợi tập thể, các khoản đóng góp, chi cho cán bộ xã thôn, bản đương chức: Danh sách những người hưởng tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng, danh sách cán bộ xã, thôn bản đương chức; Danh sách những người được tiền thưởng, tiền phụ cấp, tiền trợ cấp; Danh sách học bổng (gửi lần đầu vào đầu năm và gửi khi có bổ sung, điều chỉnh)."

Theo đó, hồ sơ kiểm soát chi phải gồm có bảng kê chứng từ thanh toán và danh sách những người được khen thưởng.

(2) Về tiểu mục hạch toán khoản chi khen thưởng

Tại điểm 2.5 mục IV Công văn số 7078/BTC-KBNN ngày 30/5/2017 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Mục lục NSNN, hướng dẫn hạch toán Mục 6200 "Tiền thưởng" như sau:

"Để phản ánh các khoản chi thưởng theo chế độ của Nhà nước từ nguồn kinh phí NSNN. Trường hợp chi thưởng từ quĩ tiền thưởng của đơn vị thì không hạch toán vào đây."

Theo đó, đơn vị hạch toán khoản chi khen thưởng từ nguồn NSNN cấp cho Phòng Nội vụ được hạch toán vào tiểu mục tương ứng thuộc Mục 6200, mà không

hạch toán vào Tiểu mục 7049- Chi khác thuộc Mục 7000- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành.

Câu hỏi 57:

Theo quy định Phòng nội vụ phụ trách và quản lý quỹ khen thưởng thi đua của thành phố, huyện. Dự toán chi khen thưởng thi đua dịa phương được phòng tài chính cấp cho phòng nội vụ quản lý và sử dụng . Vậy khi phòng nội vụ thanh toán chi khen thưởng cho các hoạt động phong trào cho các đơn vị đóng trên địa bàn thành phố, huyện theo quyết định của UBND , Hô sơ gửi đến kho bạc kiểm soát các khoản chi khen thưởng này bao gồm danh sách khen thưởng hay chỉ gửi bảng kê là đủ. Phòng nội vụ tự chịu trách nhiệm trên bàng kê . Tiểu mục hạch toán chi khen thưởng này là 7049 có đúng hay không? (vì theo quan điểm của tôi, chi khen thưởng này cho các cá nhân đơn vị trực thuộc thành phố , huyện, Chứ không phải công chức của phòng nội vụ) . Rất mong được sự trả lời của cơ quan chức năng ?

Trả lời:

(1) Về hồ sơ kiểm soát chi thanh toán các khoản chi cá nhân gửi đến KBNN quy định tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 1/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước như sau:

“a) Giấy rút dự toán (thanh toán);

b) Đối với những khoản chi không có hợp đồng và đối với những khoản chi có giá trị hợp đồng dưới hai mươi triệu đồng: Bảng kê chứng từ thanh toán theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư này;

c) Ngoài các tài liệu tại điểm a, điểm b khoản 1.4 Điều này, tuỳ theo từng nội dung chi, đơn vị gửi kèm theo các tài liệu, chứng từ sau:

....

Đối với các khoản chi tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng, phụ cấp lương, học bổng học sinh, sinh viên, tiền thưởng, phúc lợi tập thể, các khoản đóng góp, chi cho cán bộ xã thôn, bản đương chức: Danh sách những người hưởng tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng, danh sách cán bộ xã, thôn bản đương chức; Danh sách những người được tiền thưởng, tiền phụ cấp, tiền trợ cấp; Danh sách học bổng (gửi lần đầu vào đầu năm và gửi khi có bổ sung, điều chỉnh).”

Theo đó, hồ sơ kiểm soát chi phải gồm có bảng kê chứng từ thanh toán và danh sách những người được khen thưởng.

(2) Về tiểu mục hạch toán khoản chi khen thưởng

Tại điểm 2.5 mục IV Công văn số 7078/BTC-KBNN ngày 30/5/2017 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Mục lục NSNN, hướng dẫn hạch toán Mục 6200 "Tiền thưởng" như sau:

"Để phản ánh các khoản chi thưởng theo chế độ của Nhà nước từ nguồn kinh phí NSNN. Trường hợp chi thưởng từ quĩ tiền thưởng của đơn vị thì không hạch toán vào đây."

Theo đó, đơn vị hạch toán khoản chi khen thưởng từ nguồn NSNN cấp cho Phòng Nội vụ được hạch toán vào tiểu mục tương ứng thuộc Mục 6200, mà không hạch toán vào Tiểu mục 7049- Chi khác thuộc Mục 7000- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành.

Câu hỏi 58:

Cho e hỏi: hiện tại sau khi thông báo giao dự toán cho các đơn vị trên địa bàn huyện, kbnn yêu cầu các đơn vị phải phân bổ chi tiết dự toán đến tiểu mục để gửi Kbnn nhập vào tabmis? (Theo Khoản 1, Điều 12, Thông tư 344/2016/TT-BTC về chấp hành dự toán ngân sách xã quy định: "1. Căn cứ dự toán ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã cả năm đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định, Ủy ban nhân dân xã quyết định phân bổ chi tiết dự toán chi ngân sách xã theo từng bộ phận (theo mẫu biểu số 06 kèm theo Thông tư này) gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để nhập dự toán và làm căn cứ kiểm soát, thanh toán các khoản chi; đồng thời gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện để báo cáo.") Mẫu 06 chỉ chi tiết đến Loại khoản. Vậy xin hỏi KBNN yêu cầu như vậy có đúng hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 9, Điều 3, Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, quy định: " Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương giao kế hoạch vốn đầu tư cho các chủ đầu tư chi tiết đến Loại, Khoản của Mục lục Ngân sách nhà nước theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mục lục ngân sách.

Đơn vị dự toán cấp I lập phương án phân bổ chi thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chi chương trình mục tiêu giao cho đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc, chi tiết đến Loại, Khoản và mã dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mục lục ngân sách".

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 3, Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016, quy định: "3. Nguyên tắc hạch toán: Hạch toán phân bổ dự toán ngân sách nhà nước theo Loại, Khoản phù hợp với nội dung dự toán được giao. Trường hợp một dự án có nhiều công năng, căn cứ công năng chính của dự án để xác định Loại, Khoản phù hợp."

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 12, Thông tư 344/2016/TT-BTC Quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn, quy định: "1. Căn cứ dự toán ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã cả năm đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định, Ủy ban nhân dân xã quyết định phân bổ chi tiết dự toán chi ngân sách xã theo từng bộ phận (theo Mẫu biểu số 06 kèm theo Thông tư này) gửi KBNN nơi giao dịch để nhập dự toán và làm căn cứ kiểm soát, thanh toán các khoản chi; đồng thời gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện để báo cáo".

Vì vậy, việc thực hiện phân bổ dự toán, hạch toán phân bổ dự toán theo đúng quy định tại các văn bản nêu trên.

Câu hỏi 59:

Tôi có một câu hỏi rất mong nhận được sự giải đáp của Bộ. Tôi là kế toán một đơn vị hành chính, hàng tháng tôi thực hiện chi lương cho cán bộ công chức vào ngày cuối tháng căn cứ vào bảng chấm công hàng tháng (Ví dụ: chi lương tháng tháng 01/2018 vào ngày 31/01/2018 dựa vào bảng chấm công tháng 01/2018). Nhưng ở đơn vị tôi có một số ý kiến cho rằng phải chi lương ở đầu tháng ví dụ như lương tháng 2/2018 phải chi ở đầu tháng 2/2018 (vì một số đơn vị khác đang thực hiện chi lương qua Kho bạc vẫn chi như vậy). Vậy nhờ quý Bộ giải đáp giúp là cách chi như thế nào mới đúng theo quy định.

Trả lời:

Trả lời câu hỏi của độc giả Nguyễn Chí Cường, địa chỉ tại Buôn Ma Thuột (cuongvst@gmail.com). Về vấn đề này, Vụ Kiểm soát chi trả lời độc giả như sau:

- Tại Tiết b, Khoản 2, Điều 12 (Điều kiện thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước), Chương I, Luật Ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 quy định:

"2. Chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán ngân sách được giao, trừ trường hợp quy định tại Điều 51 của Luật này; đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định chi và đáp ứng các điều kiện trong từng trường hợp sau đây:

b) Đối với chi thường xuyên phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp các cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí thì thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ và phù hợp với dự toán được giao tự chủ".

- Tại Điều 23, Chương IV, Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ Luật Lao động quy định:

"1. Người lao động hưởng lương tháng được trả lương tháng một lần hoặc nửa tháng một lần.

2. Thời điểm trả lương do hai bên thỏa thuận và được ấn định vào một thời điểm cố định trong tháng".

Căn cứ các quy định nêu trên, đối với các khoản chi thường xuyên, trong đó có chi lương thì việc chi lương cho cán bộ, công chức vào thời điểm đầu tháng hay cuối tháng là do đơn vị tự quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện chi có trong dự toán giao được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đúng tiêu chuẩn định mức chi và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Câu hỏi 60:

Tôi có câu hỏi muốn được giải đáp như sau: Tôi là kế toán trường học, tháng 10 năm 2013 trường tôi có mở đăng ký sử dụng tài khoản dự toán tại Kho bạc Nhà nước huyện X, đến tháng 9 năm 2015 thì quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng hết hiệu lực nhưng đến nay vẫn chưa có quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng. Bộ cho tôi hỏi, trường hợp quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng hết hiệu lực từ tháng 9 năm 2015 nhưng Kho bạc vẫn chi tiền từ khoản dự toán cho trường tôi bình thường thì có đúng không?

Trả lời:

Theo Điểm đ, Khoản 6, Điều 9 Thông tư số 61/2014/TT-BTC ngày 12/5/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại KBNN trong điều kiện áp dụng Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc quy định: *"Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm trước pháp luậtđối với những trường hợp quyết định bổ nhiệm Chủ tài khoản hoặc Kế toán trưởng đăng ký chữ ký tại KBNN đã hết thời hạn hiệu lực nhưng đơn vị chưa có Quyết định bổ nhiệm lại chức vụ của người đang đăng ký Chủ tài khoản, của Kế toán trưởng hoặc chưa có văn bản phân công lại cho người phụ trách kế toán".*

Căn cứ quy định trên, KBNN không có trách nhiệm trong việc kiểm soát thời hạn hiệu lực bổ nhiệm chủ tài khoản, mà thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc này.

Câu hỏi 61:

Tôi là kế toán trường học, tháng 10 năm 2013 trường tôi có mở đăng ký sử dụng tài khoản dự toán tại Kho bạc Nhà nước huyện X, đến tháng 9 năm 2015 thì quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng hết hiệu lực nhưng đến nay vẫn chưa có quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng. Bộ cho tôi hỏi, trường hợp quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng hết hiệu lực từ tháng 9 năm 2015 nhưng Kho bạc vẫn chi tiền từ khoản dự toán cho trường tôi bình thường thì có đúng không? Xin chân thành cảm ơn quý Bộ!

22/03/2019

Trả lời:

Theo Điểm đ, Khoản 6, Điều 9 Thông tư số 61/2014/TT-BTC ngày 12/5/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại KBNN trong điều kiện áp dụng Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc quy định: *"Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm trước pháp luậtđối với những trường hợp quyết định bổ nhiệm Chủ tài khoản hoặc Kế toán trưởng đăng ký chữ ký tại KBNN đã hết thời hạn hiệu lực nhưng đơn vị chưa có Quyết định bổ nhiệm lại chức vụ của người đang đăng ký Chủ tài khoản, của Kế toán trưởng hoặc chưa có văn bản phân công lại cho người phụ trách kế toán".*

Căn cứ quy định trên, KBNN không có trách nhiệm trong việc kiểm soát thời hạn hiệu lực bổ nhiệm chủ tài khoản, mà thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc này.

Câu hỏi 62

1. Năm 2018, xã tôi được UBND huyện cấp 8 tỷ đồng để làm 7 tuyến đường giao thông nội đồng (đường giao thông nội đồng đã được UBND tỉnh giao cho liên sở Tài chính- Giao thông vận tải - Xây dựng - Kho bạc thống nhất ký văn bản liên sở có thiết kế mẫu và hồ sơ thanh toán từ năm 2011). Những công trình này không có sự đóng góp của nhân dân cả về tiền và ngày công. Tôi gửi hồ sơ 03 bộ 03 tuyến đường đến kho bạc thanh toán theo Tiết b, Điểm 1, Điều 8 Thông tư số 349/2016/TT-BTC gồm:

- Hồ sơ mở tài khoản;

- Quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình của UBND xã kèm theo hồ sơ xây dựng công trình;

- Hợp đồng thực hiện gói thầu được ký kết giữa ban quản lý xã và đại diện tổ thợ;

- Khối lượng hoàn thành và chứng từ thanh toán.

Sau khi kiểm tra hồ sơ kho bạc trả lời tôi không giải ngân được vì lý do Dự án này chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện tiêu chí theo Điều 2 của Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016, do chỉ có vốn ngân sách Nhà nước mà không có phần kinh phí đóng góp của nhân dân tham gia và nguồn vốn khác, vì vậy không phải là dự án nhóm C quy mô nhỏ. Do đó yêu cầu xã phải hoàn thiện hồ sơ và gửi theo đúng quy định tại Tiết b, Điểm 2, Điều 8 Thông tư số 349/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Tôi muốn hỏi, kho bạc trả lời như vậy đúng hay sai?

2. Theo quy định thì ngân sách xã được chi hỗ trợ các trường học đóng trên địa bàn (theo quy định tại Thông tư số 344/2016/TT-BTC) tuy nhiên việc kiểm soát chi nội dung này như thế nào vẫn còn nhiều cách hiểu và làm khác nhau.

Địa phương tôi UBND xã chi hỗ trợ trường tiểu học sửa chữa tường rào 50.000.000 đồng.

Vậy khi gửi hồ sơ cho kho bạc thì xã phải lập hồ sơ công tác sửa chữa hay chi bằng lệnh chi tiền của ngân sách xã (vì đây là khoản chi hỗ trợ cho đơn vị hưởng ngân sách cấp trên (cấp huyện)? Đề nghị Quý cơ quan hướng dẫn chi tiết cụ thể vấn đề này (vì có kho bạc yêu cầu xã lập hồ sơ để kiểm soát chi nhưng lại có kho bạc đề nghị chi bằng lệnh chi tiền; lại có kho bạc chỉ yêu cầu ghi vào giấy rút dự toán cột nội dung là "chi hỗ trợ trường cấp 1

sửa chữa tường rào theo quyết định số… ngày … tháng… năm…. của chủ tịch UBND xã").

Trả lời:

Câu hỏi 1:

Tại Điều 4 Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/09/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP quy định: "*Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 như sau:*

Sửa đổi, bổ sung Điều 2như sau:

Dự án đáp ứng 3 tiêu chí sau đây được áp dụng quy trình thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn quy định tại Điều 3 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP:

- Thuộc nội dung đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng và kỹ thuật không phức tạp;

- Sử dụng một phần ngân sách nhà nước, phần kinh phí còn lại do nhân dân đóng góp và các nguồn khác, có sự tham gia thực hiện và giám sát của người dân. Phần kinh phí đóng góp của nhân dân có thể bằng tiền hoặc hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền."

Theo nội dung câu hỏi thì những công trình của xã mà độc giả gửi câu hỏi không đáp ứng tiêu chí nhóm C quy mô nhỏ do dự án không có sự đóng góp của nhân dân cả về tiền hoặc hiện vật, ngày công lao động được thực hiện quy đổi thành tiền. Vì vậy, hồ sơ gửi ra Kho Bạc Nhà nước làm căn cứ kiểm soát thanh toán sẽ theo quy định tại Tiết b. Điểm 2, Điều 8 Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, nên việc hướng dẫn của cán bộ Kho bạc Nhà nước (nơi kiểm soát thanh toán) là phù hợp.

Câu hỏi 2:

Tại Tiết a, Khoản 1, Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, theo đó quy định về chi ngân sách theo hình thức rút dự toán từ Kho bạc Nhà nước: *"Thực hiện chi theo hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước đối với các nhiệm vụ chi:a) Chi thường xuyên trong dự toán*

được giao của các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thường xuyên được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí và các đơn vị được hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ thường xuyên theo quy định của pháp luật….."

Tại Tiết c, Khoản 2, Điều 10 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn thì việc chi hỗ trợ cho các trường học đóng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp xã.

Căn cứ quy định nêu trên thì hồ sơ đơn vị gửi ra Kho bạc Nhà nước đối với khoản chi hỗ trợ trường tiểu học sửa chữa tường rào làm căn cứ kiểm soát chi được thực hiện theo hình thức rút dự toán.

Câu hỏi 63:

Tôi tên là Trương Thị Hương Bình-Hiện là Trưởng phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai. Tôi có vướng mắc kính nhờ Quý Bộ quan tâm hướng dẫn thực hiện như sau: Căn cứ Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định đơn vị sự nghiệp công lập được mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại để phản ánh các khoản thu, chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước. Ngày 31/5/2018, Kho bạc Nhà nước ban hành công văn số 2562/KBNN-KSC về việc hướng dẫn một số nội dung về công tác kiểm soát chi ngân sách nhà nước năm 2018 tại mục 1.1 quy định: "Trường hợp đơn vị sự nghiệp y tế, giáo dục và đào tạo công lập cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và dịch vụ giáo dục, đào tạo không sử dụng NSNN (giá dịch vụ đã tính đủ chi phí): Đơn vị có thể mở TKTG tại KBNN nơi giao dịch hoặc ngân hàng thương mại theo quy định tại Tiết a, khoản 1 Điều 9 và Tiết a khoản 1 Điều 16 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP". Tỉnh Đồng Nai có 03 Bệnh viện đảm bảo toàn bộ kinh phí chi thường xuyên-không sử dụng NSNN—đang có nhu cầu mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại để phản ánh các khoản thu, chi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và để sử dụng những ưu đãi, dịch vụ tài chính thông minh mà các ngân hàng thương mại cam kết cung cấp. Tuy các bệnh viện này là đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên nhưng giá dịch vụ khám-chữa bệnh vẫn đang thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2018/TT-BYT, chưa tính đủ chi phí quy định tại Điều 18 Nghị định số 85/2012/NĐ-CP. Kính đề nghị Bộ Tài chính quan tâm hướng dẫn 03 bệnh viện tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên của tỉnh Đồng Nai có được mở

tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại để phản ánh các khoản thu, chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công của bệnh viện không?

Trả lời:

Theo Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2018 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; thì Đơn vị sự nghiệp công được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu, chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước. Lãi tiền gửi là nguồn thu của đơn vị và được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc bổ sung vào quỹ khác theo quy định của pháp luật, không được bổ sung vào Quỹ bổ sung thu nhập;

Căn cứ quy định nêu trên và trên cơ sở ý kiến của Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp (Bộ Tài chính), Kho bạc Nhà nước đã ban hành Công văn 2562/KBNN-KSC ngày 31/5/2018 hướng dẫn một số nội dung về công tác kiểm soát chi năm 2018; trong đó hướng dẫn việc kiểm soát thanh toán từ Tài khoản tiền gửi của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo như sau: Trường hợp đơn vị sự nghiệp y tế, giáo dục và đào tạo công lập cung cấp cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và dịch vụ giáo dục, đào tạo không sử dụng NSNN (giá dịch vụ đã tính đủ chi phí): Đơn vị có thể mở tài khoản tiền gửi (TKTG) tại KBNN nơi giao dịch hoặc ngân hàng thương mại theo quy định tại Tiết a, Khoản 1 Điều 9 và Tiết a Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập mở TKTG tại KBNN nơi giao dịch (TK 3714), thì KBNN tỉnh căn cứ vào đề nghị của đơn vị để thực hiện thanh toán.

Do vậy, đối với câu hỏi của độc giả Trương Thị Hương Bình – Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn việc 03 Bệnh viện thuộc tỉnh Đồng Nai là 03 đơn vị đảm bảo toàn bộ kinh phí chi thường xuyên không sử dụng NSNN nhưng giá dịch vụ khám chữa bệnh vẫn đang thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2018/TT-BYT ngày 30/5/2018 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bện bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp nhưng chưa tính đủ chi phí theo quy định tại Nghị định 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ quy định cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thì có được mở tài khoản tiền gửi tại NHTM để phản ánh các khoản thu, chi từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công của bệnh viện hay

không là thuộc trách nhiệm hướng dẫn của Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp (Bộ Tài chính), là đơn vị chủ trì xây dựng trình Bộ trình Chính phủ ban hành Nghị định 16/2015/NĐ-CP hướng dẫn cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Câu hỏi 64:

Tôi hiện là viên chức thuộc Bộ KHĐT. Tháng 11/2018, tôi được Lãnh đạo cử đi công tác tại HCM 3 ngày và được phép đi bằng máy bay. Vì đột xuất, tôi không kịp làm thủ tục tạm ứng mà tự túc kinh phí cho chuyến công tác của mình, trong đó có chi phí mua vé máy bay. Tôi mua trực tiếp trên trang web của Hãng hàng không Vietnam Airlines theo thời gian chuyến đi đúng yêu cầu của Lãnh đạo với hạng vé thấp nhất tại thời điểm đó, thanh toán bằng internet banking tài khoản ngân hàng của cá nhân tôi. Khi kết thúc chuyến công tác, tôi đã xuất trình đầy đủ cho bộ phận kế toán các chứng từ thanh toán vé máy bay: hóa đơn điện tử của Hãng hàng không, vé điện tử, cuống vé bản in tại quầy thủ tục, bản in thông tin chuyển khoản ngân hàng. Tuy nhiên, kế toán bên tôi nói rằng Kho bạc chỉ chuyển khoản về Phòng vé/Đại lý xuất vé chứ không hoàn trả lại chi phí mua vé cho cá nhân tôi hoặc về tài khoản của cơ quan. Tôi rất mong Bộ Tchinh giải thích giúp trường hợp của tôi phải xử lý thế nào. Tôi đã thanh toán tiền vé mua online rồi.

Trả lời:

Theo quy định tại Tiết d, Điểm 2.2, Điều 1, Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua KBNN:

"Hồ sơ thanh toán trực tiếp bao gồm:

Giấy đề nghị thanh toán (Giấy rút dự toán);

- Đối với những khoản chi không có hợp đồng và đối với những khoản chi có giá trị hợp đồng dưới hai mươi triệu đồng: Bảng kê chứng từ thanh toán

Mẫu số 01 kèm theo Thông tư này.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán theo mẫu biểu phụ lục số 03a và phụ lục số 04 (nếu có) quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính" Như vậy theo quy định trên, trường hợp độc giả mua vé máy bay và không có hợp đồng thì đơn vị lập giấy rút dự toán và bảng kê gửi đến KBNN để thanh toán.

Trường hợp độc giả có tài khoản thanh toán cá nhân mở tại ngân hàng thì KBNN thanh toán trực tiếp vào tài khoản cá nhân cho độc giả theo quy định tại Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/2/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống KBNN.

Câu hỏi 65:

Hiện nay đơn vị tôi đang mắc một vấn đề như sau: theo Điều 7 của TT08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 thì Hồ sơ pháp lý gửi Kho bạc là: "1. Đối với dự án chuẩn bị đầu tư: - Văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; - Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư; - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; - Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu. 2. Đối với dự án thực hiện dự án: - Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có) kèm theo dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật); Riêng đối với các dự án khởi công mới và các dự án có điều chỉnh tăng tổng mức vốn đầu tư phải gửi kèm theo văn bản thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cơ quan kế hoạch và đầu tư và cơ quan tài chính theo quy định của Luật Đầu tư công. Đối với các dự án khởi công mới và các dự án có điều chỉnh tăng tổng mức vốn đầu tư, Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản) có trách nhiệm đối chiếu nội dung Quyết định đầu tư với văn bản thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cơ quan kế hoạch và đầu tư và cơ quan tài chính. Trường hợp phát hiện nội dung quyết định đầu tư về phần nguồn vốn không phù hợp với văn bản thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cơ quan kế hoạch và đầu tư và cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện như sau: + Đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của các Bộ, ngành trung ương và vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho địa phương, Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản) báo cáo Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố để có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính xem xét, xử lý. Đồng thời gửi chủ đầu tư để chủ đầu tư báo cáo cấp quyết định đầu tư. + Đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trong cân đối ngân sách địa phương, Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản) báo cáo Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố để có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét, xử lý theo thẩm quyền. Đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính. - Quyết định phê duyệt kết quả lựa

chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; Riêng đối với trường hợp tự thực hiện: văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện dự án (trường hợp chưa có trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền); - Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu hoặc nhà cung cấp và các tài liệu kèm theo hợp đồng như: phụ lục hợp đồng, điều kiện riêng, điều kiện chung liên quan đến việc tạm ứng, thanh toán hợp đồng, hợp đồng bổ sung, điều chỉnh (nếu có); Riêng đối với trường hợp tự thực hiện: văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ; - Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật); Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán gói thầu của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp thanh toán hợp đồng theo đơn giá. Riêng công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải kèm theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt." Vậy tôi xin hỏi, đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng), sau khi có quyết định phê duyệt BCKTKT của cấp có thẩm quyền, Ban QLDA thực hiện thanh toán chi phí KSTK, lập BCKTKT cho đơn vị tư vấn. Lúc này hồ sơ pháp lý gửi Kho bạc có cần phải gửi "Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư" hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản a Điều 6 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng: “Giai đoạn chuẩn bị dự án gồm các công việc: Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (nếu có); lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng để xem xét, quyết định đầu tư xây dựng và thực hiện các công việc cần thiết khác liên quan đến chuẩn bị dự án”. Như vậy, công việc khảo sát thiết kế, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc giai đoạn chuẩn bị dự án. Theo Thông tư số 108/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 về hồ sơ pháp lý gửi một lần của dự án đến Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán như sau :

“1. Đối với dự án chuẩn bị đầu tư:

a) Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư;

b) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

c) Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu".

Trên đây là ý kiến trả lời của Kho bạc Nhà nước, đề nghị công dân nghiên cứu thực hiện ./.

Câu hỏi 66 :

Tôi là lãnh đạo 1 bệnh viện công lập nhưng được giao tự chủ 100% chi thường xuyên. Vừa rồi tôi nhận được công văn khảo sát của Thanh tra kho bạc tỉnh. Tôi xin hỏi chức năng của Thanh tra kho bạc có được thanh kiểm tra việc thu - chi nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và viện phí của Bệnh viện tôi không? Mong Bộ tài chính trả lời sớm câu hỏi giúp tôi.

Trả lời:

Kho bạc Nhà nước (KBNN), KBNN ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực thuộc KBNN là cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành theo quy định tại Luật Thanh tra năm 2010, được cụ thể tại Điều 4 Nghị định số 82/2012/NĐ-CP ngày 09/10/2012 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Tài chính (Nghị định số 82/2012/NĐ-CP ngày 09/10/2012),

Nội dung thanh tra chuyên ngành KBNN quy định tại Điều 13 Nghị định số 82/2012/NĐ-CP ngày 09/10/2012, được cụ thể tại Điều 13 Quyết định số 2456/QĐ-BTC ngày 24/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế hoạt động thanh tra chuyên ngành KBNN: *''KBNN, KBNN tỉnh, thành phố thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về các khoản chi ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện kiểm soát chi quahệ thống KBNN, việc chấp hành các quy định của pháp luật của các quỹ tài chính do KBNNquản lý. Xác định tính hợp pháp, hợp lệ của các hồ sơ mà các đối tượng thanh tra gửi đến KBNN theo quy định để KBNN kiểm soát và thực hiện tạm ứng, thanh toán; đảm bảo các khoản chi theo đúng chế độ, đúng mục đích, đúng đối tượng và trong phạm vi dự toán được giao; việc chấp hành quy định về trình tự, thủ tục đối với chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện kiểm soát chi quahệ thống KBNN; xem xét, xác định việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích,,*, theo đó: Nếu nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và viện phí theo quy định của Nhà nước phải thu nộp vào ngân sách nhà nước qua tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước, và chịu sự kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước, thì Thanh tra Kho bạc được thanh

kiểm tra việc chi tiêu của các bệnh viện từ tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước, không phân biệt tự chủ hay không tự chủ. Nội dung thanh tra là xác định tính hợp pháp, hợp lệ của các hồ sơ mà bệnh viện gửi đến Kho bạc Nhà nước theo quy định để Kho bạc Nhà nước kiểm soát và thực hiện tạm ứng, thanh toán.

Quy định việc kiểm soát thanh toán qua KBNN thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, việc kiểm soát thanh toán đối với đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và đơn vị sự nghiệp y tế công lập nói riêng kiểm soát thanh toán từ tài khoản tiền gửi được thực hiện như sau:

- Trường hợp đơn vị sự nghiệp y tế công lập cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, trong đó giá dịch vụ chưa tính đủ chi phí: Đơn vị phải mở tài khoản tiền gửi (TK 3714) tại KBNN nơi giao dịch; KBNN căn cứ vào đề nghị và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị để thực hiện kiểm soát thanh toán theo quy định hiện hành.

- Trường hợp đơn vị sự nghiệp y tế công lập cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, trong đó giá dịch vụ đã tính đủ chi phí: Đơn vị có thể mở tài khoản tiền gửi (TKTG) tại KBNN nơi giao dịch hoặc ngân hàng thương mại theo quy định tại Tiết a, Khoản 1, Điều 9 và Tiết a, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, trường hợp sự nghiệp y tế công lập mở TKTG tại KBNN nơi giao dịch (TK 3714), thì KBNN căn cứ vào đề nghị của đơn vị để thực hiện thanh toán.

Theo đó, Thanh tra Kho bạc sẽ thực hiện đối chiếu giữa hồ sơ, chứng từ đơn vị gửi Kho bạc nơi giao dịch kiểm soát thanh toán, với hồ sơ, tài liệu lưu tại đơn vị làm căn cứ lập hồ sơ, chứng từ kiểm soát chi, để xác định tính hợp pháp, hợp lệ, việc chấp hành các quy định của pháp luật về các khoản chi (tính khớp đúng giữa căn cứ ghi trên hồ sơ, chứng từ với hồ sơ, tài liệu tại đơn vị; tính hợp pháp, hợp lệ của các hồ sơ, tài liệu làm căn cứ lập,...)./.

Câu hỏi 67:

Tôi hiện đang làm công tác kế toán ở đơn vị sự nghiệp công lập. Tôi có thắc mắc sau mong quý Bộ giải đáp. Theo TT 161/2012/TT-BTC và TT 39/2016/TT-BTC về việc kiểm soát thanh toán khoản chi ngân sách KBNN yêu cầu gửi danh sách các khoản chi lương vào đầu năm và gửi khi có phát sinh thay đổi. Nội dung trên danh sách những người hưởng lương cũng như

tính chính xác của danh sách này (hệ số, cách tính) ai là người chịu trách nhiệm. Cán bộ KBNN có cần tính lại danh sách lương này không ? hay chỉ căn cứ vào quyết định giao chỉ tiêu biên chế và tổng số tiền trên danh sách lương khớp đúng với giấy rút dự toán mới thực hiện chi. Mong quý Bộ giải đáp thắc mắc.

Trả lời:

Kho bạc Nhà nước trả lời độc giả tại Hà Giang, mã câu hỏi 240918-1 như sau:

Về trách nhiệm của đơn vị sử dụng ngân sách trong việc quản lý, sử dụng ngân sách:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN: "Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng ngân sách theo dự toán được giao bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách;

- Tại Tiết b khoản 3 Điều 4 Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 2/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN quy định: "Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm Quyết định chi theo chế độ, tiêu chuẩn và mức chi trong phạm vi dự toán chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao."

Tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 161/2012/TT-BTC quy định: "Đối với các khoản chi tiền lương, hồ sơ là: Văn bản phê duyệt chỉ tiêu biên chế do cấp có thẩm quyền phê duyệt; Danh sách những người hưởng lương do thủ trưởng đơn vị ký duyệt (gửi lần đầu vào đầu năm và gửi khi có phát sinh, thay đổi)."

Như vậy, căn cứ các quy định nêu trên, đối với các khoản chi lương, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về tổng số biên chế, danh sách những người hưởng lương và mức lương được hưởng đảm bảo đúng chế độ quy định.

- Về trách nhiệm của KBNN:

- Theo quy định tại Luật NSNN số 83/2015/QH13thì: "Kho bạc Nhà nước kiểm tra tính hợp pháp của các tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật và thực hiện chi ngân sách khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật này theo phương thức thanh toán trực tiếp hoặc tạm ứng theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này." (Khoản 5 Điều 56).

- "Chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán ngân sách được giao, trừ trường hợp quy định tại Điều 51 của Luật này; đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định chi và đáp ứng các điều kiện trong từng trường hợp sau đây:

...b) Đối với chi thường xuyên phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;....." (Khoản 2 Điều 12).

Như vậy, để thực hiện đúng Luật NSNN, đối với các khoản chi thường xuyên, trong đó có chi lương, KBNN phải thực hiện kiểm soát đảm bảo có trong dự toán được giao, đúng chế độ, tiêu chuẩn và định mức chi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

Câu hỏi 68:

Theo Điều 5, Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp có quy định Đơn vị hành chính, sự nghiệp có tiếp nhận, sử dụng: nguồn ngân sách nhà nước cấp... phải mở sổ kế toán để theo dõi riêng theo Mục lục NSNN. Vậy khi tính hao mòn TSCĐ (nếu dùng cho hoạt động hành chính), ghi Nợ TK 611 - Chi phí hoạt động thì phản ánh vào Tiểu mục nào của Hệ thống Mục lục NSNN theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 (TK 611 Đơn vị theo dõi theo Mục lục NSNN

Trả lời:

Theo Khoản 2 Điều 5, Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính quy định " Đơn vị hành chính, sự nghiệp có tiếp nhận, sử dụng: nguồn ngân sách nhà nước cấp; nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài; nguồn phí được khấu trừ, để lại phải mở sổ kế toán để theo dõi riêng theo Mục lục NSNN và theo các yêu cầu khác để phục vụ cho việc lập báo cáo quyết toán với ngân sách nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền". Vì vậy khi tính hao mòn tài sản cố định (nếu dùng cho hoạt động hành chính), ghi Nợ TK 611- Chi phí hoạt động; để tổng hợp báo cáo tài chính, không bắt buộc hạch toán chi tiết Mục lục NSNN, vì khoản hao mòn này không giao dự toán chi ngân sách, và trong Mục lục NSNN ban hành theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính không có Mục, Tiểu mục thu hao mòn tài sản cố định. Trường hợp đơn vị cần theo dõi phục vụ yêu cầu quản lý của mình thì vận dụng Mục lục NSNN để hạch toán chi phí hao mòn tài sản cố định tương ứng; ví dụ như:

Câu hỏi 69:

Hiện tại công ty chúng tôi có tham gia gói thầu xây lắp: Khu đất đấu giá Quyền sử dụng đất tại khu Đồng Bãi 2 xã Hợp Lý, huyện Lập Thạch Quyết định phê duyệt BCKTKT ngày 31/11/2017. Nguồn vốn trả cho xây lắp Hạ tầng kỹ thuật được lấy từ nguồn bán đất từ dự án chúng tôi thi công. Đến 1/8/2018 chúng tôi có làm hồ sơ thanh toán. Nhưng KBNN Lập Thạch ko cho thanh toán với lý do (theo điều 4; thông tư 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 và Quyết định phê duyệt BCKTKT của dự án sau ngày 31/10/2017) Xin hỏi như vậy có hợp lý không?, Kính mong KBNN có phản hồi sớm.

Trả lời:

Tại khoản 6, Điều 16 Luật Đầu tư công có quy định các hành vi bị cấm trong Đầu tư công: "*Yêu cầu tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư khi chương trình, dự án chưa được quyết định chủ trương đầu tư, chưa được phê duyệt hoặc chưa được bố trí vốn kế hoạch, gây nợ đọng xây dựng cơ bản*."

Bên cạnh đó, theo báo cáo của KBNN Vĩnh Phúc, dự án "Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Đồng Bãi 2, xã Hợp Lý, huyện Lập Thạch" được phê duyệt kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của tỉnh Vĩnh Phúc năm 2017 tại Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 18/01/2017. Ngày 10/11/2017, Quỹ phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc có Quyết định số 34/QĐ-QPTĐ về việc ứng vốn cho UBND xã Hợp Lý thực hiện dự án xây dựng Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Đồng Bãi 2, xã Hợp Lý, huyện Lập Thạch. Ngày 21/11/2017, UBND xã Hợp Lý đã thanh toán vốn GPMB cho dự án bằng ủy nhiệm chi, chưa gửi hồ sơ dự án đến KBNN huyện Lập Thạch.

Tuy nhiên, đến ngày 30/11/2017, dự án "Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Đồng Bãi 2, xã Hợp Lý, huyện Lập Thạch" mới được phê duyệt tại Quyết định số 37/QĐ-CTUBND của UBND xã Hợp Lý. Theo quyết định số 37/QĐ-CTUBND, dự án này là dự án đầu tư công từ nguồn ngân sách địa phương. Do vậy, việc ứng vốn cho dự án khi chưa có Quyết định phê duyệt là trái với quy định của luật Đầu tư công.

Câu hỏi 70:

Tôi có một vấn đề kính mong quý Bộ giải đáp cho tôi. Nội dung như sau: Tôi là nhà thầu xây lắp công trình. Công trình này sử dụng vốn ngân

sách địa phương, cụ thể là vốn ngân sách xã. Công trình có quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật vào tháng 01/2018, khởi công tháng 03/2018. Khi tôi đi thanh toán tiền khối lượng hoàn thành thì Kho Bạc địa phương nói không thanh toán được vì những công trình có quyết định phê duyệt sau ngày 31/10/2017 thì không thanh toán được trong năm nay (dựa theo khoản b, Điều 4, Chương II của Thông tư 08/2016/TT-BTC, áp dụng đối với cả tiền tạm ứng hợp đồng). Vậy xin Quý Bộ giải đáp giúp tôi Kho bạc thực hiện như thế có đúng không? Nếu đúng thì chúng tôi muốn thanh toán khối lượng phải chờ sang năm sau mới được thanh toán có đúng không?

Trả lời:

Theo quy định tại Tiết a, Điểm 5, Điều 12, Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn: "*Đối với chi đầu tư phát triển, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng;"* Theo quy định tại Điểm 2, Điều 27, Mục 2 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định:

*"2. Đối với hợp dư án khởi công mới, ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này cần có thêm các điều kiện sau:"Được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư đến ngày 31 tháng 10 của năm trước năm kế hoạch :Đối với các dự án đầu tư thuộc cân đối ngân sách địa phương và vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương*Theo quy định tại Tiết a, Điểm 1, Điều 4, Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước : " *Các dự án có đủ thủ tục đầu tư theo quy định. Riêng đối với các dự án khởi công mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư đến ngày 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch;"*

Như vậy theo quy định trên, đối với các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách xã khởi công mới phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư trước ngày 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch. Trường hợp độc giả hỏi công trình có quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật vào tháng 01/2018 là chưa đúng với các quy định nêu trên.

Năm 2019, nếu dự án được cấp có thẩm quyền bố trí vốn kế hoạch đầu tư thì Kho bạc Nhà nước thực hiện thanh toán cho dự án theo các quy định hiện hành./.

Câu hỏi 71:

Theo điều 42 của Luật NSNN năm 2015 thì kinh phí thực hiện chế độ tự chủ là đương nhiên được chuyển nguồn qua năm sau. Vậy trường hợp sau ngày 15/3 và trước khi quyết toán NSNN , đơn vị có nộp giảm chi NSNN năm trước nguồn 13 thì khoản dự toán nguồn 13 được phục hồi có được chuyển sang năm sau hay không? Rất mong nhận được câu trả lời của Bộ.

Trả lời:

Việc xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm được thực hiện theo quy định tại Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN (Nghị định số 163/2016/NĐ-CP), Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN và Công văn số 17304/BTC-KBNN ngày 21/12/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2017 sang năm 2018, lập và gửi báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm.

Căn cứ quy định tại các văn bản nêu trên, thời hạn xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm là không quá ngày 15/3/2018.

(Mặt khác, theo thư độc giả dẫn chiếu theo Điều 42 của luật NSNN 2015 thì kinh phí thực hiện chế độ tự chủ là đương nhiên được chuyển nguồn qua năm sau là không chính xác)./.

Câu hỏi 72:

Hiện nay tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện có tổ chức thu hồi đất để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất làm nhà ở; trong quá trình thực hiện đang vướng mắc một số nội dung sau: 1. Căn cứ điểm d khoản 3 điều 12 thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP của Liên bộ Tài nguyên và môi trường và bộ Tư pháp về Quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất; Tại điều 12 phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất; tại khoản 3 điểm (d) Số tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với đất (nếu có); phương thức, địa điểm, thời gian phải nộp tiền trúng đấu giá. Như vậy tổng số tiền phải nộp của người đã trúng đấu giá bao gồm: - Tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất. - Tiền đầu tư hạ tầng kỹ thuật và các chi phí

khác kèm theo (chi phí giải phóng mặt bằng, tiền bảo vệ đất trồng lúa, chi phí đấu giá đất…). Hiện nay tại địa phương chúng tôi khi thu tiền của các cá nhân trúng đấu giá đang thực hiện nộp ngân sách và chi như sau: - Tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất nộp vào tài khoản của ngân sách xã, thị trấn tại Chương 857 Tiểu mục 1401 để điều tiết các cấp ngân sách theo nghị quyết của HĐND tỉnh. - Tiền hạ tầng kỹ thuật và các chi phí khác kèm theo (chi phí giải phóng mặt bằng, tiền bảo vệ đất trồng lúa, chi phí đấu giá đất…) nộp vào tài khoản của ngân sách xã, thị trấn tại Chương 805 Tiểu mục 4501 (đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng) và 4549 (các khoản đóng góp khác), các khoản thanh toán trên chi theo dự toán ngân sách được phê duyệt theo quy định. Xin hỏi BTC địa phương đang thực hiện như vậy là đúng hay sai? xin nhờ BTC hướng dẫn lại cho địa phương.

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 9, Điều 12 và Điều 13 của Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP của Liên Bộ Tài nguyên và môi trường và Bộ Tư pháp về Quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất, thì tiền sử dụng đất hoặc tiền cho thuê đất bao gồm số tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với đất (nếu có), nên không có căn cứ để hạch toán tách riêng khoản tiền thu được như ý kiến của độc giả. Đối với số tiền sử dụng đất thu được hạch toán vào Tiểu mục 1408- Đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc kết hợp cho thuê; đối với số tiền cho thuê đất thu được thì hạch toán vào Tiểu mục 3601-Tiền thuê mặt đất hàng năm.

Trường hợp chi đầu tư cơ sở hạ tầng từ nguồn ngoài ngân sách, thì khi đấu giá quyền sử dụng đất, tiền thuê đất phải tách riêng khoản thu hồi chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng không thuộc phạm vi NSNN (theo quy định tại Điều 5 Luật NSNN năm 2015), nên không hạch toán vào NSNN./.

Câu hỏi 73:

Tôi là chuyên viên của Phòng Tài chính cấp huyện, được giao nhiệm vụ quyết toán ngân sách các đơn vị trên địa bàn. Trong quá trình thực hiện tôi gặp một tình huống như sau: Đơn vị thực hiện tạm ứng khoản tiền 10.000.000 đồng tại tiểu mục 7758. Hồ sơ thanh toán với nội dung hỗ trợ các cá nhân của đơn vị, cụ thể: hỗ trợ 5 đ/c tham gia học lớp chuyên viên chính, 1 đ/c học lớp kế toán trưởng, 1 đ/c tham gia hoạt động thể thao. Tôi muốn hỏi: 1/ Tại tiểu mục 7758

có được thực hiện thanh toán hỗ trợ cá nhân không hay chỉ hỗ trợ đại hội, tọa đàm … (mang tính chất chung)? 2/ Nếu không phải là tiểu mục 7758 thì tại tiểu mục nào được thực hiện chi hỗ trợ cá nhân, hay theo quy định ngân sách nhà nước không được dùng chi hỗ trợ cá nhân? Xin Bộ Tài chính cho tôi câu trả lời sớm nhất để tôi có thể có căn cứ xuất toán hay không xuất toán khoản tiền trên, cũng là làm tiền đề để thực hiện các năm sau. Lưu ý: khoản tiền trên được trải ra hỗ trợ đều cho tất cả cá nhân trong đơn vị.

Trả lời:

Theo nội dung độc giả hỏi, thì khoản tạm ứng này có 2 nội dung chi cho cá nhân, trước khi xác định việc hạch toán mục lục ngân sách, cần phải xác định xem khoản chi này có đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đối tượng không. Nếu đúng, thì đối với khoản tạm ứng cho cá nhân này không hạch toán ở tiểu mục 7758 - Chi hỗ trợ khác, do Mục 7750 - Chi khác không theo dõi các khoản chi cho cá nhân. Cụ thể, việc hạch toán mục lục ngân sách như sau:

- Đối với nội dung chi theo đúng chế độ nhà nước, như chi cho cán bộ đi học (lớp Chuyên viên chính…): Trường hợp hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho cán bộ thì hạch toán Tiểu mục 6155- Sinh hoạt phí cán bộ đi học thuộc Mục 6150 - Học bổng học sinh, sinh viên; trường hợp hỗ trợ tiền học thì hạch toán Tiểu mục 6199 - Khác thuộc Mục 6150- Học bổng học sinh, sinh viên (Thông tư số 324/2017/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục NSNN, đã sửa tên Tiểu mục 6199 thành "Các khoản hỗ trợ khác thuộc" và sửa tên Mục 6150 thành "Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học").

- Đối với nội dung chi theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị (theo quy định của Nhà nước) như chi cho cán bộ tham gia hoạt động thể thao, thực hiện chi từ quỹ phúc lợi của đơn vị. Theo đó, đơn vị thực hiện rút dự toán để trích lập quỹ hạch toán theo Tiểu mục tương ứng của Mục 7950 – Chi lập quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu. Khi chi từ quỹ phúc lợi thì không hạch toán NSNN để tránh trùng theo hướng dẫn tại điểm 2.26 Công văn số 7078/BTC-KBNN ngày 30/5/2015 của Bộ Tài chính.

Câu hỏi 74:

Theo khoản 2 Điều 12 Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 quy định: Chi NSNN chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán NSNN được giao. Nhưng hiện nay khi giao dự toán thì UBND huyện chỉ giao tới loại khoản,

không chi tiết từng nội dung khác khoản chi. Như vậy đứng trên góc độ Kho bạc kiểm soát khi đơn vị gửi chứng từ tới thanh toán việc kiểm soát có trong dự toán hay không có trong dự toán chỉ là việc kiểm tra số dư dự toán có đủ để thực hiện khoản chi đó hay phải yêu cầu đơn vị gửi thêm Quyết định hoặc công văn chấp thuận của UBNF huyện duyệt chi tiết cho nội dung chi đó. Rất mong Bộ Tài chính sớm trả lời !

Trả lời:

Câu hỏi của bạn phamxuanhung1981@gmail.com, Ban biên tập xin trả lời như sau:

Căn cứ theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua KBNN, KBNN thực hiện kiểm soát chi của đơn vị trên cơ sở dự toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã chi tiết đến chương, khoản. Đơn vị không phải gửi Quyết định và Công văn chấp thuận của UBND huyện duyệt chi tiết cho nội dung chi đó.

Câu hỏi 75:

Tôi đang công tác tại Ban QLDA (Chủ đầu tư), xin được tư vấn thêm về nội dung cụ thể như sau: Khi Chủ đầu tư (bên A) và Nhà thầu (bên B) ký kết Hợp đồng xây dựng, theo điều khoản trong Hợp đồng đã ký kết, bên B phải nộp bảo lãnh hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng (nếu có) của một Ngân hàng; có các trường hợp như sau xảy ra: 1. Bảo lãnh được bên B được cung cấp bởi Ngân hàng được ghi trong Hợp đồng (Ngân hàng bên B nhận tiền). 2. Bảo lãnh được bên B cung cấp bởi một Ngân hàng khác (không phải là Ngân hàng đã ghi trong Hợp đồng). 3. Hợp đồng không yêu cầu bảo lãnh Ngân hàng. Xin hỏi rằng: Đối với các trường hợp cụ thể thứ nhất, thứ hai và thứ ba: a) Nếu đang trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, bên B đề nghị thay đổi Tài khoản và thay đổi Ngân hàng trong Hợp đồng thì có được không ? b) Nếu sau khi Hợp đồng đã hết thời gian thực hiện, công trình đã được bàn giao và đã quyết toán A-B, nhưng bên A vẫn còn nợ bên B (bảo lãnh hợp đồng đã hết hiệu lực), bên B có đơn đề nghị bên A thay đổi Tài khoản và thay đổi Ngân hàng trong Hợp đồng, như vậy có được không ? Và cần những thủ tục gì để thanh toán qua Kho bạc. Rất mong được giải đáp giúp.

Trả lời:

NỘI DUNG TRẢ LỜI :

Khi Chủ đầu tư (Bên A) và Nhà thầu (Bên B) ký kết Hợp đồng xây dựng, theo điều khoản trong Hợp đồng đã ký kết, bên B phải nộp bảo lãnh hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng (nếu có) của một Ngân hàng ; có các trường hợp xảy ra :

- Bảo lãnh được bên B cung cấp bởi Ngân hàng được ghi trong Hợp đồng.

- Bảo lãnh được bên B cung cấp bởi một Ngân hàng khác không phải Ngân hàng ghi trong hợp đồng.

- Hợp đồng không yêu cầu bảo lãnh Ngân hàng.

Câu hỏi :

1. Đối với từng trường hợp cụ thể ở trên, nếu đang trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, bên B đề nghị thay đổi tài khoản và thay đổi Ngân hàng trong hợp đồng thì có được không ?

2. Nếu sau khi Hợp đồng đã hết thời gian thực hiện, công trình đã được bàn giao và đã quyết toán A-B, nhưng bên A vẫn còn nợ bên B (bảo lãnh hợp đồng đã hết hiệu lực), bên B có đơn đề nghị bên A thay đổi tài khoản và thay đổi Ngân hàng trong Hợp đồng, như vậy có được không ? Và cần những thủ tục gì để thanh toán qua Kho bạc.

Câu trả lời :

1. Về thay đổi tài khoản và Ngân hàng trong Hợp đồng xây dựng :

- Theo quy định tại Điều 143 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 thì :*"Điều chỉnh hợp đồng xây dựng gồm điều chỉnh về khối lượng, tiến độ, đơn giá hợp đồng và các nội dung khác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Điều chỉnh hợp đồng xây dựng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng và do các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan".*

Như vậy, việc điều chỉnh tài khoản Ngân hàng và Ngân hàng do Bên A và Bên B tự thỏa thuận dựa trên nguyên tắc phù hợp quy định của Luật Xây dựng và pháp luật khác có liên quan đảm bảo trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực.

- Trường hợp cụ thể của độc giả nêu trên, để làm rõ trách nhiệm của các bên liên quan trong việc điều chỉnh tài khoản ngân hàng và ngân hàng trong Hợp đồng xây dựng, đề nghị độc giả có ý kiến với Bộ Xây dựng để có hướng dẫn cụ thể hơn.

2. Về thanh toán qua KBNN:

- Việc kiểm soát thanh toán đối với vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước qua KBNN được thực hiện theo quy định tại Điều 144 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014: *"Việc thanh toán Hợp đồng xây dựng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng mà các bên đã ký kết"*.

- Hồ sơ thanh toán vốn đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016, Thông tư 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 và Thông tư 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Đối với Hợp đồng xây dựng có quy định thời hạn hiệu lực của Hợp đồng được tính từ khi nhà thầu có Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, để đảm bảo nguyên tắc trên thì Chủ đầu tư gửi Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Bản sao, có đóng dấu xác nhận sao y bản chính) để KBNN có cơ sở kiểm soát thanh toán cho dự án.

Trên đây là ý kiến trả lời của KBNN, đề nghị độc giả nghiên cứu thực hiện ./.

Câu hỏi 76 :

Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Hoàng Phát Ninh Thuận Địa chỉ: Số 216 đường N6, Phường Phước Mỹ, Tp. PRTC MST: 4500593524 Email: hoangphatninhthuan@gmail.com Kính gửi: Bộ Tài chính. Công ty xin hỏi nội dung sau: Theo QĐ phê duyệt kế hoạch đấu thầu bước chuẩn bị đầu tư thì gói thầu tư vấn lập BCKTKT theo hình thức trọn gói. Tuy nhiên sau khi thẩm định và UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt BCKTKT thì chi phí lập BCKTKT tăng hơn so với hợp đồng đã ký. Chủ đầu tư và Công ty đã lập phụ lục HĐ điều chỉnh tăng chi phí lập BCKTKT Nhưng khi thanh toán thì Kho bạc Nhà nước không chấp thuận thanh toán theo giá trị tại phụ lục điều chỉnh. Xin hỏi quý Bộ, Kho bạc xử lý như vậy đúng hay sai ? (Theo cách hiểu của Công ty chúng tôi thì bước chuẩn bị đầu tư chỉ là giá tạm tính). Sau khi có quyết định phê duyệt BCKTKT thì 2 bên sẽ thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng điều chỉnh. Vậy Công ty chúng tôi kính đề nghị Bộ Tài chính giải đáp nội dung trên.

Trả lời:

Vụ Kiểm soát chi NSNN -Kho bạc Nhà nước xin được trả lời độc giả tại Ninh Thuận, mã câu hỏi 260718-12 như sau:

Tại Tiết a, Điểm 3 và Tiết a, Điểm 5, Điều 15, Mục 3, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng quy định:

"3. Giá hợp đồng xây dựng có các hình thức sau:

a) Giá hợp đồng trọn gói là giá hợp đồng không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với khối lượng các công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện".

"5. Điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng xây dựng được quy định như sau:

a. Đối với hợp đồng trọn gói:

…Giá hợp đồng trọn gói được áp dụng cho các gói thầu tại thời điểm lựa chọn nhà thầu và đàm phán ký kết hợp đồng đã đủ điều kiện để xác định rõ về khối lượng và đơn giá để thực hiện các công việc theo đúng các yêu cầu của hợp đồng xây dựng hoặc trong một số trường hợp chưa thể xác định được rõ khối lượng, đơn giá (như: Hợp đồng EC, EP, PC, EPC và hợp đồng chìa khóa trao tay) nhưng các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực kinh nghiệm để tính toán, xác định giá hợp đồng trọn gói.

Khi áp dụng giá hợp đồng trọn gói thì giá gói thầu, giá hợp đồng phải tính toán đầy đủ các yếu tố rủi ro liên quan đến giá hợp đồng như rủi ro về khối lượng, trượt giá trong thời gian thực hiện hợp đồng và mỗi bên phải tự chịu trách nhiệm đối với các rủi ro của mình."

Như vậy theo quy định trên, trường hợp hợp đồng ký kết theo hình thức trọn gói thì giá hợp đồng không thay đổi và không lập phụ lục hợp đồng điều chỉnh tăng chi phí.

Câu hỏi 77:

Em hiện đang công tác tại Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện. Em có vấn đề nhờ Bộ Tài chính giải đáp giúp như sau: Trong năm 2018, Huyện tổ chức công tác diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp huyện, trong đó các phòng ban chuyên môn đều tham gia diễn tập và UBND huyện đã có quyết định cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị tham gia diễn tập. Trên cơ sở quyết định giao bổ sung kinh phí của UBND huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch nhập dự toán cho các phòng, ban chuyên môn tham gia diễn tập theo mã nội dung kinh tế (khoản) 010 – quốc phòng để quyết toán vào nhiệm vụ chi quốc phòng trong năm. Tuy nhiên, khi các đơn vị thanh toán thì Kho bạc nhà nước huyện không chấp nhận, lý do Kho bạc nhà nước huyện đưa ra là các đơn vị phòng ban chuyên môn huyện không có nhiệm vụ chi quốc phòng. Em xin hỏi Bộ Tài chính là Kho bạc nhà nước huyện trả lời như vậy có chính xác không? Trong trường hợp này nên xử lý như thế nào cho đúng ạ! Rất mong sớm nhận được câu trả lời của Bộ Tài chính.

Trả lời:

Trả lời câu hỏi của bạn đọc tại địa chỉ email: nguyenthaotcbtm@gmail.com, Ban Biên Tập xin trả lời như sau:

Tại điểm 1, Mục III, Công văn số 7078/BTC-KBNN ngày 30/5/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Mục lục NSNN quy định: "1. Loại 010 "Quốc phòng "

- Các Khoản trong Loại 010 "Quốc phòng" được sử dụng để phản ánh, hạch toán các khoản chi đầu tư và thường xuyên được bố trí dự toán trong lĩnh vực quốc phòng cho các hoạt động về quốc phòng, cơ yếu của đơn vị chuyên trách trung ương và địa phương theo phân cấp (trung ương, tỉnh, huyện, xã).

- Các khoản chi công tác dân quân tự vệ của các cơ quan, đơn vị ngoài lực lượng chuyên trách của trung ương và địa phương được phản ánh trong từng lĩnh vực hoạt động tương ứng của từng cơ quan, đơn vị; không hạch toán vào Loại 010 "Quốc phòng"."

Như vậy, theo hướng dẫn nêu trên thì các khoản chi cho công tác diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp huyện của các đơn vị phòng ban chuyên môn huyện không được hạch toán vào Loại 010 "Quốc phòng" nên việc KBNN huyện từ chối thanh toán cho các đơn vị là đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 7078/BTC-KBNN ngày 30/5/2017.

Câu hỏi 78:

Từ trước đến nay đơn vị tôi thực hiện chi trả tiền giáo viên dạy hợp đồng nhưng không nằm trong biên chế (giáo viên hợp đồng 9 tháng, dưới 1 năm) vào mục 7049. Vậy khi tính bảo hiểm xã hội cho những giáo viên này thì được trích tính BHXH do cơ quan nhà nước trả như thế nào? Nhờ BTC hướng dẫn để tôi hiểu rõ, tôi đưa vào tiểu mục 7049 có đúng hay không hay phải đưa vào mục tiền công 6051?

Trả lời:

- Về Tiểu mục đối với chi trả tiền giáo viên dạy hợp đồng nhưng không nằm trong biên chế (giáo viên hợp đồng 9 tháng, dưới 1 năm):

Căn cứ Phụ lục III (Danh mục mã Mục, Tiểu mục) ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống Mục lục NSNN;

Căn cứ tiết 2.14 điểm 2 mục IV Công văn số 7078 /BTC-KBNN ngày 30/05/2017 về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Mục lục NSNN, quy định: "Tiểu mục 6757 "Thuê lao động trong nước":

Để phản ánh các khoản chi thuê lao động trong nước làm các công việc phục vụ công tác chuyên môn như bốc vác, vận chuyển, các khoản thuê lao động theo hợp đồng có thời hạn (theo thời vụ) ... Không bao gồm tiền công lao động theo hợp đồng thường xuyên (đã hạch toán Mục 6050).";

Căn cứ quy định nêu trên, đối với chi trả tiền giáo viên dạy hợp đồng nhưng không nằm trong biên chế (giáo viên hợp đồng 9 tháng, dưới 1 năm): Hạch toán Tiểu mục 6757 - Thuê lao động trong nước.

- Về việc tính bảo hiểm xã hội cho các giáo viên nêu trên: Đề nghị Quý độc giả trao đổi, lấy ý kiến cơ quan Lao động và Thương binh xã hội để được hướng dẫn, giải đáp.

- Đề nghị độc giả khi gửi câu hỏi trong các lần sau (nếu có), cần ghi chính xác thông tin số điện thoại, để tiện trao đổi làm rõ thêm nội dung câu hỏi, vướng mắc.

Câu hỏi 79:

Theo khoản 2 Điều 12 Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 quy định: Chi NSNN chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán NSNN được giao. Nhưng hiện nay khi giao dự toán thì UBND huyện chỉ giao tới loại khoản, không chi tiết từng nội dung khác khoản chi. Như vậy đứng trên góc độ Kho bạc kiểm soát khi đơn vị gửi chứng từ tới thanh toán việc kiểm soát có trong dự toán hay không có trong dự toán chỉ là việc kiểm tra số dư dự toán có đủ để thực hiện khoản chi đó hay phải yêu cầu đơn vị gửi thêm Quyết định hoặc công văn chấp thuận của UBNF huyện duyệt chi tiết cho nội dung chi đó. Rất mong Bộ Tài chính sớm trả lời

Trả lời:

Câu hỏi của bạn phamxuanhung1981@gmail.com, Ban biên tập xin trả lời như sau:

Căn cứ theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua KBNN, KBNN thực hiện kiểm soát chi của đơn vị trên cơ sở dự toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã chi tiết đến chương,

khoản. Đơn vị không phải gửi Quyết định và Công văn chấp thuận của UBND huyện duyệt chi tiết cho nội dung chi đó.

Câu hỏi 80:

Tôi đang công tác tại Ban QLDA (Chủ đầu tư), xin được tư vấn thêm về nội dung cụ thể như sau: Khi Chủ đầu tư (bên A) và Nhà thầu (bên B) ký kết Hợp đồng xây dựng, theo điều khoản trong Hợp đồng đã ký kết, bên B phải nộp bảo lãnh hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng (nếu có) của một Ngân hàng; có các trường hợp như sau xảy ra: 1. Bảo lãnh được bên B được cung cấp bởi Ngân hàng được ghi trong Hợp đồng (Ngân hàng bên B nhận tiền). 2. Bảo lãnh được bên B cung cấp bởi một Ngân hàng khác (không phải là Ngân hàng đã ghi trong Hợp đồng). 3. Hợp đồng không yêu cầu bảo lãnh Ngân hàng. Xin hỏi rằng: Đối với các trường hợp cụ thể thứ nhất, thứ hai và thứ ba: a) Nếu đang trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, bên B đề nghị thay đổi Tài khoản và thay đổi Ngân hàng trong Hợp đồng thì có được không ? b) Nếu sau khi Hợp đồng đã hết thời gian thực hiện, công trình đã được bàn giao và đã quyết toán A-B, nhưng bên A vẫn còn nợ bên B (bảo lãnh hợp đồng đã hết hiệu lực), bên B có đơn đề nghị bên A thay đổi Tài khoản và thay đổi Ngân hàng trong Hợp đồng, như vậy có được không ? Và cần những thủ tục gì để thanh toán qua Kho bạc. Rất mong được giải đáp giúp.

Trả lời:

NỘI DUNG TRẢ LỜI :

Khi Chủ đầu tư (Bên A) và Nhà thầu (Bên B) ký kết Hợp đồng xây dựng, theo điều khoản trong Hợp đồng đã ký kết, bên B phải nộp bảo lãnh hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng (nếu có) của một Ngân hàng ; có các trường hợp xảy ra :

- Bảo lãnh được bên B cung cấp bởi Ngân hàng được ghi trong Hợp đồng.

- Bảo lãnh được bên B cung cấp bởi một Ngân hàng khác không phải Ngân hàng ghi trong hợp đồng.

- Hợp đồng không yêu cầu bảo lãnh Ngân hàng.

Câu hỏi :

1. Đối với từng trường hợp cụ thể ở trên, nếu đang trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, bên B đề nghị thay đổi tài khoản và thay đổi Ngân hàng trong hợp đồng thì có được không ?

2. Nếu sau khi Hợp đồng đã hết thời gian thực hiện, công trình đã được bàn giao và đã quyết toán A-B, nhưng bên A vẫn còn nợ bên B (bảo lãnh hợp đồng đã hết hiệu lực), bên B có đơn đề nghị bên A thay đổi tài khoản và thay đổi Ngân hàng trong Hợp đồng, như vậy có được không ? Và cần những thủ tục gì để thanh toán qua Kho bạc.

Câu trả lời :

1. Về thay đổi tài khoản và Ngân hàng trong Hợp đồng xây dựng :

- Theo quy định tại Điều 143 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 thì :*"Điều chỉnh hợp đồng xây dựng gồm điều chỉnh về khối lượng, tiến độ, đơn giá hợp đồng và các nội dung khác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Điều chỉnh hợp đồng xây dựng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng và do các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan".*

Như vậy, việc điều chỉnh tài khoản Ngân hàng và Ngân hàng do Bên A và Bên B tự thỏa thuận dựa trên nguyên tắc phù hợp quy định của Luật Xây dựng và pháp luật khác có liên quan đảm bảo trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực.

- Trường hợp cụ thể của độc giả nêu trên, để làm rõ trách nhiệm của các bên liên quan trong việc điều chỉnh tài khoản ngân hàng và ngân hàng trong Hợp đồng xây dựng, đề nghị độc giả có ý kiến với Bộ Xây dựng để có hướng dẫn cụ thể hơn.

2. Về thanh toán qua KBNN:

- Việc kiểm soát thanh toán đối với vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước qua KBNN được thực hiện theo quy định tại Điều 144 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014: *"Việc thanh toán Hợp đồng xây dựng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng mà các bên đã ký kết"*.

- Hồ sơ thanh toán vốn đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016, Thông tư 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 và Thông tư 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Đối với Hợp đồng xây dựng có quy định thời hạn hiệu lực của Hợp đồng được tính từ khi nhà thầu có Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, để đảm bảo nguyên tắc trên thì Chủ đầu tư gửi Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Bản sao, có đóng dấu xác nhận sao y bản chính) để KBNN có cơ sở kiểm soát thanh toán cho dự án.

Câu hỏi 81 :

Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Hoàng Phát Ninh Thuận Địa chỉ: Số 216 đường N6, Phường Phước Mỹ, Tp. PRTC MST: 4500593524 Email: hoangphatninhthuan@gmail.com Kính gửi: Bộ Tài chính. Công ty xin hỏi nội dung sau: Theo QĐ phê duyệt kế hoạch đấu thầu bước chuẩn bị đầu tư thì gói thầu tư vấn lập BCKTKT theo hình thức trọn gói. Tuy nhiên sau khi thẩm định và UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt BCKTKT thì chi phí lập BCKTKT tăng hơn so với hợp đồng đã ký. Chủ đầu tư và Công ty đã lập phụ lục HĐ điều chỉnh tăng chi phí lập BCKTKT Nhưng khi thanh toán thì Kho bạc Nhà nước không chấp thuận thanh toán theo giá trị tại phụ lục điều chỉnh. Xin hỏi quý Bộ, Kho bạc xử lý như vậy đúng hay sai ? (Theo cách hiểu của Công ty chúng tôi thì bước chuẩn bị đầu tư chỉ là giá tạm tính). Sau khi có quyết định phê duyệt BCKTKT thì 2 bên sẽ thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng điều chỉnh. Vậy Công ty chúng tôi kính đề nghị Bộ Tài chính giải đáp nội dung trên.

Trả lời:

Vụ Kiểm soát chi NSNN -Kho bạc Nhà nước xin được trả lời độc giả tại Ninh Thuận, mã câu hỏi 260718-12 như sau:

Tại Tiết a, Điểm 3 và Tiết a, Điểm 5, Điều 15, Mục 3, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng quy định:

"3. Giá hợp đồng xây dựng có các hình thức sau:

a) Giá hợp đồng trọn gói là giá hợp đồng không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với khối lượng các công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện".

"5. Điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng xây dựng được quy định như sau:

a. Đối với hợp đồng trọn gói:

…Giá hợp đồng trọn gói được áp dụng cho các gói thầu tại thời điểm lựa chọn nhà thầu và đàm phán ký kết hợp đồng đã đủ điều kiện để xác định rõ về khối lượng và đơn giá để thực hiện các công việc theo đúng các yêu cầu của hợp đồng xây dựng hoặc trong một số trường hợp chưa thể xác định được rõ khối lượng, đơn giá (như: Hợp đồng EC, EP, PC, EPC và hợp đồng chìa khóa trao tay) nhưng các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực kinh nghiệm để tính toán, xác định giá hợp đồng trọn gói.

Khi áp dụng giá hợp đồng trọn gói thì giá gói thầu, giá hợp đồng phải tính toán đầy đủ các yếu tố rủi ro liên quan đến giá hợp đồng như rủi ro về khối lượng, trượt giá trong thời gian thực hiện hợp đồng và mỗi bên phải tự chịu trách nhiệm đối với các rủi ro của mình."

Như vậy theo quy định trên, trường hợp hợp đồng ký kết theo hình thức trọn gói thì giá hợp đồng không thay đổi và không lập phụ lục hợp đồng điều chỉnh tăng chi phí.

Câu hỏi 82:

Em hiện đang công tác tại Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện. Em có vấn đề nhờ Bộ Tài chính giải đáp giúp như sau: Trong năm 2018, Huyện tổ chức công tác diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp huyện, trong đó các phòng ban chuyên môn đều tham gia diễn tập và UBND huyện đã có quyết định cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị tham gia diễn tập. Trên cơ sở quyết định giao bổ sung kinh phí của UBND huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch nhập dự toán cho các phòng, ban chuyên môn tham gia diễn tập theo mã nội dung kinh tế (khoản) 010 – quốc phòng để quyết toán vào nhiệm vụ chi quốc phòng trong năm. Tuy nhiên, khi các đơn vị thanh toán thì Kho bạc nhà nước huyện không chấp nhận, lý do Kho bạc nhà nước huyện đưa ra là các đơn vị phòng ban chuyên môn huyện không có nhiệm vụ chi quốc phòng. Em xin hỏi Bộ Tài chính là Kho bạc nhà nước huyện trả lời như vậy có chính xác không? Trong trường hợp này nên xử lý như thế nào cho đúng ạ! Rất mong sớm nhận được câu trả lời của Bộ Tài chính.

Trả lời:

Tại điểm 1, Mục III, Công văn số 7078/BTC-KBNN ngày 30/5/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Mục lục NSNN quy định: "1. Loại 010 "Quốc phòng "

- Các Khoản trong Loại 010 "Quốc phòng" được sử dụng để phản ánh, hạch toán các khoản chi đầu tư và thường xuyên được bố trí dự toán trong lĩnh vực quốc phòng cho các hoạt động về quốc phòng, cơ yếu của đơn vị chuyên trách trung ương và địa phương theo phân cấp (trung ương, tỉnh, huyện, xã).

- Các khoản chi công tác dân quân tự vệ của các cơ quan, đơn vị ngoài lực lượng chuyên trách của trung ương và địa phương được phản ánh trong từng lĩnh vực hoạt động tương ứng của từng cơ quan, đơn vị; không hạch toán vào Loại 010 "Quốc phòng"."

Như vậy, theo hướng dẫn nêu trên thì các khoản chi cho công tác diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp huyện của các đơn vị phòng ban chuyên môn huyện không được hạch toán vào Loại 010 "Quốc phòng" nên việc KBNN huyện từ chối thanh toán cho các đơn vị là đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 7078/BTC-KBNN ngày 30/5/2017.

Câu hỏi 83:

Từ trước đến nay đơn vị tôi thực hiện chi trả tiền giáo viên dạy hợp đồng nhưng không nằm trong biên chế (giáo viên hợp đồng 9 tháng, dưới 1 năm) vào mục 7049. Vậy khi tính bảo hiểm xã hội cho những giáo viên này thì được trích tính BHXH do cơ quan nhà nước trả như thế nào? Nhờ BTC hướng dẫn để tôi hiểu rõ, tôi đưa vào tiểu mục 7049 có đúng hay không hay phải đưa vào mục tiền công 6051?

Trả lời:

- Về Tiểu mục đối với chi trả tiền giáo viên dạy hợp đồng nhưng không nằm trong biên chế (giáo viên hợp đồng 9 tháng, dưới 1 năm):

Căn cứ Phụ lục III (Danh mục mã Mục, Tiểu mục) ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống Mục lục NSNN;

Căn cứ tiết 2.14 điểm 2 mục IV Công văn số 7078 /BTC-KBNN ngày 30/05/2017 về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Mục lục NSNN, quy định: "Tiểu mục 6757 "Thuê lao động trong nước":

Để phản ánh các khoản chi thuê lao động trong nước làm các công việc phục vụ công tác chuyên môn như bốc vác, vận chuyển, các khoản thuê lao động theo hợp đồng có thời hạn (theo thời vụ) ... Không bao gồm tiền công lao động theo hợp đồng thường xuyên (đã hạch toán Mục 6050).";

Căn cứ quy định nêu trên, đối với chi trả tiền giáo viên dạy hợp đồng nhưng không nằm trong biên chế (giáo viên hợp đồng 9 tháng, dưới 1 năm): Hạch toán Tiểu mục 6757 - Thuê lao động trong nước.

- Về việc tính bảo hiểm xã hội cho các giáo viên nêu trên: Đề nghị Quý độc giả trao đổi, lấy ý kiến cơ quan Lao động và Thương binh xã hội để được hướng dẫn, giải đáp.

Câu hỏi 84:

Tôi hiện đang là Kế toán trường học thuộc địa bàn Thị xã Buôn Hồ - Tỉnh Đắk Lắk. Tôi có một thắc mắc rất mong muốn Quý Bộ trả lời và hướng dẫn thực hiện.Từ năm 2017 trở về trước việc thanh toán tiền trà nước cho đơn vị vẫn được thanh toán và thực hiện bình thường, được hạch toán vào MLNS 6257. Tuy nhiên, năm 2018, Kho bạc lại hướng dẫn các đơn vị theo Nghị định 130 mới chi tiền trà nước, còn các đơn vị áp dụng theo Nghị định 43, Nghị định 16 thì không được chi và hướng dẫn đơn vị chi từ quỹ phúc lợi. Xin hỏi, như vậy là đúng hay sai và theo văn bản nào?

Trả lời:

1. Đối với cơ quan nhà nước thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

- Theo Tiết a, Khoản 2, Điều 6 Nghị định số 130/2005/NĐ-CP quy định nội dung chi từ kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ bao gồm: "Các khoản chi thanh toán cho cá nhân: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương, tiền thưởng, phúc lợi tập thể và các khoản thanh toán khác cho cá nhân theo quy định".

- Theo Tiết b, Khoản 2, Điều 8 Nghị định số 130/2005/NĐ-CP quy định: "Chi khen thưởng và phúc lợi: chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân theo kết quả công tác và thành tích đóng góp; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của cán bộ, công chức; trợ cấp khó khăn đột xuất cho cán bộ, công chức, kể cả đối với những trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế".

- Theo Điểm 2.6, Mục IV, Công văn số 7078 /BTC-KBNN ngày 30/5/2017, về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Mục lục NSNN theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định Hệ thống Mục lục NSNN, thì "Mục 6250 Phúc lợi tập thể: Để phản ánh các khoản chi NSNN có tính chất phúc lợi cho cán bộ, công chức nhà nước theo chế độ quy định hiện hành của Nhà nước. Trường hợp chi phúc lợi từ quĩ phúc lợi của đơn vị, thì không hạch toán vào đây. Các khoản chi phúc lợi theo chế độ chung của Nhà nước hạch toán vào các Tiểu mục tương ứng thuộc Mục 6250".

Nội dung chi mua trà, nước uống thuộc nội dung chi phúc lợi tập thể. Vì vậy, đối với các cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử

dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, thì nội dung chi trà, nước uống được chi từ nguồn kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ và từ nguồn kinh phí tiết kiệm được; được hạch toán vào Tiểu mục 6299 - chi khác thuộc Mục 6250.

Từ năm 2017 trở về trước thực hiện theo quy định tại Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Mục lục NSNN, theo đó tiền nước uống được hạch toán vào Tiểu mục 6257 - Tiền nước uống thuộc Mục 6250.

2. Đối với đơn vị thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Tại Gạch đầu dòng thứ 4, Tiết b, Khoản 3, Điều 12 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định: "Quỹ phúc lợi: Để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động thực hiện tinh giản biên chế".

Đối với khoản chi phúc lợi bắt buộc phải chi từ Quỹ phúc lợi thì phải thực hiện trí...

Câu hỏi 85:

Tôi công tác tại đơn vị Phòng Giáo dục và đào tạo huyện X đầu năm đơn vị tôi được giao chỉ tiêu biện chế (năm 2018) là: 1.320 biên chế, hiện tại Phòng đã có mặt là: 1.260 biên chế; còn thiếu: 60 biên chế. Ngày 02/02/2018 UBND tỉnh X có giao cho huyện X ký thêm 40 hợp đồng giáo viên dạy học , ngoài ra Phòng GD huyện X ký hợp đồng thêm 25 hợp đồng về việc giảng dạy là: 20 người, 05 người làm công tác bảo vệ và tạp vụ. Nay, Phòng Giáo dục và đào tạo chi tiền lương cho giáo viên và tạp vụ. KBNN hướng dẫn hạch toán đối với 55 hợp đồng đưa vào tiền công (6051), còn 05 người làm giáo viên hợp đồng giảng dạy đưa vào mục 6757 có đúng hay không?. Phần bảo hiểm xã hội được tính như thế nào? Có hợp lý hay không.

Trả lời:

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010;

Căn cứ tại Điều 1 Nghị định 68/2000/NĐ-CP quy định về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ điểm 2 mục I Thông tư 15/2001/TT-BTCCBCP ngày 11/4/2001 của Ban tổ chức -cán bộ Chính phủ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Phụ lục III (Danh mục mã Mục, Tiểu mục) ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống Mục lục NSNN;

Căn cứ điểm 2 Công văn số 7078 /BTC-KBNN ngày 30/05/2017 về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Mục lục NSNN, quy định:

"2.2. Tiểu mục 6051 "Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng"

Được dùng để phản ánh chi trả tiền công cho đối tượng không nằm trong chỉ tiêu biên chế, phải thực hiện chế độ ký hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.....

Căn cứ các quy định nêu trên, việc hạch toán chi lương của Phòng Giáo dục huyện X như sau:

- Chi lương cho giáo viên dạy học theo chế độ hợp đồng (theo đúng quy định tại Luật Viên chức số 58/2010/QH12): Hạch toán Tiểu mục 6001 - Lương theo ngạch, bậc.

- Chi lương người làm công tác bảo vệ và tạp vụ (theo đúng quy định tại Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Thông tư 15/2001/TT-BTCCBCP): Hạch toán Tiểu mục 6051 - Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng.

Về việc tính bảo hiểm xã hội: Đề nghị Quý độc giả trao đổi, lấy ý kiến cơ quan Lao động và Thương binh xã hội để được hướng dẫn, giải đáp.

Câu hỏi 86:

Từ trước đến nay đơn vị tôi thực hiện chi trả tiền công hợp đồng theo NĐ68 (đối với nhân viên bảo vệ, tạp vụ) vào mục, tiểu mục 6051, phụ cấp khu vực vào 6102, phụ cấp công vụ vào 6124. nhưng nay Kho Bạc yêu cầu thanh toán tất cả các khoản trên vào một mục 6051. xin hỏi như vậy có đúng hay không, và theo văn bản nào?

Trả lời:

Việc chi trả tiền công cho đối tượng lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ được phản ánh vào tiểu mục 6051-

Tiền công cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng. Ngoài ra, đối tượng lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP còn được hưởng một số khoản phụ cấp theo quy định hiện hành, như phụ cấp khu vực…, khi chi trả các khoản phụ cấp được phản ánh vào tiểu mục tương ứng với khoản phụ cấp.

Câu hỏi 87:

Tại điểm 5 điều 79 và điều 84 của Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 hướng dẫn chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN có quy định về việc giúp việc cho kế toán trưởng và nhận ủy quyền của kế toán trưởng khi kế toán trưởng đi vắng có quy định: Người giúp việc hay nhận ủy quyền phải có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định. Xin cho hỏi điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể quy định ở đây là như thế nào? (như điều kiện tiêu chuẩn của kế toán trưởng hay có gì khác). Một người có các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Kế toán trưởng nhưng chưa có chứng chỉ kế toán trưởng có được giúp việc và nhận ủy quyền của kế toán trưởng hay không?

Trả lời:

Theo quy định của Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 hướng dẫn chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN:

+ Tại Khoản 5 Điều 79: "Đối với các KBNN cấp huyện chưa có phòng kế toán, có thể giao nhiệm vụ cho 1 cán bộ đủ điều kiện, tiêu chuẩn giúp việc cho Kế toán trưởng, thay mặt Kế toán trưởng giải quyết các công việc khi được ủy quyền theo quy định và chịu trách nhiệm về các công việc trong thời gian được ủy quyền".

+ Tại Điều 84: "Trường hợp Kế toán trưởng tạm thời vắng mặt ở đơn vị phải ủy quyền bằng văn bản cho người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thay thế và phải được Giám đốc đơn vị KBNN duyệt".

Luật Kế toán năm 2015 không quy định điều kiện đối với người nhận ủy quyền kế toán trưởng mà chỉ quy định điều kiện đối với người có chức danh kế toán trưởng và chức danh phụ trách kế toán. Theo đó, người chưa có chứng chỉ kế toán trưởng có thể nhận ủy quyền của kế toán trưởng và chỉ chịu trách nhiệm về các công việc trong phạm vi được ủy quyền.

Câu hỏi 88:

Tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 61/2014/TT-BTC ngày 12/5/2014 của Bộ Tài chính (về chữ ký đối với các đơn vị, tổ chức sử dụng

NSNN và các tổ chức ngân sách) có nêu: "Chữ ký thứ hai: là chữ ký của Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán của đơn vị và người được ủy quyền ký thay Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán" Vậy, 1. "người được ủy quyền ký thay kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán" nêu trên có cần điều kiện, tiêu chuẩn gì không, được quy định tại văn bản nào? 2. "Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán" phải chịu trách nhiệm thế nào đối với các chứng từ do người được ủy quyền ký thay.

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 61/2014/TT-BTC ngày 12/5/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký sử dụng tài khoản tại KBNN về đăng ký chữ ký thứ hai trên Giấy đăng ký sử dụng tài khoản và mẫu dấu, mẫu chữ ký: "Chữ ký thứ hai: là chữ ký của Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán của đơn vị và người được uỷ quyền ký thay Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán".

Luật Kế toán năm 2015 không quy định điều kiện đối với người nhận ủy quyền kế toán trưởng mà chỉ quy định điều kiện đối với người có chức danh kế toán trưởng và chức danh phụ trách kế toán.

Người được ủy quyền kế toán trưởng chỉ chịu trách nhiệm về các công việc trong phạm vi được ủy quyền.

Câu hỏi 89:

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miên, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, UBND thành phố ban hành quyết định mức thu học phí đối với các cấp học trên địa bàn. Cụ thể ở cấp Quận huyện có: Cấp học Mầm non và THCS trên địa bàn Quận, huyện đã các trường thu học phí trong năm 2017. Hiện tại toàn bộ khoản thu học phí các đơn vị trường học nộp 100% vào Tài khoản tiền gửi tại Kho Bạc Nhà nước nơi giao dịch để quản lý, khi có nhu cầu chi thì lập dự toán rút chi. 1/ Theo quy định (Phòng Giáo dục và Đào tạo): - 40% nguồn thu từ học phí để làm nguồn cải cách tiền lương. - 60% nguồn thu từ học phí để bổ sung chi thường xuyên cho các trường Mầm non và THCS. Vậy văn bản nào quy định ? 2/ Thực hiện chi: - Chi hoạt động thường xuyên phần 60%, các Trường Mầm non và THCS đã chi hoạt động dạy và học cùng với nguông ngân sách cấp. Cuối năm 2017 Phòng Giáo dục và ĐT quyết

toán khoản thu chi từ học phí và đề nghị UBND huyện ghi thu ghi chi theo chứng từ hợp lý, hợp lệ. + Mục ghi chi theo quy định của MLNS + Mục ghi thu theo quy định của MLNS cụ thể Thông tư số 300/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 đã bỏ Tiểu mục "2501 học phí" . Vậy khi ghi thu thì hạch toán mục nào? - Phần 40% học phí trích nộp vào ngân sách hạch toán Chương, Mục, Tiểu mục nào ?. 3/ Hoặc có cách nào thực hiện khác không ?

Trả lời:

1. Tại tiết b Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 67/2017/TT-BTC ngày 30/06/2017 hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 76/2017/NĐ-CP ngày 30/6/2017 của Chính phủ đã quy định "Đối với số thu học phí chính quy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập: **40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên toàn bộ số thu học phí** (bao gồm cả kinh phí được ngân sách nhà nước cấp bù học phí theo quy định)."

Phần còn lại sẽ sử dụng theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

2. Theo Luật phí, lệ phí năm 2015 thì học phí không nằm trong danh mục phí, lệ phí (hiệu lực áp dụng từ 1/1/2017). Theo đó, ngày 29/12/2016 Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 18796/BTC-KBNN hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm 2016, đã hướng dẫn đối với các khoản ghi thu, ghi chi quản lý qua ngân sách theo chế độ quy định "Đối với các khoản thu, chi không thuộc phạm vi ngân sách nhà nước (như: tiền học phí của cơ sở công lập,...) thực hiện chuyển sang năm sau quản lý theo quy định, không chuyển nguồn và không ghi thu ghi chi vào ngân sách nhà nước". Theo đó, số thu học phí năm 2016 đã thu nhưng chưa chi hoặc đã chi nhưng chưa đủ thủ tục để ghi thu, ghi chi thì chuyển sang năm 2017 quản lý theo quy định, không chuyển nguồn và không ghi thu ghi chi vào ngân sách nhà nước.

Như vậy, từ năm 2017 nguồn thu học phí (gồm cả 40% - nguồn thu từ học phí để làm nguồn cải cách tiền lương và phần còn lại) sẽ không phản ánh vào NSNN (không hạch toán ghi thu, ghi chi học phí) và không bố trí tiểu mục hạch toán thu học phí. Tuy nhiên, đơn vị vẫn phải tổng hợp báo cáo cơ quan chủ quản kết quả sử dụng nguồn kinh phí này theo quy định tại Thông tư số 67/2017/TT-BTC.

Khi thực hiện, đơn vị hạch toán kế toán số thu, chi học phí theo quy định của chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp hiện hành (đối với năm 2017 thực hiện theo

Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính, từ năm 2018 trở đi thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính). Khi đơn vị quyết toán ngân sách hàng năm, số thu học phí sẽ được báo cáo theo nguồn khác của đơn vị theo quy định tại Thông tư 01/2007/TT-BTC ngày 02/01/2007 và Thông tư sửa đổi bổ sung (nếu có).

Câu hỏi 90:

Hiện nay tôi đang thực hiện nhập dự toán chi đầu tư XDCB trên hệ thống Tabmis theo quy định mới tại Bảng chuyển đối số 02 kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016. Đối với một số dự án chuyển tiếp đang gặp vướng mắc, 1 số ví dụ cụ thể như sau: 1. Công trình cột đồng hồ TP Hạ Long: Khoản cũ đã cấp là 165 - xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC), nay tôi cấp theo BCĐ 02 là 161 (vì đây là công trình văn hóa theo quy định của UBND tỉnh Quảng Ninh). Tuy nhiên KBNN thành phố Hạ Long có ý kiến là theo bảng ánh xạ Danh mục mã loại, khoản số 02/BAX thì phải chuyển đổi 165 sang 309. 2. Công trình đường giao thông: Khoản cũ đã cấp là 163 - xây dựng công trình đường bộ, nay tôi cấp theo BCĐ 02 là 292 - giao thông đường bộ. Tuy nhiên theo bảng ánh xạ Danh mục mã loại, khoản số 02/BAX thì phải chuyển đổi 163 sang 309. Vậy cho tôi hỏi là áp dụng chuyển đổi khoản của các dự án trên theo cách nào là đúng? (Theo như BCĐ 02 thì phải phù hợp với ngành, lĩnh vực đầu tư công của dự án theo QĐ số 40/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) Rất mong sớm nhận được hồi đáp của BTC.

Trả lời:

Việc chuyển đổi ngành, lĩnh vực đầu tư công của dự án đầu tư theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg và lĩnh vực chi NSNN theo Luật NSNN số 83/2015/QH13 sang danh mục mã số Loại, Khoản áp dụng từ ngân sách năm 2018 (Bảng số 02/BCĐ) ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, được dựa trên cơ sở công năng chính của dự án để xác định lĩnh vực chi ngân sách theo Luật NSNN và theo mã Loại, Khoản của Thông tư số 324/2016/TT-BTC.

Đối với các dự án cũ, đang thực hiện đã được phân loại ngân sách theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và nay phân loại theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính, thì được thực hiện theo Bảng ánh xạ danh mục mã Loại, Khoản số 02/BAX ban hành

kèm theo Công văn số 17809/BTC-KBNN. Vì vậy, đơn vị áp dụng theo Bảng ánh xạ danh mục mã Loại, Khoản số 02/BAX là phù hợp.

Tuy nhiên, đối với các dự án cũ độc giả nêu đã xác định Khoản chưa phù hợp với tính chất hoạt động kinh tế của công trình, do đó phải chuyển về đúng Khoản theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC trước khi thực hiện phiên theo Bảng ánh xạ số 02/BAX. Cụ thể, đối với Công trình Cột đồng hồ TP Hạ Long thuộc lĩnh vực văn hóa nên phản ánh vào Khoản 554- Hoạt động triển lãm, thông tin thuộc lĩnh vực văn hóa, nhà văn hóa thuộc Loại 550- Hoạt động văn hóa, thể thao và giải trí và trong năm ngân sách 2018 thì ánh xạ sang Khoản 161- Văn hóa của Loại 160- Văn hoá thông tin; đối với Công trình đường giao thông thuộc lĩnh vực giao thông vận tải nên phản ánh vào Khoản 223- Vận tải đường bộ khác thuộc Loại 220- Vận tải, Kho bãi, và trong năm ngân sách 2018 thì ánh xạ sang 292- Giao thông đường bộ của Loại 280- Các hoạt động kinh tế.

Câu hỏi 91:

Tôi hiện đang công tác tại BQL dự án viện trợ không hoàn lại của CP Bỉ. Vì thời điểm kí Hiệp định ngày 10/11/2016 sau thời điểm QH phê duyệt KHNS nên đến Tháng 9/2017 dự án nhận được thông báo cho phép chi viện trợ (ghi thu ghi chi) năm 2017 của Bộ Tài chính. Cơ chế giải ngân của dự án theo Thông tư 225/2010/TT-BTC, Cơ quan Bỉ chuyển vốn trực tiếp vào TK của BQL dự án mở tại ngân hàng phục vụ (và tiền đã chuyển về TK của QL vào tháng 9, dự án đã làm thủ tục xác nhận viện trợ không hoàn lại tại Bộ TC). Tuy nhiên đến nay dự án vẫn chưa thể tiến hành giải ngân do KBNN tỉnh Nghệ An yêu cầu phải có dự toán 2017 trên TAbmis do Vụ NSNN phân bổ thì mới đồng ý kiểm soát chi cho dự án. Tôi muốn hỏi KBNN yêu cầu như thế có đúng quy trình không bởi vì theo đặc thù dự án của chúng tôi, vốn viện trợ này không chuyển qua ngân sách (Kho bạc hay TK của Bộ Tài chính) mà nhà tài trợ chuyển thẳng vốn vào TK của BQL theo số tiền của từng lần gọi vốn mà BQL gửi nhà tài trợ -> BQL làm thủ tục xác nhận viện trợ (ghi thực thu) lúc này mới thực sự có nguồn thu vào NS (tuy nhiên cuối quý BTC mới tổng hợp các tờ khai và Lập lệnh ghi thu ghi chi tạm ứng cho dự án nên Sở TC chưa nhận ddc lệnh ghi thu ghi chi). Để đảm bảo tiến độ giải ngân của dự án, BQL đã đề xuất KB Nghệ An thực hiện xác nhận khối lượng hoàn thành cho dự án để dự án thanh toán cho nhà thầu, tuy nhiên KB Nghệ An từ chối kiểm soát chi vì Dự án chưa được phân bổ dự toán trên Tabmis.

Trả lời:

Dự án RALG của Nghệ An (Dự án "Hỗ trợ quản trị địa phương trách nhiệm giải trình, đáp ứng được tại tỉnh Nghệ An") là dự án sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Bỉ, thuộc Ngân sách Trung ương bổ sung cho địa phương. Căn cứ Công văn số 8411/VPCP-KTTH ngày 10/8/2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 11432/BTC-QLN ngày 28/8/2017 của Bộ Tài chính, UBND tỉnh Nghệ An đã có quyết định số 5394/QĐ-UBND ngày 8/11/2017 phê duyệt kế hoạch hoạt động và ngân sách năm 2017 cho dự án.

Đối với chi viện trợ của năm ngân sách 2017 áp dụng theo quy định của Thông tư 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước. Theo đó, không quy định nguồn vốn viện trợ không hoàn lại phải nhập dự toán trên Tabmis. Do vậy, Bộ Tài chính thông báo để đơn vị biết và phối hợp với Kho bạc Nhà nước Nghệ An để được kiểm soát chi làm cơ sở giải ngân vốn viện trợ cho dự án.

Câu hỏi 92:

Theo công văn 979/KBNN-KHTH ngày 17/5/2007 của Kho bạc Nhà nước về việc thanh toán tiền lương qua tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân "Để thực hiện chi trả lương cho cán bộ, công chức qua tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân, đơn vị sử dụng ngân sách ký hợp đồng với 01 ngân hàng thương mại về dịch vụ trả lương cho cán bộ, công chức của mình qua tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân. Ngân hàng cung cấp cho đơn vị sử dụng ngân sách tài khoản " chuyên dùng thanh toán lương"". Vậy, tài khoản thanh toán lương ở đây là tài khoản thanh toán của đơn vị hay chỉ là một tài khoản trung gian. Vì, nếu là tài khoản thanh toán của đơn vị thì nếu Thủ trưởng và Kế toán trưởng ký, đóng mộc thì có quyền rút tiền ra, dễ dẫn đến tình trạng thông đồng chiếm dụng ngân sách nhà nước bằng cách chuyển tiền từ dự toán vào rồi rút ra, hoặc làm lại bảng lương điều chỉnh, sửa số tiền chi tra lương cho các cán bộ, công chức...(do bảng lương đơn vị sử dụng ngân sách gửi cho ngân hàng, kho bạc không có phần xác nhận lên). Nếu tài khoản chuyên thu này là tài khoản trung gian, ngân hàng sẽ trích từ tài khoản này chi trả lương cho các cá nhân, Thủ trưởng và kế toán trưởng không được phép rút tiền từ tài khoản này. Kính mong Bộ tài chính xác nhận, làm rõ "tài khoản chuyên thu" này và đơn vị sử dụng ngân sách phải thông báo cho Kho bạc có xác nhận của ngân hàng về tài khoản này hay như thế nào?.

Trả lời:

Ngoài Công văn số 979/KBNN-KHTH ngày 17/5/2007 về việc thanh toán tiền lương qua tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân, Bộ Tài chính đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến nội dung này, cụ thể: Công văn số 16675/BTC-KBNN ngày 6/12/2007 về việc thanh toán cá nhân qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước; Thông tư số 164/2011/TT-BTC ngày 17/11/2011 quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước (trong đó bao gồm nội dung hướng dẫn thay thế Công văn số 16675/BTC-KBNN); và mới đây nhất là Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/2/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua KBNN (thay thế Thông tư số 164/2011/TT-BTC). Theo các văn bản này, khi thực hiện việc thanh toán cho các cá nhân thông qua tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng theo hợp đồng đã ký với ngân hàng thương mại, thì đơn vị giao dịch tự chịu trách nhiệm về tính chính xác và bảo mật số liệu về danh sách chi trả cá nhân và tự chịu trách nhiệm sự thống nhất về nội dung, số liệu trên hồ sơ, chứng từ gửi Kho bạc Nhà nước với danh sách chi trả cá nhân gửi ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản.

Bên cạnh đó, tại tiết c Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 13/2017/TT-BTC còn quy định "…trách nhiệm của ngân hàng thương mại trong việc bảo mật thông tin khi thanh toán, chi trả cá nhân qua tài khoản (như tên, số hiệu tài khoản, số tiền thanh toán, tổng số cán bộ); **tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại chỉ sử dụng để làm thủ tục trích chuyển các khoản chi vào các tài khoản thanh toán của cá nhân theo từng cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị; đơn vị giao dịch không được phép sử dụng tài khoản này cho các mục đích khác.**"

Để thanh toán, chi trả cho cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị, đơn vị sử dụng ngân sách làm thủ tục thanh toán gửi KBNN theo quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN quan KBNN và Thông tư số 39/20116 ngày 1/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 161/2012/TT-BTC. Căn cứ đề nghị của đơn vị giao dịch, KBNN kiểm soát, nếu hợp lệ thì làm thủ tục chuyển tiền vào tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại. Ngoài ra, đơn vị không phải thực hiện thủ tục khác tại KBNN để chi trả lương cho cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị.

Câu hỏi 93:

Tôi đang công tác tại Ban quản lý dự án đầu tư, tôi có vướng mắc mong Quý bộ xem xét, trả lời giúp: Căn cứ vào kế hoạch vốn được giao hàng năm, khi tiến hành chuyển nguồn (nhập dự toán cho dự án) Sở Tài chính thành phố

không nhập một lần toàn bộ dự toán được giao từ đầu năm cho dự án mà yêu cầu đơn vị căn cứ trên giá trị tạm ứng, giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành cho nhà thầu để nhập dự toán. Việc nhập dự toán như thế có nhiều bất cập: kéo dài thời gian thanh toán vì đợi Sở Tài chính nhập dự toán rồi mới có thể gửi hồ sơ thanh toán đến Kho bạc; vô hình chung gom thanh toán các gói thầu, công trình vào từng đợt vì không thể một vài hôm lại gửi công văn nhập dự toán...Theo Khoản 2 Điều 7 Thông tư 123/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS) thì 'Đảm bảo nhập đầy đủ theo văn bản giao dự toán của cấp có thẩm quyền, các đơn vị không được tự ý tách nhỏ số lượng được ghi trong văn bản được giao dự toán để nhập nhiều lần, trong các thời điểm khác nhau". Với trường hợp cụ thể trên đề nghị Bộ Tài chính xem xét, hướng dẫn: Với cách làm trên của Sở Tài chính thành phố là có đúng quy định hay không. Trong kế hoạch vốn năm 2017 đơn vị tôi có cần nhập dự toán dự án cho từng đợt thanh toán như những năm trước không hay chỉ cần gửi công văn chuyển nguồn một lần cho cả dự toán được giao. Nếu không được tách nhỏ dự toán được giao để nhập từng lần đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn các Sở Tài chính các tỉnh, thành phố thực hiện theo đúng quy định.

Trả lời:

- Theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước 2015, cụ thể:

+ Tại Khoản 1 Điều 49: "Sau khi được Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới trong trường hợp có ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chi của mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện. Việc phân bổ và giao dự toán phải bảo đảm thời hạn và yêu cầu quy định tại Điều 50 của Luật này."

+ Tại Điều 50: "1. Việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải bảo đảm:

a) Đúng với dự toán ngân sách được giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi được giao;"

- Theo Khoản 2 Điều 7 (Nguyên tắc nhập dự toán và Lệnh chi tiền) Thông tư 123/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS) quy định: "Đảm bảo nhập đầy đủ theo văn bản giao dự toán của cấp có thẩm quyền, các

đơn vị không được tự ý tách nhỏ số lượng được ghi trong văn bản giao dự toán để nhập nhiều lần, trong các thời điểm khác nhau.”.

Căn cứ các quy định trên, nếu trong điều hành ngân sách Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có văn bản yêu cầu Sở Tài chính nhập dự toán từng lần căn cứ trên giá trị tạm ứng, giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành cho nhà thầu, thì Sở Tài chính thực hiện nhập dự toán như vậy là chưa đúng với quy định hiện hành.

Câu hỏi 94:

Hiện nay tại địa phương chúng tôi có một vấn đề vướng mắc trong việc hạch toán mục lục ngân sách nhà nước, cụ thể: Trước đây khoản thu phí sát hạch lái xe ô tô và mô tô các đơn vị thu của tỉnh nộp vào ngân sách nhà nước đã hạch toán vào tiểu mục 2052, nhưng từ khi Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 300/2016/TT-BTc ngày 15/11/2016 về sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách, thì tiểu mục 2502 đã bị xoá bỏ, hiện nay Sở Tài chính đã rà soát lại mục lục NSNN nhưng không tìm thấy tiểu mục nào trong hệ thống mục lục NSNN phù hợp để thay thế để hạch toán khoản thu phí sát hạch lái xe ô tô và mô tô theo Luật số 97/2015/QH13 luật phí và lệ phí. Vì vậy đề nghị Bộ Tài chính xem xét hướng dẫn cho địa phương.

Trả lời:

Theo quy định của Luật Phí, Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 tại Phụ lục số 01: Phí sát hạch lái xe thuộc Điểm 1- Phí thuộc lĩnh vực đường bộ của Mục V - Phí thuộc lĩnh vực giao thông vận tải.

Về cơ bản, danh mục mã Mục, Tiểu mục được bố trí các Mục, Tiểu mục hạch toán các khoản thu NSNN về phí, lệ phí theo nguyên tắc: Mỗi mục thu phí, lệ phí gắn với một lĩnh vực được thu phí, lệ phí; mỗi Tiểu mục gắn với tiểu lĩnh vực được thu phí, lệ phí của Phụ lục số 01 Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13. Trong đó, Tiểu mục 2301 - Phí thuộc lĩnh vực đường bộ thuộc Mục 2300 - Phí thuộc lĩnh vực giao thông vận tải (để phản ánh các loại phí thuộc lĩnh vực đường bộ bao gồm cả phí sát hạch lái xe).

Do vậy, khoản thu phí sát hạch lái xe ô tô và mô tô các đơn vị thu của tỉnh nộp vào ngân sách nhà nước được hạch toán vào Tiểu mục 2301 - Phí sử dụng đường bộ.

Câu hỏi 95:

Câu 1: Theo quy định tại Điều 14 TT 47/2009/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 11/3/2009 Hướng dẫn cấp phát, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện

chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý thì hồ sơ gửi đến KB để rút KP chi trợ cấp là Danh sách. Vậy khi Phòng LĐTB-XH rút KP ưu đãi chi mục 7150 thì Phòng LĐ lập Bảng kê theo TT 39/2016/TT-BTC hay gửi Danh sách theo TT 47/2009/TTLT-BTC-BLĐTBXH. TT 39/2016/TT-BTC không áp dụng đối với các khoản chi có tính chất đặc thù khác có cơ chế hướng dẫn riêng. Vậy làm cách nào để xác định khoản chi có tính chất đặc thù có cơ chế hướng dẫn riêng. Câu 2: Trên cổng thông tin BTC ngày 22/11/2016 có trả lời độc giả Vũ Trung Lượng về cách kiểm soát tiền lương như sau: "Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về việc lập danh sách những người hưởng lương;... chịu trách nhiệm về việc áp dụng các hệ số cấp bậc, chức vụ và tính toán số tiền chi trả cho từng cá nhân. KBNN thực hiện kiểm soát, xem xét việc chấp hành các quy định về tiền lương, phụ cấp lương... của đơn vị, đảm bảo không vượt quá biên chế được giao (đối với chi lương), tổng số tiền được hưởng của từng cá nhân phải phù hợp, khớp đúng với tổng số tiền đề nghị thanh toán trong phạm vi quỹ lương của đơn vị và trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao." Theo công văn Số: 5524 /KBNN-KSC ngày 23/12/2016 của KBNN V/v Hướng dẫn một số nội dung về công tác kiểm soát chi NSNN cuối năm 2016 và tháng đầu năm 2017 tại điểm 1.3 mục 1 có hướng dẫn trách nhiệm KBNN: "Kiểm tra, xem xét việc áp dụng các hệ số phụ cấp lương, như phụ cấp ngành nghề, độc hại, phụ cấp khu vực, v.v…đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành". Vậy tôi muốn hỏi khi kiểm tra Danh sách lương KB có kiểm tra các hệ số phụ cấp xem đúng quy định không hay đơn vị chịu trách nhiệm về việc áp dụng các hệ số này.

Trả lời:

Câu 1:

- Theo quy định tại Điểm 1, Điều 1 Thông tư 39/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước thì: Các Khoản chi thuộc danh Mục bí mật của Nhà nước, các Khoản chi có tính chất đặc thù khác có cơ chế hướng dẫn riêng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư. Như vậy, đối với các khoản chi này, việc kiểm soát, thanh toán không thực hiện theo quy định của Thông tư 39/2016/TT-BTC.

- Đối với kinh phí ưu đãi người có công: đây là khoản kinh phí được hướng dẫn riêng tại Thông tư Liên tịch số 47/2009/TTLT-BTC –BLĐTBXH ngày 11/03/2009 Hướng dẫn cấp phát, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý; vì vậy, việc kiểm soát, thanh toán của KBNN được thực hiện theo quy định Thông tư này. Như vậy, khi thanh toán kinh phí ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến, phòng Lao động thương binh xã hội lập hồ sơ theo quy định tại điểm 2, Điều 14 Thông tư Liên tịch số 47/2009/TTLT-BTC –BLĐTBXH gửi đến KBNN để kiểm soát thanh toán.

Câu 2:

- Theo Quy định tại tiết 3, điều 4 Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách: "...chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung chi đã kê trên bảng kê chứng từ thanh toán gửi Kho bạc nhà nước ...; chịu trách nhiệm về quyết định chi và tính chính xác của các nội dung chi trên bảng kê chứng từ gửi KBNN...; Quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản nhà nước theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; đúng định mức mua sắm, trang bị tài sản; đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả...".

Theo quy định này, đối với các khoản chi lương, Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về danh sách những người hưởng lương;... về việc áp dụng các hệ số cấp bậc, chức vụ và tính toán số tiền chi trả cho từng cá nhân.

Tuy nhiên, đối với KBNN, để thực hiện nhiệm vụ "Kiểm soát, thanh toán, chi trả các khoản chi của ngân sách nhà nước " theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 26/2015/QĐ-TTg ngày 08/07/2015, thì đối với các khoản chi lương, việc kiểm soát tại KBNN được thực hiện theo quy định tại tiết 1.3, điểm 1 mục I công văn số 5524/KBNN-KSC ngày 23/12/2016 về hướng dẫn một số nội dung về công tác kiểm soát chi NSNN cuối năm 2016 và tháng đầu năm 2017, trong đó có nội dung "…kiểm tra xem xét việc áp dụng các hệ số, phụ cấp lương như phụ cấp ngành nghề, độc hại, phụ cấp khu vực…".

Câu hỏi 96:

Tôi làm ở đơn vị dự toán cấp I, trong quá trình quyết toán có vướng mắc đó là khoản chi tiết kiệm của đơn vị sự nghiệp được nhà nước đảm bảo 100% kinh phí thì mỗi huyện lại yêu cầu hạch toán ở hai mục khác nhau đó là 6299 và 7952. vậy xin bộ tài chính trả lời giúp hạch toán ở tiểu mục nào là đúng .

Trả lời:

Theo chế độ quy định về cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập) kinh phí hoạt động thường xuyên giao đơn vị tự chủ được thực hiện theo cơ chế tự chủ, được chi phúc lợi tập thể. Khi chi từ kinh phí tiết kiệm thực hiện hạch toán theo mục lục NSNN như sau:

- Theo hướng dẫn tại phần B Công văn số 10532/BTC-NSNN ngày 9/9/2008 của Bộ Tài chính: Mục 6250 - Phúc lợi tập thể để phản ánh các khoản chi ngân sách nhà nước có tính chất phúc lợi cho cán bộ, công chức nhà nước theo chế độ quy định hiện hành của Nhà nước. Vì vậy, các khoản chi phúc lợi theo chế độ chung của Nhà nước hạch toán vào các Tiểu mục tương ứng thuộc Mục 6250, ví dụ khoản chi tiền nước uống hạch toán Tiểu mục 6257 "Tiền nước uống". Riêng Tiểu mục 6299 chỉ hạch toán khi có hướng dẫn cụ thể.

- Đối với khoản chi phúc lợi bắt buộc phải chi từ Quỹ phúc lợi thì phải thực hiện trích lập Quỹ phúc lợi theo chế độ và khi trích lập Quỹ hạch toán theo Tiểu mục tương ứng Mục 7950 - Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu. Khi chi từ Quỹ phúc lợi thì không hạch toán vào NSNN.

PHẦN II

HỎI ĐÁP VỀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

Câu hỏi 1:

Tôi là kế toán một trường THPT tại tỉnh Quảng Nam; tháng 10/2017 tôi được Giám đốc Sở giáo dục bổ nhiệm Kế toán trưởng một trường THPT theo quy định tại Thông tư 163/2013/TTLT-BTC-BNV; thời hạn bổ nhiệm 05 năm. Đến năm 2018 thông tư 04/2018/TT-BNV có hiệu lực (không bổ nhiệm kế toán trưởng đối với đơn vị chỉ có 01 kế toán); Tuy nhiên bản thân tôi không hề nhận được quyết định bãi nhiệm của Sở GD, nên nghĩ rằng hết thời hạn bổ nhiệm KTT thực hiện bổ nhiệm lại thì mới được bổ nhiệm phụ trách kế toán. Song đến hết năm 2019, bản thân tôi tự giảm phụ cấp trách nhiệm kế toán xuống còn 0.1 (dù vẫn chưa có QĐ bãi nhiệm). Năm 2020 đơn vị tôi được Thanh tra Sở Giáo dục thanh tra 02 năm 2019 và 2020. Tại kết luận thanh tra có nói việc chi tiền phụ cấp kế toán năm 2019 là sai và yêu cầu thu hồi phần chênh lệch (0.1) (Phụ cấp KTT 0.2 còn phụ cấp phụ trách KT 0.1) nộp Ngân sách. Vậy tôi muốn hỏi: 1. Trong trường hợp của tôi, việc Sở Giáo dục không ra quyết định bãi nhiệm KTT đối với tôi khi Thông tư 04/2018 có hiệu lực là đúng hay sai? 2. Trong trường hợp quyết định bổ nhiệm KTT của tôi được Giám đốc Sở giáo dục ký vẫn còn hiệu lực (quy định thời hạn hiệu lực bổ nhiệm 05 năm) thì việc thu hồi phần phụ cấp kế toán trưởng của tôi ở năm 2019 là đúng hay không? Tôi rất mong được trả lời.

Trả lời:

Nội dung thư độc giả hỏi về việc hưởng phụ cấp kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong thời gian chuyển tiếp từ Thông tư 163/2013/TTLT- BTC-BNV sang Thông tư 04/2018/TT-BNV ngày 27/3/2018 hướng dẫn về thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước. Về vấn đề này Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán- Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Thông tư 04/2018/TT-BNV hướng dẫn cụ thể một số nội dung liên quan đến thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước theo quy định của Nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật kế toán.

Điểm a, Khoản 2, Điều 20, Nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật kế toán quy định "*Đơn vị kế toán chỉ có một người làm kế toán hoặc một người làm kế toán kiêm nhiệm; đơn vị kế toán ngân sách và tài chính xã, phường, thị trấn thì không thực hiện bổ nhiệm kế toán trưởng mà chỉ bổ nhiệm phụ trách kế toán*".

Đồng thời tại Khoản 3, Điều 37 quy định "*Đối với các đơn vị trong lĩnh vực kế toán nhà nước đã bổ nhiệm kế toán trưởng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng theo quy định tại Nghị định này chỉ bổ nhiệm phụ trách kế toán thì không nhất thiết phải miễn nhiệm kế toán trưởng ngay khi Nghị định có hiệu lực thi hành mà tiếp tục được bố trí kế toán trưởng đến hết thời hạn bổ nhiệm ghi trong quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng hiện hành. Khi bổ nhiệm lại hoặc bổ nhiệm mới thì chỉ được bổ nhiệm phụ trách kế toán theo quy định tại Nghị định này*".

Nghị định 174/2016/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017, theo đó đối với trường hợp của độc giả khi cơ quan có thẩm quyền chưa có quyết định miễn nhiệm Kế toán trưởng thì vẫn được hưởng phụ cấp trách nhiệm của Kế toán trưởng đến hết thời hạn bổ nhiệm ghi trong quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng hiện hành.

Câu hỏi 2:

Về bút toán kết chuyển số phát sinh bên Nợ và bên Có của TK 0082 sang TK 0081 theo Thông tư 70/2019/TT-BTC được thực hiện vào ngày 31/12 năm nay hay thực hiện trong thời gian chỉnh lý? Và số liệu trên TK 0081 sau khi kết chuyển theo các bút toán này được thể hiện trên bảng cân đối của năm kết chuyển hay năm sau?

Trả lời:

1. Về thời điểm kết chuyển số phát sinh trên Tài khoản 008.

Theo quy định của Thông tư 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính, việc kết chuyển số phát sinh bên Nợ và bên Có của TK 0082 sang TK 0081

được thực hiện sau ngày 31/12 năm nay và tiếp tục hạch toán số liệu phát sinh trong thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN và được tất toán khi quyết toán năm của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Về số liệu trên TK 0081 sau khi kết chuyển.

Sau ngày 31/12 năm báo cáo, số liệu trên TK 0082 đã được kết chuyển sang số liệu của TK 0081, vì vậy số liệu trên TK 0081 được thể hiện trên bảng cân đối tài khoản của năm sau.

Câu hỏi 3:

Tôi có một nghiệp vụ mà thông tư 107/2017/TT-BTC chưa nói rõ: Tôi muốn hỏi về nghiệp vụ mua TSCĐ từ nguồn thu học phí (thu dịch vụ). Nghiệp vụ này thông tư 107/2017/TT-BTC nói chưa rõ ràng. Tôi đọc có một số tài liệu có hướng dẫn là khi mua TSCĐ từ nguồn học phí định khoản là: N211/C1121, N4212/C43142 (Giá trị còn lại của TSCĐ là TK 43142). Nhưng cũng có một số tài liệu có hướng dẫn là N211/C1121 (Gía trị còn lại của TSCĐ là TK 4212). Và nghiệp vụ hao mòn TSCĐ mua từ nguồn học phí hạch toán như nào ạ? Kính mong BTC trả lời để đơn vị làm theo đúng quy định. Kính mong BTC có hướng dẫn.

Trả lời:

Câu hỏi của độc giả liên quan đến việc mua tài sản và hạch toán hao mòn tài sản từ nguồn dịch vụ (trong đó có học phí):

1. Quy định về trích lập Quỹ:

Khoản 3 Điều 12 NĐ 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập quy định: Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), đơn vị được sử dụng để trích lập 4 Quỹ theo quy định. Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Cũng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định 16/2015/NĐ-CP, trong số các quỹ thì chỉ có Quỹ PTHĐSN là được sử dụng để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc,…

2. Khi thực hiện mua sắm tài sản cố định, đơn vị cần tuân thủ theo các quy định về cơ chế tài chính, về mua sắm TSCĐ, tình hình tài chính của đơn vị,… và

được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Trường hợp đơn vị thực hiện mua tài sản cố định từ nguồn dịch vụ, phải bố trí kinh phí, cân đối nguồn trong năm.

Về hạch toán kế toán: khi mua tài sản cố định sẽ ghi tăng TSCĐ và ghi nhận chi phí trong quá trình sử dụng tài sản (dưới dạng hao mòn hoặc khấu hao).

Hạch toán kế toán trong trường hợp mua sắm TSCĐ từ nguồn thu dịch vụ như sau:

- Khi thực hiện mua sắm TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- Tài sản cố định hữu hình

Có TK 111, 112, 331, …

- Cuối năm, khi đơn vị xác định thặng dư thâm hụt để trích lập các Quỹ theo quy định của cơ chế tài chính hiện hành, phần kinh phí đã bố trí mua sắm TSCĐ đơn vị cần phải theo dõi nguồn hình thành tài sản, hạch toán:

Nợ TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế

Có TK 431- Các quỹ (43142)

Trường hợp đơn vị phát sinh nhiều nghiệp vụ trong năm thì bút toán này đơn vị có thể hạch toán đồng thời khi mua tài sản để tránh nhầm lẫn.

- Về hạch toán hao mòn TSCĐ mua từ nguồn dịch vụ (trong đó có học phí):

+ Căn cứ thực tế đơn vị sử dụng TSCĐ cho hoạt động nào sẽ thực hiện tính hao mòn hoặc trích khấu hao TSCĐ cho phù hợp, hạch toán kế toán như sau:

Nợ TK 611 (nếu TSCĐ dùng cho hoạt động hành chính)

Nợ TK 154, 642 (nếu TSCĐ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh-dịch vụ)

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ

+ Cuối năm, kết chuyển số hao mòn và khấu hao đã tính (trích) trong năm:

Nợ TK 431- Các quỹ (43142)

Có TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế (số hao mòn đã tính)

Có TK 431- Các quỹ (43141) (số khấu hao đã trích)

Câu hỏi 4:

Tôi làm kế toán trường học ngoài công lập. Hiện đang phân vân về hạch toán khoản tiền học phí thu trước cho cả năm học. Theo Thông tư 140/2007/TT/BTC thì hạch toán vào DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN. Tuy

nhiên, theo Thông tư 200/2014 và Thông tư 133/2016/TT-BTC thì hạch toán vào Tk 133 KHÁCH HÀNG TRẢ TRƯỚC thì hợp lý hơn vì bản chất, khi thu tiền học phí cho kỳ tương lai thì chưa hình thành dịch vụ/sản phẩm.

Trả lời:

Theo quy định tại Điểm 4.5.2 Phần II Thông tư 140/2007 thì khi thu học phí cho nhiều kỳ thì sẽ hạch toán vào Tài khoản 3387- Doanh thu chưa thực hiện.

Điều 57 Thông tư 200/2014/TT-BTC và Điều 45 Thông tư 133/2016/TT-BTC thì doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Không hạch toán vào tài khoản 3387 – Doanh thu chưa thực hiện các khoản: Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ; Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ (doanh thu nhận trước chỉ được ghi nhận khi đã thực thu được tiền, không được ghi đối ứng với TK 131 – Phải thu của khách hàng).

Số tiền nhận trước, ứng trước của khách hàng được hạch toán, theo dõi trên Tài khoản 131 – Phải thu khách hàng.

Căn cứ các quy định nêu trên, các chế độ kế toán hiện nay đều hướng dẫn thống nhất về việc đối với các khoản doanh thu đã nhận trước cho nhiều kỳ cung cấp dịch vụ thì được hạch toán vào Tài khoản 3387 - Doanh thu chưa thực hiện.

Do vậy, đối với tiền học phí thu trước cho cả năm học, đề nghị Quý độc giả căn cứ kỳ kế toán của đơn vị và thời gian cung cấp dịch vụ (đào tạo) theo cam kết tương ứng với tiền học phí đã được nhận trước để xác định học phí đó hạch là doanh thu chưa thực hiện hay khoản người mua trả tiền trước.

Câu hỏi 5:

Tôi công tác tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, được giao làm Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong Khu công nghiệp, Khu kinh tế (vốn đầu tư do NSNN cấp). Tôi xin hỏi về cách hạch toán tài sản hình thành từ dự án. Theo hướng dẫn tại chế độ kế toán Thông tư 107, khi phát sinh chi phí đầu tư XDCB ghi N2412, C3664 đồng thời C009; khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng ghi N211, C2412 đồng thời N3664, C36611; tính hao mòn ghi N611, C214 đồng thời N36611, C511. Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC thì tài sản thuộc loại này "chỉ mở sổ chi tiết theo dõi giá trị

hao mòn hàng năm của từng tài sản và không được ghi giảm nguồn vốn hình thành tài sản", nếu ghi hao mòn nhưng không được ghi giảm nguồn vốn thì không đảm bảo nguyên tắc hạch toán kép, khi đó trích hao mòn C214, N611 đồng thời N???, C511, không thể tìm được tài khoản đối ứng nếu không ghi giảm nguồn vốn hình thành tài sản. Kính nhờ Bộ Tài chính hướng dẫn về trường hợp này. Đồng thời, hướng dẫn về thời gian trích hao mòn đối với các tài sản này.

Trả lời:

Nội dung thư độc giả hỏi về vướng mắc khi hạch toán, tính hao mòn TSCĐ hình thành từ dự án của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh được giao làm chủ đầu tư các dự án đầu tư XDCB sử dụng vốn NSNN trong khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC và các quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC. Về vấn đề này Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán- Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về quy định quản lý và tính hao mòn TSCĐ theo Thông tư 147/2016/TT-BTC

Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính được ban hành nhằm sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khoản 1, Điều 1 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định quy định về đối tượng, phạm vi áp dụng: "*Thông tư này áp dụng cho doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật*".

Theo đó các quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC được áp dụng cho các doanh nghiệp, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh được giao làm chủ đầu tư các dự án đầu tư XDCB sử dụng NSNN cấp không là đối tượng áp dụng các quy định tại Thông tư này.

2. Về quản lý, hạch toán TSCĐ và hao mòn TSCĐ

Theo thư hỏi, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh được giao làm chủ đầu tư các dự án đầu tư XDCB sử dụng vốn NSNN trong khu công nghiệp, khu kinh tế, vì vậy Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh là đối tượng áp dụng Thông tư 79/2019/TT-BTC ngày 14/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công. Việc hạch toán TSCĐ hình thành sau dự án, đề nghị độc giả lưu ý 2 trường hợp:

- Đối với TSCĐ hình thành sau dự án, được bàn giao và sử dụng cho hoạt động của Ban quản lý dự án thì Ban quản lý dự án phải thực hiện ghi tăng TSCĐ, quản lý, tính hao mòn và hạch toán hao mòn TSCĐ theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trước là Thông tư 162/2014/TT-BTC).

- Đối với TSCĐ hình thành sau dự án nhưng được bàn giao cho các đơn vị khác quản lý, sử dụng thì căn cứ biên bản bàn giao dự án, công trình kế toán Ban quản lý dự án hạch toán tất toán các tài khoản cấp phát và nguồn XDCB tương ứng, hoặc tiếp tục theo dõi quyết toán công trình, dự án (nếu chưa được quyết toán) mà Ban quản lý dự án không được hạch toán TSCĐ và tính hao mòn TSCĐ trong trường hợp này.

Câu hỏi 6:

Đơn vị là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con là đối tượng áp dụng Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và lập báo cáo tài chính theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn. Trong quá trình hoạt động, thực hiện lập báo cáo tài chính Đơn vị gặp phải khó khăn trong vấn đề hạch toán kế toán đối với cổ tức, lợi nhuận được chia từ đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp là Doanh thu hoạt động tài chính hay là Thu nhập khác để việc trình bày chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính được phù hợp. Vì: Tại điểm b khoản 1 quy định Điều 28 Mục 2 của Nghị định 91/2015/NĐ-CP quy định: "...b) Các khoản thu lợi nhuận sau thuế, chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của công ty con về doanh nghiệp nhà nước là doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp." Và Nghị định 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Tại điểm b khoản 11 Điều 01 của Nghị định 32/2018/NĐ-CP quy định: "b) Các khoản thu từ đầu tư vốn ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước hạch toán là thu nhập khác của doanh nghiệp..." Tuy nhiên, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế

độ kế toán doanh nghiệp, hướng dẫn việc hạch toán kế toán đối với cổ tức, lợi nhuận được chia từ đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp vào doanh thu hoạt động tài chính và trình bày chỉ tiêu doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi lập Báo cáo tài chính. Do đó, Đơn vị kính đề nghị Vụ Chế độ Kế toán Bộ Tài chính hướng dẫn việc hạch toán nêu trên để Đơn vị thực hiện lập báo cáo tài chính đúng theo Luật Kế toán và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quy định.

Trả lời:

Tại Điều 1 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định:

"Nghị định này quy định việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên."

Tại Điểm b Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 8/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định:

"Các khoản thu từ đầu tư vốn ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước hạch toán là thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:

...

- Các khoản lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền từ hoạt động đầu tư vốn vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên..."

Tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP quy định:

"Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của doanh nghiệp theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành."

Căn cứ vào các quy định nêu trên, số tiền thu được từ đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp được quản lý tài chính theo nguyên tắc nêu tại Điểm b Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và được phản ánh theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như quy định tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP nêu trên.

Câu hỏi 7:

Tỷ giá khi xuất Hoá đơn ngoại tệ em căn cứ vào Thông tư 26/2015 trong đó có qui định: "Trường hợp phát sinh doanh thu, chi phí, giá tính thuế bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp như sau: - Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán doanh thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản. - Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán chi phí là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản tại thời điểm phát sinh giao dịch thanh toán ngoại tệ. - Các trường hợp cụ thể khác thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014." Vậy theo hướng dẫn trên là dành cho doanh nghiệp hạch toán VND khi phát sinh doanh thu ngoại tệ thì lấy theo tỷ giá mua ngân hàng thương mại. Còn doanh nghiệp em là đồng tiền hạch toán là USD thì lấy tỷ giá như thế nào ạ?

Trả lời:

1.Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và tại Điều 69 Thông tư số 200/2014/TT-BTC, khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ thì tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác, chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí khác, tài sản, vốn chủ sở hữu, tỷ giá giao dịch thực tế có thể là tỷ giá mua hoặc tỷ giá bán hoặc tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

Như vậy, trường hợp đơn vị tiền tệ trong kế toán của doanh nghiệp là đồng Đôla Mỹ (USD) thì khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, doanh nghiệp áp dụng nguyên tắc tỷ giá trong kế toán theo quy định nêu trên, cụ thể như sau:

i) Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận doanh thu là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch;

ii) Tỷ giá giao dịch thực tế khi khi nhận chi phí là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Ngoài tỷ giá giao dịch nêu trên, doanh nghiệp có thể lựa chọn tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

2. Việc xác định nghĩa vụ thuế đối với khoản doanh thu, chi phí phát sinh bằng ngoại tệ, đề nghị doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

Câu hỏi 8:

Là BQL chuyên ngành GTVT, từ những năm trước (Từ khi có QĐ195/2012/QĐ- BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng BTC) đơn vị áp dụng theo QĐ này và đến nay đơn vị áp dụng TT79/2019/TT-BTC. Như vậy BCKT đơn vị đang áp dụng theo Thông tư số 72/2017/TT- BTC ngày 17/7/; Thông tư 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước; BCKT đơn vị phải lập theo quy định bao gồm: Hồ sơ quyết toán thu, chi năm bao gồm: a) Văn bản đề nghị phê duyệt quyết toán; b) Báo cáo quyết toán thu, chi năm theo Mẫu số 02/QT-QLDA; c) Các chứng từ chi tiêu phát sinh trong năm. Đơn vị chúng tôi đã lập đầy đủ Hồ sơ quyết toán thu, chi năm theo đúng thông tư hướng dẫn và gửi lên Sở Tài chính. Vấn đề phát sinh là cán bộ của Sở TC đã yêu cầu đơn vị lập thêm BCKT theo TT 107/2017/TT-BTC là các mẫu: Mẫu B02/BCTC; Mẫu B03a/BCTC Theo yêu cầu của Sở Tài chính như trên có đúng không? Nếu không đúng đơn vị có phải thực hiện không? Và nếu không thực hiện đơn vị phải đưa ra văn bản nào để thuyết phục Sở Tài chính?

Trả lời:

Nội dung thư độc giả hỏi về việc hiện nay đơn vị đang áp dụng chế độ kế toán ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công theo Thông tư 79/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính (trước là Thông tư 195/2012/TT-BTC), hiện đơn vị đã lập báo cáo theo quy định tại Thông tư 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn NSNN và Thông tư 06/2019/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 09/2017/TT-BTC. Vậy đơn vị có phải lập báo cáo mẫu B02/BCTC và mẫu B03a/BCTC theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hay không?

Về vấn đề này Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán- Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Thông tư 79/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 và áp dụng cho năm tài chính 2020 trở đi. Theo đó từ năm tài chính 2020 trở đi ngoài các báo cáo đã được quy định tại các văn bản có liên quan khác (như báo cáo theo quy định tại Thông tư 72/2017/TT-BTC, Thông tư 06/2019/TT-BTC, Thông tư 85/2017/TT-BTC,...) thì Ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công còn phải lập báo cáo quyết toán và báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư này.

Các đơn vị là đối tượng áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC mới phải lập các báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán theo quy định của Thông tư 107/2017/TT-BTC. Theo đó năm 2019 đơn vị đang áp dụng chế độ kế toán chủ đầu tư ban hành theo Thông tư 195/2012/TT-BTC không phải lập các báo cáo tài chính theo mẫu B02/BCTC và mẫu B03a/BCTC quy định theo Thông tư 107/2017/TT-BTC.

Câu hỏi 10:

Tôi muốn hỏi về chế độ hạch toán kế toán dự án Công ty Tôi hiện đang thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng làng nghề Mai Hương. Mục tiêu của dự án: Được nhà nước giao đất cho thuê đất với mục đích sử dụng đất là đất thương mại dịch vụ kết hợp sản xuất, tiểu thủ công. Công ty Tôi được nhà nước giao đất cho thuê 50 năm đóng thuế 1 lần duy nhất cho cả 50 năm. Thời gian thuê đất sau năm 2014. Và được cấp sổ đỏ có thời hạn 50 năm cho diện tích đất được giao. Trong quá trình thực hiện dự án công ty chúng Tôi có thực hiện các việc sau: - Giải phóng đền bù diện tích đất nông nghiệp cho người dân (số tiền này sau này sẽ được bù trừ vào tiền thuê đất phải nộp cho nhà nước) - Thực hiện san nền, xây dựng hệ thống đường giao thông - Xây dựng lắp đặt hệ thống thoát nước thải (hệ thống cống, rãnh hố ga) - Hệ thống cấp nước sạch cho người dân sử dụng vào sinh hoạt - Lắp đặt hệ thống điện hạ thế phục vụ cho sản xuất - Hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông - Xây dựng trạm xử lý nước thải - Xây dựng lắp đặt hệ thống thông tin liên lạc (cáp mạng) - Trồng cây xanh vỉa hè - Nhân công: kỹ sư hạ tầng, chuyên viên tư vấn, kiến trúc sư chuyên làm việc cho dự án này kể từ khi dự án bắt đầu thực hiện. - Hệ thống đường giao thông, cấp thoát nước, hệ thống điện, trạm xử lý nước thải, hệ thống mạng giao cho các nhà thầu thực hiện - Trong quá trình

thực hiện dự án có các chi phí phát sinh đến việc quảng cáo cho dự án: chi phí thuê báo chí truyền thông... Sau khi dự án được cấp sổ đỏ tổng cho toàn bộ dự án sẽ chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất 50 năm theo từng lô cho các hộ kinh doanh và tách được sổ đỏ cho từng hộ, giá bán đất đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí. Và trong dự án công ty có một tòa nhà được xây với mục đích trong tương lai làm nhà nghỉ. Tòa nhà này đứng tên công ty. Bộ tài chính cho Tôi hướng dẫn chi tiết về cách hạch toán dự án trên.

Trả lời:

Theo nội dung công văn thì Công ty được Nhà nước giao đất cho thuê, thời gian 50 năm trả tiền một lần cho suốt thời gian thuê và được cấp sổ đỏ, với mục đích để phân lô bán lại cho các hộ kinh doanh làm xưởng sản xuất và một phần để xây dựng một tòa nhà để làm nhà nghỉ. Tiền thuê đất sẽ được bù trừ với tiền giải phóng mặt bằng mà công ty đã chi thay Nhà nước để đền bù diện tích đất nông nghiệp cho người dân.

Về hạch toán kế toán, do Công ty thuê đất với mục đích bán lại cho các hộ kinh doanh và một phần để sử dụng nên Công ty phải phân bổ số tiền thuê đất trả một lần theo tỷ lệ diện tích đất được sử dụng cho mục đích phân lô bán nền và diện tích đất được sử dụng để xây nhà nghỉ. Chi phí tiền thuê đất dùng cho mục đích phân lô bán nền sẽ được tập hợp vào Tài khoản 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang để tính giá thành thành phẩm bất động sản; chi phí tiền thuê đất để phục vụ cho mục đích xây dựng nhà nghỉ được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ và phân bổ theo thời gian thuê đất. Đối với chi phí tiền thuê đất của phần diện tích sử dụng chung như đường giao thông, rãnh thoát nước,... thì phân bổ theo tỷ lệ của phần diện tích phân lô bán nền và phần đất phục vụ cho mục đích xây dựng nhà nghỉ.

Công ty hạch toán như sau:

- Khi Công ty thực hiện chi tiền đền bù, giải phòng mặt bằng hộ Nhà nước, do được bù trừ với tiền thuê đất, kế toán ghi:

Nợ TK 3337 - Thuế nhà đất, tiền thuê đất (Tổng số tiền chi giải phóng mặt bằng)

Có các TK 111, 112

- Số tiền thuê đất Công ty phải nộp theo thông báo của cơ quan thuế, kế toán ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (số phân bổ cho phần diện tích dùng để phân lô bán nền)

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước (số phân bổ cho phần diện tích xây dựng cho mục đích sử dụng của công ty)

Có TK 3337 - Thuế nhà đất, tiền thuê đất (tổng số tiền thuê đất phải nộp)

- Số tiền thuê đất còn phải nộp NSNN (nếu có), kế toán ghi:

Nợ TK 3337 - Thuế nhà đất, tiền thuê đất

Có các TK 111, 112.

- Định kỳ phân bổ tiền thuê đất (tương ứng với phần diện tích công ty xây dựng tòa nhà với mục đích làm nhà nghỉ)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 242 - Chi phí trả trước

Câu hỏi 11:

Tôi đang công tác tại Ủy ban nhân dân phường và phụ trách kế toán quỹ Vì người nghèo cấp phường. Tôi đọc Thông tư 103/2018/TT-BTC ngày 14/01/2018 về kế toán áp dụng cho quỹ Vì người nghèo tại Khoản 2 Điều 3 có quy định: "Riêng xã, phường, thị trấn có thể bố trí người làm kế toán Quỹ "Vì người nghèo" hoặc người làm kế toán ngân sách và tài chính xã kiêm nhiệm kế toán Quỹ "Vì người nghèo" thực hiện tập hợp chứng từ kế toán ghi sổ thu, chi và lập báo cáo thu chi hoạt động Quỹ "Vì người nghèo"". Xin cho tôi hỏi: vậy kế toán quỹ vì người nghèo cấp phường, xã khi lập chứng từ có phải định khoản kép và có phải lập các báo cáo tài chính theo quy định trong Thông tư 103 không?

Trả lời:

Ngày 14/11/2018 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 103/2018/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ "Vì người nghèo", trong đó khoản 2 Điều 3 về tổ chức bộ máy kế toán quy định ở cấp xã có thể bố trí người làm kế toán quỹ hoặc người làm kế toán ngân sách và tài chính xã kiêm nhiệm kế toán Quỹ "Vì người nghèo".

Về các nghiệp vụ kế toán:

- Khoản 2, Điều 5 Thông tư số 103 quy định: " *Các tài khoản trong bảng phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh gồm tài sản, nguồn vốn, thu quỹ, chi hoạt động quỹ, thặng dư (thâm hụt) tại Quỹ "Vì người nghèo" trong kỳ kế*

toán. Các tài khoản trong bảng được hạch toán kép (hạch toán bút toán đối ứng giữa các tài khoản).

- Danh mục báo cáo của Phụ lục số 4 "Hệ thống Báo cáo tài chính" của Thông tư số 103 quy định: đối tượng lập Báo cáo tài chính (mẫu số B01-Q) là: cấp Trung ương, Tỉnh và *đối tượng lập Báo cáo thu, chi hoạt động quỹ (mẫu số B02-Q) là: cấp Huyện, Xã.*

Theo đó, kế toán Quỹ "Vì người nghèo" các cấp khi lập chứng từ phải hạch toán kép và lập Báo cáo tài chính theo quy định.

Câu hỏi 12:

Theo quy định về sửa chửa sổ kế toán tại điều 27 Luật kế toán 2015: "số liệu ghi sai phải sửa chữa theo một trong ba phương pháp sau đây: a) Ghi cải chính bằng cách gạch một đường thẳng vào chỗ sai và ghi số hoặc chữ đúng ở phía trên và phải có chữ ký của kế toán trưởng bên cạnh; b) Ghi số âm bằng cách ghi lại số sai bằng mực đỏ hoặc ghi lại số sai trong dấu ngoặc đơn, sau đó ghi lại số đúng và phải có chữ ký của kế toán trưởng bên cạnh; c) Ghi điều chỉnh bằng cách lập "chứng từ điều chỉnh" và ghi thêm số chênh lệch cho đúng." Như vậy điểm c, điều 27, Luật kế toán 2015 được hiểu như thế nào là đúng ạ? Có phải là có thể ghi số âm hoặc ghi bổ sung khi lập chứng từ điều chỉnh không? Nhờ Quý Bộ nói rõ hơn

Trả lời:

- Tại khoản c Điều 27 Luật kế toán quy định về sửa chữa sổ kế toán có nêu "Ghi điều chỉnh bằng cách lập chứng từ điều chỉnh và ghi thêm số chênh lệch cho đúng".

Theo quy định này, kế toán có thể ghi bổ sung (nếu số đúng > số sai) hoặc ghi âm (nếu số đúng < số sai).

Trên đây là ý kiến trả lời của Cục QLKT, đề nghị bạn đọc nghiên cứu, thực hiện.

Câu hỏi 13:

Tôi làm ở Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp huyện, đơn vị tôi có ký hợp đồng với phòng Kinh tế trong huyện (đơn vị HCNN) thực hiện đề tài KHCN, phòng Kinh tế đã thanh toán cho đơn vị tôi 100 triệu đồng qua TKTG tại KB (tiền từ NSNN cấp), đơn vị tôi đã chi thực hiện đề tài KHCN hết 100

triệu đồng. Vậy đơn vị tôi hạch toán vào các thu khác được để lại (gồm tài khoản 112,337, 018, 511, 611 và theo dõi theo Mục lục ngân sách) hay là hạch toán vào thu, chi sản xuất kinh doanh dịch vụ 112, 531,642

Trả lời:

Theo như độc giả phản ánh, trường hợp Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp huyện ký hợp đồng thực hiện đề tài KHCN với phòng Kinh tế trong huyện thì được ghi nhận là hoạt động cung cấp dịch vụ. Theo đó, các khoản thu, chi liên quan đến hoạt động này được hạch toán vào các tài khoản phản ánh hoạt động SXKD, dịch vụ theo hướng dẫn tại Thông tư 107/2017/TT-BTC (các tài khoản 154, 632, 531, 642,112,...)

Câu hỏi 14:

Căn cứ Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán và tài chính ngân sách xã. Từ năm 2019 trở về trước, việc thông báo in ấn, phát hành và sử dụng biên lai thu tiền thì các xã, phường trên địa bàn Thành phố (thị xã) thực hiện việc thu các quỹ huy động đóng góp do cấp huyện, cấp tỉnh quản lý sử dụng biên lai thu tiền đóng góp ủng hộ do Sở Tài chính cấp phát theo mẫu tại Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tuy nhiên, hiên nay Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính đã có hiệu lực thi hành và thay thế QĐ số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Do đó các quyển biên lai do Sở Tài chính cấp phát không còn phù hợp để lưu hành. Để việc sử dụng biên lai thu các quỹ huy động đóng góp được thực hiện theo đúng quy định. Tôi rất mong được Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn đối với việc sử dụng biên lai theo TT70/2019/TT-BTC cũng như việc xử lý các quyển biên lai chưa sử dụng hết còn tồn theo mẫu tại QĐ số 94/2005/QĐ-BTC.

Trả lời:

Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã thay thế Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã và Thông tư số 146/2011/TT-BTC ngày 26/10/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã ban hành kèm theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005, có hiệu lực từ ngày

01/01/2020. Về nguyên tắc, các đơn vị phải thực hiện theo các quy định của Thông tư này.

Một số trường hợp do in ấn và tồn nhiều chứng từ kế toán theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC, căn cứ văn bản chính thức của đơn vị, để đảm bảo tiết kiệm, Bộ Tài chính sẽ xem xét chấp thuận để đơn vị tiếp tục sử dụng đến thời hạn nhất định, sau thời điểm đó đơn vị phải thực hiện theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC. Trường hợp đơn vị của quý độc giả còn tồn nhiều chứng từ in ấn, đề nghị có văn bản chính thức để Bộ Tài chính xem xét trả lời bằng văn bản. Tuy nhiên đề nghị đơn vị lưu ý việc Thông tư số 70/2019/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/01/2020, nên đơn vị còn phải phản ánh sớm vướng mắc, ngay từ khi Thông tư 70 có hiệu lực.

Câu hỏi 15:

Năm 2019 Cơ quan tôi là đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo 1 phần kinh phí hoạt động và áp dụng chế độ kê toán theo thông tư 107/201/TT-BTC. Đến năm 2020 đơn vị tôi là đơn vị tự chủ hoàn toàn về tài chính và vẫn được ngân sách nhà cấp chi không thường xuyên . Vậy đơn vị tôi có được áp dụng chế dộ kế toán theo thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/7/2017?

Trả lời:

Đối tượng áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo quy định tại Điều 2, Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính:

"*1. Thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng cho: Cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập, trừ các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp, áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định hiện hành; tổ chức, đơn vị khác có hoặc không sử dụng ngân sách nhà nước.*

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp, nếu thực hiện đơn đặt hàng của Nhà nước hoặc có tiếp nhận viện trợ không hoàn lại của nước ngoài hoặc có nguồn phí được khấu trừ, để lại thì phải lập báo cáo quyết toán quy định tại Phụ lục 04 của Thông tư này".

Điều kiện, nội dung, yêu cầu để đơn vị sự nghiệp công lập được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp đề nghị độc giả nghiên cứu quy định tại Điều 21, Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Câu hỏi 16:

Đơn vị tôi là cơ quan QLNN, có thu phí. xin được hỏi: Theo Thông tư 107/201/TT-BTC số phát sinh trên tài khoản 0141 trong năm: Bên Nợ 0141phản ánh số phí để lại theo quy định; Bên Có 014 là số phí đã được sử dụng trong năm - Cuối năm, xác đinh số tiết kiệm từ thu phí, lệ phí : ghi Nợ 3373/Có 514; Nợ 514/Có 911; Nợ 911/Có 421 - khi trích 40% số thu phí để thực hiện cải cách tiền lương được để lại theo quy định hạch toán: Nợ 421/Có 468. Như vậy khi hạch toán 2 nghiệp vụ trên có hạch toán đồng thời Bên Có TK 0141 không? Theo Thông tư 107/2017/TT-BTC thì khi hạch toán 2 nghiệp vụ trên không hạch toán đồng thời Bên Có TK 0141; cuối năm TK 0141 dự Nợ thể hiện số thu phí còn lại chưa sử dụng. Nhưng thực tế số chênh lệch thu-chi đã được trích 40% cải cách tiền lương, còn lại là kinh phí tiết kiệm để chi thu nhập tăng thêm và trích quỹ dự phòng ổn định thu nhập (nếu có), như vậy số dư Nợ TK 0141 là thế nào?

Trả lời:

Theo quy định của Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp thì Tài khoản 014- Phí được khấu trừ, để lại dùng cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp có phát sinh các khoản phí được khấu trừ, để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

Khi chi tiêu, sử dụng kinh phí từ nguồn phí được khấu trừ, để lại cho các hoạt động của đơn vị phải hạch toán chi tiết theo Mục lục NSNN. Trên cơ sở đó lập báo cáo quyết toán phần đơn vị đã thực sử dụng từ nguồn phí được khấu trừ, để lại theo quy định của pháp luật phí, lệ phí;

Theo quy định kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 014- Phí được khấu trừ, để lại như sau:

- Bên Nợ: Số phí được khấu trừ, để lại đơn vị.

- Bên Có: Số đã sử dụng cho hoạt động thu phí và các hoạt động khác theo quy định.

- Số dư bên Nợ: Số phí còn lại chưa sử dụng.

Theo tình huống độc giả hỏi thì kinh phí cải cách tiền lương mà đơn vị trích là kinh phí chưa sử dụng (chưa kết chuyển từ TK 3373- Tạm thu phí, lệ phí sang TK 514- Thu phí được khấu trừ, để lại), vì vậy kinh phí này sẽ còn số dư nợ trên TK 014 (tương ứng với số dư Có trên TK 3373- Tạm thu phí, lệ phí).

Câu hỏi 17:

đối với kinh phí mua tài sản cố định từ nguồn phí lệ phí thì hạch toán như thế nào cho hợp lý ạ 1. Khi thu phí đơn vị đang hạch toán: Nợ TK111/có TK3373 2. Nộp ngân sách: Nợ TK3373/có TK3332 3. Mua tài sản cố định: Nợ TK211/Có TK 112, 111, 331, đồng thời: Có TK014 Đồng thời: Nợ TK3373/ có TK 366 4. Số khoản thu phí còn lại (sau khi mua tài sản cố định) hạch toán toàn bộ vào Tài khoản 514: Nợ TK3373/Có Tk 514 5. Trích khấu hao tài sản cố định: Nợ TK 614/Có Tk 214 6. Cuối năm kết chuyển khấu hao đã trích trong năm sang TK 514 Nợ TK 366/có TK 514 XIn hỏi Bộ tài chính, đơn vị chúng tôi hạch toán như vậy đã đúng chưa ạ?

Trả lời:

Trả lời câu hỏi của độc giả về việc hạch toán tài sản cố định hình thành từ nguồn phí được khấu trừ để lại, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Đối với khoản phí, lệ phí thu được đơn vị được hạch toán tài TK 3373- Tạm thu phí, lệ phí. Sau khi xác định được phần nộp NSNN, số còn lại được để lại đơn vị. Đơn vị chỉ tiến hành kết chuyển từ số được khấu trừ, để lại trên TK 3373 sang các tài khoản có liên quan khi (i) phát sinh chi phí hoặc (ii) khi đầu tư, mua sắm TSCĐ, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ nhập kho sử dụng cho hoạt động thu phí, hoặc (iii) khi xác định được số tiết kiệm chi từ hoạt động thu phí (không kết chuyển toàn bộ). Như vậy, TK 3373 có thể vẫn có số dư, phản ánh số phí được khấu trừ, để lại còn chưa sử dụng.

2. Riêng bút toán Nợ TK 614/Có TK 214 phản ánh khoản khấu hao (hao mòn) TSCĐ đối với TSCĐ dùng cho hoạt động thu phí. Đề nghị độc giả nghiên cứu thực hiện theo đúng quy định.

Câu hỏi 18:

Đơn vị tôi là đơn vị hành chính, do NSNN đảm vảo 100%, áp dụng theo TT107/2017/TT-BTC về chế độ HCSN. năm 2019, đơn vị thực hiện mở tài khoản tạii ngân hàng để chi trả lương cho CBCC trong đơn vị. Khii mở Tk, phải gửi vào TK 1tr làm phí duy trì, số tiền này luôn tồn tại trong tài khoản ngân hàng của đơn vị, sẽ được trả lại nếu đơn vị huỷ bỏ tài khoản. tôi đã rút tiền mặt từ dự toán kho bạc để nộp vào TK ngân hàng. Tôi hạch toán như sau: Nợ 1111 có 5111 (1tr); nợ 1121 có 1111 (1tr). Vậy khi xác định kết quả kinh doanh sẽ có chênh lệch giữa TK 511 và TK611 là 1tr. Phần chênh lệch này được

xử lý như thế nào cho đúng quy định ạ? tôi có được phép kết chuyển thành thặng dư 421 (1tr) hay không? Theo tôi thì do số tiền1tr trên chỉ thay đổi từ trong dự toán kho bạc sang tài khoản ngân hàng nên chưa được tính vào chi phí 611 có đúng không ạ?

Trả lời:

1. Thông tư 136/2018/TT-BTC ngày 18/12/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống KBNN, quy định tại Khoản 1, Điều 1:

"*Trường hợp chi thanh toán cá nhân cho các đối tượng hưởng lương từ NSNN thuộc diện bắt buộc phải thanh toán bằng chuyển khoản theo quy định tại Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ NSNN, thì...*

Đơn vị giao dịch lựa chọn và phối hợp với ngân hàng thương mại tổ chức ký hợp đồng về việc mở, sử dụng tài khoản thanh toán của đơn vị".

Tại Khoản 6, Điều 1 quy định "*Phí mở và duy trì tài khoản thanh toán của đơn vị tại ngân hàng thương mại (nếu có); phí chuyển tiền từ tài khoản thanh toán của đơn vị vào từng tài khoản thanh toán của đối tượng thụ hưởng; các loại phí phát hành, phí thường niên của thẻ tín dụng của đơn vị (nếu có) được hạch toán, quyết toán vào mục chi khác, tiểu mục chi các khoản phí, lệ phí của các đơn vị sử dụng NSNN*".

Theo tình huống độc giả hỏi, khoản phí duy trì tài khoản vẫn còn tồn trên tài khoản tiền gửi ngân hàng và sẽ được trả lại nếu đơn vị đơn vị tất toán tài khoản, vì vậy khoản này chưa được xác định là khoản chi phí của đơn vị, theo đó đơn vị chưa được ghi doanh thu.

Căn cứ quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, đơn vị thực hiện như sau:

- Trường hợp rút tiền mặt từ dự toán NSNN được giao, ghi:

Nợ TK 111/Có TK 3371- Kinh phí hoạt động bằng tiền

Đồng thời, ghi: Có TK 008- Dự toán chi hoạt động (thực chi)

- Căn cứ chứng từ nộp tiền phí duy trì tài khoản, ghi:

Nợ TK 112- Tiền gửi ngân hàng/Có TK 111

Câu hỏi 19:

Đơn vị được giao quyền tự chủ theo nghị định 141/2016/NĐ-CP, hàng năm sau khi xác định kết quả hoạt động đơn vị có trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (TK43141), hiện đơn vị có nghiệp vụ mua TSCĐ từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (TK43141) phục vụ cho hoạt động thu phí, lệ phí. Nhưng khi tính hao mòn TSCĐ thì đang vướng chưa biết hạch toán thế nào cho đúng. Vì chế độ chỉ hướng dẫn mua TSCĐ dùng cho hoạt động thu phí và lệ phí đưa Nợ TK211/Có TK1121, Nợ TK3373/Có TK36631, khi tính hao mòn Nợ TK614/Có TK214, đồng thời Nợ TK33631/Có TK514. Vậy xin hỏi BTC với trường hợp như đơn vị đã trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (TK43141) đơn vị lấy tiền từ nguồn quỹ này để mua TSCĐ phục vụ cho hoạt động thu phí và lệ phí thì hạch toán các nghiệp vụ hao mòn, kết chuyển như thế nào ?

Trả lời:

Căn cứ theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp:

(1) Khi mua TSCĐ từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có các TK 111, 112, 331...

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 431- Các quỹ (43141)

Có TK 431- Các quỹ (43142).

(2) Tính hao mòn TSCĐ phục vụ cho hoạt động thu phí:

- Tài khoản 614- Chi phí hoạt động thu phí dùng cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức được phép thu phí, lệ phí *để phản ánh các khoản chi cho hoạt động thu phí, lệ phí* theo quy định của pháp luật Phí, lệ phí. Trong trường hợp TSCĐ mua từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, khi tính hao mòn TSCĐ phục vụ cho hoạt động thu phí (theo pháp luật Phí, lệ phí), ghi:

Nợ TK 614- Chi phí hoạt động thu phí

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ.

- Cuối năm, kết chuyển chi phí hoạt động thu phí (trong đó bao gồm kết chuyển chi phí hao mòn TSCĐ mua từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp phục vụ cho hoạt động thu phí), ghi:

Nợ TK 911- Xác định kết quả

Có TK 614- Chi phí hoạt động thu phí

Sau khi kết chuyển doanh thu, chi phí của đơn vị tính kết quả hoạt động theo quy định của chế độ kế toán HCSN, đồng thời kết chuyển số hao mòn đã tính trong năm đối với TSCĐ đã hình thành từ Quỹ, ghi:

Nợ TK 431- Các quỹ (43142)

Có TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế (số hao mòn đã tính).

Câu hỏi 20:

Tôi hiện đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập, là đơn vị dự toán cấp 3 trực thuộc Cục hàng không và Bộ GTVT, được xác định là đơn vị tự chủ chi thường xuyên thực hiện theo kế toán Thông tư 107/2017/TT-BTC. Tôi có câu hỏi sau đây: Trong hướng dẫn lập Báo cáo Kết quả hoạt động theo Mẫu B02/BCTC, chỉ tiêu Doanh thu - mục c - từ nguồn phí khấu trừ để lại - Mã số 04: phản ánh doanh thu của đơn vị từ nguồn phí khấu trừ để lại, số liệu ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế phát sinh bên Có của TK 514. Chỉ tiêu Chi Phí - mục c - chi hoạt động thu phí - Mã số 08: phản ánh chi phục vụ hoạt động thu phí, số liệu ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế phát sinh bên Nợ của TK 614. Tuy nhiên tại thực tế đơn vị chỉ tiêu doanh thu - chi phí còn bao gồm cả số trích hao mòn TSCĐ có nguồn gốc từ NSNN cấp và hao mòn TSCĐ có nguồn gốc từ quỹ phát triển sự nghiệp. Vậy khi lên số liệu ở Mẫu B02/BCTC này thì tôi có loại trừ số liệu tính hao mòn mà đã hạch toán qua TK 514 và 614, chỉ ghi đúng số thực thu, thực chi trên TK 514 và 614 hay bao gồm luôn số tính hao mòn ? Nếu ghi bao gồm luôn số tính hao mòn thì có ảnh hưởng gì đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của đơn vị hay không (vì báo cáo lưu chuyển tiền tệ có sử dụng số liệu từ TK 514, 614, 337 và số liệu trên mẫu B02 này)

Trả lời:

1. Theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, mục đích của việc lập báo cáo kết quả hoạt động nhằm *phản ánh tình hình và kết quả hoạt động của đơn vị, bao gồm kết quả hoạt động từ tất cả các nguồn lực tài chính hiện có của đơn vị theo quy chế tài chính quy định*. Theo đó chế độ kế toán hướng dẫn lập báo cáo tại chỉ tiêu *Doanh thu từ nguồn phí được khấu trừ, để lại* (mã số 04) và chỉ tiêu *Chi phí hoạt động thu phí* (mã số 08) trên cơ sở số liệu TK 514 và TK 614.

Đề nghị độc giả nghiên cứu để phân biệt nội dung các chỉ tiêu phản ánh trên báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán NSNN. Theo đó chi phí đã hạch toán trên TK 614- Chi phí hoạt động thu phí được phản ánh toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động, bao gồm chi phí tiền lương, tiền công và chi phí cho nhân viên; chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng; chi phí khấu hao/hao mòn TSCĐ; chi phí hoạt động khác. Tương tự doanh thu từ nguồn phí được khấu trừ, để lại cũng được phản ánh lên báo cáo kết quả hoạt động theo quy định mà không phải loại trừ nội dung nào. Để số liệu kết quả hoạt động phản ánh chính xác đề nghị độc giả lưu ý việc lấy số liệu chỉ tiêu như sau:

- Chỉ tiêu *Doanh thu từ nguồn phí được khấu trừ, để lại* (mã số 04) được lấy số liệu căn cứ lũy kế số phát sinh bên có của TK 514 sau khi trừ đi số đã ghi giảm thu trong năm.

- Chỉ tiêu *Chi phí hoạt động thu phí* (mã số 08) được lấy số liệu căn cứ lũy kế số phát sinh bên Nợ của TK 614 sau khi trừ đi số đã ghi giảm chi phí trong năm.

2. Về lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Theo quy định chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC *báo cáo lưu chuyển tiền tệ xác định nguồn tiền vào, các khoản mục chi ra bằng tiền trong năm báo cáo và số dư tiền tại ngày lập báo cáo, nhằm cung cấp thông tin về những thay đổi của tiền tại đơn vị*. Đồng thời tại phụ lục 04 hướng dẫn lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ đối với hoạt động chính cho phép đơn vị lựa chọn một trong hai phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, gồm là phương pháp trực tiếp và phương pháp gián tiếp:

- Theo phương pháp trực tiếp: Số liệu phản ánh trên các chỉ tiêu liên quan của báo cáo lưu chuyển tiền tệ đều được lấy từ sổ chi tiết tài khoản tiền (TK 111, 112) không lấy trực tiếp từ TK 514, 614.

- Theo phương pháp gián tiếp: Chế độ kế toán quy định *Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính được xác định bằng cách lấy số thặng dư/ thâm hụt trong năm điều chỉnh cho các khoản sau đây:*

- Các khoản mục không bằng tiền như khấu hao TSCĐ trong năm, lãi lỗ do chênh lệch tỷ giá,...

Căn cứ theo quy định nêu trên số liệu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ đối với hoạt động chính không bao gồm các khoản khấu hao/hao mòn (chi phí không bằng tiền) đã tính vào doanh thu, chi phí của đơn vị

Câu hỏi 21:

Tôi hiện đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập, là đơn vị dự toán cấp 3 trực thuộc Cục hàng không và Bộ GTVT, được xác định là đơn vị tự chủ chi thường xuyên thực hiện theo kế toán Thông tư 107/2017/TT-BTC. Tôi có câu hỏi sau đây: Trong hướng dẫn lập Báo cáo Kết quả hoạt động theo Mẫu B02/BCTC, chỉ tiêu Doanh thu - mục c - từ nguồn phí khấu trừ để lại - Mã số 04: phản ánh doanh thu của đơn vị từ nguồn phí khấu trừ để lại, số liệu ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế phát sinh bên Có của TK 514. Chỉ tiêu Chi Phí - mục c - chi hoạt động thu phí - Mã số 08: phản ánh chi phục vụ hoạt động thu phí, số liệu ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế phát sinh bên Nợ của TK 614. Tuy nhiên tại thực tế đơn vị chỉ tiêu doanh thu - chi phí còn bao gồm cả số trích hao mòn TSCĐ có nguồn gốc từ NSNN cấp và hao mòn TSCĐ có nguồn gốc từ quỹ phát triển sự nghiệp. Vậy khi lên số liệu ở Mẫu B02/BCTC này thì tôi có loại trừ số liệu tính hao mòn mà đã hạch toán qua TK 514 và 614, chỉ ghi đúng số thực thu, thực chi trên TK 514 và 614 hay bao gồm luôn số tính hao mòn ? Nếu ghi bao gồm luôn số tính hao mòn thì có ảnh hưởng gì đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của đơn vị hay không (vì báo cáo lưu chuyển tiền tệ có sử dụng số liệu từ TK 514, 614, 337 và số liệu trên mẫu B02 này) ?

Trả lời:

1. Theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, mục đích của việc lập báo cáo kết quả hoạt động nhằm *phản ánh tình hình và kết quả hoạt động của đơn vị, bao gồm kết quả hoạt động từ tất cả các nguồn lực tài chính hiện có của đơn vị theo quy chế tài chính quy định*. Theo đó chế độ kế toán hướng dẫn lập báo cáo tại chỉ tiêu *Doanh thu từ nguồn phí được khấu trừ, để lại* (mã số 04) và chỉ tiêu *Chi phí hoạt động thu phí* (mã số 08) trên cơ sở số liệu TK 514 và TK 614.

Đề nghị độc giả nghiên cứu để phân biệt nội dung các chỉ tiêu phản ánh trên báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán NSNN. Theo đó chi phí đã hạch toán trên TK 614- Chi phí hoạt động thu phí được phản ánh toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động, bao gồm chi phí tiền lương, tiền công và chi phí cho nhân viên; chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng; chi phí khấu hao/hao mòn TSCĐ; chi phí hoạt động khác. Tương tự doanh thu từ nguồn phí được khấu trừ, để lại cũng được phản ánh lên báo cáo kết quả hoạt động theo quy định mà không phải loại trừ nội dung nào. Để số liệu kết quả hoạt động phản ánh chính xác đề nghị độc giả lưu ý việc lấy số liệu chỉ tiêu như sau:

- Chỉ tiêu *Doanh thu từ nguồn phí được khấu trừ, để lại* (mã số 04) được lấy số liệu căn cứ lũy kế số phát sinh bên có của TK 514 sau khi trừ đi số đã ghi giảm thu trong năm.

- Chỉ tiêu *Chi phí hoạt động thu phí* (mã số 08) được lấy số liệu căn cứ lũy kế số phát sinh bên Nợ của TK 614 sau khi trừ đi số đã ghi giảm chi phí trong năm.

2. Về lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Theo quy định chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC *báo cáo lưu chuyển tiền tệ xác định nguồn tiền vào, các khoản mục chi ra bằng tiền trong năm báo cáo và số dư tiền tại ngày lập báo cáo, nhằm cung cấp thông tin về những thay đổi của tiền tại đơn vị*. Đồng thời tại phụ lục 04 hướng dẫn lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ đối với hoạt động chính cho phép đơn vị lựa chọn một trong hai phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, gồm là phương pháp trực tiếp và phương pháp gián tiếp:

- Theo phương pháp trực tiếp: Số liệu phản ánh trên các chỉ tiêu liên quan của báo cáo lưu chuyển tiền tệ đều được lấy từ sổ chi tiết tài khoản tiền (TK 111, 112) không lấy trực tiếp từ TK 514, 614.

- Theo phương pháp gián tiếp: Chế độ kế toán quy định *Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính được xác định bằng cách lấy số thặng dư/ thâm hụt trong năm điều chỉnh cho các khoản sau đây:*

- *Các khoản mục không bằng tiền như khấu hao TSCĐ trong năm, lãi lỗ do chênh lệch tỷ giá,...*

Căn cứ theo quy định nêu trên số liệu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ đối với hoạt động chính không bao gồm các khoản khấu hao/hao mòn (chi phí không bằng tiền) đã tính vào doanh thu, chi phí của đơn vị

Câu hỏi 22:

Tôi là kế toán của một bệnh viện hạng I tự chủ kinh phí hoạt động thường xuyên, trực thuộc sở y tế Hà Nội, liên quan đến việc chuyển số dư đầu kỳ theo thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017, tôi xin có câu hỏi như sau Tại công văn số 16098/BTC-CĐKT ngày 28/11/2017 có hướng dẫn về chuyển số dư tài khoản 461 như sau: "Riêng các TK 461, 462, 465 liên quan đến nguồn NSNN cấp kết thúc 31/12 đơn vị chuyển sang năm trước để theo dõi cho đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán, sau thời gian chỉnh lý nếu nguồn lớn hơn chi

được xác nhận là số tiết kiệm đơn vị xử lý theo quy định của quy chế quản lý tài chính hiện hành (bổ sung vào các quỹ)" Tại ngày 31/12/2017 số dư tài khoản 461 và tài khoản 661 của bệnh viện bao gồm Số dư Tài khoản 46122: nguồn kinh phí không thường xuyên " bằng" số dư tài khoản 66122: chi không thường xuyên Số dư tài khoản 46121: nguồn kinh phí thường xuyên (là nguồn tự chủ của đơn vị) hiện đang "lớn hơn" số dư tài khoản 66121: chi thường xuyên. Chênh lệch này là chênh lệch từ nguồn tự chủ của bệnh viện (nguồn thu viện phí) không phải nguồn ngân sách cấp Tuy nhiên khi chuyển số dư đầu kỳ sang năm 2018 phần chênh lệch giữa 461 và 661 tôi đang thực hiện treo trên tài khoản 421 để theo dõi. Lý do: để phòng các trường hợp phát sinh sau niên độ kế toán, Ví dụ thực hiện kiến nghị kiểm toán, Xin hỏi Vụ chế độ kế toán - Bộ tài chính việc theo dõi như trên có đúng ko?

Trả lời:

Căn cứ công văn số 16098/BTC-CĐKT ngày 28/11/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chuyển số dư cuối kỳ.

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập

Theo đó, số xác định là kinh phí tiết kiệm cuối năm sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), đơn vị được sử dụng trích lập các quỹ theo quy định.

Vì vậy, lý do của bạn đọc đưa ra là chênh lệch giữa TK 461 với TK 661 không thực hiện kết chuyển mà để phòng các trường hợp phát sinh sau niên độ kế toán như thực hiện kiến nghị của kiểm toán là không được quy định trong các văn bản nêu trên.

Câu hỏi 23:

Trong năm 2019 đơn vị tôi có nghiệp vụ mua tài sản cố định nguồn ngân sách, tạm ứng trước cho nhà cung cấp 40% bằng tiền rút dự toán thực chi, sang năm 2020 thanh toán tiếp 60% còn lại và khi đó mới nhận tài sản cố định. Theo

chế độ thông tư 107 hướng dẫn khi mua tài sản thì hạch toán Nợ TK211/Có TK366 đồng thời có TK008, nhưng đơn vị tôi chưa nhận được TSCĐ và chỉ thanh toán một phần giá trị của TSCĐ bằng rút dự toán thực chi thì đang không biết hạch toán như thế nào cho đúng, rất mong được BTC giải đáp để tôi hạch toán trong năm kế toán 2019.

Trả lời:

Căn cứ CĐKT Hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính:

- Khi rút dự toán ứng trước 40% cho nhà cung cấp để mua TSCĐ, ghi:

Nợ TK 331- Phải trả cho người bán

Có TK 337- Tạm thu (3378).

Đồng thời ghi Có TK 008- Dự toán chi hoạt độn (00821).

- Khi người bán bàn giao TSCĐ, ghi:

+ Thanh toán nốt 60% còn lại, ghi:

Nợ TK 331- Phải trả cho người bán

Có TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu (36611).

Đồng thời ghi Có TK 008- Dự toán chi hoạt độn (00821).

+ Ghi tăng TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 331- Phải trả cho người bán.

- Đồng thời, kết chuyển 40% đã ứng trước, ghi:

Nợ TK 337- Tạm thu (3378)

Có TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu (36611).

Câu hỏi 24:

Cơ quan tôi là cơ quan hành chính sự nghiệp đã được tự chủ toàn bộ chi thường xuyên và đầu tư và đang thực hiện theo TT 107/2017/TT-BTC, cơ quan tôi có nhận khoản viện trợ của nước Áo về nghiên cứu khoa học và cơ quan tôi có xin quyết định của BGDĐT, tuy nhiên tiền viện trợ chuyển về trước ngày quyết định ra và khi đến BTC để ghi thu - ghi chu thì BTC không đồng ý ghi thu - ghi chi

khoản viện trợ đó và có ghi vào là không phải viện trợ nên tôi phải treo vào Có TK3372 (vì khi BGDĐT vào quyết toán thì nói đó là khoản viện trợ) và bây giờ thì không thể nào ghi thu - ghi chi, tuy nhiên khoản viện trợ này tôi đã mua tài sản để sử dụng cho dự án, nếu không được ghi thu - ghi chi thì tôi không thể tính khấu hao cho tài sản được. Vậy tôi hạch toán treo như sau: Nợ 211 - Có 112 đồng thời Nợ 3372 - Có 3662 như vậy thì có đúng không, khi nào BTC ghi thu - ghi chi thì tôi sẽ khấu hao từ lúc mua cho đến thời điểm được duyệt. XIn quý cơ quan hướng dẫn giúp tôi cụ thể rõ ràng để chúng tôi thực hiện.

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quy định, đối với các TSCĐ được mua từ nguồn viện trợ hạch toán như sau:

1) Khi đơn vị mua tài sản, đơn vị xác định là nguồn viện trợ, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 112- Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 337- Tạm thu (3372)

Có TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu (36621)

2) Hàng năm tính hao mòn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 612- Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ.

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu

Có TK 512- Thu viện trợ, vay nợ nước ngoài.

3) Khi có chứng từ ghi thu- ghi chi ghi Có TK 004- Kinh phí viện trợ (Việc hạch toán ghi thu- ghi chi được thực hiện hạch toán trên TK 004 => không liên quan đến việc tính hao mòn TSCĐ hàng năm).

Câu hỏi 25:

Công ty tôi là công ty may mặc thực hiện đầy đủ chuỗi giá trị ngành may từ nghiên cứu xu hướng thị trường, thiết kế sản phẩm, may mẫu, thuê

gia công sản xuất, và bán hàng qua hệ thống các cửa hàng trực thuộc công ty. Một số bộ phận trong công ty với các chức năng chính như sau: 1. BP merchandising, nghiên cứu phát triển: nghiên cứu cơ cấu hàng, xu hướng thời trang, form dáng, màu sắc.. 2. BP thiết kế: trực tiếp thiết kế ra các sản phẩm, chọn phân tích NPL, may mẫu 3. BP kỹ thuật sợi, kỹ thuật vải: lên bảng thông số kỹ thuật may, dệt 4. BP tiêu chuẩn chất lượng: đưa ra các tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm soát chất lượng đối với NVL, thành phẩm 5. BP FOB, purchasing, sản xuất: phụ trách mua nguyên vật liệu, thuê nhà gia công sản xuất 6. BP kho nguyên vật liệu: quản lý nhập xuất kho nguyên vật liệu Trong các bộ phận trên phát sinh các chi phí sau: a) Chi phí lương người lao động b) Chi phí khấu hao, phân bổ công cụ dụng cụ, tài sản c) Chi phí bản quyền thương hiệu hình ảnh in trên sản phẩm d) Các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài khác Câu hỏi của chúng tôi là, các khoản chi phí của các bộ phận này tập hợp tính vào giá trị hàng tồn kho (tính giá thành) hay là ghi nhận vào chi phí SXKD trong kỳ. Nếu ghi vào chi phí SXKD trong kỳ thì hạch toán vào tài khoản nào là phù hợp?

Trả lời:

Theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành (Thông tư số 200/2014/TT-BTC) thì:

- Các chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm, hàng hóa trong kỳ, bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung (chi phí lương nhân viên quản lý, khấu hao TSCĐ sử dụng trực tiếp để sản xuất, các chi phí liên quan trực tiếp khác đến phân xưởng sản xuất....) phải được tập hợp để tính giá thành thực tế của sản phẩm, dịch vụ trong kỳ kế toán.

Tài khoản sử dụng đê tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm gồm: Tài khoản 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; Tài khoản 622 – Chi phí nhân công trực tiếp; Tài khoản 623 – Chi phí sử dụng máy thi công; Tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung.

- Các chi phí liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ tại các bộ phận bán hàng như chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm... được ghi nhận vào chi phí bán hàng và hạch toán vào Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng

- Các khoản chi phí liên quan đến công tác quản lý chung của doanh nghiệp như chi phí tiền lương bộ phận quản lý, chi phí văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho văn phòng... được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ và hạch toán vào Tài khoản 642 - Chi phí sản xuất chung.

Như vậy, trường hợp các khoản chi phí phát sinh tại các bộ phận có liên quan trực tiếp đến việc sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ trong kỳ sản xuất kinh doanh thì được tập hợp để tính giá thành thực tế của sản phẩm, dịch vụ. Các chi phí không liên quan trực tiếp đến việc sản xuất sản phẩm, hàng hóa hay dịch vụ thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Câu hỏi 26:

Về hạch toán khấu hao tài sản tại đơn vị tự chủ. em làm kế toán cho ban quản ký thuộc Trung tâm nước sạch và VSMT NT, BQL là đơn vị tự chủ 100%. bên e tiếp nhận quản lý 15 công trình, tính đến t3.2019. Biên bản bàn giao tài sản là T01.2018. nhưng đến T4.2018, mới chính thức đưa vào hoạt động có thu tiền nước. Đến tháng 7/2018, có quyết định phê duyệt quyết toán công trình (giá trị công trình giảm). cho e hỏi thời gian tính khấu hao công trình là từ T01.2018. Hay từ T04.2018 ạ! và hạch toán ghi tăng tài sản: T4.2018: Nợ TK 211/có TK 366 : Giá trị theo BB bàn giao (ko có KH) T7.2018: Nợ TH 211/ Có TK 366: (ghi âm phần chênh lệch giữa gtri DT và gtr QT) T12/2018: Trích KH 2% tính vào cp giá thành (theo liên ngành thẩm định phương án giá): Nợ TK 154/Có TK 214 Em hỏi thêm 1 ý: có 13 công trình trong quyết định phê duyệt đơn vị quản lý công trình, có ghi: tạm thời chưa tính khấu hao đối với 13 công trình đó. như vậy, sẽ hạch toán ghi tăng nguyên giá tài sản. Phần khấu hao thì hạch toán như nào ạ?

Trả lời:

Câu hỏi của Độc giả Hà Thị Dâng có nội dung thông tin: *"Ban quản lý là đơn vị tự chủ 100%"*, tuy nhiên, nội dung trình bày của độc giả chưa rõ về mức độ tự chủ của Ban quản lý *(đơn vị tự chủ chi thường xuyên hay đơn vị tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư)*. Bên cạnh đó, 15 công trình Ban quản lý tiếp nhận trong câu hỏi của độc giả không có thông tin là loại công trình gì; Vì vậy, không có cơ sở để trả lời độc giả.

- Việc hạch toán tăng TSCĐ, hao mòn, khấu hao TSCĐ được quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp như sau:

Khi tiếp nhận TSCĐ mới, căn cứ vào quyết định cấp phát kinh phí bằng TSCĐ của cơ quan cấp trên hoặc quyết định điều chuyển tài sản và biên bản bàn giao TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình (Nguyên giá tạm tính)

Có TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu (Nguyên giá tạm tính)

Khi quyết định phê duyệt quyết toán công trình (giá trị công trình ghi giảm), đơn vị điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính trên sổ kế toán theo giá trị quyết toán được phê duyệt (chứ không hạch toán ghi âm phần chênh lệch giữa giá trị DT và giá trị QT Nợ TK211/Có TK366), ghi:

Nợ TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu (Giá trị còn lại giảm ứng với phần nguyên giá giảm)

Nợ TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ (Số khấu hao/hao mòn giảm tương ứng với phần nguyên giá giảm) (nếu có)

Có TK 211- TSCĐ hữu hình (Phần nguyên giá giảm (chênh lệch giữa nguyên giá tạm tính và giá trị quyết toán)).

Câu hỏi 27:

Trong quá trình thực hiện hạch toán kê toán theo thông tu 107, tôi có phát sinh vướng mắc như sau: Hiện tại đơn vị tôi đang còn tồn số tiền 3xxx trên số dư tài khoản 152, đây là số dư từ những năm trước . hiện nay đơn vị muốn xuất kho sử dụng theo quy định. vậy kính nhờ cq hướng dẫn cho đơn vị hạch toán bút toán xuất kho theo thông tư 107.

Trả lời:

Phụ lục số 02, Thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp đã hướng dẫn hạch toán các tài khoản quy định trong hệ thống tài khoản kế toán, trong đó có hướng dẫn hạch toán TK 152- Nguyên liệu, vật liệu.

Căn cứ hướng dẫn hạch toán đối với TK 152- Nguyên liệu, vật liệu đơn vị thực hiện hạch toán các bút toán có liên quan phù hợp với nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh, không phân biệt tồn kho nguyên vật liệu do mua mới hay còn dư chuyển từ các năm trước sang.

Câu hỏi 28:

Tôi có thắc mắc muốn hỏi về báo cáo Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B04/BCTC) ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC. Theo mẫu, Chỉ tiêu

7.Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính trong phần IV. Thông tin bổ sung cho khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động bao gồm các khoản: (1) bổ sung thu nhập cho CBCC và người lao động, (2) Chi khen thưởng, (3) Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể. Tại phần hướng dẫn lập biểu, các khoản mục này được hướng dẫn là phát sinh chi tiết bên Nợ của TK 421-"Thặng dư/thâm thụt lũy kế" phần chi trực tiếp cho khác khoản trên; nhưng không hướng dẫn cụ từng khoản sẽ lấy theo số phát sinh bên Nợ TK 421 đối ứng với tài khoản nào. Vậy tôi kính nhờ Bộ Tài chính giải đáp giúp tôi cách lấy số liệu lên 3 khoản trên: (1) bổ sung thu nhập cho CBCC và người lao động, (2) Chi khen thưởng, (3) Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể để lập Thuyết minh báo cáo tài chính (B04/BCTC) cho đúng chế độ.

Trả lời:

Theo quy định Nghị định 130/2005/NĐ-CP Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định 117/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 130/2005/NĐ-CP thì kết thúc năm ngân sách, sau khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ có số chi thực tế thấp hơn số dự toán được giao về kinh phí thực hiện chế độ tự chủ thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí tiết kiệm (trừ các nhiệm vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện dở dang). Phạm vi sử dụng kinh phí tiết kiệm được: Bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức; Chi khen thưởng; Chi cho các hoạt động phúc lợi; Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức. Theo đó chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC hướng dẫn cuối năm khi xác định được số tiết kiệm đơn vị không trích quỹ mà đều thực hiện chi các nội dung nêu trên từ chênh lệch thu chi (TK 421- Thặng dư/thâm hụt lũy kế), TK đối ứng khi hạch toán các khoản chi này có thể trùng nhau (TK 111, 112, 334,...). Vì vậy để có số liệu lập chỉ tiêu "sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính" trên bản Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu B04/BCTC, Thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp) đơn vị phải mở sổ theo dõi chi tiết riêng cho các khoản chi này hoặc có mã số riêng nếu thực hiện trên phần mềm.

Câu hỏi 29:

Đơn vị tôi là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên. Khi lập Báo cáo Quyết toán kinh phí hoạt động (B01/BCQT), báo cáo chi tiết nguồn NSNN và nguồn phí được khấu trừ để lại (F01-01/BCQT) Đơn vị

cấp trên có hướng dẫn khi lập các Báo cáo trên phải phản ánh số thu chi từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ. Cụ thể tại mẫu B01/BCQT, ngoài tổng số liệu ngân sách cấp vào Mục A-Ngân sách nhà nước, phải phản ánh cả nguồn thu từ sản suất kinh doanh vào Mục C-Nguồn hoạt động khác được để lại; tại mẫu F01-01/BCQT, ngoài phản ánh số chi do ngân sách cấp theo mục lục Ngân sách, phải phản ánh có số chi từ nguồn thu hoạt động sản xuất kinh doanh theo mục lục ngân sách trong khí đó các nội dung chi này theo Thông tư 107 thì hạch toán vào TK154. Xin Quý Bộ cho hỏi, việc cấp trên hướng dẫn tôi lập báo cáo thế có đúng không.

Trả lời:

Thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp đã hướng dẫn lập Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động (Mẫu số B01/BCQT) và báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn phí được khấu trừ để lại (mẫu F01-01/BCQT) tại Phụ lục 04, theo đó đã hướng dẫn chi tiết việc lấy số liệu cho từng chỉ tiêu trên báo cáo. Căn cứ lập các chỉ tiêu thuộc phần C "Nguồn hoạt động khác được để lại" dựa trên số liệu phản ánh của Sổ theo dõi nguồn thu hoạt động khác được để lại (mẫu S106-H). Sổ theo dõi nguồn thu hoạt động khác được để lại (mẫu S106-H) được mở để theo dõi chi tiết số liệu của TK 018 "Thu hoạt động khác được để lại".

Thông tư 107/2017/TT-BTC không hướng dẫn hạch toán các khoản thu chi của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ vào TK 018, vì vậy số liệu liên quan đến các khoản thu chi của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ không thực hiện báo cáo trên các mẫu báo cáo quyết toán như thư độc giả hỏi (Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động - mẫu B01/BCQT và báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn phí được khấu trừ để lại - mẫu F01-01/BCQT). Số liệu này sẽ được thể hiện trên các báo cáo trong hệ thống báo cáo tài chính theo quy định

Đề nghị độc giả nghiên cứu kỹ các hướng dẫn lập báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động (Mẫu số B01/BCQT) và báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn phí được khấu trừ để lại (mẫu F01-01/BCQT) tại Phụ lục 04, Thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp để lập báo cáo theo quy định.

Câu hỏi 30:

Hiên nay tôi đang làm trong đơn vị sự nghiệp văn hóa, xin được hỏi về một số nghiệp vụ sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn vướng mắc như sau: Câu 1: Trong năm 2019, đơn vị thu hoạt động dịch vụ bằng tiền mặt số tiền:

100 triệu đồng, đã chi các khoản chi phí bằng tiền mặt như sau: Chi phí trực tiếp phục vụ hoạt động thu: 40 triệu, chi công tác quản lý hoạt động dịch vụ: 20 triệu, trích nguồn cải cách tiền lương: 20 triệu và đã chi trả tiền lương tăng thêm cho CBVC 15 triệu Đơn vị hạch toán theo Thông tư 107/2017/TT-BTC như sau: 1. Thu dịch vụ Nợ 111/Có 531: 100 triệu đồng 2. Chi phục vụ hoạt động dịch vụ Nợ TK 154: 40 triệu Nợ TK 642: 20 triệu đồng Có TK 111: 60 triệu đồng 3. Trích nguồn cải cách tiền lương: Nợ TK4212/Có TK 468: 20 triệu đồng 4. Chi trả tiền lương tăng them từ nguồn cải cách tiền lương a)Nợ TK 611/có TK 3341: 15 triệu đồng b) Nợ TK 3341/Có TK 111: 15 triệu đồng 5. Cuối năm kết chuyển a) Kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định thặng dư/thâm hụt: Nợ TK 9111/Có TK 611: 15 triệu đồng Nợ TK 9112/ Có TK 642, 154: 60 triệu đồng Nợ TK 531/ Có TK 9112: 100 triệu đồng Nợ 9112/Có TK 4212: 40 triệu đồng b) Kết chuyển số đã chi từ nguồn cải cách tiền lương trong năm: Nợ TK 468/Có TK 4212: 15 triệu đồng Nợ 4212/Có 9111: 15 triệu đồng Nếu như vậy thì số thặng dư/thâm hụt trong năm (-) 15 triệu đồng do phát sinh trên TK 611 mà không có thu trên TK 511 Câu 2: Năm 2020, đơn vị chi trả tiền lương tăng thêm cho CBVC bằng tiền mặt từ nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang: 50 triệu Đơn vị hạch toán như sau: 1. Chi trả tiền lương tăng thêm cho CBVC bằng tiền mặt a)Nợ TK 611/Có TK 334: 50 triệu đồng b) Nợ 334/Có 111: 50 triệu đồng 2. Cuối năm kết chuyển số đã chi từ nguồn cải cách tiền lương trong năm: Nợ TK 9111/Có TK 611: 50 triệu đồng Nợ TK 4211/Có TK 9111: 50 triệu đồng Nợ TK 468/Có TK 4211: 50 triệu đồng Theo hạch toán trên thì số thặng dư/thâm hụt sẽ (-) 50 triệu đồng do phát sinh trên TK 611 mà không có thu trên TK 511

Trả lời:

Thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp đã hướng dẫn hạch toán chi từ nguồn cải cách tiền lương, theo đó cuối năm đơn vị phải kết chuyển phần đã chi ra từ nguồn cải cách tiền lương trong năm, ghi Nợ TK 468- Nguồn cải cách tiền lương/Có TK 421 - Thặng dư (thâm hụt) lũy kế.

Căn cứ tình huống độc giả hỏi thì cả trường hợp 1 và 2 đều hạch toán thừa bút toán kết chuyển cuối năm Nợ TK 421/ Có TK 911 nên dẫn đến thâm hụt. Khoản phát sinh chi cải cách tiền lương trên TK 611 đã được bù đắp nguồn bởi bút toán kết chuyển cuối năm (Nợ TK 468/Có TK 421).

Đề nghị độc giả nghiên cứu kỹ các hướng dẫn hạch toán tài khoản 468- Nguồn cải cách tiền lương tại Phụ lục 02, Thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp để hạch toán đúng theo quy định.

Câu hỏi 31:

Để giúp Công chức Tài chính - kế toán xã hạch toán đúng nghiệp chi lương cho cán bộ, công chức bằng chuyển khoản, chi đầu tư xây dựng khi nhận được khối lượng XDCB hoàn thành do bên nhận thầu bàn giao. UBND xã Tiền Tiến đề nghị được bổ sung vào chế độ kế toán mới hoặc giáp đáp một số nội dung như sau. 1. Chi lương, phụ cấp trong tháng bằng chuyển khoản, sau khi kiểm tra kế toán phát hiện vượt quá số lương cán bộ, công chức được hưởng, chủ tài khoản và các cơ quan có liên quan yêu cầu thu lại bằng tiền mặt để nộp lại kho bạc ngay trong tháng. Vậy nghiệp vụ này phải hạch toán kế toán như thế nào?. - Khi chi chuyển khoản kế toán hạch toán: Nợ TK 334, có TK 1121, khi được kho bạc xác nhận đã chi kế toán hạch toán: Nợ TK 8142, có TK 334. - Khi thu lại số tiền chi sai bằng tiền mặt kế toán hạch toán: Nợ TK 111, Có TK 334 - Số tiền: 2.373.500 đ; khi nộp kho bạc HT Nợ TK 1121, Có TK 111: 2.373.500 đ; Điều chỉnh giảm chi ngân sách KTHT Nợ TK 8142, Có TK 334: - 2.373.500 đ, nhưng tài khoản 008 - Dự toán chi ngân sách vẫn không giảm. - Hạch toán kế toán để thực chi ở Nợ TK 814(8142) đúng với bên CóTK 008 - Dự toán chi ngân sách. 2. Khi nhận được bản xác định giá trị KLCV hoàn thành theo hợp đồng của nhà thầu đề nghị thanh toán hoặc báo cáo quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền gửi đến kế toán có thể hạch toán chi: Nợ TK 814, có TK 112 được không hay bắt buộc phải hạch toán Nợ TK 241, Có TK 331 và khi chi trả nhà thầu hạch toán: Nợ TK 331, Có TK 112, đồng thời ghi Nợ TK 137 - Chi ngân sách chưa qua kho bạc (nếu là cấp tạm ứng), có TK 441 hoặc có thể hạch toán: Nợ 814, Có TK 441 được không. Từ các nội dung hỏi trên. UBND xã Tiền Tiến kính mong được quý cơ quan quan tâm giúp đỡ.

Trả lời:

1. Bạn đọc đã có phiếu hỏi 050819-4 về kế toán các khoản đã chi sai chế độ phải thu hồi, Bộ Tài chính đã có ý kiến trả lời ngày 29/8/2019.

Về hạch toán TK 008, theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ Tài chính quy định: Số nộp khôi phục dự toán (ghi âm (-))

vào Bên Có TK 008- Dự toán chi Ngân sách.

2. Kế toán đầu tư XDCB:

- Nhận khối lượng XDCB hoàn thành do bên nhận thầu bàn giao, căn cứ hợp đồng giao thầu, hóa đơn khối lượng XDCB hoàn thành hoặc phiếu giá công trình và biên bản nghiệm thu bàn giao khối lượng, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (2421- XDCB dở dang)

Có TK 331- Các khoản phải trả.

- Khi ứng hoặc thanh toán tiền cho nhà thầu theo khối lượng xây lắp đã bàn giao, ghi:

Nợ TK 331- Các khoản phải trả

Có TK 111- Tiền mặt (nếu ứng hoặc thanh toán bằng tiền mặt)

Có TK 112- Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

(1128- Tiền gửi khác) (rút tiền gửi vốn đầu tư thanh toán cho người nhận thầu)

(1121- Tiền ngân sách tại Kho bạc) (rút tiền từ tài khoản Ngân sách chyển khoản thanh toán thẳng cho nhà thầu).

Trường hợp rút dự toán, ghi: Có TK 008- Dự toán chi ngân sách.

- Đồng thời ghi chi ngân sách chưa qua Kho bạc để hình thành nguồn vốn đầu tư XDCB (đối với phần ngân sách làm lệnh chi chuyển khoản thẳng cho nhà thầu), ghi:

Nợ TK 819- Chi ngân sách chưa qua Kho bạc (nếu là cấp tạm ứng)

Nợ TK 814- Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc (Trường hợp đơn vị nhận được báo cáo quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền gửi đến)

Có TK 441- Nguồn kinh phí đầu tư XDCB.

Câu hỏi 32:

Đơn vị tôi là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

- Trong năm 2018, đơn vị của tôi thu hoạt động sản xuất kinh doanh là 100 triệu đồng.

- Chi hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm cả số chi thực hiện cải cách tiền lương là 1 triệu đồng) là 80 triệu đồng.

Như vậy số thu được để lại trong năm của tôi là 20 triệu đồng (cuối năm tạm thời dư có TK 421: 20 triệu đồng).

Đồng thời, năm 2017 đơn vị tôi có nguồn cải cách tiền lương còn dư chuyển sang năm 2018 là 4 triệu đồng, do đó tôi dùng nguồn này để chi cải cách tiền lương 1 triệu đồng trong năm (hạch toán kế toán cuối năm: Nợ TK 468: 1

triệu đồng, Có TK 421: 1 triệu đồng) => thặng dư hoạt động sản xuất kinh doanh của tôi cuối năm lại là: 20 triệu đồng + 1 triệu đồng = 21 triệu đồng (do vậy sau đó TK 421 dư có: 21 triệu đồng).

Vậy, nguồn cải cách tiền lương năm 2018, đơn vị tôi phải trích theo phương án nào?

- Cách 1: 20 triệu đồng x 40% = 8 triệu đồng.

- Cách 2: 21 triệu đồng x 40% = 8,4 triệu đồng.

Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp trong năm 2018 mà đơn vị tôi phải trích theo phương án nào?

- Cách 1: 20 triệu đồng x 25% = 5 triệu đồng

- Cách 2: (20 triệu đồng - 8 triệu đồng nguồn cải cách tiền lương đã trích) x 25% = 3 triệu đồng

- Cách 3: 21 triệu đồng x 25% = 5, 25 triệu đồng

- Cách 4: (21 triệu đồng - 8,4 triệu đồng nguồn cải cách tiền lương theo cách 2) x 25% = 3,15 triệu đồng.

- Cách 5: (21 triệu đồng - 8 triệu đồng nguồn cải cách tiền lương theo cách 2) x 25% = 3,25 triệu đồng.

Trả lời:

Việc trích lập nguồn cải cách tiền lương được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn qua các năm (VD: Thông tư số 67/2017/TT-BTC; Thông tư số 68/2018/TT-BTC; Thông tư số 46/2019/TT-BTC).

Việc hạch toán trích lập nguồn cải cách tiền lương thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

Theo công văn hỏi của độc giả hiện nay độc giả đang hạch toán thiếu nghiệp vụ kết chuyển số đã chi cải cách tiền lương trong năm (nợ 611/Có 334) sang TK 911 (Nợ TK 911/Có TK 611) để xác định kết quả. Như vậy, sau khi kết chuyển thì số chênh lệch thu, chi vẫn là 20 triệu đồng.

Câu hỏi 33:

Tôi hiện đang làm việc tại Cảng vụ Hàng không miền Nam, là đơn vị dự toán cấp 3 được xác định là đơn vị tự chủ chi thường xuyên theo Nghị định 141

và hạch toán kế toán theo chế độ kế toán HCSN theo Thông tư 107/2017/TT-BTC. Tôi có một câu hỏi nhờ Bộ giải đáp giúp: Tháng 4/2018 tôi được cơ quan cấp trên của tôi kiểm tra và phê duyệt quyết toán thu chi NSNN năm 2017 (năm 2017 vẫn hạch toán kế toán theo QĐ 19) được xác định kinh phí để lại chuyển sang năm 2018 sử dụng tiếp, tạm gọi là con số A. Cùng trong năm T7/2018, đơn vị tôi được Kiểm toán nhà nước về kiểm toán thu chi NSNN năm 2017 và kiến nghị nộp bổ sung NSNN, xác định số để lại chuyển sang năm 2018 là con số B. Hai số xét duyệt của 2 cơ quan là khác nhau (Cấp trên tôi xác định là số A, Kiểm toán nhà nước xác định là số B, số B nhỏ hơn số A do phải nộp thêm về NSNN) Giai đoạn tháng 3/2019 tôi lập báo cáo quyết toán và báo cáo tài chính năm 2018 theo chế độ kế toán mới theo Thông tư 107/2017/TT-BTC. Trong Mẫu B01/BCQT- phần Nguồn phí khấu trừ được để lại - Phần số 1: Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: tôi ghi số đầu kỳ là con số A theo biên bản xét duyệt của cơ quan cấp trên. Tuy nhiên khi cơ quan cấp trên về kiểm tra và phê duyệt quyết toán thu chi NSNN năm 2018 và ra biên bản xét duyệt cho đơn vị tôi thì phần số dư đầu kỳ năm trước chuyển sang ở Mẫu B01/BCQT ghi là con số B đúng bằng số xác định của Kiểm toán (không khớp với số cơ quan này đã ra biên bản năm 2017) và ghi đơn vị tôi lệch so với biên bản xét duyệt đúng bằng số kiến nghị nộp NSNN của Kiểm toán. Theo quan điểm của cơ quan cấp trên tôi thì năm 2018 đã chuyển sang hệ thống tài khoản kế toán mới, tài khoản liên quan đến nguồn kinh phí không tồn tại 2 dòng thông tin (năm trước và năm nay) và thời điểm điều chỉnh số liệu quyết toán năm trước được thực hiện vào năm sau và việc chênh lệch số liệu đầu kỳ giữa đơn vị cấp 2 và cấp 3 là bình thường, sẽ thuyết minh cụ thể tại biên bản xét duyệt quyết toán. Đơn vị tôi đã không đồng ý với ý kiến này và giữ quan điểm là giữ nguyên theo số cấp trên phê duyệt năm 2017 là con số A, phần kiến nghị nộp bổ sung NSNN của kiểm toán tôi xử lý trong kỳ năm 2018 vì theo logic thì năm 2018 Kiểm toán mới vào kiểm tra nên tất cả các kiến nghị của kiểm toán phải xử lý trong năm 2018 chứ không phải quay lại điều chỉnh ngay số đầu kỳ năm 2018 vì đầu kỳ năm 2018 được xác định từ số dư năm 2017 chuyển sang và năm 2017 thì Kiểm toán chưa vào kiểm tra đơn vị tôi. Vậy tôi muốn hỏi trong trường hợp này thì đơn vị tôi xác định số đầu kỳ 2018 theo biên bản xét duyệt đã ký và xử lý số kiến nghị của Kiểm toán vào năm 2018 hay sẽ giảm trừ trực tiếp vào số đầu kỳ trên Mẫu B01/BCQT như quan điểm của cơ quan cấp trên tôi. Tôi kính mong Bộ Tài chính giải đáp để tôi hiểu rõ và làm đúng cho các năm tiếp theo.

Trả lời:

Theo quy định tại Điểm a,b, Khoản 3, Điều 27, Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước:

"*a) Khi xét duyệt, thẩm định, thanh tra, kiểm toán, tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm, nếu phát hiện các khoản chi sai chế độ hoặc không đủ điều kiện quyết toán, thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý như sau: Nếu chi sai thì phải thu hồi đủ cho ngân sách; nếu chưa đủ điều kiện quyết toán thì phải hoàn chỉnh thủ tục quyết toán theo quy định*"

"*b) Các đơn vị dự toán ngân sách, các địa phương được thanh tra, kiểm toán phải thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước gửi đơn vị dự toán ngân sách cấp trên, đơn vị dự toán cấp I tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp. ... Các kiến nghị, kết luận của thanh tra, Kiểm toán Nhà nước <u>được thực hiện sau ngày 15 tháng 11 năm sau đối với quyết toán ngân sách nhà nước năm trước, thì hạch toán vào năm ngân sách tại thời điểm xử lý</u> theo chế độ quy định*";

Theo các quy định nêu trên, trường hợp báo cáo quyết toán của đơn vị có kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán trước ngày 15/11/2018 thì phải hạch toán điều chỉnh vào số liệu năm 2017 theo quy định và như vậy thì số liệu kinh phí chuyển từ 2017 sang 2018 sẽ bị thay đổi so với số liệu đã phê duyệt quyết toán, theo đó số dư các tài khoản có liên quan sẽ bị thay đổi khi chuyển số dư từ 2017 sang 2018.

Trường hợp báo cáo quyết toán của đơn vị không có kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán thì đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp: (1) Trường hợp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước chưa được duyệt, đồng thời điều chỉnh các thông tin trên sổ kế toán chi tiết theo dõi ngân sách năm báo cáo. (2)Trường hợp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước đã được duyệt, đồng thời điều chỉnh các thông tin trên sổ kế toán chi tiết theo dõi ngân sách năm phát hiện và thuyết minh trên báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước.

Thông tin để lập báo cáo quyết toán được lấy từ các TK ngoài bảng như TK 008, 009… ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC và các TK này đã mở niên độ năm trước, năm nay.

Câu hỏi 34:

Để đảm bảo hạch toán nghiệp vụ kế toán đảm bảo đúng chế độ kế toán tôi xin được hỏi và đề nghị được giải đáp nghiệp vụ kế toán sau: Tháng 7 năm 2019, Công chức Tài chính - kế toán thực hiện chi lương, phụ cấp cho cán bộ công chức xã, trong đó có phụ cấp loại xã,. Khi chi phụ cấp loại xã bằng chuyển khoản, xã hạch toán: Nợ TK 334, có TK 1121, hạch toán chi phí lương xã hạch toán: Nợ TK 8142, có TK 334. Xong căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ - CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ có hiệu lực thi hành 25/6/2019, tại Khoản 2, Điều 3 thì chế độ phụ cấp loại xã đã bị hủy bỏ. Vì vậy, cuối tháng 7 năm 2019 kho bạc thông báo thu lại khoản tiền phụ cấp loại xã đã chi cho cán bộ tháng 7. Chính vì vậy, do trong chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã được quy định tại Quyết định số 94/2005/QĐ - BTC; Thông tư số 146/2011/TT-BTC không có hướng dẫn hoạch toán nghiệp vụ phát sinh như đã trình bày ở trên. Do vậy, Bộ phận Tài chính - kế toán xã đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn để có cơ sở thực hiện.

Trả lời:

- Khi phát hiện các khoản đã chi sai chế độ phải thu hồi (trước đây các khoản chi này đã tính vào chi ngân sách xã qua Kho bạc), ghi:

Nợ TK 311- Các khoản phải thu (trường hợp chưa thu được tiền), hoặc

Nợ TK 111- Tiền mặt (trường hợp đã thu được tiền)

Có TK 814- Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc.

- Khi xuất quỹ tiền mặt (số đã thu hồi chi sai) nộp KBNN, ghi:

Nợ TK 112- Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Có TK 111- Tiền mặt.

Câu hỏi 35:

Tôi là kế toán của một trường THCS, năm 2018 bắt đầu thực hiện chế độ kế toán mới theo thông tư 107. Tôi có câu hỏi muốn được giải đáp như sau: Cuối năm 2017, học phí của trường tôi còn dư 10 triệu đồng. Sang năm 2018, thu học phí tính cả cấp bù học phí của trường tôi được 200 triệu đồng, trong năm trường đã sử dụng để chi lương và các hoạt động hết 210 triệu đồng. Vậy cho tôi hỏi cách định khoản kế toán theo thông tư 107 như thế nào với trường

hợp này. Xin làm rõ cho các bút toán sử dụng kinh phí 10 triệu đồng còn dư của năm trước. Khi lên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ thì phần doanh thu, chi phí và thặng dư/thâm hụt sẽ ra kết quả như thế nào.

Trả lời:

Theo hướng dẫn của chế độ kế toán HCSN theo Thông tư 107/2017/TT-BTC, khoản thu học phí được hạch toán ghi nhận vào TK 531- Doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Khoản chi phí của đơn vị từ nguồn thu học phí, tùy theo việc sử dụng cho các hoạt động của đơn vị để hạch toán các tài khoản chi phí có liên quan, ví dụ sử dụng TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh, dịch vụ dở dang; TK 642- Chi phí quản lý của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, ...

Trường hợp đơn vị có nguồn thu học phí đến hết 2017 chưa sử dụng chuyển sang năm 2018 sử dụng tiếp, thì số dư được chuyển sang năm 2018 trên TK 421- Thăng dư (thâm hụt lũy kế).

Với số liệu trên thư hỏi của bạn đọc, thì báo cáo kết quả hoạt động trong năm 2018 sẽ thể hiện số liệu như sau: Doanh thu 200 triệu, chi phí 210 triệu, *thâm hụt trong năm* là 10 triệu (số thâm hụt này được bù đắp bởi nguồn thu học phí 2017 chưa sử dụng chuyển sang).

Câu hỏi 36:

Theo Thông tư 107/2017/TT-BTC, Chi hoạt động được tách ra thành: Chi tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên; chi vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng; Chi phí hao mòn TSCĐ; Chi phí hoạt động khác. Tuy nhiên việc hiểu để đưa mục thanh toán nào vào chi phí nào cho chính xác vẫn chưa có sự thống nhất. .(Ví dụ :Nợ TK 61111: Lương và phụ cấp lương, các khoản khác cho nhân viên thuộc các mục: 6000, 6050, 6100, 6300 Nợ TK 61112: Vật tư, CCDC, dịch vụ thuộc các mục 6500, 6550, 6600 Nợ TK 6113: Hao mòn TSCĐ. Tính vào cuối năm khi tính hao mòn Nợ TK 61118: Chi các hoạt động còn lại không thuộc 2 TK chi phí 61111 và 61112 Như vậy là đúng chưa?) Vì vậy kính đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn để áp dụng thống nhất.

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, theo đó các TK cấp 2 của TK 611- Chi phí hoạt động được hướng dẫn như sau:

- Tài khoản 61111- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên: Phản ánh các khoản chi tiền lương, tiền công và chi khác cho người lao động phát sinh trong năm;

- Tài khoản 61112- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng: Phản ánh chi phí về vật tư, công cụ và các dịch vụ đã sử dụng cho hoạt động trong năm;

- Tài khoản 61113- Chi phí hao mòn TSCĐ: Phản ánh chi phí hao mòn TSCĐ dùng cho hoạt động hành chính trong năm;

- Tài khoản 61118- Chi hoạt động khác: Phản ánh các khoản chi khác ngoài các khoản chi trên phát sinh trong năm.

=> Nội dung phản ánh trên các TK 6111, 6112, 6113, 6118 không gắn với Mục lục NSNN mà gắn với những nội dung đã nêu trong từng tài khoản, theo đó đối với các khoản chi cho con người (như tiền công, tiền lương, các khoản phụ cấp…) được hạch toán vào TK 6111; đối với các khoản chi dịch vụ mua ngoài (như tiền điện, nước, điện thoại, internet…) và các khoản vật tư, công cụ đã sử dụng trong năm được hạch toán vào TK 6112; Hao mòn TSCĐ được hạch toán vào TK 6113; ngoài các nội dung trên các chi phí phát sinh khác được hạch toán vào TK 6118.

(MLNSNN chỉ gắn vào các TK ngoài bảng như: TK 004, 006, 008, 009, 012, 013, 014, 018).

Câu hỏi 37:

Tôi đã duyệt chi lương bằng nguồn thường xuyên của NSNN cho anh A lương tháng 5/2016 với lương là 3.500.000 và đóng BHXH: 700.000đ. Sau đó trong tháng 5 anh A có nghỉ ốm 05 ngày. Thì theo quy định, bên tôi sẽ thu hồi lương 05 ngày nghỉ ốm từ nguồn NSNN và dùng nguồn BHXH chi trả cho anh A. Phần thu hồi là 1.500.000đ và giảm tiền BHXH đã đóng là 500.000, Vây cho hỏi bên tôi bút toán như thế này có đúng không? * Hoạch toán giảm chi phí trả lương bằng NSNN, tiền nộp BHXH: Nợ TK66121 -2.000.000 đ Có TK3321 - 500.000 Có TK 312 (Lương tạm ứng): -1.500.000 * Thu hồi lương đã tạm ứng: Nợ TK1111: 1.500.000 Có TK312 1.500.000 đ

Trả lời:

Căn cứ chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC, việc hạch toán thu hồi khoản đã chi lương từ nguồn NSNN được thực hiện như sau:

- Thu hồi tiền lương đã trả cho người lao động, ghi: Nợ TK 111, 112/ Có TK 611- Chi phí hoạt động.

- Thu hồi khoản đã nộp BHXH, trừ vào khoản phải nộp BHXH kỳ sau, ghi: Nợ TK 332/Có TK 611- Chi phí hoạt động.

- Nộp trả kinh phí NSNN cho KBNN, căn cứ giấy nộp trả ghi:

+ Nợ TK 511- Thu hoạt động do NSNN cấp/Có TK 111,112.

+ Đồng thời ghi giảm dự toán: Có đỏ TK 008.

Câu hỏi 38:

Cơ quan tôi là tổ chức chính trị xã hội có nguồn thu Hội phí của hội viên và các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân hỗ trợ xây nhà tình nghĩa, ủng hộ tết cho người nghèo. Vậy xin hỏi hạch toán các nguồn thu, chi này hạch toán vào tài khoản nào. TK 511 thu hoạt động do NSNN cấp, chi tiết 5118 phản ảnh các khoản thu hoạt động khác được để lại mà đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán (hoặc không giao dự toán) và yêu cầu phải báo cáo quyết toán theo MLNSNN. Vậy các khoản thu nói trên hạch toán vào tài khoản này được không.

Trả lời:

* Đối với các khoản thu hội phí là khoản thu đơn vị không được giao dự toán, không phải quyết toán với NSNN vì vậy đơn vị hạch toán vào TK 531- Thu hoạt động SXKD, dịch vụ (theo dõi chi tiết thu hội phí).

* Đối với khoản thu tài trợ của các tổ chức cá nhân hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ tết người nghèo, đơn vị hạch toán như sau:

- Trường hợp khoản thu này hình thành nên quỹ tại đơn vị, khi có phát sinh hoạt động xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ tết người nghèo thì đơn vị thực hiện $\Rightarrow$ Theo đó đơn vị sẽ hạch toán khoản thu này vào TK 353- Các quỹ đặc thù;

- Trường hợp khoản thu này do các tổ chức cá nhân nhờ thông qua đơn vị để thực hiện xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ tết người nghèo theo danh sách đối tượng được hưởng cụ thể (theo yêu cầu nhà tài trợ)=> Theo đó đơn vị sẽ hạch toán khoản thu này vào TK 338- Phải trả khác (3381- Các khoản thu hộ, chi hộ).

Câu hỏi 38:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/7/2017 của Bộ TC về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp thì "Báo cáo quyết toán kinh

phí hoạt động" - Mẫu báo cáo số B01/BCQT - Áp dụng trong các bệnh viện công lập có nguồn thu sự nghiệp y tế. Mục 1. Số dư kinh phí chưa sửa dụng năm trước chuyển sang - Mã số 79 thuộc phần C. NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI phản ánh số dư kinh phí từ nguồn kinh phí hoạt động khác từ năm trước chuyển sang. Bao gồm số dư bên có đầu năm của tất cả các TK421, TK468, TK531 hay số dư bên có của TK421, TK468, TK531 Mục 5. Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán - Mã số 91 thuộc phần C. NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI phản ánh số đã chi trong năm phục vụ thu, thuộc bên Nợ TK 642 và Số đã trích lập các quỹ thuộc bên có TK431 (trừ TK Quỹ PTHĐ sự nghiệp hình thành TSCĐ) hay chỉ bao gồm số phát sinh bên Nợ TK 642. Mục 6. Số kinh phí được phép chuyển năm sử dụng và quyết toán – Mã số 94 phản ánh kinh phí hoạt động khác được để lại đơn vị theo quy định chưa sử dụng hết được phép chuyển năm sau sử dụng và quyết toán, phản ánh số dư bên có các TK 421+TK468+TK431 hay chỉ là số dư bên có TK421 hoặc TK468 Hoặc TK431 Do cách hiểu của kế toán các đơn vị trực thuộc khác nhau, nên rất mong quý bộ trả lời để chúng tôi áp dụng thống nhất trong toàn ngành

Trả lời:

Thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp đã hướng dẫn lập Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động (Mẫu số B01/BCQT) tại Phụ lục 04, theo đó đã hướng dẫn chi tiết việc lấy số liệu cho từng chỉ tiêu trên báo cáo. Căn cứ lập các chỉ tiêu thuộc phần C "Nguồn hoạt động khác được để lại" dựa trên số liệu phản ánh của Sổ theo dõi nguồn thu hoạt động khác được để lại (mẫu S106-H).

Sổ theo dõi nguồn thu hoạt động khác được để lại (mẫu S106-H) được mở để theo dõi chi tiết số liệu của TK 018 "Thu hoạt động khác được để lại". Như vậy Thông tư 107/2017/TT-BTC không hướng dẫn lấy số liệu các chỉ tiêu này từ các tài khoản trong bảng như nội dung nêu trong thư hỏi của độc giả.

Đề nghị độc giả nghiên cứu kỹ các hướng dẫn lập báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động (Mẫu số B01/BCQT) tại Phụ lục 04, Thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp để lập báo cáo theo quy định.

Câu hỏi 39:

Tôi có 1 số vướng mắc liên quan đến lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp (Mẫu B03b/BCTC) ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC. Tôi thấy mẫu này không phù hợp với khối hành chính sự

nghiệp. Nó chỉ phù hợp với đơn vị SXKD 100% Thứ nhất bút toán chuyển tiền từ Kho bạc nhà nước Ghi nợ TK 241,331,152,153,211/511,366. Thứ 2 bút toán khấu hao và hao mòn TSCĐ Nợ 611=511 thì nó cũng chẳng làm ảnh hưởng gì đến thặng dư thâm hụt. Thứ 3: Hàng viện trợ bằng hiện vật nợ 152,153,211/366. Với các chỉ tiêu này nghiệp vụ này lại là các khoản điều chỉnh trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Tôi thấy báo cáo này chỉ đúng khi đơn vị chỉ sử dụng 4 tài khoản 111,112,511,611. Đề nghị Bộ nghiên cứu thủ ở các phần mềm kế toán như IMAS , MISA… về báo cáo LCTT cả 2 phương pháp để so sánh . Tôi thấy chỉ có phương pháp trực tiếp là hợp lý nhất cho khối HCSN. Mong được Bộ chỉ giáo . Xin trân trọng cảm ơn!

06/06/2019

Trả lời:

1. Về lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp

Thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, tại phụ lục 04 đã hướng dẫn lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, đơn vị được lựa chọn lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ đối với hoạt động chính theo phương pháp trực tiếp hoặc phương pháp gián tiếp.

Phương pháp gián tiếp được thực hiện bằng việc điều chỉnh thặng dư, thâm hụt để xác định dòng tiền; do các khoản mục không bằng tiền (phi tiền tệ) có ảnh hưởng đến thặng dư, thâm hụt nhưng không phát sinh dòng tiền nên cần phải điều chỉnh để xác định dòng tiền thực.

Tại phụ lục 04 hướng dẫn lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ đối với hoạt động chính theo phương pháp gián tiếp: *Phương pháp gián tiếp là phương pháp trong đó số thặng dư/ thâm hụt trong năm điều chỉnh cho ảnh hưởng của các giao dịch không bằng tiền và bất kỳ khoản hoãn lại hoặc dồn tích của các khoản thu hoặc chi trong tương lai và các khoản thu hoặc chi gắn liền với hoạt động đầu tư hoặc hoạt động tài chính.*

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính được xác định bằng cách lấy số thặng dư/ thâm hụt trong năm điều chỉnh cho các khoản sau đây:

- Các khoản mục không bằng tiền như khấu hao TSCĐ trong năm, lãi lỗ do chênh lệch tỷ giá,...

- Tất cả các khoản mục khác ảnh hưởng đến luồng tiền từ hoạt động đầu tư hoặc hoạt động tài chính.

- Các thay đổi trong hàng tồn kho, các khoản phải thu và phải trả trong kỳ.

Căn cứ theo quy định nêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ đối với hoạt động chính lập theo phương pháp gián tiếp sẽ không trực tiếp xác định cụ thể bút toán nào được lấy số liệu vào báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Đơn vị lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ đối với hoạt động chính theo phương pháp trực tiếp hoặc phương pháp gián tiếp thì lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính cũng phản ánh chênh lệch giữa tổng số tiền thu vào với tổng số tiền chi ra từ hoạt động chính trong năm báo cáo và đảm bảo số liệu lập từ 2 phương pháp phải khớp đúng với nhau.

2. Về sử dụng phần mềm kế toán

Nguyên tắc phần mềm kế toán là công cụ trợ giúp cho người làm kế toán. Trên cơ sở các chứng từ kế toán người dùng nhập số liệu đầu vào, sau đó dựa vào các thủ tục, quy trình có sẵn phần mềm kế toán sẽ xử lý và đưa ra các báo cáo một cách chính xác và hiệu quả, giúp người dùng tiết kiệm thời gian và chi phí. Theo đó phần mềm kế toán hành chính, sự nghiệp cần phải được thiết kế theo đúng yêu cầu nghiệp vụ và lập được các báo cáo (trong đó có báo cáo lưu chuyển tiền tệ) theo quy định chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Các đơn vị cần lựa chọn các phần mềm phù hợp và kiểm soát việc đáp ứng được yêu cầu theo quy định.

Câu hỏi 40:

Tôi có vướng mắc về báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo thông tư 107/2017/TT-BTC. Tôi đang sử dụng tài liệu Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư 107/2017/TT-BTC của nhà xuất bản thông ti và truyền thông, xuất bản năm 2017. Tại tài liệu này tôi thấy số dư tiền cuối kỳ - mã số 80 của bảo cáo lưu chuyển tiền tệ sẽ bằng số dư tiền đầu kỳ - mã số 60 + ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá - mã số 70. Tôi thấy công thức trên không hợp lý. Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá - mã số 70 chỉ sử dụng với đơn vị có sử dụng ngoại tệ, đối với đơn vị không sử dụng ngoại tệ thì mã số 70 luôn bằng 0. Như vây theo công thức thì số tiền dư cuối kỳ luôn bằng số tiền dư đầu kỳ, mã số 80 bằng mã số 60. điều này bất hợp lý. Kính mong Bộ tài chính giải thích rõ hơn, nếu chưa hợp lý đề nghị Bộ Tài chính cho cập nhật công thức đúng, phục vụ công tác lập báo cáo tài chính tại các đơn vị.

Trả lời:

Thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, tại phụ lục 04 đã hướng dẫn lập các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (trong đó bao gồm

phương pháp lập của chỉ tiêu có mã số 50- Lưu chuyển tiền thuần trong năm và chỉ tiêu có mã số 80- Số dư tiền cuối kỳ). Tuy nhiên trong phụ lục 04 chưa nêu đầy đủ phương pháp tính toán cho chỉ tiêu có mã số 50 và 80.

Phương pháp tính toán các chỉ tiêu nói trên đối với Báo cáo lưu chuyển tiền tệ lập theo phương pháp trực tiếp được thực hiện như sau:

Chỉ tiêu có mã số 50 = Mã số 20 + Mã số 30 + Mã số 40

Chỉ tiêu có mã số 80 = Mã số 50 + Mã số 60 + Mã số 70

Câu hỏi 41:

Tôi làm ở đơn vị sự nghiệp công lập, được cấp một phần ngân sách chi thường xuyên. Năm 2018, đơn vị tôi được cấp 1ty. Ngân sách đảm bảo khoảng 30% chi thường xuyên cho đơn vị. Còn lại 70% là do nguồn thu sự nghiệp đảm bảo. Xin Quý bộ hướng dẫn cách hạch toán của tài khoản 611, tài khoản 611 được sử dụng chỉ để hạch toán 1 tỷ tiền ngân sách cấp hay hạch toán toàn bộ chi hoạt động của đơn vị để thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao? đặc biệt là giải thích thêm việc tính hao mòn theo Thông tư 107/2017/TT-BTC có hướng dẫn về việc hạch toán tính hao mòn dùng cho hoạt động hành chính (có dùng cho đơn vị sự nghiệp không):

Trả lời:

1- Theo nội dung phản ánh đơn vị độc giả công tác là đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo 1 phần chi thường xuyên (đây là trường hợp giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí). Theo đó nguồn tài chính của đơn vị có bao gồm nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công. Kinh phí thường xuyên NSNN cấp cho đơn vị là hỗ trợ cho hoạt động dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí (Nghị định 16 quy định là dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước).

Về hạch toán kế toán, đối với chi phí hoạt động dịch vụ được phản ánh vào TK 154, TK 642 (chi tiết theo hoạt động của đơn vị). Vì vậy, Báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị sẽ phân tích được đối với hoạt động dịch vụ công được NSNN hỗ trợ là bao nhiêu và đơn vị tự thu được là bao nhiêu.

2- Đối với hạch toán hao mòn TSCĐ:

a) Đối với TSCĐ hình thành bằng nguồn NSNN cấp:

- Cuối năm, tính hao mòn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 611- Chi phí hoạt động (61113 hoặc 61123)

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ.

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu

Có TK 511- Thu hoạt động do NSNN cấp.

b) Đối với TSCĐ hình thành bằng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp:

- Tính hao mòn TSCĐ (nếu dùng cho hoạt động hành chính hoặc hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ), ghi:

Nợ TK 611- Chi phí hoạt động

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ.

- Trích khấu hao TSCĐ (nếu dùng cho hoạt động kinh doanh), ghi:

Nợ các TK 154, 642

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ.

- Cuối năm, đơn vị kết chuyển số hao mòn, khấu hao đã tính (trích) trong năm, ghi:

Nợ TK 431- Các quỹ (43142) (số hao mòn và khấu hao đã tính (trích)

Có TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế (số hao mòn đã tính)

Có TK 431- Các quỹ (43141) (số khấu hao đã trích).

Câu hỏi 42:

Đơn vị tôi là đơn vị sự nghiệp, lâu nay làm chủ đầu tư các dự án nên đang áp dụng chế độ kế toán chủ đầu tư theo Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính. Nay đơn vị tôi được Bộ giao thêm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi sau đầu tư, đơn vị tôi có thêm nguồn thu từ việc 01 công ty thủy điện sử dụng nước của hồ thủy lợi do chúng tôi quản lý, vận hành để sản xuất điện và các nguồn thu khác từ công trình. Nư vậy, là đơn vị chúng tôi là đơn vị sự nghiệp có thu. Vậy, cho chúng tôi hỏi: 1/ Nguồn thu của đơn vị chúng tôi thu được từ hợp đồng với công ty thủy điện do công ty thủy điện sử dụng nước hồ thủy lợi để sản xuất điện thì hạch toán chung theo chế độ kế toán của chủ đầu tư theoThông tư số 195/2012/TT-BTC được hay không ? 2/ Hay phải mở sổ sách kế toán riêng để theo dõi, hạch toán, quyết

toán nguồn thu - chi này theo chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp theo Thông ty 107/2017/TT-TTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính

Trả lời:

Đơn vị chủ đầu tư đang áp dụng chế độ kế toán chủ đầu tư ban hành theo Thông tư số 195/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, trong trường hợp đơn vị có phát sinh nguồn thu do được giao thêm nhiệm vụ thì các khoản thu này phải được hạch toán chung vào sổ sách kế toán của đơn vị.

Hiện nay, Bộ Tài chính đang triển khai xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho các đơn vị chủ đầu tư trong các đơn vị HCSN để đáp ứng việc hạch toán ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Trường hợp đơn vị có phát sinh các nghiệp vụ kinh tế mà chế độ kế toán chủ đầu tư theo Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính chưa có quy định thì đơn vị được vận dụng các nội dung trong Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp để hạch toán.

Câu hỏi 43:

Hiện nay tôi đang áp dụng hệ thống kế toán theo thông tư 107/2017/TT-BTC và có một vấn đề vướng mắc muốn được giải đáp như sau: Đơn vị tôi là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu phí, lệ phí bằng ngoại tệ. Vậy khi có ngoại tệ về tài khoản USD thì hạch toán thế nào? và khi bán ngoại tệ lấy tiền VND chuyển về tài khoản tạm thu phí, lệ phí 3511.0 thì hạch toán thế nào? Xin quý Bộ hướng dẫn cho tôi phương pháp hạch toán nghiệp vụ này. Hiện tại khi bán ngoại tệ tôi mới chỉ hạch toán Nợ TK112(3511.0)/Có TK3373 theo tỷ giá bán USD thực tế.

Trả lời:

Qua trao đổi thêm với độc giả (qua số điện thoại trên thư hỏi) thì phí thu được bằng ngoại tệ được chuyển tiền vào tài khoản ngoại tệ (USD) của đơn vị tại ngân hàng thương mại. Định kỳ đơn vị bán ngoại tệ và chuyển VND về tài khoản phí chờ nộp ngân sách tại KBNN (TK 3511).

Việc nộp khoản phí bằng ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá quy định tại Khoản 4, Điều 3, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí. Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đơn vị

phải thực hiện hạch toán theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC. Cụ thể:

- Nhận được Giấy báo có khách hàng đã nộp tiền phí vào tài khoản ngoại tệ của đơn vị tại ngân hàng thương mại, ghi:

Nợ TK 112(1122)- Tiền gửi NH/ Có TK 3373- Tạm thu phí, lệ phí (đồng thời quy đổi ra VND theo tỷ giá quy định).

Đồng thời ghi Nợ TK 007- Ngoại tệ các loại

- Khi xuất bán ngoại tệ (USD), ghi:

Nợ TK 113- Tiền đang chuyển/ Có TK 112- Tiền gửi NH (theo tỷ giá đã hạch toán).

Đồng thời ghi Có TK 007- Ngoại tệ các loại

- Khi chuyển tiền bán ngoại tệ về tài khoản phí chờ nộp ngân sách tại KBNN, trường hợp tỷ giá bán lớn hơn tỷ giá đã hạch toán, ghi:

Nợ TK 112 (tiền gửi tại KBNN) - Số tiền thu được do bán ngoại tệ

Có TK 113- Tiền đang chuyển

Có TK 3373- Tạm thu phí, lệ phí - Phần chênh lệch tỷ giá bán lớn hơn tỷ giá đã hạch toán

- Khi chuyển tiền bán ngoại tệ về tài khoản phí chờ nộp ngân sách tại KBNN, trường hợp tỷ giá bán nhỏ hơn tỷ giá đã hạch toán, ghi:

Nợ TK 112 (tiền gửi tại KBNN) - Số tiền thu được do bán ngoại tệ

Nợ TK 3373- Tạm thu phí, lệ phí- Phần chênh lệch tỷ giá bán nhỏ hơn tỷ giá đã hạch toán

Có TK 113- Tiền đang chuyển

Câu hỏi 44:

Tôi có một số vướng mắc trong công tác hạch toán kế toán tại đơn vị theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau: Tôi là đơn vị sử dụng 100% NSNN hiện đang áp dụng kế toán HCSN và được nhận NSNN qua đơn vị dự toán cấp 1 là đơn vị áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo quy định tại QĐ số 19/2006/QĐ-TTg và luật ngân sách số 83/2015/QH13 thì cuối năm đơn vị tôi phải khóa sổ kế toán và lập báo cáo tài

chính gửi cho đơn vị cấp trên để cấp trên lập báo cáo quyết toán gửi lên BTC. Như vậy theo quy định cũ đơn vị tôi sẽ được xác định số kinh phí sử dụng ngân sách cấp trong năm qua tài khoản 661 (trong đó bao gồm 6611,6612), TSCĐ mua trong năm được xác định luôn làm chi phí trong năm đó hạch toán: Nợ 211, có 111/112 đồng thời hạch toán Nợ 661, có 466, cuối năm hạch toán khấu hao TSCĐ là Nợ 466 có 214, cuối năm số kinh phí đơn vị sử dụng đã bao gồm toàn bộ kinh phí mua TSCĐ trên và nếu không có sai phạm gì thì sẽ được duyệt quyết toán năm tài chính đó đúng số tiền đá sử dụng. Tuy nhiên bắt đầu từ năm tài chính 2018 theo hướng dẫn hạch toán tại TT 107/2017 thì hạch toán tài sản cố định sẽ là: Nợ 211, có 111/112 đồng thời nợ 611 có 366, đến cuối năm xác định số KH TSCĐ thì hạch toán Nợ 366 có 214 đồng thời ht: nợ 3371, có 511. Như vậy số kinh phí được thể hiện qua tài khoản 611 sẽ chỉ bao gồm số tiền trích khấu hao trong năm của tài sản đó. Vậy cuối năm, khi đơn vị tôi lập BCTC gửi đơn vị cấp trên (tôi xin nhắc lại là đơn vị cấp trên vẫn đang áp dụng chế độ kế toán Doanh Nghiệp) thì cần giải thích như thế nào, vào bảng BC nào để giải thích một cách rõ nhất số tiền sử dụng thật trong năm(bao gồm toàn bộ tiền mua TSCĐ) để cấp trên hiểu và quyết toán.

Trả lời:

- Theo Quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hướng dẫn hạch toán TSCĐ khi mua bằng nguồn NSNN, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 461- Nguồn kinh phí hoạt động

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 661- Chi hoạt động

Có TK 466- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ.

⇒ Số liệu phản ánh trên TK 461 và 661 được quyết toán ngay trong năm có phát sinh mua TSCĐ đó.

- Theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 thay thế QĐ 19 hướng dẫn hạch toán hao mòn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 611- Chi phí hoạt động

Có TK 214- Hao mòn TSCĐ

=> Theo đó, số hao mòn hạch toán trên TK 611 sẽ được phản ánh trên Báo cáo tài chính (Báo cáo kết quả hoạt động) trong 1 năm của đơn vị, không phản ánh trên Báo cáo quyết toán. Vì vậy, đối với các TSCĐ đã mua trước năm 2017 đã được quyết toán với NSNN thì khi chuyển sang thực hiện theo Thông tư 107 không phải quyết toán với NSNN (Cấp trên muốn biết số tiền đã sử dụng để mua TSCĐ thì xem báo cáo quyết toán năm phát sinh nghiệp vụ mua TSCĐ).

Câu hỏi 45 :

Theo hướng dẫn tại điểm 2 phầ II, phụ lục số 01 Thông tư 107/2017/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp như sau: - Bên Có: Nguồn cải cách tiền lương tăng. Vậy nguồn cải cách tiền lương (CCTL) này có bao gồm cả nguồn ngân sách cấp hay chỉ hạch toán nguồn CCTL từ nguồn thu được để lại. Nếu hạch toán cả nguồn CCTL từ ngân scahs cấp thì hạch toán như thế nào.

Trả lời:

Phương pháp hạch toán đối với nguồn NSNN theo quy định tại chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC : Khi phát sinh chi phí thì đơn vị thực hiện hạch toán chi phí, đồng thời với hạch toán doanh thu và được hạch toán doanh thu khi xác định được số tiết kiệm trong năm.

Theo đó khi chưa sử dụng thì kinh phí cải cách tiền lương từ nguồn NSNN sẽ còn số dư trên các TK có liên quan, ví dụ như số dư Nợ trên TK 008- Dự toán chi hoạt động (nếu tiết kiệm CCTL từ nguồn dự toán giao trong năm), số dư Nợ TK 012- Lệnh chi tiền thực chi (nếu tiết kiệm CCTL từ nguồn Lệnh chi tiền giao trong năm), ... là các khoản đơn vị đã được giao nhưng chưa phát sinh chi phí tương ứng.

Khi phát sinh chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn NSNN, đơn vị sẽ phản ánh chi phí đồng thời ghi nhận doanh thu và phản ánh trên TK ngoại bảng giống như các khoản đã rút dự toán sử dụng.

Việc trích lập nguồn CCTL trên TK 468- Nguồn cải cách tiền lương (phát sinh bên có) chỉ phát sinh khi đơn vị trích kinh phí CCTL đối với các khoản đã được ghi vào doanh thu.

Câu hỏi 46:

Về chế độ kế toán HCSN theo TT 107/BTC, cho em hỏi: em là đơn vị quản lý nhà nước, em có nguồn thu khác được để lại, cuối năm em có số dư, thì em

hạch toán như thế này phải không ạ (em bỏ qua các bước nộp thuế, tính hao mòn tài sản): - Nợ TK 111/Có TK 337: 100trđ - Nợ TK 611/Có TK 111: 80trđ ĐT Nợ TK 337/Có TK 5118: 80trđ - Cuối kỳ xác định thặng dư thâm hụt: Nợ TK 337/Có 5118: 20trđ - Nợ TK 5118/Có TK 911: 100trđ - Nợ TK 911/Có TK 611: 80trđ - Nợ TK 911/Có TK 421: 20trđ - Số dư còn lại 20trđ, cơ quan em sử dụng để tiếp tục chi cho hoạt động khác được để lại năm sau, không có nhu cầu bổ sung quỹ và thực hiện cải cách tiền lương, thì hạch toán như thế nào ạ? Trân trọng cám ơn, mong được btc hồi đáp gấp để em hoàn chỉnh báo cáo quyết toán 2018.

Trả lời:

Đối với nguồn thu được để lại đơn vị mà theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nguồn thu này phải quyết toán với NSNN, đơn vị phải mở thêm TK 018 "Thu hoạt động khác được để lại" để quyết toán nguồn này với NSNN.

Đối với việc hạch toán các TK trong bảng, như độc giả đã nêu trong công văn là đã thực hiện đúng hướng dẫn của Thông tư 107. Tuy nhiên, đề nghị độc giả hạch toán theo 2 trường hợp sau:

(1) Trường hợp nguồn thu này cuối năm phải quyết toán cả 100 (số đã thu được để lại) thì đơn vị hạch toán Nợ TK 337/Có TK 5118: 20 (Đồng thời Có TK018). Theo đó, số thặng dư của hoạt động này nếu đơn vị không trích quỹ và không trích lập nguồn cải cách tiền lương thì sẽ được theo dõi trên TK 421- Thặng dư/thâm hụt lũy kế để năm sau chi tiếp.

(2) Trường hợp nguồn thu này cuối năm phải quyết toán cả 80 (số đã chi thực tế) thì đơn vị không hạch toán Nợ TK 337/Có TK 5118: 20. Theo đó, số kinh phí còn lại sẽ được theo dõi trên TK 337 để năm sau chi tiếp.

Câu hỏi 47:

Về Thông Tư 107/2017/TT-BTC : Vấn đề thứ nhất: Trong biểu F01-01/BCQT kết cầu gồm nguồn ngân sách nhà nước, nguồn phí được khấu trừ để lại, nguồn khác được khấu trừ để lại. Vậy nguồn khác được khấu trừ để lại sử dụng tài khoản thu, chi nào ? Trong đơn vị HCSN có rất nhiều khoản thu phục vụ cho hoạt động của đơn vị không mang tính chất kinh doanh : Ví dụ hội phụ nữ, hội nông dân, UBMTTQVN, các trung tâm bảo trợ trẻ em, các trường mầm non, tiểu học,THCS, THPT… có thu các khoản khác như học phí, y tế học đường, thu đóng góp để mua sắm, xdcb. .. hoàn toàn không mang tính chất

kinh doanh. Học phí không phải là thu giá. Nhưng một số giảng viên và một số đơn vị cung cấp phần mềm kế toán lại hướng dẫn hạch toán các TK 154,531,632,642 tôi thấy không hợp lý, tôi nghĩ nếu hạch toán vậy thì để phục vụ cho báo cáo tài chính, không phục vụ cho báo cáo quyết toán. Nhưng một số phần mềm kế toán lại đưa vào báo cáo quyết toán toàn bộ số thu và chi(biểu B01/BCQT và F01-01/BCQT). Chưa kể ngành y tế có vật tư tiêu hao cũng đưa toàn bộ vào báo cáo quyết toán. Thông tư 107/2017/TT-BTC không nói đưa khoản này vào báo cáo quyết toán. Vậy hạch toán các TK 154,531,632,642 có đưa vào mẫu báo cáo quyết toán B01/BCQT và F01-01/BCQT không? loại hình nào đưa loại hình nào không đưa vào ? Theo tôi nên cài thêm chi tiết tiểu khoản 3373 và 514 và 614 (đuôi số 9 là thu khác giống mục lục NSNN) hạch toán giống như thu phí và lệ phí là thích hợp nhất). Vì nhiều khoản thu ,chi không mang tính chất thu giá dịch vụ. Vấn đề thứ 2 : Về TK 468 - Nguồn cải cách tiền lương . Áp dụng cho thu phí. Tôi thấy bất hợp lý Trích Nợ 421/468 , nhưng trong tài liệu tài khoản 514 phát sinh bằng số đã chi. Vậy TK 421 làm gì có để mà trích. Vấn đề thứ 3: Chi cải cách tiền lương 40% từ nguồn phí và khác được khấu trừ để lại : Coi như chi hộ Ngân sách hạch toán Nợ 611/111,112. Cứ coi giống như ghi thu và ghi chi. Vậy tài khoản 511 đâu không thấy hướng dẫn trong TT107. Vậy khoản này có lên báo cáo quyết toán Không(Mẫu B01/BCQT và F01-01/BCQT). Theo tôi nên hạch toán TK 468 như vậy đối với nguồn phí và khác Nợ 337/468, kết chuyển số đã chi 468/511 là hợp lý nhất. Riêng nguồn SXKD dịch vụ trích từ TK 421/468. Vấn đề thứ 4 : Thông tư 107 hướng dẫn khi chuyển tiền chi phí Nợ 614/514 (tôi thấy sai vì tiền là TK 111 và 112.

Trả lời:

1. Theo thư hỏi của độc giả về *nguồn khác được khấu trừ để lại* trên biểu báo cáo F01-01/BCQT là chưa chính xác. Trên biểu báo cáo F01-01/BCQT quy định Phụ lục số 04, chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC chỉ bao gồm các nguồn: Nguồn NSNN, *nguồn phí được khấu trừ, để lại* và *nguồnhoạt động khác được để lại*.

2. Về hạch toán tài khoản và lập báo cáo quyết toán đối với nguồn hoạt động khác được để lại

Căn cứ quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC:

- Tại Khoản 1, Điều 6: "Đối tượng lập báo cáo quyết toán:... Trường hợp đơn vị hành chính, sự nghiệp có phát sinh các khoản thu, chi từ nguồn khác, *nếu có quy*

định phải quyết toán như nguồn ngân sách nhà nước cấp với cơ quan có thẩm quyền thì phải lập báo cáo quyết toán đối với các nguồn này.

- Tại phụ lục 02, phần hướng dẫn hạch toán TK 511- Thu hoạt động do NSNN cấp, quy định: "*Tài khoản 5118- Thu hoạt động khác*: Phản ánh các khoản thu hoạt động khác được để lại mà đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán (hoặc không giao dự toán) *và yêu cầu phải báo cáo quyết toán theo Mục lục NSNN*".

- Tại phụ lục 02, phần hướng dẫn hạch toán TK 018- Thu hoạt động khác được để lại, quy định nguyên tắc hạch toán: "*Tài khoản này dùng cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp phản ánh các khoản thu hoạt động khác được để lại đơn vị mà được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán (hoặc không giao dự toán) và yêu cầu phải báo cáo quyết toán theo mục lục NSNN. Khi chi cho các hoạt động theo quy định từ nguồn thu hoạt động khác được để lại phải hạch toán theo Mục lục NSNN. Khi báo cáo quyết toán đơn vị phải báo cáo số thực chi từ nguồn thu hoạt động khác*".

Căn cứ theo các quy định nêu trên, trường hợp đơn vị có phát sinh hoạt động mà cơ quan có thẩm quyền quy định phải báo cáo quyết toán theo Mục lục NSNN thì phải sử dụng các TK 5118, 018,... Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến sử dụng kinh phí để phục vụ quyết toán, như sau:

+ Khi phát sinh các khoản thu kinh phí hoạt động, ghi: Nợ các TK 111, 112/Có TK 3378

Trường hợp phải nộp NSNN, xác định số phải nộp, ghi: Nợ TK 3378/Có TK 333

Đồng thời xác định số được để lại đơn vị theo quy định, ghi Nợ TK 018

+ Khi phát sinh các khoản chi phí, ghi:

Nợ các TK 611,.../Có các TK 111, 112

Đồng thời ghi Nợ TK 3378/ Có TK 5118 và ghi Có TK 018 (chi tiết MLNS)

+ Khi phát sinh mua TSCĐ, vật tư nhập kho, ghi:

Nợ các TK 211,152,.../Có các TK 111, 112

Đồng thời ghi Nợ TK 3378/ Có TK 366 và ghi Có TK 018 (chi tiết MLNS)

- Nguồn hoạt động khác trên Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động (mẫu B01/BCQT) và phụ biểu chi tiết F01-01/BCQT: Căn cứ vào số liệu trên TK 018 và Sổ theo dõi nguồn thu hoạt động khác được để lại (mẫu S106-H) hướng dẫn tại chế độ kế

toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC để lấy số liệu các chỉ tiêu.

3. Về hạch toán các khoản thu khác (ngoài khoản thu hoạt động khác được để lại nêu trên)

Các khoản thu khác của đơn vị (mà không phải là các khoản thu hoạt động do NSNN cấp; thu viện trợ, vay nợ nước ngoài; thu phí khấu trừ, để lại; thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; thu tài chính; các khoản tạm thu; các khoản thu hộ và khoản thu mà cơ quan có thẩm quyền có yêu cầu phải báo cáo quyết toán theo Mục lục NSNN) thì được hạch toán là thu nhập khác của đơn vị trên TK 711- Thu nhập khác.

4. Đối với khoản thu học phí, viện phí: Đối với các trường học, bệnh viện khi phát sinh nguồn thu từ học phí, viện phí mà theo pháp luật về phí, lệ phí hiện nay thì các khoản thu này không nằm trong danh mục phí, lệ phí, vì vậy theo hướng dẫn tại Thông tư 107/2017/TT-BTC khi thu đơn vị sẽ hạch toán là nguồn thu dịch vụ của đơn vị (TK 531- Thu hoạt động SXKD, dịch vụ). Khi phát sinh các khoản chi phí từ nguồn thu dịch vụ này sẽ được hạch toán vào TK 154- Chi phí SXKD, dịch vụ dở dang (nếu chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động dịch vụ) hoặc TK 642- Chi phí quản lý hoạt động SXKD, dịch vụ (nếu là chi phí quản lý không phân bổ được trực tiếp vào từng dịch vụ). Số liệu phản ánh hoạt động này sẽ thể hiện trên các Báo cáo tài chính theo quy định chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC.

5. Đối với việc hạch toán nguồn và chi cải cách tiền lương từ nguồn phí được khấu trừ, để lại:

Theo quy định chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC khoản thu từ phí được hạch toán vào TK 3373- Tạm thu phí, lệ phí, sau đó đơn vị sẽ trích nộp NSNN (nếu có), số còn lại được sử dụng sẽ còn dư trên TK này và đồng thời theo dõi bên Nợ TK 014- Phí được khấu trừ, để lại; khi phát sinh chi phí thì đồng thời ghi doanh thu và được ghi doanh thu khi xác định được số tiết kiệm trong năm.

Theo đó khi chưa sử dụng thì kinh phí cải cách tiền lương từ nguồn phí được khấu trừ, để lại sẽ còn dư (Dư Có) trên TK 3373- Tạm thu phí, lệ phí và số dư Nợ TK 014- Phí được khấu trừ, để lại (là số đã thu được nhưng chưa phát sinh chi phí tương ứng). Trên báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động (mẫu B01/BCQT) sẽ có số liệu tại chỉ tiêu "Số thu được trong năm" nhưng chưa có số liệu trên chỉ tiêu "số kinh

phí đã sử dụng đề nghị quyết toán", đồng thời Báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn phí được khấu trừ, để lại (mẫu F01-01/BCQT) chưa có số liệu.

Khi phát sinh chi thực hiện cải cách tiền lương, đơn vị sẽ phản ánh chi phí đồng thời ghi nhận doanh thu và phản ánh là một khoản sử dụng trên TK ngoại bảng giống như các khoản chi phí khác. Khi đó khoản chi này sẽ được thể hiện trên chỉ tiêu "số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán" của Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động (mẫu B01/BCQT) đồng thời thể hiện trên Báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn phí được khấu trừ, để lại (mẫu F01-01/BCQT).

Việc trích lập nguồn CCTL trên TK 468- Nguồn cải cách tiền lương chỉ phát sinh khi trích kinh phí CCTL đối với các khoản đã được ghi vào doanh thu.

6. Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC không có hướng dẫn nghiệp vụ hạch toán Nợ TK 614/Có TK 514. Hiện nay có rất nhiều tài liệu in sẵn về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp có những hướng dẫn không đúng theo quy định, đề nghị độc giả lưu ý nguồn tài liệu đang sử dụng.

7. Về số liệu tài khoản làm căn cứ lập báo cáo quyết toán:

Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC đã hướng dẫn rất chi tiết việc lấy số liệu từng chỉ tiêu trên các báo cáo có liên quan tại mục B, phần III- Phụ lục số 04, chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC, đề nghị độc giả nghiên cứu thực hiện.

8. Về việc bạn đọc đề nghị *coi chi cải cách tiền lương như chi hộ ngân sách, coi như giống ghi thu, ghi chi*

Các văn bản của nhà nước quy định về chính sách cải cách tiền lương cũng như tạo nguồn để thực hiện chính sách này hoàn toàn không có nội dung nào hướng dẫn về việc đơn vị được *coi chi cải cách tiền lương như chi hộ ngân sách, coi như giống ghi thu, ghi chi.*

Hiện nay chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC đã hướng dẫn các tài khoản nhằm phản ánh được nghiệp vụ phát sinh trong trường hợp này, việc thiết kế các tài khoản theo nội dung kinh tế nhằm đảm bảo minh bạch, rõ ràng tình hình tài chính của đơn vị. Các đơn vị thuộc đối tượng áp dụng chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp cần nghiên cứu để thực hiện theo quy định, trong quá trình thực hiện đơn vị không được tùy ý coi nguồn này giống như nguồn kia theo như thư độc giả đang nêu để phản ánh nghiệp vụ phát sinh không đúng quy định.

9. Về sử dụng phần mềm kế toán

Nguyên tắc phần mềm kế toán là công cụ trợ giúp cho người làm kế toán. Trên cơ sở các chứng từ kế toán người dùng nhập số liệu đầu vào, sau đó dựa vào các thủ tục, quy trình có sẵn phần mềm kế toán sẽ xử lý và đưa ra các báo cáo một cách chính xác và hiệu quả, giúp người dùng tiết kiệm thời gian và chi phí. Theo đó phần mềm kế toán hành chính, sự nghiệp cần phải được thiết kế theo đúng yêu cầu nghiệp vụ và lập được BCTC, BCQT theo quy định chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Các đơn vị cần lựa chọn các phần mềm phù hợp và kiểm soát việc đáp ứng được yêu cầu theo quy định.

Câu hỏi 48:

Em có một thắc mắc về hạch toán liên quan đến TK 008 như sau: +(1) Số dư đầu năm 2018 của Nợ TK 008 - năm trước: 2 tỷ + (2) Cuối năm 2018 Nợ TK 008 - năm nay : 100 triệu + (3) Tổng số dư chuyển sang 2019: Nợ TK 008: 2 tỷ 100 triệu Như vậy, tại 2018: Em đang phân vân 2 cách xử lý như sau: Cách 1: (1) Bút toán chuyển Nợ TK 008 - năm trước (2 tỷ)/ Nợ TK 008 - năm nay: 2 tỷ (2) Nợ TK 008 - năm nay: 100 triệu (3) Cuối năm, kết chuyển, Nợ TK 008 - năm nay: (2 tỷ 100 triệu)/ Nợ TK 008 - năm trước: 2 tỷ 100 triệu Cách 2: (1) để nguyên Nợ TK 008 - năm trước: 2 tỷ (2) Nợ TK 008 - năm nay: 100 triệu (3) Cuối năm, kết chuyển, Nợ TK 008 - năm nay: (100 triệu)/ Nợ TK 008 - năm trước: 100 triệu => vẫn đảm bảo Nợ TK 008: 2 tỷ 100 triệu

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, theo đó hạch toán TK 008- Dự toán chi hoạt động được hướng dẫn như sau:

- Cuối năm, nếu TK 008 còn dư được, nếu cấp có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán, ghi:

Nợ TK 0082 (ghi âm)

Đồng thời, ghi: Có 0082 (ghi âm).

- Đồng thời chuyển toàn bộ số phát sinh sang TK 008 năm trước, ghi:

Nợ TK 0081 (ghi dương)

Đồng thời, ghi: Có 0081 (ghi dương).

- Sang năm sau, khi báo cáo quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ghi

Nợ TK 0081 (ghi âm)

Đồng thời, ghi: Có 0081 (ghi âm).

- Phần dư Nợ TK 0081 nếu được xác định là dự toán tiết kiệm được chuyển sang năm nay sử dụng tiếp, ghi Nợ 0082=> Như vậy số dư đầu kỳ của TK 0082 cộng với dư cuối kỳ của TK 0082 ra tổng số dư của TK 0082 chuyển sang năm 2019 (theo hướng dẫn tương tự các bút toán trên).

Câu hỏi 49:

Đơn vị tôi là đơn vị HCSN đảm bảo 1 phần chi thường xuyên, có phát sinh nghiệp vụ thu phí trong năm, sau khi xác định số phí phải nộp NSNN, và chi phí phục vụ thu phí xong, thì số còn lại bây giờ hạch toán như thế nào là đúng, như trong năm thu phí được 100đ, có 3373: 100d, xác định số phải nộp NSNN là 70đ, Nợ 3373/3332: 70đ, đồng thời theo dõi 014: 30đ, chi phí cho hoạt động thu phí là 20đ, N 614/112,111: 20đ, đồng thời Nợ 3373/514: 20d, vậy số còn lại là 10đ đó vẫn treo ở sd bên Có TK 3373 hay là đưa qua 514 rồi kết chuyển hoạt động, chênh lệch thặng dư, trích quỹ, các bước tiếp theo. Vì nguồn phí lệ phí là phải quyết toán và lên chi tiết mục lục ngân sách, nếu trích quỹ các thứ thì quyết toán như thế nào?

Trả lời:

1. Theo hướng dẫn hạch toán kế toán tạm thu phí, lệ phí tại chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC thì số dư TK 3373- Tạm thu phí, lệ phí còn lại cuối năm (sau khi đã nộp NSNN và kết chuyển chuyển hết kinh phí mua sắm TSCĐ, CCDC, NVL trong năm) là nguồn phí được khấu trừ, để lại nhưng chưa phát sinh chi phí tương ứng trong năm.

Vì vậy trường hợp đơn vị đã phát sinh số thu nhưng chưa có chi phí tương ứng trong năm thì số dư TK 3373- Tạm thu phí, lệ phí được chuyển sang năm sau sử dụng tiếp.

2. Về quyết toán sử dụng nguồn phí được khấu trừ, để lại theo mục lục ngân sách:

Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC- Phụ lục 02 đã hướng dẫn hạch toán các TK 3373, 514, 614, 014,... theo đó trong năm phát sinh các khoản mua sắm TSCĐ; CCDC, nguyên

vật liệu nhập kho và chi phí từ nguồn phí được khấu trừ, để lại ngoài việc hạch toán các tài khoản trong bảng còn phải hạch toán ghi Có TK 014- Phí được khấu trừ, để lại (chi tiết theo mục lục ngân sách).

- Khi thu phí, lệ phí bằng tiền mặt, tiền gửi ghi: Nợ các TK 111, 112/Có TK 3373

- Đối với các khoản thu phí, lệ phí đơn vị phải nộp nhà nước, ghi: Nợ TK 3373/Có TK 3332

- Định kỳ, xác định được số phí được khấu trừ, để lại đơn vị theo tỷ lệ quy định, ghi:

Nợ TK 014- Phí được khấu trừ, để lại.

- Chi phí cho các hoạt động thu phí, ghi: Nợ TK 614/Có các TK 111, 112

Đồng thời, ghi: Nợ TK 3373/Có TK 514 và đồng thời Có TK 014- Phí được khấu trừ, để lại.

- Trường hợp đơn vị được giao tự chủ từ nguồn phí được khấu trừ, để lại nếu cuối năm xác định được số tiết kiệm, hạch toán:

Nợ TK 3373/ Có TK 514, đồng thời ghi Có TK 014- Phí được khấu trừ, để lại.

Việc quyết toán sử dụng nguồn phí được khấu trừ, để lại theo mục lục ngân sách được lấy số liệu từ TK 014- Phí được khấu trừ, để lại và sổ theo dõi nguồn phí được khấu trừ, để lại (mẫu số S105-H) theo quy định.

Câu hỏi 50:

Tôi là Kế toán tại đơn vị HCSN tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động. Hiện nay đơn vi tôi đang làm Quyết toán tài chính năm 2018 nhưng có vướng trường hợp như sau: Năm 2018 Đơn vị tôi được NSNN giao dự toán đầu năm khoản kinh phí nghiên cứu đề tài khoa học (cấp Bộ), trong năm 2018 đã làm chứng từ rút tạm ứng tại kho bạc bằng chuyển khoản cho cá nhân chủ nhiệm đề tài tương ứng 50% số kinh phí được giao. Đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán vẫn chưa làm thủ tục thanh toán tạm ứng với kho bạc nên số kinh phí này được chuyển sang năm sau (năm 2019) sử dụng tiếp (bao gồm số dư dự toán và số dư tạm ứng). Rất mong quý Bộ hướng dẫn cách hạch toán khoản kinh phí đã rút tạm ứng trong năm 2018 cho tôi.

Trả lời:

Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC đã hướng dẫn nguyên tắc hạch toán các tài khoản và một số bút toán hạch toán chủ yếu, đơn vị vận dụng nguyên tắc hạch toán các tài khoản để hạch toán bút toán đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị.

Trường hợp đơn vị được NSNN giao dự toán kinh phí nghiên cứu đề tài khoa học, trong năm đơn vị rút tạm ứng dự toán NSNN tại Kho bạc để chuyển khoản cho cá nhân là chủ nhiệm đề tài, hạch toán:

Nợ TK 141- Tạm ứng (nếu tạm ứng cho CB thuộc đơn vị)

Nợ TK 338- Phải trả khác (nếu tạm ứng cho người ngoài đơn vị)

Có TK 3378- Tạm thu khác

Đồng thời ghi Có TK 008- Dự toán chi hoạt động

Câu hỏi 51:

Đơn vị dự toán cấp 1 .Ví dụ: Sở Y tế , Sở Giáo dục, Phòng Giáo dục có phải tổng hợp quyết toán toàn ngành không? nếu có thì theo văn bản nào? Vì TT107/2017/TT-BTC không có nói đến mà kiểm toán lại biểu nộp báo cáo QT theo TT107. Xin được BTC trả lời gấp để báo cáo cho kiểm toán.

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 2, 3, Điều 3, Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính về Quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm, việc lập, tổng hợp và gửi báo cáo quyết toán năm:

”2. *Đối với đơn vị dự toán cấp trên của đơn vị sử dụng ngân sách:*

Đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm, báo cáo tài chính năm của đơn vị mình (nếu có) và của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc đã được xét duyệt theo quy định tại Thông tư này, gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp, bao gồm:

a) Các báo cáo quyết toán năm theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTCvà báo cáo tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về báo cáo tài chính áp dụng cho đơn vị kế toán cấp trên. ...”

3. Đối với đơn vị dự toán cấp I:

Đơn vị dự toán cấp I tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm, báo cáo tài chính năm của đơn vị mình (nếu có) và của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc

đã được xét duyệt theo quy định tại Thông tư này, gửi cơ quan tài chính cùng cấp bao gồm các báo cáo như quy định đối với đơn vị dự toán cấp trên nêu tại khoản 2 Điều này. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách thì lập theo các mẫu biểu như quy định đối với đơn vị sử dụng ngân sách nêu tại khoản 1 Điều này..."

Sở y tế, Sở giáo dục, Phòng giáo dục là đơn vị dự toán cấp I thuộc địa phương, căn cứ quy định nêu trên trong trường hợp các đơn vị này có các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc thì phải tổng hợp báo cáo quyết toán theo quy định.

Câu hỏi 52:

Tôi đang làm việc tại Cảng vụ Hàng không miền Nam, là đơn vị dự toán cấp 3 trực thuộc CHK và Bộ GTVT, được xác định là đơn vị tự chủ chi thường xuyên theo NĐ 141. Tôi có câu hỏi sau đây: Tài khoản 337 trong Thông tư 107/2017/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán HCSN, là tài khoản tạm thu phí lệ phí. Theo tôi đọc hiểu: Khi phát sinh các khoản thu phí, lệ phí trước tiên hạch toán vào TK 337 này. Cuối tháng xác định số phải nộp NSNN, nộp cấp trên theo quy định, phần được khấu trừ để lại là nguồn thu của đơn vị sẽ được hạch toán hết vào TK 014. Đồng thời căn cứ vào số phí được khấu trừ để lại (trừ phần đầu tư mua sắm TSCĐ, NVL, CCDC nhập kho) để kết chuyển hết vào TK 514 tương ứng với số chi phí đã chi ra ở TK 614 Vậy Phần đơn vị được hưởng trong năm phải tương ứng với chi phí trong năm, những gì chưa có chi phí tương ứng thì để lại ở TK 337 chuyển sang năm sau sử dụng tiếp hay tôi sẽ kết chuyển hết phần còn lại từ TK 337 (sau khi nộp NSNN và phần mua sắm TSCĐ, CCDC, NVL) sang tài khoản 514 ? Mong Bộ Tài chính hướng dẫn và giải đáp.

Trả lời:

Theo hướng dẫn hạch toán kế toán tạm thu phí, lệ phí tại chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC thì số dư TK 3373- Tạm thu phí, lệ phí còn lại cuối năm (sau khi đã nộp NSNN và kết chuyển chuyển hết kinh phí mua sắm TSCĐ, CCDC, NVL trong năm) là nguồn phí được khấu trừ, để lại nhưng chưa phát sinh chi phí tương ứng trong năm.

Vì vậy trường hợp đơn vị đã phát sinh số thu nhưng chưa có chi phí tương ứng trong năm thì số dư TK 3373- Tạm thu phí, lệ phí được chuyển sang năm sau sử dụng tiếp.

Câu hỏi 53:

Tôi là Kế toán tại đơn vị HCSN tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động. Hiện nay đơn vi tôi đang làm Quyết toán tài chính năm 2018 nhưng có vướng trường hợp như sau: Năm 2018 Đơn vị tôi được NSNN giao dự toán đầu năm khoản kinh phí nghiên cứu đề tài khoa học (cấp Bộ), trong năm 2018 đã làm chứng từ rút tạm ứng tại kho bạc bằng chuyển khoản cho cá nhân chủ nhiệm đề tài tương ứng 50% số kinh phí được giao. Đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán vẫn chưa làm thủ tục thanh toán tạm ứng với kho bạc nên số kinh phí này được chuyển sang năm sau (năm 2019) sử dụng tiếp (bao gồm số dư dự toán và số dư tạm ứng). Rất mong quý Bộ hướng dẫn cách hạch toán khoản kinh phí đã rút tạm ứng trong năm 2018 cho tôi.

Trả lời:

Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC đã hướng dẫn nguyên tắc hạch toán các tài khoản và một số bút toán hạch toán chủ yếu, đơn vị vận dụng nguyên tắc hạch toán các tài khoản để hạch toán bút toán đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị.

Trường hợp đơn vị được NSNN giao dự toán kinh phí nghiên cứu đề tài khoa học, trong năm đơn vị rút tạm ứng dự toán NSNN tại Kho bạc để chuyển khoản cho cá nhân là chủ nhiệm đề tài, hạch toán:

Nợ TK 141- Tạm ứng (nếu tạm ứng cho CB thuộc đơn vị)

Nợ TK 338- Phải trả khác (nếu tạm ứng cho người ngoài đơn vị)

Có TK 3378- Tạm thu khác

Đồng thời ghi Có TK 008- Dự toán chi hoạt động

Câu hỏi 54:

Năm 2018 trường tôi có tiền học phí dư của năm 2017 chuyển sang là 50 tr. Theo công văn 16098/BTC-CĐKT số dư này sẽ hạch toán dư đầu kỳ Nợ TK 112/ Có TK 3373: 50 tr. Xin hỏi sang năm 2018 tôi hạch toán số dư nay là Nợ TK 3373/ 531 : 50 tr. Khi phát sinh các chứng từ chi Nợ 642, 154/ Có 112, 111. Hạch toán như vậy có đúng không ạ. Tôi mong BTC trả lời sớm cho tôi .

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, đối với các khoản thu phí được để

lại nhưng đơn vị chưa phát sinh chi phí (chi cho công tác thu phí) nhưng nay khoản thu phí này không được quy định trong danh mục phí, lệ phí (theo pháp luật phí, lệ phí) khi chuyển số dư (TK 5111) từ năm 2017 sang năm 2018 đơn vị chuyển sang trên TK 3373, sang năm sau sẽ được chuyển vào TK 531 (xác định là doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ); Trường hợp phí được để lại của năm trước đã phát sinh chi phí (chi cho công tác thu), số dư thu trừ đi (-) chi phí nếu xác định là chênh lệch thu lớn hơn chi từ hoạt động thu phí của năm trước nhưng chưa trích lập các quỹ theo quy định thì số dư đó được chuyển sang TK 421.

Câu hỏi 55:

Theo điểm e, khoản 1, điều 67 Thông tư 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp "e) Xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ ..... - Trường hợp doanh nghiệp ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính bằng Việt Nam Đồng, khi nhà đầu tư góp vốn bằng ngoại tệ theo tiến độ, kế toán phải áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại từng thời điểm thực góp để quy đổi ra Việt Nam Đồng và ghi nhận vào vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần (nếu có). ...." Theo quy định này thì đơn vị ghi sổ và trình bày BCTC bằng vnd có phát sinh góp vốn bằng ngoại tệ thì áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại từng thời điểm thực góp để quy đổi ra Việt Nam Đồng và ghi nhận vào vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần (nếu có). Trong trường hợp nào thì áp dụng ghi nhận phần vốn góp vào thặng dư vốn cổ phần khi góp vốn bằng ngoại tệ ạ.

Trả lời:

Trả lời câu hỏi số 250119-5 của Quý độc giả về vướng mắc trong kế toán, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Theo quy định của chế độ kế toán hiện hành (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp) nếu doanh nghiệp nhận góp vốn bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thời tế tại thời điểm góp vốn và trong trường hợp này không phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài hoặc phát hành cổ phiếu ra thị trường nước ngoài và thu bằng ngoại tệ thì trên tài khoản thặng dư vốn cổ phần phản ánh cả phần chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá cổ phiếu và phần chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam.

Câu hỏi 56:

Trong thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp có 2 quỹ: Quỹ dự phòng ổn định thu nhập và quỹ bổ sung thu nhập. Phải hiểu về 2 quỹ như thế nào mới đúng? đây là điểm mới nhưng lại không được hướng dẫn cụ thể trong hạch toán kế toán cũng như việc trích lập và sử dụng, dễ làm cho người thực hiện nhầm lẫn nó mang ý nghĩa là 1 quỹ "quỹ ổn định thu nhập" như cũ tại quyết định 19/2006.

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quy định:

- TK 4313- Quỹ bổ sung thu nhập: Phản ánh việc hình thành và sử dụng Quỹ bổ sung thu nhập tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- TK 4315- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập: Phản ánh việc hình thành và sử dụng Quỹ dự phòng ổn định thu nhập tại các cơ quan nhà nước.

Như vậy, đối tượng sử dụng TK 4313 là các đơn vị sự nghiệp công lập (thực hiện cơ chế tự chủ theo NĐ 43; NĐ 16); đối tượng sử dụng TK 4315 là các cơ quan nhà nước (Thực hiện cơ chế tự chủ theo NĐ 130).

Câu hỏi 57 :

Tôi đang hạch toán kế toán HCSN theo thông tư 107/207/TT-BTC trên phần mềm kế toán IMAS, phần hạch toán khấu hao TSCĐ được hướng dẫn Nợ TK 611, có TK 214 đồng thời ghi nợ TK 366, có TK 511, vậy hỏi hạch toán vào mục, tiểu mục nào và hạch toán như vậy có đúng không?

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quy định, đối với các TSCĐ phải tính **hao mòn**, ghi:

Nợ TK 611- Chi phí hoạt động (61113 hoặc 61123)

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ.

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu

Có TK 511- Thu hoạt động do NSNN cấp.

Theo đó TK 611- Chi phí hoạt động và TK 511- Thu hoạt động do NSNN cấp không phải hạch toán theo Mục lục NSNN (Đơn vị chỉ hạch toán các TK ngoài bảng TK 008, 009, 012, 013, 014, 018 theo mục lục NSNN **khi mua TSCĐ** đó)

Câu hỏi 58:

Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Bắc là đơn vị dự toán cấp III thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, hạch toán kế toán theo TT 107/2017-TT-BTC. Đơn vị tôi đang thực hiện các nhiệm vụ điều tra địa chất, khoáng sản do doanh nghiệp góp vốn theo Thông tư liên tịch số 61/2014/TTLT-BTNMT-BKHĐT-BTC. Theo Điều 6 của Thông tư, việc quản lý, sử dụng, kiểm soát chi, nghiệm thu, thanh quyết toán thực hiện như đối với vốn ngân sách Nhà nước cấp cho công tác điều tra địa chất. Vậy xin hỏi quí Bộ, khi hạch toán kế toán, đơn vị tôi có được hạch toán giống như các nhiệm vụ chuyên môn Nhà nước giao hay không, có phải nộp thuế GTGT, TNDN hay không? Rất mong quí Bộ trả lời sớm phục vụ công tác thanh quyết toán vốn năm 2018.

Trả lời:

Trả lời câu hỏi của độc giả về việc hạch toán các nhiệm vụ điều tra địa chất, khoáng sản do doanh nghiệp góp vốn theo Thông tư liên tịch 61/2014/TTLT-BTNMT-BKHĐT-BTC, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Điều 6 Thông tư liên tịch 61/2014/TTLT-BTNMT-BKHĐT-BTC quy định:

"3. Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm mở tài khoản tiền gửi tại KBNN để tiếp nhận nguồn vốn góp của nhà đầu tư và phải *quản lý, sử dụng theo quy định pháp luật về NSNN*.

4. Việc quản lý, sử dụng vốn góp của nhà đầu tư thực hiện đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản được thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết và *quy định về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí ngân sách chi sự nghiệp kinh tế đối với các nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.*

5. *KBNN nơi giao dịch thực hiện kiểm soát chi nguồn vốn góp điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản tương tự quy định về chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN hiện hành*.

6. Việc nghiệm thu đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thực hiện theo quy chế kiểm tra, nghiệm thu do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

8. *Việc quyết toán vốn góp điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản hàng năm (quyết toán nguồn kinh phí khác) theo quy định của Bộ Tài chính về xét duyệt, thẩm*

định và thông báo quyết toán năm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được NSNN hỗ trợ và ngân sách các cấp."

Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp: đối với nhiệm vụ điều tra địa chất, khoáng sản do doanh nghiệp góp vốn nếu phải quản lý sử dụng và quyết toán theo quy định của pháp luật về NSNN thì hạch toán vào nguồn thu hoạt động khác (5118- Thu hoạt động khác, 018- Thu hoạt động khác được để lại) và phải thẩm định, xét duyệt, quyết toán theo Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

2. Về nội dung nộp thuế GTGT,TNDN:

2.1. Về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính quy định: "*1.Người nộp thuế TNDN là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm: ...*

b) Đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập có sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế trong tất cả các lĩnh vực...".

Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC quy định:

"*5. Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác không phải là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp có hoạt động kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mà các đơn vị này xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ, cụ thể như sau:*

+ Đối với dịch vụ (bao gồm cả lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay): 5%.

Riêng hoạt động giáo dục, y tế, biểu diễn nghệ thuật: 2%.

+ Đối với kinh doanh hàng hoá: 1%.

+ Đối với hoạt động khác: 2%".

Khoản 1, khoản 3 Điều 11 Thông tư số 78/2014/TT-BTC quy định: "*1. Kể từ ngày 01/01/2014, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và các trường hợp được áp dụng thuế suất ưu đãi.*

Kể từ ngày 01/01/2016, trường hợp thuộc diện áp dụng thuế suất 22% chuyển sang áp dụng thuế suất 20%.

...

3. Thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai tháccác mỏ tài nguyên quý hiếm (bao gồm: bạch kim, vàng, bạc, thiếc, wonfram, antimoan, đá quý, đất hiếm trừ dầu khí) áp dụng thuế suất 50%; Trường hợp các mỏ tài nguyên quý hiếm có từ 70% diện tích được giao trở lên ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thuộc danh mục địa bàn ưu đãi thuế TNDN ban hành kèm theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CPngày 12/11/2015của Chính phủ áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 40%".

Đề nghị Công ty căn cứ thực tế thực hiện để áp dụng các quy định nêu trên cho phù hợp.

2.2. Về thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Khoản 2 Điều 3 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về người nộp thuế GTGT như sau:

"2. Các tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức sự nghiệp và các tổ chức khác;"

Khoản 2 Điều 13 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về phương pháp tính trực tiếp trên GTGT như sau:

"Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu áp dụng như sau:

a) Đối tượng áp dụng:

...

- Tổ chức kinh tế khác không phải là doanh nghiệp, hợp tác xã, trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

b) Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu được quy định theo từng hoạt động như sau:

- Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1 %;

- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;

- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%;

- Hoạt động kinh doanh khác: 2%".

Đề nghị Công ty căn cứ các quy định nêu trên để thực hiện theo quy định.

Câu hỏi 59:

Tôi hiện đang làm kế toán theo Thông tư 107, tôi có thắc mắc về việc chuyển số dư năm 2017 sang năm 2018. Theo Công văn số 16098/BTC -CĐKT ngày 28/11/2017 V/v hướng dẫn chuyển số dư từ hệ thống TK cũ sang hệ thống TK mới, có hướng dẫn chuyển tài khoản 3372 sang tài khoản 2412, tài khoản 3373 sang tài khoản 2413. Tôi thấy việc chuyển số dư tài khoản như trên là không hợp lý . Tài khoản 337 số dư bên có, tài khoản 241 số dư bên nợ. Nếu chuyển sang tài khoản 241 số dư bên có thì sẽ làm cho giá trị công trình chưa được quyết toán bị giảm xuống. Tôi nghĩ chuyển số dư tài khoản 3372, 3373 sang tài khoản 3664 thì hợp lý hơn. Trên đây là ý kiến của tôi, rất mong được Bộ Tài chính xem xét. Nếu ý kiến của tôi chưa chính xác kính đề nghị Bộ Tài chính giải thích, nêu rõ hơn về vấn đề này.

Trả lời:

Theo hướng dẫn tại công văn số 16098/BTC-CĐKT V/v hướng dẫn chuyển số dư từ hệ thống TK cũ sang hệ thống TK mới, nội dung hướng dẫn chuyển số dư đối với TK 3372 - Giá trị khối lượng sửa chữa lớn hoàn thành và TK 3373- Giá trị khối lượng XDCB hoàn thành còn lại cuối năm 2017 sang 2018 có sai sót như bạn đọc đã phản ánh. Vì vậy việc chuyển số dư các tài khoản nói trên được thực hiện như sau:

Số dư TK 3372 và TK 3373 theo hệ thống TK cũ được chuyển sang số dư đầu năm 2018 của TK 3664- KP đầu tư XDCB (đơn vị mở chi tiết TK 3664 phục vụ yêu cầu quản lý) theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC.

Câu hỏi 60

Tôi là công chức, ngạch kế toán viên, làm việc tại một Cục thuộc Bộ. Tôi được kiêm nhiệm phụ trách kế toán ở một đơn vị sự nghiệp thuộc Cục. Đến nay, thời hạn phụ trách 01 năm đã hết, tôi muốn hỏi, tôi có được bổ nhiệm làm kế toán trưởng ở đơn vị sự nghiệp đó không (tôi đã có 8 năm kinh nghiệm làm kế toán, có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng)?.

Trả lời:

Liên quan đến nội dung quý độc giả nêu câu hỏi, quy định pháp luật hiện nay như sau:

Điều 54 Luật kế toán quy định tiêu chuẩn, điều kiện của người được bổ nhiệm kế toán trưởng tại đơn vị kế toán.

Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toánquy định về việc bố trí phụ trách kế toán, kế toán trưởng: "Đơn vị kế toán phải bố trí kế toán trưởng trừ các đơn vị kế toán chỉ có một người làm kế toán hoặc một người làm kế toán kiêm nhiệm. Trường hợp đơn vị chưa bổ nhiệm được ngay kế toán trưởng thì bố trí người phụ trách kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định. Thời gian bố trí người phụ trách kế toán tối đa là 12 tháng, sau thời gian này đơn vị kế toán phải bố trí người làm kế toán trưởng".

Câu hỏi 61:

Trường hợp theo đơn đặt hàng thì tên hàng viết bằng tiếng anh, khi tôi xuất hoá đơn tên hàng ghi bằng tiếng anh, bên khách hàng không đồng ý mà phải ghi vừa tiếng Việt, vừa tiếng anh. Vậy xin quý bộ cho ý kiến trường hợp này phải làm như thế nào cho đúng

25/10/2018

Trả lời:

Khoản 1 Điều 11 Luật kế toán quy định: "*Chữ viết sử dụng trong kế toán là tiếng Việt. Trường hợp phải sử dụng tiếng nước ngoài trên chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính tại Việt Nam thì phải sử dụng đồng thời tiếng Việt và tiếng nước ngoài*".

Theo quy định nêu trên, trường hợp chứng từ kế toán tại Việt Nam phải sử dụng tiếng nước ngoài thì đồng thời phải sử dụng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

Câu hỏi 62

Trong lĩnh vực y tế, áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 107 thì daonh thu khám chữa bệnh áp dụng TK 531 - Thu hoạt động sản xuất kinh doanh không áp dụng tài khoản 514- thu phí được khấu trừ, đề lại. Xin hỏi : trường

hợp hạch toán mua sắm và trích hao mòn TSCĐ mua từ nguồn thu khám bệnh, chữa bệnh (hạch toán TK 531) phản ánh như thế nào?

Trả lời:

Về các trường hợp độc giả hỏi, căn cứ quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC các đơn vị hạch toán như sau:

1- Đối với các khoản thu phí được quy định trong danh mục phí, lệ phí theo Luật phí, lệ phí, khi thu được hạch toán vào TK 337- Tạm thu (TK 514- Thu phí được khấu trừ, để lại: phản ánh số phí được khấu trừ và để lại theo tỷ lệ quy định cho từng loại phí);

2- Đối với các khoản thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ (không thuộc danh mục phí, lệ phí) được hạch toán vào TK 531- Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ. Viện phí hiện nay không nằm trong danh mục phí, lệ phí theo Luật phí, lệ phí mà là doanh thu dịch vụ khám chữa bệnh, vì vậy đơn vị hạch toán là doanh thu SXKD, dịch vụ của đơn vị (TK 531- Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ);

3- Đối với hạch toán TSCĐ mua sắm bằng nguồn thu khám chữa bệnh:

- Khi mua sắm TSCĐ, ghi:

Nợ các TK 211, 213

Có các TK 111, 112.

- Khi tính khấu hao TSCĐ, ghi:

Nợ TK 154 (Nếu TSCĐ dùng trực tiếp cho hoạt động KCB)

Nợ TK 642 (Nếu TSCĐ dùng cho hoạt động quản lý của đơn vị)

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ.

Câu hỏi 63:

Theo TT 107 về chế độ kế toán HCSN Mẫu B01 BÁO CÁO QUYẾT TOÁN - Phần Kinh phí năm trước chưa sử dụng mang sang năm sau • Kinh phí năm trước mang sang = tạm ứng + dự toán mang sang Mã số 02 = Mã số 03+ mã số 04 Mã số 03 – Kinh phí đã nhận Mã số 04 - Dự toán còn ở Kho bạc Ví dụ đơn vị (khối Đảng) có số dư TK tiền gửi 10 triệu (bên Đảng kinh phí tài chính cấp bằng lệnh chi) Vậy : số kinh phí đã rút mang sang là 10 triệu và Dự toán mang sang có phải là 10 triệu không hay bằng không hay ghi số âm 10 triệu * Mâu thuẫn cộng đại số là 20t mà nguồn chỉ có 10 triệu hoặc kinh phí

năm trước mang sang =0. *Khi hạch toán KB lại mang số dư dự toán mang sang là 10t và tạm ứng mang sang là 10 triệu. Dự toán còn lại cuối kỳ bằng không. Vậy ghi số liệu vào mã số 02,03,04 như thế nào?

Trả lời:

1. Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC hướng dẫn lập báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động (mẫu B1/BCQT), theo đó chỉ tiêu số dư kinh phí năm trước chuyển sang đối với kinh phí thường xuyên/tự chủ (mã số 02), bao gồm:

- Kinh phí đã nhận- Mã số 03: Phản ánh khoản đơn vị đã nhận từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên, kinh phí thực hiện tự chủ nhưng đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán năm trước chưa có xác nhận thanh toán với NSNN được chuyển sang năm nay tiếp tục thanh toán, *bao gồm khoản tạm ứng bằng lệnh chi tiền*, tạm ứng rút dự toán từ KBNN và khoản nhận thực chi bằng lệnh chi tiền nhưng chưa chi hết.

- Dự toán còn dư ở Kho bạc- Mã số 04: Phản ánh các khoản dự toán thuộc kinh phí hoạt động thường xuyên, kinh phí thực hiện tự chủ đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán năm trước chưa thực hiện hoặc chưa chi hết còn dư tại KBNN được chuyển năm nay tiếp tục sử dụng và quyết toán.

Mã số 02= Mã số 03 + Mã số 04. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số liệu của chỉ tiêu có mã số 30, 31,32 của báo cáo này năm trước.

Theo quy định chỉ tiêu "Dự toán còn dư ở Kho bạc" (Mã số 04) sẽ được mang sang từ chỉ tiêu 32 của báo cáo năm trước, số liệu để ghi chỉ tiêu này được căn cứ trên "Sổ theo dõi dự toán từ nguồn NSNN trong nước" (mẫu số S101-H), phần I, mục 4-Số dư dự toán chuyển năm sau (chi tiết kinh phí hoạt động thường xuyên, kinh phí thực hiện tự chủ). "Sổ theo dõi dự toán từ nguồn NSNN trong nước" (mẫu số S101-H) được mở để theo dõi chi tiết tình hình thực hiện dự toán chi hoạt động từ NSNN cấp cho đơn vị trên TK008, tức là cho những đơn vị được NSNN cấp kinh phí hoạt động bằng hình thức giao dự toán.

2. Theo thư hỏi của bạn đã nêu thì kinh phí của cơ quan Đảng được cấp bằng lệnh chi tiền. Vì vậy chỉ tiêu "Dự toán còn dư ở Kho bạc" (Mã số 04) sẽ không có số liệu.

Mặt khác theo thư hỏi thì đơn vị được NSNN cấp tạm ứng bằng lệnh chi tiền 10 triệu đồng và khoản tạm ứng được mang sang năm sau.

Vì vậy đầu năm sau khoản được mang sang này chính là số dư kinh phí năm trước chuyển sang, là số liệu của chỉ tiêu "Kinh phí đã nhận" (Mã số 03): 10 triệu đồng (nếu là kinh phí thường xuyên/tự chủ).

PHẦN III

HỎI ĐÁP VỀ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

Câu hỏi 1:

Theo thông tư 195/2012/TT-BTC thì chi phí quản lý dự án của công trình khi tạm ứng về thì ghi Nợ 112/ có 441. Sau khi phân bổ cho dự án thì ghi Nợ 241/có 642. Theo thông tư 79/2019 thì chi phí quản lý dự án sử dụng vốn NSNN từ KBNN về tài khoản tiền gửi ghi N243/C343 đồng thời ghi N112/C337. Từ năm 2020 thì khi ứng tiền quản lý về thì vào thẳng TK 243. Vậy tôi có trường hợp như sau: Năm 2019, tôi tạm ứng CP quản lý dự án A là 1 tỷ đồng, phân bổ năm 2019 (Nợ 241/C642 : 600 triệu đồng). còn dư ứng 400 triệu chuyển sang năm 2020. Vây số dư tạm ứng 400 triệu đồng chuyển sang năm 2020 thì định khoản hoặc điều chỉnh như thế nào để vào TK 243 ạ?

Trả lời:

Nội dung thư độc giả hỏi về việc chuyển số dư đối với chi phí quản lý dự án công trình XDCB đã tạm ứng năm 2019 (theo tài khoản cũ theo CĐKT chủ đầu tư ban hành theo Thông tư 195/2012/TT-BTC) sang năm 2020 theo quy định của chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công theo Thông tư 79/2019/TT-BTC.

Theo tình huống nêu của độc giả, Ban quản lý dự án tạm ứng kinh phí quản lý dự án về tài khoản tiền gửi năm 2019 là 1 tỷ đồng (đã hạch toán theo tài khoản cũ: Nợ TK 112/Có TK 441), đã sử dụng đồng thời phân bổ vào dự án năm 2019 là 600 triệu đồng (đã hạch toán theo tài khoản cũ: Nợ TK 241/Có TK 642), còn 400 triệu đồng chưa sử dụng hết, trong năm 2020 độc giả chưa hiểu cách hạch toán số chưa sử dụng (400 triệu) vào TK 243. Về vấn đề này Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán- Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công theo Thông tư 79/2019/TT-BTC áp dụng từ năm tài chính 2020, theo đó tại thời điểm 31/12/2019 đơn vị đã chuyển số dư các tài khoản sang năm 2020, theo tình huống độc giả nêu thì số dư đầu các tài khoản đã được chuyển sang năm 2020:

- TK 112 dư Nợ 400 triệu đồng (tiền chưa sử dụng mang sang)

- TK 243 dư Nợ 600 triệu đồng (số đã phân bổ vào dự án năm 2019)

- TK 343 dư Có 1 tỷ đồng (nguồn XDCB đã nhận 2019).

Theo đó trong năm tiếp theo khi chi từ nguồn đã tạm ứng mang sang từ năm trước (400 triệu đồng) ghi Nợ TK 611,.../Có TK 112, khi phân bổ vào dự án, hạch toán Nợ TK 243/Có TK 511.

Câu hỏi 2:

Công Ty Chúng Tôi Mong Nhận Được giải đáp Công ty tôi kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại " mua đi bán lại " không tham gia hoạt động sản xuất hay công trình xây dựng -Công ty tôi có phát sinh vay vốn ngân hàng để thanh toán các hợp đồng liên quan đến ngành nghề tôi đang kinh doanh bổ sung các mặt hàng liên quan đến ngành nghề tôi đang hoạt động đủ mặt hàng đang kinh doanh về bán ,chi phí lãi vay phát sinh hang tháng tại công ty chúng tôi có đầy đủ chứng từ thanh toán và đủ điều kiện chi phí hợp lý hợp lệ khi tính thuế TNDN theo khoản 2 điều 4 thông tư 96/2015/TT-BTC .Vậy với các khoản lãi vay phát sinh hàng tháng tôi có được hạch toán hết trong kỳ phát sinh vào Tk "635" hay không? Hay tôi phải hạch tóan vào tài khỏan 242 , và nếu hạch tóan phân bổ vào tk 242 thì phân bổ chi phí lãi vay như thế nào (kèm theo tt hướng dẫn) -Tại điểm 2.31 khoản 2 điều 6 thông tư 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi và bổ sung tại điều 4 thông tư 96/2015/TT-BTC Cụ thể điều 2"các khoản chi phí khôngđược trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm .... khoản2.31 " các khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế" giải thích giúp công ty chúng tôi khoản này được hiểu như thế nào ? có liên quan đến chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ mà tôi hạch toán hết vào tk 635 hay không (vì công ty tôi kinh doanh bên lĩnh vực thương mại) - hướng dẫn công ty chúng tôi chi phí lãi vay công ty tôi được hạch toán như thế nào là hợp lệ khi tính thuế TNDN Xin cám ơn Quý cơ quan .

Trả lời:

1- Về hạch toán kế toán đối với chi phí đi vay

Về nguyên tắc, chi phí lãi vay phải được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh (trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định). Theo đó, tại điểm 3.8,3.9,3.10 khoản 3 Điều 90 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp quy định cụ thể việc hạch toán kế toán chi phí lãi vay như sau:

"3.8. Trường hợp đơn vị phải thanh toán định kỳ lãi tiền vay, lãi trái phiếu cho bên cho vay, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có các TK 111, 112,...

3.9. Trường hợp đơn vị trả trước lãi tiền vay, lãi trái phiếu cho bên cho vay, ghi:

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước (nếu trả trước lãi tiền vay)

Có các TK 111, 112,...

Định kỳ, khi phân bổ lãi tiền vay, lãi trái phiếu theo số phải trả từng kỳ vào chi phí tài chính, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có TK 242 - Chi phí trả trước.

3.10. Trường hợp vay trả lãi sau:

- Định kỳ, khi tính lãi tiền vay, lãi trái phiếu phải trả trong kỳ, nếu được tính vào chi phí tài chính, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có TK 341 - Vay và nợ thuê tài chính (3411) (nếu lãi vay nhập gốc)

Có TK 335 - Chi phí phải trả.

- Hết thời hạn vay, khi đơn vị trả gốc vay và lãi tiền vay, ghi:

Nợ TK 341 - Vay và nợ thuê tài chính (gốc vay còn phải trả)

Nợ TK 34311 - Mệnh giá trái phiếu

Nợ TK 335 - Chi phí phải trả (lãi tiền vay của các kỳ trước)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (lãi tiền vay của kỳ đáo hạn)

Có các TK 111, 112,..."

Đề nghị độc giả căn cứ vào quy định nêu trên để thực hiện hạch toán chi phí đi vay cho phù hợp.

2- Việc xác định chi phí được trừ khi tính thuế TNDN đối với khoản chi phí lãi vay, đề nghị độc giả thực hiện theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Câu hỏi 3:

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nam Định được giao làm dự án VILG (xây dựng dữ liệu cơ sở đất đai) thực hiện theo sổ tay dự án và thỏa thuận focfocao, không ký hợp đồng, không viết hóa đơn và không nộp thuế (theo sổ tay dự án tiền cấp về là không có thuê) Thời gian thực hiện từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2021 Hướng dẫn dự án là các khoản chi đưa vào Nợ 8111, khi nào nghiệm thu sản phẩm thì đưa vào tài khoản Có7111. Nhưng theo TT107 hướng dẫn thì cuối năm tài chính 31/12/2020 TK 8111 phải tất toán mà dự án này đơn vị đang làm dở chưa nghiệm thu được thời điểm 31/12/2020 nên TK 8111 không tất toán được. Vậy xin hỏi trường hợp này đơn vị hạch toán vào tài khoản nào mới đúng?

Trả lời:

Nội dung phản ánh của độc giả không nêu sổ tay dự án được xây dựng trên cơ sở cơ chế tài chính nào, mô hình hoạt động, cấp có thẩm quyền phê duyệt và các thông tin liên quan khác. Vì vậy, nội dung vướng mắc liên quan đến chi phí được nêu trong thư hỏi của độc giả, Bộ Tài chính chưa đủ thông tin, căn cứ để có trao đổi, hướng dẫn cụ thể. Đề nghị độc giả cung cấp bổ sung thông tin để Bộ Tài chính có căn cứ trao đổi, trả lời./.

Câu hỏi 4:

Tôi có một số vướng mắc về công tác hạch toán kế toán lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Theo chuẩn mực kế toán số 2, đoạn 22 "22. Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ mà giá thành sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, thì nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho được đánh giá giảm xuống bằng với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng" Tôi hiểu là khi có đồng thời 2 điều kiện là: 1. Có sự giảm giá của nguyên vật liệu 2. Giá thành sản xuất sản phẩm > Giá trị thuần có thể thực hiện được Khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện nói trên thì mới thực hiện trích lập dự phòng, nếu chỉ có 1 điều điện xảy ra thì không tiến hành trích lập dự phòng cho nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm. Tôi hiểu như vậy có đúng không? Trong trường hợp công ty tôi có nguyên vật liệu

A đồng thời xảy ra 2 điều kiện nói trên, chúng tôi cần trích lập dự phòng như thế nào cho đúng? Tôi đã đọc thông tư 48/2019/TT-BTC hướng dẫn lập dự phòng có hướng dẫn: Mức trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho = Lượng hàng tồn kho thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm x (Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán - Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho) Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Tuy nhiên, chúng tôi đang gặp vướng mắc trong việc xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu chúng tôi mua về mục đích là để sản xuất, không phải là bán nên chúng tôi không xác định được giá bán & chi phí tiêu thụ của nguyên vật liệu. Chúng tôi có thể sử dụng giá mua nguyên vật liệu gần với thời điểm lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu để tiến hành lập dự phòng có được không? Nếu không được, chúng tôi cần xác định giá trị thuần có thể thực hiện được bằng cách nào? Tôi mong nhận được giải đáp của bộ tài chính để công ty tôi thực hiện cho đúng.

Trả lời:

Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 2 – Hàng tồn kho quy định:

"*3. Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.*

19. Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

22. Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ mà giá thành sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, thì nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho được đánh giá giảm xuống bằng với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng".

Mức trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và việc xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho đã được hướng dẫn tại Điểm 1.5 Khoản 1 Điều 45 Thông tư 200/2014/TT-BTC và Điều 4 Thông tư 48/2019/TT-BTC.

Căn cứ các quy định nêu trên, Bộ Tài chính trả lời các vướng mắc của Quý độc giả như sau:

- Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, nếu doanh nghiệp xác định đồng thời: (1) có sự giảm giá của nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm và (2) giá thành sản xuất của sản phẩm (được sản xuất từ nguyên vật liệu đó) cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của sản phẩm thì doanh nghiệp phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho nguyên vật liệu cho mục đích sản xuất đó. Như vậy, nếu giá thành sản xuất của sản phẩm (giá gốc hàng tồn kho được sản xuất từ nguyên vật liệu có sự giảm giá) vẫn nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì doanh nghiệp không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với nguyên vật liệu đó.

- Mức trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (bao gồm nguyên vật liệu dùng cho mục đích sản xuất kinh doanh bình thường của doanh nghiệp) được thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm 1.5 Khoản 1 Điều 45 Thông tư 200/2014/TT-BTC và Điều 4 Thông tư 48/2019/TT-BTC.

- Việc xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho: Căn cứ các quy định nêu trên, tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm, doanh nghiệp căn đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh, các thông tin và bằng chứng về giá của hàng tồn kho để tự đưa ra các ước tính về giá bán của hàng tồn kho, chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí cần thiết cho việc tiêu thụ làm cơ sở xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Câu hỏi 5:

1/ Về cách hạch toán nguồn cải cách tiền lương: Khi chi từ nguồn CCTL thì thực hiện các bút toán sau: N611-C334; N334-C112; N911-C611; N421-C911; N468-C421. Nếu làm theo như vậy thì khi lên mẫu B02/BCTC mã số 09 sẽ bị ảnh hưởng, do mã số 06 là lũy kế số phát sinh bên nợ của TK 611, mã số 02 là lũy kế số phát sinh bên có của TK511, (trong khi mã số 06 tăng mà mã số 02 không đổi.) Rất mong BTC hướng dẫn thêm. 2/ Trong quyển chế độ KTHCSN (trang 224, trang 243)TK 511: cuối năm xác định được được số tiết kiệm chi thường xuyên để trích quỹ thì hạch toán N112-C511, ĐT: C008212. TK 611 cuối năm chi bổ sung thu nhập cho người lao động, chi khen thưởng, chi phúc lợi từ kinh phí tiết kiệm được trong năm thì hạch toán N611-C111,511, cuối cùng kết chuyển N511-

C911. N911-C611, không thấy qua tài khoản 421. Vậy muốn biết được nguồn ngân sách tiết kiệm được thì phải xem ở đâu?

Trả lời:

Nội dung thư độc giả hỏi về việc thực hiện hạch toán cải cách tiền lương và việc thể hiện số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động (mẫu B2/BCTC) theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư 107/2017/TT-BTC; Và hỏi về bút toán xác định tiết kiệm chi tại trang 224, 243 quyển chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Về vấn đề này Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán- Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Đối với việc đơn vị sử dụng nguồn cải cách tiền lương đã hình thành từ các năm trước chi cho cán bộ:

Khi chi lương cho người lao động theo chế độ quy định, phải hạch toán bút toán chi phí (Nợ TK 611,.../Có TK 334), không phân biệt là sử dụng nguồn kinh phí nào. Riêng việc sử dụng nguồn cải cách tiền lương để chi trả lương cho người lao động trong năm thì chỉ phát sinh chi phí mà không có doanh thu tương ứng, do đơn vị sử dụng nguồn cải cách tiền lương đã hình thành từ các năm trước.

Vì vậy trên Báo cáo kết quả hoạt động năm nay (mẫu B2/BCTC) chỉ phát sinh chi phí mà không có doanh thu. Thâm hụt của khoản này sẽ được bù đắp bằng nguồn cải cách tiền lương đang dư trên TK 468 (bởi bút toán ghi Nợ TK 468/Có TK 421).

2. Câu hỏi về bút toán xác định tiết kiệm chi tại trang 224, 243 quyển chế độ kế toán hành chính sự nghiệp

Thực tế hiện nay trên thị trường xuất hiện rất nhiều quyển sách in về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp có nguồn gốc khác nhau, việc độc giả hỏi như vậy không xác định được độc giả đang sử dụng tài liệu nào. Tuy nhiên theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC việc sử dụng nguồn tiết kiệm chi phụ thuộc vào cơ chế tài chính mà đơn vị đang áp dụng, việc hạch toán thực hiện như sau:

- Trường hợp cơ chế tài chính quy định đơn vị phải trích các quỹ, thì cuối năm sau khi kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định được số tiết kiệm chi trên TK 421, phải hạch toán bút toán trích quỹ (Nợ TK 421/Có TK 431), việc chi kinh phí tiết kiệm được thực hiện chi ra từ quỹ (Nợ TK 431/Có TK 334,111,112,...).

- Trường hợp cơ chế tài chính không có quy định đơn vị phải trích các quỹ thì cuối năm sau khi kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định được số tiết kiệm

chi trên TK 421, chi tiết kiệm chi từ TK 421, theo đó hạch toán bút toán Nợ TK 421/Có TK 334,111,112,... không sử dụng bút toán Nợ chi phí (TK 611,...) trong trường hợp này.

Câu hỏi 6:

Em có một số vướng mắc về công tác hạch toán kế toán theo Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính tại đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động, mong nhận được phản hồi của quý Bộ như sau: đơn vị Em có thực hiện một hợp đồng dịch vụ nghiên cứu khoa học, thời gian thực hiện hợp đồng là 3 năm từ năm 2019 đến năm 2021, bên người mua chuyển tiền toàn bộ 100% giá trị hợp đồng cho đơn vị em sau khi ký hợp đồng. Theo quy định tại khoản 2 điêu 16 thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 cuat Bộ Tài Chính, thì " Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ tiến hành thu tiền trước hoặc trong khi cung ứng dịch vụ thì ngày lập hóa đơn là ngày thu tiền". Vây trong trường hợp này, Qúy Bộ cho Em hỏi nếu sau khi nhận được toàn bộ giá trị hợp đồng, đơn vị Em tiến hành lập hóa đơn GTGT nhưng hợp đồng chưa được thực hiện và nghiệm thu, thì Em hạch toán như thế nào với khoản tiền nhận được và xuất hóa đơn đó? Nêu lên doanh thu mà chưa có chi phí thì phần thuế TNDN năm đó tính làm sạo ạ? Có được đưa vào doanh thu nhận trước 3383 và chi phí thì treo lên 154 để khi nào hợp đồng được nghiệm thu và thanh lý thì đưa lên 531 và 632 không ạ? Em rất mong nhận được câu trả lời từ Qúy Bộ.

Trả lời:

Nội dung thư độc giả hỏi về hạch toán kế toán theo Thông tư 107/2017/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp trong trường hợp thực hiện hợp đồng dịch vụ nghiên cứu khoa học và nhận được tiền ngay sau khi ký hợp đồng. Về vấn đề này Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán- Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Trường hợp đơn vị nhận được tiền của khách hàng khi chưa cung cấp dịch vụ thì chưa được ghi nhận doanh thu ngay, mà được hạch toán là khoản nhận trước của khách hàng. Vì vậy đề nghị độc giả nghiên cứu hướng dẫn hạch toán trên tài khoản 131- Phải thu khách hàng tại Phụ lục 02, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC.

Câu hỏi 7:

Theo Thông tư 70/2019/TT-BTC có hướng dẫn hạch toán bút toán chi chuyển nguồn như sau: "Hết thời gian chỉnh lý quyết toán (31/01), xác định những khoản chi trong dự toán năm trước được giao mà xã chưa thực hiện được và được chuyển sang năm sau theo quy định của Luật ngân sách. Căn cứ chứng từ được kho bạc xác nhận, kế toán ghi chi ngân sách năm trước và thu ngân sách năm sau số chi chuyển nguồn Nợ 815 Có TK 714 Kế toán hạch toán vào thời điểm sau khi KBNN xác nhận, trong đó lưu ý khoản chi chuyển nguồn được tính vào ngân sách năm trước và khoản thu chuyển nguồn được tính vào ngân sách năm hiện hành" Như vậy cùng một bút toán hạch toán, số chi Nợ 815 sẽ được hiển thị lên Báo cáo chi năm trước. Số thu Có 714 sẽ được hiển thị trên báo cáo thu năm sau. Bộ cho tôi hỏi: 1. Bút toán này sẽ thể hiện trên Bảng cân đối tài khoản như thế nào? Nếu số liệu hiển thị Nợ 815 lên bảng cân đối tài khoản năm trước và Có 714 lên bảng cân đối năm sau thì Bảng cân đối tài khoản không cân?==> Đơn vị đang chưa biết lập báo cáo như thế nào? 2. Bút toán này sẽ lên bảng cân đối tài khoản của năm trước hay năm sau? 3. Thời điểm hạch toán bút toán này là 31/01/năm sau vậy bút toán này được coi là hạch toán trong tháng chỉnh lý quyết toán hay hạch toán của năm sau? Nhờ BTC giải đáp giúp. Cảm ơn BTC!

30/11/2020

Trả lời:

Nội dung thư độc giả hỏi về vướng mắc khi thực hiện Thông tư 70/2019/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã, khi thực hiện bút toán chuyển nguồn (Nợ TK 815/Có TK 714) liên quan đến 2 niên độ ngân sách làm cho Bảng cân đối tài khoản của cả năm trước và năm nay không cân. Về vấn đề này Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán- Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 70/2019/TT-BTC, phần hạch toán tài khoản 915, mục IV hạch toán chi chuyển nguồn năm trước hướng dẫn như sau: "*Hết thời gian chỉnh lý quyết toán (31/01), xác định những khoản chi có trong dự toán năm trước được giao mà xã chưa thực hiện được và được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật Ngân sách, xã lập lệnh chi tiền mang đến Kho bạc để chuyển nguồn chi sang năm sau. Căn cứ vào chứng từ đã được Kho bạc xác nhận, kế toán ghi chi ngân sách năm trước và thu ngân sách năm sau số chi chuyển nguồn, ghi:*

Nợ TK 815- Chi ngân sách xã trong thời gian chỉnh lý

Có TK 714- Thu ngân sách xã hạch toán vào NSNN"

Theo đó Bút toán được thực hiện vào thời điểm sau khi *Hết thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN (31/01)*, được thể hiện trên Bảng cân đối tài khoản của năm thực hiện hạch toán. Thông tư 70/2019/TT-BTC không có hướng dẫn nào về việc hạch toán Nợ TK 815 trên Bảng cân đối tài khoản năm trước và Có TK 714 trên Bảng cân đối tài khoản năm sau.

Câu hỏi 8:

Đơn vị của tôi là đơn vị sự nghiệp công lập có thu đang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 trong quá trình hoạt động có phát sinh các khoản thu kho đòi. Vậy xin hỏi Bộ Tài chính đơn vị có được trích quỹ nợ phải thu khó đòi không? (Thông tư 107 không có tài khoản hạch toán). Nếu được trích thì quy định ở đâu, hạch toán thế nào?. Việc xóa nợ các khoản thu khó đòi quy định ở đâu? Đơn vị có áp dụng được việc xóa nợ theo Thông tư 228/2009/TT-BTC không?.

Trả lời:

Nội dung thư độc giả hỏi về vướng mắc của đơn vị sự nghiệp công lập khi phát sinh khoản thu khó đòi, đơn vị có được trích lập dự phòng và xóa nợ khoản thu khó đòi hay không, hiện nay chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính không có hướng dẫn; đồng thời hỏi về việc đơn vị áp dụng Thông tư 228/2009/TT-BTC. Về vấn đề này Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán- Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Cơ chế tài chính hiện nay áp dụng cho đơn vị sự nghiệp công lập không có quy định về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Theo đó chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính không hướng dẫn tài khoản hạch toán trong trường hợp này.

2. Trường hợp đơn vị phát sinh khoản thu khó đòi mà xét thấy không có khả năng thu hồi thì có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền (đơn vị cấp trên trực tiếp hoặc cơ quan tài chính đồng cấp) xin ý kiến về việc xử lý khoản thu khó đòi này. Căn cứ vào phương án xử lý đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, kế toán hạch toán theo quy định.

3. Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp <u>*tại doanh nghiệp*</u>, vì vậy đơn vị sự nghiệp công lập không là đối tượng áp dụng Thông tư này.

Câu hỏi 9:

Tôi công tác tại Sở Tài chính bạc Liêu. Tôi xin hỏi Bộ câu hỏi như sau: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Luật kế toán 2015 quy định " Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán". Theo đó, qua kiểm tra tại Công ty TNHH MTV TM Dịch vụ AAA phát hiện Giám đốc Công ty AAA ký và đóng dấu sẵn trên hóa đơn giá trị gia tăng (ký và đóng dấu trước trên hóa đơn GTGT khi chưa có nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh). Khi nào có khách hàng mua sản phẩm, kế toán Cty AAA chỉ cần ghi thông tin và xuất hóa đơn giao cho khách hàng. Như vậy hóa đơn GTGT này có được xem là chứng từ kế toán không? và Sở Tài chính có được xử phạt vi phạm hành chính về ký chứng từ kế toán theo Điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập không? Xin Bộ Tài chính hướng dẫn.

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 3, Luật Kế toán: *"3. Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán".*

Về việc xử lý theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 8, Nghị định 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018: *"Phạt tiền... đối với một trong các hành vi: b) Ký chứng từ kế toán khi chưa ghi đủ nội dung chứng từ thuộc trách nhiệm của người ký"* đề nghị thực hiện đối với trường hợp nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh nhưng người có liên quan ký chứng từ khi chưa ghi đủ theo nội dung của nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh thuộc trách nhiệm của mình.

Câu hỏi 10:

Tôi làm kế toán ở đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên. Tôi xin hỏi Bộ Tài chính về việc như sau: Đơn vị tôi có trích quỹ Phúc lợi tập thể để hỗ trợ các hoạt động cho các tổ chức, đoàn thể trong cơ quan căn cứ theo tờ trình, kế hoạch triển khai hoạt động, dự trù kinh phí. Tuy nhiên, sau khi các hoạt động kết thúc, đơn vị có bắt buộc các tổ chức, đoàn thể cung cấp hóa đơn, chứng từ của hoạt động đó để lưu trữ và quyết toán không ạ? Nếu có thì được quy định tại văn bản nào của nhà nước

Trả lời:

Luật kế toán 2015 quy định tại khoản 1 Điều 18 *"Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động của đơn vị kế toán phải lập chứng từ kế toán. Chứng từ kế toán chỉ được lập một lần cho mỗi nghiệp vụ kinh tế, tài chính."* và khoản 3 Điều 3 "*Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán."*

Căn cứ các quy định nêu trên, trong trường hợp độc giả hỏi, khi đơn vị chi hỗ trợ cho hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong cơ quan từ nguồn quỹ phúc lợi (việc trích và sử dụng quỹ phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị), đơn vị phải lập chứng từ kế toán phản ánh các khoản chi đó để làm căn cứ ghi sổ kế toán. Việc đơn vị có bắt buộc các tổ chức, đoàn thể nộp lại các hóa đơn, chứng từ của các hoạt động để lưu trữ và quyết toán hay không cần căn cứ vào quy định về quản lý tài chính tại đơn vị (thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý tài chính,…). Tuy nhiên, các tổ chức, đoàn thể phải thực hiện lưu trữ hóa đơn, chứng từ tại đơn vị.

Câu hỏi 11:

Tôi có thắc mắc về một trong các điều kiện thi chứng chỉ hành nghề kế toán là: "Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành Tài chính, Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán : hoặc có bằng đại học các chuyên ngành khác có tổng số đơn vị học trình (hoặc tiết học) các môn học: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Phân tích hoạt động tài chính, Thuế từ 7% trên tổng số học trình(hoặc tiết học) cả khóa học trở lên". Tôi học ngành Kinh tế xây dựng của ĐH Giao thông vận tải, có các môn: Tài chính tiền tệ, Kế toán xây dựng cơ bản, Phân tích hoạt động kinh doanh doanh nghiệp XD, Quản trị kinh doanh kinh tế xây dựng, Xác suất thống kê, Kinh tế xây dựng, Kinh tế vi mô, vĩ mô, thì môn nào được tính để xét điều kiện thi ạ.

Trả lời:

- Khoản 2 Điều 4 Thông tư 91/2017/TT-BTC về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên quy định về điều kiện dự thi như sau "Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành Tài chính, Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành khác với tổng số đơn vị học trình (hoặc tiết học) các môn học: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Phân tích hoạt động tài chính, Thuế từ 7% trở lên trên tổng số học trình (hoặc tiết học) cả khóa

học; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành khác và có văn bằng, chứng chỉ hoàn thành các khoá học do Tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kế toán, kiểm toán cấp bảo đảm các quy định tại Điều 9 Thông tư 91/2017/TT-BTC"

Theo thông tin được nêu trong câu hỏi của bạn đọc, nếu chương trình đại học chuyên ngành kinh tế xây dựng của ĐH Giao thông vận tải có các môn Tài chính tiền tệ, Kế toán xây dựng cơ bản, Phân tích hoạt động kinh doanh doanh nghiệp thì các môn này được tính đơn vị học trình (hoặc tiết học) của các môn học: Tài chính, Kế toán.

Câu hỏi 12:

Tôi đang làm kế toán tại đơn vị trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. Tôi có đầy đủ các điều kiện theo Luật Kế toán và Nghị định số 174/2016/NĐ-CP. Nhưng văn bản của tỉnh tôi yêu cầu phải giữ ngạch kế toán trong khi lúc tôi tuyển dụng là ngạch chuyên viên 01.003.

Vậy, xin hỏi Bộ Tài chính là tôi có đủ điều kiện bổ nhiệm kế toán trưởng không?

Trả lời:

Tiêu chuẩn và điều kiện của Kế toán trưởng được quy định tại Luật kế toán 2015 và Nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán. Thư của độc giả gửi không nêu rõ nội dung văn bản của tỉnh, tuy nhiên, trong các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của Kế toán trưởng tại Luật kế toán và các văn bản pháp luật hướng dẫn Luật kế toán, không có quy định về ngạch công chức của người làm kế toán.

Câu hỏi 13:

Công ty em (công ty A) hoạt động trong lĩnh vực logistics, có cung cấp dịch vụ lưu kho cho khách (công ty B), và phát sinh hư hỏng hàng trong quá trình lưu tại kho (lưu từ 08/2019). Tháng 8/2020, 2 bên thống nhất thoả thuận bồi thường 5 tỷ (trong đó thanh toán trước cho bên B 2 tỷ, 3 tỷ còn lại trả dần trong 2 năm); Đồng thời, do bên em đã mua bảo hiểm đặc thù cho hoạt động kinh doanh nên cũng được bên công ty bảo hiểm (BH) đồng ý bồi thường 2 tỷ (trên hồ sơ bên em yêu cầu bồi thường 5 tỷ). Kính mong bộ hướng dẫn về cách hạch toán kế toán đúng cho trường hợp bồi thường/nhận bồi thường này để bên em được rõ. Hiện tại bên em đang ghi nhận như sau: 1/ Ghi nhận 2 tỉ bồi

thường cho bên B lần đầu: Nợ 1388 BH / Có 3388 B: 2 tỉ. 2/ Thanh toán cho B lần 1: Nợ 3388 B / Có 112: 2 tỉ. 3/ Nhận thanh toán bồi thường từ BH: Nợ 112 / Có 1388 BH: 2 tỉ. 4/ Ghi nhận hết 3 tỉ vào Chi phí khác 811 trong năm 2020 (từ tháng 8~ tháng 12, 750 triệu/tháng): Nợ 811 / Có 3388 B: 750 triệu (mỗi tháng).

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 93 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thì Tài khoản Tài khoản 711 – Thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó có khoản: Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự)".

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 94 Thông tư 200/2014/TT-BTC, Tài khoản 811 - Chi phí khác phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm: Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính.

Căn cứ những quy định nêu trên, trường hợp công ty phải bồi thường cho Bên B do tổn thất phát sinh trong quá trình lưu kho trong phạm vi hợp đồng thì khoản tiền bồi thường vi phạm hợp đồng này được ghi nhận là chi phí khác và hạch toán vào Tài khoản 811- Chi phí khác. Đối với khoản tiền nhận được từ công ty bảo hiểm, công ty ghi nhận là thu nhập khác và hạch toán vào Tài khoản 711- Thu nhập khác. Số tiền còn phải trả cho Bên B theo thỏa thuận, công ty ghi nhận là khoản phải trả khác và hạch toán vào Tài khoản 338 - Phải trả, phải nộp khác.

Câu hỏi 14:

Về văn bản giao nhiệm vụ kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) đối với trường hợp đơn vị không có kế toán. Theo quy định Thông tư 18/2020/TT-BTC ngày 31/03/2020 quy định về văn bản bổ nhiệm đối với chức danh Kế toán trưởng: "+ Văn bản giao nhiệm vụ Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) cho cán bộ kiêm nhiệm đối với trường hợp đơn vị, tổ chức không bắt buộc phải có Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán), công việc kế toán giao cho cán bộ nghiệp vụ khác kiêm nhiệm. + Hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ Kế toán trưởng của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp đơn vị thuê Kế toán

trưởng.". Tôi xin hỏi như sau: Ở tại huyện của tôi xin hỏi một số nội dung sau: 1. Ở huyện tôi có một số Hội đặc thù như: Hội chất độc da cam, Hội Cựu Chiến binh, Hội người cao tuổi, Hội Khuyến học, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện,… chỉ có 1, 2 người (chủ tịch và phó chủ tịch) không có kế toán, đơn vị phải sử dụng Kế toán của các đơn vị khác như: Kế toán của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Huyện hoặc Kế toán của một số các cơ quan hành chính của huyện để giao dịch (không có văn bản phân công của cơ quan quản lý cấp trên về việc phân công làm nhiệm vụ kế toán). Các Hội, cơ quan này có thể ra văn bản phân công nhiệm vụ phụ trách kế toán (kế toán của đơn vị khác) để giao dịch với kho bạc nhà nước được không? 2. Kế toán trường đã nghỉ hưu, trong khi trường chưa được cấp có thẩm quyền bổ sung biên chế, nhà trường ký hợp đồng với cá nhân (kế toán trưởng của trường đã nghỉ hưu) để làm nhiệm vụ phụ trách kế toán giao dịch với kho bạc, trường hợp này có phù hợp với quy định hiện hành không?

Trả lời:

Nội dung thư độc giả hỏi về việc bổ nhiệm kế trưởng trong trường hợp đơn vị đặc thù như các hội thuộc cấp huyện (hội chất độc màu da cam, hội cựu chiến binh, hội người cao tuổi,...) chỉ có chủ tịch và phó chủ tịch không có kế toán phải sử dụng kế toán của đơn vị khác; và việc ký hợp đồng của các nhà trường với kế toán của trường đã nghỉ hưu do chưa được cơ quan có thẩm quyền bổ sung biên chế kế toán theo hướng dẫn về văn bản bổ nhiệm kế toán trưởng tại Thông tư 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước (KBNN). Về vấn đề này Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán- Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Nghị định số 174/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán quy định về tổ chức bộ máy kế toán (Điều 18) "*Đơn vị kế toán phải bố trí người làm kế toán đảm bảo các quy định của Luật Kế toán. Số lượng người làm kế toán tùy theo quy mô hoạt động, yêu cầu quản lý, chức năng nhiệm vụ hoặc biên chế của đơn vị. Đơn vị kế toán có thể bố trí người làm kế toán kiêm nhiệm các công việc khác mà pháp luật về kế toán không nghiêm cấm. Việc tổ chức bộ máy kế toán tại các đơn vị kế toán do cơ quan có thẩm quyền thành lập đơn vị quyết định. Trường hợp tổ chức, đơn vị không có cơ quan có thẩm quyền thành lập thì do người đại diện theo pháp luật của đơn vị quyết định. Việc tổ chức bộ máy và công tác kế toán của các đơn vị cấp dưới không phải là đơn vị kế toán hoặc đơn vị trực thuộc không phải là đơn vị kế toán do người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán quyết định. Các đơn vị trong lĩnh vực kế toán nhà nước không được bố trí kế toán trưởng, phụ*

trách kế toán ở các đơn vị không phải là đơn vị kế toán". Đơn vị kế toán theo khoản 4, Điều 3, Luật Kế toán (2015) được hiểu là cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5, Điều 2 của Luật này có lập báo cáo tài chính.

Căn cứ quy định của Luật Kế toán, đề nghị độc giả lưu ý như sau:

1. Trường hợp đơn vị không phải là đơn vị kế toán có giao dịch với KBNN

Trường hợp đơn vị không phải là đơn vị kế toán thì không được bố trí kế toán trưởng, tuy nhiên trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ một số đơn vị vẫn có thể được giao quản lý một nguồn tài chính theo quy định pháp luật và được mở tài khoản tại KBNN (ví dụ như cơ quan tài chính mở tài khoản cấp phát dự toán, lệnh chi tiền, cơ quan thuế mở tài khoản hoàn thuế,... tại KBNN). ừ thực tế này Thông tư 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại KBNN đã quy định về hồ sơ pháp lý đối với người ký chức danh kế toán trưởng trên các chứng từ giao dịch với KBNN trong trường hợp không có văn bản bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng thì phải gửi KBNN (Điều 8) "*... Văn bản giao nhiệm vụ Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) cho cán bộ kiêm nhiệm đối với trường hợp đơn vị, tổ chức không bắt buộc phải có Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán), công việc kế toán giao cho cán bộ nghiệp vụ khác kiêm nhiệm*".

2. Về giao nhiệm vụ phụ trách kế toán các đơn vị đặc thù thuộc cấp huyện

Độc giả đề cập đến một số trường hợp như: đơn vị cấp huyện có tổ chức đặc thù, như các hội thuộc cấp huyện (hội chất độc màu da cam, hội cựu chiến binh, hội người cao tuổi, hội phụ nữ, cựu chiến binh...) chỉ có chủ tịch và phó chủ tịch không có kế toán, không có biên chế phải sử dụng kế toán của đơn vị khác và việc ký hợp đồng của các nhà trường với kế toán của trường đã nghỉ hưu do chưa được cơ quan có thẩm quyền bổ sung biên chế kế toán. Đối với các trường hợp nêu trên, cần xác định đơn vị là đơn vị kế toán hay không phải là đơn vị kế toán để thực hiện như sau:

- Trường hợp là đơn vị kế toán theo quy định của Luật Kế toán thì *việc tổ chức bộ máy kế toán tại các đơn vị kế toán do cơ quan có thẩm quyền thành lập đơn vị quyết định.* Theo đó việc bố trí người làm kế toán hay ký hợp đồng để thực hiện công kế toán tại đơn vị kế toán do cơ quan có thẩm quyền thành lập đơn vị kế toán quyết định.

- Trường hợp là đơn vị hạch toán trực thuộc đơn vị kế toán (ví dụ như phòng giáo dục huyện là đơn vị kế toán chịu trách nhiệm hạch toán cho tất cả các trường trên địa bàn, hoặc UBND cấp huyện là đơn vị kế toán chịu trách nhiệm hạch toán đối với các phòng, ban, các tổ chức thuộc cấp huyện,...) thì việc tổ chức bộ máy và

công tác kế toán của đơn vị trực thuộc do người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán (Phòng giáo dục, UBND cấp huyện,...) quyết định.

- Đơn vị có thể thuê dịch vụ làm kế toán, dịch vụ làm kế toán trưởng, phụ trách kế toán theo quy định tại Nghị định số 174/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán "*... tổ chức, đơn vị sự nghiệp không sử dụng ngân sách nhà nước ... được thuê đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán để làm kế toán hoặc làm kế toán trưởng, phụ trách kế toán. Tổ chức, đơn vị sự nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước có thể thuê đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán để làm kế toán hoặc làm kế toán trưởng, phụ trách kế toán do người đại diện theo pháp luật của đơn vị quyết định.*"

Việc bố trí người làm kế toán, phụ trách kế toán đơn vị và tổ chức thực hiện cần đảm bảo quy định của Luật Kế toán, các nguyên tắc kiểm soát nhằm quản lý an toàn tiền và tài sản nhà nước tại đơn vị.

Câu hỏi 15:

Tôi có một số vướng mắc về công tác hạch toán kế toán theo Thông tư 79/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, mong nhận được phản hồi của quý Bộ như sau: Đơn vị của tôi là Ban QLDA chuyên ngành, hiện nay đơn vị bị thiếu kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên(do chưa có nguồn trích từ các dự án), để duy trì hoạt động thường xuyên của Ban QLDA đơn vị phải tạm ứng từ ngân sách Thành phố, đơn vị hạch toán như sau: - Khi có Quyết định tạm ứng ngân sách Thành phố được duyệt: Ghi Nợ TK: 008 – Dự toán chi hoạt động - Khi rút dự toán về để chi: Nợ TK 111, 112 Có TK 3388 Đồng thời ghi Có TK 008 - Dự toán chi hoạt động (008211, 008212) - Khi thanh toán các khoản chi phí cho đơn vị: Nợ TK 611 Có TK 111, 112 Đơn vị hạch toán như vậy có đúng không ạ?

Trả lời:

Nội dung thư độc giả hỏi về việc hạch toán kế toán theo chế độ kế toán áp dụng cho BQL dự án sử dụng vốn đầu tư công ban hành theo Thông tư 79/2019/TT-BTC trong trường hợp BQLDA chuyên ngành được NSNN tạm ứng kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên do chưa có nguồn trích từ các dự án, Cục QLKT có ý kiến như sau:

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 4, Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 về hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về

hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng thì "*Ban QLDA chuyên ngành, khu vực do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định thành lập theo quy định tại Điều 17, Điều 18 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP là tổ chức sự nghiệp công lập, hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập*". Theo đó BQLDA là đơn vị tự chủ chi thường xuyên, NSNN không bố trí dự toán chi thường xuyên, trừ nhiệm vụ nhà nước giao đấu thầu, đặt hàng theo quy định.

Theo quy định của pháp luật về NSNN thì dự toán ngân sách nhà nước được giao cho đơn vị dự toán ngân sách; Trong trường hợp vào đầu năm ngân sách, dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách chưa được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, cơ quan tài chính và cơ quan Kho bạc Nhà nước các cấp thực hiện tạm cấp ngân sách cho các nhiệm vụ chi không thể trì hoãn được cho đến khi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền quyết định; Ngoài ra Ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện được ứng trước dự toán ngân sách năm sau để thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, các dự án cấp bách của trung ương và địa phương thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Khoản 1, Điều 18, Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về các nhiệm vụ chi được thực hiện theo hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước không bao gồm khoản tạm ứng của NSNN cho các khoản chi thường xuyên không thuộc nhiệm vụ chi của NSNN. Theo đó không có quy định tạm cấp do chưa có nguồn trích từ các dự án.

Đồng thời, tại Điều 18 Luật NSNN quy định về *các hành vi bị nghiêm cấn trong lĩnh vực NSNN* bao gồm: Sử dụng NSNN để cho vay, tạm ứng, góp vốn trái với quy định của pháp luật; Xuất quỹ NSNN tại KBNN mà khoản chi đó không có trong dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, trừ trường hợp tạm cấp ngân sách và ứng trước dự toán ngân sách năm sau quy định tại Điều 51 và Điều 57 của Luật này.

Căn cứ các quy định nêu trên, các chế độ kế toán bao gồm cả chế độ kế toán áp dụng cho BQL dự án sử dụng vốn đầu tư công ban hành theo Thông tư 79/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính không hướng dẫn ghi chép, hạch toán cho tình huống này.

Câu hỏi 16:

Công ty tôi là Doanh nghiệp kiểm toán độc lập, có vướng mắc về việc ký báo cáo kiểm toán xin hỏi Bộ tài chính như sau. Tại Điều 46, Luật Kiểm toán Độc lập quy định về Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính trong đó có nêu:

"3. Báo cáo kiểm toán phải có chữ ký của kiểm toán viên hành nghề do doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam giao phụ trách cuộc kiểm toán và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán hoặc người được ủy quyền bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật. Người được ủy quyền bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật phải là kiểm toán viên hành nghề." Xin hỏi. Người được ủy quyền bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật ký vào báo cáo kiểm toán có thể ủy quyền cho nhân viên hoặc trưởng phòng kiểm toán ký hay không hay bắt buộc là giám đốc, phó giám đốc của Doanh nghiệp. Hợp đồng kiểm toán do Công ty ký, nhưng ủy quyền cho chi nhánh Công ty và kiểm toán viên đăng ký hành nghề tại chi nhánh Công ty quản lý cuộc kiểm toán và ký báo cáo kiểm toán có được hay không? (Chi nhánh Công ty chúng tôi đã được hành nghề kiểm toán theo đúng quy định của Bộ tài chính)

Trả lời:

Tại Đoạn 40 của Chuẩn mực kiểm toán số 700 - Hình thành ý kiến kiểm toán và báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ Tài chính có quy định: *"40. Báo cáo kiểm toán phải có 2 chữ ký, gồm chữ ký của kiểm toán viên hành nghề được giao phụ trách cuộc kiểm toán và chữ ký của thành viên Ban Giám đốc là người đại diện theo pháp luật phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán...."*. Ngoài ra, đoạn A37 của Chuẩn mực kiểm toán số 700 có hướng dẫn: *"A37. Báo cáo kiểm toán phải có 2 chữ ký của 2 kiểm toán viên hành nghề, dưới mỗi chữ ký phải ghi rõ họ và tên, số đăng ký hành nghề kiểm toán. Chữ ký thứ nhất trên báo cáo kiểm toán là của kiểm toán viên hành nghề được giao phụ trách cuộc kiểm toán và chữ ký thứ hai là của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán hoặc người được ủy quyền bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật được ký báo cáo kiểm toán phải là thành viên Ban giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán."*

Căn cứ quy định trên, người được ủy quyền bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật được ký báo cáo kiểm toán phải là thành viên Ban giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán.

Câu hỏi 17:

Tôi có một số vướng mắc về công tác hạch toán kế toán theo Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính tại đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần

chi phí hoạt động, mong nhận được phản hồi của quý Bộ như sau: Trường hợp đơn vị có thâm hụt hoạt động hành chính sự nghiệp, do đơn vị chi cải cách tiền lương từ nguồn thu, đơn vị hạch toán: Nợ TK 611/Có TK 112: 1 tỷ Cuối năm, hạch toán Nợ TK 468/Có TK 421: 1 tỷ (theo số chi cải cách tiền lương trong năm). Như vậy: 1. Để xác định số 40% Kinh phí cải cách tiền lương căn cứ vào: Một là, Thặng dư/thâm hụt trong năm (Mã số 50) * 40% = 0,8*40%=0,32 tỷ. Trường hợp này chưa phản ánh đúng thặng dư trong năm của đơn vị do có bút toán cuối năm, hạch toán Nợ TK 468/Có TK 421: 1 tỷ không phản ánh trên BCKQHĐ. Hoặc: Hai là, (Thặng dư/thâm hụt từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ + Hoạt động tài chính + Hoạt động khác - Chi phí thuế TNDN) x 40% = (2-0,2)*40%=0,72 tỷ. 2. Số tiền của mã 50 trên BCKQHĐ không bằng số tiền của Mã 52+53 có đúng không ạ?

Trả lời:

Trả lời câu hỏi của độc giả, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về việc trích lập và sử dụng kinh phí cải cách tiền lương hàng năm:

- Việc trích lập nguồn cải cách tiền lương được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, theo đó từng loại hình đơn vị, mức trích và nguồn trích lập sẽ được thực hiện theo quy định cụ thể. Đối với trích lập nguồn cải cách tiền lương năm 2019 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Vì vậy việc độc giả nêu ra 2 cách tính trong câu hỏi là không phù hợp với quy định nêu trên.

- Căn cứ vào nguồn cải cách tiền lương được trích lập và thực tế chi trong kỳ từ nguồn này, kế toán thực hiện hạch toán theo quy định sau:

+ Khi phát sinh các khoản chi từ nguồn cải cách tiền lương, ghi:

Nợ các TK 334, 241, 611

Có TK 112- Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

+ Cuối năm, trước khi phân phối thặng dự (thâm hụt) theo quy định của quy chế tài chính, kế toán kết chuyển nguồn cải cách tiền lương theo số liệu đã tính theo quy định nêu trên, ghi:

Nợ TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế

Có TK 468- Nguồn cải cách tiền lương

+ Cuối năm, căn cứ số liệu đã thực hiện, đơn vị kết chuyển phần đã chi từ nguồn cải cách tiền lương trong năm, ghi:

Nợ TK 468- Nguồn cải cách tiền lương

Có TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế

Căn cứ vào quy định nêu trên, đề nghị độc giả nghiên cứu thực hiện việc trích lập và sử dụng nguồn cải cách tiền lương phù hợp với loại hình đơn vị của mình.

2. Đối với chỉ tiêu trên BCKQHĐ hướng dẫn tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp:

Chỉ tiêu 50 "Thặng dư/thâm hụt trong năm" phản ánh thặng dư/thâm hụt của đơn vị trong năm đối với các nguồn kinh phí được phép phân phối theo cơ chế tài chính.

+ Chỉ tiêu 52- "Phân phối cho các quỹ" phản ánh số phân phối từ chênh lệch thu- chi thường xuyên cho các quỹ theo quy định của chế độ tài chính.

+ Chỉ tiêu 53- "Kinh phí cải cách tiền lương" phản ánh số phân phối từ chênh lệch thu-chi thường xuyên vào kinh phí cải cách tiền lương theo quy định.

Trong trường hợp đơn vị còn phân phối khác thì chỉ tiêu 50 không bằng chỉ tiêu 52 + chỉ tiêu 53 (ví dụ trong trường hợp đơn vị có thặng dư nộp lên cấp trên,…).

Câu hỏi 18:

Cơ quan tôi là cơ quan hành chính thuộc đơn vị dự toán cấp 2. Trong cơ quan tôi có 1 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Đơn vị này có con dấu, tài khoản tại ngân hàng; hạch toán phụ thuộc, quản lý tài chính đối với các khoản thu chi kinh doanh dịch vụ. Đơn vị hiện có 3 kế toán và 1 thủ quỹ; có mã số thuế riêng, kê khai nộp thuế GTGT và sử dụng hóa đơn riêng; hàng quý, đơn vị có lập báo cáo tài chính nội bộ và đơn vị không phải nộp hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp, mà thuế thu nhập doanh nghiệp do cơ quan tôi nộp.

Xin hỏi Bộ Tài chính, đơn vị sự nghiệp hạch toán phụ thuộc của cơ quan tôi có được bổ nhiệm kế toán trưởng không, hay là chỉ bố trí phụ trách kế toán, tuy nhiên nếu bố trí phụ trách kế toán thì theo quy định tại Luật Kế toán, thời gian bố trí người phụ trách kế toán tối đa là 12 tháng, sau thời gian này đơn vị kế toán phải bố trí người làm kế toán trưởng.

Trả lời:

Câu hỏi của độc giả hỏi về việc bổ nhiệm kế toán trưởng đối với đơn vị sự nghiệp công lập hạch toán phụ thuộc, Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán- Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Khoản 2, Điều 18, Nghị định 174/2016/NĐ-CP quy định *"...Việc tổ chức bộ máy và công tác kế toán của các đơn vị cấp dưới không phải là đơn vị kế toán hoặc đơn vị trực thuộc không phải là đơn vị kế toán do người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán quyết định. Các đơn vị trong lĩnh vực kế toán nhà nước không được bố trí kế toán trưởng, phụ trách kế toán ở các đơn vị không phải là đơn vị kế toán*".

Theo đó trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan hành chính nhà nước, chỉ hạch toán phụ thuộc và lập báo cáo tài chính nội bộ thì không được bổ nhiệm kế toán trưởng, phụ trách kế toán.

Câu hỏi 19:

Công ty tôi hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại (kinh doanh thương mại) được Nhà cung cấp khuyến mại "Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền có kèm theo việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ" theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định 81/2018/NĐ-CP, "Trường hợp khuyến mại này bản chất giao dịch là giảm giá hàng bán" theo hướng dẫn tại Tiết 1.6.3, Điểm 1.6, Khoản 1, Điều 79 " Tài khoản 511" Thông tư 200/2014/TT-BTC. Thực tế trong hoạt động kinh doanh thương mại, để có được nguồn hàng hóa khuyến mại có điều kiện này, công ty tôi phải đi vay ngân hàng để mua hàng hóa với khối lượng lớn từ Nhà cung cấp rồi giảm giá bán lẻ, chiết khấu, tổ chức khuyến mại lại cho khách hàng (theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định 81/2018/NĐ-CP) để cạnh tranh thu hút khách hàng, người tiêu dùng nên làm giảm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh. Nếu như hàng hóa được Nhà cung cấp khuyến mại này của công ty tôi không được ghi nhận vào thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh mà phải ghi nhận vào "Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp" theo hướng dẫn tại Điểm a, Khoản 1, Điều 93 (Tài khoản 711 "Thu nhập khác") Thông tư 200/2014/TT-BTC thì công ty tôi bị thiệt hại vì "chi phí lãi tiền vay" mua hàng hóa kinh doanh thương mại bị khống chế 30% của chỉ số EBITDA không bao gồm thu nhập khác. Vậy trường hợp nhận hàng khuyến mại có điều kiện từ Nhà cung cấp như tôi đã trình bày trên đây, công ty tôi có được ghi nhận giá vốn hàng hóa mua vào bằng cách phân bổ tổng số tiền hàng đã trả cho Nhà cung cấp bao gồm cả số lượng hàng hóa được khuyến mại, tương tự như trường hợp Nhà cung cấp được phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mại, giá trị hàng khuyến mại được tính vào giá vốn hàng bán theo hướng dẫn tại Tiết 1.6.3, Điểm 1.6, Khoản 1, Điều 79 "Tài khoản 511"

Thông tư 200/2014/TT-BTC hoặc được ghi nhận vào Doanh thu khác "Tài khoản 5118" Thông tư 200/2014/TT-BTC để được tính vào lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 8 Điều 23 Thông tư số 200/2014/TT-BTC thì trường hợp xuất hàng tồn kho để khuyến mại, quảng cáo nhưng khách hàng chỉ được nhận hàng khuyến mại, quảng cáo kèm theo các điều kiện khác như phải mua sản phẩm, hàng hóa (ví dụ như mua 2 sản phẩm được tặng 1 sản phẩm....) thì kế toán phải phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mại, giá trị hàng khuyến mại được tính vào giá vốn (trường hợp này bản chất giao dịch là giảm giá hàng bán).

Tại Khoản 7 Điều 23 Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng quy định: *"Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì kế toán phải xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý. Giá trị sản phẩm, hàng mua được xác định bằng tổng giá trị của hàng được mua trừ đi giá trị sản phẩm, thiết bị, phụ tùng thay thế."*

Căn cứ vào quy định nêu trên, về nguyên tắc trường hợp doanh nghiệp mua hàng hóa với số lượng lớn và được nhận kèm hàng hóa khuyến mại theo chương trình khuyến mại có điều kiện của nhà cung cấp thì kế toán phải phân bổ tổng giá trị của hàng được mua cho toàn bộ số hàng nhận được (bao gồm cả số hàng hóa khuyến mại có điều kiện nhận được).

Câu hỏi 20:

Tôi có thắc mắc về một trong các điều kiện thi chứng chỉ hành nghề kế toán là: "Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành Tài chính, Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán : hoặc có bằng đại học các chuyên ngành khác có tổng số đơn vị học trình (hoặc tiết học) các môn học: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Phân tích hoạt động tài chính, Thuế từ 7% trên tổng số học trình(hoặc tiết học) cả khóa học trở lên" Tôi học chuyên ngành kinh tế đầu tư, tổng cộng 130 tiết học. Bộ cho tôi hỏi các môn học sau trong bảng điểm của tôi có thỏa mãn điều kiện thi bên trên là thuộc các môn học về tài chính hoặc kế toán không ạ? Lý thuyết tài chính tiền tệ: 3 tiết Nguyên lý kế toán: 3 tiết Quản trị tài chính: 2 tiết Tài chính doanh nghiệp: 2 tiết Tổng: 10 tiết

Trả lời:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 4 Thông tư 91/2017/TT-BTC về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên quy định về điều kiện dự thi là "Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành Tài chính, Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành khác với tổng số đơn vị học trình (hoặc tiết học) các môn học: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Phân tích hoạt động tài chính, Thuế từ 7% trở lên trên tổng số học trình (hoặc tiết học) cả khóa học; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành khác và có văn bằng, chứng chỉ hoàn thành các khoá học do Tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kế toán, kiểm toán cấp bảo đảm các quy định tại Điều 9 Thông tư 91/2017/TT-BTC"

Theo thông tin câu hỏi của Chị, nếu Chị đã có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành kinh tế đầu tư thì được xét đơn vị học trình (hoặc tiết học), cụ thể môn lý thuyết tài chính tiền tệ, nguyên lý kế toán, quản trị tài chính, tài chính doanh nghiệp được tính là đơn vị học trình (hoặc tiết học) của các môn học: Tài chính, Kế toán.

Câu hỏi 21:

Nghiệp vụ Thu - Chi Quỹ vì người nghèo và Thu - chi An sinh xã hội Theo chế độ kế toán Thông tư 103/2018/TT-BCT. Trong thông tư tôi chỉ thấy hướng dẫn nghiệp vụ Thu - chi Quỹ vì người nghèo nhưng không thấy Hướng dẫn nghiệp vụ Thu - Chi An sinh xã hội. Nếu tôi định khoản Thu An sinh xã hội là: N1111/C3381, Chi An sinh xã hội là: N3381/C1111 như vậy có đúng không ạ ?

Trả lời:

Câu hỏi của độc giả hỏi về hạch toán nghiệp vụ thu, chi An sinh xã hội theo chế độ kế toán quỹ vì người nghèo ban hành theo Thông tư số 103/2018/TT-BTC của Bộ tài chính, Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán- Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Theo hướng dẫn của chế độ kế toán quỹ vì người nghèo ban hành theo Thông tư số 103/2018/TT-BTC của Bộ tài chính *TK 3381- Các khoản thu hộ, chi hộ: Phản ánh các khoản thu hộ hoặc chi trả hộ cho các nhà tài trợ (theo danh sách nhà tài trợ yêu cầu).*

Căn cứ quy định nêu trên trường hợp nghiệp vụ thu, chi An sinh xã hội do tổ chức, cá nhân tài trợ cho người thụ hưởng thông qua Quỹ theo danh sách chỉ định sẵn (của nhà tài trợ) thì kế toán sử dụng tài khoản 3381- Các khoản thu hộ, chi hộ theo hướng dẫn chi tiết tại Phần II, Phụ lục số 02- Hệ thống tài khoản kế toán, chế độ kế toán quỹ vì người nghèo ban hành theo Thông tư số 103/2018/TT-BTC của Bộ tài chính.

Câu hỏi 21:

Tôi là kế toán trường học công lập trên địa bàn Hà Nội, đơn vị hạch toán kế toán theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017, tôi có một thắc mắc như sau, kính mong được Bộ tài chính giải đáp: + Năm 2018 khoản thu Học phí của đơn vị được nộp vào TK3712, nhưng sang năm 2019 theo quy định của Kho bạc nhà nước học phí được nộp vào TK3714. + Trong năm 2019 số dư đầu kỳ nguồn Học phí trên TK3712 được Kho bạc nhà nước hướng dẫn làm Phiếu điều chỉnh từ TK3712 sang TK3714 và đơn vị sử dụng Phiếu điều chỉnh này để làm chứng từ hạch toán điều chỉnh tiền gửi nội bộ. Khi hạch toán bút toán điều chỉnh này theo hướng dẫn của TT107 thì số liệu Đối chiếu tiền gửi Kho bạc TK3712 và TK3714 trên phần mềm của đơn vị hoàn toàn đúng với số liệu Đối chiếu của cơ quan Kho bạc xác nhận. + Trong năm 2019 đơn vị thu Học phí và tiếp tục nộp vào tài khoản mới TK3714, như vậy số liệu phát sinh trên Bảng cân đối phát sinh năm 2019 của nguồn học phí sẽ bao gồm số dư đầu kỳ TK3712 được điều chỉnh sang TK3714 cộng (+) với số thu nộp vào kho bạc trong năm 2019. Nhưng khi Phòng tài chính thẩm tra quyết toán năm 2019 của đơn vị xem Bảng cân đối phát sinh lại bảo đơn vị hạch toán sai bút toán điều chỉnh dẫn đến số phát trong kỳ không phản ánh đúng số thu học phí trong năm, mà bị chênh lệch bằng đúng số điều chỉnh từ TK3712 sang TK3714, tôi giải thích rằng Nghiệp vụ điều chỉnh số dư từ TK3712 sang TK3714 sẽ phải làm tăng số phát sinh trên Bảng cân đối phát sinh vì đây là nghiệp vụ điều đỉnh Số dư đầu kỳ được hạch toán trong kỳ dẫn đến có sự lưu chuyển tiền, nó khác với nghiệp vụ điều chỉnh số trong kỳ (điều chỉnh số trong kỳ thì tăng TK này sẽ làm giảm TK kia nên tổng là không thay đổi), Mặt khác phần tiền mặt, tiền gửi trên Bảng cân đối phát sẽ phải có số lưu chuyển tiền do nộp vào rút ra, không thể xem tài khoản tiền mặt, tiền gửi trên Bảng cân đối phát sinh để lấy số liệu phản ánh số thu Học phí của đơn vị trong kỳ được, mà phải xem trên báo cáo quyết toán B01/BCQT thì mới phản ánh đúng số thực thu của đơn vị. Nhưng chuyên viên Phòng tài chính vẫn một mực khẳng định đơn vị hạch toán sai và giải thích rằng số điều chỉnh từ TK3712 sang TK3714 chỉ là giảm từ tài khoản này, tăng tài khoản kia nên không thể làm tăng bảng cân đối phát sinh, mà Bảng cân đối phát sinh chỉ phản ánh số thu và nộp trong kỳ, nên ghi vào Biên bản thẩm tra quyết toán là đơn vị hạch toán sai tiền gửi. Vậy tôi xin hỏi Bộ tài chính đơn vị đang làm đúng hay sai ? Xin Bộ cho Email hoặc văn bản trả lời để đơn vị giải thích với cơ quan tài chính? VD số liệu minh họa của đơn vị đang làm: + Số dư đầu kỳ nguồn Học phí ở TK3712 là: 100.000 + Thu Học phí trong

năm 2019 là: 50.000.000 Hạch toán trong năm: + Hạch toán điều chỉnh từ TK3712 sang TK3714 theo phiếu điều chỉnh số liệu của Kho bạc: Nợ 1121/ Có 1121: 100.000 + Hạch toán số thu trong kỳ: Nợ 1121/ Có 531: 50.000.000 Số liệu phản ánh trên bảng cân đối phát sinh năm 2019 của TK1121 + Dư Nợ đầu kỳ: 100.000 + Phát sinh Nợ trong kỳ: 100.000 + 50.000.000 = 50.100.000 + Phát sinh Có trong kỳ: 100.000 + Dư Nợ cuối kỳ: 100.000 + 50.100.000 – 100.000 = 50.100.000

Trả lời:

Theo tình huống độc giả hỏi tiền thu học phí của đơn vị được nộp vào KBNN, năm 2018 KBNN nơi giao dịch hạch toán khoản thu học phí của đơn vị vào TK 3712- Tiền gửi thu phí. Năm 2019 khoản thu học phí của đơn vị KBNN hạch toán vào TK 3714- Tiền gửi thu sự nghiệp khác. Theo đó trong năm 2019 KBNN thực hiện điều chỉnh số dư TK 3712 của đơn vị cuối ngày 31/12/2018 sang TK 3714 để tiếp tục theo dõi thanh toán khoản thu học phí cho đơn vị (TK 3712, 3714 được quy định tại Thông tư 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN). Đối với đơn vị số liệu này được kế toán trên TK 112- Tiền gửi ngân hàng, kho bạc, theo quy định đơn vị phải mở sổ theo dõi chi tiết riêng từng loại tiền gửi (thu phí, thu dịch vụ,...) và định kỳ đơn vị phải thực hiện đối chiếu đảm bảo khớp đúng với KBNN nơi giao dịch (quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp).

Thực tế việc điều chỉnh số liệu từ TK 3712 sang TK 3714 là công việc nội bộ của kế toán nghiệp vụ KBNN, đối với đơn vị việc KBNN theo dõi tiền thu học phí trên TK 3712 hay 3714 thì vẫn là khoản tiền gửi học phí của đơn vị tại KBNN giao dịch, việc điều chỉnh này không ảnh hưởng đến số liệu tiền gửi của đơn vị tại KBNN (TK 1121), vì vậy kế toán đơn vị không cần thực hiện bút toán Nợ TK 1121/Có 1121 như thư hỏi.

Câu hỏi 22:

Tôi hiện nay là kế toán của Trường cấp 3 tại Thanh Hóa, trường tôi theo chế độ kế toán 107/2017/TT-BTC. Năm 2018, kế toán cũ đã theo dõi và hạch toán sai Tiền và Tài sản cố định tại đơn vị tôi, và đã gửi báo cáo cho cơ quan tài chính và KBNN. Cuối năm 2019, khi tiếp quản lại tôi đã tiến hành kiểm kê, rà soát và phát hiện sai sót của kế toán cũ. Sau khi phát hiện sai sót này, tôi đã

tiến hành điều chỉnh vào số đầu kỳ của các tài khoản có liên quan của năm 2019. Hiện nay, phòng tài chính đã thanh tra và đề nghị chúng tôi giải trình việc điều chỉnh này, phòng tài chính đề nghị không điều chỉnh vào số dư đầu kỳ của năm 2019. Hiện nay, theo tôi tìm hiểu tại Điều 27 Luật Kế toán 2015 và Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC quy định việc điều chỉnh sai sót sau khi nộp báo cáo cho cơ quan thẩm quyền sẽ được thực hiện vào năm phát hiện ra sai sót. Tôi điều chỉnh vào số liệu năm 2019 là chính xác. Tuy nhiên, Luật và Thông tư không nói rõ điều chỉnh vào số đầu kỳ hay số phát sinh trong năm. Đề nghị Bộ Tài chính làm rõ việc sửa chữa sai sót sau khi nộp báo cáo cho cơ quan thẩm quyền sẽ được thực hiện vào số đầu kỳ hay số phát sinh trong năm phát hiện ra sai sót đó.

Trả lời:

Trường hợp sai sót kế toán của năm trước được phát hiện vào năm sau sau khi đơn vị đã nộp BCTC cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 27 Luật Kế toán 2015. Theo đó đơn vị phải sửa chữa trên sổ kế toán của năm đã phát hiện sai sót và thuyết minh về việc sửa chữa này.

Việc điều chỉnh thực hiện vào số liệu phát sinh của năm phát hiện sai sót, không điều chỉnh vào số dư đầu kỳ. Khi thực hiện điều chỉnh số liệu, kế toán đơn vị cần căn cứ vào đầy đủ tài liệu có liên quan.

Câu hỏi 23:

Tôi làm việc tại BQLDA Đầu tư xây dựng, thuộc đối tượng áp dụng Thông tư 79/2019/TT-BTC. Đối với chi phí QLDA, phải làm chứng từ tạm ứng tại KB về tài khoản tiền gởi (Mẫu 16b1, Nghị định 11), sau đó làm bảng phân bổ (Mẫu 13, Nghị định 11) cùng chứng từ thanh toán tạm ứng (Mẫu 05c, Nghị định 11). Theo TT79, Phụ lục 02, tài khoản 343, PP hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu, 3.5.Khi xác định chi phí chủ đầu tư được trích để lại dùng cho hoạt động của BQLDA ghi N243/C343, vậy ghi N243/C343 khi tạm ứng hay khi thanh toán tạm ứng?

Trả lời:

Câu hỏi của độc giả về hạch toán kế toán chi phí ban quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Thông tư 79/2019/TT-BTC về chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán- Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Theo hướng dẫn tại mục II, Phụ lục 02 của Thông tư 79/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính, trường hợp đơn vị tạm ứng chi phí quản lý dự án sử dụng vốn NSNN từ KBNN về tài khoản tiền gửi đơn vị:

- Căn cứ giấy rút dự toán tạm ứng kinh phí QLDA, đã có xác nhận KBNN ghi:

Nợ TK 243- Xây dựng cơ bản dự án, công trình

Có TK 343- Nguồn kinh phí đầu tư XDCB dự án, công trình,

Đồng thời ghi Có TK 009- Dự toán chi đầu tư XDCB (00911, 00921)

Đồng thời ghi: Nợ TK 112- Tiền gửi NH, KB

Có TK 337- Tạm thu (3378)

Đồng thời ghi: Nợ TK 018- Thu hoạt động khác được để lại

- Khi thanh toán tạm ứng, căn cứ giấy đề nghị thanh toán tạm ứng đã có xác nhận KBNN, ghi:

Có TK 009- Dự toán chi đầu tư XDCB (00911, 00921)- Ghi âm

Có TK 009- Dự toán chi đầu tư XDCB (00912, 00922)- Ghi dương

Câu hỏi 24:

Tại Điều 52 Luật Kế toán 2015 và Điều 19 Nghị định 174/2016/NĐ-CP thì có quy định những người sau đây không được làm kế toán: (1) Người chưa thành niên; người bị Tòa án tuyên bố hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; người đang phải chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc. (2) Người đang bị cấm hành nghề kế toán theo bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán mà chưa được xóa án tích. (3) Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của người đại diện theo pháp luật, của người đứng đầu, của giám đốc hoặc tổng giám đốc và của cấp phó của người đứng đầu, phó giám đốc hoặc phó tổng giám đốc phụ trách công tác tài chính - kế toán, kế toán trưởng trong cùng một đơn vị kế toán, trừ doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu, doanh nghiệp thuộc loại hình khác không có vốn nhà nước và là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. (4) Người đang làm quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người được giao

nhiệm vụ thường xuyên mua, bán tài sản trong cùng một đơn vị kế toán, trừ trường hợp trong cùng doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và các doanh nghiệp thuộc loại hình khác không có vốn nhà nước và là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Vậy tôi xin hỏi : Hiện tại tôi đang là Giám Đốc công ty TNHH 1 thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu và doanh nghiệp tôi thuộc loại doanh nghiệp nhỏ thì tôi có được kiêm nhiệm thêm chức danh kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán tại công ty của mình không (Tôi có Bằng Cử nhân kế toán) ! và nếu được phép kiêm nhiệm chức danh kế toán trưởng thì trên cùng 1 chứng từ kế toán tôi có được phép ký cả 2 chức danh Giám Đốc và chức danh kế toán trưởng không

Trả lời:

Khoản 1 Điều 20 Nghị định 174/2016/NĐ-CP quy định: "*Đơn vị kế toán phải bố trí kế toán trưởng trừ các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp đơn vị chưa bổ nhiệm được ngay kế toán trưởng thì bố trí người phụ trách kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định. Thời gian bố trí người phụ trách kế toán tối đa là 12 tháng, sau thời gian này đơn vị kế toán phải bố trí người làm kế toán trưởng*"

Khoản 7 Điều 13 Luật Kế toán quy định các hành vi bị nghiêm cấm: "*Người có trách nhiệm quản lý, điều hành đơn vị kế toán kiêm làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ, trừ doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu.*"

Tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán quy định một trong những người không được làm kế toán là *"Người đang làm quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ thường xuyên mua, bán tài sản trong cùng một đơn vị kế toán, trừ trường hợp trong cùng doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và các doanh nghiệp thuộc loại hình khác không có vốn nhà nước và là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa"*.

Tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 174 quy định:*"Người có trách nhiệm quản lý, điều hành đơn vị kế toán là người quản lý doanh nghiệp hoặc người thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp; là thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc) hợp tác xã theo quy định của pháp luật hợp tác xã; là*

người đứng đầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh đơn vị kế toán ký kết giao dịch của đơn vị theo quy định".

Căn cứ những quy định nêu trên, câu hỏi của Quý Độc giả được trả lời như sau:

- Công ty của Quý Độc giả phải bố trí người làm kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 54 Luật kế toán và Điều 21 Nghị định 174/2016/NĐ-CP.

Trường hợp Độc giả đang làm Giám đốc (là người có trách nhiệm quản lý, điều hành) của công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán thì có thể đồng thời kiêm nhiệm chức danh kế toán của công ty, tuy nhiên không được kiêm nhiệm chức danh kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán của công ty.

Câu hỏi 25:

Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, kế toán trưởng không được ký thừa uỷ quyền của người đứng đầu doanh nghiệp trên chứng từ kế toán. Tuy nhiên, đối với một số chứng từ kế toán không phải là chứng từ chi tiền (như chứng từ ghi sổ in ra từ các phần mềm hạch toán, hoá đơn...), thủ trưởng đơn vị uỷ quyền cho kế toán trưởng ký phê duyệt các chứng từ đó thù kế toán trưởng có được ký tại chức danh thủ trưởng đơn vị không?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 6 Điều 118 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thì kế toán trưởng (hoặc người được uỷ quyền) không được ký "thừa uỷ quyền" của người đứng đầu doanh nghiệp trên chứng từ kế toán. Do đó, việc thủ trưởng đơn vị ủy quyền cho kế toán trưởng ký phê duyệt trên chứng từ kế toán (ký tại chức danh thủ trưởng đơn vị) là không phù hợp với quy định nêu trên của pháp luật kế toán.

Câu hỏi 26:

Tôi nhận công tác kế toán tại Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện. Nay được phân công kiêm nhiệm kế toán cơ quan Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Vậy tôi có được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm gì không? Căn cứ vào văn bản nào? Hiện tôi đang có bầu vậy khi nghỉ sinh có vẫn phải làm công tác kiêm nhiệm không?

Trả lời:

1. Về phụ cấp kiêm nhiệm:

Luật pháp về kế toán có quy định về phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước mà không có quy định về phụ cấp kiêm nhiệm kế toán đối với người làm kế toán kiêm nhiệm tại nhiều đơn vị.

2. Về nghỉ chế độ thai sản:

Về vấn đề nghỉ sinh có phải làm công tác kiêm nhiệm hay không, đề nghị độc giả thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động và các văn bản pháp luật có liên quan.

Đối với các nội dung theo thư hỏi, đề nghị độc giả gửi câu hỏi đến các cơ quan chức năng có liên quan để được trả lời theo quy định.

Câu hỏi 27:

Tôi là kế toán của đơn vị sự nghiệp công lập, rất mong Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung về hạch toán chi phí cụ thể như sau:

Đơn vị chúng tôi là đơn vị sự nghiệp công lập A (tự chủ chi thường xuyên) thuộc Cục B. Theo nhiệm vụ được Cục B giao, đơn vị chúng tôi thực hiện một số hoạt động trong công tác tổ chức kỳ thi chứng chỉ và có thu phí của các thí sinh.

Việc thu, chi của các hoạt động tổ chức thi đã được phê duyệt tại quyết định quy chế thu chi của kỳ thi do Cục trưởng Cục B ban hành. Nguồn kinh phí của các thí sinh được thu dùng để chi trả các hoạt động phục vụ ngay cho việc tổ chức các kỳ thi (thuê địa điểm thi, chấm thi….) và một phần còn lại được dùng để phục vụ công tác sau khi thi (hội thảo, đào tạo bổ sung...). Trong quá trình hạch toán kế toán các khoản thu nêu trên, tôi có vướng mắc như sau: Việc hạch toán các khoản chênh lệch thu - chi cuối năm, đơn vị tôi đang treo trên tài khoản chênh lệch thu chi cuối năm (TK4212) để dùng nguồn đó chi cho các hoạt động của kỳ thi mà không trích lập vào các quỹ (TK431) như Quỹ Phát triển sự nghiệp, Quỹ ổn định thu nhập... thì có được không?

Trả lời:

Theo hướng dẫn của chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, tại mục II, Phụ lục 02, về nguyên tắc hạch toán TK 421- Thặng dư/thâm hụt lũy kế: "*Việc phân phối và sử dụng số thặng dư phải tuân thủ các quy định của chế độ tài chính hiện hành*".

Theo đó đơn vị căn cứ vào quy định về việc thu và sử dụng nguồn kinh phí thu được từ thí sinh thông qua hoạt động tổ chức kỳ thi chứng chỉ của cơ quan có thẩm quyền, trường hợp được phép tính vào nguồn kinh phí tự chủ của đơn vị thì được hạch toán vào doanh thu, chi phí và xác định chênh lệch thu, chi, trích lập quỹ theo quy định. Trường hợp không có quy định về việc tính kinh phí này vào nguồn kinh phí tự chủ của đơn vị mà chỉ được chi dùng cho chính kỳ thi thì số dư thu lớn hơn chi được theo dõi trên TK 421 để tiếp tục chi cho các kỳ thi năm sau.

Câu hoải 28:

Xin cho tôi hỏi về cách lập chỉ tiêu số 02 trong báo cáo B03b/BCTC trong Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 Chế độ Kế toán Hành chính, Sự nghiệp. trong thông tư chỉ ghi là: - Khấu hao TSCĐ trong năm- Mã số 02: Chỉ tiêu này phản ánh số tiền khấu hao TSCĐ đã được tính vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm. Số liệu chỉ tiêu này được lấy căn cứ phát sinh chi tiết bên Có TK 214- "Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ"(số khấu hao TSCĐ). Hỏi: vậy có phải chỉ lấy hạch toán N6423/C2141 hay không? Kính mong Bộ Tài chính giải đáp thắc này giúp tôi.

Trả lời:

Theo hướng dẫn của chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, tại mục III, Phụ lục 04 chỉ tiêu *"Khấu hao TSCĐ trong năm- Mã số 02: phản ánh số tiền khấu hao TSCĐ đã được tính vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm. Số liệu chỉ tiêu này được lấy căn cứ phát sinh chi tiết bên Có TK 214- "Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ"(số khấu hao TSCĐ)*".

Theo đó đơn vị căn cứ vào số phát sinh bên Có TK 214- "Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ, chi tiết số tiền khấu hao đã tính vào chi phí của đơn vị trong năm (Nợ các TK chi phí có liên quan/ Có TK 214- số tiền khấu hao TSCĐ)

Câu hỏi 29:

Tôi đang công tác tại trường trung học phổ thông công lập 1. Trong năm 2019, trường tôi có nhận kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh từ Bảo hiểm xã hội tỉnh Tiền Giang. Theo Nghị định 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ thì nguồn kinh phí này phải quyết toán với cơ quan quản lý cấp trên (Sở Giáo dục). Khi theo dõi nguồn này tôi đã hạch toán như sau; - Khi nhận kinh phí, hạch toán như sau: + Nợ các TK 111, 112 Có TK 337- Tạm thu (3371).

Đồng thời, ghi: + Nợ TK 0181 - Khi sử dụng kinh phí, hạch toán: + Nợ các TK 141, 152, 153, 211, 611,... Có các TK 111, 112. Đồng thời, ghi: + Có TK 0181- Thu hoạt động khác được để lại Đồng thời, ghi: + Nợ TK 337- Tạm thu (3371) Có TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu (nếu dùng để mua TSCĐ; nguyên liệu, vật liệu, CCDC nhập kho) Có TK 5118- Thu hoạt động do NSNN cấp (5118) (nếu dùng cho hoạt động thường xuyên và hoạt động không thường xuyên). Cho tôi hỏi, tôi hạch toán như vậy có đúng không và có phải quyết toán với cơ quan quản lý cấp trên theo mục lục ngân sách không? 2. Các đơn vị trường bạn thì hạch toán nguồn này vào tài khoản 3381 (thu hộ, chi hộ), như vậy có đúng không? Nhằm giúp tôi thực hiện đúng theo quy định hiện hành kịp thời, rất mong nhận được hồi âm của Bộ Tài chính.

Trả lời:

1. Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành Thông tư 107/2017/TT-BTC (Khoản 1, Điều 6) quy định "*Trường hợp đơn vị HCSN có phát sinh thu, chi từ nguồn khác nếu có quy định phải quyết toán như nguồn NSNN cấp thì phải lập báo cáo quyết toán đối với các nguồn này*", trong trường hợp đó việc nhận và sử dụng kinh phí đơn vị phải hạch toán tài khoản nội bảng, đồng thời hạch toán chi tiết tài khoản ngoại bảng theo mục lục NSNN.

- Tại phụ lục 02, phần hướng dẫn hạch toán TK 511- Thu hoạt động do NSNN cấp, quy định: "*Tài khoản 5118- Thu hoạt động khác*: Phản ánh các khoản thu hoạt động khác được để lại mà đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán (hoặc không giao dự toán) *và yêu cầu phải báo cáo quyết toán theo Mục lục NSNN*".

- Tại phụ lục 02, phần hướng dẫn hạch toán TK 018- Thu hoạt động khác được để lại, quy định nguyên tắc hạch toán: "*Tài khoản này dùng cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp phản ánh các khoản thu hoạt động khác được để lại đơn vị mà được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán (hoặc không giao dự toán) và yêu cầu phải báo cáo quyết toán theo mục lục NSNN. Khi chi cho các hoạt động theo quy định từ nguồn thu hoạt động khác được để lại phải hạch toán theo Mục lục NSNN. Khi báo cáo quyết toán đơn vị phải báo cáo số thực chi từ nguồn thu hoạt động khác*".

Căn cứ theo các quy định nêu trên, trường hợp đơn vị có phát sinh hoạt động mà cơ quan có thẩm quyền quy định phải báo cáo quyết toán theo Mục lục NSNN thì phải sử dụng các TK 5118, 018,... đồng thời lập Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động (mẫu B01/BCQT) và phụ biểu chi tiết F01-01/BCQT theo hướng dẫn tại chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC.

2. Khoản 3 Điều 34 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 25/10/2018 của Chính phủ quy định: *Đối với cơ sở giáo dục hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thực hiện hạch toán các khoản chi khám bệnh, chữa bệnh trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu vào chi phí thực hiện công tác y tế tại cơ sở và quyết toán với đơn vị quản lý cấp trên theo quy định hiện hành*;

Do đó, trường hợp trường học nơi độc giả công tác là đơn vị sự nghiệp công lập, đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 thì kinh phí được trích để lại nêu trên được hạch toán vào chi phí thực hiện công tác y tế tại cơ sở và thực hiện quyết toán nguồn hoạt động khác được để lại của đơn vị. Việc quyết toán thực hiện theo mục lục ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

Câu hỏi 30:

Căn cứ Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư; Căn cứ Thông tư số 79/2019/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; kính đề nghị đơn vị có hướng dẫn về nội dung như sau: Theo khoản 1, Điều 2 của Thông tư số 79/2019/TT-BTC ngày 14/11/2019: 1. Đối tượng áp dụng: a) Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định thành lập và Ban quản lý đầu tư xây dựng một dự án theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng (trừ các ban quản lý dự án là tổ chức thành viên của doanh nghiệp); b) Ban quản lý dự án do chủ đầu tư thành lập để quản lý các dự án đầu tư từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Theo khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012: 3. Những nội dung không hướng dẫn trong Thông tư này, đơn vị chủ đầu tư thực hiện theo Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn Luật, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15, Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định 19. Ban Quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia xã (sau đây gọi tắt là Ban quản lý xã) là chủ đầu tư các dự án, nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã. Ban Quản lý xã do Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập theo quy định Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới

giai đoạn 2016 - 2020. Ban quản lý xã trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản và sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân xã trong hoạt động giao dịch với các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật. Theo các quy định như trên, kính đề nghị đơn vị hướng dẫn như sau: - Ban quản lý xã có thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư số số 79/2019/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công. - Trường hợp Ban quản lý xã không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư số 79/2019/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính thì áp dụng theo chế độ báo cáo tài chính nào, phương pháp ghi chép và mở sổ kế toán.

Trả lời:

Câu hỏi của độc giả về chế độ kế toán áp dụng cho Ban quản lý chương trình mục tiêu quốc gia xã do UBND xã thành lập theo Quyết định 1600/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán- Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Số liệu chương trình mục tiêu của xã được hạch toán trên cùng hệ thống sổ kế toán của UBND xã theo hướng dẫn của chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã ban hành theo Thông tư 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính, Ban tài chính xã cử kế toán theo dõi riêng chương trình mục tiêu của xã, mở sổ chi tiết theo từng chương trình mục tiêu và các yêu cầu quản lý để tập hợp thông tin báo cáo với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Câu hỏi 31:

Cách lập báo cáo LCTT theo TT 99/2018/TT-BTC với nội dung sau: Theo TT 99/2018/TT_BTC khi lập LCTT chỉ tiêu lãi lỗ chênh lệch tỷ giá và chỉ tiêu lãi lỗ từ các khoản đầu tư đã bỏ so với thông tư 107/2017. Mà chỉ có chỉ tiêu Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tiền thu từ các hoạt động đầu tư như vậy khi bù trừ chỉ tiêu trên bằng 0 nhưng thực tế vẫn có nghiệp vụ phát sinh. Nhưng trường hợp nếu chỉ tiêu có lãi / lỗ từ hoạt động đầu tư mà chưa thu được tiền thì chỉ tiêu đó sẽ phản ánh vào đâu.

Trả lời:

Thông tư 99/2018/TT-BTC về hướng dẫn lập BCTC tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên hướng dẫn lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

tổng hợp đối với luồng tiền từ hoạt động chính theo phương pháp gián tiếp, theo đó đơn vị căn cứ số liệu các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp để điều chỉnh luồng tiền của hoạt động chính trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp, luồng tiền từ hoạt động chính được xác định bằng việc điều chỉnh thặng dư, thâm hụt với các chỉ tiêu ảnh hưởng đến nó nhưng không phát sinh dòng tiền.

Thông tư 99/2018/TT-BTC không hướng dẫn đơn vị thực hiện phương pháp tổng hợp Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp dưới lập theo hướng dẫn tại Thông tư 107/2017/TT-BTC, đồng thời không quy định việc so sánh đối chiếu chỉ tiêu trên 2 báo cáo này.

Câu hỏi 32:

Cách lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo TT99/2018/TT-BTC, nội dung như sau: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp lập trên cơ sở Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán áp dụng theo TT107/2017/TT-BTC, trong đó Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo TT107 có 2 chỉ tiêu trong phần I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG CHÍNH là <2.Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá> và 3.Lãi/lỗ từ các khoản đầu tư> mà trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp lại không có. Như vậy số liệu ở chỉ tiêu trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp sẽ không khớp với số liệu cộng gộp của các đơn vị cấp dưới lập theo TT107. Vậy trong trường hợp này sẽ xử lý như thế nào?

Trả lời:

Thông tư 99/2018/TT-BTC về hướng dẫn lập BCTC tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên hướng dẫn lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp đối với luồng tiền từ hoạt động chính theo phương pháp gián tiếp căn cứ số liệu của Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp. Theo đó luồng tiền từ hoạt động chính được xác định bằng việc điều chỉnh thặng dư, thâm hụt với các chỉ tiêu ảnh hưởng đến nó nhưng không phát sinh dòng tiền.

Thông tư 99/2018/TT-BTC không hướng dẫn phương pháp tổng hợpBáo cáo lưu chuyển tiền tệ từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp dưới.

Câu hỏi 33:

Tôi làm việc trong một đơn vị hành chính sự nghiệp có thu. Hiên nay cơ quan tôi có mua 200 bình phun sương diệt khuẩn cho cán bộ viên chức để phục vụ

trong mua dịch Covid-19, thanh toán bằng tiền mặt nhưn bên bán là một trung tâm của đơn vị HSCN nên không có hóa đơn hay biên lai thu tiền mà chỉ cung cấp phiếu thu theo mẫu C40-BB theo TT số 107 của BTC có đầy đủ chữ ký và con dấu thì đó có goi là chứng từ kế toán hợp lệ để được thanh toán không ạ?

Trả lời:

Căn cứ Điều 20, Luật Kế toán quy định về hóa đơn:

1. Hóa đơn là chứng từ kế toán do tổ chức, cá nhân bán hàng, cung cấp dịch vụ lập, ghi nhận thông tin bán hàng, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung, hình thức hóa đơn, trình tự lập, quản lý và sử dụng hoá đơn thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

Theo đó Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp không có quy định về mẫu biểu hóa đơn mua bán hàng hóa. Trường hợp đơn vị có phát sinh các hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ thì việc sử dụng hóa đơn được thực hiện theo các quy định của pháp luật thuế về hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ, như sau:

Theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ Quy định về hóa đơn bán hàng hóa dịch vụ: *Khi bán hàng hoá, dịch vụ người bán phải lập hoá đơn. Khi lập hoá đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Nghị định này* (Khoản 1, Điều 15), và *Bán hàng hoá, dịch vụ có tổng giá thanh toán dưới 200.000 đồng mỗi lần thì không phải lập hoá đơn, trừ trường hợp người mua yêu cầu nhận hoá đơn* (Khoản 1, Điều 16).

Theo quy định tại Điều 11, Thông tư 39/2014/TT-BTC về hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thì *Cơ quan thuế bán hóa đơn cho các đối tượng sau:a) Tổ chức không phải là doanh nghiệp nhưng có hoạt động kinh doanh…*

Như vậy theo tình huống độc giả hỏi trường hợp đơn vị cung cấp hàng hóa là Trung tâm thuộc đơn vị hành chính sự nghiệp, đề nghị liên hệ với cơ quan Thuế trên địa bàn để được hướng dẫn về hóa đơn mua hàng.

Câu hỏi 34 :

- Căn cứ điều 189 của luật Doanh nghiệp 2014: Muốn thành lập công ty con thì công ty mẹ phải đáp ứng những điều kiện sau "1. Một công ty được coi

là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó; c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó. - Căn cứ Điều 8. "Xác định công ty mẹ" của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 1. Một công ty được coi là công ty mẹ của một công ty khác nếu …….. Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động trong các trường hợp sau đây: a) Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp ở Công ty con. Trường hợp có sự khác biệt giữa tỷ lệ quyền biểu quyết theo giấy đăng ký kinh doanh và tỷ lệ quyền biểu quyết tính trên cơ sở vốn thực góp thì quyền biểu quyết được xác định theo điều lệ doanh nghiệp hoặc theo sự thống nhất giữa các bên; b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty con; c) Có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương; d) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con; đ) Các nhà đầu tư khác thoả thuận dành cho công ty mẹ hơn 50% quyền biểu quyết; e) Có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thoả thuận. Căn cứ vào dữ liệu trên, Tôi xin hỏi: Một công ty A có vốn góp chiếm 49% số vốn của công ty B Ông Nguyễn Văn Tuấn có vốn góp chiếm 20% số vốn của công ty B. Tại đại hội cổ đông Ông Nguyễn văn Tuấn ủy quyền " 20% vốn góp của mình" cho Công ty A toàn quyền quyết định "trong 1 nhiệm kỳ 5 năm" trừ quyền chuyển nhượng và nhận cổ tức. Như vậy trong nhiệm kỳ 5 năm công ty A có quyền hợp nhất Báo cáo tài chính của công ty B không ? Nếu được hợp nhất thì phải cần có hồ sơ thủ tục gì để đảm bảo tính pháp lý. Rất mong sự hướng dẫn của quý bộ.

Trả lời:

Trả lời phiếu câu hỏi số 060420-12, Cục QLKT có ý kiến như sau:

Tại Điều 8 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất về xác định công ty mẹ quy định:

"1. Một công ty được coi là công ty mẹ của một công ty khác nếu có quyền kiểm soát thông qua việc chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty này mà không chỉ xét tới hình thức pháp lý, hay tên gọi của công ty đó. Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động trong các trường hợp sau đây:

a) Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp ở Công ty con. Trường hợp có sự khác biệt giữa tỷ lệ quyền biểu quyết theo giấy đăng ký kinh doanh và tỷ lệ quyền biểu quyết tính trên cơ sở vốn thực góp thì quyền biểu quyết được xác định theo điều lệ doanh nghiệp hoặc theo sự thống nhất giữa các bên;

b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty con;

c) Có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;

d) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con;

đ) Các nhà đầu tư khác thoả thuận dành cho công ty mẹ hơn 50% quyền biểu quyết;

e) Có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thoả thuận.

2. Khi xác định quyền kiểm soát của công ty mẹ, ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại thời điểm hiện tại. Nếu các công cụ nợ và công cụ vốn nêu trên không được phép chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại thời điểm hiện tại, ví dụ không thể chuyển đổi trước một thời điểm nào đó trong tương lai hoặc cho đến khi một sự kiện trong tương lai xảy ra thì không được sử dụng để xác định quyền kiểm soát".

Tại điểm b khoản 1 Điều 41 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định *"Trường hợp nhà đầu tư tạm thời nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết tại đơn vị nhưng không dự định thực thi quyền biểu quyết do mục đích đầu tư là mua – bán công cụ vốn để kiếm lời (nắm giữ khoản đầu tư vì mục đích thương mại và quyền kiểm soát chỉ là tạm thời) thì không hạch toán khoản đầu tư vào tài khoản này mà hạch toán là đầu tư ngắn hạn".*

Theo mô tả của Quý độc giả, Công ty A góp 49% vốn tại Công ty B, Ông Nguyễn Văn Tuấn góp 20% số vốn tại công ty B đồng thời Ông Tuấn ủy quyền 20% số vốn góp của mình cho Công ty A toàn quyền quyết định trong nhiệm kỳ 5 năm. Tuy nhiên, mô tả của Quý độc giả chưa nêu rõ là sau nhiệm kỳ 5 năm, ông Tuấn có tiếp tục ủy quyền biểu quyết ổn định và lâu dài cho công ty A hay không cũng như sau khi được nhận ủy quyền của ông Tuấn, Công ty A có nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở Công ty B hay không.

Vì vậy, đề nghị Quý độc giả căn cứ vào quy định nêu trên và thực tế của đơn vị để xác định công ty A có phải là mẹ của công ty B hay không. Trường hợp Công ty A được xác định là công ty mẹ của công ty B, việc hợp nhất báo cáo tài chính được thực hiện theo quy định tại Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Câu hỏi 35:

Tôi có một số vấn đề vướng mắc khi hạch toán kế toán theo TT 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017, kính mong Bộ Tài chính hướng dẫn, giải đáp cụ thể như sau: 1. Đối với việc theo dõi chi phí KCB BHYT tại các bệnh viện công lập: đơn vị có số thu BHYT theo hóa đơn xuất cho người bệnh là 1.000 trđ nhưng BHXH chỉ chấp nhận thanh quyết toán 900 trđ do vượt dự toán BHXH giao là 100 trđ, vậy đơn vị theo dõi 100 trđ trên TK 3378 có được hay không? Ví dụ: Nợ 131/Có 3378: 1.000 trđ Khi BHXH có biên bản chấp nhận thanh quyết toán: Nợ 3378/Có 531: 900 trđ Dư Nợ TK 3378 đến cuối kỳ là 100 trđ Nếu năm sau BHXH chấp nhận thanh quyết toán phần vượt dự toán giao 80 trđ, còn lại 20 trđ không chấp nhận thì hạch toán: Nợ 3378/Có 531: 80 trđ; Nợ 3378/Có 131: 20 trđ. 2. Đối với các đơn vị do NSNN đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động không có trích lập Quỹ PTHĐSN, trong năm có mua sắm TSCĐ thì từ nguồn thu Dịch vụ KCB thì hạch toán như thế nào? Vì TT 107 chỉ hướng dẫn hạch toán khi mua TSCĐ từ nguồn NSNN và mua từ Quỹ PTHĐSN, không hướng dẫn khi mua trực tiếp từ nguồn thu DV KCB. 3. Sử dụng nguồn cải cách tiền lương: Trong TT 107, BTC chỉ hướng dẫn khi chi chênh lệch lương từ nguồn CCTL trích trong năm, chưa nói rõ trường hợp chi từ nguồn CCTL còn dư các năm trước mang sang. Ví dụ: Nguồn CCTL năm 2018 trích từ nguồn thu DV KCB còn mang sang 2019 là 1.000 trđ (Dư có đầu kỳ 2019 TK 468 là 1.000 trđ). Trong năm, đơn vị chi chênh lệch lương theo số được giao sử dụng từ nguồn CCTL năm 2018 còn dư là 500 trđ Nếu hạch toán như TT107 là Nợ 468/Có 4212 thì sẽ không phản ánh đúng chênh lệch thu lớn hơn chi của năm 2019 vì đây là sử dụng nguồn CCTL năm 2018 mang sang. 4. Đối với TK 008 ngoài bảng, đề nghị BTC hướng dẫn cụ thể hơn: Cho dữ liệu như sau: Số dư KP hoạt động TX chưa sử dụng năm 2017 chuyển sang: 71.327.834 đ (Dư Nợ TK 008112) * Năm 2018: - Khi báo cáo năm 2017 được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán (kinh phí quyết toán năm 2017 chi TX là 2.293.068.623đ): Nợ TK 008112 (2.293.068.623đ) Đồng thời, ghi Có TK 008112 (2.293.068.623đ) - Số dư dự toán 2017 được chuyển sang năm 2018 sử dụng tiếp: Nợ TK 008112 (71.327.834đ) Đồng thời, ghi Nợ TK

008212 71.327.834đ - Dự toán NSNN giao năm 2018 cho chi TX: 2.472.344.000đ Nợ TK 008212 2.472.344.000đ -. Trong năm, tổng số rút dự toán (thực chi) để sử dụng cho các hoạt động thường xuyên: 2.485.604.466đ Có TK 008212 2.485.604.466đ - Cuối năm 2018, các khoản chi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán: + Kết chuyển toàn bộ số phát sinh bên Nợ của TK năm nay sang TK năm trước để chờ phê duyệt QT: Nợ TK 008212 (2.543.671.834đ) = ghi âm (2a) +(3a) Đồng thời, ghi: Nợ TK 008112 2.543.671.834đ = ghi dương (2a) +(3a) + Kết chuyển toàn bộ số phát sinh bên Có của TK năm nay sang TK năm trước để chờ phê duyệt QT: Có TK 008212 (2.485.604.466đ) = ghi âm (4a) Đồng thời, ghi: Có TK 008112 2.485.604.466đ = ghi dương (4a) * Sang năm 2019, khi báo cáo năm 2018 được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán (kinh phí quyết toán năm 2018 chi TX là 2.485.604.466đ): Nợ TK 008112 (2.485.604.466đ) Đồng thời, ghi Có TK 008112 (2.485.604.466đ) - Số dư dự toán 2018 được chuyển sang năm 2019 sử dụng tiếp: Nợ TK 008112 (58.067.368đ) Đồng thời, ghi Nợ TK 008212 58.067.368đ Các hạch toán như trên là đúng hay chưa đúng,

Trả lời:

1. Đối với chi phí khám chữa bệnh BHYT tại bệnh viện công lập

Theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, chi phí hoạt động khám chữa bệnh của đơn vị SNCL thuộc y tế được tập hợp vào tài khoản 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh, dịch vụ dở dang (đơn vị mở chi tiết để theo dõi phù hợp với yêu cầu quản lý).

Trên cơ sở chi phí khám chữa bệnh BHYT đã thực hiện trong kỳ, đơn vị xác định doanh thu mà đơn vị có khả năng chắc chắn thu được (có thể căn cứ tình hình chi trả của BHYT trong các năm trước liền kề hoặc căn cứ số đã được BHYT duyệt quyết toán,…), ghi Nợ TK 131/Có TK 531. Không sử dụng tài khoản 3378 - Tạm thu khác.

Đối với chi phí khám chữa bệnh BHYT không được cơ quan bảo hiểm chấp nhận chi trả thì đơn vị phải tính vào các nguồn kinh phí khác hiện có tại đơn vị. Chi phí đã thực hiện vẫn tiếp tục được theo dõi trên TK 154, khi xác định được nguồn đảm bảo thì đơn vị thực hiện bút toán kết chuyển Nợ TK 632/Có TK 154.

2. Mua sắm TSCĐ tại đơn vị sự nghiệp do NSNN đảm bảo toàn bộ hoạt động

Về nguyên tắc, đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN đảm bảo toàn bộ hoạt động là các đơn vị không có nguồn thu hoặc nguồn thu rất ít phải do NSNN đảm

bảo *toàn bộ* kinh phí hoạt động. Vì vậy đề nghị độc giả xem lại tình huống nêu là đơn vị mua sắm TSCĐ từ nguồn thu không thuộc nguồn ngân sách cấp.

Trường hợp mua sắm TSCĐ do NSNN cấp, đơn vị hạch toán theo hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC.

3. Chi từ nguồn cải cách tiền lương mang sang từ các năm trước

Chi lương là một khoản chi phí (không phân biệt sử dụng nguồn nào), chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC đã hướng dẫn trường hợp hạch toán chi phí tiền lương từ nguồn cải cách tiền lương thì ngoài bút toán chi phí còn phải thực hiện bút toán bù nguồn (Nợ TK 468/Có TK 421).

4. Về việc hạch toán trên TK 008- Dự toán chi hoạt động

Thông tin độc giả đã nêu không rõ ràng. Theo quy định,việc hạch toán trên TK 008 phải được thực hiện trên cơ sở nghiệp vụ phát sinh, sau ngày 31/12 số dư đã hạch toán trên TK 0082 (năm nay) sẽ được chuyển thành số liệu của TK 0081 (năm trước) để tiếp tục hạch toán số liệu phát sinh trong thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN và được tất toán khi quyết toán năm của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC đã hướng dẫn rất rõ cách hạch toán trên tài khoản này tại phụ lục 02 tại các TK 337, 511, 611, 008,…, đề nghị độc giả nghiên cứu thực hiện./.

Câu hỏi 36:

Điều 47- Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định:

- Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo, quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động được phân bổ tối đa không quá 3 năm;

- Chi phí sửa chữa TSCĐ phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, phân bổ tối đa không quá 3 năm.

Quy định hiện hành của Thuế TNDN: Đối với tài sản là công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển,... không đáp ứng đủ điều kiện xác định là tài sản cố định theo quy định thì chi phí mua tài sản nêu trên được phân bổ dần vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng tối đa không quá 3 năm.

Chúng tôi xin hỏi: 3 năm nêu trên theo quy định về thuế và về kế toán là 3 năm tài chính hay quy đổi 3 năm nêu trên thành 36 tháng, vì 36 tháng có thể rơi vào 4 năm tài chính?

Trả lời:

Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 47 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thì chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo, quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động, chi phí sửa chữa TSCĐ phát sinh một lần có giá trị lớn mà doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được ghi nhận vào chi phí trả trước và các chi phí này được phân bổ tối đa không quá 3 năm tương đương với 36 tháng.

Câu hỏi 37:

Năm 2019, Trung tâm tôi được phân loại là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư. Hoạt động mua sắm tài sản tại đơn vị tôi được thực hiện mua sắm từ nguồn NSNN, nguồn thu phí, nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Theo quy định tại Thông tư số 45/2018 ngày 7/5/2018 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao TSCD thì đơn vị tôi phải thực hiện trích khấu hao TSCD, chi phí trích khấu hao được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Tuy nhiên, Thông tư số 107/2017/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp chưa có hướng dẫn bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp từ chi phí khấu hao TSCD mua từ nguồn NSNN và nguồn phí. Vì vậy, tôi mong Quý Bộ có hướng dẫn về việc này để đơn vị tôi thực hiện đúng quy định.

Trả lời:

Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp đã hướng dẫn rất rõ các bút toán ghi bổ sung quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đối với khoản khấu hao tài sản từ nguồn NSNN và có nguồn gốc NSNN tại các phần giải thích nội dung kết cấu và phương pháp ghi chép các tài khoản (mục II, Phụ lục số 02) đối với TK 211- TSCĐ hữu hình, TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ, TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế, TK TK 431- các quỹ,...

Câu hỏi 38:

Kiểm toán viên đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (15/10/2019-31/12/2023) tại công ty kiểm toán A nhưng chưa có tên trong DS thông báo của BTC trên trang web này, thì có được ký trên BC kiểm toán công ty kiểm toán A không? kính mong Bộ hưởng dẫn để công ty bổ sung các thủ tục cần thiết.

Trả lời:

Kiểm toán viên được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán được ký báo cáo kiểm toán theo thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (trừ trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị quy định tại Điều 8 Thông tư 202/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012). Bộ Tài chính **định kỳ** cập nhật và công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính danh sách các Kiểm toán viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.

Câu hỏi 39:

Cơ quan tôi là một trường Tiểu học, vừa qua có thực hiện việc gói thầu mua sắm bàn ghế cho học sinh. Trong quá trình mua sắm phát sinh khoản thu bán hồ sơ mời thầu với số tiền 5.000.000 đồng. Xin hỏi hạch toán nguồn thu đó vào tài khoản 531 hay tài khoản 711?

Trả lời:

Trường tiểu học là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương, vì vậy đơn vị là đối tượng áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị được phản ánh vào sổ sách kế toán theo quy định của chế độ kế toán này.

Việc hạch toán khoản thu bán hồ sơ mời thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động của đơn vị đề nghị độc giả nghiên cứu quy định liên quan đến tài khoản 337 tại Thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp để triển khai thực hiện.

Câu hỏi 40:

Tôi công tác tại đơn vị trung tâm y tế huyện vừa được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng Phòng tài chính kế toán, vừa được bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng như vậy có được không?

Cho tôi hỏi, có được hưởng cả hai loại phụ cấp: Phụ cấp chức vụ và phụ cấp trách nhiệm không?

Vừa qua thanh tra tỉnh có kết luận không cho bổ nhiệm như trên là vi phạm Khoản 4, Điều 52 Luật Kế toán năm 2015;

Kinh mong nhận được câu trả lời sớm nhất để chúng tôi thực hiện chính sách đúng với quy định.

Trả lời:

1. Về bổ nhiệm kế toán trưởng

Điều 52, Luật Kế toán 2015 quy định về những người không được làm kế toán *"...4. Người đang là người quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người mua, bán tài sản trong cùng một đơn vị kế toán, trừ trong doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và các trường hợp khác do Chính phủ quy định*".

Mục đích của quy định này nhằm đảm bảo sự kiểm soát lẫn nhau giữa những người cùng thực hiện công việc trong quy trình nghiệp vụ kế toán của đơn vị, tránh việc bắt tay lợi dụng làm thất thoát tiền, tài sản của nhà nước. Đối với đơn vị kế toán nhà nước người đang quản lý điều hành đơn vị được hiểu là thủ trưởng đơn vị. Trường hợp bạn là trưởng phòng tài chính tại Trung tâm y tế huyện thì không thuộc đối tượng không được làm kế toán trưởng tại đơn vị.

2. Về phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng

Phụ cấp trách nhiệm công việc kế toán trưởng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2018/TT-BNV ngày 27/3/2018 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực nhà kế toán nhà nước.

Trường hợp cá nhân là Trưởng phòng tài chính kế toán của đơn vị và được bổ nhiệm kế toán trưởng đơn vị thì được hưởng phụ cấp chức vụ và phụ cấp trách nhiệm kế toán trưởng theo quy định hiện hành./.

Câu hỏi 41:

Trong lĩnh vực giáo dục. Trường học có mua tài sản cố định bằng nguồn học phí trong năm thu được thì định khoản như sau có đúng với chế độ kế toán không ạ: - Mua: N211 C112 - Hao mòn, Khấu hao: N61113,6423,154 C214 Hay phải qua tài khoản: 43141, 43142 nữa?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định 43/2006/NĐ-CP quy định "Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp dùng để đầu tư, phát triển nâng cao hoạt động sự nghiệp, *bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc*, chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ, trợ giúp thêm đào tạo, huấn

luyện nâng cao tay nghề năng lực công tác cho cán bộ, viên chức đơn vị; được sử dụng góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và khả năng của đơn vị và theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng Quỹ do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị".

Căn cứ khoản 3 Điều 12 Nghị định 16/2015/NĐ-CP quy định "Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để *đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc*; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (đối với đơn vị được giao vốn theo quy định) để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có)".

Theo đó, hạch toán TSCĐ mua bằng quỹ PTHĐSN được hạch toán theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp như sau:

(1) Khi mua TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- Tài sản cố định hữu hình

Có các TK 111, 112, 331,….

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 431- Các quỹ (43141)

Có TK 431- Các quỹ (43142).

(2) Tính hao mòn TSCĐ (nếu dùng cho hoạt động hành chính sự nghiệp hoặc hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ), ghi:

Nợ TK 611- Chi phí hoạt động

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ.

(3) Trích khấu hao (nếu dùng cho hoạt động kinh doanh), ghi:

Nợ các TK 154, 642

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ.

(4) Cuối năm, kết chuyển số hao mòn và khấu hao đã tính (trích) trong năm, ghi:

Nợ TK 431- Các quỹ (43142)

Có TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế (số hao mòn đã tính)

Có TK 431- Các quỹ (43141) (số khấu hao đã trích).

Ngoài ra, TSCĐ tại các đơn vị còn được mua sắm bằng nguồn NSNN cấp, nguồn thu hoạt động khác được để lại theo chế độ; nguồn phí khấu trừ, để lại; nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài; nguồn vốn vay… đã được hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017.

Câu hỏi 42:

theo TT107/2017/TT-BTC về chế độ HCSN, năm 2019 NSNN cấp cho đơn vị 100 triệu mua sắm TSCĐ. Tài sản này vừa dùng cho hoạt động hành chính, vừa dùng cho hoạt động SXKD. Khi mua TSCĐ hạch toán: Nợ 211, Có 3661: 100triệu; cuối năm tính khấu hao: Nợ 642, có 214: 15 triệu; tính hao mòn: Nợ 611, có 214: 5 triệu; kết chuyển số hao mòn và khấu hao: Nợ 3661, có 511: 20tr. Vậy khi xác định kết quả kinh doanh sẽ có chênh lệch giữa TK 511 và TK611 là 5triệu. Phần chênh lệch này được xử lý như thế nào cho đúng quy đinh?

Trả lời:

Căn cứ Theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hướng dẫn hạch toán mua sắm TSCĐ do NSNN cấp, hao mòn, trích khấu hao TSCĐ như sau:

(1) Rút dự toán mua TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211: 100.000.000đ

Có TK 36611: 100.000.000đ.

Đồng thời, ghi Có TK 008: 100.000.000đ.

(2) Tính hao mòn TSCĐ (theo ví dụ của độc giả nêu tính hao mòn: 5.000.000tr), ghi:

Nợ TK 611: 5.000.000đ

Có TK 214: 5.000.000đ.

(3) Trích khấu hao (theo ví dụ của độc giả nêu trích khấu hao là: 15.000.000đ), ghi:

Nợ TK 154, 642: 15.000.000đ

Có TK 214: 15.000.000đ.

(4) Kết chuyển số hao mòn và khấu hao đã tính (trích), ghi:

Nợ TK 366: 20.000.000đ

Có TK 511: 20.000.000đ.

(5) Khi xác định kết quả, ghi:

- Nợ TK 511: 20.000.000đ

Có TK 911: 20.000.000đ

- Nợ TK 911: 20.000.000đ

Có TK 611: 5.000.000đ

Có TK 632, 642: 15.000.000đ

(Như vậy, tổng thặng dư, thâm hụt bằng 0).

Căn cứ khoản 5 Điều 16 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao TSCĐ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và TSCĐ do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định: Số tiền trích khấu hao đối với tài sản cố định hình thành bằng nguồn NSNN được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị. Do đó, số tiền 15.000.000 đơn vị đã trích khấu hao vào chi phí sẽ được chuyển về Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp bằng tiền (TK 43141).

Câu hỏi 42:

Công ty chúng tôi kinh doanh mặt hàng mỹ phẩm, Công ty muốn hỏi hạch toán về việc tiêu hủy hàng hóa hết hạn sử dụng: 1. Theo Công ty tìm hiểu và quy định tại Điều 45, Thông tư 200/2014/TT-BTC thì trong năm tài chính hiện tại hạch toán như sau: "3.4. Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho … c) Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi: Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (số được bù đắp bằng dự phòng) Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng) Có các TK 152, 153, 155, 156. " => Như vậy Công ty đang hiểu là năm trước phải trích lập quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Nợ TK 632 Có TK 229 2. Đối với trường hợp Công ty tôi như sau: Trong năm 2018 có tiêu hủy hàng hóa hết hạn sử dụng, nhưng cuối năm 2017 Công ty chưa thực hiện trích lập quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Xin hỏi Bộ Tài chính là: Trong năm 2018, Công ty hạch toán: Nợ TK 632/Có TK 156 có đúng không?

Trả lời:

Theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, về nguyên tắc việc kế toán tiêu hủy hàng tồn kho do hết hạn sử dụng được thực hiện như sau:

1. Nếu tại thời điểm 31/12/2017, hàng tồn kho không có dấu hiệu giảm giá, công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trong năm 2018 khi tiêu hủy hàng hóa do hết hạn sử dụng, kế toán ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 156 - Hàng hóa.

2. Trường hợp tại thời điểm 31/12/2017, Công ty có bằng chứng về việc hàng tồn kho bị giảm giá trị và công ty đã tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trong năm 2018 khi tiêu hủy hàng hóa do hết hạn sử dụng, kế toán ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (số được bù đắp bằng dự phòng)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có TK 156 - Hàng hóa.

3. Trường hợp tại 31/12/2017 công ty có bằng chứng về việc hàng tồn kho bị giảm giá trị nhưng công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Nếu việc chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho thuộc trường hợp phải điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 29- Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót thì công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố sổ sách kế toán năm 2017 theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 29 này. Trong năm 2018 khi tiêu hủy hàng hóa do hết hạn sử dụng, kế toán ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổng thất tài sản (số được bù đắp bằng dự phòng)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có TK 156 - Hàng hóa.

- Nếu việc chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho không thuộc trường hợp phải điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 29 nêu trên, trong năm 2018 khi tiêu hủy hàng hóa do hết hạn sử dụng, kế toán ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 156 - Hàng hóa.

Câu hỏi 43:

Theo TT 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán HCSN có hiệu lực năm 2018. Đơn vị tôi có nguồn thu phí và được để lại 100.000.000 đ, trong đó 30% để lại cho hoạt động HC, 70% cho hoạt động thu phí. Vậy theo thông tư tôi sữ phải ht như sau đúng không. Khi thu được tiền bằng : Nợ Tk 1111:100tr Có tk 3373:100tr Khi được xét để lại hết đơn vị theo thông tin trên Có tài khoản 0141: 30tr Có tk 0142: 70tr Khi chi trả tiền điện dùng chung cho cả thu phí và hđ chung của đơn vị 10tr(thu phí: 7tr, hđ hc đv:3) Nợ tk 61112: 3tr Nợ tk 6142: 7tr Có tk 1111:10tr Đồng thời có 0141:10tr Cuối năm kết chuyển chi phí Nợ tk 3373:10tr Có 5111:3tr Có 514:7tr theo sách hướng dẫn nhà cuất nản tài chính Hay hạch toán kết chuyển về hết 514 10tr theo sách hướng dẫn của nhà xuất bản thông tin và truyền thông. Nhưng tôi thấy không đúng với nguyên tắc phù hợp.

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, đơn vị hạch toán nguồn thu phí (theo pháp luật phí, lệ phí), như sau:

- Khi thu phí, lệ phí, ghi:

Nợ các TK 111, 112

Có TK 337- Tạm thu (3373).

Xác định số được để lại, ghi: Nợ TK 014- Phí được khấu trừ, để lại (chi tiết 0141, 0142)

- Khi chi từ số phí được khấu trừ, để lại, ghi:

Nợ TK 611- Chi phí hoạt động (nếu là chi cho hoạt động hành chính)

Nợ TK 614- Chi phí hoạt động thu phí (nếu chi cho công tác thu)

Có các TK 111, 112.

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 337- Tạm thu (3373)

Có TK 514- Thu phí được khấu trừ, để lại.

Đồng thời, ghi:

Có TK 014- Phí được khấu trừ, để lại (chi tiết 0141, 0142).

Câu hỏi 44:

Vào ngày 10/10/2017 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 107/2017/TT-BTC v/v hướng dẫn chế độ kê toán hành chính sự nghiệp có hiệu lực áp dụng từ 01/01/2018. Hiện tại Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm phải mua mẫu thực phẩm tại các điểm chợ và quán ăn nhỏ lẻ (theo chỉ tiêu đơn vị lập kế hoạch hàng năm theo quy định), những mẫu thực phẩm này dưới 200.000 đồng/mẫu, tuy nhiên Thông tư 107/2017/TT-BTC không có ban hành mẫu bảng kê mua hàng. Để thực hiện đúng theo quy định trong việc thanh quyết toán kinh phí phải sử dụng chứng từ nào để làm căn cứ thanh toán, Kính mong Bộ Tài chính hướng dẫn để tôi thực hiện đúng quy định.

Trả lời:

Căn cứ Điều 3 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quy định như sau:

"1. Các đơn vị hành chính, sự nghiệp đều phải sử dụng thống nhất mẫu chứng từ kế toán thuộc loại bắt buộc quy định trong Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, các đơn vị không được sửa đổi biểu mẫu chứng từ thuộc loại bắt buộc.

2. Ngoài các chứng từ kế toán bắt buộc được quy định tại Thông tư này và các văn bản khác, đơn vị hành chính, sự nghiệp được tự thiết kế mẫu chứng từ để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Mẫu chứng từ tự thiết kế phải đáp ứng tối thiểu 7 nội dung quy định tại Điều 16 Luật kế toán, phù hợp với việc ghi chép và yêu cầu quản lý của đơn vị".

3. Đối với mẫu chứng từ in sẵn phải được bảo quản cẩn thận, không được để hư hỏng, mục nát. Séc, Biên lai thu tiền và giấy tờ có giá phải được quản lý như tiền.

4. Danh mục, mẫu và giải thích phương pháp lập các chứng từ kế toán bắt buộc quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này".

Theo đó, danh mục, mẫu và giải thích phương pháp lập các chứng từ kế toán bắt buộc quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC quy định 4 mẫu chứng từ bắt buộc, các chứng từ khác không quy định trong Thông tư các đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 nêu trên.

Câu hỏi 45:

Tôi có thắc mắc mong quý Bộ giải đáp: đơn vị sự nghiệp đảm bảo 1 phần chi thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, khi sử dụng

nguồn NSNN (hoặc Quỹ Phát triển sự nghiệp) để mua sắm tài sản phục vụ sản xuất kinh doanh thì sẽ hạch toán như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, trường hợp phát sinh thuế GTGT được khấu trừ khi mua TSCĐ được hạch toán vào bên Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 211- Tài sản cố định (giá mua chưa có thuế)

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ (thuế GTGT được khấu trừ)

Có các TK 111, 112, 331….

Câu hỏi 46:

Hạt Kiểm lâm là cơ quan HCNN, được ngân sách nhà nước (cấp 2) đảm bảo 100% kinh phí. Trước đây Hạt được cơ quan cấp trên ký 01 hợp đồng lao động lái xe theo Nghị định 68/NĐ-CP. - Tiền công thanh toán (mục 6501), hạch toán: Nợ 611/Có 341; chuyển qua tài khoản đơn vị tại ngân hàng: Nợ 112/Có 511; Phân bổ vào tài khoản thẻ ATM: nợ 334/có 112. Đồng thời ghi có 008212 - Các khoản đóng góp, hạch toán: Nợ 611 (từ chi phí), Nợ 341 (từ lương)/Có 332; chuyển nộp các khoản đóng góp: Nợ 332/Có 511. Đồng thời ghi có 008212 Sau khi rà soát, Hạt Kiểm lâm không được giao chỉ tiêu Hợp đồng theo Nghị định 68/NĐ-CP; do đó KBNN yêu cầu nộp trả kinh phí các khoản đã chi cho HĐ lái xe - Điều chỉnh giảm chi phí các nghiệp vụ (bút toán đỏ): Tiền công Nợ 611 /Có 334; Các khoản đóng góp Nợ 611, Nợ 341/Có 332; - Điều chỉnh giảm doanh thu các nghiệp vụ (bút toán đỏ): Nợ 341, Nợ 332/Có 511. Đồng thời ghi âm TK 008212 Sau đó: - Thực hiện thu hồi tiền mặt: Nợ TK 1111/Có TK .....? - Nộp trả kinh phí lên KBNN bằng tiền mặt: Nợ TK.....?/Có TK 1111 - Ghi âm các bút toán trên Đây là nghiệp vụ phát sinh trong kỳ kế toán, không phải số liệu xuất toán do thẩm tra, thanh tra hàng năm phải nộp trả ngân sách. Vậy sử dụng các TK đối ứng nào để hạch toán thu và nộp trả kinh phí bằng tiền mặt. Xin bộ Tài chính hướng dẫn,

Trả lời:

* Căn cứ CĐKT Hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, đối với các khoản thu hồi do đơn vị chi sai phải nộp trả NSNN:

- Khi thu được tiền, ghi:

Nợ TK 111- Tiền mặt

Có TK 333- Các khoản phải nộp nhà nước.

- Khi nộp trả NSNN, ghi:

Nợ TK 333- Các khoản phải nộp nhà nước

Có TK 111- Tiền mặt.

Câu hỏi 46:

Cơ quan tôi là đơn vị hành chính sự nghiệp được NSNN đảm bảo 100%. Trong năm 2018 áp dụng theo TT 107/2017/TT-BTC, cơ quan tôi có mua sắm tài sản từ nguồn NSNN cấp tôi hạch toán như sau: Khi mua: Nợ 211/Có 366, ĐT có 008 Hao mòn Nợ 61123/Có 214, Nợ 366/có 511 Vậy cho tôi hỏi tôi hạch toán như vậy đúng không? Khi cuối năm cơ quan tài chính cấp trên xét duyệt quyết toán yêu cầu số liệu trên TK 611 phải bằng với số liệu quyết toán với ngân sách (TK 008), nhưng nếu như vậy thì không đúng với TT 107, vì số chênh lệch giữa tài khoản 611 và số quyết toán với NS lệch đúng phần tài sản trong kỳ (yêu cầu của cơ quan cấp trên khi mua tài sản phải hạch toán hết vào chi phí), như vậy đúng hay sai?

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, quy định như sau:

- Khi rút dự toán mua TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu (36611)

Đồng thời ghi Có TK 008- Dự toán chi hoạt động.

- Khi tính hao mòn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 611- Chi phí hoạt động

Có TK 214- Hao mòn TSCĐ

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu (36611)

Có TK 511- Thu hoạt động do NSNN cấp.

Số liệu trên TK 008 thể hiện số tiền đã mua TSCĐ (khi mua) và số liệu rút dự dự toán ra mua TSCĐ sẽ dùng để lập báo cáo quyết toán với NSNN; Số liệu trên TK 611thể hiện số hao mòn TSCĐ qua các năm và số liệu hao mòn này dùng để lập báo cáo tài chính. Vì vậy, số liệu trên TK 008 không bằng số liệu trên TK 611.

Câu hỏi 47:

Đơn vị tôi là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm về thu chi tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP. Nay đơn vị tôi sửa chữa lại nhà cửa làm việc bằng nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển của đơn vị.

Vậy cho tôi hỏi, đơn vị tôi có được quyền thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán quyết toán hoàn thành công trình sửa chữa nhà làm việc đó hay không?

Trả lời:

Nội dung câu hỏi của độc giả chưa rõ đơn vị nơi độc giả đang công tác là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực sự nghiệp nào trong các lĩnh vực sau: Giáo dục đào tạo; dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí; khoa học và công nghệ; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác). Vì vậy, Bộ Tài chính không có cơ sở để trả lời cụ thể.

Hiện nay, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (Quỹ) được sử dụng theo các quy định sau:

- Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định 43) quy định:

+ Điểm a khoản 1 Điều 19: *Hàng năm sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có), đơn vị được trích tối thiểu 25% để lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.*

+ Khoản 1 Điều 20: *Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp dùng để đầu tư, phát triển nâng cao hoạt động sự nghiệp, bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ, trợ giúp thêm đào tạo, huấn luyện nâng cao tay nghề năng lực công tác cho cán bộ, viên chức đơn vị; được sử dụng góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và khả năng của đơn vị và theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng Quỹ do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.*

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, quy định:

+ Điểm b, Khoản 3, Điều 12 quy định về sử dụng các Quỹ, trong đó, quy định Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: *Để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (đối với đơn vị được giao vốn theo quy định) để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có).*

+ Khoản 2, Điều 24: *Trong khi chưa ban hành hoặc sửa đổi Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực cụ thể theo quy định tại Khoản 1 Điều này, các đơn vị sự nghiệp công theo từng lĩnh vực được tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;*

- Điểm b, Khoản 3, Điều 12 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, quy định Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: *Để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và các khoản chi khác (nếu có).*

- Điểm b, Khoản 3, Điều 8 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 06 năm 2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, quy định, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp chi cho các nội dung sau: *Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị; góp vốn, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (đối với đơn vị được giao vốn theo quy định) để sản xuất, kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có);*

Theo đó, trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập nơi độc giả đang công tác được cơ quan có thẩm quyền phân loại là tự bảo đảm chi thường xuyên thì: Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), đơn vị được trích tối thiểu 25% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và được chi Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; ...; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (đối với đơn vị được giao vốn theo quy định) để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có). Trong đó có thuê kiểm toán độc lập quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật kiểm toán độc lập để quyết toán hoàn thành công trình sửa chữa nhà làm việc theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và phải công khai trong đơn vị. Việc sử dụng Quỹ do thủ trưởng đơn vị quyết định.

Câu hỏi 48:

Công ty chúng tôi nhờ quý Bộ Tài chính hướng dẫn về việc áp dụng tỷ giá trong chuyển đổi đơn vị tiền tệ kế toán: Năm 2019 là năm đầu tiên Công ty thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán từ VND sang USD. Chuyển đổi số dư đầu năm 2019 từ VND sang USD: Theo hướng dẫn điều 108 Thông tư 200/2014/TT-BTC "Khi thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán, tại kỳ đầu tiên kể từ khi thay đổi, kế toán thực hiện chuyển đổi số dư sổ kế toán sang đơn vị tiền tệ trong kế toán mới theo tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại ngày thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán". Xin hỏi trong trường hợp này: - áp dụng cùng 1 tỷ giá (hoặc tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng, hoặc tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng; hoặc tỷ giả trung bình mua-bán chuyển khoản của ngân hàng) cho tất cả các khoản mục trên Bảng CĐKT; hay - áp dụng tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng cho các khoản mục tài sản; tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng cho các khoản mục nợ phải trả; tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn cho các khoản mục vốn chủ sở hữu; LN sau thuế chưa phân phối: LN năm trước chuyển đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng tại thời điểm đầu kỳ trước (01/01/2018), LN năm nay được tính toán theo các khoản mục của báo cáo KQHĐKD 2018. Khi chuyển đổi BCTC năm 2019 từ USD sang VND để nộp cơ quan chức năng: Theo hướng dẫn điều 107 Thông tư 200/2014/TT-BTC "Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo)", các khoản mục thuộc "Tài sản", "Nợ phải trả" áp dụng theo tỷ

giá mua chuyển khoản, hay tỷ giá bán chuyển khoản, hay tỷ giá bình quân chuyển khoản của ngân hàng? Kính mong quý Bộ tài chính hướng dẫn.

Trả lời:

1. Về việc thay đổi đơn vị tiền tệ từ VNĐ sang USD

Khi thay đổi đơn vị tiền tệ từ VNĐ sang USD, doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 108, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cụ thể:

"*Khi thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán, tại kỳ đầu tiên kể từ khi thay đổi, kế toán thực hiện chuyển đổi số dư kế toán sang đơn vị tiền tệ trong kế toán mới theo* ***tỷ giá chuyển khoản*** *của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại ngày thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán.*"

2. Khi chuyển đổi báo cáo tài chính từ USD sang VNĐ để nộp cho các cơ quan chức năng

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính từ USD sang VNĐ, doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 107 Thông tư số 200/2014/TT-BTC *hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cụ thể:*

"a) Khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam, kế toán phải quy đổi các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là ***tỷ giá chuyển khoản*** *của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo)"/*

Trong cả 02 trường hợp nêu trên,tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch có thể là tỷ giá mua hoặc bán hoặc tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

Câu hỏi 49:

Chế độ kế toán xã mới theo Thông tư 70/2019/TT-BTC có hướng dẫn bút toán hạch toán chi chuyển nguồn năm trước: Hết thời gian chỉnh lý: Nợ TK 815/Có TK 714. Vậy cho tôi hỏi bút toán này thì ngày hạch toán là ngày của năm nay hay là 31/12 năm trước.

Trả lời:

Tại mục IV, Phần Hướng dẫn hạch toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán của Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn

Hạch toán chi chuyển nguồn năm trước quy định: *"Hết thời gian chỉnh lý quyết toán (31/01), xác định những khoản chi có trong dự toán năm trước được giao mà xã chưa thực hiện được và được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật Ngân sách, xã lập lệnh chi tiền mang đến Kho bạc để chuyển nguồn chi sang năm sau. Căn cứ vào chứng từ đã được Kho bạc xác nhận, kế toán ghi chi ngân sách năm trước và thu ngân sách năm sau số chi chuyển nguồn:*

Nợ TK 815- Chi ngân sách xã trong thời gian chỉnh lý

Có TK714- Thu ngân sách xã hạch toán vào NSNN"

Căn cứ vào hướng dẫn nêu trên, kế toán hạch toán vào thời điểm sau khi được KBNN xác nhận, trong đó lưu ý khoản chi chuyển nguồn được tính vào ngân sách năm trước và khoản thu chuyển nguồn được tính vào ngân sách năm hiện hành.

Trường hợp độc giả trao đổi về "ngày hạch toán" trên hệ thống ứng dụng, đề nghị trao đổi rõ hơn để được giải đáp.

Câu hỏi 50:

Về hạch toán thanh lý tài sản mới theo Thông tư 107/2017/TT-BTC, đơn vị e là đơn vị hành chính nhà nước, thu tiền từ thanh lý tài sản là 16 tr, nộp ngân sách là 16 tr, e hạch toán: 1/ Thu: Nợ 1111/3331: 16tr 2/Nộp ngân sách: Nợ 3331/1111: 16tr 3/ Giảm tài sản: Nợ 36611: 100 tr Nợ 214: 900 tr Có 211: 1 tỷ E nộp ngân sách hết, không hạch toán qua TK711 Không biết e hạch toán vậy có đúng không ạ!

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, đối với hoạt động thanh lý TSCĐ, ngoài bút toán ghi giảm TSCĐ (Nợ TK 214, 36611/Có TK 211), khi phát sinh các khoản thu thanh lý TSCĐ theo quy định đơn vị phải nộp NSNN được hạch toán vào TK 337- Tạm thu, cụ thể như sau:

- Khi phát sinh thu thanh lý TSCĐ, ghi: Nợ các TK 111, 112/Có TK 337 (3378).

- Khi phát sinh chi cho hoạt động thanh lý TSCĐ (nếu có), ghi: Nợ TK 337 (3378) /Có các TK 111, 112.

- Số đơn vị phải nộp NSNN, ghi: Nợ TK 337 (3378)/Có TK 333.

- Khi đơn vị nộp NSNN, ghi: Nợ TK 333/Có TK 111, 112.

Câu hỏi 51:

Hiện nay Công ty tôi đang gặp vướng mắc về hạch toán gia hạn trái phiếu chuyển đổi. Cách đây 3 năm, công ty có phát hành 3000 trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá là 10.000.000/trái phiếu, lãi suất 5% năm, khi đến hạn trái chủ có thể thực hiện quyền chuyển đổi với giá chuyển đổi là 20.000 đồng/cổ phiếu. Chúng tôi đã thực hiện hạch toán trái phiếu chuyển đổi theo qui định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC với thời gian chiết khấu là 3 năm, lãi suất chiết khấu là 8%/năm.Tuy nhiên sau 3 năm, công ty và trái chủ đã thỏa thuận lại để tiếp tục gia hạn trái phiếu chuyển đổi thêm 2 năm. Như vậy, Công ty tôi có cần phải tính toán và điều chỉnh lại các số liệu liên quan đến trái phiếu chuyển đổi này không?

Trả lời:

Trả lời số phiếu 161019-11 của Quý Độc giả Vũ Huy Thế tại địa chỉ Email: vuhuythe2012@gmail.com về hạch toán kế toán trái phiếu chuyển đổi, Cục QLGS Kế toán, Kiểm toán có ý kiến như sau:

Theo mô tả của Quý Độc giả, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi với kỳ hạn 3 năm. Tuy nhiên, sau 3 năm, Công ty của Quý Độc giả và trái chủ đã thỏa thuận lại để tiếp tục gia hạn trái phiếu chuyển đổi thêm 2 năm. Vì vậy, trong 2 năm gia hạn đó, doanh nghiệp sẽ không ghi nhận thêm bất kỳ giá trị điều chỉnh tăng phần nợ gốc trái phiếu chuyển đổi nào nữa do giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi sau 3 năm đã bằng với mệnh giá trái phiếu chuyển đổi. Đồng thời, doanh nghiệp phải thuyết minh vấn đề này trong Thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định đến khi trái phiếu chuyển đổi đáo hạn.

Trường hợp doanh nghiệp vẫn phải trả lãi trái phiếu cho 2 năm gia hạn, doanh nghiệp hạch toán giao dịch phản ánh chi phí lãi trái phiếu phải trả trong từng kỳ như trái phiếu thường.

Khi trái phiếu chuyển đổi đáo hạn, Công ty thực hiện hạch toán theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Câu hỏi 52:

Công ty tôi (Công ty con - hạch toán độc lập) đang muốn bổ nhiệm một người (hiện đang là nhân viên kế toán theo HĐLĐ cho Công ty mẹ) làm Kế toán trưởng. Cho hỏi: 1) Việc bổ nhiệm này có vi phạm quy định của pháp luật hay không? 2) Người này có bị xem là đang hành nghề dịch vụ kế toán cho hai

công ty khác nhau và phải có chứng chỉ hành nghề kế toán không? 3) Nếu không, người này có buộc phải ký kết HĐLĐ với Công ty con hay không?

Trả lời:

1. Về việc làm kế toán/kế toán trưởng tại nhiều công ty

Điều 21 Bộ Luật lao động 2012 quy định người lao động có thể ký kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động và phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung đã quy định tại hợp đồng lao động đã ký kết với người sử dụng lao động.

Như vậy, quy định của pháp luật về lao động hiện hành không cấm người lao động làm việc tại nhiều đơn vị khác nhau. Tuy nhiên, trong trường hợp công ty bổ nhiệm người đang làm kế toán tại đơn vị khác làm kế toán trưởng tại đơn vị mình thì người được bổ nhiệm kế toán trưởng phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện của kế toán trưởng theo quy định tại Điều 54 Luật kế toán 2015 và phải tuân thủ theo các quy định về giao kết hợp đồng lao động của pháp luật.

2. Về hành nghề dịch vụ kế toán

Theo quy định tại Luật kế toán 2015 thì kế toán viên hành nghề là người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán thông qua doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán và hộ kinh doanh dịch vụ kế toán khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.

Căn cứ vào quy định nêu trên thì trường hợp Quý độc giả mô tả không phải là kế toán viên hành nghề theo quy định.

Câu hỏi 53:

Tôi hiện đang công tác tại Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội (công ty có vốn điều lệ là 800 tỷ đồng và Nhà nước chiếm trên 90%), Công ty là đối tượng theo quy định tại Điểm i Khoảng 2 Điều 21 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ. Theo Khoản 1 Điều 54 Luật Kế toán 2015 quy định về Tiêu chuẩn và điều kiện của Kế toán trưởng; Điểm i Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán có quy định đối với Kế toán trưởng "...phải có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên ...". Theo văn bản số 12031/BTC-CĐKT ngày 10/10/2008 của Bộ Tài chính về việc tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Kế Toán trưởng thì trình độ chuyên môn,

nghiệp vụ có yêu cầu là tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán trở lên là được. Vậy khi Công ty Tôi bổ nhiệm Kế toán trưởng cho một đồng chí có Bằng Đại học chuyên ngành kinh tế vận tải và bằng Trung cấp chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán (02 bằng) thì có bị coi là trái với quy định tại Khoản 2 Điều 21 Nghị định 174/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ không? Hiện nay, Công ty Tôi chưa bổ nhiệm Kế Toán trưởng và chỉ giao 1 đồng chí phụ trách kế toán (thời hạn phụ trách cũng chuẩn bị hết 12 tháng

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Kế toán thì tiêu chuẩn và điều kiện của kế toán trưởng, phụ trách kế toán như sau:

"1.Kế toán trưởng, phụ trách kế toán phải có các tiêu chuẩn quy định tại điểm a,c,d khoản 1 Điều 54 Luật Kế toán và không thuộc các trường hợp không được làm kế toán theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Bộ Tài chính quy định về việc tổ chức, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng.

2.Kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán sau đây phải có chuyên môn nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên,bao gồm:

i) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam trừ trường hợp quy định tại điểm g khoản 3 Điều này;

...

5. Đối với kế toán trưởng, phụ trách kế toán của công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước hoặc là doanh nghiệp có vốn nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ phải có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 05 năm".

Căn cứ vào các quy định nêu trên, đối với trường hợp của công ty khi bổ nhiệm kế toán trưởng thì người được bổ nhiệm kế toán trưởng phải có chuyên môn nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên và phải có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 05 năm.

Câu hỏi 54:

Tôi là kế toán tại đơn vị hành chính NN cấp huyện. Theo Thông tư 107 thì khi không có mẫu bảng kê mua hàng khi người bán không thuộc diện xuất hóa đơn chứng từ. Hiện tại đơn vị đang sử dụng mẫu bảng kê tự thiết kế như mẫu bảng kê mua hàng số 06-VT, thông tư 133/2016/TT-BTC. mẫu này bao gồm

người mua hàng, kế toán trưởng, người duyệt mua ký. Như vậy có đáp ứng đủ điều kiện của Thông tư 107 về tối thiểu 07 thông tin trên chứng từ kế toán chưa?. Có cần thêm chữ ký của người bán hàng không? Rất mong được sự hướng dẫn của Bộ để đơn vị thực hiện đúng quy định.

Trả lời:

Điều 3, Thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quy định: *Các đơn vị hành chính, sự nghiệp đều phải sử dụng thống nhất mẫu chứng từ kế toán thuộc loại bắt buộc quy định trong Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, các đơn vị không được sửa đổi biểu mẫu chứng từ thuộc loại bắt buộc. Ngoài các chứng từ kế toán bắt buộc được quy định tại Thông tư này và các văn bản khác, đơn vị hành chính, sự nghiệp được tự thiết kế mẫu chứng từ để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Mẫu chứng từ tự thiết kế phải đáp ứng tối thiểu 7 nội dung quy định tại Điều 16 Luật Kế toán, phù hợp với việc ghi chép và yêu cầu quản lý của đơn vị*. Mẫu chứng từ bắt buộc theo quy định của Thông tư 107/2017/TT-BTC bao gồm Phiếu thu, phiếu chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng và Biên lai thu tiền.

Điều 16 Luật Kế toán quy định "*Chứng từ kế toán phải có các nội dung chủ yếu sau đây:*

a) Tên và số hiệu của chứng từ kế toán;

b) Ngày, tháng, năm lập chứng từ kế toán;

c) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cá nhân lập chứng từ kế toán;

d) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cá nhân nhận chứng từ kế toán;

đ) Nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;

e) Số lượng, đơn giá và số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính ghi bằng số; tổng số tiền của chứng từ kế toán dùng để thu, chi tiền ghi bằng số và bằng chữ;

g) Chữ ký, họ và tên của người lập, người duyệt và những người có liên quan đến chứng từ kế toán".

Căn cứ các quy định nói trên, trường hợp độc giả hỏi đơn vị sẽ tự thực hiện thiết kế mẫu chứng từ để phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đơn vị có thể vận dụng theo mẫu chứng từ hướng dẫn của Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa để thiết kế mẫu chứng từ cho đơn vị mình và trong trường hợp này không cần chữ ký của người bán hàng.

Câu hỏi 55:

Năm 2010 em công tác tại Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên, được bổ nhiệm phụ trách kế toán của đơn vị (đơn vị chưa có kế toán trưởng) theo hướng dẫn tại Phần V Thông tư liên tịch số 50/2005/TTLT/BTC-BNV ngày 15/6/2005 của liên Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm, bãi miễn, thay thế và xếp phụ cấp kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước, quy định: Kế toán trưởng được hưởng mức phụ cấp chức vụ của trưởng phòng (trưởng ban) của đơn vị, cộng thêm phụ cấp trách nhiệm công việc ở mức 1 hệ số 0,1 so với mức lương tối thiểu chung. Theo đó, phần phụ cấp kế toán của kế toán trưởng được tính bằng mức phụ cấp chức vụ của trưởng phòng (trưởng ban) của đơn vị được coi là phụ cấp chức vụ và có tính để đóng BHXH. Áp dụng quy định trên thì từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 5 năm 2014 em có đóng phụ cấp chức vụ để tham gia BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. Nhưng BHXH lại cắt bỏ đi phần phụ cấp chức vụ tôi đã đóng BHXH vì theo Thông tư liên tịch số 50/2005/TTLT/BTC-BNV ngày 15/6/2005 của liên Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng thì kế toán không được hưởng phụ cấp chức vụ mà chỉ được hưởng phụ cấp trách nhiệm thôi, nên phần tôi đóng là sai quy định. Vậy cho em hỏi căn cứ theo quy định TTLT 50/2005/TTLT/BTC-BNV thì kế toán có được hưởng phụ cấp chức vụ không?

Trả lời:

Trong thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 5/2014 việc tính phụ cấp cho phụ trách kế toán của đơn vị kế toán nhà nước được căn cứ vào các quy định sau:

1. Từ tháng 7/2010 đến tháng 12/2013

Điểm 1, điểm 2, Mục I, Thông tư liên tịch số 50/2005/TTLT-BTC-BNV ngày 15/6/2005 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ về hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm, bãi miễn, thay thế và xếp phụ cấp kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước quy định: "*Đối tượng áp dụng Thông tư này gồm:*

2. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức có sử dụng kinh phí NSNN,...

3. Đơn vị sự nghiệp, tổ chức không sử dụng kinh phí NSNN, gồm:

3.1. Đơn vị sự nghiệp tự cân đối thu - chi;..."

Đồng thời tại Điểm 1, Mục V, Thông tư liên tịch số 50/2005/TTLT-BTC-BNV quy định về phụ cấp của Kế toán trưởng, phụ trách kế toán như sau:

"1. Kế toán trưởng của các đơn vị kế toán quy định tại mục 1 phần I, điểm 2.1 mục 2 phần I của Thông tư này được hưởng mức phụ cấp chức vụ tính bằng mức phụ cấp chức vụ của Trưởng phòng (Trưởng ban) của đơn vị, cộng thêm phụ cấp trách nhiệm công việc ở mức 1 hệ số 0,1 so với mức lương tối thiểu chung theo quy định tại tiết d2 điểm d mục 7 Điều 6, Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

2. Phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán quy định tại mục 1 phần I, điểm 2.1 mục 2 phần I của Thông tư này được hưởng mức phụ cấp chức vụ của Trưởng phòng (Trưởng ban) của đơn vị".

2. Từ tháng 01/2014 đến tháng 5/2014

Kể từ ngày 01/01/2014 Thông tư liên tịch số 50/2005/TTLT-BTC-BNV được thay thế bởi Thông tư liên tịch số 163/2013/TTLT-BTC-BNV ngày 15/11/2013 Hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bố trí, miễn nhiệm, thay thế và xếp phụ cấp trách nhiệm công việc kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước.

Khoản 1, Khoản 2, Điều 2, Thông tư liên tịch số 163/2013/TTLT-BTC-BNV quy định **"***Đối tượng áp dụng của Thông tư liên tịch này bao gồm:*

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, ...

2. Đơn vị sự nghiệp, tổ chức không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự cân đối thu, chi;..."

Khoản 1, Điều 16 quy định về phụ cấp trách nhiệm công việc phụ trách kế toán: "*Người được bố trí phụ trách kế toánở các đơn vị quy định tại Khoản 1 Điều 2 và Điểm a Khoản 2 Điều 2 của Thông tư liên tịch này được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc là 0,1 so với mức lương cơ sở*".

Câu hỏi 56:

Theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 Chế độ Kế toán Hành chính, Sự nghiệp tôi có một vấn đề không rõ về chỉ tiêu số 51 trên BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Mẫu số B02/BCTC) - (1) Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính- Mã số 51. Trên chỉ tiêu này theo như thông tư 107/2017/TT-BTC có hướng dẫn như sau: Chỉ tiêu này phản ánh số đã phân

phối từ nguồn kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính theo quy định của cơ chế tài chính, bao gồm chi bổ sung thu nhập cho cán bộ công chức và người lao động, chi khen thưởng, chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể. Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ số phát sinh chi tiết bên Nợ của TK 421 "Thặng dư/thâm hụt lũy kế". Như vậy, theo như hướng dẫn trên 107/2017/TT-BTC thì chỉ tiêu này sẽ lấy số liệu cảu bên Nợ TK 421 nhưng không nói rõ TK đối ứng của chỉ tiêu này là gì. Vì nếu chỉ lấy bên Nợ TK 421 thì sẽ bị trùng bên chi tiêu số 52 (Nợ TK 421/C431,353) và chỉ tiêu số 53 (Nợ TK 421/C468). Kính nhờ Bộ tài chính trả lời rõ chỗ này ạ ?

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, đối với các khoản chi cho người lao động được hạch toán trên TK 334- Phải trả người lao động. Vì vậy, đối với chỉ tiêu 51 các cơ quan nhà nước thực hiện chi bổ sung thu nhập (thu nhập tăng thêm) cho cán bộ công chức trong đơn vị là số liệu bên Nợ TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế đối ứng với Có TK 334 - Phải trả người lao động (nếu trong năm đơn vị không thực hiện tạm chi) hoặc đối ứng với Có TK 137- Tạm chi (nếu trong năm đơn vị thực hiện tạm chi trước thu nhập tăng thêm cho cán bộ công chức).

Câu hỏi 57:

Hiện nay cơ quan chúng tôi được cấp một khoản tiền chi nghiệp vụ chuyên môn (nguồn 12), chúng tôi muốn hỏi khoản chi này hạch toán qua tài khoản 5111, 6111 (Thường xuyên) hay tài khoản 5112,6112(không thường xuyên) theo Thông tư 107/2017/TT-BTC.

Trả lời:

Khi tiếp nhận khoản kinh phí do NSNN cấp, đơn vị căn cứ vào Quyết định giao dự toán giao hoặc Lệnh chi tiền để phân loại nội dung được cấp đó vào thường xuyên hay không thường xuyên. Căn cứ Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp nếu được giao (cấp) vào nguồn thường xuyên thì đơn vị hạch toán vào TK 5111, TK 6111; Nếu được giao (cấp) vào nguồn không thường xuyên thì đơn vị hạch toán vào TK 5112, TK 6112.

Theo phản ánh của bạn đơn vị được cấp 1 khoản tiền chi nghiệp vụ chuyển môn thuộc mã nguồn 12. Theo quy định về danh mục mã nguồn thì mã nguồn 12 là

"Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán" do đó đơn vị sẽ hạch toán vào TK 5112, TK 6112.

Câu hỏi 58:

Tôi có một vấn đề vướng mắc về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng trong đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh. Tôi được bổ nhiệm 30.3.2015 trước đó phụ trách kế toán tại đơn vị 1 năm (2014). Bằng tốt nghiệp của Tôi là Cử nhân tài chính, và đã hoàn thành lớp Bồi dưỡng Kế toán trưởng năm 2013. Và tôi cũng có hơn 2 năm làm kế toán tại đơn vị. Trong các năm 2013, 2014 .Tôi luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Quyết định bổ nhiệm Tôi được Giám đốc Sở ký vì đơn vị Tôi là đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh trực thuộc Sở. Với các điều kiện nêu trên và Căn cứ Thông tư số 163/2013/TTLT-BTC-BNV ngày 15/11/2013. Kính mong Bộ Tài chính phúc đáp dùm Tôi. Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng đối với Tôi có đúng theo quy định.

Trả lời:

Trường hợp độc giả được bổ nhiệm 30/3/2015 thì thủ tục bổ nhiệm thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch số 163 /2013/TTLT-BTC-BNV ngày 15/11/2013 hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bố trí, miễn nhiệm, thay thế và xếp phụ cấp trách nhiệm công việc kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước.

Theo đó, tại điểm c khoản 1 Điều 12 TTLT 163 quy định: "Đối với đơn vị sự nghiệp do cơ quan nhà nước thành lập tự cân đối thu, chi, tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, đơn vị dự trữ của Nhà nước, các quỹ tài chính khác của Nhà nước tổ chức bộ máy kế toán theo các cấp dự toán (đơn vị kế toán cấp I, đơn vị kế toán cấp II, đơn vị kế toán cấp III) việc bổ nhiệm kế toán trưởng, như sau:

- Đơn vị kế toán cấp I thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp do cơ quan nhà nước thành lập tự cân đối thu, chi thuộc Trung ương lập hồ sơ đề nghị bổ nhiệm kế toán trưởng trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ bổ nhiệm;

- Đơn vị kế toán cấp I thuộc địa phương lập hồ sơ đề nghị bổ nhiệm kế toán trưởng trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp đó bổ nhiệm;

- Đơn vị kế toán cấp II, III lập hồ sơ đề nghị bổ nhiệm kế toán trưởng trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm Phó Thủ trưởng đơn vị bổ nhiệm".

Về tiêu chuẩn, điều kiện của kế toán trưởng thực hiện theo quy định tại Điều 54 Luật kế toán.

Câu hỏi 59

Tôi có một thắc mắc mong được quý Bộ giải đáp giúp như sau: Tại Thông tư 107/2017 Hướng dẫn chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp, khi hạch toán tài khoản 911 có các tài khoản con là : 9111 xác định kết quả hoạt động hành chính sự nghiệp;9112 xác định kết quả hoạt động SXKD, DV; 9113 xác định kết quả hoạt động tài chính; 9118 xác định kết quả hoạt động khác. Như vậy khi kết chuyển từ 911 sang 421 thì vướng mắc xảy ra: Về tổng thể tài khoản cái 911 kết chuyển sang 421 là hết không có số dư nhưng về chi tiết các tài khoản con 9112, 9113... thì không phải tài khoản con nào cũng hết số dư. Vì tôi chỉ thấy hướng dẫn hạch toán từ 911 là tài khoản cái chứ không phải từ 1 tài khoản con nào của 911..sang 421. Vậy hạch toán như thế nào cho phù hợp để khi đó tài khoản con cũng không còn số dư như tài khoản cái 911?

Trả lời:

Căn cứ Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, về kết cấu và nội dung phản ánh của TK 911- Xác định kết quả, quy định TK 911 không có số dư cuối kỳ (phải kết chuyển hết về TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế.

Căn cứ điểm b, khoản 3 Điều 4 Thông tư 107 quy định "Đơn vị được bổ sung tài khoản chi tiết cho các tài khoản đã được quy định trong danh mục hệ thống tài khoản kế toán (Phụ lục số 02) kèm theo Thông tư 107 để phục vụ yêu cầu quản lý của đơn vị. Trường hợp bổ sung tài khoản ngang cấp với các tài khoản đã được quy định trong danh mục hệ thống tài khoản kế toán (Phụ lục số 02) kèm theo Thông tư 107 thì phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện". Theo đó, nếu đơn vị thấy cần thiết phải bổ sung các TK chi tiết của TK 421 phục vụ yêu cầu quản lý thì được bổ sung tài khoản chi tiết (nhưng không ngang cấp với các TK đã quy định trong Thông tư 107).

Câu hỏi 60

Đơn vị tôi là đơn vị sự nghiệp có thu, Cuối năm 2018, khách hàng ứng trước cho đơn vị tôi số tiền là 10tr đồng. Khi làm báo cáo tài chính theo thông tư 107, Mẫu số B01/BCTC số tiền ứng trước của khách hàng được cho vào chỉ

tiêu số 62 (Các khoản nhận trước của khách hàng. Nhưng đến mẫu số 04/BCTC (Thuyết minh báo cáo tài chính) không có chỉ tiêu Nhận trước của khách hàng. Vậy tôi xin hỏi số tiền khách hàng ứng tiền trước cho vào mục nào trong Thuyết minh BCTC.

Trả lời:

Căn cứ Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, đối với nội dung "Các khoản nhận trước của khách hàng" được thể hiện trên chỉ tiêu có mã số 62 trên Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu B01- BCTC).

Nếu đơn vị cần thuyết minh thêm chỉ tiêu này trên Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B04- BCTC) thì đơn vị thuyết minh ở mục 16 (phần III) của Mẫu B04- BCTC.

Câu hỏi 61:

Công ty chúng tôi là Công Ty TNHH Một Thành Viên do 1 cá nhân làm chủ, năm 2016 và 2017 công ty có lợi nhuận sau thuế là trên 1.000.000.000 đồng, nhưng chưa có chia lợi nhuận này cho chủ sở hữu. Kế toán doanh nghiệp đã tiến hành định khoản và hạch toán theo nguyên tắc kế toán như sau: theo thông tư 200/2014/TT-BTC (ban hành ngày 22/12/2014 có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015. - Khi có quyết định thông báo lợi nhuận được chia cho chủ sở hữu kế toán ghi nhận: Nợ TK 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (4212) Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3388) (chưa trả). - Năm 2018 công ty tiến hành trả lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2016 và 2017 cho chủ sở hữu kế toán ghi nhận như sau: Nợ TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3388) Có các TK 111(số tiền thực trả). => Vậy kế toán doanh nghiệp đã hạch toán như vậy là đúng hay chưa đúng ? Nếu chưa đúng thì phải hạch toán như thế nào?

Trả lời:

Trả lời câu hỏi số 220819-8 của quý độc giả về trường hợp hạch toán lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 74 Thông tư 200/2014/TT-BTC thì khi có quyết định hoặc thông báo trả cổ tức, lợi nhuận được chia cho các chủ sở hữu, kế toán ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và ghi tăng khoản phải trả, phải

nộp khác. Khi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu, kế toán ghi giảm khoản phải trả, phải nộp khác đồng thời ghi giảm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào quy định nêu trên, công ty hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc chi trả lợi nhuận, cổ tức được chia cho chủ sở hữu như mô tả trong nội dung câu hỏi là phù hợp với quy định hiện hành về kế toán.

Câu hỏi 62

Thông Tư 107/2017/TT-BTC: - Theo như Thông tư 107/2017/TT-BTC thì các trường học khi phát sinh các nguồn thu từ học phí thì các đơn vị sẽ hạch toán là nguồn thu dịch vụ của đơn vị (TK 531 - Thu hoạt đồng SXKD, Dịch vụ) - Nhưng khi chi thì Theo như Thông tư 107/2017/TT-BTC: thì những chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động dịch vụ thì hạch toán vào TK 154 - Chi phí SXKD, dịch vụ dở dang. Còn chi phí quản lý không phân bổ được trực tiếp vào từng dịch vụ thì hạch toán vào TK 642 - Chi phí quản lý hoạt động SXKD, dịch vụ. Vì đơn vị là Đơn vị Hành chính sự nghiệp nên rất khó phân biệt những khoản chi nào thì đưa thì hạch toán vào TK 154, những khoản chi nào hạch toán vào TK 642. Nên tôi nhờ Bộ tài chính giải thích rõ các khoản chi thường xuyên của đơn vị hạch toán đưa vào chi phí như thế nào mới đúng ạ ?

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán HCNS, theo đó chi phí hoạt động SXKD, dịch vụ như sau:

(1) Hạch toán vào TK 154- Chi phí SXKD, dịch vụ dở dang là các khoản chi liên quan trực tiếp đến hoạt động dịch vụ như: Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (VD: các chi phí nguyên liệu, vật liệu liên quan trực tiếp đến việc giảng dạy); Chi phí nhân công trực tiếp của bộ phận sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (VD: Tiền lương, phụ cấp… thầy cô giáo trực tiếp giảng dạy trên lớp); Chi phí khấu hao TSCĐ trực tiếp của bộ phận sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo từng SP, dịch vụ hoặc nhóm SP, dịch vụ (VD: Khấu hao hội trường, phòng học, máy tính, máy chiếu, bàn ghế… trong lớp học); Các khoản chi phí khác liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

(2) Hạch toán vào TK 642- Chi phí quản lý của hoạt động SXKD, dịch vụ là các chi phí về lương, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của cán bộ quản lý bộ phận sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản,

cháy nổ...) của bộ phận quản lý; chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng, lệ phí giao thông, lệ phí cầu phà, chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán trả lại...) của bộ phận sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không phân bổ được trực tiếp vào từng sản phẩm, nhóm sản phẩm, dịch vụ, nhóm dịch vụ và chi phí khấu hao TSCĐ chỉ sử dụng cho bộ phận quản lý sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

(3) Trường hợp khi phát sinh chi phí không thể xác định cụ thể, rõ ràng cho từng đối tượng sử dụng nên không hạch toán ngay vào các đối tượng chịu chi phí (tức là không xác định được chi phí trực tiếp, chi phí quản lý) thì đơn vị hạch toán vào TK 652- Chi phí chưa xác định được đối tượng chịu chi phí. Sau đó, khi xác định được đối tượng chịu chi phí cụ thể thì căn cứ vào bảng phân bổ chi phí, đơn vị kết chuyển từ TK 652 sang các TK liên quan (154, 642...)

Câu hỏi 63:

Căn cứ mục 3.1.3, khoản 3, Điều 29, thông tư 200/2014/TT-BTC thì trong trường hợp ngày 11/01/2019 công ty tôi nhận được hóa đơn chiết khấu thương mại với nội dung "kết quả chiết khấu thương mại quý 04/2018" Thì, thời điểm mà kế toán hạch toán và căn cứ tình hình biến động của hàng hóa để phân bổ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán được hưởng dựa trên số hàng còn tồn kho, số đã xuất bán trong kỳ là vào ngày 31/12/2018 hay 11/01/2019?

Trả lời:

Tại đoạn 06 của Chuẩn mực kế toán số 23 – Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm quy định: "*Doanh nghiệp phải điều chỉnh các số liệu đã được ghi nhận trong báo cáo tài chính để phản ánh các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần điều chỉnh*."

Tại điểm c đoạn 7 của Chuẩn mực kế toán số 23 – Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm quy định:

"07. *Ví dụ về các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần điều chỉnh đòi hỏi doanh nghiệp phải điều chỉnh các số liệu đã ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán hoặc ghi nhận những khoản mục mà trước đó chưa được ghi nhận, gồm:*

...

(c) Việc xác nhận sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm về giá gốc của tài sản đã mua hoặc số tiền thu được từ việc bán tài sản trong kỳ kế toán năm."

Chiết khấu thương mại về bản chất là khoản giảm giá trị hàng hóa bên mua phải thanh toán. Đối với trường hợp của Quý Độc giả, ngày 11/01/2019 Công ty

nhận được hóa đơn chiết khấu thương mại của quý IV/2018, nên đây sẽ là sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần điều chỉnh.

Căn cứ quy định trên, kế toán phải căn cứ vào tình hình biến động của hàng hóa đã mua trong Quý IV/2018 để phân bổ số chiết khấu thương mại được hưởng dựa trên số hàng mua trong Quý IV/2018 còn tồn kho, số đã xuất bán trong kỳ đồng thời thực hiện các bút toán liên quan để điều chỉnh số liệu đã ghi nhận trong sổ kế toán và báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

Câu hỏi 63:

Đơn vị tôi là đơn vị tự sự nghiệp công lập tự chủ toàn bộ chi thường xuyên, hàng năm đơn vị chúng tôi có trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp từ nguồn thặng dư của đơn vị. trong năm đơn vị tôi có mua 6 máy điều hòa nhiệt độ có tổng giá trị là 51 triệu đồng, nhưng giá trị mỗi máy là 8,5 triệu, theo quy định thì không đủ điều kiện hình thành tài sản cố định, vậy xin hỏi quý bộ trong trường hợp này đơn vị tôi phải hạch toán như thế nào? có phải hạch toán như mua tài sản cố định sau đó chuyển thành ccdc hay không? hay là chúng tôi hạch toán thẳng vào ccdc và trích hao mòn dần có được không: cách hạch toán như sau: Nợ TK153 (CCDC) có TK 112 (TG KB), đồng thời hạch toán Nợ TK 43141 (quỹ PTHDSN, có TK 43142 (quỹ PTHĐSN hình thành TSCĐ), sau đó phân bổ giá trị hao mòn của CCDC này trong 3 năm: hàng năm tính hao mòn thì hạch toán: Nợ TK 43142 (quỹ PTHĐSN hình thành TS) có TK153 (CCDC) để giảm dần cho đến khi hết giá trị CDC này. Hoặc là khi mua chúng tôi hạch toán thẳng như chi phí luôn và không theo dõi và tính hao mòn hàng năm: Hạch toán khi mua: nợ TK 43141 (quỹ PTHĐSN), Có TK 112 (TG KB).?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao TSCĐ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và TSCĐ do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định hữu hình phải đồng thời cả 02 tiêu chuẩn: (a) Có thời gian sử dụng từ 01 (một) năm trở lên; (b) Có nguyên giá từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên.

Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC quy định "Căn cứ đặc điểm tài sản sử dụng thực tế của ngành, lĩnh vực, địa phương và yêu cầu quản lý, Bộ trưởng,

Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có thể ban hành Danh mục tài sản chưa đủ tiêu chuẩn

Theo đó, điều hòa đơn vị mua nếu có nguyên giá 8,5tr chưa đáp ứng được tiêu chuẩn là TSCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 3; trường hợp Bộ, ngành, địa phương quản lý lĩnh vực, ngành của đơn vị độc giả không có quy định nào khác thì các máy điều hòa đó không phải hạch toán là TSCĐ mà hạch toán là công cụ dụng cụ.

Việc kế toán công cụ, dụng cụ đơn vị căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp để hạch toán, trường hợp độc giả hỏi mua điều hòa bằng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp về sử dụng ngay (không nhập kho) đơn vị hạch toán, ghi: Nợ TK 4314/Có TK 111, 112.

Câu hỏi 64:

Tôi thực tế làm công tác kế toán thuế trên 10 năm (cụ thể kế toán thuế đối với doanh nghiệp) tại Chi cục Thuế. Tôi xin hỏi Quý Bộ là thời gian làm công tác kế toán thuế của tôi như trên có được tính là " Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất 2 năm" theo tiêu chuẩn và điền kiện của kế toán trưởng quy định tại Điểm d, khoản 1, Điều 54 Luật Kế toán hay không?

2- Nội dung trả lời:

Khoản 1 Điều 54 Luật kế toán quy định về Tiêu chuẩn và điều kiện của kế toán trưởng

"a) Các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này;

b) Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ trung cấp trở lên;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;

d) Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 03 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng".

Căn cứ thư hỏi của độc giả thì độc giả đã có thời gian thực tế làm kế toán thuế trên 10 năm, theo quy định của Luật kế toán nêu trên thì độc giả đã có thời gian công tác thực tế về kế toán theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 54.

Câu hỏi 65:

Theo thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. chúng tôi có trường hợp sau: A đầu tư trực tiếp vào B với tỷ lệ sở hữu tài sản thuần là 45%, A đầu tư trực tiếp vào C với tỷ lệ sở hữu tài sản thuần 40%, B đầu tư trực tiếp vào C với tỷ lệ sở hữu tài sản thuần là 30% (các trường hợp đầu tư trên đều không thuộc trường hợp đặc biệt khi có thể chứng minh được rằng việc nắm giữ nói trên không gắn liền với quyền kiểm soát). Như vậy, theo thông tư 202/2014/TT-BTC , A không phải là công ty mẹ của C vì B không phải là con của A có đúng không? (điều 9 có nêu ". Quyền kiểm soát được thiết lập khi công ty mẹ nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con khác trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con ").

Trả lời:

Cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính, tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 quy định: "*1. Một công ty được coi là công ty mẹ của một công ty khác nếu có quyền kiểm soát thông qua việc chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty này mà không chỉ xét tới hình thức pháp lý, hay tên gọi của công ty đó. Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động trong các trường hợp sau đây:*

a) Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp ở Công ty con. Trường hợp có sự khác biệt giữa tỷ lệ quyền biểu quyết theo giấy đăng ký kinh doanh và tỷ lệ quyền biểu quyết tính trên cơ sở vốn thực góp thì quyền biểu quyết được xác định theo điều lệ doanh nghiệp hoặc theo sự thống nhất giữa các bên;

b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty con;

c) Có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;

d) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con;

đ) Các nhà đầu tư khác thoả thuận dành cho công ty mẹ hơn 50% quyền biểu quyết;

e) Có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thoả thuận."

Căn cứ quy định trên thì một trong những trường hợp mà một công ty được coi là công ty mẹ của một công ty khác khi nắm giữ trên **50% quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp** ở công ty đó.

Ví dụ Quý Độc giả nêu mới chỉ đề cập đến tỷ lệ sở hữu tài sản thuần mà không đề cập đến quyền biểu quyết của công ty. Vì vậy đề nghị Quý Độc giả căn cứ quy định trên và thực tế tại công ty để xác định tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp của công ty A tại công ty C, trên cơ sở đó mới xác định được công ty A có phải công ty mẹ của công ty C hay không.

Trường hợp tỷ lệ sở hữu tài sản thuần trong ví dụ Quý Độc giả đưa ra giả định tương ứng với tỷ lệ quyền biểu quyết ở Công ty và các trường hợp đầu tư trên đều không thuộc trường hợp đặc biệt khi có thể chứng minh được rằng việc nắm giữ trên không gắn liền với quyền kiểm soát, khi đó:

- A có tỷ lệ sở hữu tài sản thuần tại B là 45% thì A có 45% quyền biểu quyết tại B. Theo đó, A chỉ có ảnh hưởng đáng kể, không phải công ty mẹ của công ty B

- A có tỷ lệ sở hữu tài sản thuần tại C là 40% thì A có 40% quyền biểu quyết tại C.

- B có tỷ lệ sở hữu tài sản thuần tại C là 30% thì B có 30% quyền biểu quyết tại C.

Như vậy, A mới có 40% quyền biểu quyết trực tiếp tại C. Quyền biểu quyết gián tiếp của A tại C không thể xác định do B không phải là công ty con của A. Vì vậy, không có căn cứ để khẳng định A là công ty mẹ của C.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính. Đề nghị Quý Độc giả nghiên cứu, bổ sung thông tin để Bộ Tài chính có căn cứ hướng dẫn.

Câu hỏi 66:

Tôi muốn hỏi về cách hạch toán kế toán đối với phần góp vốn bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài. Cụ thể, Tôi đang làm việc cho một công ty có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài mới thành lập và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, số vốn điều lệ ghi trên là 28 tỷ VND tương đương với 1,203,783.00 USD, tỷ giá quy đổi là 23.260VND/USD. Khi góp vốn, các nhà đầu tư đã góp đủ số vốn bằng ngoại tệ là 1,203,783.00 USD nhưng số tiền quy đổi ra VND là 27.850.875.056 VND do tỷ giá giao dịch thực tế tại các ngày góp vốn khác với tỷ giá chọn quy đổi trên GIấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Căn cứ vào Điểm e và Điểm h Khoản 1 Điều 67 Thông tư 200/2014/TT-BTC tôi đã hạch toán như sau: Nợ TK 112: 27.850.875.056 (Tiền góp vốn quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày nhận góp vốn) Nợ TK 4112: 149.124.944 (Số tiền VND chênh lệch do tỷ giá ngoại tệ tại ngày giao dịch thực tế giảm) Có

TK 4111: 28.000.000.000 (GIấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) Nhưng tôi vẫn không chắc chắn tài khoản 4112 có bao gồm chênh lệch do ảnh hưởng của việc áp dụng tỷ giá ngoại tệ góp vốn tại ngày góp vốn hay không, vì thông tư 200/2014/TT-BTC chỉ quy định "TK 4112- Thặng dư vốn cổ phần: Tài khoản này phản ánh phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ (đối với các công ty cổ phần). Tài khoản này có thể có số dư Có hoặc số dư Nợ". Xin hỏi cách hạch toán như trên có đúng không ạ?

Trả lời:

Tại Điểm e Khoản 1 Điều 67, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp quy định:

"- Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của doanh nghiệp được xác định bằng ngoại tệ tương đương với một số lượng tiền Việt Nam Đồng, việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ (thừa, thiếu, đủ so với vốn điều lệ) được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp, không xem xét tới việc quy đổi ngoại tệ ra Việt Nam Đồng theo giấy phép đầu tư.

Trường hợp doanh nghiệp ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính bằng Việt Nam Đồng, khi nhà đầu tư góp vốn bằng ngoại tệ theo tiến độ, kế toán phải áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại từng thời điểm thực góp để quy đổi ra Việt Nam Đồng và ghi nhận vào vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần (nếu có)."

Căn cứ quy định nêu trên, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra Việt Nam đồng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm góp vốn, trong trường hợp này không phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Câu hỏi 67:

Đơn vị tôi là Trung tâm Văn hóa nghệ thuật được thành lập tháng 01/2019, trên cơ sở sáp nhập 3 đơn vị: Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng; Đoàn Nghệ thuật; Trung tâm văn hóa tỉnh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh (đơn vị dự toán cấp II).

Sau khi thành lập, với chức năng nhiệm vụ được phân công Trung tâm chúng tôi thực hiện đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là thực hiện bố trí 01 kế toán trưởng và 01 kế toán viên.

Tuy nhiên, đơn vị tôi lại quyết định (cấp sở) bổ nhiệm 01 kế toán trưởng và người còn lại mặc nhiên là kế toán viên (mà không có quyết định) như vậy đúng hay sai?

Tại Điều 3 Thông tư số 04/2018/TT-BNV hướng dẫn, kế toán trưởng, phụ trách kế toán phải có các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP:

- Kế toán trưởng, phụ trách Kế toán phải có các tiêu chuẩn…

- Kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị sau đây phải có chuyên môn nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên…

Tôi xin hỏi, "Kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị sau đây phải có chuyên môn nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên…" được tính từ khi viên chức có bằng tốt nghiệp đại học hay tính từ khi người đó có quyết định hưởng lương ngạch đại học?

Trả lời:

1) Căn cứ khoản 5 Điều 20 Nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán quy định "Bộ Nội vụ hướng dẫn phụ cấp trách nhiệm công việc, thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế kế toán trưởng và phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước". Theo đó, ngày 27 tháng 03 năm 2018 Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 04/2018/TT-BNV hướng dẫn về thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán của đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước.

Do đó, đối với kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong đơn vị kế toán phải thực hiện bổ nhiệm theo quy định của pháp luật về kế toán.

2) Căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 21 Thông tư số 04/2018/TT-BNV quy định về trình độ chuyên môn nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, trong đó gồm: "Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".

Theo đó, Trung tâm văn hóa tỉnh là đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp tỉnh, do đó kế toán trưởng của Trung tâm phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ kế toán từ đại học trở lên.

3) Người được bổ nhiệm làm kế toán trưởng tại các đơn vị kế toán ngoài tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ kế toán, thì phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều 54 Luật kế toán.

Câu hỏi 68:

Kinh phí sữa chữa từ nguồn chi thường xuyên năm 2017 chưa được quyết toán (do đến thời điểm cuối năm chưa được cơ quan có thẩm quyền thẩm định) vậy sang năm 2018 kinh phí này được hạch toán vào TK nào ?

Trả lời:

Về nguyên tắc các khoản đã chi năm 2017 chưa được phê duyệt quyết toán chuyển quyết toán năm sau (hạch toán theo chế độ kế toán HCSN ban hành theo QĐ 19/2006/QĐ-BTC) thì hết năm 2017, đơn vị phải chuyển số dư sang các tài khoản tương ứng của hệ thống tài khoản ban hành tại chế độ kế toán HCSN theo Thông tư 107/2017/TT-BTC để tiếp thục theo dõi quyết toán. Căn cứ vào tài khoản đang theo dõi trên hệ thống sổ sách cũ đơn vị xem xét chuyển số dư sang các tài khoản mới phù hợp theo hướng dẫn chuyển sổ của Bộ Tài chính (công văn số 16098/BTC-CĐKT ngyà 28/11/2017 về việc hướng dẫn chuyển số dư từ hệ thống TK cũ sang hệ thống TK mới).

Trường hợp các khoản đã chi năm 2017 trong báo cáo quyết toán 2017 đang chờ phê duyệt quyết toán, đơn vị tiếp tục theo dõi trên sổ sách năm 2017 cho đến khi quyết toán được phê duyệt thì thực hiện bút toán tất toán theo hướng dẫn CĐKT hành chính sự nghiệp ban hành theo QĐ 19/2006/QĐ-BTC (Nợ TK 4611/Có TK 6611) mà không phải chuyển số dư sang năm 2018.

Câu hỏi 69:

Phiếu chi lưu vào hệ thống chứng từ kế toán tại cơ quan(không phat hành ra ngoài cơ quan) có cần đóng dấu không ạ?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quy định "Các đơn vị hành chính, sự nghiệp đều phải sử dụng thống nhất mẫu chứng từ kế toán thuộc loại bắt buộc quy định trong Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, các đơn vị không được sửa đổi biểu mẫu chứng từ thuộc loại bắt buộc". Tại phụ lục 01 kèm theo Thông tư 107 quy định về danh mục, mẫu và giải thích phương pháp lập các chứng từ kế toán bắt buộc. Mẫu Phiếu chi ban hành theo Thông tư 107 là chứng từ kế toán bắt buộc. Theo đó, phần hướng dẫn lập Phiếu chi ban hành kèm theo Thông tư 107 quy định như sau: "Đối với liên dùng *để giao dịch thanh toán với bên ngoài thì*

phải đóng dấu của đơn vị". Vì vậy, đối với các liên chỉ lưu hành trong nội bộ đơn vị thì không nhất thiết phải đóng dấu.

Câu hỏi 70:

Hạt Kiểm lâm là đơn vị cơ sở thuộc Chi cục Kiểm lâm, trong quyết định điều động công chức do Chi cục Kiểm lâm ban hành ghi nhiệm vụ cụ thể (kế toán) : Do Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm phân công. Khi về Hạt Kiểm lâm, Quyết định phân công nhiệm vụ do Hạt trưởng phân công là nhiệm vụ phụ trách kế toán đơn vị. Vậy Bộ Tài chính cho tôi hỏi Quyết định phân công nhiệm vụ phụ trách kế toán đơn vị do Hạt trưởng phân công có đủ điều kiện để hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm (phụ trách kế toán: 0,1) theo QĐ 875/QĐ-BTC ngày 27/5/2019 không? Kính mong Qúy Bộ giải đáp giúp.

Trả lời:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định 174//2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán có quy định đơn vị kế toán chỉ có một người làm kế toán hoặc một người làm kế toán kiêm nhiệm; đơn vị kế toán ngân sách và tài chính xã, phường, thị trấn thì không thực hiện bổ nhiệm kế toán trưởng *mà chỉ bổ nhiệm phụ trách kế toán*.

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Thông tư số 04/2018/TT-BNV ngày 27 tháng 03 năm 2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước quy định: *"*Đối với đơn vị kế toán chỉ có một người làm kế toán hoặc một người làm kế toán kiêm nhiệm. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại *phụ trách kế toán do người đứng đầu cơ quan, đơn vị kế toán quyết định"*. Theo đó, người được bổ nhiệm phụ trách kế toán được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc hằng tháng 0,1 so với mức lương cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 04/2018/TT-BNV**.**

Câu hỏi 71:

Bộ Tài chính -Ban hành Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 về chế độ chế độ kế toán HCSN, bản thân tôi nghiên cứu rất kỹ, nhiều chỗ thấy vướng không logic, không rỏ ràng, mỗi người hiểu mỗi kiểu, không chuẩn mực. Tôi chỉ góp ý thôi-có thể tôi nói không đúng- Nhưng mong được Bộ phản hồi. Hôm nay tôi chỉ nêu một trường hợp duy nhất cái Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

theo phương pháp trực tiếp, ở khối Doanh nghiệp thì rất rỏ ràng(số liệu lấy trên tài khoản 111,112,113); nhưng khối HCSN tôi thấy phần mềm kế toán HCSN - MISA lại bao gồm tất cả các khoảng tiền chi ra từ NSNN cấp(TK 008) và thu tại đơn vị (Biểu B02 -Kết quả hoạt động số liệu bằng biểu B03-Báo cáo lưu chuyển tiền tệ). Vậy tiền để lên báo cáo lưu chuyển tiền tệ chỉ lấy trên Tài khoản 111,112,113 hay nó bao gồm cả tiền ngân sách chuyển thẳng hạch toán Nợ 611 có 511 và cộng luôn cả hàng hóa viện trợ, vay nợ nước ngoài …. (có nghĩa là tất cả qui ra tiền để vào Biểu B02 và B03).

Trả lời:

1. Về hướng dẫn lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp

Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, tại phụ lục 04 đã hướng dẫn lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, theo đó mục đích của việc lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ: "*Báo cáo lưu chuyển tiền tệ xác định nguồn tiền vào, các khoản mục chi ra bằng tiền trong năm báo cáo và số dư tiền tại ngày lập báo cáo, nhằm cung cấp thông tin về những thay đổi của tiền tại đơn vị*"

Về nguyên tắc trình bày số liệu được quy định: "*Luồng tiền trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là luồng vào và luồng ra của tiền. Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi không kỳ hạn. Các luồng tiền không bao gồm các chuyển dịch nội bộ giữa các khoản tiền trong đơn vị*".

Ngoài ra chế độ kế toán còn quy định đơn vị phải mở các sổ kế toán chi tiết để phục vụ cho việc lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo các luồng tiền như sau: "*Sổ kế toán chi tiết các tài khoản phản ánh tiền (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, kho bạc, tiền đang chuyển) phải mở chi tiết để theo dõi các luồng tiền thu và chi liên quan đến hoạt động chính, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính để tổng hợp số liệu làm cơ sở lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ*".

Ngoài ra trong phần hướng dẫn lấy số liệu các chỉ tiêu chi tiết của báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp (tại phụ lục 04) đã hướng dẫn rất rõ việc lấy số liệu từng chỉ tiêu trên cơ sở số liệu các tài khoản tiền sau khi thực hiện đối chiếu với tài khoản có liên quan, ví dụ lấy số liệu chỉ tiêu tiền NSNN cấp- mã số 02: "*Số liệu ghi vào chỉ tiêu này được lấy từ sổ kế toán các TK 111, 112 (phần thu tiền), sau khi đối chiếu với sổ kế toán các TK 3371 "Kinh phí hoạt động bằng tiền", TK 3374- " Ứng trước dự toán", TK 511 "Thu hoạt động do NSNN cấp*".

Hoặc lấy số liệu chỉtiêu "Tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ"- mã số 05 được hướng dẫn: *Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được lấy từ sổ kế toán các TK 111, 112 (phần thu tiền), sau khi đối chiếu với sổ kế toán các TK 531 "Thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ", TK 131 "Phải thu khách hàng" (chi tiết số tiền thu hồi các khoản phải thu hoặc thu tiền ứng trước trong kỳ từ hoạt động sản xuất kinh doanh), TK 3383 "Doanh thu nhận trước".*

Căn cứ vào các quy định nêu trên, việc phần mềm kế toán HCSN - MISA lấy số liệu báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm cả số liệu TK 008 là không đúng quy định.

2. Về sử dụng phần mềm kế toán

Nguyên tắc phần mềm kế toán là công cụ trợ giúp cho người làm kế toán. Trên cơ sở số liệu đầu vào phần mềm kế toán sẽ xử lý và đưa ra các báo cáo một cách chính xác, hiệu quả, đảm bảo đúng quy định, giúp người dùng tiết kiệm thời gian và chi phí. Theo đó phần mềm kế toán hành chính, sự nghiệp cần phải được thiết kế theo đúng yêu cầu nghiệp vụ và lập được BCQT, BCTC (trong đó có báo cáo lưu chuyển tiền tệ) theo quy định chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Các đơn vị cần lựa chọn các phần mềm phù hợp và kiểm soát việc đáp ứng được yêu cầu nghiệp vụ theo quy định.

Đề nghị độc giả nghiên cứu kỹ các hướng dẫn lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC để phân biệt rõ và nắm vững các quy định của chế độ kế toán, từ đó xem xét việc thiết lập chương trình phần mềm kế toán có đúng quy định không. Trường hợp phần mềm kế toán thiết lập không đúng ngoài việc có ý kiến phản ánh về Bộ tài chính, đề nghị quý bạn đọc/đơn vị kế toán trao đổi trực tiếp để làm rõ với nhà cung cấp phầm mềm./.

Câu hỏi 72:

Theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC về việc quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên có nêu : " Có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán tối thiểu 36 tháng, được tính từ thời gian tốt nghiệp ghi trên bằng đại học đến thời điểm đăng ký dự thi ". Năm 2019 tôi đang dự định tham dự kỳ thi kiểm toán viên năm 2019, bằng tốt nghiệp của tôi vào tháng 11/2016 thì nếu năm 2019 Bộ tài chính tổ chức kỳ thi kiểm toán viên cho năm 2019 mà trong văn bản có nêu đến thời điểm đăng ký dự thi là tháng 9/2019 (giống như năm 2018 được ghi trong văn bản là tháng 9/2018) nghĩa là tôi đang thiếu 1 tháng để thi kiểm toán viên nhưng thời gian công tác

thực tế của tôi tại Công ty kiểm toán có thời gian hơn 36 tháng thì tôi có được tham gia kỳ thi kiểm toán viên năm 2019 hay không, nếu không thì có cách nào để tôi thi được không do tôi chỉ thiếu 1 tháng.

Trả lời:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính về điều kiện dự thi : *"3. Có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán tối thiểu 36 tháng, được tính trong khoảng thời gian từ tháng tốt nghiệp ghi trên bằng tốt nghiệp đại học (hoặc sau đại học) đến thời điểm đăng ký dự thi. Thời gian công tác thực tế về kiểm toán bao gồm thời gian làm trợ lý kiểm toán tại doanh nghiệp kiểm toán, thời gian làm kiểm toán nội bộ tại bộ phận kiểm toán nội bộ của đơn vị, thời gian làm kiểm toán tại cơ quan Kiểm toán Nhà nước".*

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính: *"1. Hội đồng thi tổ chức ít nhất mỗi năm một kỳ thi vào quý III hoặc quý IV. Trước ngày thi ít nhất 60 ngày, Hội đồng thi thông báo chính thức trên các phương tiện thông tin đại chúng về điều kiện, tiêu chuẩn, thời gian, địa điểm và các thông tin cần thiết khác liên quan đến kỳ thi".*

Cũng theo quy định tại Điều 14 và Điều 16 Thông tư số 91/2017/TT-BTC, *Hội đồng thi được thành lập cho từng kỳ thi. Hội đồng thi có có trách nhiệm xét duyệt danh sách dự thi.* Do đó việc xem xét cụ thể 1 thí sinh có đủ điều kiện dự thi cho từng kỳ thi hay không do Hội đồng thi kỳ đó xem xét, quyết định.

Hiện nay Bộ Tài chính đang triển khai các thủ tục để thành lập Hội đồng thi cho kỳ thi năm 2019. Kế hoạch thi cụ thể của năm 2019 sẽ được Hội đồng thi thông báo trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính. Đề nghị quý độc giả theo dõi để cập nhật thông tin về kế hoạch thi, đồng thời đối chiếu, xem xét mình có đủ điều kiện dự thi kỳ thi năm 2019 để có kế hoạch tham gia phù hợp./.

Câu hỏi 73:

Tôi muốn giải đáp về nghiệp vụ hạch toán kế toán liên quan đến lương và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,... Căn cứ điểm 3.3, khoản 3, Điều 57 Thông tư 200/2014 thì: "3.3 Kế toán BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ - Khi trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, ghi: Nợ các TK 622, 623,627, 641, 642 (số tính vào chi phí SXKD) Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (số trừ vào lương người lao động) Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3382, 3383, 3384, 3386)." Căn cứ

mức đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ hiện hành thì người sử dụng lao động chịu 21,5% BHXH, BHYT, BHTN và người lao động chịu 10,5% BHXH, BHYT, BHTN. Có nghĩa là, với mức lương 5.000.000 đồng ở bộ phận quản lý căn cứ điểm 3.3, khoản 3, Điều 57 Thông tư 200/2014 trên sẽ hạch toán như sau: Nợ TK 642 1.075.000 đồng (21,5%) Nợ TK 334 525.000 đồng (10,5%) Có TK 338 1.600.000 đồng Sau đây là trường hợp cụ thể ở công ty tôi: - Giám đốc không nhận lương (trong năm khó khăn của công ty), giả sử lương là 5.000.000 đồng - 10,5% BHXH, BHYT, BHTN mà người lao động chịu sẽ do công ty đóng như 1 khoản chi phí của công ty. Công ty tôi hạch toán như sau: Nợ TK 642 1.075.000 đồng Nợ TK 811 525.000 đồng Có TK 338 1.600.000 đồng Như vậy, công ty xem khoản 525.000 đồng này như 1 khoản chi phí khác và hạch toán vào tài khoản 811 như trên có đúng không?

Trả lời:

Tại điểm a khoản 3 Điều 53 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 quy định:

"*a)Tính tiền lương, các khoản phụ cấp theo quy định phải trả cho người lao động, ghi:*

Nợ TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang

Nợ các TK 622, 623, 627, 641, 642

Có TK 334 - Phải trả người lao động (3341, 3348)."

Tại khoản 3.3 Điều 57 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 quy định:

"*Khi trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, ghi:*

Nợ các TK 622, 623,627, 641, 642 (số tính vào chi phí SXKD)

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (số trừ vào lương người lao động)

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3382, 3383, 3384, 3386)."

Căn cứ quy định trên, khoản tiền lương, tiền công phải trả cho Giám đốc công ty sẽ được phản ánh vào tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp. Còn tiền BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ mà Giám đốc phải đóng thì sẽ trừ vào lương của Giám đốc để doanh nghiệp đóng thay cho Giám đốc.

Như vậy, đối với trường hợp của công ty, Giám đốc không nhận lương thì khoản tiền BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ mà Giám đốc phải đóng sẽ phản ánh vào tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Câu hỏi 74:

Tôi hiện đang công tác tại Ban quản lý dự án nhóm 2, áp dụng chế độ kế toán chủ đầu tư theo thông tư 195/2012/TT-BTC. Cho tôi hỏi: Theo quy định thì kế hoạch vốn năm 2018 được thanh toán kéo dài đến 31/01/2019, vậy các khoản thanh toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/01/2019 tôi hạch toán, khóa sổ kế toán, lập BCTC vào năm 2018 có sai với điều 12 Luật kế toán hay không?(Ví dụ: kế hoạch năm 2018 dự án A là 100 tỷ đồng. Thanh toán, tạm ứng đến 31/12/2018 là 90 tỷ dồng, thanh toán khối lượng hoàn thành từ ngày 01/01/2019 đến 31/01/2019 là 10 tỷ đồng. Vậy tôi hạch toán, khóa sổ kế toán, lập BCTC năm 2018 là 100 tỷ đồng hay 90 tỷ đồng?)

Trả lời:

Đối với các ban quản lý dự án đầu tư áp dụng chế độ kế toán chủ đầu tư ban hành theo Thông tư 195/2012/TT-BTC ngoài việc lập các báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán còn phải lập các báo cáo quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 85/2017/TT-BTC.

Căn cứ Điểm a, Khoản 2, Điều 29 Luật Kế toán 2015 "*Đơn vị kế toán phải lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán năm; trường hợp pháp luật có quy định lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán khác thì đơn vị kế toán phải lập theo kỳ kế toán đó*". Căn cứ quy định tại Điều 4, Thông tư số 85/2017/TT-BTC quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hằng năm "*Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến việc thực hiện kế hoạch vốnđầu tư nguồn ngân sách nhà nướctrong năm thực hiện khoá sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán theo quy định. Thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách nhà nước kết thúc vào ngày 31 tháng 01 năm sau. Các khoản tạm ứng đã đủ điều kiện chi, khối lượng, công việc đã thực hiện từ ngày 31 tháng 12 trở về trướcđược giao trong dự toán ngân sách, thì thời hạn chi, thanh toán ngân sách được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau và được hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm trước*". Như vậy các khoản này mặc dầu được thanh toán kéo dài đến 31/01 năm sau nhưng đã có khối lượng, công việc thực hiện trước ngày 31/12.

Theo hướng dẫn của chế độ kế toán chủ đầu tư ban hành theo Thông tư 195/2012/TT-BTC: Khi nhận giá trị khối lượng xây dựng hoặc lắp đặt,...hoàn thành do nhà thầu bàn giao, căn cứ hợp đồng, biên bản nghiệm thu khối lượng, đơn vị hạch toán: Nợ TK 241- Chi phí đầu tư XDCB/Có TK 331- Phải trả cho người bán.

Như vậy số liệu các khoản *tạm ứng đã đủ điều kiện chi, khối lượng, công việc đã thực hiện* từ ngày 31/12/2018 trở về trước mặc dầu thời hạn chi, thanh toán đến hết 31/01/2019 nhưng số liệu đã được hạch toán phản ánh trên TK 241- Chi phí đầu tư XDCB của năm 2018, theo đó số liệu BCTC năm 2018 đã phản ánh số liệu này là đúng quy định.

Câu hỏi 75:

Nếu là Phó chủ tịch UBND xã nhưng không được ủy quyền làm chủ tài khoản của đơn vị thì có được kiêm nhiệm chức danh phụ trách kế toán hay không?

Trả lời:

Khoản 4 Điều 52 Luật kế toán quy định về những người không được làm kế toán trong đó "Người đang là người quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người mua, bán tài sản trong cùng một đơn vị kế toán, trừ trong doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và các trường hợp khác do Chính phủ quy định".

Khoản 4 Điều 3 Nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 quy định chi tiết 1 số điều của Luật kế toán quy định: *"Người có trách nhiệm quản lý, điều hành đơn vị kế toán*là người quản lý doanh nghiệp hoặc người thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp; là thành viên Ban giám đốc (Ban tổng giám đốc) hợp tác xã theo quy định của pháp luật hợp tác xã; là người đứng đầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh đơn vị kế toán ký kết giao dịch của đơn vị theo quy định".

Theo đó, nếu Phó Chủ tịch xã không được ủy quyền là người quản lý, điều hành đơn vị, là người đại diện theo pháp luật của đơn vị và là người có thẩm quyền nhân danh đơn vị đi ký kết các giao dịch thì không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại khoản 4 Điều 52 Luật kế toán và có thể được giao Phụ trách kế toán, nhưng không được ký chức danh Thủ trưởng đơn vị trên tài liệu kế toán của đơn vị.

Câu hỏi 76:

Trong công văn Số: 16098/BTC-CĐKT ngày 28 tháng 11 năm 2017 V/v hướng dẫn chuyển số dư từ hệ thống TK cũ sang hệ thống TK mới có ghi việc

chuyển đổi số dư Tài khoản ban hành theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC tài khoản 466 "Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ Riêng đối với các TSCĐ hình thành bằng nguồn NSNN hoặc có nguồn gốc NSNN dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ chưa được hạch toán giảm nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ, trước khi chuyển số sang hệ thống tài khoản kế toán mới các đơn vị thực hiện bút toán, ghi: Nợ TK 466- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ/Có TK 214- Hao mòn TSCĐ, bằng số khấu hao đã trích của TSCĐ." gây nhiều tranh cãi. Cụ thể nếu tài khoản cũ 466 cuối năm 2017 dư bên có 10triệu thì khi chuyển đổi nó sẽ là Nợ 466 : 10triệu , có 214 : 10triệu theo tôi hiểu như hướng dẫn đã trích dẫn trên. Hay nó đơn thuần là chuyển ngay sang tài khoản mới là có 36611: 10triệu như hướng dẫn bên tài khoản mới cùng tại công văn này"Giá trị còn lại của TSCĐ(Trường hợp khi chuyển số dư từ TK cũ sang TK mới không tách được nguồn 466 theo nguồn NSNN; viện trợ, vay nợ nước ngoài; nguồn phí được khấu trừ, để lại thì chuyển toàn bộ số dư TK 466 sang TK 36611)" Theo tôi hai nội dung này có thể đang trái nhau làm khó hiểu? Xin quý Bộ hướng dẫn cụ thể hơn

Trả lời:

Công văn số 16098/BTC-CĐKT ngày 28/11/2017 của Bộ Tài chính đã hướng dẫn chuyển số dư TK như sau: *Riêng đối với các TSCĐ hình thành bằng nguồn NSNN hoặc có nguồn gốc NSNN dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ chưa được hạch toán giảm nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ, trước khi chuyển sổ sang hệ thống tài khoản kế toán mới các đơn vị thực hiện bút toán, ghi: Nợ TK 466- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ/Có TK 214- Hao mòn TSCĐ, bằng số khấu hao đã trích của TSCĐ"*

Nội dung này giải thích như sau:

Theo Quyết định 19/2006/QĐ-BTC thì kế toán TSCĐ hình thành bằng nguồn NSNN như sau:

- Khi mua TSCĐ, ghi: Nợ TK 211/Có TK 461

Đồng thời, ghi: Nợ TK 661/Có TK 466 (Ghi Có TK 008)

- Hạch toán hao mòn TSCĐ, ghi: Nợ TK 466/Có TK 214

⇒ Giá trị còn lại của TSCĐ trên TK 466 giảm xuống qua các năm tính hao mòn

- TSCĐ dùng cho hoạt động SXKD, tính khấu hao ghi: Nợ TK 631/ Có TK 4314

⇒ Giá trị còn lại của TS này phản ánh trên TK 466 không giảm xuống.

Vì vậy, số dư của TK 466 sẽ chỉ giảm khi tính hao mòn mà không giảm khi tính khấu hao ⇒ TK 466 luôn luôn còn tồn tại số dư bên Có (do các bút toán khấu hao không ghi Nợ TK 466 như các bút toán hao mòn). Do đó, trước khi chuyển số dư Có TK 466 sang số dư Có TK 366 đơn vị thực hiện kết chuyển số khấu hao đã tính qua các năm trước (trên Nợ TK 631/Có TK 4314) bằng cách ghi Nợ 466/Có 214 để giá trị còn lại của TSCĐ đó về đúng giá trị còn lại thật của nó.

Sau khi xác định lại giá trị còn lại của TSCĐ trên TK 466, nếu đơn vị trước đây đã theo dõi chi tiết TK 466 theo từng nguồn hình thành TSCĐ từ nguồn NSNN, nguồn viện trợ, nguồn phí khấu trừ để lại (theo luật phí, lệ phí) thì đơn vị kết chuyển giá trị còn lại sang các TK tương ứng (36611, 36621, 36631); trường hợp không thể xác định được từng nguồn hình thành thì cho phép chuyển toàn bộ giá trị còn lại đó sang TK 36611.

Câu hỏi số 77:

Em đang công tác tại Bệnh viện công lập của Hà Nội. Đơn vị hạch toán theo thông tư 107/2017/TT-BTC. Em xin hỏi về TSCĐ 1. Đối với giá trị còn lại của TSCĐ năm cũ áp dụng theo quyết định 19 năm 2018 được chuyển sang TK: 36611 (theo chế độ cũ chi phí đã được tính toàn bộ qua 661). Năm nay tính hao mòn của những tài sản này e ghi: Nợ 33611/có 214 là phù hợp chưa? nếu chưa thì hạch toán khoản này như thế nào ạ. 2. Đối với mua TSCĐ bằng nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp dùng cho hoạt động khám chữa Bệnh. - Khi mua: Nợ 211/ có 112; đồng thời ghi chuyển nguồn: Nợ 43141/ có 43142 (là 600tr) - Cuối năm tính hao mòn của của TSCĐ này: Thứ 1: Ghi Nợ TK 43142/ có 214 (giả sử 50tr) . Em xin hỏi như vậy là phù hợp chưa? Hay là thứ 2 ghi: a) Nợ TK 642;154/Có TK 214 (50tr); b) Nợ 43142/ có 43141 (50tr); Và cho e hỏi Giá dịch vụ y tế hiện nay chưa có yếu tố cấu thành của chi phí khấu hao tài sản, như vậy khi hạch toán theo phương thức thứ 2 thì làm tăng chi phí lên một khoản là 50tr, dẫn đến 421 giảm 50tr làm cho phân bổ các quỹ theo quy chế chi tiêu nội bộ (khen thưởng, phúc lợi, PTSN, Bổ sung thu nhập) giảm theo tỷ lệ. Tuy nhiên cái phần tăng 50tr này hạch toán theo phương pháp thứ 2 chỉ làm tăng quỹ phát triển sự nghiệp.

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quy định:

1) Đối với TSCĐ chuyển từ năm trước sang năm nay (kể cả TSCĐ mua mới bằng nguồn NSNN phát sinh trong năm)

- Cuối năm, tính hao mòn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 611- Chi phí hoạt động (61113 hoặc 61123)

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ.

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu

Có TK 511- Thu hoạt động do NSNN cấp.

2) Đối với TSCĐ mua bằng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp:

- Khi mua TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có các TK 111, 112, 331,...

- Đồng thời ghi:

Nợ TK 431- Các quỹ (43141)

Có TK 431- Các quỹ (43142).

- Tính hao mòn TSCĐ (nếu dùng cho hoạt động hành chính hoặc hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ), ghi:

Nợ TK 611- Chi phí hoạt động

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ.

- Trích khấu hao TSCĐ (nếu dùng cho hoạt động kinh doanh), ghi:

Nợ các TK 154, 642

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ.

- Cuối năm, đơn vị kết chuyển số hao mòn, khấu hao đã tính (trích) trong năm, ghi:

Nợ TK 431- Các quỹ (43142) (số hao mòn và khấu hao đã tính (trích)

Có TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế (số hao mòn đã tính)

Có TK 431- Các quỹ (43141) (số khấu hao đã trích).

Đối với các TSCĐ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh phải trích khấu hao, theo đó, khi TSCĐ dùng cho hoạt động kinh doanh là tạo ra doanh thu thì việc

trích khấu hao phải tính vào chi phí để xác định kết quả của hoạt động kinh doanh đó. Đối với TSCĐ không sử dụng vào hoạt động kinh doanh thì đơn vị chỉ tính hao mòn vào chi phí đồng thời kết chuyển số hao mòn vào bên Có TK 421 tương ứng với số hao mòn đã tính vào chi phí (không làm phát sinh thặng dư hay thâm hụt)

Căn cứ khoản 5 Điều 16 Thông tư số 45/2018/TT-BTC quy định: Số tiền trích khấu hao đối với tài sản cố định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị. Do đó, số 50tr đơn vị đã tính khấu hao vào chi phí sẽ được chuyển về Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp bằng tiền (TK 43141).

Câu hỏi số 78:

Tôi có 1 số vướng mắc liên quan đến lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp (Mẫu B03b/BCTC) ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC. Đối với 1 số nghiệp vụ liên quan đến tài sản cố định, nghiệp vụ nào sẽ lên báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp, nghiệp vụ nào không lên và số liệu lên thì sẽ vào chỉ tiêu nào: 1. Mua sắm TSCĐ từ quỹ phúc lợi: Nợ TK 211/Có TK 111,112 Đồng thời: Nợ TK 43121/Có TK 43122 2. Mua TSCĐ từ nguồn phí khấu trừ để lại: Nợ TK 211/Có TK 112 Nợ TK 3373/Có TK 3663 Có TK 014 3. Trích KH TSCĐ dùng cho hoạt động thu phí: Nợ TK 614/Có TK 214 Nợ TK 3663/Có TK 514 4. Thanh lý TSCĐ (mua từ nguồn NSNN cấp): Nợ TK 214 (Giá trị HM lũy kế) Nợ TK 3661 (Giá trị còn lại) Có TK 211 (Nguyên giá) 5. TSCĐ mua từ nguồn NSNN cấp chuyển thành CCDC (giá trị còn lại nhỏ): Nợ TK 214 (Giá trị HM lũy kế) Nợ TK 611 (Giá trị còn lại) Có TK 211 (Nguyên giá) Đồng thời, kết chuyển: Nợ TK 3661/Có TK 511 6. TSCĐ mua từ nguồn NSNN cấp chuyển thành CCDC (giá trị còn lại lớn): Nợ TK 2141 (Giá trị HM lũy kế) Nợ TK 242 (Giá trị còn lại) Có TK 211 (Nguyên giá) Định kỳ phân bổ giá trị còn lại của TS chuyển thành CCDC: Nợ TK 611/Có TK 242 Đồng thời: Nợ TK 366/Có TK 511 7. TSCĐ nguồn vốn kinh doanh chuyển thành CCDC (giá trị còn lại nhỏ): Nợ TK 214 (Giá trị hao mòn lũy kế) Nợ TK 154, 642 (Giá trị còn lại) Có TK 211 (Nguyên giá) 8. TSCĐ mua bằng nguồn vốn kinh doanh chuyển thành CCDC (giá trị còn lại lớn): Nợ TK 214 (Giá trị hao mòn lũy kế) Nợ TK 242 (Giá trị còn lại) Có TK 211 (Nguyên giá) Định kỳ, phân bổ giá trị còn lại vào chi phí: Nợ TK 154/Có TK 242 ?

Trả lời:

Theo quy định tại chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC (Phụ lục 04) một trong các nguyên tắc trình bày báo cáo

lưu chuyển tiền tệ: *Luồng tiền trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là luồng vào và luồng ra của tiền. Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi không kỳ hạn. Các luồng tiền không bao gồm các chuyển dịch nội bộ giữa các khoản tiền trong đơn vị*. Đơn vị được lựa chọn lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ đối với hoạt động chính theo phương pháp trực tiếp hoặc phương pháp gián tiếp.

Phương pháp gián tiếp được thực hiện bằng việc điều chỉnh thặng dư, thâm hụt để xác định dòng tiền; do các khoản mục không bằng tiền (phi tiền tệ) có ảnh hưởng đến thặng dư, thâm hụt nhưng không phát sinh dòng tiền nên cần phải điều chỉnh để xác định dòng tiền thực.

Tại phụ lục 04 hướng dẫn lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ đối với hoạt động chính theo phương pháp gián tiếp: *Phương pháp gián tiếp là phương pháp trong đó số thặng dư/ thâm hụt trong năm điều chỉnh cho ảnh hưởng của các giao dịch không bằng tiền và bất kỳ khoản hoãn lại hoặc dồn tích của các khoản thu hoặc chi trong tương lai và các khoản thu hoặc chi gắn liền với hoạt động đầu tư hoặc hoạt động tài chính.*

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính được xác định bằng cách lấy số thặng dư/ thâm hụt trong năm điều chỉnh cho các khoản sau đây:

- Các khoản mục không bằng tiền như khấu hao TSCĐ trong năm, lãi lỗ do chênh lệch tỷ giá,...

- Tất cả các khoản mục khác ảnh hưởng đến luồng tiền từ hoạt động đầu tư hoặc hoạt động tài chính.

- Các thay đổi trong hàng tồn kho, các khoản phải thu và phải trả trong kỳ.

Căn cứ theo quy định nêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ đối với hoạt động chính lập theo phương pháp gián tiếp sẽ không trực tiếp xác định cụ thể bút toán nào được lấy số liệu vào báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Đơn vị lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ đối với hoạt động chính theo phương pháp trực tiếp hoặc phương pháp gián tiếp thì lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính cũng phản ánh chênh lệch giữa tổng số tiền thu vào với tổng số tiền chi ra từ hoạt động chính trong năm báo cáo và đảm bảo số liệu lập từ 2 phương pháp phải khớp đúng với nhau.

Câu hỏi 79:

Tôi công tác tại Chi cục CN Thú y, tôi lập báo cáo quyết toán 2018 nộp cho Phòng Tài chính Ngành - Sở Nông nghiệp và PTNT nhưng được phản hồi lại do trên Bảng cân đối số phát sinh: TK 00822 không khớp với TK 6112 &

5112 (2 tài khoản 6112 = 5112). Do đặc thù đơn vị có hàng nhập kho hạch toán Nợ TK152 / có TK 36612 đồng thời Có TK 00822. Trong niên độ 2018 sau khi xuất sử dụng vẫn còn tồn kho dư nợ TK152 và dư có trên TK 36612 và trên TK 131 (theo dõi chi tiết hàng xuất cho các huyện/ số quyết toán/ số còn dư nợ trên TK 131); Trong năm 2018, đơn vị phát sinh mua sắm, sửa chữa TSCĐ nên đã hạch toán nợ 211 / có 36611 đồng thời có 00822. Đề nghị Bộ Tài chính giải đáp và hướng dẫ để tôi có căn cứ giải trình với Phòng Tài chính Ngành - Sở Nông nghiệp và PTNT

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quy định:

- Khi mua vật tư nhập kho hoặc mua TSCĐ từ nguồn NSNN, ghi:

Nợ TK 152, 153, 211, 213

Có TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu (TK chi tiết tương ứng)

Đồng thời, ghi Có TK 008- Dự toán chi hoạt động *(Số dự toán đã rút để mua vật tư nhập kho hoặc TSCĐ)*

- Trong năm xuất kho vật tư ra sử dụng, ghi:

Nợ TK 611- Chi phí hoạt động (61113 hoặc 61123)

Có TK 152, 153.

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu

Có TK 511- Thu hoạt động do NSNN cấp.

- Cuối năm, tính hao mòn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 611- Chi phí hoạt động (61113 hoặc 61123)

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ.

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu

Có TK 511- Thu hoạt động do NSNN cấp.

⇒ Như vậy, chi phí trên TK 611 và thu trên TK 511 chỉ bằng số vật tư đã xuất ra sử dụng trong năm hoặc số đã tính hao mòn TSCĐ trong năm. Còn TK 008 thể

hiện tổng số kinh phí đã mua vật tư nhập kho hoặc mua TSCĐ. Do đó, TK 511, 611 không thể bằng TK 008 được.

Câu hỏi 80:

Tôi có một số vướng mắc trong công tác hạch toán kế toán tại đơn vị theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau: Tôi là đơn vị dự toán cấp 1, Sở NN và PTNT, có các đơn vị sử dụng ngân sách là các đơn vị sự nghiệp có nguồn thu dịch vụ môi trường vậy nguồn dịch vụ môi trường rừng hạch toán như thế nào là phù hợp ạ. Theo quy định tại QĐ số 19/2006/QĐ-TTg, theo sổ tay hương dẫn của Bộ NN và PTNT đơn vị hạch toán báo sổ, ghi nợ có tài khoản 5113. Hiện tại, theo quy định mới nếu đơn vị hạch toán 531 và 642 có phù hợp không ạ? nếu số dư kinh phí cuối năm đề phải kết chuyển xác định kết quả kinh doanh và trích quỹ, vậy phần dư kinh phí quản lý 10% chuyển sang năm sau phải chi từ quỹ. Rất mong Bộ Tài chính sớm có Vb hướng dẫn đơn vị hạch toán thống nhất và phù hợp với đặc thù.

Trả lời:

Theo hướng dẫn của Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quy định TK 511 dùng để phản ánh nguồn thu hoạt động do NSNN cấp hoặc nguồn thu hoạt động khác được để lại đơn vị và yêu cầu phải báo cáo quyết toán theo MLNSNN. Do đó, đối với nguồn thu dịch vụ đơn vị phải hạch toán TK 531- Thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và chi phí hạch toán vào TK 154 hoặc TK 642.

Đối với số chênh lệch thu lớn hơn chi (thặng dư) của hoạt động này đơn vị xử lý như sau:

(1) Trường hợp số thặng dư của hoạt động này nếu đơn vị được phép không trích quỹ mà chuyển năm sau chi tiếp thì sẽ được theo dõi trên TK 421- Thặng dư/thâm hụt lũy kế.

(2) Trường hợp nguồn thu này cuối năm phải trích quỹ thì đơn vị thực hiện trích quỹ (Nợ TK 421/Có TK 431), đồng thời sang năm phải chi ra từ quỹ theo đúng mục đích sử dụng của từng quỹ.

Câu hỏi 81:

- Chứng từ ghi sổ là chứng từ kế toán tại sao lại hướng dẫn trong mẫu của Sổ kế toán (mẫu số S02a-H ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày

10/10/2017 của Bộ Tài chính) - Đối với đơn vị kế toán áp dụng phần mềm kế toán áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ thì sổ cái khi in các nghiệp vụ phát sinh là nghiệp vụ in ở chứng từ ghi sổ hay là chứng từ chi tiết tập hợp vào chứng từ ghi sổ.

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, quy định như sau:

(1) Chứng từ ghi sổ dùng để tập hợp số liệu của 1 hoặc nhiều chứng từ có cùng nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh làm căn cứ ghi sổ. Do đó, chứng từ ghi sổ không phải là chứng từ mà là 1 trong 4 hình thức ghi sổ.

(2) Đối với các đơn vị áp dụng phần mềm theo hình thức chứng từ ghi sổ, khi in Sổ cái là in Sổ cái (Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ) (Mẫu số S02c- H).

Câu hỏi 82:

Xác định kết quả cuối năm đơn vị hành chính Theo TT 107/2017: Cuối năm, chi bổ sung thu nhập cho người lao động; chi khen thưởng; chi phúc lợi từ kinh phí tiết kiệm được trong năm (đối với các cơ quan nhà nước không được trích lập các Quỹ), ghi: Nợ TK 611- Chi phí hoạt động Có các TK 111, 511. Nếu rút dự toán, đồng thời ghi: Có TK 008- Dự toán chi hoạt động (chi tiết tài khoản tương ứng). như vậy cuối năm giữa 611 và 511 sẽ cân đối hết, vì thường chi tăng thu nhập luôn trong năm nên đâu có cleejnh giữ 511 và 611 để đưa vào 421 . Vậy cơ quan sử dụng ngân sách thì có phải xác định kết quả theo các bút toán: Cuối năm, kết chuyển doanh thu do NSNN cấp (hoạt động thường xuyên, không thường xuyên và hoạt động khác), ghi: Nợ TK 511- Thu hoạt động do NSNN cấp Có TK 911- Xác định kết quả (9111). Cuối năm, kết chuyển chi phí của hoạt động do NSNN cấp (hoạt động thường xuyên, không thường xuyên), ghi: Nợ TK 911 - Xác định kết quả (9111) Có TK 611- Chi phí hoạt động. Nếu thặng dư (lãi), ghi: Nợ TK 911 - Xác định kết quả Có TK 421 - Thặng dư (thâm hụt) lũy kế.

Trả lời:

1. Theo hướng dẫn tại chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC, Phụ lục số 02, phần hạch toán TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế, cuối năm các đơn vị phải hạch toán các bút toán toán kết chuyển doanh

thu, chi phí của các hoạt động (không phân biệt nguồn NSNN hay các nguồn khác). Trường hợp đơn vị sử dụng NSNN, đối với nguồn NSNN cấp cuối năm thực hiện các bút toán kết chuyển, ghi:

- Kết chuyển khoản thu NSNN cấp, ghi:

Nợ TK 511/Có TK 911

- Kết chuyển các khoản chi phí sử dụng nguồn NSNN, ghi:

Nợ TK 911/Có TK 611,...

- Trường hợp thặng dư, ghi:

Nợ TK 911/ Có TK 421

- Trường hợp thâm hụt, ghi:

Nợ TK 421/ Có TK 911

2. Việc hạch toán chi bổ sung thu nhập, chi khen thưởng, phúc lợi từ kinh phí tiết kiệm trong năm đối với cơ quan nhà nước (không được trích lập các quỹ) đã được hướng dẫn trong nguyên tắc hạch toán các tài khoản có liên quan 137, 421, 511, 611,... tại chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC. Tuy nhiên do sơ suất Phụ lục số 02, phần hướng dẫn hạch toán TK 611- Chi phí hoạt động (bút toán 3.12) đã có bút toán bị nhầm lẫn: Cuối năm, chi bổ sung thu nhập cho người lao động; chi khen thưởng; chi phúc lợi từ kinh phí tiết kiệm được trong năm (đối với các cơ quan nhà nước không được trích lập các Quỹ), ghi: Nợ TK 611/Có các TK 111, 511. Nếu rút dự toán, đồng thời ghi: Có TK 008- Dự toán chi hoạt động.

Vì vậy trường hợp cuối năm, chi bổ sung thu nhập; chi khen thưởng; chi phúc lợi từ kinh phí tiết kiệm được trong năm cho người lao động (đối với các cơ quan nhà nước không được trích lập các Quỹ) từ nguồn NSNN giao dự toán, đơn vị hạch toán như sau:

- Nếu rút dự toán chuyển khoản ngay, ghi:

Nợ TK 334/Có TK 511. Đồng thời ghi: Có TK 008- Dự toán chi hoạt động.

- Nếu rút dự toán chuyển số tiết kiệm vào TK tiền gửi hoặc rút tiền mặt về quỹ, ghi:

+ Nợ TK 111, 112/Có TK 511. Đồng thời ghi: Có TK 008- Dự toán chi hoạt động.

+ Khi chi, ghi: Nợ TK 421/ Có TK 111, 334,...

Câu hỏi 83:

Tôi là đơn vị hành chính thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung (tài sản và dịch vụ) theo hình thức đơn vị mua sắm tập trung ký hợp đồng trực tiếp. Sau khi hoàn thành thực hiện điều chuyển tài sản cho các đơn vii cấp dưới (hạch toán độc lập). Năm 2018 thực hiện chế độ kế toán theo Thông tư 107/2014/TT-BTC, trong quá trình hạch toán tôi thấy có một số vướng mắc kính đề nghị quý đơn vị hướng dẫn cụ thể: 1. Trong năm đơn vị có thực hiện việc tạm ứng theo hợp đồng mua sắm tập trung có các nhà thầu (chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản dự toán tại kho bạc sang tài khoản của nhà thâu) nhưng cuối năm chưa thu hồi tạm ứng. Đối với nghiệp vụ nêu trên thực hiện hạch toán như thế nào. 2. Ngoài việc mua sắm tài sản tập trung đã được hướng dẫn hạch tại TK 241 của Thông tư 107, đơn vị tôi còn thực hiện mua sắm dịch vụ tập trung cho các đơn vị (dịch vụ đường truyền, dịch vụ bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị cho các tài sản mua sắm tập trung không) nhưng các dịch vụ này phát sinh sau khi đã bàn giao tài sản cho đơn vị và theo quy định không tính vào nguyên giá của tài sản. Vậy tại đơn vị tôi, khi phát sinh nghiệp vụ này hạch toán như thế nào?

Trả lời:

1.Về hạch toán nghiệp vụ tạm ứng cho nhà thầu

Tạm ứng theo hợp đồng mua sắm tập trung theo phương pháp ký hợp đồng trực tiếp cho các nhà thầu (chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản dự toán tại kho bạc sang tài khoản của nhà thầu):

- Khi ký hợp đồng mua sắm TSCĐ với nhà cung cấp,kế toán ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (2411)

Có TK 331- Phải trả cho người bán.

- Khi rút dự toán tạm ứng cho nhà thầu, ghi:

Nợ TK 331- Phải trả cho người bán

Có TK 338-Phải trả khác

Đồng thời ghi:

Có TK 008211, 008221- Dự toán chi hoạt động.

- Trường hợp cuối năm chưa làm thủ tục thanh toán tạm ứng, kế toán chuyển tạm ứng từ năm nay sang năm trước để theo dõi, ghi:

Có TK 008211, 008221 - Dự toán chi hoạt động (ghi âm)

Đồng thời ghi:

Có TK 008111, 008121- Dự toán chi hoạt động (ghi dương)

- Khi bàn giao tài sản cho đơn vị sử dụng TSCĐ, ghi :

Nợ TK 338- Phải trả khác

Có TK 241- XDCB dở dang

2.Về việc hạch toán các dịch vụ phát sinh sau khi đã bàn giao tài sản mua sắm tập trung cho đơn vị (như dịch vụ bảo trì bảo dưỡng tài sản...):

- Phải trả về dịch vụ bảo trì bảo dưỡng...cho tài sản của đơn vị cấp dưới nhưng chưa thanh toán (căn cứ vào hóa đơn của bên cung cấp dịch vụ) nếu chi phí này được bố trí trong dự toán kinh phí hoạt động của đơn vị, ghi:

Nợ TK 611- Chi phí hoạt động

Có TK 331- Phải trả cho người bán

- Khi rút dự toán, thanh toán tiền dịch vụ, ghi:

Nợ TK 331- Phải trả cho người bán

Có TK 511- Thu hoạt động do NSNN cấp

Đồng thời ghi:

Có TK 008- Dự toán chi hoạt động.

Câu hỏi 84:

Tôi công tác tại Phòng KHTC Sở Lao động - TB&XH tỉnh Quảng Ninh. Thông tư 107/2017/TT-BTC hiện nay chúng tôi đang vướng mắc hạch toán một số bút toán. Xin hỏi quý Bộ hướng dẫn các bước hạch toán tạm chi thu nhập tăng thêm và phúc lợi trong năm; các bước hạch toán kết chuyển số đã tạm chi thu nhập tăng thêm trong năm; các bước hạch toán thu nhập tăng thêm, phúc lợi còn lại cuối năm khi đã xác định được số tiết kiệm chi đối với đơn vị quản lý nhà nước và đối với đơn vị sự nghiệp. Rất mong nhận được thông tin trả lời của Quý Bộ để Sở và các đơn vị trực thuộc Sở kịp hoàn thiện báo cáo tài chính năm ngân sách 2018

Trả lời:

Theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, phương pháp hạch toán tạm chi thu

nhập tăng thêm và phúc lợi trong năm tại đơn vị sự nghiệp và đơn vị quản lý nhà nước quy định như sau:

1. Tại đơn vị sự nghiệp:

- Trong kỳ, trường hợp quỹ bổ sung thu nhập, quỹ phúc lợi không còn đủ số dư để chi trả, đơn vị tạm tính kết quả hoạt động để chi trả, nếu được phép tạm chi bổ sung thu nhập, tạm chi phúc lợi cho người lao động trong đơn vị:

+ Khi tạm chi bổ sung thu nhập, phản ánh số phải trả người lao động, ghi:

Nợ TK 137- Tạm chi (1371)

Có TK 334- Phải trả người lao động.

Khi chi bổ sung thu nhập cho người lao động, ghi:

Nợ TK 334- Phải trả người lao động

Có các TK 111, 112.

+ Khi tạm chi phúc lợi, ghi:

Nợ TK 137- Tạm chi (1378)

Có các TK 111, 112.

- Cuối năm, khi xác định kết quả các hoạt động, đối với các đơn vị sự nghiệp được trích lập các quỹ theo quy định của cơ chế tài chính hiện hành, ghi:

Nợ TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế

Có TK 431- Các quỹ (4314,4313,4311,4312)

Đồng thời, kết chuyển số đã tạm chi bổ sung thu nhập trong kỳ theo số đã được duyệt, ghi:

Nợ TK 431- Các quỹ (4313)

Có TK 137- Tạm chi (1371).

Đồng thời, kết chuyển số đã tạm chi phúc lợi trong kỳ theo số đã được duyệt, ghi:

Nợ TK 431- Các quỹ (4312)

Có TK 137- Tạm chi (1378).

2. Tại cơ quan quản lý nhà nước:

- Trong kỳ, nếu được phép tạm chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong đơn vị, ghi:

Nợ TK 137- Tạm chi (1371)

Có TK 334- Phải trả người lao động.

+ Khi chi bổ sung thu nhập cho người lao động, ghi:

Nợ TK 334- Phải trả người lao động

Có các TK 111, 112.

- Trong kỳ, nếu được phép tạm chi phúc lợi cho người lao động trong đơn vị, ghi:

Nợ TK 137- Tạm chi (1378)

Có các TK 111, 112.

- Cuối năm, sau khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cơ quan xác định được số kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được, kết chuyển số đã tạm chi trong năm, ghi:

Nợ TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế

Có TK 137- Tạm chi (1371, 1378).

- Trường hợp, số kinh phí tiết kiệm chi vẫn chưa sử dụng hết đơn vị trích lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập theo cơ chế tài chính, ghi:

Nợ TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế

Có TK 431- Các quỹ (4315).

Câu hỏi 85:

Những năm trước đơn vị tôi đã chi tinh giản biên chế cho các đồng chỉ nghỉ hưu trước tuổi, nhưng khi quyết toán ngân sách cuối năm 2017 vẫn chưa được Bộ Tài chính phê duyệt cho quyết toán. Đơn vị tôi vẫn để trong phần tạm ứng, đã rút ở nguồn 461212 nhưng chưa quyết toán 661212. Do đó Tài khoản 461212 vẫn còn số dư để chuyển sang 2018. Tôi xin hỏi Bộ khi chuyển số dư 2017 sang năm 2018 tài khoản này tôi phải chuyển sang tài khoản nào cho hợp lý. Trong năm 2018, đơn vị tôi có 1 trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, đã được cấp kinh phí chi cho trường hợp này. Khi hạch toán chi tinh giản biên chế tôi hạch toán vào tài khoản 61111 – chi phí cho nhân viên có được không? Rất kinh mong Bộ Tài chính xem xét, giải đáp sớm để tôi có cơ sở quyết toán ngân sách năm 2018

Trả lời:

1. Nguyên tắc sau khi khóa sổ kế toán năm 2017, số dư có TK 4611 và số dư nợ 6611 bằng nhau thì kế toán đơn vị tiếp tục theo dõi số dư của 2 tài khoản này trên hệ thống sổ sách năm 2017 cho đến khi quyết toán được duyệt thì thực hiện bút toán tất toán theo hướng dẫn CĐKT hành chính sự nghiệp ban hành theo QĐ 19/2006/QĐ-BTC (Nợ TK 4611/Có TK 6611) mà không phải chuyển số dư sang năm 2018.

Trường hợp độc giả hỏi số dư TK 461 lớn hơn TK 661 (do năm 2017 đơn vị đã rút tạm ứng dự toán nhưng chưa thanh toán), phải chuyển số dư sang 2018 và được chuyển thành số dư đầu TK 421- Thặng dư/thâm hụt lũy kế.

2. Trường hợp chi tinh giản biên chế (cho trường hợp nghỉ hưu trước tuổi) do NSNN cấp, đơn vị hạch toán vào TK 61118 (nếu chi từ nguồn thường xuyên/tự chủ), TK 61128 (nếu chi từ nguồn không thường xuyên/không tự chủ).

Câu hỏi 86:

Những năm trước đơn vị tôi đã chi tinh giản biên chế cho các đồng chỉ nghỉ hưu trước tuổi, nhưng khi quyết toán ngân sách cuối năm 2017 vẫn chưa được Bộ Tài chính phê duyệt cho quyết toán. Đơn vị tôi vẫn để trong phần tạm ứng, đã rút ở nguồn 461212 nhưng chưa quyết toán 661212. Do đó Tài khoản 461212 vẫn còn số dư để chuyển sang 2018. Tôi xin hỏi Bộ khi chuyển số dư 2017 sang năm 2018 tài khoản này tôi phải chuyển sang tài khoản nào cho hợp lý. Trong năm 2018, đơn vị tôi có 1 trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, đã được cấp kinh phí chi cho trường hợp này. Khi hạch toán chi tinh giản biên chế tôi hạch toán vào tài khoản 61111 – chi phí cho nhân viên có được không? Rất kinh mong Bộ Tài chính xem xét, giải đáp sớm để tôi có cơ sở quyết toán ngân sách năm 2018.

Trả lời:

1. Nguyên tắc sau khi khóa sổ kế toán năm 2017, số dư có TK 4611 và số dư nợ 6611 bằng nhau thì kế toán đơn vị tiếp tục theo dõi số dư của 2 tài khoản này trên hệ thống sổ sách năm 2017 cho đến khi quyết toán được duyệt thì thực hiện bút toán tất toán theo hướng dẫn CĐKT hành chính sự nghiệp ban hành theo QĐ 19/2006/QĐ-BTC (Nợ TK 4611/Có TK 6611) mà không phải chuyển số dư sang năm 2018.

Trường hợp độc giả hỏi số dư TK 461 lớn hơn TK 661 (do năm 2017 đơn vị đã rút tạm ứng dự toán nhưng chưa thanh toán), phải chuyển số dư sang 2018 và được chuyển thành số dư đầu TK 421- Thặng dư/thâm hụt lũy kế.

2. Trường hợp chi tinh giản biên chế (cho trường hợp nghỉ hưu trước tuổi) do NSNN cấp, đơn vị hạch toán vào TK 61118 (nếu chi từ nguồn thường xuyên/tự chủ), TK 61128 (nếu chi từ nguồn không thường xuyên/không tự chủ).

Câu hỏi 87:

Tôi làm việc tại đơn vị HSCN có thu, trong quá trình tính hao mòn TSCĐ của đơn vị tôi có vướng như sau: Theo thông tư 107/2017 thì hướng dẫn tính hao mòn TSCĐ như sau: Tính hao mòn TSCĐ (nếu dùng cho hoạt động hành chính), ghi: 1. Nợ các TK 611, 612 Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ. Đồng thời hạch toán: Nợ TK 36611 (Nguồn NSNN) Có TK 511 (Nguồn NSNN) Như vậy số PS của TK 511 và 611 sẽ nhiều hơn Số KP cấp đầu năm. Kính mong Bộ tài chính giải đáp.

Trả lời:

Trả lời câu hỏi của độc giả về việc hạch toán tính hao mòn TSCĐ tại đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 hướng dẫn hạch toán hao mòn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 611- Chi hoạt động

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ.

Cuối năm, đơn vị căn cứ Bảng phân bổ khấu hao, hao mòn TSCĐ hình thành bằng nguồn NSNN cấp đã tính (trích) trong năm để kết chuyển từ TK 366 sang TK 511, ghi:

Nợ TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu (36611- Giá trị còn lại của TSCĐ)

Có TK 511- Thu hoạt động do NSNN cấp.

Theo đó, số hao mòn TSCĐ hạch toán trên TK611 và giá trị còn lại TSCĐ kết chuyển sang TK 511 sẽ phản ánh trên BCTC (Báo cáo kết quả hoạt động) trong 1 năm của đơn vị, không phản ánh trên báo cáo quyết toán. Ngoài ra, đối với TSCĐ đã mua trước năm 2017 bằng tiền NSNN đã được quyết toán với NSNN thì khi chuyển sang thực hiện theo Thông tư 107 không phải quyết toán với NSNN, mà chỉ tính số hao mòn TSCĐ hạch toán trên TK611. Do vậy, số phát sinh của TK 511 và TK 611 sẽ nhiều hơn số kinh phí cấp đầu năm phản ánh trên TK 008- Dự toán chi hoạt động.

Câu hỏi 88:

Đơn vị tôi đang công tác là một đơn vị hành chính sự nghiệp, thực hiện chế độ hạch toán kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Trong quá trình triển khai chế độ kế toán, đơn vị tôi gặp một số vướng mắc về hạch toán kế toán. Rất mong Bộ Tài chính giải đáp giúp tôi một số nghiệp vụ cụ thể sau: 1. Trường hợp tạm ứng dự toán kinh phí cho đoàn đi công tác nước ngoài nhưng không chi hết phải nộp trả lại tài khoản dự toán tại Kho bạc thì khoản tiền không chi hết đó được hạch toán như thế nào khi nộp trả Kho bạc? 2. Trường hợp chi các khoản tạm chi trong kỳ - Trong kỳ nếu được phép tạmchi từ số kinh phí xác định là tiết kiệm trong năm thì hạch toán Nợ TK 137/Có TK 111,112 - Cuối kỳ, sau khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, xác định được số kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được thì kết chuyển số đã chi trong năm, hạch toán Nợ TK 421/Có TK 137 Vậy số kinh phí đã tạm chi này có được đưa vào chi phí hoạt động không ? nếu có thì hạch toán như thế nào ? (tôi đã nghiên cứu chế độ kế toán và hiểu: tại hướng dẫn của tài khoản 611- Chi phí hoạt động thì cuối năm chi bổ sung thu nhập (40% còn lại) cho người lao động, chi khen thưởng, chi phúc lợi từ kinh phí tiết kiệm được trong năm được hạch toán Nợ TK 611/Có TK 111,511, vậy khoản đã tạm chi thì hạch toán như thế nào vào TK 611?) 3. Nghiệp vụ liên quan đến tỷ giá ngoại tệ, cuối năm đánh giá lại ngoại tệ Ví dụ: - Bán ngoại tệ tạm ứng tiền vé MB cho đoàn đi công tác, đơn vị hạch toán: Nợ TK 141: 24.080.000 đ Có TK 1122: 23.179.487 đ (tỷ giá ghi số: 1.033 usd x 22.439 đ/usd) Có TK 413: 900.513 đ - Khi đoàn về quyết toán tiền vé đã tạm ứng, đơn vị hạch toán: Nợ TK 6111/ Có TK 141 : 24.080.000 đ - Vậy cuối năm xử lý số dư tài khoản 413 , đánh giá lại ngoại tệ như thế nào? Kính mong Bộ Tài chính giải đáp sớm để đơn vị có cơ sở hạch toán cho đúng, lập báo cáo quyết toán đúng thời hạn quy định.

Trả lời:

1. Nộp khôi phục dự toán khoản tiền đã tạm ứng không sử dụng hết:

Trường hợp đơn vị đã tạm ứng kinh phí NSNN từ KBNN nhưng không sử dụng hết phải nộp trả lại và khôi phục dự toán tại KBNN, ghi:

Nợ TK 3371/ Có TK 111, 112

Đồng thời ghi Có âm TK 008212, 008222.

2. Hạch toán tạm chi kinh phí tiết kiệm:

- Trong năm nếu cơ chế tài chính cho phép tạm chi kinh phí tiết kiệm, ghi:

Nợ TK 137/ Có TK 111, 112

- Cuối kỳ sau khi xác định số kinh phí tiết kiệm được, xử lý các khoản đã tạm chi trong năm như sau:

+ Trường hợp đơn vị phải trích quỹ theo quy định của cơ chế tài chính, ghi:

Nợ TK 431/ Có TK 137

+ Trường hợp đơn vị không phải thực hiện trích quỹ theo quy định của cơ chế tài chính, ghi:

Nợ TK 421/ Có TK 137

- Kinh phí tiết kiệm không hạch toán vào chi phí

3. Hạch toán chi đoàn công tác nước ngoài trong trường hợp đơn vị bán ngoại tệ thu tiền Việt Nam để chi tiền mua vé máy bay:

- Rút dự toán ngoại tệ (đoàn ra) tại KBNN, ghi:

+ Nợ TK 111/ Có TK 3371 (theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định).

+ Đồng thời ghi: Có TK 008 (theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định).

+ Đồng thời ghi: Nợ TK 007- Nguyên tệ

- Trường hợp đơn vị bán ngoại tệ thu tiền Việt Nam để chi tiền mua vé máy bay, số tiền thực thu được theo tỷ giá thực tế lớn hơn tỷ giá hạch toán, ghi: Nợ TK 111/ Có TK 3371.

Đồng thời ghi Có TK 007- Nguyên tệ

- Tạm ứng cho cán bộ mua vé máy bay bằng VNĐ, ghi: Nợ TK 141/Có TK 111.

- Thanh toán tạm ứng theo số đã chi có chứng từ, hóa đơn hợp lệ, ghi: Nợ TK 611/ Có TK 141

Đồng thời, ghi: Nợ TK 3371/Có TK 511

Câu hỏi 89:

Tôi hiện đang làm việc tại Ban bồi thường GPMB là đơn vị sự nghiệp tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 và thông tư hướng dẫn số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017. Nguồn kinh phí hoạt động là khoản trích 2% tổng kinh phí hỗ trợ của dự án.Trong quá trình thực hiện hạch toán kế toán theo thông tư 107/2017/TT-BTC tôi có một số vấn đề chưa hiểu kính nhờ STC hướng dẫn : Thứ 1: Sau khi

trừ các khoản chi hoạt động ra chênh lệch thu chi thì đơn vị tôi có phải trích 40% nguồn cải cách tiền lương không ạ và qui định tại quyết định , nghị định hay thông tư hướng dẫn nào. Trong nghị định và thông tư nói trên không nói là phải trích nguồn cải cách tiền lương mà chỉ trích quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ Khen thưởng Và Quỹ phúc lợi, Quỹ bổ sung thu nhập Thứ 2: Trong đơn vị tôi có các tổ là tổ công tác (thực hiện lập hồ sơ bồi thường tiếp xúc trực tiếp với người dân) tổ văn phòng , tổ kế toán và lãnh đạo ban. Tôi hạch toán các khoản lương,cho tổ công tác, hội đồng bồi thường, và các vấn đề liên quan trực tiếp đến bồi thường vào TK154, còn lại lương của lạnh đạo và văn phòng kế toán vào TK 642. Cuối năm kết chuyển qua TK 911 như vậy có đúng không. Kính nhờ Bộ Tài chính hướng dẫn

Trả lời:

Trích nguồn cải cách tiền lương

Trong thư độc giả không nêu rõ đơn vị nơi độc giả công tác là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc loại nào (tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, tự đảm bảo chi thường xuyên,...), vì vậy để xác định đơn vị có phải thực hiện trích kinh phí cải cách tiền lương theo quy định hay không đề nghị nghiên cứu quy định tại Thông tư số 68/2018/TT-BTC ngày 6/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo NĐ 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo NĐ 88/2018 ngày 15/6/2018.

Trường hợp đơn vị phải thực hiện trích kinh phí cải cách tiền lương theo quy định thì thực hiện hạch toán theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (phần hướng dẫn tài khoản 468- Nguồn cải cách tiền lương).

1. Hạch toán chi phí

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ được hạch toán trên TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh, dịch vụ dở dang. Chi phí quản lý của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và một số chi phí có liên quan của bộ phận sản xuất kinh doanh, dịch vụ không phân bổ trực tiếp được vào sản phẩm, nhóm sản phẩm, dịch vụ thì được hạch toán trên TK 642- Chi phí quản lý của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Căn cứ vào nguyên tắc này đơn vị xác định các chi phí liên quan trực tiếp, gián tiếp hoặc không phân bổ được vào sản phẩm, dịch vụ thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ để hạch toán vào các tài khoản tương ứng.

Câu hỏi 90:

Tôi đang làm Trưởng Phòng Tài chính-Kế toán công ty từ năm 2008 đến nay. Trong thời gian này, tôi là người phụ trách kế toán công ty và tháng 08/2009 tôi đã được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng nhưng chưa được bổ nhiệm chức danh kế toán trưởng. Thời gian tới, công ty sẽ bổ nhiệm kế toán trưởng cho tôi thì chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng của tôi còn có giá trị không?

Trả lời:

1. Đối với những người hoàn thành khóa học năm 2009, việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng Kế toán trưởng chịu sự điều chỉnh của Quyết định số 98/2007/QĐ-BTC ngày 03/12/2007.

Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 9 của Quyết định số 98/2007/QĐ-BTC:

"4. Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng có giá trị sử dụng trong thời hạn 5 năm kể từ ngày cấp để bổ nhiệm kế toán trưởng lần đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Kế toán. Những người có Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng đã đủ điều kiện và được bổ nhiệm làm kế toán trưởng 1 lần thì Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng đó vẫn có giá trị để bổ nhiệm kế toán trưởng từ lần thứ hai trở đi, trừ khi khoảng thời gian không làm kế toán trưởng giữa 2 lần bổ nhiệm đã quá 5 năm..."

2. Ngày 30/12/2011, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 199/2011/TT-BTC, Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/04/2012 và thay thế Quyết định số 98/2007/QĐ-BTC.

Căn cứ quy định tại Khoản 4, 5 Điều 9 của Thông tư 199/2011/TT-BTC:

"4. Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng có giá trị sử dụng trong thời hạn 5 năm kể từ ngày cấp để bổ nhiệm kế toán trưởng lần đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Kế toán. Quá thời hạn 5 năm học viên có yêu cầu cấp lại chứng chỉ phải học lại khoá học bồi dưỡng kế toán trưởng.

5. Những người có Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng đã đủ điều kiện và được bổ nhiệm làm kế toán trưởng 1 lần thì Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng đó vẫn có giá trị để bổ nhiệm kế toán trưởng từ lần thứ hai trở đi, trừ khi khoảng thời gian không làm kế toán trưởng giữa 2 lần bổ nhiệm đã quá 5 năm."

Trên đây là quy định của pháp luật liên quan đến việc tổ chức bồi dưỡng và cấp Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng, đề nghị độc giả nghiên cứu và thực hiện theo quy định nêu trên./.

Câu hỏi 91:

Tôi là Phó trưởng phòng Hành chính –Trị sự cơ quan Báo Tây Ninh (đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động trực thuộc Tỉnh ủy Tây Ninh). Bộ phận kế toán của đơn vị Tôi thuộc phòng Hành chính –Trị có 02 người, gồm Tôi và 01 nhân viên khác. Tôi xin hỏi: Trường hợp của Tôi (đủ tiêu chuẩn và điều kiện của kế toán trưởng theo Thông tư số 04/2018/TT-BNV, ngày 27/3/2018 của Bộ Nội vụ) có được bổ nhiệm kế toán trưởng không?. Rất mong được Bộ Tài chính trả lời sớm nhất,

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán quy định: Đơn vi kế toán phải bố trí kế toán trưởng trừ các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp đơn vị chưa bổ nhiệm được ngay kế toán trưởng thì bố trí người phụ trách kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định. Thời gian bố trí người phụ trách kế toán tối đa là 12 tháng, sau thời gian này đơn vị kế toán phải bố trí người làm kế toán trưởng.

Điểm a Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 174 quy định: "Các đơn vị kế toán trong lĩnh vực nhà nước bao gồm: Đơn vị kế toán chỉ có một người làm kế toán hoặc một người làm kế toán kiêm nhiệm; đơn vị kế toán ngân sách và tài chính xã, phường, thị trấn thì không thực hiện bổ nhiệm kế toán trưởng mà chỉ bổ nhiệm phụ trách kế toán".

Theo thư phản ánh của độc giả, đơn vị nơi độc giả công tác có 2 người làm kế toán, theo quy định trên đơn vị được phép bổ nhiệm kế toán trưởng, người được bổ nhiệm làm kế toán trưởng phải đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn quy định cho kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

Câu hỏi 92

Hiện tại tôi đang làm công việc liên quan đến chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp. Tôi có 1 vướng mắc rất mong nhận được hồi đáp từ Quý Bộ. Theo Quyết định 19/2006/QĐ-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán HCSN,

khi mua sắm TSCĐ hạch toán: Nợ TK 211/Có TK 461, đồng thời Ghi Nợ TK 661/Có TK 466. Tức là khi mua tài sản sẽ hạch toán tăng luôn chi phí bằng đúng nguyên giá của tài sản và hàng năm khi tính hao mòn tài sản chỉ ghi giảm Giá trị còn lại của tài sản, hạch toán Nợ TK 466/Có TK 214. Năm 2018, bắt đầu áp dụng chế độ kế toán HCSN theo TT107/TT-BTC thay thế QĐ 19. Theo thông tư 107, hàng năm khi tính hao mòn tài sản hạch toán Nợ TK 611/Có TK 214. Như vậy, đối với những tài sản mua từ năm 2017 về trước, khi mua đã hạch toán tăng toàn bộ chi phí và đã được quyết toán rồi, bây giờ theo chế độ mới, hàng năm lại tính vào chi phí số hao mòn tương ứng thì chi phí đó có bị coi là tính 2 lần hay không? Cách hạch toán đúng trong trường hợp này là như thế nào?

Trả lời:

- Theo Quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hướng dẫn hạch toán TSCĐ khi mua bằng nguồn NSNN, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 461- Nguồn kinh phí hoạt động

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 661- Chi hoạt động

Có TK 466- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ.

Số liệu phản ánh trên TK 461 và 661 được quyết toán ngay trong năm có phát sinh mua TSCĐ đó.

- Theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 thay thế QĐ 19 hướng dẫn hạch toán hao mòn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 611- Chi phí hoạt động

Có TK 214- Hao mòn TSCĐ

Theo đó, số hao mòn hạch toán trên TK 611 sẽ được phản ánh trên Báo cáo tài chính (Báo cáo kết quả hoạt động) trong 1 năm của đơn vị, không phản ánh trên Báo cáo quyết toán. Vì vậy, đối với các TSCĐ đã mua trước năm 2017 đã được quyết toán với NSNN thì khi chuyển sang thực hiện theo Thông tư 107 không phải quyết toán với NSNN, nên không phản ánh vào chi NSNN 2 lần như độc giả đang hiểu.

Câu hỏi 93:

Tôi là kế toán của đơn vị hành chính sự nghiệp, thực hiện hạch toán kế toán theo Thông tư 107. Tôi có một số vướng mắc xin được Bộ tài chính giải đáp: - Chuyển số dư năm 2017 sang năm 2018: Tài khoản 461212 tại đơn vị tôi dư năm 2017 chuyển sang năm 2018 là 250.000.000 đồng. Số dư này là do đơn vị chuyển tạm ứng kinh phí đầu tư xây dựng, chưa được quyết toán. Theo Thông tư 107, năm 2018 không còn tài khoản 461212 nữa thì tôi có thể chuyển số dư này sang tài khoản 3664 được không. - Về tại khoản 6111, 6112 phản ánh chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên. Tiền lương, tiền công thì tôi thấy rất rõ rồi, nhưng chi phí khác cho nhân viên rất rộng. Đơn vị tôi đang phản ánh chi phí khác cho nhân viên bao gồm các khoản chi thưởng , bổ sung thu nhập, thêm giờ, công tác phí, tàu xe nghỉ phép, các khoản bồi dưỡng cho cán bộ công chức theo quy định, các loại khoán văn phòng phẩm, điện thoại, rửa xe,… Xin hỏi các khoản chi phí trên đã đúng chưa. Trên đây là ý kiến của tôi, rất mong được Bộ tài chính xem xét.

Trả lời:

1. Về số dư TK 461212 chuyển từ năm 2017 sang năm 2018

Theo quy định của CĐKT hành chính sự nghiệp ban hành theo Quyết định 19/2006/QĐ-BTC, TK 46121 là TK nguồn kinh phí thường xuyên, trường hợp cơ chế tài chính cho phép đơn vị sử dụng nguồn này chi XDCB, thì số dư nguồn kinh phí đã sử dụng cho XDCB chưa được quyết toán còn dư cuối năm 2017 sẽ được chuyển sang thành số dư đầu TK 3664- Kinh phí đầu tư XDCB (năm 2018).

2. Về tài khoản chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên (thuộc TK chi phí)

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí có tính chất trả công lao động trực tiếp cho người lao động trong đơn vị như: Chi phí tiền lương, phụ cấp lương, sinh hoạt phí, tiền công, tiền làm thêm giờ, các khoản đóng góp theo lương,...

Khoản chi bổ sung thu nhập: theo quy định của NĐ 16/2015/NĐ-CP được chi từ quỹ bổ sung thu nhập. Khoản chi công tác phí, tàu xe nghỉ phép, khoán văn phòng phẩm, khoán điện thoại, xe: không thuộc nội dung chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên.

Câu hỏi 94:

Tôi là Kế toán trưởng trong đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động trực thuộc Bộ. Đơn vị tôi có phòng Hành chính,

Tổng hợp (vừa mới được Bộ tổ chức lại từ 2 phòng là phòng Hành chính, Tổng hợp và Phòng Kế hoạch, Tài vụ). Bộ phận kế toán của đơn vị tôi được nhập về Phòng Hành chính, Tổng hợp. Hiện tại, phòng tôi đã có 01 Trưởng phòng, 02 phó trưởng phòng (hưởng hệ số phụ cấp chức vụ là 0,4) và tôi kế toán trưởng. Tôi xin hỏi: Theo Nghị định 174/2016/NĐ-CP, kế toán trưởng là người đứng đầu bộ máy kế toán. Vậy trong đơn vị tôi, Phó trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp có được làm kế toán viên không?

Trả lời:

Nội dung trả lời:

1. Khoản 1 Điều 51 Luật kế toán quy định người làm kế toán phải có các tiêu chuẩn sau đây:

(a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

(b) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán.

2. Khoản 4 Điều 52 Luật kế toán quy định những người không được làm kế toán "Người đang là người quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người mua, bán tài sản trong cùng một đơn vị kế toán, trừ trong doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và các trường hợp khác do Chính phủ quy định".

Như vậy, đối với cán bộ của đơn vị nếu đáp ứng được các tiêu chuẩn của người làm kế toán quy định tại khoản 1 Điều 51 và không thuộc đối tượng quy định Khoản 4 Điều 52 nêu trên thì được làm kế toán trong đơn vị.

Câu hỏi 95:

Cơ quan tôi là Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện, cuối năm chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức. Hiện tại thực hiện theo Thông tư 107/2017 tôi không biết phải hạch toán nghiệp vụ này như thế nào? Vẫn tính vào TK 611 và TK 511 hay như thế nào? Mong Bộ Tài chính quan tâm giải đáp giúp.

Trả lời:

Căn cứ khoản 3 Điều 12 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự

nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, về phân phối kết quả tài chính quy định hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), đơn vị trong năm đơn vị thực hiện phân phối theo quy định trong đó có trích lập Quỹ bổ sung thu nhập. Quỹ bổ sung thu nhập dùng để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau.

Theo đó, đơn vị phải thực hiện chi bổ sung thu nhập cho người lao động từ quỹ bổ sung thu nhập (TK 4313), không được tính vào chi phí (TK 611).

Câu hỏi 96:

Trong lĩnh vực y tế, áp dụng chế đô kế toán theo thông tư 107/2017/TT-BTC thì trường hợp mua sắm tài sản mua từ nguồn thu khám chữa bệnh đươc hạch toán :Nơ TK 211/có TK 112. Vậy xin hỏi Bộ tài chính : trường hợp giá dịch vụ khám chữa bệnh chưa kết cấu khấu hao tài sản cố định thì hạch toán tính khấu hao tài sản hay hao mòn tài sản : phương pháp hạch toán cụ thể trong trường hợp mua sắm tài sản từ dự toán ngân sách, mua từ nguồn thu khám chữa bệnh, từ quỹ PTSN và từ tiếp nhận từ cấp trên, những tài sản mua từ những năm trước sẽ như thế nào? mong đươck bộ tài chính giải đáp giúp tôi đề làm quyết toán tài chính 2018

Trả lời:

1. Về việc tính khấu hao hay hao mòn tài sản: Đơn vị thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Điều 12. Phạm vi tài sản cố định tính hao mòn, khấu hao).

2. Phương pháp hạch toán cụ thể các trường hợp tăng giảm tài sản tại đơn vị đã được hướng dẫn chi tiết tại chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017, đề nghị độc giả nghiên cứu kỹ bv Phụ lục số 2, hướng dẫn chi tiết hạch toán TK 211- TSCĐ ./.

Câu hỏi 97:

Tôi có vướng mắc về tài sản cố định rất mong cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính giải đáp giúp. Công ty tôi có xây dựng một khách sạn. Khi hoàn

thành, quyết toán công trình khách sạn này ghi rõ phần xây lắp (bao gồm xây dựng, điện và nước), phần thiết bị….. Công ty tôi đã đưa toàn bộ giá trị xây lắp này vào tài sản cố định (nhà cửa vật kiến trúc) để tính khấu hao. Nhưng bên kiểm toán lại đưa ra ý kiến là phần tài sản cố định- nhà cửa vật kiến trúc chỉ bao gồm giá trị phần xây dựng còn phần giá trị điện, nước phải tách riêng ra và đưa vào tài sản cố định thuộc hạng mục khác. Khách sạn công ty tôi là đầu tư mới ban đầu, để hình thành tài sản cố định- nhà cửa vật kiến trúc thì phải bao gồm toàn bộ giá trị xây lắp (xây dựng, điện , nước) và không thể tách riêng phần điện nước ra được vì như vậy giá trị tài sản cố định sẽ không đầy đủ. Vậy tôi xin hỏi ý kiến của kiểm toán có đúng không?

Trả lời:

Tại điểm c khoản 1 Điều 35 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp quy định:

"c) Những tài sản hữu hình có kết cấu độc lập, hoặc nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau thành một hệ thống để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu thoả mãn đồng thời cả bốn tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là tài sản cố định:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;

- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy;

- Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;

- Có giá trị theo quy định hiện hành.

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản và mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định thì được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập.

Đối với súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm, nếu từng con súc vật thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định đều được coi là một tài sản cố định hữu hình.

Đối với vườn cây lâu năm, nếu từng mảnh vườn cây, hoặc cây thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định thì cũng được coi là một tài sản cố định hữu hình".

Tại khoản 2 Điều 35 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp quy định:

"...Tài khoản 2113 - Phương tiện vận tải, truyền dẫn: Phản ánh giá trị các loại phương tiện vận tải, gồm phương tiện vận tải đường bộ, sắt, thuỷ, sông, hàng không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn".

Tại khoản 1a Điều 6 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định quy định:

"a) Đối với tài sản cố định hữu hình, doanh nghiệp phân loại như sau:

Loại 1: Nhà cửa, vật kiến trúc: là tài sản cố định của doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường xá, cầu cống, đường sắt, đường băng sân bay, cầu tầu, cầu cảng, ụ triền đà.

Loại 2: Máy móc, thiết bị: là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, giàn khoan trong lĩnh vực dầu khí, cần cẩu, dây truyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ.

Loại 3: Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: là các loại phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thuỷ, đường bộ, đường không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, đường ống nước, băng tải.

Loại 4: Thiết bị, dụng cụ quản lý: là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy vi tính phục vụ quản lý, thiết bị điện tử, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy hút ẩm, hút bụi, chống mối mọt.

Loại 5: Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm: là các vườn cây lâu năm như vườn cà phê, vườn chè, vườn cao su, vườn cây ăn quả, thảm cỏ, thảm cây xanh...; súc vật làm việc và/ hoặc cho sản phẩm như đàn voi, đàn ngựa, đàn trâu, đàn bò…

Loại 6: Các loại tài sản cố định khác: là toàn bộ các tài sản cố định khác chưa liệt kê vào năm loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật".

Căn cứ vào các quy định nêu trên, nếu hệ thống thiết bị điện, đường ống nước của Công ty thỏa mãn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Thông tư 200/2014/TT-BTC thì có thể được ghi nhận là một TSCĐ hữu hình độc lập.

Câu hỏi 98:

Tôi là kế toán của công ty hoạt động cho thuê và chăm sóc cây cảnh. Tôi có thắc mắc về hạch toán chi phí giá vốn của dịch vụ "thuê và chăm sóc cây cảnh" mong Quý bộ hướng dẫn. Công ty tôi hạch toán theo thông tư 133, tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân tháng. Hàng tháng công ty xuất hoá đơn dịch vụ như sau: " dịch vụ cho thuê và chăm sóc cây cảnh": (mua cây về cho thuê cây +chăm sóc cây đó, cây cảnh có giá trị dưới 1 triệu đồng) Hiện tại kế toán cũ công ty hạch toán như sau: 1. Khi mua cây về: Nợ 156: giá mua cây Nợ 133 Có 111,331 2. Khi cho thuê cây: Nợ 154: trị giá cây Có 156 - Hàng tháng xác định trị giá hao mòn: Nợ 632 (phần giá trị phân bổ của 1 tháng) Có 154 (giá trị cây cảnh khoảng 600.000-700.000đ, tính phân bổ cho 6-8 tháng) - Xác định doanh thu tiền thuê cây và chăm sóc: Nợ 111, 112 Có 511 Có 3331 - Nhận lại cây trường hợp khách hủy hợp đồng: Nợ 156 Có 154: theo giá trị còn lại - cây cho thuê bị hỏng, chết: đưa giá trị còn lại chưa phân bổ hết vào 632 Câu hỏi 1: Khi công ty mua cây cảnh về để xuất cho khách thuê đồng thời cung cấp dịch vụ chăm sóc cây hàng tháng. Thì hạch toán giá vốn dịch vụ như thế nào? Kế toán hạch toán như trên có đúng không? Nên hạch toán như thế nào cho phù hợp với qui định kế toán? Câu hỏi 2: Nếu xác định cây cho thuê là "đồ dùng cho thuê" – TK1533 có đúng không? Câu hỏi 3: khi kế toán xuất hoá đơn bán cây: Kế toán làm như sau có đúng không? Trên sổ chi tiết kho 156, cùng 1 loại cây cảnh kế toán tạo hai mã hàng khác nhau: cây cảnh có đơn vị tính "chậu", cây cảnh có đơn vị tính "cây". Với mã cây có đơn vị tính là chậu: khi xuất hóa đơn bán cây có phải viết cây riêng, chậu riêng không?

Trả lời:

1. Theo công văn mô tả của độc giả thì công ty vừa có hoạt động cho thuê cây cảnh và chăm sóc cây cảnh, vừa có hoạt động bán cây cảnh. Trường hợp,

khi mua cây cảnh về mà không phân biệt rõ mục đích bán hay cho thuê thì kế toán phản ánh giá trị cây mua về vào Tài khoản 156- Hàng hóa.

2. Phương pháp hạch toán kế toán đối với hoạt động cho thuê và chăm sóc cây cảnh như sau:

- Khi mua cây cảnh về, ghi:

Nợ TK 156 – Hàng hóa

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có các TK 111,112, 331...

- Khi cho thuê cây, ghi:

Nợ TK 242- Chi phí trả trước

Có TK 156- Hàng hóa

- Kế toán phản ánh doanh thu dịch vụ cho thuê cây cảnh và chăm sóc cây cảnh đã hoàn thành, ghi:

Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng (nếu chưa nhận được tiền ngay)

Nợ các TK 111,112 (nếu thu được tiền ngay)

Có TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331- Thuế GTGT phải nộp

- Định kỳ, phân bổ giá trị của cây cảnh cho thuê, ghi:

Nợ TK 154- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 242- Chi phí trả trước

- Tập hợp các chi phí phát sinh đối với hoạt động cho thuê cây, ghi:

Nợ TK 154- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có các TK 111,112,331, 334,338....

- Kết chuyển giá vốn hàng bán khi dịch vụ cho thuê cây hoàn thành, ghi:

Nợ TK 632- Giá vốn hàng bán

Có TK 154- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

- Khi khách hàng trả lại cây, ghi:

Nợ TK 156 – Hàng hóa

Có TK 242- Chi phí trả trước (Giá trị còn lại)

3. Việc xuất hóa đơn khi bán cây cảnh và chậu kèm theo: Đề nghị thực hiện theo quy định của pháp luật thuế hiện hành về hóa đơn.

Câu hỏi 99:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, Thanh tra Sở Tài chính tỉnh Lào Cai xin hỏi quý cơ quan về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán như sau: - Tại Khoản 2 Điều 70 của Nghị định 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ, quy định Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập nêu rõ: "2. Chánh thanh tra Sở Tài chính có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập như sau: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền tối đa đến 25.000.000 đồng; c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này……". Từ những quy định chi tiết như trên, Thanh tra Sở Tài chính xin hỏi Quý cơ quan cho ý kiến bằng văn bản hướng dẫn, Phó Chánh thanh tra, phụ trách Thanh tra Sở Tài chính có được quyền ký quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán không ? Thanh tra Sở Tài chính tỉnh Lào Cai kính mong Quý cơ quan xem xét, cho ý kiến hướng dẫn để Thanh tra Sở Tài chính hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 54 Luật xử lý vi phạm hành chính về giao quyền xử phạt thì "*1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 38; các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 39; các khoản 2, 3 và 4 Điều 40; các khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 41; các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 42; các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 43; các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 44; các khoản 2, 3 và 4 Điều 45; các khoản 2, 3 và 4 Điều 46; Điều 47; khoản 3 và khoản 4 Điều 48; các khoản 2, 4 và 5 Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Luật này có thể giao cho cấp phó thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.*

2. Việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện thường xuyên hoặc theo vụ việc và phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.

3. Cấp phó được giao quyền xử phạt vi phạm hành chính phải chịu trách nhiệm về quyết định xử phạt vi phạm hành chính của mình trước cấp trưởng và trước pháp luật. Người được giao quyền không được giao quyền, ủy quyền cho bất kỳ người nào khác."

Theo quy định tại Điều 1 Nghị định 97/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính "*Quyết định giao quyền quy định tại Điều 54, khoản 2 Điều 87 và khoản 2 Điều 123 Luật xử lý vi phạm hành chính phải xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.*

Quyết định giao quyền phải được đánh số, ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu, ký và đóng dấu; trường hợp cơ quan, đơn vị của người giao quyền không được sử dụng dấu riêng, thì đóng dấu treo của cơ quan cấp trên.

Phần căn cứ pháp lý ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cấp phó được giao quyền phải thể hiện rõ số, ngày, tháng, năm, trích yếu của quyết định giao quyền."

Theo thông tin tại câu hỏi và căn cứ quy định nêu trên, Chánh thanh tra Sở Tài chính là người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập có thể giao cho cấp phó (Phó Chánh thanh tra, phụ trách thanh tra Sở Tài chính) thực hiện công việc theo quy định tại Nghị định 41/2018/NĐ-CP. Việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính phải thực hiện theo đúng quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định 97/2017/NĐ-CP.

Câu hỏi 100

Tôi có thắc mắc liên quan tới TK 008 nhờ BTC giải đáp giúp. Theo Thông tư 107/2017/TT-BTC, - Khi nhận dự toán được giao hạch toán: Nợ TK 00821, 00822 - Khi rút dự toán hạch toán: Có TK 008211, 008212, 008221, 008222 Vậy cho tôi hỏi khi lên báo cáo S05 - H: Bảng cân đối số phát sinh thì số liệu bên Có các TK con có được cộng dồn lên trên phát sinh Có của TK mẹ 00821, 00822 hay không? Tức là trên bảng cân đối số phát sinh TK 00821, 00822 sẽ có phát sinh bên Nợ là dự toán được giao, phát sinh bên Có là số đã rút và số Dư bên Nợ là dự toán còn lại

Trả lời:

Thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quy định về mở và sử dụng TK 008 "Dự toán chi hoạt động" phù hợp với yêu cầu quản lý và sử dụng dự toán NSNN đối với đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định của pháp luật về NSNN. Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quy định mở tài khoản 008 đến tài khoản cấp 2,3,4, đây là các tài khoản chi tiết cấp dưới của tài khoản 008. Theo quy định thì tổng phát sinh và tổng số dư của các tài khoản chi tiết cấp dưới bằng số phát sinh và số dư của tài khoản cấp trên, vì vậy khi hạch toán Bên Có của tài khoản chi tiết 008211, 008212,...thì số phát sinh này sẽ được tổng hợp lên Bên Có của tài khoản cấp trên 00821.

PHẦN VI

HỎI ĐÁP VỀ TÀI CHÍNH HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

Câu hỏi 1:

Tôi đang công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập. Tôi đi công tác có kế hoạch và giấy đi đường được thủ trưởng đơn vị phê duyệt đầy đủ, khoảng cách từ trụ sở cơ quan đến địa điểm nơi công tác là 9km, (đi công tác tại xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và đi về trong ngày. Tôi đi công tác về làm thủ tục thanh toán đầy đủ nhưng kế toán trả lời là đi công tác dưới 10km không được thanh toán phụ cấp lưu trú (150.000đ/ngày). Tôi muốn hỏi Bộ Tài chính là Kế toán bên tôi làm như vậy là đúng hay sai và có quy định nào quy định việc đi công tác khoảng cách bao nhiêu km trở lên mới được thanh toán phụ cấp lưu trú không.

Trả lời:

- Tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; trong đó quy định về chế độ phụ cấp lưu trú như sau:

"*1. Phụ cấp lưu trú là khoản tiền hỗ trợ thêm cho người đi công tác ngoài tiền lương do cơ quan, đơn vị cử người đi công tác chi trả, được tính từ ngày bắt đầu đi công tác đến khi kết thúc đợt công tác trở về cơ quan, đơn vị (bao gồm thời gian đi trên đường, thời gian lưu trú tại nơi đến công tác).*

Mức phụ cấp lưu trú để trả cho người đi công tác: 200.000 đồng/ngày.

Trường hợp đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày) thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức phụ cấp lưu trú theo các tiêu chí: Căn cứ theo số giờ thực tế đi công tác trong ngày, theo thời gian phải làm ngoài giờ hành chính (bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị".

- Tại khoản 2, khoản 3, khoản 7 Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện như sau:

" 2. Mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương lập dự toán chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương quy định các mức chi cụ thể đối với cáccơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện cho phù hợp trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với cáccơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện cho phù hợp.

...

7. Trường hợp các Bộ, ngành, địa phương chưa ban hành văn bản quy định mức chi cụ thể, thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ mức chi quy định tại Thông tư này quyết định mức chi công tác phí, chi hội nghị trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị nhưng tối đa không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư này, đảm bảo tiết kiệm, tránh lãng phí, trong phạm vi dự toán nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao".

Do vậy, đề nghị Quý độc giả nghiên cứu các quy định của địa phương về chế độ công tác phí theo quy định tại khoản 3, khoản 7 Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC để thực hiện theo quy định. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị có văn bản gửi cơ quan tài chính địa phương để được hướng dẫn.

Câu hỏi 2:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư 40/2017/TT-BTC thì: Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng (như: Văn thư; kế toán giao dịch; cán bộ kiểm lâm đi kiểm tra rừng; cán bộ các cơ quan tố tụng đi điều tra, kiểm sát, xác minh, tống đạt và các nhiệm vụ phải thường xuyên đi công tác lưu động khác); thì tuỳ theo đối tượng, đặc điểm công tác và khả năng kinh phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định mức khoán tiền công tác phí theo tháng cho người đi công tác lưu động để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức 500.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Tuy nhiên hiện nay đơn vị tôi là UBND cấp xã, chưa thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP

nên không có quy chế chi tiêu nội bộ. Như vậy chúng tôi là cán bộ, công chức xã có được khoán công tác phí không? Rất mong Bộ Tài Chính quan tâm phúc đáp, ?

Trả lời:

1. Quy định thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng:

Tại Điều 8 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; trong đó quy định thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng như sau:

"*1. Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10/ngày/tháng; cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng (như: Văn thư; kế toán giao dịch; cán bộ kiểm lâm đi kiểm tra rừng; cán bộ các cơ quan tố tụng đi điều tra, kiểm sát, xác minh, tống đạt và các nhiệm vụ thường xuyên đi công tác lưu động khác); thì tùy theo đối tượng, đặc điểm công tác và khả năng kinh phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định mức khoán tiền công tác phí theo tháng cho người đi công tác lưu động để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức 500.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.*

2. Các đối tượng được hưởng khoán tiền công tác phí theo tháng nếu được cấp có thẩm quyền cử đi thực hiện nhiệm vụ theo các đợt công tác cụ thể, thì được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định tại Thông tư này; đồng thời vẫn được hưởng khoản tiền công tác phí khoán theo tháng nêu đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng".

Theo quy định trên, thì tùy theo đối tượng, đặc điểm công tác và khả năng kinh phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị sẽ xác định đối tượng khoán công tác phí theo tháng đảm bảo đáp ứng điều kiện thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Về thẩm quyền quy định cụ thể mức chi công tác phí:

- Tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 7 Điều 14 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện như sau:

"2. Mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương lập dự toán chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang

Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương quy định các mức chi cụ thể đối với cáccơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện cho phù hợp trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với cáccơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện cho phù hợp.

4. Cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính căn cứ mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định để quyết định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị theo quy định của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực.

...

7. Trường hợp các Bộ, ngành, địa phương chưa ban hành văn bản quy định mức chi cụ thể, thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ mức chi quy định tại Thông tư này quyết định mức chi công tác phí, chi hội nghị trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị nhưng tối đa không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư này, đảm bảo tiết kiệm, tránh lãng phí, trong phạm vi dự toán nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao".

Vì vậy, đề nghị Quý độc giả thực hiện các quy định của địa phương về chế độ công tác phí theo quy định tại khoản 3, khoản 7 Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC để thực hiện theo quy định. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị có văn bản gửi cơ quan tài chính địa phương để được hướng dẫn.

Câu hỏi 3:

Tại Điểm b, khoản 2, Điều 5 của Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị: Đối với cán bộ, công chức, viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) mà

tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Cho hỏi: 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính tức là tính đoạn đường đi và về hay chỉ tính đoạn đường đi (ví dụ: tôi đi từ A đến B là 20km, vậy tôi được thanh toán 0,2lit xăng x 20 x 20.000 đ hay là tính 0,2 x 40 km x 20.000 đ). Vì tôi nghỉ đi công tác đến nơi công tác thì phải đoạn đường về nữa. Vì thế phải thanh toán cả quảng đường tôi đi và về là 40km. Kế toán chỉ THANH TOÁN CHO TÔI có 20km có đúng không? Bởi trong thông tư có ghi từ "khoảng cách địa giới hành chính"

Trả lời:

1. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 22/4/2019 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP; trong đó:

Theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP, thì đối với đối tượng không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác nhưng trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác, thủ trưởng cơ quan đơn vị quyết định bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Nghị định này; trong đó quy định hình thức và mức khoán kinh phí gồm: Khoán theo km thực tế và theo hình thức khoán gọn; Đơn giá khoán phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường.

- Khoản 7 Điều 22 quy định: "*7. Căn cứ quy định tại Nghị định này và điều kiện thực tế của cơ quan tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh), Chủ tịch Hội đồng thành viên các Tập đoàn kinh tế quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định:*

a) Việc áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của các chức danh quy định tại khoản 1 và trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

b) Hình thức và công đoạn thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các chức danh.

c) Đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô áp dụng cho từng chức danh hoặc từng nhóm chức danh phù hợp với từng thời kỳ".

2. Về chế độ công tác phí:

- Tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, công tác phí quy định: "*Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, căn cứ tính chất công việc của chuyến đi công tác và trong phạm vi nguồn kinh phí được giao; thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét duyệt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được đi công tác bằng phương tiện máy bay, tàu hỏa, xe ô tô hoặc phương tiện công cộng hoặc các phương tiện khác bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả".*

- Tại điểm b Khoản 2 Điều 5 quy định khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác như sau:

"b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.".

- Về trách nhiệm tổ chức thực hiện: Tại khoản 2, khoản 3, khoản 7 Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định như sau:

" 2. Mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương lập dự toán chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương quy định các mức chi cụ thể đối với cáccơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện cho phù hợp trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định các mức chi cụ

thể về công tác phí, chi hội nghị đối với cáccơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện cho phù hợp.

...

7. Trường hợp các Bộ, ngành, địa phương chưa ban hành văn bản quy định mức chi cụ thể, thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ mức chi quy định tại Thông tư này quyết định mức chi công tác phí, chi hội nghị trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị nhưng tối đa không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư này, đảm bảo tiết kiệm, tránh lãng phí, trong phạm vi dự toán nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao".

Do vậy, đề nghị Quý độc giả nghiên cứu các quy định của địa phương về chế độ công tác phí theo quy định tại khoản 3, khoản 7 Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC để thực hiện theo quy định. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị có văn bản gửi cơ quan tài chính địa phương để được hướng dẫn.

Câu hỏi 4:

Tôi hiện đang công tác tại một tổ chức khoa học công nghệ. Tôi có vấn đề thắc mắc mong BTC giải đáp. Theo quy định tại Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính, về kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KHCN, địa phương tôi có ban hành định mức phân bổ ngân sách cho lĩnh vực khoa học và công nghệ. Như vậy việc giao dự toán KP thực hiện NVTXTCN thực hiện theo quy định về định mức này đúng không ạ? vì tôi thấy khi giao dự toán lại tách ra KP cho các đơn vị KHCN tính theo định mức. Còn nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng lại thẩm định riêng khi có phê duyệt nhiệm vụ của giám đốc Sở KHCN. Như vậy có bị trùng không ạ? Đối với tổ chức KHCN tự bảo đảm chi thường xuyên, khi thực hiện nhiệm vụ TXTCN tự đảm bảo KP đối với các khoản tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp. Tuy nhiên, tôi thấy các tổ chức KHCN tự đảm bảo chi thường xuyên cũng phải được đảm bảo KP tiền lương tiền công thì mới thực hiện nhiệm vụ được giao, không thì đơn vị lấy nguồn từ đâu để chi trả các khoản này?

Trả lời:

1. Theo quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ (KHCN)

công lập thì các loại nhiệm vụ của tổ chức KHCN công lập sử dụng NSNN gồm: (1) Nhiệm vụ KHCN; (2) Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng; (3) Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; (4) Nhiệm vụ khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Theo đó, đối với nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức KHCN công lập đã quy định cụ thể nội dung nguyên tắc NSNN hỗ trợ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng đối với tổ chức KHCN công lập.

- Tại Điểm b Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ quy định:

"*Đối với các địa phương có ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách cho lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn, việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện theo quy định của địa phương*".

Theo đó, trường hợp địa phương ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách cho lĩnh vực KHCN trên địa bàn thì việc giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng thực hiện theo quy định của địa phương.

2. Về hỗ trợ kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng đối với tổ chức KHCN tự đảm bảo chi thường xuyên:

Nghị định số 54/2016/NĐ-CP và Thông tư số 90/2017/TT-BTC đã quy định rõ kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng nhằm đảm bảo chi tiền lương, hoạt động bộ máy của tổ chức KHCN công lập. Đối với tổ chức KHCN công lập đã được phân loại là đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, về nguyên tắc đơn vị đã tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động. Vì vậy, trường hợp đơn vị được Nhà nước giao nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (theo đúng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP), đề nghị thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Thông tư số 90/2017/TT-BTC.

Câu hỏi 5:

1. Tại khoản 3, Điều 3, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ

chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ quy định "Công khai thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt." Tuy nhiên, qua tra cứu, tôi hiện nay không tìm được quy định về cấp có thẩm quyền phê duyệt thuyết minh quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách. Tôi kính đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn đối với nội dung nêu trên. 2. Tại tiết c, khoản 3, Điều 11, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 có quy định về thời gian gửi Báo cáo tổng hợp tình hình công khai ngân sách cho cơ quan tài chính cùng cấp tuy nhiên, đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể hơn : - Đối với báo cáo tổng hợp tình hình công khai dự toán gửi báo cáo trước ngày 30 tháng 4 hằng năm như vậy là công khai dự toán giao đầu năm (VD như dự toán năm 2021 thực hiện nộp báo cáo tình hình công khai trước ngày 30/4/2021). Như vậy, đơn vị có phải nộp báo cáo tổng hợp tình hình công khai dự toán đối với các lần công khai dự toán bổ sung trong năm không? - Đối với báo cáo tổng hợp tình hình công khai dự toán gửi báo cáo trước ngày 28 tháng 2 năm sau, như vậy là quyết toán năm 2020 sẽ phải gửi báo cáo tổng hợp tình hình công khai trước ngày 28/2/2020 (Nội dung hướng dẫn lại thời gian nộp đối với các đơn vị dự toán ở Trung ương đã được sửa đổi tại Thông tư 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính, nhưng không sửa đổi nội dung này đối với đơn vị dự toán ở địa phương) Tôi kính đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn thêm đối với thời gian nộp báo cáo tổng hợp tình hình công khai dự toán, quyết toán đối với đơn vị dự toán ở địa phương.

Trả lời:

1. Về thẩm quyền phê duyệt quyết toán NSNN:

Tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm (Thông tư số 137) quy định: "*Đơn vị dự toán cấp trên xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm đối với các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc theo quy định tại Điều 6 Thông tư này*";

Căn cứ khoản 3 Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ (Thông tư số 61), sau khi đơn vị cấp trên xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm, đơn vị cấp dưới công khai thuyết minh và số liệu quyết toán đã được cấp trên phê duyệt theo quy định nêu trên.

2. Về thời gian gửi Báo cáo tổng hợp tình hình công khai ngân sách:

a) Có phải nộp báo cáo tổng hợp tình hình công khai dự toán đối với các lần công khai dự toán bổ sung trong năm không?

- Tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ (Thông tư số 61) quy định:

"2. Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm)

a) Đối với đơn vị dự toán ngân sách cấp trên

- Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) đã được phê duyệt.

- Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) đã được phê duyệt (theo Mẫu biểu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Đối với đơn vị sử dụng ngân sách

- Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) đã được phê duyệt.

- Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) đã được phê duyệt (theo Mẫu biểu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này)".

Theo đó, các khoản kinh phí bổ sung trong năm được tổng hợp và công khai tại thời điểm quý, 6 tháng, năm.

- Tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 137 quy định:

"2. Đối với đơn vị dự toán ngân sách cấp I, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ở trung ương có trách nhiệm:

a) Tổng hợp và công bố số liệu công khai dự toán, quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

b) Tổng hợp và báo cáo tình hình công khai ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc (theo Mẫu số 01/CKNS-BC, 02/CKNS-BC ban hành kèm theo Thông tư này).

Như vậy trong công khai quyết toán đã bao gồm kinh phí bổ sung. Việc tổng hợp và báo cáo tình hình công khai ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc theo Mẫu số 01/CKNS-BC, 02/CKNS-BC ban hành kèm theo Thông tư số 137.

b) Thời gian nộp báo cáo tổng hợp tình hình công khai dự toán, quyết toán đối với đơn vị dự toán ở địa phương?

Tại Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 61 quy định:

"3. Các đơn vị dự toán ngân sách cấp I, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ở địa phương có trách nhiệm:

a) Tổng hợp và công bố số liệu công khai dự toán, quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

b) Tổng hợp và báo cáo tình hình công khai ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc (theo Mẫu số 01/CKNS-BC, 02/CKNS-BC ban hành kèm theo Thông tư này).

c) Gửi cơ quan tài chính cùng cấp:

- Tài liệu, số liệu công khai dự toán, quyết toán ngân sách đã được phê duyệt theo quy định tại Thông tư này và thời gian gửi cùng thời gian thực hiện công bố công khai.

- Báo cáo tổng hợp tình hình công khai ngân sách theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Thời gian gửi báo cáo trước ngày 30 tháng 4 hằng năm (đối với công khai dự toán), trước ngày 28 tháng 2 năm sau (đối với công khai quyết toán)".

Câu hỏi 6:

Hiện nay các xã, thị trấn tại huyện đã được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Đầu năm, UBND xã phân bổ dự toán theo hai nguồn kinh phí khoán và kinh phí không khoán; Đồng thời xã là một cấp ngân sách. Như vậy, trong năm UBND xã có được điều chỉnh dự toán từ nguồn kinh phí không khoán sang nguồn kinh phí khoán của các cơ quan quản lý nhà nước , tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị xã hội thuộc ngân sách xã không? Nếu UBND xã được điều chỉnh từ nguồn kinh phí không khoán sang nguồn kinh phí khoán thì cuối năm khoản kinh phí này tiết kiệm được xã có được phép chi bổ sung thu nhập (thu nhập tăng thêm) cho công chức cấp xã không? Rất mong nhận được sự trả lời của Bộ tài chính. Xin cám ơn

26/02/2021

Trả lời:

- Điểm b Khoản 4 Điều 1 Nghị định 117/2013/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước: *b) Đối với cấp xã, phường, thị trấn: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ cách thức xác định kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị định này và căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể về phương thức xác định kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ, tổng mức khoán quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn, tổ dân phố bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương*.

- Điểm b và điểm c Khoản 2 (Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) Điều 6 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước quy định:

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan trực thuộc tổ chức thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo quy định của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của các cơ quan trực thuộc. Có biện pháp giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện hoặc xử lý kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Khoản 5 Điều 11 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã,

phường, thị trấn đã quy định: Điều chỉnh dự toán ngân sách xã hàng năm (nếu có) trong các trường hợp có yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp trên để đảm bảo phù hợp với định hướng chung hoặc có biến động lớn về nguồn thu và nhiệm vụ chi. Ủy ban nhân dân xã tiến hành lập dự toán điều chỉnh báo cáo Ban Kinh tế - xã hội xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân xã quyết định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Vì vậy, đề nghị Quý độc giả nghiên cứu các quy định hiện hành, để thực hiện theo quy định; trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị có văn bản gửi cơ quan tài chính địa phương để được hướng dẫn theo quy định tại điểm b và điểm c Khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV và quy định tại Thông tư số 344/2016/TT-BTC.

Câu hỏi 7:

Đơn vị tôi là đơn vị sự nghiệp công lập được NSNN đảm bảo chi thường xuyên giai đoạn 2018 - 2020. Đơn vị đang xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2021-2023. Đơn vị tôi được cơ quan có thẩm quyền cho phép tổ chức làm 01 dịch vụ tư vấn và được hợp đồng 02 lao động ngoài biên chế sự nghiệp được giao để thực hiện và sử dụng nguồn thu dịch vụ để chi phí trả lương 02 lao động và các khoản chi phí khác có liên quan đến thu dịch vụ, chênh lệch thu - chi (nếu có) được bổ sung chi thường xuyên. Năm 2021, đơn vị xây dựng dự toán thu dịch vụ là 400 triệu đồng, chi phí trả lương 02 hợp đồng lao động và 370 triệu đồng, chênh lệch thu - chi 30 triệu đồng (400trđ - 370 trđ). Theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 5 Thông tư 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 về cách xác định mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên: Mức tự đảm bảo chi thường xuyên (%) = (Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên/Tổng số chi thường xuyên) x 100%. Khi xây dựng phương án tự chủ, nguồn thu dịch vụ đơn vị chỉ cân đối và chỉ đưa vào 30 triệu đồng trong tổng nguồn tài chính chi thường xuyên và không đưa chi phí phục vụ công tác thu dịch vụ 370 triệu đồng vào tổng số chi thường xuyên để tính mức tự đảm bảo chi thường xuyên. Như vậy có đúng quy định không hay là phải đưa toàn bộ số thu dịch vụ 400 triệu đồng vào nguồn tài chính chi thường xuyên và đưa toàn bộ chi phí phục vụ công tác thu dịch vụ 370 triệu đồng vào tổng số chi thường xuyên để xác định mức tự đảm bảo chi thường xuyên. Kính mong sớm nhận được câu trả lời của Bộ Tài chính để đơn vị có cơ sở xây dựng phương án tự chủ giai đoạn 2021 - 2023 của đơn vị.

Trả lời:

* Căn cứ Điều 15 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác

Điều 15. Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)

1. Nguồn tài chính của đơn vị

a) Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có);

c) Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định này và kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản cho đơn vị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);

d) Nguồn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật;

đ) Nguồn khác (nếu có).

2. Nội dung chi của đơn vị

a) Chi thường xuyên: Đơn vị được sử dụng nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này để chi thường xuyên. Một số nội dung chi được quy định như sau:

- Chi tiền lương: Đơn vị chi tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công.

Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, ngân sách nhà nước cấp bổ sung tiền lương tăng thêm, sau khi đã trừ các nguồn bảo đảm tiền lương tăng thêm theo quy định.

- Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý: Đơn vị được quyết định mức chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý, nhưng tối đa không vượt quá mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

* Điều 4, Điều 5 Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có

quy định cụ thể về điều kiện phân loại mức độ tự chủ tài chính và phân loại mức độ tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác như sau:

Điều 4. Điều kiện phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác

…

4. Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên là đơn vị đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Đơn vị không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp, chi thường xuyên được bảo đảm từ các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao phục vụ quản lý nhà nước, không cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Điều 5. Phân loại mức độ tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác

1. Nguồn tài chính chi thường xuyên

a) Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao: Dịch vụ tư vấn, thiết kế, quy hoạch, dịch vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản, giao thông, công thương, xây dựng, tài nguyên môi trường, lao động, việc làm, bảo trợ xã hội, dịch vụ sự nghiệp khác; các nguồn thu hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật (bao gồm hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ nếu có);

b) Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí hoặc chưa tính đủ chi phí theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 12, Điểm b Khoản 1 Điều 13 và Điểm b Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí (sau đây gọi là Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ);

đ) Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có), gồm: Tiền lãi được chia từ các hoạt động liên doanh, liên kết; lãi tiền gửi ngân hàng; nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung chi thường xuyên

a) Chi tiền lương cho cán bộ, viên chức, người lao động theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

c) Chi quản lý;

d) Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

đ) Chi trích khấu hao tài sản cố định theo quy định;

e) Chi thường xuyên khác (nếu có).

3. Phương thức xác định mức độ tự chủ tài chính

a) Cách xác định mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên:

$$\text{Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (\%)} = \frac{\text{Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên}}{\text{Tổng số chi thường xuyên}} \times 100\%$$

Trong đó:

- Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên là các nguồn tài chính tại Điểm a, b, d, đ Khoản 1 Điều này.

- Tổng số chi thường xuyên là các nội dung chi thường xuyên tại Khoản 2 Điều này.

- Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên và tổng số chi thường xuyên được tính theo dự toán thu, chi của năm đầu thời kỳ ổn định.

b) Căn cứ mức tự bảo đảm chi thường xuyên quy định tại Điểm a Khoản 3 của Điều này, phương thức xác định mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác như sau:

...

- Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên là đơn vị có mức tự bảo đảm chi thường xuyên theo công thức tại Điểm a Khoản 3 Điều này từ 10% trở xuống hoặc đơn vị không có nguồn thu.

* Theo đó, để xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập, cần xác định Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên (là tổng của các nguồn tài chính quy định tại diểm a, b, d, đ, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 145/2017/TT-BTC) và Tổng số chi thường xuyên (là tổng các nội dung chi thường xuyên được quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 145/2017/ TT-BTC).

+ Năm 2021 (năm đầu của thời kì ổn định), đơn vị xây dựng dự toán thu dịch vụ là 400 triệu đồng, đây là *"Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao"*; là một trong những nguồn tài chính chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 145/2017/TT-BTC.

+ Đơn vị xây dựng chi phí trả lương cho 02 lao động hợp đồng trong năm 2021 là 370 triệu đồng được trả từ nguồn thu dịch vụ (400 triệu đồng) trên. Như vậy, đây là một nội dung chi thường xuyên "*Chi tiền lương cho cán bộ, viên chức, người lao động theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập"* được quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 145/2017/TT-BTC.

Câu hỏi 8:

Thông tư 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức, có quy định nội dung chi từ thu phí nhưng không quy định định mức chi nên không có cơ sở để thực hiện chi. Rất mong được hướng dẫn từ Bộ để tôi thực hiện đúng quy định.

Trả lời:

- Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức; trong đó Khoản 4 Điều 6 quy định:

4. Số tiền phí trích lại được chi cho các nội dung theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ; trong đó, các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc và thu phí bao gồm cả các nội dung chi như sau:

a) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về chỉ tiêu và điều kiện dự tuyển dụng.

b) Kiểm tra hồ sơ, nhập dữ liệu, gửi thông báo đến các đối tượng tham gia dự tuyển dụng.

c) Biên soạn tài liệu thi, thuê hội trường, thuê giáo viên để tập huấn cho thí sinh, khai mạc kỳ thi; chi đi lại, ăn ở của giáo viên và thành viên của Hội đồng.

d) In, mua biên lai thu phí.

đ) Thuê phòng thi, tổ chức kỳ thi.

e) Chi xét duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tuyển dụng; họp Hội đồng thi, xây dựng đề thi và đáp án, coi thi, chấm thi, phúc tra bài thi.

g) Mua vật tư, văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, mẫu biểu.

h) Các công việc khác phục vụ trực tiếp cho công tác tuyển dụng công chức, viên chức ở các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

Do vậy, đề nghị thực hiện đúng các nội dung liên quan đến việc thực hiện công việc tổ chức các kỳ thi tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 228/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Đối với các nội dung chi chưa quy định về mức chi cụ thể: Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, căn cứ khả năng ngân sách nhà nước, Sở Tài chính đề xuất mức chi phục vụ tổ chức thi tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức tại địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

Câu hỏi 9:

Tôi đang công tác tại Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Tuyên Quang, tôi có một số vướng mắc kính mong Bộ Tài chính giải đáp giùm ạ: Tại đơn vị tôi đang công tác, đơn vị được giao quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh theo các quyết định giao của cơ quan có thẩm quyền. Đơn vị tôi có thực hiện ký hợp đồng đối với người lao động để quản lý các công trình cấp nước nông thôn được giao tại các xã trên địa bàn tỉnh. (các xã trên địa bàn huyện Na Hang, Lâm Bình, Hàm Yên, Yên Sơn) Tôi xin BTC giải đáp giùm 02 vướng mắc: 1. Về chế độ công tác phí đối với cán bộ tại các Tổ quản lý công trình cấp nước các xã khi tham gia các

đợt công tác tại trụ sở cơ quan quản lý: Theo Quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định về chế độ công tác phí đối với CBCNVCLĐ. Đơn vị tôi có thực hiện khoán công tác phí hàng tháng cho người lao động (cán bộ quản lý công trình thường xuyên phải đi kiểm tra công trình – đã quy định trong quy chế nội bộ của đơn vị). Theo quy định thì ngoài khoán công tác phí hàng tháng nếu người lao động được cử đi công tác theo các đợt công tác thì vẫn được thanh toán các khoản CTP (Lưu trú, tiền ngủ, tiền đi lại); Vậy đối với đơn vị tôi, trong năm có tổ chức họp quý và tham gia hội thao ngành nông nghiệp, các cán bộ tại các tổ quản lý công trình thuộc đơn vị có về cơ quan tham dự. Như vậy, các cán bộ tại các tổ có được hưởng các khoản công tác phí cho từng đợt đi họp quý và tham dự hội thao ngành hay không; Nếu được thanh toán công tác phí cho trường hợp này, thì về chứng từ thanh toán công tác phí: Do người lao động thuộc đơn vị quản lý, nên GIẤY ĐI ĐƯỜNG của người lao động khi về trụ sở cơ quan công tác sẽ không hợp lý (tại các tổ công trình không có dấu và con người thuộc sự quản lý của đơn vị). Vậy chứng từ thanh toán công tác phí cho trường hợp này là: Người lao động lập bảng kê đề nghị thanh toán có xác nhận của Lãnh đạo, bảng kê đầy đủ, chi tiết, chính xác lộ trình số km thực tế đi lại (áp dụng đối với trường hợp đi công tác được thanh toán tiền xăng xe máy), khoán tiền ngủ đi công tác, tiền vé xe, phụ cấp lưu trú. (không có giấy đi đường). Và sẽ quy định cụ thể trong quy chế nội bộ của đơn vị. Cho hỏi quý Bộ, nếu như vậy có đúng quy định hay không?

Trả lời:

Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị. Tại điểm b khoản 1 Điều 2 quy định đối tượng được áp dụng chế độ chi hội nghị gồm:

"- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi là Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006); kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân và cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ".

Theo đó, khi tham dự các hội nghị nêu trên thì người lao động được thanh toán theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

Câu hỏi 10

Tôi đang công tác tại đơn vị hành chính sự nghiệp, theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định thanh toán tiền chi phí đi lại như sau:"b) Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, căn cứ tính chất công việc của chuyến đi công tác và trong phạm vi nguồn kinh phí được giao; thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét duyệt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được đi công tác bằng phương tiện máy bay, tàu hỏa, xe ô tô hoặc phương tiện công cộng hoặc các phương tiện khác bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả". Cho tôi hỏi nếu cán bộ viên chức đi công tác từ nguồn kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia thủ trưởng đơn vị có được quyết định cho cán bộ viên chức đi công tác bằng máy bay không?

Trả lời:

- Tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, công tác phí quy định: "*Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, căn cứ tính chất công việc của chuyến đi công tác và trong phạm vi nguồn kinh phí được giao; thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét duyệt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được đi công tác bằng phương tiện máy bay, tàu hỏa, xe ô tô hoặc phương tiện công cộng hoặc các phương tiện khác bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả*".

Theo các quy định nêu trên, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ vào tính chất công việc của chuyến đi công tác để xem xét, quyết định duyệt phương tiện đi lại cho người được cử đi công tác; đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả. Đối với các nội dung chi từ nguồn kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, do độc giả chưa nêu cụ thể chương trình mục tiêu nào nên Bộ Tài chính chưa có cơ sở để trả lời. Do vậy, đề nghị độc giả nghiên cứu các chế độ chi tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia và chế độ công tác phí theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính để triển khai thực hiện theo quy định.

Câu hỏi 11

Tôi là công chức Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long Có một số khó khăn trong công tác xin Bộ tài chính giải đáp giúp. Tại điểm e, khoản 2 Điều 11 Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2018 về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính "e) Mặc đồng phục hoặc trang phục ngành theo quy định, đeo Thẻ công chức, viên chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ;" Căn cứ Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 05 năm 2019 hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước có quy định: "Điều 3.Nội dung chi 1. Chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ trực thuộc Bộ Nội vụ; chi quản lý và điều hành thực hiện Chương trình. 2. Chi xây dựng đề cương chương trình, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm, 5 năm. 3. Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác cải cách hành chính nhà nước tại các bộ, địa phương. 4. Chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ phục vụ công tác cải cách hành chính. 5. Chi xây dựng Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của các bộ, địa phương. 6. Chi tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ cho công tác cải cách hành chính. 7. Chi tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát phục vụ công tác cải cách hành chính; điều tra, khảo sát sự hài lòng của các cá nhân, tổ chức về cải cách hành chính. 8. Chi tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết, triển khai nhiệm vụ và các hội nghị, hội thảo khác liên quan đến công tác cải cách hành chính. 9. Chi thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính a) Chi xây dựng tin, bài, ấn phẩm, sản phẩm truyền thông về cải cách hành chính; chi thiết kế băng rôn, pano, khẩu hiệu để tuyên truyền về cải cách hành chính; b) Chi xây dựng, duy trì thường xuyên các chuyên mục về cải cách hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng; chi xây dựng, nâng cấp, quản lý và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu cải cách hành chính, website cải cách hành chính; c) Chi tổ chức các cuộc thi, hội thi về cải cách hành chính. 10. Chi cho đoàn công tác khảo sát, học tập kinh nghiệm về cải cách hành chính ở trong nước và nước ngoài. 11. Chi thuê chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài. 12. Chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động cải cách hành chính. 13. Chi thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện cải cách hành chính; theo dõi,

giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính. 14. Chi hoạt động Bộ phận Một cửa. 15. Chi xây dựng, duy trì Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh. 16. Một số khoản chi khác phục vụ công tác cải cách hành chính:Chi làm thêm giờ;chi mua các ấn phẩm, sách báo, tạp chí phục vụ công tác nghiên cứu về cải cách hành chính; chi dịch tài liệu; chi mua văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị và các chi phí khác phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính." Trong 16 nội dung chi nêu trên không có nội dung chi đồng phục cho cán bộ, công chức Bộ phận Một cửa. Xin hỏi: 1. Chi đồng phục cho cán bộ, công chức Bộ phận Một cửa có thực hiện được không và mức chi như thế nào?

Trả lời:

a) Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính:

Điểm e Khoản 2 Điều 11 tiêu chuẩn, trách nhiệm, quyền lợi, thời hạn làm việc của công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa: *Mặc đồng phục hoặc trang phục ngành theo quy định, đeo Thẻ công chức, viên chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ;*

Khoản 4 Điều 34: *Giao Bộ Tài chínhban hành quy định về mức chi phục vụ các hoạt động thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.*

b) Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10/5/2019 hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước.

Khoản 15 Điều 4 Thông tư số 26/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính:

15. Chi hoạt động của Bộ phận Một cửa: Các bộ, địa phương tạo điều kiện đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm cho Bộ phận Một cửa theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công và văn bản hướng dẫn.

Kinh phí đầu tư xây dựng Bộ phận Một cửa, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin được chi theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định của pháp luật về đấu thầu, xây dựng, công nghệ thông tin và pháp luật khác có liên quan.

Kinh phí cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng hoặc thuê trụ sở Bộ phận Một cửa, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công, đấu thầu, xây dựng, công nghệ thông tin và pháp luật khác có liên quan.

c) Như vậy, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa mặc đồng phục hoặc trang phục ngành theo quy định trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Mức chi đồng phục, trang phục của công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa thực hiện theo quy định hiện hành của từng ngành, địa phương và bố trí trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Câu hỏi 12:

Đơn vị tôi là đơn vị hành chính sự nghiệp, được giao cải tạo sửa chữa một số công trình có quy mô bằng nguồn kinh phí hoạt động không thường xuyên được bố trí trong dự toán giao hàng năm của đơn vị. Các gói thầu xây lắp thuộc các công trình cải tạo, sữa chữa thường xuyên nêu trên có giá gói thầu từ 100 triệu đến dưới 1 tỷ đồng. Khi đơn vị lựa chọn hình thức lựa chọn nhà thầu thì có hai trường hợp xảy ra : Trường hợp thứ nhất, áp dụng hình thức chỉ định thầu : Theo quy định tại điều 54 luật đấu thầu, thì đối với các gói thầu xây lắp có giá trị dưới 1 tỷ đồng thì áp dụng hình thức chỉ định thầu (gói thầu có giá trị trong hạn mức được áp dụng chỉ định thầu). Trường hợp thứ hai, áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh: Theo quy định thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định việc sửa chữa thường xuyên nhỏ lẻ nhà cửa, công trình xây dựng không thuộc dự án đầu tư xây dựng cơ bản thì với giá gói thầu từ 100 triệu đồng trở lên áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh (áp dụng với nguồn chi thường xuyên). Vậy xin hỏi , với nguồn vốn là nguồn kinh phí hoạt động không thường xuyên khi áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu xây lắp nêu trên, đơn vị chúng tôi áp dụng hình thức chỉ định thầu có đúng không

Trả lời:

3.1. Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công năm 2019: Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án.

3.2. Theo Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn

vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

- Điều 2. Phạm vi điều chỉnh:

+ Khoản 1 quy định nội dung mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư bao gồm: *h) Dịch vụ phi tư vấn bao gồm: Thuê các dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện vận chuyển; sửa chữa thường xuyên nhỏ, lẻ nhà cửa, công trình xây dựng không thuộc dự án đầu tư xây dựng cơ bản; dịch vụ thuê trụ sở làm việc, nhà trạm, ô tô phục vụ công tác, vệ sinh công nghiệp; dịch vụ xử lý chất thải; dịch vụ chăm sóc vườn hoa, cây cảnh; dịch vụ thuê đường truyền dẫn; dịch vụ bảo hiểm; dịch vụ thẩm định giá (nếu có); dịch vụ cung cấp điện, nước, điện thoại cố định; dịch vụ đào tạo, tập huấn, tổ chức hội nghị, hội thảo và các dịch vụ phi tư vấn khác.*

+ Khoản 2 quy định nguồn kinh phí mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ bao gồm:

a) Nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị (bao gồm cả nguồn bổ sung trong năm);

b) Nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia trong trường hợp thực hiện theo hình thức không hình thành dự án đầu tư;

c) Vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh, vốn khác do nhà nước quản lý (nếu có);

d) Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA): Vay nợ, viện trợ không hoàn lại được cân đối trong chi thường xuyên ngân sách nhà nước; nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước thuộc ngân sách nhà nước (trừ trường hợp Điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác);

đ) Nguồn thu từ phí, lệ phí được sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí;

e) Nguồn kinh phí từ thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Nguồn Quỹ Bảo hiểm y tế;

h) Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định (nếu có).

Trong câu hỏi của độc giả chưa nêu thông tin về nội dung công trình cải tạo, sửa chữa từ nguồn chi đầu tư công hay các nguồn kinh phí quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC. Mặt khác, việc bố trí kinh phí cải tạo trụ sở đề nghị bố trí từ chi đầu tư công theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công năm 2019. Vì vậy, Bộ Tài chính chưa có cơ sở để trả lời câu hỏi của độc giả. Đề nghị Quý độc giả căn cứ tính chất nguồn vốn, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đấu thầu để thực hiện theo quy định.

Câu hỏi 13:

Tôi đang công tác tại một trường THPT công lập. Hiện tại giáo viên dạy trẻ khuyết tật hòa nhập trường tôi đang được hưởng phụ cấp tại Điều 7, Nghị định 28/2012/NĐ-CP. Tuy nhiên cơ quan tài chính quản lý thông báo Nghị định 113/2015/NĐ-CP bãi bỏ điều 7 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP, nên không cho chi trả phụ cấp này. Tuy nhiên tôi nhận thấy tại Nghị định 113/2015/NĐ-CP áp dụng cho nhà giáo dạy thực hành trực tiếp giảng dạy trong các trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng công lập, còn đối với trường tôi công tác thì là cơ sở giáo dục phổ thông công lập không vận dụng theo nghị định Nghị định 113/2015/NĐ-CP. Nhờ Bộ Tài chính trả lời giúp giáo viên dạy trẻ khuyết tật đối với trường THPT công lập có hưởng mức phụ cấp thêm không? theo văn bản nào? hiện tại mức áp dụng này có được dùng để tính nộp các khoản đóng góp không? Khi hưởng phụ cấp trên thì có đồng thời được hưởng phụ cấp ưu đãi theo Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ không?

Trả lời:

Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật quy định *nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông được hưởng phụ cấp ưu đãi (quy định cụ thể tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP).*

Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

công lập chỉ bãi bỏ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 về chính sách ưu đãi và phụ cấp đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

Vậy nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập trong trường THPT công lập được hưởng phụ cấp theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ.

Câu hỏi 14:

Trường hợp Ông Nguyễn Văn B, sinh ngày 01/6/1964, thuộc diện tinh giản biên chế, nghỉ hưu trước tuổi từ ngày 01/7/2020, có thời gian công tác đóng bảo hiểm xã hội là 34 năm 2 tháng thì xác định thời gian nghỉ hưu trước tuổi là 4 năm hay 3 năm 11 tháng mới là đúng khi tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi theo Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BTC-BNV hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế?

Trả lời:

- Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế do Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành. Các chính sách tinh giản biên chế và cách xác định thời gian hưởng chế độ do Bộ Nội vụ hướng dẫn.

- Câu hỏi của độc giả liên quan đến cách xác định thời gian nghỉ hưu trước tuổi để thực hiện chính sách tinh giản biên chế, thuộc chức năng quản lý của Bộ Nội vụ (điểm k, khoản 8 Điều 2 Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ). Do vậy, đề nghị độc giả gửi câu hỏi đến Bộ Nội vụ để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

Câu hỏi 15:

Đơn vị tôi là đơn vị dự toán cấp 3, thuộc đơn vị hành chính sự nghiệp tự chủ chi hoạt động thường xuyên từ nguồn phí để lại. Trong năm 2018 đơn vị tôi có một số chi phí hoạt động thường xuyên được thực hiện trong năm 2018 như : chi phí tiền xăng, vé máy bay, phụ cấp làm đêm, truy lĩnh lương… tuy nhiên do một số nguyên nhân chủ quan và khách quan trong quá trình tập

hợp, lưu chuyển, kiểm tra chứng từ nên đã thanh toán trong tháng 1, 2, 3 thuộc dự toán năm 2019. Các nội dung thanh toán trên đảm bảo đầy đủ các chứng từ theo quy định và đã được Kho Bạc Nhà nước kiểm soát chi chấp thuận thanh toán. Nay khi thực hiện Quyết toán đơn vị cấp trên yêu cầu xuất toán với lý do các chi phí trên thuộc dự toán được giao năm 2018, không nằm trong phạm vi dự toán được giao (theo Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017) nên không được thanh toán vào dự toán chi phí năm 2019. Tôi có giải trình theo theo điểm 3,b mục 1 Thông tư 108 TT-BTC ngày 18/11/2008 và Thông tư 319/2016/TT-BTC ngày 13/12/2016, đồng thời dự toán chi hoạt động thường xuyên của đơn vị tôi được Bộ Giao thông Vận tải giao không có nội dung danh mục chi tiết. Tuy nhiên đơn vị quyết toán vẫn không chấp thuận. Vậy tôi xin kinh hỏi Ban biên tập các nội dung sau : 1/ Thông tư 319/2016/TT-BTC ngày 13/12/2016 quy định xử lý chuyển nguồn NSNN năm 2016 sang năm 2017 vậy có được áp dụng chuyển nguồn cho các năm 2018, 2019 không? Nếu không thì thực hiện theo văn bản nào ? 2/ Các nội dung xuất toán trên của cơ quan quyết toán có đúng quy định không? 3/ Các nội dung hỏi đáp được đăng tải trên trang Thông tin điện tử Bộ Tài chính có được xem là cơ sở pháp lý để các đơn vị thực hiện không?

Trả lời:

1. Luật ngân sách nhà nước, quy định:

- Tại khoản 4 điều 8: *"...4. Các khoản chi ngân sách chỉ được thực hiện khi có dự toán được cấp có thẩm quyền giao và phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Ngân sách các cấp, đơn vị dự toán ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách không được thực hiện nhiệm vụ chi khi chưa có nguồn tài chính, dự toán chi ngân sách làm phát sinh nợ khối lượng xây dựng cơ bản, nợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên."*.

- Tại Điều 61. Quản lý, sử dụng ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách:*"1. Thủ trưởngđơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng ngân sách theo dự toán được giao, đánh giá kết quảthực hiện nhiệm vụ, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách. 2. Người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại đơn vị sử dụng ngân sách có nhiệm vụ thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính - ngân sách, chế độ kế toán nhà nước, chế*

độ kiểm tra nội bộ và có trách nhiệm ngăn ngừa, phát hiện và kiến nghị thủ trưởng đơn vị, cơ quan tài chính cùng cấp xử lý đối với những trường hợp vi phạm.".

2. Tại điểm b khoản 2 Điều 12 Luật phí và lệ phí, quy định:

"2. Số tiền phí được khấu trừ và được để lại quy định tại khoản 1 Điều này được sử dụng như sau: "*…b) Số tiền phí để lại được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật; hàng năm phải quyết toán thu, chi. Số tiền phí chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định….".*

3. Tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí, quy định: *Hàng năm, tổ chức thu phí phải quyết toán thu, chi theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.*

4. Tại Điều 1Thông tư số 319/2016/TT-BTC 13/12/2016 của Bộ Tài chính quy định việc xử lý chuyển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 sang năm 2017 (Thông tư 319/2016/TT-BTC), quy định: *Thông tư này quy định việc xử lý chuyển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 sang năm 2017.*

5. Tại Điều 7 Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm, quy định: *"1. Nội dung thẩm định quyết toán năm: Căn cứ báo cáo quyết toán năm và thông báo xét duyệt quyết toán của đơn vị dự toán cấp trên hoặc đơn vị dự toán cấp I gửi theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 3 và khoản 3 Điều 6 Thông tư này, cơ quan thẩm định thực hiện:.....c) Kiểm tra số liệu tăng, giảm quyết toán so với dự toán ngân sách được cơ quan có thẩm quyền giao:...- Kiểm tra dự toán chi ngân sách được giao trong năm, bảo đảm khớp đúng với dự toán được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm dự toán giao đầu năm, dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm) về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi....".*

6. Căn cứ các quy định trên, Bộ Tài chính trả lời độc giả như sau:

(1) Thông tư 319/2016/TT-BTC quy định việc xử lý chuyển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 sang năm 2017 (quy định tại Điều 1 Thông tư 319/2016/TT-BTC). Vì vậy, đơn vị không được áp dụng chuyển nguồn cho các năm 2018, 2019.

Theo thông tin độc giả cung cấp thì: cơ quan độc giả đang công tác là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên từ nguồn thu phí được để lại theo quy định Luật phí và lệ phí, do đó, việc chuyển nguồn từ nguồn thu phí được để lại thực

hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Luật phí và lệ phí và khoản 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP nêu trên.

(2) Việc xuất toán kinh phí nêu trên có đúng quy định hay không còn phụ thuộc vào việc hàng năm, cơ quan độc giả đang công tác đã thực hiện quyết toán thu, chi nguồn thu phí theo đúng quy định chưa. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau đơnvị được tiếp tục chi theo chế độ quy định.

(3) Về tính pháp lý đối với các nội dung trả lời hỏi đáp của độc giả trên trang Thông tin điện tử Bộ Tài chính:

Bộ Tài chính căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật để trả lời độc giả, vì vậy, đề nghị độc giả căn cứ các quy định nêu trên và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để tham mưu cho lãnh đạo đơn vị thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Câu hỏi 16:

Tôi hiện đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập, là đơn vị dự toán cấp 3 trực thuộc Cục Hàng không, Bộ GTVT. Năm 2020 đơn vị tôi đang làm việc được giao Quyết định tự chủ, phân loại là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên, kèm kinh phí tự chủ. Tuy nhiên trong năm 2020 tất cả các đơn vị nhà nước đều phải xác định số tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị Quyết 84/NQ-CP. Theo hướng dẫn tại Khoản 3-Điều 18-Thông tư 145/2017/TT-BTC, khi lập dự toán năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định giao bằng mức chi thường xuyên năm trước liền kề cộng kinh phí tăng thêm nếu có hoặc trừ kinh phí giảm theo quy định của cấp có thẩm quyền nếu có (do giảm nhiệm vụ, giảm khác) trong phạm vi nguồn thu phí được để lại chi theo quy định. Vậy tôi muốn hỏi khi tôi lập dự toán năm 2021 sẽ lập trên nền kinh phí thường xuyên năm 2020 cộng (+) thêm yếu tố tăng thêm, Kinh phí thường xuyên năm 2020 là kinh phí được cấp thẩm quyền giao có phải trừ (-) đi phần đã tiết kiệm theo NQ84 hay không ? hay không phải trừ phần tiết kiệm theo NQ 84 mà sẽ lấy đúng phần kinh phí đã được giao ?

Trả lời:

I. Đối với năm 2020

1. Nghị định 141/2016/NĐ-CP 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác

- Tại điểm c, đ khoản 2 Điều 18 quy định về Lập dự toán: "*Đối với dự toán chi từ nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí: Căn cứ tình hình thực hiện năm hiện hành, nhiệm vụ của năm kế hoạch, đơn vị lập kế hoạch về số thu phí và dự toán chi từ nguồn thu phí được để lại trang trải chi phí hoạt động thu phí, gửi cơ quan quản lý cấp trên theo quy định. Đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí được để lại chi theo quy định, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, việc lập dự toán chi bao gồm: Chi từ nguồn phí được để lại theo quy định và phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không bảo đảm đủ chi thường xuyên (nếu có) Lập dự toán thu, chi các nhiệm vụ không thường xuyên theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.".*

2. Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí, quy định:

"1. Số tiền phí được khấu trừ hoặc để lại cho tổ chức thu phí quy định tại Điều 4 Nghị định này được xác định như sau:

a) Số tiền phí được khấu trừ hoặc để lại = Số tiền phí thu được x Tỷ lệ để lại….

c) Căn cứ tính chất, đặc điểm của các khoản phí và nội dung chi quy định tại Khoản 2 Điều này, tổ chức thu phí lập dự toán thu, chi và tỷ lệ để lại tại Đề án thu phí; trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Nghị định này….

2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập). ...

b) Chi không thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi nhiệm vụ không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập)…".

3. Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19 do Chính phủ ban hành, trong đó, quyết nghị tại điểm a, khoản 1 Mục II: *Cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (trừ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Y tế, kinh phí thực hiện năm chủ tịch ASEAN 2020 và các hoạt động ngoại giao quốc gia khác của Bộ Ngoại giao) và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại của năm 2020, đặc biệt là các khoản chi mua sắm chưa thực sự cần thiết.*

Theo đó, đối với năm 2020 ngoài việc phải thực hiện theo các quy định tại Nghị định 141/2016/NĐ-CP 10/10/2016, Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì đơn vị phải thực hiện dự toán năm 2020 theo quy định tại Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ, trong đó, đơn vị phải thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại của năm 2020, đặc biệt là các khoản chi mua sắm chưa thực sự cần thiết.

II. Đối với năm 2021

1. Thông tư số 71/2020/TT-BTCngày 30/7/2020hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 (Thông tư số 71/2020/TT-BTC), quy định:

- Tại Điều 12. Xây dựng dự toán chi NSNN

"1. Nguyên tắc chung: Dự toán chi NSNN được xây dựng theo đúng quy định của pháp luật, bám sát các chủ trương, định hướng, mục tiêu của Bộ Chính trị về cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công, các Nghị quyết Hội nghị trung ương 6, 7 Khóa XII về sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập, cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và các văn bản tổ chức triển khai, thực hiện.

3. Xây dựng dự toán chi thường xuyên:

a) Trên cơ sở Luật NSNN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn, các văn bản pháp luật có liên quan; các nghị quyết của Bộ Chính trị về cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công, Nghị quyết Hội nghị trung ương 6,7 Khóa XII; định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2021; chính sách, chế độ, định mức chi NSNN; các đề án, nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp thẩm quyền,... các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2021 cho từng lĩnh vực chi, triệt để tiết kiệm, đảm bảo đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội trong bối cảnh còn nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; đảm bảo kinh phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí của các cơ quan nhà nước theo quy định; ...

c) Dự toán chi hoạt động năm 2021 của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong từng lĩnh vực sự nghiệp. ...

d) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Lập dự toán các nhiệm vụ chi thường xuyên (bao gồm các nhiệm vụ chuyển tiếp - nếu có) theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị) theo từng lĩnh vực sự nghiệp; gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan Tài chính cùng cấp.".

2. Khoản 12 Điều 3 Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021: "*Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại các Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, việc phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước căn cứ vào nhiệm vụ được giao năm 2021, phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp, dự toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên); dự toán chi tiết theo 2 phần: phần dự toán chi ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, phần dự toán chi nhiệm vụ không thường xuyên.*

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được cơ quan có thẩm quyền giao tự chủ tài chính thì phân bổ và giao dự toán chi vào phần dự toán chi nhiệm vụ không thường xuyên.".

Theo đó, đối với dự toán năm 2021, ngoài việc phải thực hiện theo các quy định tại Nghị định 141/2016/NĐ-CP 10/10/2016, Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì đơn vị thực hiện dự toán năm 2021 theo quy định tại Thông tư số 71/2020/TT-BTC, Thông tư số 109/2020/TT-BTC.

Vì vậy đề nghị độc giả căn cứ các quy định trên, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (nếu có) và căn cứ chức năng, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao để tham mưu cho lãnh đạo đơn vị thực hiện dự toán năm 2020 và năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật.

Câu hỏi số 17:

Đơn vị chúng tôi là chủ đầu tư dự án nâng cấp, sửa chữa công trình giao thông để khắc phục hậu quả thiên tai, với tổng mức đầu tư 5 tỷ đồng, được hỗ trợ kinh phí cấp cuối năm 2019. được ubnd huyện phân bổ dự toán vào tháng 12/2019. (Nguồn sự nghiệp kinh tế). Sau khi có quyết định phân bổ dự toán (tháng 12/2019) về đơn vị, đơn vị tiến hành lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật và được phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật tháng 4/2020.Sau khi có quyết định thì cấp trên có quyết định xuất ngân sách cho đơn vị. tuy nhiên khi gửi hồ sơ thanh toán các hợp đồng thì kho bạc không chấp nhận thanh toán với lý do yêu cầu quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật phải có trước khi có quyết định phân bổ dự toán, (kho bạc áp dụng theo điều khoản 2, điều 4, thông tư 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của bộ tài chính). Vậy, chúng tôi xin hỏi bộ tài chính công trình chúng tôi là nâng cấp, sửa chữa hạ tầng kỹ thuật công trình giao thông , nguồn sự nghiệp kinh tế thì có áp dụng theo khoản 2, điều 4, thông tư 92/2017 ngày 18/9/2017 của bộ tài chính hay không ? kho bạc áp dụng như trên phù hợp quy định không?

Theo chúng tôi được hiểu thông tư 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính áp dụng cho các dự án nâng cấp sửa chữa cơ sở vật chất là các công trình nằm trong các cơ quan, đơn vị nhà nước, trường học và không áp dụng cho hạ tầng kỹ thuật.

Trả lời:

1. Tại Điều 1, Điều 2 Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, quy định:

"Điều 1. *Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng*

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này điều chỉnh đối với kinh phí để thực hiện các công trình sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định của Luật Xây dựng; kinh phí để thực hiện các công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất.

b) Thông tư này không điều chỉnh đối với:

- Kinh phí để thực hiện các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội;

- Xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có;

- Các dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Các công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có tính chất đặc thù đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật riêng.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan nhà nước (không bao gồm cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài);

b) Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; các hội được ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ kinh phí hoạt động;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sửa chữa, bảo trì, cải tạo, mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất.

Điều 2. Nguồn kinhphí

Kinh phí để thực hiện các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất từ các nguồn kinh phí sau:

1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước trong các lĩnh vực theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên.

Điều 4. Lập dự toán, phân bổ dự toán

Việc lập dự toán, phân bổ dự toán thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Ngoài ra, Thông tư này hướng dẫn một số nội dung cụ thể như sau:

1. Lập dự toán:

a) Hàng năm, căn cứ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của các cấp có thẩm quyền, nhiệm vụ thực hiện trong năm kế hoạch và các quy định tại Thông tư này; cơ quan, đơn vị trực thuộc lập dự toán kinh phí thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất tổng hợp chung vào dự toán của cơ quan, đơn vị mình; gửi cơ quan chủ quản ở trung ương và địa phương (đơn vị dự toán cấp I), để xem xét, tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Hồ sơ tài liệu kèm theo dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, bao gồm: Thuyết minh chi tiết về tên công trình;

mục tiêu sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng; sự cần thiết, lý do thực hiện; văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền; khối lượng công việc dự kiến; thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc; dự toán kinh phí theo các nguồn vốn và phân kỳ thực hiện hàng năm.

2. Về phân bổ dự toán:

a) Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ, giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo khớp đúng dự toán chi được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Tài chính hướng dẫn, Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân giao về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi.

Đối với dự toán chi từ nguồn phí được để lại: Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ, giao dự toán theo đúng quy định tại văn bản của cấp có thẩm quyền quy định đối với từng khoản phí được để lại.

b) Hồ sơ tài liệu kèm theo khi phân bổ dự toán các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất nhưsau:

- Đối với công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng, tài liệu bao gồm: Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền: Tên công trình, mục tiêu sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng; sự cần thiết, lý do thực hiện; dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên: Ngoài các tài liệu theo quy định đối với các công trình có chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng; cơ quan, đơn vị gửi thêm quyết định phê duyệt dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng kèm theo dự án (hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật kèm theo báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với công trình chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật);dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật không bắt buộc phê duyệt trước 31/10 năm trước năm kế hoạch nhưng phải có trước khi phân bổ dự toán.

3. Trường hợp trong năm cơ quan, đơn vị có phát sinh nhu cầu sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, cơ quan đơn vị tự sắp xếp trong phạm vi dự toán được giao và đảm bảo hồ sơ tài liệu về lập và phân bổ dự toán như quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư này.".

Theo đó, Hồ sơ tài liệu kèm theo khi phân bổ dự toán các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất đối với công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên: Ngoài

các tài liệu theo quy định đối với các công trình có chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng; cơ quan, đơn vị gửi thêm quyết định phê duyệt dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng kèm theo dự án (hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật kèm theo báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với công trình chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật); dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật không bắt buộc phê duyệt trước 31/10 năm trước năm kế hoạch nhưng phải có trước khi phân bổ dự toán.

Thông tư số 92/2017/TT-BTC không điều chỉnh đối với các công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có tính chất đặc thù đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật riêng (quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 1 Thông tư số 92/2017/TT-BTC).

Vì vậy, trường hợp các công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có tính chất đặc thù đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật riêng thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật riêng đó.

Câu hỏi 18:

Tôi đang công tác tại Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Tôi có nội dung chưa rõ xin nhờ quý Bộ giải đáp như sau: Theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, quy định: + Điểm b, Khoản 3, Điều 12 quy định về sử dụng các Quỹ, trong đó, quy định Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (đối với đơn vị được giao vốn theo quy định) để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có). Căn cứ theo quy định trên thì đơn vị tôi có được sử dụng Nguồn quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp để gửi Ngân hàng thu lãi tạo nguồn thu cho đơn vị không (do chưa có nhu cầu sử dụng) ?

Trả lời:

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập là nghị định khung, làm cơ sở để xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp trong từng lĩnh vực. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác được quy định

cơ chế tự chủ tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016. Do độc giả không nói rõ đơn vị độc giả công tác thuộc loại hình đơn vị tự chủ tài chính nào nên Bộ Tài chính trả lời về mặt nguyên tắc như sau:

Lãi tiền gửi ngân hàng là nguồn thu tài chính hợp lệ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác (Điều 12, Điều 13, Điều 14).

Về sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, tại điểm 3, điều 12, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP quy định:

"b) Sử dụng các Quỹ

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và các khoản chi khác (nếu có).

...

c) Mức trích cụ thể của các quỹ quy định tại điểm a khoản này và việc sử dụng các quỹ do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị."

Ngoài ra, quy định về sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước được quy định tại Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC. Theo đó, tại điều 20, Thông tư số 72/2017/TT-BTC quy định:

"1. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động quản lý dự án; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị.

5. Mức trích cụ thể của các Quỹ theo quy định tại Điều 19 và việc sử dụng các Quỹ do Giám đốc đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị."

Theo các quy định nêu trên, việc sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đã được quy định cụ thể; việc sử dụng Quỹ được thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và công khai trong đơn vị.

Bộ Tài chính trả lời để độc giả được biết và thực hiện theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 19:

Tôi muốn hỏi về khoản kinh phí tiền công thuê ngoài thực hiện nghiệp vụ chuyên môn như: Xử lý ảnh vệ tinh, biên tập bản đồ,... thì có nằm trong chi thường xuyên của đơn vị hay không (đề tài thực hiện 3 năm và đã được dự toán theo năm) và có phải chỉ định thầu hay chào hàng cạnh tranh hay không? Khi đơn vị thực hiện chính là đơn vị phối hợp ngay từ khi thực hiện đề tài khoa học công nghệ thì khi đăng kế hoạch lựa chọn nhà thầu nằm ở mục chi thường xuyên hay dự án đầu tư?

Trả lời:

1. Đối với nội dung hỏi: Khoản kinh phí tiền công thuê ngoài thực hiện nghiệp vụ chuyên môn như: Xử lý ảnh vệ tinh, biên tập bản đồ… thì có nằm trong chi thường xuyên của đơn vị hay không?

Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức KHCN công lập quy định:

"Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương của những người trực tiếp và gián tiếp thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tiền lương (căn cứ theo số lượng người tham gia thực hiện trong mỗi nhiệm vụ; thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ). Tổng số người tham gia các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ không vượt quá số lượng người làm việc theo vị trí việc làm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các khoản chi phí trực tiếp và gián tiếp phục vụ thực hiện nhiệm vụ; các khoản chi hoạt động bộ máy của tổ chức khoa học và công nghệ công lập để thực hiện nhiệm vụ (ví dụ như: chi mua nguyên liệu, vật liệu; chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng; chi sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ, kiểm định trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn; chi hội nghị hội thảo chuyên môn, công tác phí,...): Thực hiện theo định mức kinh tế, kỹ thuật do Bộ quản lý chuyên ngành,

lĩnh vực ban hành và các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước".

Theo đó, đề nghị bạn đọc căn cứ quy định để thực hiện.

2. Đối với nội dung hỏi: Kinh phí tiền công thuê ngoài thực hiện nghiệp vụ chuyên môn có phải chỉ định thầu hay chào hàng cạnh tranh hay không?

Nội dung hỏi nêu trên liên quan đến công tác đấu thầu, do đó, đề nghị bạn đọc liên hệ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chủ trì xây dựng Luật Đầu tư công để được hướng dẫn.

3. Đối với nội dung hỏi: Khi đơn vị thực hiện chính là đơn vị phối hợp ngay từ khi thực hiện đề tài KHCN thì khi đăng kế hoạch lựa chọn nhà thầu nằm ở mục chi thường xuyên hay dự án đầu tư?:

Mục chi thường xuyên hay dự án đầu tư căn cứ vào nguồn kinh phí thực hiện Đề tài KHCN theo quy định của Luật NSNN và Luật Đầu tư công.

Câu hỏi 20:

Cơ quan tôi lập hồ sơ gói thầu mua sắm 05 loại sản phẩm hàng hóa thông dụng trên thị trường từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, phương pháp đánh giá áp dụng: giá thấp nhất. Hình thức hợp đồng trọn gói nhưng có quyết định phê duyệt danh mục và thẩm định giá cụ thể chi tiết từng loại sản phẩm. Trong 3 nhà thầu chào giá đều thấp so với quyết định phê duyệt danh mục, nhưng nhà thầu thứ nhất chào giá 03 sản phẩm cao gấp 9 lần so với đơn giá được phê duyệt, 02 sản phẩm còn lại thấp hơn 50% so với đơn giá được phê duyệt. Cơ quan tôi đã có văn bản đề nghị bên mời thầu làm việc yêu cầu nhà thầu thứ nhất làm rõ về các hạng mục cao bất thường trên. Nhưng nhà thầu vẫn giữ nguyên giá dự thầu như ban đầu và không làm rõ cơ cấu xây dựng giá. Tôi xin hỏi: nhà thầu thứ nhất này chào giá như vậy có hợp lệ để xét trúng thầu hay không? Nếu hợp lệ khi tiến hành thanh, quyết toán thì cơ quan tôi bị vướng theo khoản 1, Điều 5 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường của Bộ Tài chính quy định: Mức chi thực hiện các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường thực hiện theo định mức, đơn giá, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, cụ thể ở đây là quyết định phê duyệt danh mục. Vậy trong trường hợp này, cơ quan tôi xử lý thế nào cho đúng quy định.

Trả lời:

1. Tại khoản 2, điều 35, Luật Đấu thầu 2013 quy định:

"2. Giá gói thầu:

a) Giá gói thầu được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư hoặc dự toán (nếu có) đối với dự án; dự toán mua sắm đối với mua sắm thường xuyên. Giá gói thầu được tính đúng, tính đủ toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu, kể cả chi phí dự phòng, phí, lệ phí và thuế. Giá gói thầu được cập nhật trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu nếu cần thiết;

b) Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, giá gói thầu được xác định trên cơ sở các thông tin về giá trung bình theo thống kê của các dự án đã thực hiện trong khoảng thời gian xác định; ước tính tổng mức đầu tư theo định mức suất đầu tư; sơ bộ tổng mức đầu tư;

c) Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì ghi rõ giá ước tính cho từng phần trong giá gói thầu."

2. Tại khoản 2, điều 11, Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp quy định:

"2. Giá gói thầu.

Khi lập và xác định giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu cần căn cứ vào ít nhất một trong các tài liệu sau:

a) Giá hàng hóa cần mua của ít nhất 3 đơn vị cung cấp hàng hóa khác nhau trên địa bàn để làm căn cứ xác định giá gói thầu; trong trường hợp không đủ 03 đơn vị trên địa bàn có thể tham khảo trên địa bàn khác đảm bảo đủ 03 báo giá;

b) Dự toán mua sắm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (gồm: chủng loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ, số lượng, đơn giá hoặc toàn bộ dự toán được bố trí để mua sắm một loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ trong năm);

c) Kết quả thẩm định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá tài sản, doanh nghiệp thẩm định giá đối với các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ phải thẩm định giá theo quy định của Luật giá;

d) Giá thị trường tại thời Điểm mua sắm được tham khảo từ thông tin chính thống do các nhà cung cấp theo quy định của pháp luật Việt Nam công bố được khai thác qua mạng Internet;

đ) Giá của gói thầu mua sắm loại hàng hóa tương tự trong thời gian trước đó gần nhất, tối đa không quá 30 ngày.

Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì ghi rõ giá ước tính cho từng phần trong giá gói thầu."

3. Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường. Về mức chi, tại điều 5, Thông tư số 02/2017/TT-BTC quy định:

"1. Mức chi thực hiện các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường thực hiện theo định mức, đơn giá, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Thông tư này hướng dẫn cụ thể thêm một số mức chi (theo Phụ lục 01 đính kèm).

Mức chi quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này là mức chi tối đa, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức chi cụ thể để thực hiện ở địa phương."

Đề nghị độc giả căn cứ các quy định trên để xác định giá gói thầu phù hợp. Căn cứ kết quả đấu thầu để lựa chọn và quyết định giá trúng thầu theo quy định. Trường hợp có khó khăn vướng mắc, đề nghị liên hệ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, là cơ quan chủ trì ban hành Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn để được giải đáp.

Câu hỏi 21:

Tôi đang làm kế toán cho đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên được giao tự chủ theo quy định tại Nghị định 141/2016/NĐ-CP. Đơn vị tôi được giao nhiệm vụ thu phí, hàng năm được Bộ chủ quản giao nhiệm vụ, dự toán chi từ nguồn thu phí để lại. Tôi xin hỏi: phần chênh lệch thu chi hoạt động thường xuyên từ nguồn thu phí để lại có được trích các quỹ theo quy định tại Điều 13 Nghị định 141/2016/NĐ-CP hay không? Trường hợp không được trích quỹ, các khoản chi phúc lợi, khen thưởng cho cá nhân phục vụ trực tiếp công tác thu phí có được tính vào chi phí từ nguồn thu phí để lại hay không?

Trả lời:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 4 và điểm a, khoản 2 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí

"Điều 4. Nguyên tắc quản lý và sử dụng phí

2. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước.

...

Điều 5. Xác định tỷ lệ để lại và quản lý, sử dụng phí

2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập).

- Chi thanh toán cho cá nhân thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định).

- Chi phí phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí như: Văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

- Chi sửa chữa thường xuyên tài sản, máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.

- Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.

- Trích khấu hao tài sản cố định để thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư từ nguồn thu phí.

- Các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí."

2. Căn cứ Điều 13 Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác

"Điều 13. Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên

1. Nguồn tài chính của đơn vị

a) Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

b) Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí (gồm: Chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý);

c) Nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại chi theo quy định của pháp luật phí và lệ phí;

...

3. Căn cứ Điều 8 Thông tư 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác

"Mục 2. TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN

Điều 8. Sử dụng nguồn tài chính

1. Chi thường xuyên: Đơn vị được chủ động sử dụng các nguồn tài chính quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Thông tư này để chi thường xuyên. Các nội dung chi (bao gồm chi tiền lương, trích khấu hao tài sản cố định hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, hoạt động dịch vụ khác), thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này.

Theo đó, phần chi thường xuyên trang trải chi phí thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí theo các nội dung quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ; không bao gồm các khoản chi phúc lợi, khen thưởng cho cá nhân phục vụ trực tiếp công tác thu phí.

Căn cứ Điều 9 Thông tư 145/2017/TT-BTC: *"Phân phối chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên, trích lập các quỹ và sử dụng các quỹ theo quy định tại khoản*

3 Điều 13 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ và theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị."

Theo đó, hàng năm sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí nộp thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có) đơn vị được sử dụng để trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 13 Nghị định 141/2016/NĐ-CP, trong đó có Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi. Việc sử dụng các Quỹ này thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 12 Nghị định 141/2016/NĐ-CP.

Câu hỏi 22

Thực hiện theo Thông tư 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 về quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, đơn vị tôi có tiếp đón khách nước ngoài vào làm việc (đoàn vào) với đơn vị, theo yêu cầu đối ngoại đơn vị tôi dự kiến tổ chức cho khách tham quan tại Hạ Long, tôi có nghiên cứu TT 71/2018/TT-BTC tại Điều 14 có quy định "mức chi đưa đón khách từ nơi ở chính đến điểm tham quan, chi ăn, nghỉ cho khách trong những ngày đi tham quan theo các mức chi quy định tại Khoản 2 Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư này và được áp dụng cho cả cán bộ phía Việt Nam tham gia đưa đoàn đi tham quan" theo như tôi đang hiểu thì quy định này chỉ được chi các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 ngoài ra các khoản chi khác ví dụ như vé thắng cảnh, thuê hướng dẫn viên giới thiệu thắng cảnh, thuê thuyền hoặc cano cho khách thăm quan thắng cảnh...thì có được chi không ạ.

Trả lời:

Điều 14 Thông tư 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước quy định:

"Điều 14. Chi đưa khách đi tham quan

1. Căn cứ tính chất công việc, yêu cầu đối ngoại của từng đoàn khách, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đón đoàn quyết định trong kế hoạch đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc đưa khách đi tham quan trên tinh thần tiết kiệm, không phô trương hình thức.

2. Mức chi đưa đón khách từ nơi ở chính đến điểm tham quan, chi ăn, nghỉ cho khách trong những ngày đi tham quan theo các mức chi quy định tại Khoản 2 Điều

5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư này và được áp dụng cho cả cán bộ phía Việt Nam tham gia đưa đoàn đi tham quan. Số lượng cán bộ Việt Nam tham gia đoàn do thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì đón đoàn phê duyệt".

- Theo đó, căn cứ tính chất công việc, yêu cầu đối ngoại của từng đoàn khách, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đón đoàn quyết định trong kế hoạch đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc đưa khách đi tham quan trên tinh thần tiết kiệm, không phô trương hình thức. Đối với mức chi đưa đón khách từ nơi ở chính đến điểm tham quan, chi ăn, nghỉ cho khách trong những ngày đi tham quan thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 14 nêu trên.

Câu hỏi 23:

Tôi là một kế toán xã. Tôi xin hỏi nội dung về sử dụng kinh phí hoạt động phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Theo thông tu 121/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 xã tôi được tỉnh giao kinh phí theo định mức là 6 triệu đồng/xóm khó khăn, xóm còn lại là 5 triệu đồng/xóm. Tuy nhiên do xóm vùng cao dân cư tập trung không đồng đều dẫn đến có xóm chỉ có 10 hộ và có xóm lên tới 100 hộ. Nếu phân theo tỉnh giao thì dẫn tới sự chênh lệch lớn về kinh phí vì xóm ít hộ thì kinh phí có thể cơ bản, nhưng xóm đông hộ thì kinh phí hạn hẹp hơn nhiều. Vậy tôi có thể dùng Tổng kinh phí được giao chia dự toán theo đầu hộ có được không?

Trả lời:

Thông tư số 121/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", trong đó:

- Khoản 11 Điều 4 quy định: "*Chi hỗ trợ đối với Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động và các Phong trào được phát động ở địa phương:*

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bố trí dự toán ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện hỗ trợ cho khu dân cư theo mức:

a) Khu dân cư có quy mô dân số dưới 700 hộ dân: Mức thấp nhất là 5.000.000 đồng/năm/khu dân cư.

b) Khu dân cư có quy mô dân số cứ tăng thêm 200 hộ dân thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/năm/khu dân cư so với định mức quy định tại Điểm a Khoản 11 Điều này.

c) Đối với các khu dân cư của các xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; xã thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020; địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020 (và cập nhật theo quy định hiện hành nếu có): Ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại Điểm a, b Khoản 11 Điều này thì được bố trí thêm 1.000.000 đồng/năm/khu dân cư".

- Khoản 1 Điều 6 quy định:*Căn cứ mức chi quy định tại Thông tư này và khả năng nguồn ngân sách của địa phương: Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư cho phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương và đảm bảo theo quy định hiện hành.*

Như vậy, thẩm quyền quy định mức chi hỗ trợ đối với Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định để phù hợp với thực tế ở địa phương. Do vậy, đề nghị bạn đọc căn cứ quy định tại địa phương để thực hiện.

Câu hỏi 24:

Cơ quan tôi là đơn vị sự nghiệp tự chủ về tài chính từ đầu năm 2017, trong thời gian qua cơ quan có mở tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại, lãi tiền gửi bổ sung cho quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Nhưng đoàn thanh tra kết luận cho là cơ quan đã làm sai theo thông tư 71/2006/TT-BTC. Theo đoàn thanh tra cơ quan được quyền mở tài khoản nhưng phải gửi không kỳ hạn, gửi có kỳ hạn là sai, yêu cầu khắc phục. Rất mong nhận được câu trả lời từ Bộ Tài chính việc mở tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của cơ quan có sai quy định không?.

Trả lời:

Đơn vị độc giả hỏi không rõ được giao tự chủ tài chính từ năm 2017 thuộc lĩnh vực nào để có cơ sở trả lời theo các căn cứ liên quan. Nguồn kinh phí gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại cũng không nêu rõ là nguồn kinh phí có nguồn gốc NSNN

hay các khoản thu dịch vụ không sử dụng NSNN. Do đó, Bộ Tài chính trả lời về nguyên tắc như sau:

1. Các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác thực hiện theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác. Tại khoản 1, điều 16 (Mở tài khoản giao dịch), Nghị định số 141/2016/NĐ-CP quy định:

"a) Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác được mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu, chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước, các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các khoản thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí, đơn vị mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để phản ánh."

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Tại điều 6, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP quy định:

"1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu, chi hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước. Lãi tiền gửi là nguồn thu của đơn vị và được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc quỹ khác theo quy định hiện hành; không được bổ sung vào Quỹ bổ sung thu nhập.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước, các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các khoản thu phí theo quy định hiện hành về phí, lệ phí."

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực khác thực hiện theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/9/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP. Theo đó, việc mở tài khoản được quy định:

"1. Đơn vị sự nghiệp mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện thu, chi qua Kho bạc Nhà nước đối với các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, gồm: kinh phí ngân sách nhà nước cấp; các khoản thu, chi phí và lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các khoản khác của ngân sách nhà nước (nếu có).

2. Đơn vị sự nghiệp được mở tài khoản tại Ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu, chi hoạt động dịch vụ."

Câu hỏi 25:

Tôi làm kế toán đơn vị Chi cục Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Phú Yên, là đơn vị thực hiện chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo qui định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/05/2014. Đơn vị có thực hiện nhiệm vụ thu phí và lệ phí theo các Thông tư số 230/2016/QĐ-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản;Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản;Thông báo số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp. Các khoản thu lệ phí đơn vị nộp 100% vào NSNN, còn khoản thu phí được trích để lại theo quy định. Theo Nghị định 120/2016 ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí. Từ năm 2017; 2018; 2019 chi cục thực hiện chi công việc theo điểm a khoản 2 điều 5 của Nghị định 120, Cuối năm đơn vị quyết toán số chi thực hiện cho hoạt động thu phí. Tuy nhiên số thu cao hơn số chi nên kinh phí chênh lệch thừa qua các năm 2017;2018; 2019 là 906.000.000 đồng được mang sang năm 2020 Theo khoản 4 của Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP "Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí chi cho các nội dung tại khoản 2 Điều này, đối với cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối

với các cơ quan nhà nước; đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập '' Vậy đơn vị tôi có được sử dụng số kinh phí chênh lệch thu, chi là kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được để chi tiết kiệm tăng thêm cho công chức và hợp đồng 68 theo Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV không?

Trả lời:

1. Tại điều 5, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí quy định:

"2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập).

- Chi thanh toán cho cá nhân thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định)....

...

4. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí chi cho các nội dung tại Khoản 2 Điều này, đối với cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ.

5. Hàng năm, tổ chức thu phí phải quyết toán thu, chi theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định."

2. Đối với việc sử dụng kinh phí tiết kiệm được hàng năm, tại Khoản 7, Điều 3, Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV quy định:

"b) Kinh phí tiết kiệm được sử dụng cho các nội dung sau:

- Bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức và người lao động;

- Chi khen thưởng: Chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân theo kết quả công việc và thành tích đóng góp ngoài chế độ khen thưởng theo quy định hiện hành của Luật Thi đua khen thưởng;

- Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể: Hỗ trợ các hoạt động đoàn thể; hỗ trợ các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm (kỷ niệm ngày phụ nữ Việt Nam, ngày thương binh liệt sỹ, ngày quân đội nhân dân...), trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất; trợ cấp ăn trưa, chi đồng phục cho cán bộ, công chức và người lao động của cơ quan; trợ cấp hiếu, hỷ, thăm hỏi ốm đau; trợ cấp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; hỗ trợ cho cán bộ, công chức và người lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế; chi khám sức khỏe định kỳ, thuốc y tế trong cơ quan; chi xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi;

- Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức: Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển vào quỹ dự phòng ổn định thu nhập.

c) Thủ trưởng cơ quan thực hiện chế độ tự chủ quyết định phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm nêu trên trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan sau khi đã thống nhất ý kiến bằng văn bản với tổ chức công đoàn cơ quan."

Đối với việc chi trả thu nhập tăng thêm, Tại Khoản 8, Điều 3, Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV quy định:

"Trong phạm vi nguồn kinh phí tiết kiệm được, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ được áp dụng hệ số tăng thêm quỹ tiền lương tối đa không quá 1,0 (một) lần so với tiền lương ngạch, bậc, chức vụ do nhà nước quy định để trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ công chức và người lao động

...

Trên cơ sở tổng nguồn kinh phí được phép chi trên đây, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ quyết định phương án chi trả thu nhập tăng thêm cho từng cán bộ, công chức và người lao động (hoặc cho từng bộ phận trực thuộc) theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người (hoặc từng bộ phận trực thuộc). Người nào, bộ phận nào có thành tích đóng góp để tiết kiệm chi, có hiệu suất công tác cao thì được trả thu nhập tăng thêm cao hơn; không thực hiện việc chia thu nhập tăng thêm cào bằng bình quân hoặc chia theo hệ số lương. Mức chi trả cụ thể do Thủ trưởng cơ quan quyết định sau khi thống nhất ý kiến với tổ chức công đoàn cơ quan."

3. a. Theo thông tin độc giả cung cấp, đơn vị được hỏi là Chi cục Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên là cơ quan hành chính có con dấu, tài khoản riêng và trực tiếp sử dụng kinh phí quản lý hành chính thuộc đối tượng áp dụng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý

hành chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước.

b. Theo các quy định nêu trên, kinh phí tiết kiệm được từ việc sử dụng số phí được để lại trong năm được chi bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức và người lao động căn cứ theo phương án chi trả thu nhập tăng thêm cho từng cán bộ, công chức và người lao động (hoặc cho từng bộ phận trực thuộc) theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người (hoặc từng bộ phận trực thuộc); mức chi trả cụ thể do Thủ trưởng cơ quan quyết định sau khi thống nhất ý kiến với tổ chức công đoàn cơ quan. Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển vào quỹ dự phòng ổn định thu nhập. Phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm cần được nêu cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan sau khi đã thống nhất ý kiến bằng văn bản với tổ chức công đoàn cơ quan.

Câu hỏi 26:

Sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp) Đơn vị tôi là đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo chi thường xuyên theo Nghị định 141/2016/NĐ-CP, hoạt động chủ yếu công tác bảo trì đường bộ. Trong quá trình triển khai thực hiện các hợp đồng bảo trì đường bộ do nguồn vốn thanh toán của Chủ đầu tư không đáp ứng kịp thời theo khối lượng hoàn thành nên đơn vị có mượn nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (Quỹ) để thanh toán các chi phí (vật liệu, nhân công, xe máy) và khi Chủ đầu tư thanh toán vốn thì đơn vị hoàn trả lại Quỹ. (Nội dung mượn Quỹ có đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ công khai cho toàn thể cán bộ viên chức) Theo quy định tại khoản b, điểm 3, điều 12 Nghị định 141/2016/NĐCP nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp được sử dụng: Để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (đối với đơn vị được giao vốn theo quy định) để tổ chức hoạt động

dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có). Để hoạt động tài chính của đơn vị tuân thủ đúng theo quy định pháp luật xin hỏi Bộ Tài chính: theo quy định tại khoản b, điểm 3, điều 12 Nghị định 141/2016/NĐCP thì đơn vị có được mượn nguồn Quỹ để thực hiện các hợp đồng bảo trì đường bộ như trình bày như trên không?

Trả lời:

Tại điểm 3, điều 12, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác quy định:

"b) Sử dụng các Quỹ

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và các khoản chi khác (nếu có).

...

c) Mức trích cụ thể của các quỹ quy định tại điểm a khoản này và việc sử dụng các quỹ do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị."

Theo đó, các nội dung sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nhằm phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp của đơn vị phù hợp chức năng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, đã được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và công khai trong đơn vị là phù hợp với các quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Câu hỏi 27:

Tôi là kế toán tại Đội quản lý đô thị và các công trình công cộng huyện Trà Bồng. Đơn vị tôi là đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ công ích đô thị được ngân sách Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP về tự chủ.

Trong năm đơn vị tôi nhận đặt hàng dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách của các phòng ban chuyên môn trực thuộc UBND huyện theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Cho tôi hỏi, đây có được xem là nguồn thu dịch vụ của đơn vị hay không? Đơn vị tôi có được dùng nguồn thu này để thuê lao động hợp đồng đóng BHXH hay không?

Cuối năm phần chênh lệch thu - chi từ việc đặt hàng này, đơn vị tôi được trích lập các quỹ theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP. Nhưng theo quy định tại Nghị định này thì đối với đơn vị sự nghiệp được ngân sách Nhà nước bảo đảm toàn bộ không được trích lập quỹ bình ổn thu nhập. Như vậy đơn vị tôi không trích quỹ này có đúng không? Chênh lệch từ nguồn thu này đơn vị chúng tôi cũng không được chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ viên chức và người lao động đúng không?

Trả lời:

Theo thông tin độc giả cung cấp, đơn vị được hỏi là Đội quản lý đô thị và các công trình công cộng huyện Trà Bồng là đơn vị sự nghiệp (SNCL) hoạt động dịch vụ công ích đô thị được ngân sách Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

(1) Đơn vị nhận đặt hàng dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách của các phòng ban chuyên môn trực thuộc UBND huyện theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP có được xem là nguồn thu dịch vụ của đơn vị hay không?

Về nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên, tại điều 15, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP quy định:

"1. Nguồn tài chính của đơn vị

a) Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có);

c) Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định này và kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản cho đơn vị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);

d) Nguồn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật;

đ) Nguồn khác (nếu có)."

Theo đó, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, đơn vị hạch toán nguồn thu cho phù hợp.

(2) Có được dùng nguồn thu này để thuê lao động hợp đồng đóng BHXH không?

Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên được NSNN cấp đủ kinh phí cho tổ chức bộ máy nhân sự làm việc (đã bao gồm BHXH). Trong trường hợp đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ và bổ sung lao động thuê ngoài thì đơn vị thực hiện ký kết hợp đồng lao động theo các quy định hiện hành (Luật Lao động, Luật BHXH,...)

(3) Đơn vị do ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên không trích lập quỹ bình ổn thu nhập và chênh lệch từ thu-chi hoạt động đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công không được chi trả thu nhập tăng thêm thì có đúng quy định không?

Tại khoản 3, điều 15 (Tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp kinh tếm sự nghiệp khác do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên), Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định:

"3. Sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên

a) Hàng năm, sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên (nếu có), đơn vị được sử dụng theo trình tự như sau:

- Trích tối thiểu 5% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

- Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 01 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định;

- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tối đa không quá 01 tháng tiền lương, tiền công bình quân thực hiện trong năm của đơn vị;

- Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Trường hợp chênh lệch thu lớn hơn chi bằng hoặc nhỏ hơn một lần quỹ lương ngạch, bậc, chức vụ thực hiện trong năm, đơn vị được quyết định mức trích vào các quỹ theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Mức trích cụ thể của các quỹ theo quy định tại điểm a khoản này và việc sử dụng các quỹ do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị. Nội dung chi từ các quỹ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 của Nghị định này."

Theo đó, căn cứ tình hình tài chính, đơn vị thực hiện trích lập Quỹ bổ sung thu nhập và chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định.

Câu hỏi 28:

Theo quy định tại Thông tư số 327/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính, các cơ quan thanh tra nhà nước được mở tài khoản tạm giữ tại KBNN để tạm giữ các khoản tiền thu hồi phát hiện qua thanh tra để chờ xử lý. Xin hỏi: Khi lập chứng từ trích từ tài khoản tạm giữ của cơ quan thanh tra để nộp vào ngân sách nhà nước thì ghi thông tin trên chứng từ theo Chương của cơ quan thanh tra hay Chương của đơn vị được thanh tra; ghi mã số đơn vị quan hệ ngân sách như thế nào. Xin Quý Bộ xem xét trả lời để hướng dẫn các đơn vị nộp ngân sách.

Trả lời:

Tại điểm a, b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 327/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước; trong đó quy định thủ tục trích, nộp khoản tiền thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đối với cơ quan thanh tra nhà nước như sau:

(i) Các khoản thu hồi đã thực nộp vào ngân sách nhà nước qua tài khoản tạm giữ của cơ quan thanh tra do cơ quan thanh tra nộp vào ngân sách nhà nước.

(ii) Các khoản thu hồi đã thực nộp vào ngân sách nhà nước không qua tài khoản tạm giữ của cơ quan thanh tra do cơ quan được thanh tra nộp vào ngân sách nhà nước.

Vì vậy, khi lập chứng từ trích từ tài khoản tạm giữ của cơ quan thanh tra để nộp vào ngân sách nhà nước thì ghi thông tin của cơ quan thanh tra; trường hợp cơ quan được thanh tra nộp trực tiếp vào ngân sách nhà nước, không qua tài khoản tạm giữ của cơ quan thanh tra thì ghi thông tin của đơn vị được thanh tra.

Câu hỏi 30:

Hiện nay tôi đang công tác tại đơn vị sư nghiệp nghiên cứu khoa học, tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. Đơn vị tôi hiện có 11 biên chế, 03 hợp đồng theo nghị định 68 và 20 hợp đồng lao động thường xuyên. Theo như điểm b, khoản 1, điều 10 Thông tư liên tịch Số: 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ban hành ngày 30/12/2015 " Kinh phí tiền công lao động trực tiếp cho các cá nhân thực hiện nhiệm vụ thuộc tổ chức chủ trì được chuyển vào quỹ tiền lương, tiền công của tổ chức chủ trì và được chi theo phương án đã được thủ trưởng tổ

chức chủ trì phê duyệt." Vậy khi đơn vị tôi thực hiện những đề tài độc lập cấp nhà nước, phần kinh phí khoán tiền công lao động trực tiếp cho cá nhân, chúng tối có thể chuyển vào quỹ tiền lương của đơn vị để chi trả lương cho 20 vị trí hợp đồng lao động thường xuyên theo hệ số lương không? Trường hợp không thể lập được qũy lương từ khoản tiền công trực tiếp từ các đề tài như nêu trên, trong tất cả các quỹ tại cơ quan bao gồm quỹ PTHĐSN, quỹ bổ sung thu nhập, quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng, quỹ nào được phép chi lương cho hợp động lao động thường xuyên tại đơn vị? Mong nhận được phản hồi từ Bộ tài chính!

Trả lời:

a) Điểm a Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức Khoa học và Công nghệ (KHCN) công lập quy định nội dung chi thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập gồm:

Chi tiền lương cho công chức, viên chức, người lao động theo ngạch, bậc, hạng chức danh nghề nghiệp, chức vụ, vị trí việc làm và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có).

b) Nội dung Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ (TT 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC), Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước. Theo đó, đối tượng áp dụng của Thông tư gồm các cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN.

c) Về việc sử dụng các quỹ của đơn vị sự nghiệp công lập đã được quy định cụ thể tại Chương II Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 về quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KHCN công lập. Đề nghị bạn đọc nghiên cứu quy định tại các văn bản nêu trên để thực hiện theo đúng quy định.

Câu hỏi 31:

Theo Điều 21 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP quy định các khoản thu của đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo toàn bộ gồm: Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp và Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp (đối với các đơn vị có nguồn thu thấp) - Theo Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP quy định 1. Chi thường xuyên, gồm: a) Chi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; b) Chi hoạt động phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ thu phí, lệ phí; c)

Chi cho các hoạt động dịch vụ (kể cả các khoản chi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, trích khấu hao tài sản cố định theo quy định, chi trả vốn, trả lãi tiền vay theo quy định của pháp luật). Vậy, khi thẩm định nguồn kinh phí ngân sách cấp đảm bảo hoạt động thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp được ngân sách đảm bảo toàn bộ hoạt động là phần chênh lệch giữa tổng dự toán chi với nguồn thu hoạt động sự nghiệp (đối với các đơn vị có nguồn thu thấp). Ví dụ: Trường Trung học cơ sở A: 1. Tổng dự toán chi thường xuyên là 10.000 đồng (bao gồm: Chi hoạt động phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ thu phí, lệ phí: 100 triệu đồng và Chi cho các hoạt động dịch vụ là 100 triệu đồng. 2. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp (đã tính giảm trừ phần thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định): 500 triệu đồng, trong đó thu học phí là 400 triệu đồng, thu từ cho thuê mặt bằng căn tin và bãi giữ xe: là 100 triệu đồng. Chênh lệch nguồn kinh phí ngân sách cấp đảm bảo hoạt động thường xuyên cho Trường THCS A là: 9.500 triệu đồng (10.000 triệu đồng - 500 triệu đồng). Xin hỏi Bộ Tài chính giải đáp cách làm như trên có đúng quy định hay không?

Trả lời:

(i) Căn cứ Điều 1, 2 Mục II Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

"II. Về phân loại đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, được hướng dẫn như sau:

1. Các đơn vị sự nghiệp được phân loại như sau:

a) Đơn vị có nguồn thu sự nghiệp tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên (gọi tắt là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động).

b) Đơn vị có nguồn thu sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên, phần còn lại được ngân sách nhà nước cấp (gọi tắt là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động).

c) Đơn vị có nguồn thu sự nghiệp thấp, đơn vị không có nguồn thu, kinh phí hoạt động thường xuyên do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ(gọi tắt là đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động).

...

2. Cách xác định để phân loại đơn vị sự nghiệp:

Mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên của đơn vị (%) = Tổng số nguồn thu sự nghiệp / Tổng số chi hoạt động thường xuyên x 100 %

Trong đó:

- Tổng số nguồn thu sự nghiệp theo quy định tại: điểm 1.2, khoản 1, Mục VIII; điểm 1.2, khoản 1, Mục IX của Thông tư này.

- Tổng số chi hoạt động thường xuyên theo quy định tại: điểm 2.1, khoản 2, Mục VIII; điểm 2.1, khoản 2, Mục IX của Thông tư này.

Tổng số nguồn thu sự nghiệp và tổng số chi hoạt động thường xuyên tính theo dự toán thu, chi của năm đầu thời kỳ ổn định.

Căn cứ vào mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên, đơn vị sự nghiệp được phân loại như sau:

a) Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động, gồm:

- Đơn vị sự nghiệp có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên xác định theo công thức trên, bằng hoặc lớn hơn 100%.

- Đơn vị sự nghiệp đã tự bảo đảm chi phí hoạt động từ nguồn thu sự nghiệp, từ nguồn ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước đặt hàng.

b) Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động: Là đơn vị sự nghiệp có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên xác định theo công thức trên, từ trên 10% đến dưới 100%.

c) Đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động, gồm:

- Đơn vị sự nghiệp có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên xác định theo công thức trên, từ 10% trở xuống.

- Đơn vị sự nghiệp không có nguồn thu."

…

Trường hợp Trường Trung học cơ sở A có tổng dự toán chi thường xuyên là 10.000 triệu đồng, nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp là 500 triệu đồng, như vậy:

Mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên của đơn vị (%) = Tổng số nguồn thu sự nghiệp / Tổng số chi hoạt động thường xuyên x 100 %

500.000.000

= ---------- = 5%

10.000.000.000

Theo đó, mức tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên của Trường THCS A là 5% nên Trường THCS A là đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động.

(i) Căn cứ Điều 1, 2 Mục IX Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

"IX. Về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động, thực hiện theo Mục 3 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, được hướng dẫn như sau:

1. Nguồn tài chính, thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, được hướng dẫn như sau:

1.1. Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, gồm:

a) Kinh phí bảo đảm hoạt động thường xuyên thực hiện chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao, được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp giao trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với các đơn vị không phải là tổ chức khoa học và công nghệ);

c) Kinh phí thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức;

d) Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

đ) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao;

e) Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo chế độ do Nhà nước quy định (nếu có).

g) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao hàng năm;

h) Vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

i) Kinh phí khác (nếu có).

1.2. Nguồn thu sự nghiệp (nếu có); gồm:

a) Phần được để lại từ số thu phí, lệ phí cho đơn vị sử dụng theo quy định của nhà nước;

b) Thu từ hoạt động dịch vụ phù hợp với lĩnh vực chuyên môn và khả năng của đơn vị, hướng dẫn tại tiết b, điểm 1.2, khoản 1, Mục VIII của Thông tư này;

c) Thu khác.

1.3. Nguồn vốn viện trợ, quà biếu, tặng, cho (nếu có) theo quy định của pháp luật.

1.4. Nguồn khác theo quy định của pháp luật (nếu có) .

2. Về nội dung chi, thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, được hướng dẫn như sau:

2.1. Chi thường xuyên:

a) Chi hoạt động thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, gồm: Tiền lương; tiền công; các khoản phụ cấp lương; các khoản trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo quy định hiện hành; dịch vụ công cộng; văn phòng phẩm; các khoản chi nghiệp vụ; sửa chữa thường xuyên tài sản cố định và các khoản chi khác theo chế độ quy định.

b) Chi hoạt động thường xuyên phục vụ cho công tác thu phí và lệ phí (nếu có),gồm: Tiền lương; tiền công; các khoản phụ cấp lương; các khoản trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo quy định hiện hành cho số lao động trực tiếp phục vụ công tác thu phí và lệ phí; các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn; sửa chữa thường xuyên tài sản cố định và các khoản chi khác theo chế độ quy định phục vụ cho công tác thu phí và lệ phí.

c) Chi cho các hoạt động dịch vụ (nếu có), gồm: Tiền lương; tiền công; các khoản phụ cấp lương; các khoản trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo quy định hiện hành; nguyên, nhiên, vật liệu, lao vụ mua ngoài; khấu hao tài sản cố định; sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi khác theo chế độ.

Theo đó, tổng nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động bao gồm kinh phí do Ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu sự nghiệp của đơn vị (nếu có), nguồn vốn viện trợ, quà biếu, tặng, cho (nếu có) theo quy định của pháp luật và nguồn khác theo quy định của pháp luật. Trong đó, nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp để bảo đảm hoạt động thường xuyên thực

hiện chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao, được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp giao trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Câu hỏi 32:

Tính tổng tiền lương 12 tháng trong năm học Hiện nay, chế độ chi trả phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ. Theo đó, việc tính tiền lương 01 giờ dạy thêm đối với nhà giáo thực hiện theo Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC, nhưng tại Thông tư này chưa đưa ra công thức tính Tổng tiền lương 12 tháng trong năm học. Qua nghiên cứu nội dung Công văn 997/NGCBQLCSGD-NG ngày 30/08/2016 của Cục nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo, hướng dẫn "Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học là tổng tiền lương các tháng từ tháng 7 năm trước đến hết tháng 6 của năm liền kề; trong đó, tiền lương một tháng được tính theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 TTLT số 07 sau khi đã trừ các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp của nhà giáo theo quy định" Hiện nay, tại địa phương tôi việc tính tổng tiền lương 12 tháng trong ăm học mỗi cấp học lại có cách tính khác nhau: Có trường xác định tổng lương 12 tháng là lương và các khoản phụ cấp theo lương sau khi đã trừ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên, có trường lại tính tổng lương 12 tháng là lương và các khoản phụ cấp, nhưng không trừ các khoản bảo hiểm bắt buộc. Kính mong diễn đàn Chính sách Tài chính hướng dẫn cách "Tính tổng tiền lương 12 tháng trong năm học" được xác định như thế nào là đúng?

Trả lời:

Nội dung bạn hỏi về việc cách xác định "Tổng tiền lương 12 tháng trong năm học" trong các cơ sở giáo dục đào tạo không thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính. Nội dung này thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, trong đó có vấn đề về tiền lương đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục) và Bộ Nội vụ (cơ quan quản lý nhà nước về các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, trong đó có chính sách tiền lương). Do vậy, đề nghị bạn đọc liên hệ với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ để được giải đáp.

Câu hỏi 33

Đơn vị tôi là đơn vị y tế trực thuộc sở y tế. theo thông tư 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 quy định về chế độ công tác phí, trong đó có phần chi công tác phí khoán. hiện nay đơn vị tôi có một số đối tượng phải đi công tác nhiều như kế toán, tổ chức, kế hoạch, những đồng chí làm công tác y tế dự phòng. để giảm bớt thủ tục, đơn vị vận dụng và đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ có thanh toán công tác phí khoán cho các đối tượng trên. Tuy nhiên khi quyết toán sở y tế không đồng ý. vậy xin hỏi việc không cho phép vận dụng thông tư 40/2017/TT-BTC (điều 8) cho các đối tượng trên theo quy chế mà sở y tế duyệt có đúng không,

Trả lời:

Đơn vị tôi là đơn vị y tế trực thuộc sở y tế, theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, trong đó có phần chi công tác phí khoán. Hiện nay đơn vị tôi có một số đối tượng phải đi công tác nhiều như kế toán, tổ chức, kế hoạch, những đồng chí làm công tác y tế dự phòng. Để giảm bớt thủ tục, đơn vị vận dụng và đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ có thanh toán công tác phí khoán cho các đối tượng trên. Tuy nhiên, khi quyết toán sở y tế không đồng ý.

Vậy, xin hỏi việc không cho phép vận dụng Thông tư số 40/2017/TT-BTC (Điều 8) cho các đối tượng trên theo quy chế mà sở y tế duyệt có đúng không.

3. Phòng SNYT-XH báo cáo Vụ nội dung trả lời:

Tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định vềthanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng như sau:

"Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng (như: Văn thư; kế toán giao dịch; cán bộ kiểm lâm đi kiểm tra rừng; cán bộ các cơ quan tố tụng đi điều tra, kiểm sát, xác minh, tống đạt và các nhiệm vụ phải thường xuyên đi công tác lưu động khác); thì tuỳ theo đối tượng, đặc điểm công tác và khả năng kinh phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định mức khoán tiền công tác phí theo tháng cho người đi công tác lưu động để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức 500.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị".

Như vậy, căn cứ quy định tại Điều 8 Thông tư số 40/2017/TT-BTC nêu trên, trường hợp (i) Cán bộ có nhiệm vụ phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10

ngày/tháng; (ii) Tuỳ theo đối tượng, đặc điểm công tác và khả năng kinh phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định mức khoán tiền công tác phí theo tháng cho người đi công tác lưu động để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức 500.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Câu hỏi 34

Các quỹ (phát triển hoạt động sự nghiệp, bổ sung thu nhập, khen thưởng, phúc lợi) của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên và đầu tư theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP có phải chi theo niên độ ngân sách hay không (tức là trích năm nào thì phải chi hết trong năm đó)?

Trả lời:

(i) Căn cứ khoản 3 Điều 12 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập

"Điều 12. Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

...

3. Phân phối kết quả tài chính trong năm

a) Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), đơn vị được sử dụng theo trình tự như sau:

- Trích tối thiểu 25% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

- Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập: Đơn vị được tự quyết định mức trích Quỹ bổ sung thu nhập (không khống chế mức trích);

- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúclợi tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị;

- Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật;

- Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

b) Sử dụng các Quỹ

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ

chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (đối với đơn vị được giao vốn theo quy định) để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có).

- Quỹ bổ sung thu nhập: Để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm.

...

- Quỹ khen thưởng: Để thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị (ngoài chế độ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng) theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Quỹ phúc lợi: Để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động thực hiện tinh giản biên chế.

c) Mức trích cụ thể của các quỹ quy định tại Điểm a Khoản này và việc sử dụng các quỹ do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị."

(ii) Căn cứ Điểm A mục II Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (Thông tư số 107/2017/TT-BTC) quy định về các tài khoản trong bảng tài khoản loại I

Tài khoản 431 – Các quỹ

1- Nguyên tắc kế toán

1.1- Tài khoản này dùng để phản ánh việc trích lập và sử dụng các quỹ của đơn vị sự nghiệp công lập.

1.2- Các quỹ được hình thành từ kết quả thặng dư (chênh lệch thu lớn hơn chi) của hoạt động hành chính, sự nghiệp; hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động tài chính và các khoản chênh lệch thu lớn hơn chi khác theo quy định của chế độ tài chính.

...

2- Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 431- Các quỹ

Bên Nợ: Các khoản chi từ các quỹ.

Bên Có: Số trích lập các quỹ từ thặng dư (chênh lệch thu lớn hơn chi) của các hoạt động theo quy định của chế độ tài chính.

Số dư bên Có: Số quỹ hiện còn chưa sử dụng.

(iii) Căn cứ Điểm A mục III Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC hướng dẫn lập báo cáo tình hình tài chính (mẫu số B01/BCTC)

...

4.2. Phương pháp lập các chỉ tiêu báo cáo

- Tài sản thuần- Mã số 70

...

+ Các quỹ - Mã số 73

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Chỉ tiêu này phản ánh số dư của các quỹ tài chính mà đơn vị được trích lập theo cơ chế tài chính, bao gồm quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ bổ sung thu nhập, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các quỹ khác của đơn vị. Các quỹ được hình thành từ thặng dư kết quả hoạt động thường xuyên của đơn vị và từ các nguồn khác theo quy định.

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là **số dư Có** của tài khoản 431 "Các quỹ".

Như vậy, đối với các quỹ (Phát triển hoạt động sự nghiệp, bổ sung thu nhập, khen thưởng, phúc lợi), mức trích cụ thể và việc sử dụng các quỹ do thủ trưởng của đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Cuối năm, khi lập báo cáo tài chính (mẫu B01/BCTC ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC), đơn vị kê khai chỉ tiêu số 73 (các quỹ) bằng số dư Có của tài khoản 431 "Các quỹ" là Số quỹ hiện còn chưa sử dụng.

Câu hỏi 35:

Tôi đang công tác tại Phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. có 1 nội dung chưa rõ về chi phúc lợi quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, muốn quý cơ quan hỗ trợ giải đáp . Kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được của các đơn vị thuộc Khối cơ quan KTNN được sử dụng theo các nội dung với thứ tự ưu tiên như sau:Về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được trong năm: - Thứ nhất: Bổ sung thu nhập cho cán bộ,

công chức và người lao động; - Thứ hai: Chi khen thưởng; - Thứ ba: Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể; - Thứ tư: Trích lập Quỹ dự phòng ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức và người lao động Nội dung chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể cụ thể gồm những nội dung nào. Vì khi xây dựng nội dung chi phúc lợi tập thể đưa vào Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị có nội dung chi tham quan, học tập kinh nghiệm, nghĩ dưỡng . cơ quan kiểm tra không đồng ý nội dung này, cho là không đúng quy định theo Thông tư liên tịch 71/2014/TTLT-BTC-BNV và yêu cầu bỏ ra nội dung chi tham quan, học tập kinh nghiệm, nghĩ dưỡng. Việc loại bỏ nội dung chi này có đúng quy định không .Rất mong quý cơ quan quan tâm trả lời sớm để có cơ sở tham mưu chính sách phúc lợi cho tập thể cơ quan.

Trả lời:

Điểm b Khoản 7 Điều 3 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước quy định:

7. Sử dụng kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được:

a) Kết thúc năm ngân sách, sau khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ có số chi thực tế thấp hơn số dự toán được giao về kinh phí thực hiện chế độ tự chủ thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí tiết kiệm.

- Các hoạt động nghiệp vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên giao thực hiện chế độ tự chủ, đã thực hiện xong đầy đủ nhiệm vụ, khối lượng theo dự toán được duyệt, đảm bảo chất lượng thì kinh phí chưa sử dụng hết là khoản kinh phí tiết kiệm.

- Các hoạt động nghiệp vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ nếu không thực hiện nhiệm vụ đã giao, không thực hiện đầy đủ số lượng, khối lượng công việc, hoặc thực hiện không đảm bảo chất lượng thì không được xác định là kinh phí tiết kiệm và phải nộp trả ngân sách nhà nước phần kinh phí không thực hiện; trường hợp nếu được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện (bao gồm cả trường hợp công việc đang thực hiện dở dang) thì được chuyển số dư kinh phí sang năm sau để tiếp tục thực hiện công việc đó và được phân bổ vào kinh phí giao tự chủ của năm

sau; đối với công việc đã thực hiện một phần thì được quyết toán phần kinh phí đã triển khai theo quy định.

b) Kinh phí tiết kiệm được sử dụng cho các nội dung sau:

- Bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức và người lao động;

- Chi khen thưởng: Chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân theo kết quả công việc và thành tích đóng góp ngoài chế độ khen thưởng theo quy định hiện hành của Luật Thi đua khen thưởng;

- Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể: Hỗ trợ các hoạt động đoàn thể; hỗ trợ các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm (kỷ niệm ngày phụ nữ Việt Nam, ngày thương binh liệt sỹ, ngày quân đội nhân dân...), trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất; trợ cấp ăn trưa, chi đồng phục cho cán bộ, công chức và người lao động của cơ quan; trợ cấp hiếu, hỷ, thăm hỏi ốm đau; trợ cấp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; hỗ trợ cho cán bộ, công chức và người lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế; chi khám sức khỏe định kỳ, thuốc y tế trong cơ quan; chi xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi;

- Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức: Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển vào quỹ dự phòng ổn định thu nhập.

c) Thủ trưởng cơ quan thực hiện chế độ tự chủ quyết định phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm nêu trên trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan sau khi đã thống nhất ý kiến bằng văn bản với tổ chức công đoàn cơ quan.

- Điểm b và điểm c Khoản 2 (Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) Điều 6 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 quy định:

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan trực thuộc tổ chức thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo quy định của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của các cơ quan trực thuộc. Có biện pháp giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện hoặc xử lý kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Quý độc giả nghiên cứu các quy định hiện hành, để thực hiện theo quy định; trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định tại điểm b và điểm c Khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV để xem xét giải quyết./.

Câu hỏi 36:

Theo quy định tại điểm c, khoản 5, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài Chính "Trường hợp cuộc Điều tra thống kê có nội dung Điều tra chuyên sâu, phức tạp, không sử dụng Điều tra viên thống kê thuê ngoài mà sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để thực hiện Điều tra thống kê thì được thanh toán không quá 50% mức tiền công thuê Điều tra viên thống kê quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 3 Thông tư này. Đối với trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện Điều tra thống kê ngoài giờ hành chính thì được thanh toán tối đa không quá mức tiền công thuê Điều tra viên thống kê quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 3 Thông tư này và không được thanh toán tiền lương làm ngoài giờ, phụ cấp công tác phí. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện Điều tra thống kê quyết định cử người có chuyên môn nghiệp vụ thống kê, có kinh nghiệm khai thác thông tin tham gia thu thập thông tin Điều tra thống kê, phúc tra phiếu Điều tra thống kê (ngoài nhiệm vụ thường xuyên) theo yêu cầu của phương án Điều tra thống kê.". Như vậy, công chức khi tham gia điều tra trong giờ hành chính thì được thanh toán không quá 50% mức tiền công thuê Điều tra viên thống kê quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 3 Thông tư này. Vậy xin hỏi Bộ Tài chính, ngoài tiền công nêu trên (tiền công trong giờ hành chính) công chức có được thanh toán phụ cấp công tác phí khi được cử tham gia điều tra không?

Trả lời:

Theo quy định tại điểm b và điểm c Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia:

"5. Chi tiền công:

...

b)Trường hợp công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã, phường, thị trấn tham gia rà soát, lập danh sách đơn vị được điều tra thống kê, thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê được chi hỗ trợ bằng 50% mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 Thông tư này;

c) Trường hợp cuộc điều tra thống kê có nội dung điều tra chuyên sâu, phức tạp, không sử dụng điều tra viên thống kê thuê ngoài mà sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để thực hiện điều tra thống kê thì được thanh toán không quá 50% mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 Thông tư này.

Đối với trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thống kê ngoài giờ hành chính thì được thanh toán tối đa không quá mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 Thông tư này và không được thanh toán tiền lương làm ngoài giờ, phụ cấp công tác phí....".

Theo quy định, trường hợp công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã, phường, thị trấn tham gia rà soát, lập danh sách đơn vị được điều tra thống kê, thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê tại điểm b Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC và trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thống kê theo quy định tại điểm c Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC đã được chi hỗ trợ theo quy định tại điểm b, điểm c Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC thì không được thanh toán tiền phụ cấp công tác phí do đi điều tra thống kê.

Câu hỏi 37:

Tôi đang làm việc tại đơn vị hành chính của tỉnh, có nội dung liên quan đến tiền dịch vụ môi trường rừng và kinh phí thực hiện cải cách tiền lương. Tôi có một số nội dung cần được giải đáp như sau: 1. Theo quy định của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, tại khoản 2 Điều 65; Điểm c, d, khoản 3 Điều 70 có nội dung: Số tiền nhận được từ việc cung ứng dịch vụ môi trường rừng (sau khi trừ đi số tiền trả cho bên nhân khoán đối với diện tích có khoán bảo vệ) là nguồn thu của của đơn vị và được chi theo quy định của pháp luật về tài chính áp dụng cho tổ chức đó. Tôi xin hỏi: - Đối với đơn vị sự nghiệp công lập (tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; hoặc do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên) có số thu từ nguồn dịch vụ môi trường rừng

nêu trên, sau khi đã trừ số tiền trả cho bên nhận khoán, phần còn lại là nguồn thu của đơn vị sự nghiệp, nguồn thu này có tính để trích nguồn thực hiện cải cách tiền lương không? - Trường hợp nếu phải trích nguồn cải cách tiền lương, thì có được trừ các khoản chi theo nội dung chi từ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng được để lại đơn vị như nội dung chi quy định tại Điểm c, d, khoản 3 Điều 70 Nghị định 156/2018/NĐ-CP không (Nội dung chi: xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; các hạng mục công trình lâm sinh, các công trình cơ sở kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng; các hoạt động tuần tra, truy quét các điểm nóng, xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng; mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng; lập hồ sơ, xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu, tuyên truyền, vận động, đào tạo, tập huấn, hội nghị và các hoạt động khác phục vụ công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng; chi trả lương và các khoản có tính chất lương đối với các đối tượng không hưởng lương từ nguồn ngân sách Nhà nước và các hoạt động khác phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng).

Trả lời:

a) Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp quy định:

- Khoản 2 Điều 65 quy định về sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (trường hợp chi trả trực tiếp)

2. Trường hợp bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng là tổ chức, tiền thu được từ dịch vụ môi trường rừng, sau khi trừ đi các chi phí hợp lý liên quan đến việc tổ chức thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, bao gồm cả tiền trả cho bên nhận khoán bảo vệ rừng, phần còn lại được hạch toán là nguồn thu của đơn vị và được chi theo quy định của pháp luật về tài chính áp dụng cho tổ chức đó.

- Điểm c, d Khoản 3 Điều 70 quy định về sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (trường hợp chi trả gián tiếp)

c) Chủ rừng là tổ chức không bao gồm điểm b khoản 3 Điều này không khoán bảo vệ rừng hoặc khoán một phần diện tích, toàn bộ số tiền nhận được tương ứng với diện tích rừng tự bảo vệ được sử dụng cho các hoạt động phục vụ công tác quản

lý, bảo vệ rừng của chủ rừng, bao gồm: xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; ...

Số tiền dịch vụ môi trường rừng nhận được cho diện tích chủ rừng tự bảo vệ là nguồn thu của chủ rừng, chủ rừng quản lý theo quy định của pháp luật về tài chính phù hợp với loại hình tổ chức của chủ rừng;

d) Chủ rừng là tổ chức được quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có khoán bảo vệ rừng cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư được trích 10% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng chi trả cho diện tích rừng khoán bảo vệ nêu trên để chi cho công tác quản lý các khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng, gồm: các hạng mục công trình lâm sinh, các công trình cơ sở kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng; ....

Số tiền trích để chi cho công tác quản lý của chủ rừng được coi là nguồn thu của chủ rừng và được quản lý theo quy định pháp luật về tài chính phù hợp với loại hình tổ chức của chủ rừng."

Số tiền còn lại sau khi trích kinh phí quản lý được chủ rừng chi trả cho bên nhận khoán theo quy định tại khoản 3 Điều 69 của Nghị định này."

Căn cứ quy định nêu trên, số tiền trích từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng để chi cho công tác quản lý của chủ rừng được coi là nguồn thu của chủ rừng. Số tiền còn lại sau khi trích kinh phí quản lý, chủ rừng chi trả cho bên nhận khoán. Việc quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính phù hợp với loại hình tổ chức của chủ rừng.

b) Do thông tin độc giả cung cấp chưa nêu rõ đơn vị độc giả đang công tác hoạt động trong lĩnh vực sự nghiệp nào. Vì vậy, Bộ Tài chính hướng dẫn nguyên tắc chung như sau:

- Về cơ chế tự chủ tài chính, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị SNCL trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (Trường hợp được cấp có thẩm quyền phân loại là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác); Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/06/2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (Trường hợp được cấp có thẩm quyền phân loại là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ); Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy,

biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (Trường hợp được cấp có thẩm quyền phân loại là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo; dạy nghề; văn hóa thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí;) và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính (Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP; Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/08/2017 quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập).

- Theo đó, đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên hoặc do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ các nguồn theo quy định, trường hợp còn thiếu, ngân sách nhà nước cấp bổ sung.

b) Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23/07/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/05/2019 và điều chỉnh trợ cấp hang tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/05/2019 của Chính phủ quy định:

- Điểm a Khoản 2 Điều 3 quy định nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 38/2019/NĐ-CP, Nghị định số 44/2019/NĐ-CP trong năm 2019 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó có:

"Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2019; riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%. Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều này."

- Điểm b Khoản 3 Điều 3 quy định:

3. Số thu được để lại theo chế độ quy định tại khoản 1 và 2 Điều này phải bảo đảm nguyên tắc không được trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu trong trường hợp đã được ngân sách nhà nước bảo đảm chi phí cho hoạt động thu. Phạm vi và tỷ lệ trích từ nguồn thu được để lại (trừ các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này), chú ý một số điểm sau:

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

- Đối với số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí): sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí

liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí…

- Đối với số thu dịch vụ, các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác: sử dụng tối thiểu 40% số thu từ các hoạt động trên sau khi trừ các chi phí trực tiếp đã tính vào giá dịch vụ cho các hoạt động này và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Do đó, đề nghị độc giả căn cứ các quy định nêu trên để thực hiện trích lập nguồn thực hiện cải cách tiền lương cho phù hợp.

Câu hỏi 38:

Ông A đang giữ chức vụ Phó Trưởng Ban QL Khu kinh tế tỉnh, đơn vị tự chủ thực hiện theo 117/2013/NĐ-CP năm 2013. Các khoản lương, phụ cấp ông A nhận từ kinh phí của Ban QL Khu kinh tế tỉnh. Ông A đồng thời kiêm nhiệm chức vụ Trưởng Ban QL Cửa khẩu quốc tế là đơn vị sự nghiệp thuộc Ban QL Khu kinh tế tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 141/2016/NĐ-CP. Ban QL Cửa khẩu quốc tế có nguồn thu chủ yếu từ các khoản phí được giữ lại. Vậy ngoài lương, thưởng, tăng thu nhập nhận từ Ban QL Khu kinh tế tỉnh theo nhiệm vụ chính, ông A có được nhận các khoản thưởng, tăng thu nhập từ nguồn tiết kiệm của Ban QL Cửa khẩu quốc tế hay không.

Trả lời:

1. Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 3 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang:

"c) Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức danh lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) nào thì xếp lương chức vụ hoặc hưởng phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó. Nếu một người giữ nhiều chức danh lãnh đạo khác nhau thì xếp lương chức vụ hoặc hưởng phụ cấp chức vụ của chức danh lãnh đạo cao nhất. Nếu kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác mà cơ quan, đơn vị này được bố trí biên chế chuyên trách người đứng đầu thì được hưởng thêm phụ cấp kiêm nhiệm."

2. Quy định cụ thể về điều kiện, nguyên tắc hưởng phụ cấp, mức phụ cấp và cách tính trả được quy định tại Mục II, Mục III Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với

cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác.

Theo đó, trường hợp Ông A đang giữ chức danh lãnh đạo (Phó Trưởng Ban) và thuộc biên chế trả lương của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh nhưng đồng thời kiêm nhiệm chức vụ Trưởng Ban quản lý cửa khẩu quốc tế (là đơn vị sự nghiệp thuộc Ban quản lý khu kinh tế tỉnh) thì Ban quản lý khu kinh tế tỉnh là đơn vị chi trả tiền lương và phụ cấp kiêm nhiệm cho ông A. (nếu đủ điều kiện hưởng phụ cấp kiêm nhiệm).

3. Căn cứ Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (Nghị định 141/2016/NĐ-CP), hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), đơn vị được sử dụng để trích lập quỹ bổ sung thu nhập và quỹ khen thưởng (sau khi đã trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp).

Cơ sở để trích lập Quỹ bổ sung thu nhập căn cứ quỹ tiền lương, ngạch bậc chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công. Mức trích cụ thể theo quy định tại khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 13, Khoản 3 Điều 14 và khoản 3 Điều 15 Nghị định 141 theo mức độ tự chủ tài chính và theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Như vậy, về nguyên tắc, ông A không hưởng lương từ quỹ tiền lương do Ban quản lý cửa khẩu quốc tế tỉnh chi trả, do đó không có cơ sở để chi trả thu nhập tăng thêm từ quỹ bổ sung thu nhập (được tính trên cơ sở quỹ tiền lương của đơn vị).

4. Căn cứ Nghị định 141/2016/NĐ-CP, Quỹ khen thưởng được dùng để thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị (ngoài chế độ khen thưởng theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng) theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Như vậy, việc chi các khoản thưởng cho ông A căn cứ theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp của ông A vào hoạt động của đơn vị và theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Câu hỏi 39:

Tại điểm e khoản 2 điều 6 thông tư số 137/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: khi thực hiện xét duyệt quyết toán năm, cơ quan xét duyệt quyết toán có quyền Yêu cầu Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị được xét duyệt quyết toán mở tài khoản giao dịch điều chỉnh số liệu; thực hiện hủy bỏ số dư kinh phí chuyển sang năm sau sử dụng hoặc thu hồi khoản thanh toán không đúng quy định trong trường hợp kết quả xét duyệt hoặc thẩm định quyết toán của cấp có thẩm quyền khác với số liệu đã xác nhận của Kho bạc Nhà nước. Căn cứ quy định nêu trên, khi thực hiện xét duyệt quyết toán năm 2019 của các đơn vị dự toán, có một số nội dung chi thuộc đối tượng được phép chuyển nguồn sang năm 2020 nhưng đã hết nhiệm vụ chi trong năm 2020 KBNN huyện đã thực hiện chuyển số dư sang năm 2020, nên Phòng Tài chính - Kế hoạch đề nghị KBNN huyện thực hiện hủy bỏ số dư kinh phí chuyển sang năm 2020 trên hệ thống Tabmis, nhưng KBNN huyện nói không thuộc trách nhiệm của KBNN mà thuộc trách nhiệm của cơ quan tài chính. Từ những nội dung nêu trên, kính đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện hủy bỏ số dư kinh phí chuyển sang năm 2020 trên hệ thống Tabmis thuộc trách nhiệm của KBNN huyện hay của cơ quan tài chính, trường hợp của cơ quan tài chính thì đề nghị cách thực hiện trên hệ thống Tabmis.

Trả lời:

a) Theo quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC:

- Điểm e khoản 2 Điều 6 quy định: *"Khi thực hiện xét duyệt QT năm, cơ quan xét duyệt QT có quyền: Yêu cầu KBNN nơi đơn vị được xét duyệt QT mở tài khoản giao dịch điều chỉnh số liệu; thực hiện hủy bỏ số dư kinh phí chuyển sang năm sau sử dụng hoặc thu hồi khoản thanh toán không đúng quy định trong trường hợp kết quả xét duyệt hoặc thẩm định QT của cấp có thẩm quyền khác với số liệu đã xác nhận của KBNN".*

- Điểm d khoản 5 Điều 10 quy định trách nhiệm của KBNN: *"Phối hợp với đơn vị sử dụng ngân sáchđiều chỉnh số liệu kế toán theo văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo kết quả thông báo xét duyệt, thẩm định QT".*

b) Theo quy định tạiKhoản 7 Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của NSNN:

"7. Cơ quan tài chính thực hiện chi chuyển nguồn ngân sách từ năm trước sang năm sau và QTchi theo niên độ ngân sách:

a) Số chi chuyển nguồn sang năm sau chi tiếp theo quy định tại khoản 3, 4 và khoản 5 Điều này;

b) Khoản tăng thu, tiết kiệm chi NS đã có phương án sử dụng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

c) Căn cứ các nhiệm vụ và tổng số kinh phí được chuyển sang NS năm sau theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan tài chính, UBND cấp xã (đối với ngân sách cấp xã) có văn bản gửi KBNNnơi giao dịch để KBNNhạch toán thu, chi chuyển nguồn sang năm sau theo quy định".

Do đó, căn cứ vào kết quả xét duyệt QT của cấp có thẩm quyền và yêu cầu của cơ quan xét duyệt QT (theo Điều 6 thông tư số 137/2017/TT-BTC) hoặc cơ quan tài chính (theo tại Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC), cơ quan KBNN có trách nhiệm hủy bỏ số dư kinh phí chuyển sang năm 2020 (bao gồm cả việc hủy số dư trên hệ thống Tabmis theo hướng dẫn tại Khoản 3 Mục III Phần B công văn số 15602/BTC-KBNN hướng dẫn kế toán giảm trừ dự toán theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền, chuyên viên kiểm soát chi KBNN thực hiện thu hồi dự toán cấp 4 trên TABMIS theo quy định).

Theo công văn số 4681/KBNN-KTNN ngày 27/8/2020 của KBNN, trên thực tế qua rà soát, tại thời điểm tháng 02/2020, KBNN Krông Nô đã thực hiện hủy dự toán đối với các nhiệm vụ không được chuyển nguồn sang năm sau và thực hiện chuyển nguồn đối với các nhiệm vụ được chuyển sang năm sau theo quy định. Tuy nhiên, tại các Thông báo xét duyệt QT năm 2019 *(sau thời điểm chuyển nguồn nói trên)*, Phòng Tài chính đã đề nghị đơn vị hủy dự toán năm 2019 do hết nhiệm vụ chi và đề nghị KBNN hủy số đã chuyển nguồn sang năm sau của các nhiệm vụ này. Vì vậy, KBNN Krông Nô đã thực hiện hủy bút toán chuyển nguồn sang năm 2020 theo quyết định của cơ quan tài chính tại Thông báo xét duyệt QT.

Sau khi KBNN Krông Nô thực hiện hủy chuyển nguồn từ năm 2019 sang năm 2020, Phòng Tài chính căn cứ quyết định hủy dự toán đã chuyển nguồn do hết nhiệm vụ chi trong Thông báo xét duyệt QT để thực hiện điều chỉnh dự toán *(điều chỉnh giảm dự toán đã giao cho các đơn vị được chuyển nguồn nhưng không còn nhiệm vụ chi)*, theo quy định về trách nhiệm của cơ quan tài chính cấp tỉnh, huyện nêu tại Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/08/2014 về hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý NS và kho bạc

(TABMIS): "*Căn cứ vào quyết định giao dự toán, quyết định điều chỉnh dự toán thực hiện nhập, phê duyệt phân bổ và điều chỉnh dự toán của các đơn vị trong phạm vi quản lý theo quy định của Chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS và quy trình nghiệp*

Câu hỏi 40:

Hiện tôi đang công tác tại Ban Quản lý dự án trực thuộc tỉnh. Theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 quy định đối tượng được hưởng thu nhập tăng thêm là lao động hợp đồng 01 năm trở lên. Đơn vị tôi có 1 trường hợp người lao động ký hợp đồng thử việc 1 năm bắt đầu từ tháng 03/2019, hết 1 năm thử việc tiếp tục ký hợp đồng lao động 1 năm vào thời điểm tháng 3/2020. Vậy Bộ tài chính cho tôi hỏi người này có được hưởng thu nhập tăng thêm không và được hưởng từ thời điểm nào? Mong Bộ Tài chính quan tâm, trả lời.

Trả lời:

1. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/07/2017 quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn NSNN và Thông tư số 62/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC, trong đó đã quy định cụ thể phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dung (Điều 1) và phân nhóm đối tượng quản lý (Điều 4).

Tại Điều 1 Thông tư số 62/2019/TT-BTC đã quy định về chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động như sau:

- Khoản 7 sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 13 như sau:

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

a) Chi thu nhập tăng thêm:

- Trong phạm vi nguồn kinh phí tiết kiệm được, chủ đầu tư, BQLDA xác định hệ số tăng thêm quỹ tiền lương tối đa 1,0 (một) lần so với tiền lương ngạch, bậc, chức vụ do nhà nước quy định để chi trả thu nhập tăng thêm cho các đối tượng hưởng lương từ chi phí quản lý dự án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Thông tư số 72/2017/TT-BTC .

- Việc chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động đảm bảo nguyên tắc gắn với khối lượng, nhiệm vụ công việc được giao, mức độ hoàn thành công việc, bảo đảm thu hút được lao động có trình độ cao và tương quan hợp lý với tiền lương của cán bộ, công chức trong cùng đơn vị.

- Khoản 12 sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

"b) Chi bổ sung thu nhập (thu nhập tăng thêm) cho người lao động hưởng lương từ chi phí quản lý dự án (gồm: cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng tiền lương từ chi phí quản lý dự án) trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập (thu nhập tăng thêm) cho người lao động hưởng lương từ chi phí quản lý dự án năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm."

Do đó, đề nghị độc giả căn cứ vào Thông tư số 72/2017/TT-BTC để xác định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, phân nhóm đối tượng quản lý. Trường hợp đơn vị của độc giả thuộc nhóm, đối tượng, phân nhóm đối tượng quản lý của Thông tư số 72/2017/TT-BTC và Thông tư số 06/2016/TT-BTC thì áp dung quy định về chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Về quy định tại tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị SNCL trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (Nghị định số 141/2016/NĐ-CP), Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác: việc phân phối kết quả tài chính trong năm, trong đó có Quỹ bổ sung thu nhập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017.

Cơ sở trích lập các Quỹ và chi trả thu nhập tăng thêm: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 7 của Thông tư số145/2017/TT-BTC:

"Điều 7. Phân phối kết quả tài chính trong năm

2. Đối với Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi, mức trích tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công bình quân thực hiện trong năm của đơn vị.

Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ làm cơ sở để tính trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi trong năm của đơn vị, bao gồm:

- Tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp: Tính trên cơ sở hệ số lương, hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) do Nhà nước quy định của số lượng người làm việc trong đơn vị theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ và mức tiền lương cơ sở do Chính phủ quy định; ***tiền lương của lao động hợp đồng từ 1 năm trở lên.***

- Tiền lương tăng thêm do nâng bậc lương theo niên hạn và nâng bậc lương trước thời hạn của đơn vị theo quy định (nếu có).

3. Đối với Quỹ bổ sung thu nhập

a) Cơ sở tính trích lập Quỹ bổ sung thu nhập căn cứ quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Về thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm

Căn cứ dự toán thu, chi của năm; kết quả hoạt động tài chính quý trước (trong trường hợp quý đầu tiên của năm kế hoạch, đơn vị căn cứ vào kết quả hoạt động tài chính của quý IV năm trước liền kề), nhằm động viên kịp thời người lao động phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, đơn vị tự xác định chênh lệch thu, chi thường xuyên, thực hiện tạm trích Quỹ bổ sung thu nhập hàng quý (tối đa không vượt quá 70% số chênh lệnh thu lớn hơn chi đơn vị xác định được theo quý) để ***chi thu nhập tăng thêm cho từng người lao động hàng tháng theo quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị****…".*

4. Đối với Quỹ khác chỉ được trích lập khi pháp luật chuyên ngành lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác quy định cho phép đơn vị được trích lập, mức trích lập quỹ và sử dụng quỹ theo quy định của pháp luật chuyên ngành; trường hợp không quy định, đơn vị không được trích lập."

Theo quy định nêu trên, cơ sở để trích lập Quỹ bổ sung thu nhập căn cứ quỹ tiền lương, ngạch bậc chức vụ và các khoản phụ cấp, trong đó bao gồm tiền lương của lao động hợp đồng từ 1 năm trở lên; do đó việc chi trả thu nhập tăng thêm từ Quỹ bổ sung thu nhập bao gồm cả lao động hợp đồng từ 1 năm trở lên; ngoài ra còn căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Câu hỏi 41:

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; Căn cứ văn bản số

7078/BTC-KBNN ngày 30/5/2017 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Mục lục NSNN. Kính trình Bộ Tài chính hướng dẫn, giải đáp giúp về hạch toán nguồn tài trợ trong nước : Các cơ sở giáo dục là trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông… được các mạnh thường quân, doanh nghiệp trong nước tài trợ bằng tiền mặt cho trường chỉ dưới 100 triệu đồng. Các cơ sở giáo dục đã hạch toán vào nguồn khác theo mục lục ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư /324/2016/TT-BTC và văn bản số 7078/BTC-KBNN ngày 30/5/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Mục lục NSNN. Các cơ sở giáo dục ã hạch toán và phản ảnh đầy đủ vào báo cáo quyết toán ngân sách, báo cáo tài chính theo chế độ kế toán quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp Khi hạch toán: Phản ảnh vào chương Loại khoản của cấp học (nguồn hoạt động kah1c được để lại: Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ) Cụ thể: cấp Tiểu học thì phản ảnh vảo Chương 422 – 072, THCS thì phản ảnh vào Chương 422-073 và THPT là Chương 422-074 (đồng thời hạch toán ghi vào tài khoản 0182) Tuy nhiên có ý kiến chỉ đạo là không phản ảnh vào mã khoản 072, 073, 074 của từng cấp học mà phải đưa vào Chương 422, loại 400, khoản 429 Kính trình Bộ Tài chính xem xét, sớm hướng dẫn trong thời gian sớm nhất để giúp địa phương thực hiện.

Trả lời:

Theo nội dung bạn đọc hỏi nêu trên không thuộc phạm vi quy định tại Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước mà theo quy định tại các văn bản có liên quan đối với quản lý và sử dụng nguồn kinh phí tài trợ cho các cơ sở giáo dục. Cụ thể: 1. Theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân:

*"1. Các khoản tài trợ phải được tổng hợp kịp thời vào **báo cáo quyết toán thu, chi tài chính** theo kỳ và **báo cáo quyết toán tài chính** hàng năm theo quy định của Pháp luật.*

2. Đơn vị dự toán cấp trên có trách nhiệm thẩm tra, xét duyệt quyết toán đối với khoản tài trợ của đơn vị dự toán cấp dưới.3. Cơ sở giáo dục sử dụng tài trợ phải công khai nội dung báo cáo tài chính năm và công khai quyết toán thu, chi tài chính

*năm đối với các khoản tài trợ ..."*Như vậy, theo quy định nêu trên, đối với các khoản tài trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được tổng hợp kịp thời vào báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp luật. Đơn vị dự toán cấp trên có trách nhiệm thẩm tra, xét duyệt quyết toán đối với khoản tài trợ của đơn vị dự toán cấp dưới. 2. Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm:

" Đơn vị sử dụng ngân sách lập và gửi báo cáo cho đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp, hoặc gửi cơ quan tài chính cung cấp (trường hợp không có đơn vị dự toán cấp trên):Báo cáo quyết toán năm phục vụ cho việc xét duyệt và thông báo quyết toán năm; báo cáo tài chính năm phục vụ cho việc đối chiếu, kiểm tra số liệu, thông tin khác: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 107/2017/TT-BTC)."

Theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC:

- Báo cáo quyết toán được lập đối với các nguồn kinh phí theo quy định phải báo cáo quyết toán gồm: Nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả ODA và viện trợ), nguồn phí được để lại và nguồn hoạt động khác được để lại.

- Nguồn thu hoạt động khác để lại cho đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán (hoặc không được giao dự toán) và phải thực hiện quyết toán chi tiêu theo dự toán và mục lục ngân sách nhà nước với cơ quan có thẩm quyền. Do đó, theo quy định tại các Thông tư nêu trên nguồn kinh phí tài trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân hạch toán vào nguồn hoạt động khác được để lại và tổng hợp báo cáo quyết toán theo loại khoản tương ứng của từng cấp học (Ví dụ: Giáo dục mầm non hạch toán vào loại 070 Khoản 071..., giáo dục THPT vào loại 070 Khoản 074 ...) và chi tiết theo mục lục ngân sách nhà nước gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp, hoặc gửi cơ quan tài chính cùng cấp (trường hợp không có đơn vị dự toán cấp trên). Đơn vị dự toán cấp trên có trách nhiệm thẩm tra, xét duyệt quyết toán đối với khoản tài trợ của đơn vị dự toán cấp dưới.

Câu số 42:

Theo thông tư 125/2014/TTLT-BTC-BGDDT ngày 27/08/2014 Thông tư liên tịch của Bộ Tài Chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn nội dung,

mức chi cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và thường xuyên (vẫn còn hiệu lực). Tại khoản 2 điều 2. Chi điều tra, thu thập thông tin, xử lý, phân tích kết quả thu thập thông tin, minh chứng, mã hóa minh chứng, viết báo cáo tự đánh giá và các tài liệu liên quan: Thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê tuy nhiên TT58/2011/TT-BTC đã hết hiệu lực được thay thế bằng thông tư 109/2016/TT-BTC vậy xin quý bộ cho biết việc thanh toán kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện theo văn bản nào nào là phù hợp? Nếu chi theo TT109 thì các nội dung chi tại khoản 2 điều 2 thông tư 125/2014 được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

1. Khoản 2 điều 2 Thông tư liên tịch số 125/2014/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27/08/2014 của Liên Bộ Tài Chính - Bộ GD&ĐT hướng dẫn nội dung, mức chi cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và thường xuyên quy định về việc "Chi điều tra, thu thập thông tin, xử lý, phân tích kết quả thu thập thông tin, minh chứng, mã hóa minh chứng, viết báo cáo tự đánh giá và các tài liệu liên quan": Thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê".

Do Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 đã được thay thế bởi Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia (Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016), nên nội dung "Chi điều tra, thu thập thông tin, xử lý, phân tích kết quả thu thập thông tin, minh chứng, mã hóa minh chứng, viết báo cáo tự đánh giá và các tài liệu liên quan" quy định tại Khoản 2 điều 2 Thông tư liên tịch số 125/2014/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27/08/2014 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016.

2. Cách thức thực hiện các nội dung chi quy định tại Khoản 2 điều 2 Thông tư liên tịch số 125/2014/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27/08/2014 theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016: rà soát, đối chiếu các nội dung chi quy định tại Khoản 2 điều 2 Thông tư liên tịch số 125/2014/TTLT-BTC-BGDĐT để áp dụng các nội dung chi và mức chi tương ứng quy định tại Thông tư số

109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 và sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp được cơ quan có thẩm quyền giao để tổ chức thực hiện.

Câu hỏi 43:

Tôi là kế toán tại Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, là tổ chức khoa học công nghệ công lập trong lĩnh vực lâm nghiệp. chúng tôi hoạt động theo giấy phép khoa học công nghệ và có thực hiện cung cấp cây giống lâm nghiệp, hạt giống cây lâm nghiệp theo đúng chức năng nhiệm vụ. Theo quy định tại khoản 2, điều 4, thông tư 2019/2018/TT-BTC"Sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng, bao gồm trứng giống, con giống, cây giống, hạt giống, cành giống, củ giống, tinh dịch, phôi, vật liệu di truyền ở các khâu nuôi trồng, nhập khẩu và kinh doanh thương mại. Sản phẩm giống vật nuôi, giống cây trồng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT là sản phẩm do các cơ sở nhập khẩu, kinh doanh thương mại có giấy đăng ký kinh doanh giống vật nuôi, giống cây trồng do cơ quan quản lý nhà nước cấp. Đối với sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng thuộc loại Nhà nước ban hành tiêu chuẩn, chất lượng phải đáp ứng các điều kiện do nhà nước quy định." vậy trong trường hợp cơ quan tôi được cấp mã số thuế theo giấy chứng nhận đăng ký khoa học công nghệ chứ không có giấy đăng ký kinh doanh thì sản phẩm cây giống, hạt giống đơn vị thu hái, trồng hoặc nhập khẩu có phải là đối tượng không chịu thuế GTGT hay đối tượng phải chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10%? Rất mong nhận được giải đáp từ Bộ Tài chính.

Trả lời:

- Tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 5 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 quy định:

"Điều 5. Đối tượng không chịu thuế

1. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

2. Sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng, bao gồm trứng giống, con giống, cây giống, hạt giống, tinh dịch, phôi, vật liệu di truyền."

- Tại Điều 36 Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/3/2004 quy định:

"Điều 36. Điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng chính

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng chính với mục đích thương mại phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về lĩnh vực giống cây trồng;

b) Có địa điểm sản xuất giống cây trồng phù hợp với quy hoạch của ngành Nông

nghiệp, ngành Thuỷ sản và phù hợp với yêu cầu sản xuất của từng loại giống, từng cấp giống; bảo đảm tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và pháp luật về thuỷ sản;

c) Có cơ sở vật chất và trang, thiết bị kỹ thuật phù hợp với quy trình kỹ thuật sản xuất từng loại giống, từng cấp giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản ban hành;

d) Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật đã được đào tạo về kỹ thuật trồng trọt, nuôi trồng thuỷ sản, bảo vệ thực vật.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh giống cây trồng chính phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong đó có mặt hàng về giống cây trồng; b) Có địa điểm kinh doanh và cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với việc kinh doanh từng loại giống, từng cấp giống;

c) Có nhân viên kỹ thuật đủ năng lực nhận biết loại giống kinh doanh và nắm vững kỹ thuật bảo quản giống cây trồng;

d) Có hoặc thuê nhân viên kiểm nghiệm, thiết bị kiểm nghiệm chất lượng các loại giống kinh doanh.

..."

+ Tại Điều 22 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội (**có hiệu lực thi hành từ từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 thay thế Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11**) quy định:

"Điều 22. Điều kiện của tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán giống cây trồng

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có giống cây trồng hoặc được ủy quyền của tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc đã tự công bố lưu hành giống cây trồng;

b) Có hoặc thuê địa điểm, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị theo tiêu chuẩn quốc gia về phương pháp sản xuất giống cây trồng; trường hợp không có tiêu chuẩn quốc gia thì áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.

2. Tổ chức, cá nhân buôn bán giống cây trồng phải có địa điểm giao dịch hợp pháp và bảo đảm truy xuất nguồn gốc lô giống cây trồng.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này."

- Tại Điều 8 Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ (**có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2020**) quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác:

"Điều 8. Quy định chi tiết điều kiện về sản xuất, buôn bán giống cây trồng:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán giống cây trồng phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 22 của Luật Trồng trọt và một số quy định chi tiết sau đây:

1. Trước khi buôn bán giống cây trồng, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gửi thông báo qua thư điện tử hoặc gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi buôn bán giống cây trồng các thông tin sau: Địa chỉ giao dịch, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện hợp pháp, điện thoại liên hệ để đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Tổ chức, cá nhân buôn bán giống cây trồng phải có hồ sơ bảo đảm truy xuất nguồn gốc lô giống cây trồng, gồm: Thông tin về hợp đồng, hóa đơn mua bán lô giống; hồ sơ chất lượng lô giống, nhãn phù hợp quy định tại Điều 10 Nghị định này.

Đối với giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm phải có thêm thông tin về nguồn vật liệu nhân giống đã sử dụng, tiêu chuẩn công bố áp dụng, số lượng cây, thời gian giao nhận cây."

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp đơn vị của Độc giả đáp ứng các điều kiện của tổ chức sản xuất, buôn bán giống cây trồng theo quy định của pháp luật thì sản phẩm cây giống, hạt giống do đơn vị của Độc giả nuôi trồng, nhập khẩu và kinh doanh thương mại thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Đề nghị Độc giả căn cứ vào tình hình thực tế và đối chiếu với các quy định tại văn bản pháp luật nêu trên để thực hiện theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu còn **vướng mắc về chính sách thuế**, đề nghị Độc giả liên hệ cơ quan Thuế quản lý trực tiếp để được giải đáp.

Câu hỏi 44:

Thông tư 26/2018/TT-BTC Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020. Tại điều 7, khoản 1, điểm h) Chi phí khám sức khỏe tiền hôn nhân theo chuyên môn môn y tế do Bộ trưởng Bộ y tế quy định: - Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại vùng nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc đioxin; (Vậy làm sao để phân biệt vùng có nguy cơ cao theo quy định???)

Trả lời:

Điểm c Khoản 6 Điều 1 Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số quy định một trong những nội dung của hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình là *"hỗ trợ người nghèo, người cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc dioxin thực hiện dịch vụ sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh, dịch vụ khám sức khỏe tiền hôn nhân".*

Căn cứ quy định tại Quyết định số 1125/QĐ-TTg nêu trên, tại Điểm h Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 quy định: *"Chi khám sức khỏe tiền hôn nhân theo chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định: - Đối tượng hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại các vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc ddioxxin...".*

Vì vậy, việc xác định vùng có nguy cơ cao liên quan đến chuyên môn y tế; đề nghị độc giả gửi câu hỏi đến Bộ Y tế để được hướng dẫn.

Câu hỏi 45:

Đơn vị tôi là đơn vị Thanh tra cấp tỉnh. Theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 6 Thông tư liên tịch số 90/2012/TTLT-BTC-TTCP ngày 30/5/2012 của Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ Quy định việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi và phát hiện qua

công tác thanh tra đã thực nộp vào NSNN, "Khoản kinh phí được trích từ nguồn thu hồi phát hiện qua thanh tra được phân bổ vào kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ". Tuy nhiên, Thông tư số 327/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư số 90/2012/TTLT-BTC-TTCP thì không quy định rõ khoản kinh phí được trích trên được phân bổ vào kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ hay không tự chủ. Vậy xin cho hỏi khoản kinh phí được trích từ nguồn thu hồi phát hiện qua thanh tra được phân bổ vào nguồn nào là đúng quy định?

Trả lời:

1. Về kinh phí được trích của cơ quan thanh tra:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 327/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước thì việc sử dụng, quyết toán kinh phí được trích trên số đã thực nộp vào ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Về cơ chế tự chủ đối với cơ quan hành chính:

Ngày 17/10/2005 Chính phủ ban hành Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; trong đó có quy định chi tiết việc xác định kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ và kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ.

Do vậy, cơ quan thanh tra phân bổ vào kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ hay không thực hiện chế độ tự chủ phải phù hợp với quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ; nội dung chi tại Điều 5 Thông tư số 327/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính.

Đề nghị Quý độc giả nghiên cứu Thông tư số 327/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành để thực hiện theo quy định.

Câu hỏi 46:

Tôi có câu hỏi liên quan đến Quỹ Thi đua - Khen thưởng cấp huyện, cụ thể: Tại Điều 5 Thông tư 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 05 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng được trích lập theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng nêu: "rút dự toán ngân sách để trích Quỹ thi đua, khen thưởng theo mức trích quy định tại Điều 3 Thông tư này, các cơ quan, đơn vị hạch toán vào tiểu mục 7764 (chi lập quỹ khen thưởng theo chế độ quy định), mục 7750 (chi khác)...Cuối năm Quỹ thi đua, khen thưởng còn dư không sử dụng hết được chuyển năm sau để tiếp tục sử dụng cho công tác thi đua, khen thưởng". Như vậy, khi Ủy ban nhân dân Quận cấp Quỹ Thi đua - Khen thưởng (kinh phí không tự chủ) cấp huyện về Phòng Nội vụ cấp huyện (cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện), Phòng Nội vụ Quân thực hiện trích lập vào tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện chi theo quy định. Tuy nhiên, Thông tư 71/2011/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định 42/2010/NĐ-CP, Nghị định 42/2010/NĐ-CP đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Nghị định 91/2017/NĐ-CP. Như vậy Thông tư 71/2011/TT-BTC đã hết hiệu lực thi hành. Như vậy, Phòng Nội vụ cấp huyện có thực hiện trích lập quỹ thi đua khen thưởng vào tài khoản tiền gửi không và quỹ thi đua khen thưởng cuối năm còn thừa có được tiếp tục chuyển sang năm sau sử dụng hay không (nếu không thực hiện trích lập, Quỹ thi đua khen thưởng cấp huyện là kinh phí không tự chủ, kết thúc năm ngân sách Kho bạc Nhà nước sẽ thực hiện hủy dự toán). Nếu trích lập thì sẽ trích lập vào tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước (3711 tiền gửi dự toán hay 3713 tiền gửi khác).

Trả lời:

a) Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/3/2020 bãi bỏ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

b) Việc trích Quỹ thi đua khen thưởng các cấp thực hiện theo quy định Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn:

b.1) Điều 67 (Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng) Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng:

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng phối hợp với cơ quan tài chính cấp đó quản lý. Đối với cấp tỉnh, nguồn kinh phí chi cho công tác thi đua, khen thưởng do Ban Thi đua - Khen thưởng của tỉnh phối hợp với cơ quan tài chính cấp tỉnh quản lý và sử dụng theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

1. Thủ trưởng cơ quan các cấp chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc biên chế, quỹ lương do cấp mình quản lý và hạch toán chi theo quy định.

Các tập thể, cá nhân thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng thì bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương đó có trách nhiệm chi thưởng từ ngân sách nhà nước của cấp mình và hạch toán chi thành mục riêng.

b.2) Điểm 4 Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 6 như sau

"1. Xác định kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

a) Kinh phí quản lý hành chính giao cho các cơ quan thực hiện chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm được xác định và giao hàng năm bao gồm:

- Khoán quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; trường hợp cơ quan chưa được phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thì thực hiện khoán quỹ tiền lương trên cơ sở biên chế được giao năm 2013;

- Khoán chi hoạt động thường xuyên theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức và định mức phân bổ ngân sách nhà nước hiện hành; trường hợp cơ quan chưa được phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thì thực hiện khoán theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2013;

- Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên (trừ mua sắm, sửa chữa theo đề án);

- Chi hoạt động nghiệp vụ đặc thù thường xuyên đã xác định được khối lượng công việc và theo tiêu chuẩn, chế độ định mức quy định của cơ quan có thẩm quyền.

b.3) Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017: *Định mức phân bổ ngân sách bao gồm các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin tuyên truyền, liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng.*

* Như vậy, kinh phí khen thưởng của cơ quan, đơn vị hành chính thực hiện phân bổ vào kinh phí tự chủ; cuối năm không sử dụng hết được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn.

Việc hạch toán kinh phí khen thưởng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định Hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước đã quy định cụ thể hạ

Câu hỏi 48:

Tôi đang công tác tại Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Ba Tơ, tôi xin hỏi Bộ Tài chính nội dung sau: Tại điểm a Khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL, ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", có quy định chi thù lao họp cho thành viên Ban Chỉ đạo phong trào các cấp. Vậy, mức chi thù lao họp cho thành viên Ban Chỉ đạo phong trào được xác định như thế nào?

Trả lời:

- Khoản 8 Điều 5 Thông tư liên tịch số 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL quy định: "*Đối với các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến thực hiện phong trào nhưng chưa có quy định hướng dẫn định mức chi thực hiện theo chi phí thực tế phát sinh trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp, được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm*".

- Theo quy định tại Điểm h Khoản 9 Điều 30 Luật ngân sách nhà nước thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền hạn: "*Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực*

hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương;

Đồng thời, theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước quy định về quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: "*quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp*".

Vì vậy, đối với các nội dung chi chưa có quy định mức chi do Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật NSNN, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP và các quy định có liên quan.

Câu hỏi 49:

Về công khai tài chính: Công khai NS theo TT 61/2017/TT-BTC và TT90/2018/TT-BTC, thì các đơn vị sự nghiệp đã được giao tự chủ chi thường xuyên và không có nguồn thu phí,lệ phí (nguồn thu chính là thu dịch vụ khám chữa bệnh) thì có phải thực hiện công khai Ngân sách không, nếu có thì dùng biểu mẫu nào? Và nếu không thì có quy định nào về công khai đối với các đơn vị này không?

Trả lời:

Tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung Thông tư 61 quy định các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ công khai số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí và kinh phí ngân sách nhà nước.

Đối với dịch vụ khám chữa bệnh không thuộc danh mục phí theo quy định tại Luật Phí, lệ phí nên không thuộc phạm vi công khai theo quy định nêu trên và

thực hiện quyết toán theo quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

Câu hỏi 50:

Cơ quan tôi là đơn vị quản lý nhà nước; Hiện nay đang thực hiện hỗ trợ cho hợp tác xã kinh phí để mua sắm máy móc chế biến sản phẩm nông nghiệp trong đó nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. 50% kinh phí còn lại do hợp tác xã đối ứng. Tổng kinh phí mua sắm máy móc là 1 tỷ đồng trong đó nhà nước hỗ trợ 500 triệu đồng, hợp tác xã đối ứng 500 triệu đồng. Xin hỏi: Việc mua sắm máy móc có phải tổ chức đấu thầu theo quy định tại thông tư 58/2016/TT-BTC hay không? Có thể hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho hợp tác xã tự mua sắm máy móc và xuất hóa đơn giá trị gia tăng lại cho cơ quan hay không? Trình tự thực hiện được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?

Trả lời:

1. Tại Điều 1 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/03/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị-xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp quy định về đối tượng áp dụng:

"*Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức khoa học và công nghệ công lập (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) khi* ***sử dụng vốn nhà nước theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư này để mua sắm tài sản, hàng hóa****, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên."*

Theo nội dung câu hỏi của độc giả, hiện nay đơn vị đang thực hiện hỗ trợ cho hợp tác xã kinh phí để mua sắm máy móc chế biến sản phẩm nông nghiệp; hợp tác xã không thuộc đối tượng áp dụng theo Điều 1 Thông tư số 58/2016/TT-BTC nêu trên, do vậy trường hợp mua sắm máy móc theo nội dung câu hỏi của độc gia không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư số 58/2016/TT-BTC.

2. Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/05/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 quy định:

- Khoản 2 Điều 1 quy định đối tượng áp dụng Thông tư:

"Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình."

- Điều 50 quy định nguồn kinh phí thực hiện chương trình gồm:

"1. Ngân sách trung ương:...; 2. Ngân sách địa phương...; 3. Nguồn huy động, đóng góp của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác."

- Khoản 3 Điều 51 quy định việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình:

"3. ***Việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ, duy tu, bảo dưỡng thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn****. Đối với các hoạt động, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị được giao dự toán ký hợp đồng đặt hàng các cơ quan, đơn vị khác thực hiện, chứng từ làm căn cứ thanh, quyết toán được lưu tại cơ quan, đơn vị được giao dự toán gồm: Hợp đồng (kèm theo dự toán chi tiết được cơ quan chủ trì phê duyệt), biên bản nghiệm thu công việc, biên bản thanh lý hợp đồng, báo cáo quyết toán kinh phí của cơ quan, đơn vị thực hiện hợp đồng ký kết, uỷ nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác. Các hoá đơn, chứng từ chi tiêu cụ thể do cơ quan trực tiếp thực hiện hợp đồng lưu giữ."*

Theo đó, đơn vị độc giả công tác hỗ trợ kinh phí cho hợp tác xã từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư số 43/2017/TT-BTC để mua sắm máy móc thiết bị thì thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn.

Câu hỏi 51:

Hiện nay, đơn vị tôi là cơ quan hành chính nhà nước tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP, có khoản thu phí sát hạch giấy phép lái xe ô tô. Đơn vị tôi được bố trí định mức chi thường xuyên quản lý hành chính trên cơ sở

số biên chế được giao là 23 triệu đồng/ người như các cơ quan hành chính khác không có thu phí (Theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức phân bổ chi thường xuyên giai đoạn 2017-2020). Tuy nhiên, theo quy định Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định "1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước. Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động bao gồm: a) Cơ quan thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. b) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. c) Cơ quan công an, quốc phòng được giao cung cấp dịch vụ, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí theo quy định của Luật phí và lệ phí." Vậy xin hỏi Bộ Tài chính đơn vị của Tôi có phải giảm trừ chi thường xuyên do thực hiện khấu trừ khoản thu phí sát hạch giấy phép lái xe ô tô ?

Trả lời:

- Theo Điểm b Khoản 1 Điều 5 Luật Ngân sách nhà nước: *Toàn bộ các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;*

- Theo Khoản 2 Điều 4 Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước nắm 2017: *... Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành định mức phân bổ chi ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước để làm căn cứ xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách ở địa phương năm 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 – 2020...*

Ngày 15/12/2016, Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông có ban hành Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự

toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2017. Theo đó, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên quản lý hành chính nhà nước đối với cơ quan quản lý nhà nước tỉnh có biên chế thứ 46 đến 65 là 23 triệu đồng/biên chế/năm. Tuy nhiên, Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Nông chưa nêu rõ nội dung định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên quản lý hành chính nhà nước của đơn vị đã có nhiệm vụ sát hạch giấy phép lái xe ô tô hay chưa.

Do Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông là cơ quan tham mưu báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách; vì vậy, đề nghị độc giả gửi câu hỏi đến Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông để làm rõ nội dung định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của đơn vị đã có nhiệm vụ chi sát hạch giấy phép lái xe ô tô hay chưa./.

Câu hỏi 52:

Tôi có một vấn đề chưa hiểu về kinh phí chi trả Dịch vụ môi trường rừng như sau: 1. Theo quy định tại khoản 6, Điều 1, Nghị định 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 quy định: "c) Số tiền còn lại để chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng được sử dụng như sau: Chủ rừng là tổ chức được coi là nguồn thu của chủ rừng và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về tài chính phù hợp đối với từng loại hình tổ chức. Trường hợp chủ rừng có thực hiện khoán bảo vệ rừng, chủ rừng được sử dụng không quá 10% tổng số tiền thu được từ dịch vụ môi trường rừng trên diện tích khoán bảo vệ rừng để thực hiện công tác quản lý, tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục môi trường; số tiền còn lại phải thanh toán cho hộ nhận khoán." 2. Theo quy định tại khoản 4, Điều 3, Thông tư 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018 quy định: "b) Chủ rừng là tổ chức không khoán bảo vệ rừng hoặc khoán một phần diện tích, phần diện diện tích còn lại chủ rừng tự bảo vệ thì toàn bộ số tiền nhận được tương ứng với diện tích rừng tự bảo vệ được coi là nguồn thu của chủ rừng, được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về tài chính phù hợp đối với từng loại hình tổ chức. .... c) Trường hợp chủ rừng là tổ chức có khoán bảo vệ rừng được trích không quá 10% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng chi trả cho diện tích rừng khoán bảo vệ nêu trên để chi cho công tác quản lý các khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng, gồm: lập hồ sơ, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu, tổ

chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục môi trường, vận động, đào tạo, tập huấn, hội nghị và các hoạt động khác phục vụ công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng. Đối với người tham gia thực hiện chi trả, tùy theo tình hình tài chính của đơn vị, chủ rừng quy định mức bồi dưỡng và trả tiền bồi dưỡng từ nguồn kinh phí quản lý. Số tiền còn lại sau khi trích kinh phí quản lý được chủ rừng chi trả cho bên nhận khoán theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" Đơn vị tôi là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, là chủ rừng đối với diện tích chi trả dịch vụ môi trường rừng. Chúng tôi có khoán 1 phần diện tích chi trả dịch vụ môi trường rừng và tự bảo vệ phần còn lại. Cho tôi hỏi về hạch toán trong năm 2018 (giai đoạn Thông tư 04/2018/TT-BTC có hiệu lực): 1. Khi nhận thông báo của Quỹ Bảo vệ rừng tỉnh đối với toàn bộ diện tích chi trả dịch vụ môi trường rừng (phần khoán và tự bảo vệ) thì hạch toán như thế nào? 2. Phần kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng khi nhận thông báo từ Quỹ cho diện tích giao khoán có phải là nguồn thu của đơn vị không và hạch toán như thế nào? 3. Nếu kinh phí nhận từ Quỹ cho diện tích giao khoán không phải là nguồn thu của đơn vị thì đơn vị hạch toán như thế nào? Việc trích 10% chi phí quản lý từ số tiền giao khoán được hạch toán như thế nào? Xin cảm ơn và mong sớm nhận được câu trả lời để chúng tôi điều chỉnh Báo cáo tài chính năm 2018 đúng quy định!

Trả lời:

a) Tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 của chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, sửa đổi bổ sung điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP như sau:

"c) Số tiền còn lại để chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng được sử dụng như sau: Chủ rừng là tổ chức được coi là nguồn thu của chủ rừng và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về tài chính phù hợp đối với từng loại hình tổ chức. Trường hợp chủ rừng có thực hiện khoán bảo vệ rừng, chủ rừng được sử dụng không quá 10% tổng số tiền thu được từ dịch vụ môi trường rừng trên diện tích khoán bảo vệ rừng để thực hiện công tác quản lý, tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục môi trường; số tiền còn lại phải thanh toán cho hộ nhận khoán".

- Điểm b, điểm c Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng quy định việc sử dụng tiền đối với chủ rừng:

b) Chủ rừng là tổ chức không khoán bảo vệ rừng hoặc khoán một phần diện tích, phần diện diện tích còn lại chủ rừng tự bảo vệ thì toàn bộ số tiền nhận được tương ứng với diện tích rừng tự bảo vệ được coi là nguồn thu của chủ rừng, được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về tài chính phù hợp đối với từng loại hình tổ chức…

c) Trường hợp chủ rừng là tổ chức có khoán bảo vệ rừng được trích không quá 10% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng chi trả cho diện tích rừng khoán bảo vệ nêu trên để chi cho công tác quản lý các khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng...

Số tiền còn lại sau khi trích kinh phí quản lý được chủ rừng chi trả cho bên nhận khoán theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ các quy định nêu trên, đối với chủ rừng là tổ chức, trường hợp chủ rừng có khoán bảo vệ rừng thì số tiền dịch vụ môi trường rừng tương ứng với phần diện tích rừng khoán bảo vệ sau khi trích kinh phí quản lý sẽ được chi trả cho bên nhận khoán theo hướng dẫn của Bộ NN và PTNT; trường hợp chủ rừng tự bảo vệ rừng thì số tiền dịch vụ môi trường rừng tương ứng với diện tích rừng tự bảo vệ được coi là nguồn thu của chủ rừng, được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về tài chính phù hợp đối với từng loại hình tổ chức.

b) Về nội dung hướng dẫn hạch toán:

Đơn vị nơi độc giả hỏi là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ NN và PTNT, là chủ rừng có chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng, vì vậy đơn vị thực hiện chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

- Trong trường hợp đơn vị nhận thông báo của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh về việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng và xác định chắc chắn sẽ nhận được, kế toán ghi:

Nợ TK 138: Phải thu khác

Có TK 531: Chi tiết phần kinh phí quản lý

Có TK 531: Chi tiết số tiền DVMTR tương ứng diện tích rừng tự bảo vệ

- Khi thực nhận tiền dịch vụ môi trường rừng từ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh:

Nợ TK 112: Tiền gửi Ngân hang, Kho bạc

Có TK 138: Phải thu khác

Có TK 338: Phần phải trả cho bên nhận khoán

- Trong trường hợp đơn vị nhận được ngay tiền dịch vụ môi trường rừng từ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh:

(i) Trường hợp chủ rừng không khoán bảo vệ rừng (tự bảo vệ):

Khi nhận được tiền từ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh, kế toán ghi:

Nợ TK 112: Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Có TK 531: Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ

(ii) Trường hợp chủ rừng khoán một phần diện tích, phần diện tích còn lại chủ rừng tự bảo vệ:

+ Khi nhận tiền từ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng:

Nợ TK 112: Tiền gửi Ngân hang, Kho bạc

Có TK 338: Phần phải trả cho bên nhận khoán

Có TK 531: Chi tiết cho phần kinh phí quản lý

Có TK 531: Chi tiết số tiền DVMTR tương ứng diện tích rừng tự bảo vệ

+ Khi chi trả cho bên nhận khoán:

Nợ TK 338: Phải trả khác

Có TK 111, 112

Đơn vị mở chi tiết cho Tài khoản 531 "Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ" để theo dõi chi tiết theo yêu cầu quản lý.

PHẦN V

HỎI ĐÁP VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Câu hỏi 1:

Trong tháng 02/2020, Ban Quản lý dự án đã phối hợp cùng Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai thực hiện đối chiếu rút dự toán năm 2019 chuyển sang năm 2020 theo mẫu biểu số 59 phụ lục 01, ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước. - Ngày 03/8/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư có thông báo số 2725/TB-SKHĐT về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020. Trong đó tổng số kế hoạch năm 2019 chuyển sang năm 2020 tiếp tục sử dụng là: 189.445,733 triệu đồng. -Đến thời điểm báo cáo, Ban Quản lý dự án đã thực hiện rà soát tổng hợp nhu cầu điều chỉnh giảm đối với nguồn vốn 2019 chuyển qua năm 2020 tiếp tục sử dụng là: 23.124 triệu đồng do 13 dự án đã hoàn thành trong năm 2019 và không có nhu cầu sử dụng. Nay, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng đề nghị Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai thực hiện điều chỉnh giảm nguồn vốn năm 2019 kéo dài sang năm 2020 theo quy định. Tuy nhiên quyết toán năm 2019 đã hoàn tất và trình gửi BỘ Tài chính nên việc điều chỉnh giảm chuyển nguồn là không thể. Do đó, kính mong Bộ Tài chính cho địa phương hỏi nếu điều chỉnh các dự án được chuyển nguồn nêu trên sang các dự án khác có đúng quy định không? Hay phải chờ hết năm 2020 hủy dự toàn thành kết dư 2020 mới được ra quyết định bổ sung dự toán 2021. Nếu được điều chỉnh sang dự án khác thì thủ tục như thế nào? Với nội dung trên mong sớm nhận được phẩn hồi của quý Bộ.

Trả lời:

1. Về việc điều chỉnh các dự án được chuyển nguồn sang các dự án khác: Theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, việc chuyển số dư dự toán thuộc các trưởng hợp được chuyển nguồn theo quy định của Luật NSNN và Luật

Đầu tư công là chuyển số dư dự toán của các nhiệm vụ chi chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa hết sang năm sau để tiếp tục thực hiện.

Trong trường hợp cụ thể mà bạn đọc nêu "*Ban quản lý dự án đã thực hiện rà soát tổng hợp nhu cầu điều chỉnh giảm đối với nguồn vốn 2019 chuyển qua năm 2020 tiếp tục sử dụng là 23.124 triệu đồng, do 13 dự án đã hoàn thành trong năm 2019 và không có nhu cầu sử dụng"*, thì việc chuyển nguồn đối với khoản dự toán đã hết nhiệm vụ chi (không có nhu cầu sử dụng) là không đúng với quy định của Luật NSNN. Do không được chuyển nguồn, nên cũng không có nguồn để điều chuyển kế hoạch vốn sang dự án khác.

2. Trường hợp khoản kinh phí (23.314 triệu đồng) đã được chuyển nguồn sang năm 2020, theo quy định tại Điều 73 Luật NSNN về xử lý các khoản thu, chi NSNN không đúng quy định sau khi quyết toán NSNN được phê chuẩn: "*Sau khi quyết toán ngân sách nhà nước và ngân sách các cấp chính quyền địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn, trường hợp phát hiện thu, chi ngân sách không đúng quy định thì thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 8 Điều 65 của Luật này và được quyết toán vào ngân sách năm xử lý*".

Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh lập phương án sử dụng khoản kinh phí nêu trên (trong số tăng thu, tiết kiệm chi), báo cáo Thường trực HĐND tỉnh quyết định, báo cáo HĐND cung cấp tại kỳ họp gần nhất (khoản 2 Điều 59) hoặc thực hiện phân bổ, sử dụng kết dư NSNN theo quy định (Điều 72 Luật NSNN).

Câu hỏi 2:

Tôi đang công tác tại Sở Tài chính tỉnh Long An. Tại khoản 3 Điều 53 Luật ngân sách nhà nước "quy định thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15/11 năm hiện hành". Vậy sau ngày 15/11 , Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh ra quyết định bổ sung dự toán cho đơn vị sử dụng ngân sách ngoài dự toán đã giao đầu năm có đúng không.

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước: *"Điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách*

1. Điều chỉnh dự toán ngân sách đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trong các trường hợp:... c) Đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh dự toán

giữa các đơn vị trực thuộc trong phạm vi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao.

2. Việc điều chỉnh sự toán phải bảo đảm các yêu cầu về phân bổ và giao dự toán quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật này. Sau khi thực hiện điều chỉnh dự toán, đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện.

3. Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành".

Quy định tại Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước nêu trên áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách; không áp dụng đối với việc bổ sung dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách.

Câu hỏi 3:

Tôi công tác ở huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai , Xin hỏi: Hàng năm Phòng Tài chính - KH cấp huyện thẩm định, xét, duyệt quyết toán ngân sách cấp xã thì bộ phận kế toán ngân sách cấp xã có phải mang toàn bộ chứng từ thu, chi ngân sách cấp xã của năm ngân sách đó đến Phòng Tài chính - KH cấp huyện để được kiểm tra chứng từ hay không? Hay UBND cấp xã chỉ lập các biểu mẫu quyết toán theo quy định tại Thông tư số 344/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn để gửi Ban kinh tế - Xã hội HĐND cấp xã thẩm tra, báo cáo thường trực HĐND xã cho ý kiến và gủi Phòng Tài chính - KH huyện thẩm định,tổng hợp

Trả lời:

- Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 67 của Luật NSNN: *"Cơ quan tài chính cấp tỉnh, cấp huyện thẩm định quyết toán năm của ngân sách cấp dưới"*; đồng thời, theo quy định tại khoản 4 Điều 67: "*Khi thẩm định quyết toán, cơ quan tài chính có quyền: a) Yêu cầu đơn vị dự toán cấp I, cơ quan tài chính cấp dưới bổ sung thông tin và số liệu cần thiết cho việc thẩm định quyết toán…".*

- Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 44 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN: *"Ủy ban nhân dân cấp xã lập quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được giao và quyết toán thu, chi ngân sách cấp xã gửi Ban kinh tế - xã hội của*

Hội đồng nhân dân cấp xã để thẩm tra, đồng thời gửi cơ quan tài chính cấp huyện"; đồng thời, điểm c khoản 5 Điều 44 quy định: *"Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo quyết toán ngân sách xã được phê chuẩn, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo quyết toán ngân sách xã cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan tài chính cấp huyện"*.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn: "*Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức, thực hiện công tác hạch toán kế toán, quyết toán ngân sách xã theo mục lục ngân sách nhà nước và chế độ kế toán ngân sách xã hiện hành; thực hiện chế độ báo cáo kế toán và quyết toán theo quy định…"*;

Đồng thời, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13: "*Ủy ban nhân dân xã lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã hằng năm (theo mẫu biểu số 07 đến mẫu biểu số 12 kèm theo Thông tư này) báo cáo Ban Kinh tế - Xã hội xã để thẩm tra, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã cho ý kiến trước khi báo cáo Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn, đồng thời gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện để tổng hợp …"*; điểm d khoản 4 Điều 13 quy định: "*Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện có trách nhiệm thẩm định báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã, trường hợp có sai sót phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Hội đồng nhân dân xã điều chỉnh"*.

Tóm lại, UBND cấp xã lập và gửi báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã theo quy định của Luật NSNN và các Văn bản hướng dẫn thực hiện (theo mẫu biểu số 07 – 12 kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính) trình HĐND xã phê chuẩn và gửi Phòng TCKH huyện để thẩm định. Phòng TCKH có quyền yêu cầu cơ quan tài chính cấp dưới bổ sung thông tin và số liệu cần thiết cho việc thẩm định quyết toán (trong đó có chứng từ thu, chi ngân sách – nếu cần).

Câu hỏi 4:

Tại khoản 1 Điều 9 Thông tư 344/2016/TT-BTC quy định: Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100% là các khoản thu dành cho xã sử dụng toàn bộ để chủ động về nguồn ngân sách bảo đảm các nhiệm vụ chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển….(trong đó tại điểm c Khoản 1 Điều 9 quy định nguồn thu ngân sách xã bao gồm"Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác do xã quản

lý theo quy định của pháp luật"). Như vậy theo quy định nêu trên UBND xã khi thu được Quỹ đất công ích phải nộp 100% vào thu ngân sách nhà nước mục "Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi cộng sản khác". Hiện nay các xã, thị trấn tại huyện đã được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Trong trường hợp nguồn thu trên UBND xã không được UBND huyện giao trong dự toán thu, chi trong năm ngân sách 2020. UBND xã đã nộp khoản thu này vào thu ngân sách xã năm 2020 mục "Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi cộng sản khác", sau đó UBND xã trình HĐND xã để phân bổ sử dụng vào mục đích công ích của xã có đúng quy định không? Đề nghị Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể để đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định.

Trả lời:

Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn Luật NSNN quy định các nội dung liên quan đến hạch toán thu, chi từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác của xã như sau:

- Khoản 1 Điều 7 Luật NSNN quy định: "Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể…";

- Khoản 2 Điều 8 Luật NSNN 2015 có quy định: "Toàn bộ các khoản thu, chi ngân sách phải được dự toán, tổng hợp đầy đủ vào ngân sách nhà nước";

- Điều 37 Luật NSNN 2015, Điều 15 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN có quy định: Khoản thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác là khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100%;

- Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn có quy định: *"Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100% là các khoản thu dành cho xã sử dụng toàn bộ để chủ động về nguồn ngân sách bảo đảm các nhiệm vụ chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển. Căn cứ nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách xã quy định tại Điều 4 Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp Tỉnh xem xét phân cấp cho ngân sách xã hưởng 100% các*

khoản thu sau đây: ...c) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác do xã quản lý theo quy định của pháp luật…".

Theo các quy định nêu trên, khoản thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác ở xã phải được tổng hợp đầy đủ vào thu cân đối NSNN và bố trí cho các nhiệm vụ chi của xã theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn./.

Câu hỏi 5:

Chúng tôi là GV đang công tác tại Trường Tiểu học Số 2 Hoài Mỹ, xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Là xã được thủ tướng chính phủ công nhận là xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển giai đoạn 2016-2020 nên chúng tôi được hưởng phụ cấp ưu đãi 70% đén tháng 8/2019. Đến tháng 9/2019 chúng tôi có quyết định của Phòng tài chính huyện Hoài Nhơn dừng chi trả phụ cấp 70% và truy thu trả lại 70% phụ cấp mà chúng tôi đã được hưởng từ tháng 3/2019 đến tháng 8/2019 với lý do xã Hoài Mỹ huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định được UBND tỉnh Bình Định công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới có quyết định từ tháng 2/2019 và chúng tôi phải trả lại 6 tháng phụ cấp đó hạn chốt là đến tháng 3/2020 phải trả dứt điểm trong khi tiền chúng tôi nhận thì đã tiêu hết . Trong khi lương hàng tháng chúng tôi không đủ chi tiêu nên rất khó khăn. Chúng tôi xin hỏi quyết định của Phòng tài chính huyện Hoài Nhơn như vậy có đúng không?

Trả lời:

Theo quy định tại Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội ĐBKK; đối tượng áp dụng là các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định là xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 theo quy định tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã ĐBKK

vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 quy định: *"Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo khi được cấp có thẩm quyền công nhận lên phường, thị trấn hoặc đạt chuẩn nông thôn mới trong năm thì được tiếp tục thực hiện hỗ trợ đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 đến hết năm; từ năm tiếp theo các xã này không còn trong danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 và không thuộc diện hỗ trợ đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020."*

Ngày 26/02/2019, UBND tỉnh Bình Định có Quyết định số 584/QĐ-UBND công nhận xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

Các văn bản có liên quan vấn đề này (Nghị định số 19/2013/NĐ-CP và Quyết định số 596/QĐ-TTg) không phải văn bản do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo; vì vậy, đề nghị độc giả gửi câu hỏi tới Bộ GD&ĐT và Bộ LĐTB&XH để được giải đáp cho phù hợp.

Câu hỏi 6:

Tôi có thắc mắc kinh phí thực hiện cải cách tiền lương đối với các trường học: Trong năm học 2019-2020 tại trường tôi có 1 trường hợp là giáo viên, được nghỉ theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP vào tháng 4/2019. Xin hỏi, phần dự toán thừa (lương + các khoản phụ cấp, trích theo lương + kinh phí hoạt động) của giáo viên đó (tháng 5 - 12/2019) có được áp dụng theo tại Điểm a, Khoản 2, Điều 3 của Thông tư 46/2019/TT-BTC không (sử dụng 50% phần ngân sách Nhà nước giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính (do thực hiện tinh giản biên chế và đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả) và các đơn vị sự nghiệp công lập (do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập)?

Trả lời:

Tại điểm a, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/5/2019 của Chính phủ có quy định:

"2. Nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 38/2019/NĐ-CP , Nghị định số 44/2019/NĐ-CPtrong năm 2019 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Nguồn kinh phí:

- Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2019 tăng thêm so với dự toán năm 2018 theo Quyết định giao dự toán của Bộ Tài chính.

- Sử dụng nguồn 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) thực hiện so với dự toán năm 2018 được Thủ tướng Chính phủ giao.

- Sử dụng 50% phần ngân sách nhà nước giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính (do thực hiện tinh giản biên chế và đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả) và các đơn vị sự nghiệp công lập (do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập).

..."

Như vậy, việc sử dụng nguồn kinh phí do giảm chi NSNN hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong các đơn vị sự nghiệp công lập (do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập) (bao gồm cả tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 19-NQ/TW) thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019.

Câu hỏi số 7:

Thời gian được sử dụng chi từ nguồn kết dư ngân sách năm trước: Kính thưa quý Bộ cho tôi biết trường hợp sau khi thực hiện xong việc chỉnh lý quyết toán và thực hiện xong việc chi chuyển nguồn ngân sách năm trước sang năm sau. trong thời điểm này đối với ngân sách cấp huyện cơ bản đã xác định được số kết dư ngân sách thì UBND cấp huyện có trình Thường trực HĐND cấp huyện xuất chi từ nguồn kết dư ngân sách năm trước để bổ sung một số nhiệm vụ chi cần thiết hay không, hay là phải đợi đến khi HĐND cấp huyện ban hành nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách thì UBND cấp huyện mới trình HĐND cấp huyện quyết định phân bổ nguồn vốn kết dư theo thẩm quyền.

Trả lời:

Đây thực chất là khoản chênh lệch thu lớn hơn chi (trong quá trình điều hành ngân sách, khoản này gọi là tăng thu, tiết kiệm chi, xử lý theo Điều 59 của Luật NSNN; khi đưa vào quyết toán gọi là kết dư ngân sách, xử lý theo Điều 72); nội dung câu hỏi là việc thực hiện xong chuyển nguồn, có được phép trình Thường trực HĐND phân bổ khoản tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách (thực chất là khoản kết dư) trước khi HĐND phê chuẩn quyết toán NSNN hay không.

- Trường hợp chưa trình HĐND phê chuẩn quyết toán: đề nghị thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật NSNN[1]. Như vậy khi xác định được số tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách, UBND lập phương án sử dụng, báo cáo Thường trực HĐND quyết định, thực hiện chuyển nguồn khoản tăng thu, tiết kiệm chi sang ngân sách năm sau theo quy định của Luật NSNN và các Văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Trường hợp HĐND đã phê chuẩn quyết toán: Việc xử lý số kết dư được thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật NSNN[2].

[1] Theo đó: "Số tăng thu, trừ tăng thu của ngân sách địa phương do phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách phải nộp về ngân sách cấp trên và số tiết kiệm chi ngân sách so với dự toán được sử dụng theo thứ tự ưu tiên như sau:

a. Giảm bội chi, tăng chi trả nợ, bao gồm trả nợ gốc và lãi;

b. Bổ sung quỹ dự trữ tài chính;

c. Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương;

d. Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội;

đ. Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng;

e.Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

… Ủy ban nhân dân lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách cấp mình, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất…".

Xử lý kết dư ngân sách nhà nước: (1) Kết dư ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh được sử dụng để chi trả nợ gốc và lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước. Trường hợp còn kết dư ngân sách thì trích 50% vào quỹ dự trữ tài chính cùng cấp; trích 50% còn lại vào thu ngân sách năm sau; trường hợp quỹ dự trữ tài chính đã đủ mức 25% dự toán chi ngân sách hàng năm thì số kết dư còn lại hạch toán vào

thu ngân sách năm sau; (2) Kết dư ngân sách cấp huyện, cấp xã được hạch toán vào thu ngân sách năm sau.

Câu hỏi 8:

Hiện nay 1 số đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan tôi là đơn vị sự nghiệp có thu được NSNN đảm bảo 100% và đơn vị tự đảm bảo 1 phần kinh phí (10%). Thực hiện điểm a, khoản 1, Điều 3 Thông tư 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019, năm 2019 các đơn vị sự nghiệp đã trích 40% số thu sau khi trừ chi phí nộp NSNN để thực hiện cải cách tiền lương, việc trích CCTL như vậy có đúng không? Đối với những đơn vị tự đảm bảo 1 phần chi phí ngoài chi phí nộp NSNN còn có các chi phí liên quan hợp lý liên quan đến hoạt động thu thì có được trừ toán bộ chi phí (nộp NSNN + chi phí khác) rồi mới trích 40% không? Năm 2020 không thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở thì có phải trích nguồn cái cách tiền lương không?, nếu có thì thực hiện theo văn bản nào?.

Trả lời:

1. Về việc sử dụng một phần số thu được để lại để tạo nguồn CCTL theo Thông tư số 46/2019/TT-BTC:

Tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 46/2019/TT-BTC quy định:

"Số thu được để lại theo chế độ quy định tại khoản 1 và 2 Điều này phải bảo đảm nguyên tắc không được trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu trong trường hợp đã được ngân sách nhà nước bảo đảm chi phí cho hoạt động thu. Phạm vi và tỷ lệ trích từ nguồn thu được để lại (trừ các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 điều này), chú ý một số điểm sau:

...

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

- Đối với số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí): sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

- Đối với số thu học phí chính quy: sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ tính trên toàn bộ số thu học phí (bao gồm cả kinh phí được ngân sách nhà nước cấp bù học phí theo quy định).

- Đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của các cơ sở y tế công lập: sử dụng tối thiểu 35% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các khoản chi phí đã được kết cấu trong giá dịch vụ theo quy định của pháp luật về giá dịch vụ (như: chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao trực tiếp phục vụ cho người bệnh; chi phí điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường; chi phí duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ,... và chi phí tiền lương, phụ cấp đã kết cấu trong giá).

- Đối với số thu dịch vụ, các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác: sử dụng tối thiểu 40% số thu từ các hoạt động trên sau khi trừ các chi phí trực tiếp đã tính vào giá dịch vụ cho các hoạt động này và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định".

Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị Quý đơn vị rà soát lại các khoản thu của đơn vị, thực hiện việc trích lập nguồn thực hiện CCTL theo đúng hướng dẫn.

2. Về việc thực hiện CCTL năm 2020:

Hội nghị lần thứ 7 BCH Trung ương khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; trong đó, đã đưa ra các định hướng về CCTL đến năm 2030 và các giải pháp tạo nguồn thực hiện.

Đồng thời, quy định về tạo nguồn CCTL đã được quy định về nguyên tắc theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và được bổ sung, làm rõ theo Nghị định điều chỉnh tiền lương hằng năm.

Do đó, mặc dù năm 2020 chưa thực hiện tăng lương cơ sở, lương hưu, điều chỉnh trợ cấp người có công do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, tuy nhiên, các Bộ, ngành, địa phương vẫn tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn theo các quy định nêu trên.

Câu hỏi 9:

Việc cấp phát, thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, cụ thể như sau: - Theo mục 5, Điều 16 Nghị định 96/2018/NĐ-CP của Chính phủ: "Ngay sau khi hợp đồng đặt hàng được ký, cơ quan tài chính tạm ứng 60% kinh phí theo hợp đồng cho đơn vị nhận đặt hàng. Sau khi có báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng đạt 60% giá trị hợp

đồng, cơ quan tài chính cấp tiếp 30% kinh phí theo hợp đồng, 10% kinh phí còn lại được cấp phát thanh toán sau khi hợp đồng được nghiệm thu, thanh lý.....” - Đối với các tỉnh khó khăn được ngân sách trung ương thực hiện hỗ trợ ngân sách địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; Việc cấp phát kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đối với các tỉnh được ngân sách trung ương hỗ trợ theo dự toán (hợp đồng) hay theo tỷ lệ kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ. Ví dụ: - Kinh phí theo dự toán (hợp đồng) năm kế hoạch: 100 tỷ đồng - Kinh phí ngân sách trung ương cân đối cấp hỗ trợ đợt 1 cho tỉnh: 93 tỷ (93% dự toán) - Kinh phí cấp cho các đơn vị: + Phương án 1: Theo dự toán (hợp đồng) được duyệt: Lần 1, sau khi ký hợp đồng: 100 tỷ x 60% = 60 tỷ Lần 2, sau khi có báo cáo thực hiện hợp đồng đạt 60%: 100 tỷ x 30% = 30 tỷ đồng; + Phương án 2: Theo tỷ lệ ngân sách trung ương cấp hỗ trợ: Lần 1, sau khi ký hợp đồng: 100 tỷ x 93% x 60% = 55,8 tỷ đồng Lần 2, sau khi có báo cáo thực hiện hợp đồng đạt 60%: 100 tỷ x 93% x 30% = 27,9 tỷ đồng;

Trả lời:

Khoản 5 Điều 16 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định: “*Thanh toán, cấp kinh phí đối với phương thức đặt hàng:*

a) Ngay sau khi hợp đồng đặt hàng được ký, cơ quan tài chính tạm ứng 60% kinh phí theo hợp đồng cho đơn vị nhận đặt hàng. Sau khi có báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng đạt 60% giá trị hợp đồng, cơ quan tài chính cấp tiếp 30% kinh phí theo hợp đồng, 10% kinh phí còn lại được cấp phát thanh toán sau khi hợp đồng được nghiệm thu, thanh lý. Việc cấp phát thanh toán bằng lệnh chi tiền;

b) Hồ sơ đề nghị cấp phát kinh phí: Công văn đề nghị cấp phát kinh phí; quyết định giao dự toán; bản sao Hợp đồng đặt hàng; báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng đặt hàng”.

Vậy việc thanh toán, cấp kinh phí đối với sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP.

Câu hỏi 10:

Tôi đang công tác tại PKHTC Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh tôi mong bộ tài chính giải đáp giúp tôi nội dung sau: Căn cứ quy định tại Điều 9. Thông tư

số 88/2019/TT_BTC về hướng dẫn dự toán năm 2020 có quy định: " Trường hợp có yêu cầu điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc mà không làm thay đổi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao, đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm xem xét sự cần thiết, căn cứ điều chỉnh, kiểm tra số dư dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách có liên quan, quyết định điều chỉnh dự toán, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra theo quy định và thực hiện điều chỉnh dự toán trên hệ thống Tabmis, đồng gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch làm căn cứ kiểm soát chi, thanh toán. Trường hợp cơ quan tài chính kiểm tra, không thống nhất với việc điều chỉnh của đơn vị dự toán cấp I hoặc kiểm tra không còn đủ số dư dự toán để điều chỉnh, thì thông báo cho đơn vị dự toán cấp I để điều chỉnh lại". Đơn vị tôi là đơn vị dự toán cấp I, trong năm 2020 các nhiệm vụ chi từng lĩnh vực chi bên tôi sau khi rà soát thì vẫn dư kinh phí và dự kiến bổ sung cho các nhiệm vụ chi khác cùng lĩnh vực chi có đúng với quy định trên không ? và cũng theo quy định trên có thể điều chỉnh kinh phí cùng lĩnh vực chi sang nhiệm vụ chi mới phát sinh chưa có trong dự toán đầu năm không ạ?

Trả lời:

- Theo quy định tại Điều 53 Luật NSNN: *"Điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách*

1. Điều chỉnh dự toán ngân sách đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trong các trường hợp:... c) Đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị trực thuộc trong phạm vi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao.

2. Việc điều chỉnh sự toán phải bảo đảm các yêu cầu về phân bổ và giao dự toán quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật này. Sau khi thực hiện điều chỉnh dự toán, đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện.

3. Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành".

- Ngày 24/12/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 88/2019/TT-BTC quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2020, theo đó, Điều 9 quy định: *"Trường hợp có yêu cầu điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc mà không làm thay đổi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao, đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm xem xét sự cần thiết, căn cứ điều*

chỉnh, kiểm tra số dư dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách có liên quan, quyết định điều chỉnh dự toán, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra theo quy định và thực hiện điều chỉnh dự toán trên hệ thống Tabmis, đồng gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch làm căn cứ kiểm soát chi, thanh toán. Trường hợp cơ quan tài chính kiểm tra, không thống nhất với việc điều chỉnh của đơn vị dự toán cấp I hoặc kiểm tra không còn đủ số dư dự toán để điều chỉnh, thì thông báo cho đơn vị dự toán cấp I để điều chỉnh lại…

Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra và điều chỉnh trên hệ thống tabmis theo quy định".

Căn cứ các quy định nêu trên, qua trao đổi trực tiếp với bạn đọc để làm rõ nội dung câu hỏi, việc điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành các lĩnh vực chi dư nguồn kinh phí sang các nhiệm vụ chi khác (thiếu nguồn kinh phí) cùng lĩnh vực chi, trong phạm vi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao là đúng quy định.

Đối với trường hợp điều chỉnh dự toán để bổ sung nguồn kinh phí cho các nhiệm vụ chi mới phát sinh cùng lĩnh vực chi chưa có trong dự toán giao đầu năm, thì việc điều chỉnh phải trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành và phải đảm bảo trong phạm vi tổng mức, chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao và chỉ được thực hiện khi nhiệm vụ chi mới đã được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ và đề nghị sắp xếp kinh phí trong dự toán được giao.

Câu hỏi 11

Tôi là kế toán Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thuận Nam là đơn vị tự chủ một phần kinh phí hoạt động . Hiện nay đơn vị tôi đang ký hợp đồng cung cấp dịch vụ bồi thường giải phóng mặt bằng cho các chủ đầu tư thực hiện DA xây dựng nhà máy điện mặt trời tại địa bàn huyện Thuận Nam. tôi muốn vấn đề sau. Theo Tiết 4, Điểu b, Khoản 3, Điều 3, Thông tư 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019 có nêu " Đối với số thu dịch vụ, các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác: sử dụng tối thiểu 40% số thu từ các hoạt động trên sau khi trừ các chi phí trực tiếp đã tính vào giá dịch vụ cho các hoạt động này và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định. Tôi muốn hỏi Việc giữ lại, sử dụng tối thiểu 40% số thu từ các hoạt động trên sau khi trừ các chi phí trực tiếp đã tính vào giá dịch vụ cho các hoạt động vào giá dịch vụ cho các hoạt động

này và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định có áp dụng đối với Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện công tác giải phóng mặt bằng như đơn vị tôi không. Vì theo theo Điểm a, Khoản 3, Điều 6 thông tư 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài Chính có nêu "Trường hợp số chi thực tế theo quyết toán được duyệt nhỏ hơn số kinh phí đã nhận từ chủ đầu tư thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phải chuyển trả cho chủ đầu tư (hoặc Quỹ phát triển đất nếu nhận kinh phí từ Quỹ phát triển đất) trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán''. thì Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện không thể trích lập 40% cải cách tiền lương. Xin Bộ tài chính hướng dẫn để đơn vị có cơ sở thực hiện.

Trả lời:

1. Theo tiết 4, điểm b, Khoản 3 Điều 3, Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019 có quy định: *"Đối với số thu dịch vụ, các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác: sử dụng tối thiểu 40% số thu từ các hoạt động trên sau khi trừ các chi phí trực tiếp đã tính vào giá dịch vụ cho các hoạt động này và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định."*

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thuận Nam là đơn vị tự chủ một phần kinh phí hoạt động nên phải thực hiện trích 40% số thu từ dịch vụ, các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác của đơn vị sau khi trừ các chi phí trực tiếp đã tính vào giá dịch vụ các hoạt động này và các khoản nộp NSNN theo quy định để thực hiện CCTL theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019 về hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/5/2019 của Chính phủ.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất của huyện Thuận Nam tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì Trung tâm thu được kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Việc quyết toán kinh phí thực tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Thông tư số 74/2015/TTBTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

"Xử lý phần chênh lệch giữa số chi thực tế theo quyết toán được duyệt so với số kinh phí đã nhận trong trường hợp quyết toán từng dự án, tiểu dự án hoặc quyết toán nhiều dự án, tiểu dự án thực hiện như sau:

+ Trường hợp số chi thực tế theo quyết toán được duyệt lớn hơn số kinh phí đã nhận thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường được thanh toán phần chênh lệch nhưng tối đa không quá mức được trích quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

+ Trường hợp số chi thực tế theo quyết toán được duyệt nhỏ hơn số kinh phí đã nhận thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phải chuyển trả cho chủ đầu tư (hoặc Quỹ phát triển đất nếu nhận kinh phí từ Quỹ phát triển đất) trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán."

Theo đó, trường hợp số chi thực tế để tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quyết toán được duyệt nhỏ hơn số kinh phí Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện đã nhận thì Trung tâm phải chuyển trả chênh lệch cho chủ đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Thông tư số 74/2015/TTBTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính. Kinh phí chuyển trả này không phải là khoản thu của Trung tâm Phát triển quỹ đất nên không thực hiện trích 40% để thực hiện CCTL theo quy định nêu trên.

Câu hỏi 12:

Cơ quan là đơn vị dự toán cấp 1 đồng thời là đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách và không có đơn vị trực thuộc thì có cần làm phương án phân bổ và giao dự toán theo Thông tư 342/2016/TT-BTC không Cụ thể tại Khoản 3,điều 13 ghi như sau: Đơn vị dự toán cấp I ở địa phương giao dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc.

Trả lời:

Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN đã quy định: *Đơn vị dự toán cấp I ở địa phương giao dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc theo mẫu… ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời gửi cơ quan tài chính, Kho bạc nhà nước cùng cấp và Kho bạc nhà nước nơi giao dịch (gửi bản chi tiết theo từng đơn vị sử dụng ngân sách) để thực hiện.*

Tuy nhiên, theo ý kiến của bà Phạm Lan Anh nêu trên thì cơ quan là đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách và không có đơn vị trực thuộc thì không cần làm phương án phân bổ và giao dự toán cho đơn vị trực thuộc theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC. Việc phân bổ và giao dự toán của đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách được thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn (chi tiết cho các nhiệm vụ, kinh phí tự chủ, khoán chi, chi tiết KBNN nơi giao dịch … để tổ chức thực hiện và làm cơ sở cho cơ quan tài chính kiểm tra và KBNN kiểm soát chi theo quy định).

Câu hỏi 13:

Về Nguồn KP cải cách tiền lương trích nhưng không sử dụng, Kính gửi : Bộ Tài chính Thông tư 68/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối vơi cán bộ xã nghỉ việc theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ: "Trường hợp sau khi bảo đảm nguồn kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở theo quy định tại Điều 2 Thông tư này mà nguồn thu dành để cải cách tiền lương còn dư lớn và có cam kết tự bảo đảm nguồn kinh phí của đơn vị để thực hiện điều chỉnh tiền lương tăng thêm theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền quyết định, thì được sử dụng nguồn còn dư để chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn, thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định hiện hành; kết thúc năm ngân sách, báo cáo cơ quan chủ quản để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính kết quả sử dụng nguồn kinh phí này" Xin hỏi Bộ Tài chính : Có 1 đơn vị trích nguồn kinh phí cải cách tiền lương 2018 từ nguồn thu của đơn vị 13,5 tỉ đồng, nhưng lại không sử dụng một đồng nào cả, toàn bộ chi từ Nguồn NSNN cấp . Năm 2018 đơn vị đảm bảo một phần kinh phí còn lại do NSNN cấp . Năm 2019 đơn vị tự chủ toàn bộ. Vậy khoản trích này có phải nộp trả cho NSNN không ? Xin được trả lời gấp. Vì Khoản này đang được .....xác định nhu nhu cầu chi của 2018 nhưng không chi , được kiến nghị thu phần nhu cầu 2018 còn lại để đơn vị.

Trả lời:

Theo quy định tại Thông tư 68/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh

mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối vơi cán bộ xã nghỉ việc theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ: Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập được NSNN bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên phải sử dụng tối thiểu 35-40% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí để thực hiện CCTL.

Như vậy, đơn vị phải sử dụng nguồn tại đơn vị để thực hiện CCTL. Trường hợp thiếu nguồn NSNN mới cấp bù phần còn thiếu. Trường hợp NSNN cấp thừa, đơn vị phải nộp trả lại NSNN.

Câu hỏi 14

Theo tôi hiểu Điều 35 Luật NSNN quy định các khoản thu phân chia giữa NSTW với NSĐP gồm: thuế GTGT trừ thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu; thuế TNDN trừ thuế TNDN hàng hóa nhậu khẩu... Điều 37 Luật NSNN quy định các khoản thu NSĐP hưởng 100% trong đó thu từ hoạt động XSKT. Theo tôi được biết khi Công ty XSKT nộp NSNN sử dụng chương 564 (Các đơn vị có vốn nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) mục 1700 tiểu mục 1705 (thuế GTGT); mục 1150 tiểu mục 1153 (thuế TNDN)... Tôi xin phép hỏi như sau: (i) các khoản thuế trên có thực hiện điều tiết giữa các cấp không, nếu không điều tiết cho các cấp thì cần điều chỉnh lại Điều 35 Luật NSNN 2015 như Luật NSNN 2002 (ii) hoặc nêu rõ thêm Điều 37 thu từ hoạt động XSKT bao gồm: thuế GTGT , thuế TNDN.... để rõ ý hơn tránh sự hiểu lầm (iii) Công ty XSKT nộp vào chương 564 như vậy tại biểu báo cáo thu NSNN (B2-01) có thuộc phần thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý hau thu từ hoạt động XSKT.

Trả lời:

Tại tiết i, khoản 1 Điều 37 Luật NSNN có quy định: "*thu từ hoạt động XSKT là khoản thu NSĐP hưởng 100%"*.

Tại tiết i, khoản 1 Điều 15 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; tiết I, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, quy định: *"thu từ hoạt động XSKT, kể cả hoạt động xổ số điện toán là khoản thu NSĐP hưởng 100%"*.

Đồng thời, tại điểm I.9, phần A, Mẫu số B2-01/BC-NS "Báo cáo thu và vay của NSNN niên độ…" kèm theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN, chi tiết thu từ hoạt động XSKT, bao gồm: Thuế GTGT, Thuế TNDN, Thu từ thu nhập sau thuế, thuế TTĐB và thu khác.

Từ các quy định nêu trên, thu từ hoạt động XSKT, kể cả hoạt động xổ số điện toán là khoản thu NSĐP hưởng 100%, không phải là khoản thu phân chia giữa NSTW và NSĐP. Công ty XSKT nộp vào ngân sách được tổng hợp vào chỉ tiêu thu từ hoạt động XSKT, không tổng hợp vào thu từ DNNN do địa phương quản lý.

Câu hỏi 15:

Khoản 5, Điều 11, Thông tư số 344/2016/TT-BTC quy định: Điều chỉnh dự toán ngân sách xã hằng năm (nếu có) trong các trường hợp có yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp trên để đảm bảo phù hợp với định hướng chung hoặc có biến động lớn về nguồn thu và nhiệm vụ chi, Ủy ban nhân dân xã tiến hành lập dự toán điều chỉnh báo cáo Ban Kinh tế - xã hội xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân xã quyết định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện. Như vậy, hằng năm trong quá trình thực hiện điều hành thu, chi ngân sách xã, có phát sinh tăng thu so với dự toán đầu năm đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định như: được cấp trên trợ cấp mục tiêu để xây dựng các hạng mục công trình xây dựng lộ giao thông nông thôn, xây dựng cầu, các công trình khác...và thu kết dư ngân sách của năm trước chuyển sang. Để thực hiện chi các nguồn được tăng thu nêu trên, thì Ủy ban nhân dân xã có phải lập dự toán bổ sung hay điều chỉnh dự toán không? Nếu có thì quy trình, thủ tục như thế nào?

Trả lời:

1. Về điều chỉnh dự toán ngân sách:

Tại khoản 3 Điều 52 Luật NSNN có quy định:

"3. Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau:

a) Dự kiến số thu không đạt dự toán được Hội đồng nhân dân quyết định phải điều chỉnh giảm một số khoản chi;

b) Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách của một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Khi cần điều chỉnh dự toán ngân sách của một số đơn vị dự toán hoặc địa phương cấp dưới".

Đồng thời, theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn thì*: "5. Điều chỉnh dự toán ngân sách xã hằng năm (nếu có) trong các trường hợp có yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp trên để đảm bảo phù hợp với định hướng chung hoặc có biến động lớn về nguồn thu và nhiệm vụ chi".*

Như vậy, việc điều chỉnh dự toán ngân sách được thực hiện theo các quy định nêu trên.

2. Về số tăng thu so với dự toán đầu năm:

Các khoản tăng thu so với dự toán đầu năm như bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, kết dư ngân sách năm trước được xử lý theo quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 52 Luật NSNN, theo đó:

"UBND lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách cấp mình, báo cáo Thường trực HĐND quyết định và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất".

Như vậy, trường hợp tăng thu so với dự toán thu HĐND xã quyết định do ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu, thu kết dư ngân sách năm trước chuyển sang, đề nghị thực hiện theo quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 52 Luật NSNN nêu trên.

Câu hỏi 16:

Thông tư 46/2019/TT-BTC xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi điều chỉnh mức lương cơ sở thì đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương và tự bảo đảm nguồn kinh phí điều chỉnh mức tiền lương cơ sở. Vậy đơn vị này có bắt buộc phải trích lập không?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 4, Điều 3 Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019 của Bộ Tài chính thì *"Các cơ quan hành chính được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện cơ chế tự chủ tài chính như đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm*

chi đầu tư và chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên, các cơ sở giáo dục đại học công lập tiếp tục được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện tự chủ theo tinh thần của Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017: Đơn vị được quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương và tự bảo đảm nguồn kinh phí điều chỉnh mức tiền lương cơ sở từ nguồn thu của đơn vị, bao gồm cả nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2018 chưa sử dụng (nếu có)".

Vì vậy, đối với các đơn vị nêu trên thì việc quyết định trích lập nguồn thu được để lại để điều chỉnh mức tiền lương cơ sở do đơn vị quyết định và đơn vị phải bảo đảm nguồn kinh phí điều chỉnh mức tiền lương cơ sở từ nguồn thu của đơn vị mình.

Câu hỏi 17:

Theo Điểm b Khoản 1 Điều 3 của Thông tư 68/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP quy định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan trung ương: "Trường hợp sau khi bảo đảm nguồn kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở theo quy định tại Điều 2 Thông tư này mà nguồn thu dành để cải cách tiền lương còn dư lớn và có cam kết tự bảo đảm nguồn kinh phí của đơn vị để thực hiện điều chỉnh tiền lương tăng thêm theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền quyết định, thì được sử dụng nguồn còn dư để chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn, thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định hiện hành; kết thúc năm ngân sách, báo cáo cơ quan chủ quản để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính kết quả sử dụng nguồn kinh phí này" Điểm đ Khoản 2 Điều 3 của Thông tư 68/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 quy định: "đ) Đối với các cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương, có nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2018 còn dư: UBND cấp tỉnh căn cứ nội dung hướng dẫn đối với các cơ quan, đơn vị do Trung ương quản lý theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này để quy định cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Trong đó, thẩm quyền quyết định sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư đối với cơ

quan hành chính, Đảng, đoàn thể do UBND cấp tỉnh quyết định; đối với đơn vị sự nghiệp công lập, giao UBND cấp tỉnh quy định cụ thể, đảm bảo tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập" Tuy nhiên, hiện nay Thông tư 46/2019/TT-BTC đã được ban hành hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 06/9/2019 lại không có quy định về nguồn cải cách tiền lương còn dư tại các đơn vị dự toán cấp 4 như tại Thông tư 68/2018/TT-BTC Do đó, kính mong Bộ Tài chính giải đáp cho các đơn vị một số vấn đề sau: Thứ nhất: Thông tư 46/2019/TT-BTC không có quy định về nguồn cải cách tiền lương còn dư tại các đơn vị dự toán cấp 4 như tại Thông tư 68/2018/TT-BTC thì hướng xử lý đối với nguồn cải cách tiền lương tại các đơn vị là như thế nào? Có được trình cấp có thẩm quyền để chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn, thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định hiện hành hay không? Nếu không được sử dụng thì với các đơn vị có nguồn cải cách tiền lương dư rất lớn so với nhu cầu để thực hiện cải cách tiền lương theo lộ trình thì có phải nộp lại ngân sách địa phương, bộ, ngành hay không? Thứ hai: Nếu thực hiện theo Thông tư 68/2018/TT-BTC, địa phương đã cho phép các đơn vị có nguồn cải cách tiền lương dư lớn sau khi có cam kết tự bảo đảm nguồn kinh phí của đơn vị để thực hiện điều chỉnh tiền lương tăng thêm theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền quyết định, thì được sử dụng nguồn còn dư để chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn, thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định hiện hành thì trong thời gian từ 01/01/2019 đến khi Thông tư 46/2019/TT-BTC có hiệu lực ngày 06/9/2019 các đơn vị có được sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của năm 2018 trở về trước để chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn hay không?

Trả lời:

1. Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 Thông tư 68/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối vơi cán bộ xã nghỉ việc theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ:

"1. Nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP trong năm 2018 của các bộ, cơ quan Trung ương:

...

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2017 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2018 (nếu có).

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2018 (phần còn lại sau khi đã sử dụng để thực hiện đến mức lương cơ sở 1,3 triệu đồng/tháng). Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%. Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

- Nguồn tiết kiệm chi gắn với thực hiện các giải pháp đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (từ định mức chi hoạt động, chi lương dành ra cho số biên chế được tinh giản, từ phần ngân sách nhà nước dành ra khi tăng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập và từ các giải pháp khác nếu có theo quy định).

...

Trường hợp sau khi bảo đảm nguồn kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở theo quy định tại Điều 2 Thông tư này mà nguồn thu dành để cải cách tiền lương còn dư lớn và có cam kết tự bảo đảm nguồn kinh phí của đơn vị để thực hiện điều chỉnh tiền lương tăng thêm theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền quyết định, thì được sử dụng nguồn còn dư để chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn, thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định hiện hành; kết thúc năm ngân sách, báo cáo cơ quan chủ quản để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính kết quả sử dụng nguồn kinh phí này.

2. Nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP , Nghị định số 88/2018/NĐ-CPtrong năm 2018 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

...

đ) Đối với các cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương, có nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2018 còn dư: UBND cấp tỉnh căn cứ nội dung hướng dẫn đối với các cơ quan, đơn vị do Trung ương quản lý theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này để quy định cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Trong đó, thẩm quyền quyết định sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư đối với cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể do UBND cấp tỉnh quyết định; đối với đơn vị sự nghiệp công

lập, giao UBND cấp tỉnh quy định cụ thể, đảm bảo tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập."

2. Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban chấp hành trung ương Đảng về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và Nghị định số Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019, hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã nghỉ việc theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ (có hiệu lực thực hiện từ ngày 06/9/2019). Tại Điều 3 Thông tư số 46/2019/TT-BTC đã quy định nguồn thực hiện cải cách tiền lương đối với các đơn vị sự nghiệp:

- Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2019 tăng thêm so với dự toán năm 2018.

- Sử dụng 50% phần ngân sách nhà nước giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập (do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập).

- Sử dụng nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2018 chưa sử dụng hết chuyển sang (nếu có).

- Sử dụng nguồn còn dư (nếu có) sau khi bảo đảm nhu cầu điều chỉnh tiền lương đến mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng/tháng, từ các nguồn: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2017; tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2018 tăng thêm so với dự toán năm 2017; Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2019; riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%.

- Các đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên, các cơ sở giáo dục đại học công lập tiếp tục được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện tự chủ theo tinh thần của Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017: Đơn vị được quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập để tạo nguồn thực

hiện cải cách tiền lương và tự bảo đảm nguồn kinh phí điều chỉnh mức tiền lương cơ sở từ nguồn thu của đơn vị, bao gồm cả nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2018 chưa sử dụng (nếu có).

3.Đồng thời, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 46/2019/TT-BTC quy định: Thông tư 68/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018, điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối vơi cán bộ xã nghỉ việc theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày thông tư này có hiệu lực thi hành.

Căn cứ các quy định nêu trên:

- Trước ngày 06/9/2019, đối với nguồn cải cách tiền lương của các đơn vị sự nghiệp công lập hết năm 2018 còn dư lớn và có cam kết tự bảo đảm nguồn kinh phí của đơn vị để thực hiện điều chỉnh tiền lương tăng thêm theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền quyết định, thì được sử dụng nguồn còn dư để chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn.

- Đối với nguồn thực hiện cải cách tiền lương của các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019 (bao gồm cả nguồn nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2018 chưa sử dụng hết chuyển sang) thực hiện theo quy định tại Điều Điều 3 Thông tư số 46/2019/TT-BTC

Câu hỏi 18:

Hiện nay tôi đang công tác tại Sở Tài chính Đồng Nai. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có một số khó khăn, vướng mắc. Kính đề nghị Bộ Tài chính quan tâm có ý kiến hướng dẫn cụ thể như sau: UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định thành lập nhiều Hội đồng (trong đó có Hội đồng Thi đua- khen thưởng và Tổ giúp việc; Hội đồng thẩm định giá đất và Hội đồng thẩm định giá nhà nước...), Ban chỉ đạo (trong đó có Ban chỉ đạo Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Đồng Nai…). Các Hội đồng và Ban chỉ đạo này đề nghị chi tiền công phục vụ công tác thẩm định của từng hồ sơ và tiền bồi dưỡng cho các thành viên Ban Chỉ đạo. Cụ thể: 1.1. Mức chi kinh phí bồi dưỡng thẩm định hồ sơ khen thưởng cho thành viên Hội đồng thi đua – khen thưởng và Tổ giúp việc đề nghị hỗ trợ cụ thể như sau: a) Chế độ bồi dưỡng nghiên cứu thẩm định hồ sơ: + Áp dụng cho từng thành viên Hội đồng: STT NỘI DUNG MỨC CHI 1 Cờ thi đua của

Chính phủ 15.000 đồng/hồ sơ 2 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, chiến sĩ thi đua toàn quốc 15.000 đồng/hồ sơ 3 Huân chương Lao động hạng Ba 30.000 đồng/hồ sơ 4 Huân chương Lao động hạng Nhì 45.000 đồng/hồ sơ 5 Huân chương Lao động hạng Nhất Huân chương đại đoàn kết Huân chương bảo vệ tổ quốc Huân chương dũng cảm 60.000 đồng/hồ sơ 6 Từ Huân Chương Độc lập các hạng Huân chương Sao vàng Huân chương Hồ Chí Minh 150.000 đồng/hồ sơ 7 Anh Hùng lao động, Anh hùng LLVT, chiến sĩ thi đua toàn quốc và các Danh hiệu vinh dự Nhà nước khác 300.000 đồng/hồ sơ + Áp dụng cho chuyên viên giúp việc thành viên Hội đồng: mức bồi dưỡng bằng một nửa (1/2) thành viên Hội đồng. b) Chế độ họp Hội đồng: STT NỘI DUNG MỨC CHI 1 Bồi dưỡng thành viên dự họp 100.000 đồng/lần họp 2 Bồi dưỡng cán bộ, chuyên viên giúp việc cho thành viên Hội đồng 50.000 đồng/lần họp 1.2. Hội đồng thẩm định giá đất và Hội đồng thẩm định giá nhà nước đề nghị hỗ trợ cụ thể như sau: - Chi công tác thẩm định giá: 40.000 đồng/dự án/1 thành viên tham gia dự họp. - Chi công lao động phục vụ công tác thẩm định giá (Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, Văn thư, pho to, kế toán, thủ quỹ của Sở Tài chính): 20.000 đồng/dự án, chi công lao động khác có liên quan đến công tác thẩm định giá: 10.000 đồng/dự án. 1.3. Ban chỉ đạo Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Đồng Nai đề nghị hỗ trợ cụ thể như sau: - Trưởng ban, các Phó trưởng ban Ban chỉ đạo: 400.000 đồng/người/tháng. - Ủy viên thường trực, Chủ nhiệm các Chương trình, Tổ trưởng, Tổ phó giúp việc: 350.000 đồng/người/tháng. - Thành viên Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc, Thư ký: 300.000 đồng/người/tháng. Vì hiện nay qua rà soát không có quy định cụ thể hướng dẫn chi các nội dung này. Kính đề nghị Bộ Tài chính quan tâm có ý kiến hướng dẫn đối với các mức chi này có phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem quyết định theo quy định tại Điều 21 Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: "Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao

động – Thương binh và xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp" hay không? Trường hợp UBND tỉnh có văn bản cá biệt hoặc Quyết định quy định mức chi này thì có được chi không?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước: *"Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách...*

Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp.

Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định ban hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan chế độ chi ngân sách đặc thù ở địa phương để tổng hợp và giám sát việc thực hiện".

Như vậy, đối với các nội dung chi đã có mức chi được cấp có thẩm quyền quy định tại các Văn bản cụ thể, thì thực hiện theo quy định tại các Văn bản đó; đối với các nội dung chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, do HĐND cấp tỉnh quyết định. Việc UBND tỉnh có văn bản cá biệt hoặc Quyết định quy định mức chi này là chưa phù hợp với quy định của Luật NSNN, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Câu hỏi 20

"Theo quy định tại khoản 4, điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP hướng dẫn sử dụng kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa có quy định "Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông,

thủy lợi trên đất trồng lúa". Hiện nay trên địa bàn các xã hàng năm đều được nhận nguồn kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa để duy tu, nạo vét các tuyến kênh phục vụ tưới tiêu và vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện vận tải thủy của nông dân. Tuy nhiên do yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, người nông dân có nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện cơ giới, do đó việc kiên cố hóa các mặt đê trên vùng đê bao đất trồng lúa để phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa trong nông nghiệp là rất cần thiết. Để đảm bảo sử dụng nguồn kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, xin hỏi Bộ Tài chính việc sử dụng nguồn kinh phí này để làm bê tông các tuyến đê trên vùng đê bao đất trồng lúa có đúng quy định không ?" Bộ Tài chính đã trả lời: Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ: "Ủy ban nhân dân các cấp sử dụng kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước nộp và nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Nghị định này để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phù hợp điều kiện của địa phương: ... 4. Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa". Như vậy, trường hợp đê bao đất trồng lúa của địa phương nằm trong quy hoạch, kế hoạch kiên cố hóa mặt đê được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì địa phương được sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước nộp và nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ để làm bê tông các tuyến đê trên vùng đê bao đất trồng lúa. Nay xin hỏi bổ sung thêm nội dung trên: "sau khi các vùng đê bao đã được bê tông trên các mặt các tuyến đê, thì việc kết nối giữa các vùng sản xuất lúa với nhau lại thành một vùng sản xuất lớn cần phải xây dựng các cầu giao thông để kết nối giữa các vùng sản xuất lúa với các tuyến đường chính (quốc lộ, tỉnh lộ, hương lộ,...) để phục vụ vận chuyển hành hóa, vật tư cho sản xuất nông nghiệp. Do đó để đảm bảo sử dụng nguồn kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, xin hỏi Bộ Tài chính việc sử dụng nguồn kinh phí này để xây dựng các cầu giao thông nhằm kết nối các vùng đê bao trên vùng đất trồng lúa có đúng quy định của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP hay không ?"

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 14/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý sử dụng đất trồng lúa: Ủy ban nhân dân các cấp sử dụng kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước nộp và nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, địa phương sẽ quyết định thực hiện các việc sau:

i) Hỗ trợ cho người trồng lúa

Sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí dùng hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

ii) Phần kinh phí còn lại để thực hiện một số việc; trong đó có nội dung đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa.

Như vậy, trường hợp cầu giao thông nhằm kết nối các vùng đê bao trên vùng đất trồng lúa đảm bảo theo quy định nêu trên thì các địa phương được sử dụng kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa để thực hiện.

GIẢI ĐÁP NHỮNG VƯỚNG MẮC DÀNH CHO KẾ TOÁN GIAO DỊCH QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung
Giám đốc – Tổng biên tập
PHAN NGỌC CHÍNH

Biên tập:
Nguyễn Văn Dương

Trình bày bìa:
Thu Oanh

Đơn vị liên kết: Công Ty TNHH phát hành sách báo Tài chính
Địa chỉ: Số 21, ngõ 54, Phố Ngũ Nhạc, quận Hoàng Mai-TP.Hà Nội

In 1.000 cuốn, khổ 19x27cm tại Công ty TNHH IN HÀ NỘI MỚI
Địa chỉ: Xóm 6, Nga An, Nga Sơn, Thanh Hóa
Số xác nhận ĐKXB: 492 -2021/CXBIPH/7-11TC.
Số QĐXB: 29/QĐ-NXBTC
Mã ISBN: 978-604-79-2704-3. In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 2021